

VIÊN GIÁC



SỐ NR 204 TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2.558 NĂM THỨ 36 - THÁNG 12 NĂM 2014 JAHRGANG 36. DEZEMBER 2014 - AUSGABE IN VIETNESISCH



Chúc Mừng Năm Mới

*Thành Tâm Kính Chúc
Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Quý Đạo Hữu Phật Tử
Và Độc Giả Báo Viên Giác
Khắp Nơi trên Thế Giới
Một Năm Ất Mùi
Được Kiết Tường Như Ý*

*- Chùa Viên Giác
- Báo Viên Giác*



Năm 2014 này có nhiều sự kiện quan trọng, nên báo Viên Giác đã xuất bản 2 lần dày gần 200 trang để kỷ niệm 35 năm báo Viên Giác đã hiện hữu trên thế giới này và cũng là năm kỷ niệm 50 năm xuất gia hành đạo của Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác. Số 204 này cũng là số Tết của năm Ất Mùi, nên số trang cũng gấp đôi số bình thường như đã xuất bản bấy lâu nay.

Khi quý vị cầm tờ báo trên tay, có thể nhiều người ít lưu tâm đến sự hình thành của một tờ báo. Vì nghĩ rằng mình đã đóng 20 hay 30 Euro cho một năm báo, thì báo được gửi tới nhà là chuyện đương nhiên của Tòa Soạn; nhưng đâu có ai biết rằng phải trải qua bao nhiêu công đoạn, một tờ báo mới được hình thành. Mặc dầu ngày nay không tốn nhiều thời gian đánh máy hay layout bài vở như xưa

nữa; nhưng sự gia tâm, lưu ý từng câu văn, từng ý nghĩ, từng nội dung và hình thức của bài viết được gửi đến, Đạo hữu Chủ Bút phải tốn rất nhiều thời gian mới có thể hoàn thiện được. Khâu phát hành, gửi báo đi ngày nay tương đối nhanh và gọn. Tất cả đều do nhà in của Đức đảm trách; nên chúng ta không phải tốn công sức nhiều. Tuy nhiên tiền cước gửi cho mấy ngàn số báo càng ngày càng tăng chứ chưa bao giờ giảm. Thế nhưng về số tiền ủng hộ của quý vị, Tòa Soạn không dám đề nghị tăng thêm. Vì lẽ đồng tiền càng ngày càng mất giá mà lương bổng cũng lại chẳng tăng lên. Đôi khi cũng có nhiều vị Phật tử đóng góp gấp nhiều lần và xem đó như là sự ủng hộ thêm vào cho tờ báo, để Viên Giác được sống còn. Ân nghĩa ấy chúng tôi xin mãi mãi trân quý.

Viên Giác là một trong những tờ báo Đạo ở ngoại quốc có tuổi thọ tương đối cao, sắp bước sang tuổi thứ 36 rồi. Đây là một niềm vui và sự hãnh diện của Ban Biên Tập cũng như của Hòa Thượng sáng lập Chủ Nhiệm. Đứa con tinh thần này của người Phật tử Việt Nam tại Đức nói riêng cũng như khắp nơi tại hải ngoại nói chung sẽ luôn sát cánh với lý tưởng tự do, cao quý tuyệt vời này và nguyện trung thành với Dân Tộc cũng như Đạo Pháp dầu cho bao nhiêu chướng duyên nghịch cảnh có xảy ra đi chăng nữa, thì Viên Giác vẫn không thay lòng đổi dạ và nhất là thay đổi lập trường hay đường lối chủ trương cố hữu như trong suốt hơn 35 năm qua Viên Giác đã song hành cùng với quý vị độc giả xa gần đây đó. Tòa Soạn chỉ mong một điều là quý độc giả luôn quan tâm trợ lực và Ban Biên Tập luôn mãi còn năng lực cũng như sức khỏe để tiếp tục con đường văn hóa của mình. Chỉ ngần ấy thôi cũng đã đầy đủ lắm rồi.

Năm nay (2014) nước Đức kỷ niệm 25 năm thống nhất sơn hà và ngày 9 tháng 11 vừa qua nước Đức cũng đã kỷ niệm đúng 25 năm bức tường ô nhục ngăn chia Đông Tây Đức đã bị sụp đổ bởi chính ý thức của người dân ở phía Đông đã quá đủ, khi tư tưởng và đường lối của người cộng sản Đông Đức không còn thích hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại nữa; nên họ đã tự đập tường và tìm về hai chữ Tự Do thật sự của nó. Trong khi đó, người Việt Nam của chúng ta cũng thống nhất đất nước sau năm 1975, tính đến nay cũng đã gần 40 năm rồi; nhưng so với thế giới, mọi việc đều bị băng hoại dưới sự cai trị của người cộng sản, kể từ văn hóa cho đến tôn giáo, từ kinh tế cho đến xã hội v.v... tất cả đều bị đổ nát và bị kéo lùi lại hằng

mấy chục năm so với các nước láng giềng như Singapore, Thái Lan, Mã Lai v.v... đó là chưa nói đến Nhật Bản và Nam Hàn. Người Việt Nam trong nước, sống với cái sĩ diện không cần thiết, lớn hơn là thực tế của nó. Ví dụ sự giàu nghèo chênh lệch quá xa dưới một thể chế lấy của cải cộng chung vào để chia đều. Thế mà nhà ai nấy ở, khổ ai nấy chịu, đâu có ông to bà lớn nào chia xẻ sự khổ sở với nhân dân bằng tài sản riêng của mình đâu. Bằng cấp, địa vị cũng chạy chọt với cấp trên, miễn sao mình được nhiều tư lợi, trong khi thực chất chẳng được gì cho quốc gia, xã hội hay sơn hà xã tắc.

Nhìn đất nước, con người, xã hội, giáo dục, tôn giáo v.v... tại nước Đức được phát triển đồng bộ cho hơn 85 triệu người kể cả hai miền Đông Tây sau ngày thống nhất mà cảm thấy tủi thân cho con người Việt Nam, cho đất nước Việt Nam. Chúng ta cũng có một diện tích và số dân tương đương như nước Đức, nhưng tại sao chúng ta phải cần đến hàng mấy chục năm nữa, chưa chắc gì theo kịp sau lưng họ. Đây chính là trách nhiệm của những người lãnh đạo đất nước phải thấy xa nhìn rộng nhiều hơn nữa, thì con người và đất nước Việt Nam của chúng ta mới được nhờ. Những thuở xa xưa khi Việt Nam hay Trung Quốc còn Vua Chúa trị vì, họ vẫn hay chủ trương rằng: Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh (dân là quý, xã tắc tiếp sau, vua là nhẹ); còn ngày nay miệng thì hô hào dân chủ, tài sản cộng chung, đại đồng v.v... nhưng tất cả cũng chỉ là những câu khẩu hiệu không có hồn thì làm sao cái hồn của dân tộc Việt có thể tồn tại nơi ấy được.

Những nhân vật nhận được những giải thưởng Nobel là những người đặc biệt, phải được nhân loại trân quý. Năm nay tại Oslo Na Uy có cô bé Malala Yousafzai chưa đến 20 tuổi, người gốc A Phú Hãn cũng được nhận giải thưởng Hòa Bình này. Nó chỉ là những việc đơn thuần mà Cô Bé đã nói lên được tiếng nói chân thật của những con người ham học và chỉ chính nhờ giáo dục, con người mới có thể thoát ra khỏi sự dốt nát nghèo nàn. Vì bản chất của cái nghèo nó không là một tội lỗi. Cái tội to lớn nhất là những người lãnh đạo không xứng đáng mà cứ đề đầu cỡi cổ lên người dân để tham đắm chức quyền. Thế giới vinh danh tư tưởng này, nên mới chọn Cô ta là người đại diện cho tầng lớp bị áp bức đó. Hy vọng một mai đây những chế độ độc tài quân phiệt, cộng sản v.v... sẽ chấp nhận được chân lý này và hãy tự giải thể mình rời khỏi chiếc ghế quyền lực, không cần phải chờ người dân lật đổ, lúc đó mới chịu buông tha. Đến khi ấy thì đã muộn lắm rồi. Hình ảnh của ông Honecker của Đông Đức cách đây 25 năm về trước là một bài học rõ ràng nhất.

Tại nước Đức suốt trong những năm qua, đâu đâu cũng có những Đạo Tràng tổ chức Tu Học Bát Quan Trai Giới hay Phật Thất trong nhiều ngày. Đây chính là những nhân tố phát huy được nền Đạo Học Đông Phương của chúng ta cho người Việt cũng như người Đức. Đây mới chính là sức sống, sự trường cửu của lãnh vực tinh thần mà người con Phật luôn trân quý cũng như muốn giữ gìn. Con người khi sinh ra chẳng ai biết trước được rằng mình sẽ giàu có hay nghèo nàn; nhưng có một điều chắc chắn chúng ta có thể biết được rằng chúng ta đang hiện hữu và chính nhờ sự hiện hữu ấy chúng ta sẽ tiếp tục dần thân trên mọi nẻo đường thì tương lai sẽ rực rỡ. Chỉ đơn giản có thể thôi. Vì chúng ta luôn biết rằng: quá khứ đã trôi qua, không thể nào sửa đổi được lại nữa. Chỉ có hiện tại, nếu chúng ta biết vun bồi, thì chắc rằng tương lai sẽ tốt đẹp. Do vậy, chúng ta cần nỗ lực cho sự tu tập ngay từ bây giờ, thì đó là cách hay nhất để chúng ta tỏ rõ tấm lòng muốn đền ơn Tam Bảo thật sự. Đây cũng là một trong bốn ân nặng mà người con Phật chắc chắn sẽ không bao giờ quên.

Mong rằng tất cả chúng ta sẽ thể hiện được những điều này qua cung cách sống hằng ngày của chúng ta.

● **Ban Biên Tập Báo Viên Giác**

Pháp sư Hui Shen và phái đoàn truyền bá Phật Giáo đến Châu Mỹ trước ông Columbus



Nguyên tác Anh Ngữ: V.G.Nair
Thích Nguyên Tạng (dịch)

Những thế kỷ đầu của Tây lịch đã được đánh dấu bằng hoạt động truyền bá Phật giáo mạnh mẽ vượt quá biên giới Ấn Độ. Tiếp tục truyền thống hoằng pháp của thời vua A Dục, các nhà sư Phật giáo từ Tích Lan, Nam Ấn, đặc biệt là Kanchipuram, miền Trung và Bắc Ấn đã tham gia từ thiên niên kỷ đầu Tây lịch vào việc truyền bá lời Phật dạy đến những miền đất xa xôi như Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam và một số quốc gia khác. Những vị sư này mang theo họ những hình tượng, ngọc xá lợi và một vài bản kinh chép tay.

Trong nhiều trường hợp, các vị này thông thạo những ngôn ngữ của những quốc gia họ đến lưu trú và chuyển dịch nhiều kinh Phật từ tiếng Pali và Sanskrit ra những tiếng ấy. Những kỳ tích, những thử thách và gian truân của các nhà truyền giáo tiên phong này đã được ghi nhận trong những bia ký và văn học của các quốc gia mà họ truyền bá. Số mệnh của họ ở nước ngoài đã để lại dấu ấn trên nền văn hóa của những nước họ đã từng sống.

Dù Ấn Độ là nơi phát sinh ra Phật giáo và chúng ta đã có một nền văn học Phật giáo vĩ đại được tích lũy qua nhiều thế kỷ và đã lưu truyền đến ngày nay, chúng ta vẫn không tìm thấy trong đó bất cứ lời ám chỉ nào về những hoạt động truyền bá Phật giáo ở ngoài vùng Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Nhưng kỳ thực, dường như những nhà sư Phật giáo đã đến những hòn đảo Thái Bình Dương và Châu Mỹ.

Chaman Lan và một số học giả Hoa Kỳ cho rằng không phải ông Columbus đầu tiên tìm ra Châu Mỹ mà chính những người di dân Hindu từ Ấn Độ. Lý luận mới lạ này được dựa vào một số truyền thống thịnh hành ở Trung Mỹ và Mexico. Nhưng giả thiết này thiếu sự ủng hộ của bằng chứng văn học. Tuy nhiên chúng ta cũng có ít nhất là một điểm được ghi lại trong lịch sử Trung Hoa nói đến một đoàn tu sĩ Phật Giáo đến Châu Mỹ vào thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch và đã đưa Phật Giáo vào dạy cho những người dân ở đó.

PHÁI ĐOÀN CỦA PHÁP SƯ HUI SHEN **(Huệ Thần, Hội Thần?)**

Mặt khác, hai học giả Mỹ và học giả người Canada đưa ra ánh sáng những hoạt động của phái đoàn Phật Giáo đến Trung Mỹ và Mexico khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Những khám phá của các học giả này không chỉ được dựa vào biên niên sử của Trung Hoa mà còn căn cứ theo những truyền thống và tập quán tôn giáo đang hiện hữu ở Trung Mỹ và Mexico. Đó là một câu chuyện gây chấn động: nó thêm một chương mới vào lịch sử Phật giáo và những mối quan hệ văn hóa Ấn-Mỹ cổ đại.

Theo giáo sư John Fryer thuộc Đại Học đường California, một nhà sư Phật giáo tên là Hui Shen trong tiếng Trung Hoa và bốn vị khác người gốc Kabul ở Afganistan đã viếng thăm Trung Mỹ và Mexico vào năm 458 sau Tây lịch với mục đích truyền dạy giáo lý của Đức Phật. Phái đoàn tách ra làm hai chi bộ riêng biệt đến Trung Mỹ tiến hành công việc hoằng pháp trên 40 năm. Sau khoảng thời gian 40 năm, Pháp sư Hui Shen, vị trưởng đoàn và cũng là một thành viên của giáo đoàn ấy, đã đơn độc trở về Trung Quốc năm 499 (sau Tây lịch).

Người ta không biết phái đoàn khởi hành từ Kabul vượt đất liền đến Trung Hoa và từ đó đến Trung Mỹ bằng đường biển hay là đến một trong những hải cảng Ấn độ từ Kabul và rồi sau đó giông buồm đi đến bờ biển Thái Bình Dương. Người ta đặt giả thuyết rằng đoàn trước tiên đến Trung Quốc, từ đó họ giông buồm để tới Trung Mỹ. Vào thời điểm đó Trung Hoa là trung tâm nổi tiếng về những hoạt động truyền bá Phật giáo ở châu Á. Cho dù thời ấy phái đoàn đã theo lộ trình nào đi nữa, thì Pháp sư Hui Shen trong chuyến trở về cũng đã đến Kinh Châu, thủ đô nhà Tề nằm trên bờ sông Dương Tử. Ngài phải chờ đến ba năm để xin yết kiến vị Hoàng Đế và tâu trình về những hoạt động của mình ở Trung Mỹ, nhưng Ngài không thể nào diện kiến với vua được, vì nội chiến đang lan tràn ở đất nước này. Mãi đến năm 502 sau Tây lịch, Pháp sư Hui Shen mới được yết kiến vua Võ Đế của tân triều đại nhà Lương và trình lên nhà vua tất cả những Phật sự của giáo đoàn đã thực hiện ở Trung Mỹ.

CÁC CÂU CHUYỆN ĐƯỢC GHI LẠI TRONG LỊCH SỬ

Theo sử ký Trung Quốc, hình như Pháp sư Hui Shen không phải người Trung Hoa nên không nói được tiếng Hoa thông thạo, và vua Võ Đế đã tiếp ngài như một vị sứ thần từ Trung Mỹ đến, vì rõ ràng quốc tịch của ngài là ở nước ngoài. Pháp sư Hui Shen đã dâng lên Hoàng Đế những món hàng lạ kỳ, những thứ ngài đã mang về từ Trung Mỹ và xứ Mexico. Vua Võ Đế là một người mộ đạo Phật, lại là một thí chủ hộ pháp, đã quan tâm đặc biệt đến chuyến hành trình của Pháp sư Hui Shen và để cử vị thân vương Du Kỳ thăm vấn Pháp sư Hui Shen chi tiết về phái đoàn của ngài đến châu Mỹ, rồi sau đó tưởng trình đầy đủ về những hoạt động của ngài ở xứ lạ kia. Vì thế bản tường trình của Pháp sư Hui Shen đã được thực hiện và đưa vào văn khố của nhà Lương rồi lưu truyền đến ngày nay, được sự xác nhận đầy đủ của sử gia Trung Hoa lừng danh là Mã Đoan Lâm (sử gia đời Tống, viết "Văn Hiến Thông Khảo", ghi chú của dịch giả).

Trong khi tiếp chuyện với vị thân vương Du Kỳ. Pháp sư Hui Shen trình rằng giáo đoàn gồm năm tăng sĩ Phật giáo trong đó có ngài, đã đến châu Mỹ dưới thời vua Minh Đế của triều đại nhà Tống (420 - 589) trong

khoảng 458 sau TL. Các nhà sư mang theo hình tượng, ngọc xá lợi và kinh sách. Thời ấy đất Mỹ chưa biết đến đạo Phật, phái đoàn đã thành công và họ đã có thể truyền cụ túc giới cho các Tăng sĩ trong số người dân ở đó. Phái đoàn đi dọc theo quần đảo Kurile và đảo Aleutian đến Alaska. Họ khởi hành từ vùng Kamchatka, vùng này đã được người Trung Hoa thời ấy biết đến. Pháp sư Hui Shen miêu tả rất sinh động cái xứ sở đã được vùng Viễn Đông biết đến với tên Fusan ấy, những tập quán và phong cách của người bản xứ và nói rằng xứ ấy cách khoảng 2.000 dặm đến 6.500 dặm về miền đông Kamchatka và cũng là phía đông của Trung Hoa, rõ ràng nhóm người ấy đã thực hiện một chuyến hải trình trên một chiếc thuyền không mui hoặc một chiếc xuồng nhỏ.

Sau khoảng 40 năm, không biết vì lý do nào đó, Pháp sư Hui Shen đã bị người thổ dân ngược đãi và khi cuộc sống của ngài bị đe dọa, ngài biến mất khỏi đất nước này. Nhưng ngài đã để lại vài dòng chữ khắc trên vách đá. Ở Magdalana thuộc Mexico, có một pho tượng được dựng lên để tưởng nhớ ngài với tên tuổi được khắc vào đó. Ở Trung Mỹ có bằng chứng về truyền thống lẫn khảo cổ chứng tỏ rằng những thành viên kia của phái đoàn đã đi theo một tuyến đường khác đến Trung Mỹ và tiến hành việc hoằng pháp ở đó. Pháp sư Hui Shen quay lại Trung Hoa một mình và không ai biết gì về những thành viên còn lại của phái đoàn ấy nữa.

Bằng chứng này từ văn học Phật giáo Trung Hoa được hỗ trợ với những phong tục tập quán, những nghi lễ, những cổ vật được tìm thấy ở Trung Mỹ mở rộng suốt hướng đi xuống tận những bờ biển Thái Bình Dương từ Alaska đến Mexico và cả những địa phương khác nằm trên đất liền, để lộ những ảnh hưởng của Phật giáo tại đó.

NHỮNG TẬP QUÁN TÔN GIÁO

Khi nói về tầm ảnh hưởng lan rộng của văn hóa Ấn Độ đến tận Trung Mỹ và Mexico, giáo sư John Fryer nói: "Những tập quán tôn giáo và tín ngưỡng của xứ Mexico, Yucatan và Trung Mỹ, cùng với lối kiến trúc niên lịch, nghệ thuật và nhiều thứ khác được người Tây Ban Nha khám phá khi họ chinh phục Châu Mỹ, chứng tỏ cho thấy có sự trùng hợp hết sức kỳ lạ về những nét đặc biệt giữa phong tục tín ngưỡng Châu Mỹ với phong tục tín ngưỡng Châu Á, khiến người ta ngạc nhiên và nghĩ rằng ảnh hưởng Đạo Phật đã lan đến Châu Mỹ thời ấy. Những sự trùng hợp như vậy nhiều đến nỗi những nhà nghiên cứu độc lập chưa từng biết gì đến câu chuyện Pháp sư Hui Shen cũng tin rằng ắt hẳn đã có mối liên hệ nào đó giữa Mỹ và Châu Á từ đầu kỷ nguyên Tây lịch".

Giáo sư Edward P. Vining ở San Francisco, người nghiên cứu về vấn đề này đã nêu ra ba mươi lăm sự trùng hợp nổi bật để chứng tỏ sự hiện diện của Phật giáo và văn hóa Ấn ở Trung Mỹ và Mexico trong những thế kỷ đầu của Tây lịch. Theo ông những sự trùng hợp rõ ràng như vậy cho thấy cả Phật giáo và Ấn Độ giáo đã được truyền vào Trung Mỹ trong một thời gian dài trước khi người Tây Ban Nha đến đó. (Do nhà hàng hải Columbus dẫn đầu chuyến công du cho triều đình Tây Ban Nha đã khám phá ra Châu Mỹ vào tháng 10 năm 1492).

Một nguồn thông tin giá trị nữa liên quan đến việc Pháp sư Hui Shen và đoàn truyền giáo của ngài đến châu Mỹ, đó là hai học giả Canada, giáo sư John Murray

Gibbon và Tom Mac Innes đã công nhận việc khám phá Châu Mỹ của Pháp sư Hui Shen. Theo họ thì pháp sư Hui Shen đã băng qua Thái Bình Dương trong một chiếc thuyền Trung Hoa. Ngài đến Vancouver (Canada) khoảng năm 499 sau Tây lịch. Giáo sư Gibbon trích lời của một nhà Địa Lý thời đại Geogre III, người nghiên cứu vấn đề đóng góp của Trung Hoa đối với hải trình xuyên Thái Bình Dương. Giáo sư Mac Innes nói rằng pháp sư Hui Shen đã trải qua mùa đông ở đảo Nootka, Canada, nơi ngài để lại ba tăng sĩ truyền giáo. Những đồng tiền Trung Hoa thuộc triều đại nhà Tấn được tìm thấy ở đó vào năm 1876. Tàn tích những ngôi chùa Phật giáo được khám phá ở Mexico, trong tiểu bang Somara nằm trên bờ biển Thái Bình Dương và gần thành phố Ures, cũng trong tiểu bang ấy, cùng với một pho tượng Phật có khắc những hàng chữ Trung Hoa.

Sự kiện Pháp sư Hui Shen và đoàn truyền giáo của ngài đến từ Kabul và việc ngài không thông thạo tiếng Trung Hoa, cho ta giả thuyết rằng ngài có thể là tu sĩ người Ấn Độ hoặc người gốc Kabul, vốn là một phần của Ấn Độ vào thời đó. Kabul cũng được gọi là Cophen Kiplin, Kandahar hay Balk trong vùng Gandhara bây giờ được sát nhập với Afghanistan và thời ấy đã là một trung tâm truyền bá Phật giáo. Một tăng sĩ nổi tiếng của Kabul, người đến Trung Hoa trong khoảng thế kỷ thứ tư sau Tây lịch và phiên dịch nhiều kinh Phật ra tiếng Trung Hoa là ngài Chúng Thiên (Sanghadeva, Tăng-già-đề-bà). Mặc dù ngày nay Pháp sư Hui Shen được biết với cái tên Trung Hoa, rất có thể ngài đã là người Ấn gốc Ấn Độ hay Kabul đến vậy.

Thích Nguyên Tạng

*dịch theo tài liệu: V. G. NAIR,
Realist Buddhist, Malaysia, 1992*

PHÂN ƯU



Được tin buồn

Ông Triệu Xương

**đã thuận theo lẽ vô thường đi về cõi Phật
ngày 18. 10. 2014 tại Nữ Úc, Hoa Kỳ,
thượng thọ 84 tuổi.**

**Gia đình chúng tôi xin thành thật chia buồn
cùng Bà Phan Kim Liên và các cháu cùng toàn
thể tang quyến, đồng thời nguyện cầu Hồng
Ân Tam Bảo gia hộ hương linh ông Triệu
Xương sớm siêu thăng về cõi Phật A Di Đà.**

Thành Kính Phân Ưu

**Gđ. Nguyễn Thị Hiền và Nguyễn Hòa
Hamburg/Đức Quốc**

Nghệ Thuật Hạnh Phúc trong thế giới phiền não

The Art of Happiness in a Troubled World

Tác giả:

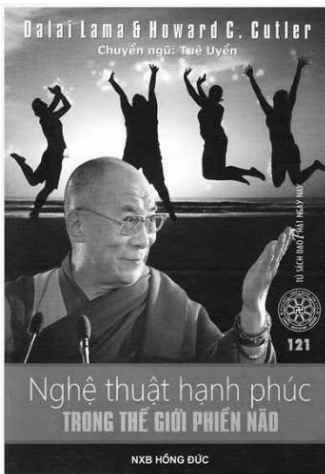
Đức Đạt Lai Lạt Ma và Howard C. Cutler
Tuệ Uyển chuyển dịch

PHẦN HAI

BẠO ĐỘNG CHỐNG LẠI ĐỐI THOẠI

Chương 6

THĂM LẠI BẢN CHẤT CON NGƯỜI



Vào buổi sáng ngày 11 tháng 9 năm 2001, những sự kiện hiện ra đã thay đổi thế giới. Khi Trung Tâm Thương Mại Thế Giới sụp đổ ở New York, Đức Đạt Lai Lạt Ma ngủ yên bình trong phòng ngủ bình dị của ngài trên ngọn đồi của núi non vùng Bắc Ấn. Buổi sáng ấy, ngài đã dậy vào giờ giấc thường lệ của ngài lúc 3 giờ 30 sáng, nhẹ nhàng rũ bỏ

giấc ngủ trong tâm tư của ngài, và lúc 4 giờ sáng bắt đầu nghi thức hàng ngày như một thầy tu Phật Giáo, với bốn giờ liền cho cầu nguyện và thiền quán. Vì vậy khi lời kêu gọi oang oang cho một cuộc chiến tranh mới đang vang động ở Hoa Kỳ, thì Đức Đạt Lai Lạt Ma đang thiền tọa sâu lắng, âm thanh duy nhất là tiếng lộp độp của cơn mưa mùa nhẹ nhàng rơi trên mái thiếc trong khu tịnh thất của ngài, trong khi bên ngoài một không khí hòa bình và tĩnh lặng bao phủ khắp ngôi làng miền núi xa xôi này, vẫn trầm trong bóng đêm của thời khắc ấy.

Không lâu sau ngày 11/9, tôi đã trở lại Dharmasala để tái tục những thảo luận của chúng tôi. Gần một năm từ khi chúng tôi gặp gỡ nhau trong phòng này, và dường như không có gì thay đổi trong thời gian qua. Trong thực tế, không có gì dường như thay đổi trong hai thập niên qua mà tôi đã và đang viếng ở đây: nó có cùng cảm giác rộng rãi và hòa bình, cùng phẩm chất của cõi mở được tạo nên bởi những cánh cửa sổ rộng lớn, một phía đối diện những ngọn núi phủ tuyết, phía kia giáp mặt thung lũng Kanga sum suê mở rộng phía xa bên dưới. Cùng những bức tranh Thangka, những cuốn thư họa Phật Giáo về Bồ Tát Tara, trong khung thêu kim tuyến, treo trên những bức tường màu vàng vây quanh. Cùng bức bản đồ Tây Tạng từ sàn lên tới trần nhà bao phủ trên tường, và cùng điện Phật trang hoàng với những biểu tượng, Phật tượng, bát cúng đẹp đẽ, và đèn bơ, duy trì nơi đây luôn luôn là như thế. Ngay cả chiếc ghế bọc

nhung giản dị của Đức Đạt Lai Lạt Ma và chiếc ghế dài đối xứng mà tôi ngồi trên đây, cả hai được bố trí chung quanh một chiếc bàn cà phê dài, rộng sơn đỏ, hiện hữu cũng giống như bấy lâu nay.

Không, không có thay đổi gì nhiều ở đây, tôi nghĩ, khi tôi nhìn chung quanh căn phòng. Trong thực tế, khi những thập niên trôi qua, như mà tôi có thể nói, những thay đổi duy nhất có thể thấy đã xảy ra trong phòng kể bên, phòng dành riêng cho những vị khách chờ đợi để diện kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma – khi năm tháng trôi qua, những bức tường đã được phủ đầy ngày càng nhiều với những phần thưởng, bằng đại học danh dự, bằng danh dự, huy chương và thẻ bài. Nhưng thế giới bên ngoài đã thay đổi. Những tháng từ cuộc gặp gỡ sau cùng của tôi với Đức Đạt Lai Lạt Ma, cuộc tấn công khủng bố 11 tháng Chín đã xảy ra – và một lần nữa những sự kiện thế giới đã nhắc nhở chúng ta về những thứ ác độc dữ dội và kinh khủng mà con người có thể thực hiện thứ này đến thứ khác cho nhau.

Chúng tôi bắt tay vào buổi sáng ấy trong một khảo sát về phía đen tối của thái độ con người, những hành vi bạo động, sự thù hận, sự tàn bạo mà con người có thể giáng xuống cho nhau. Trong loạt thảo luận sau cùng, chúng tôi đã khảo sát về nguồn gốc của cung cách suy nghĩ nhị nguyên Chúng Ta chống lại Họ mà có thể đem đến việc phát sinh thành kiến và xung đột. Bây giờ chúng tôi trở lại sự chú ý của chúng tôi về những nguyên nhân của bạo động. Trong cố gắng để truy tìm nguyên nhân của những hành động xấu ác này đến cội nguồn của chúng, chúng tôi đã bắt đầu với câu hỏi nền tảng: „Có phải bạo động và kích động chỉ là một bộ phận tự nhiên cơ bản của con người hay không?“

Có Phải Căn Bản Tự Nhiên của Chúng Ta là Bạo Động hay không?

“Buổi sáng ấy,” Đức Đạt Lai Lạt Ma thuật lại chi tiết, nói về sự kiện 11 tháng Chín, “sau buổi thiền quán của tôi, người thị giả, Lobsang Gawa, đến phòng và báo cho tôi biết rằng Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở New York đã bị tấn công. Ông nói với tôi rằng tòa nhà đã hoàn toàn bị sụp đổ!”

“Phản ứng đầu tiên của ngài là gì?” tôi hỏi.

“Không tin. Tôi đã nghĩ như thế. Điều này không thể là sự thật! Tôi nghĩ ai đấy đang kể cho tôi một câu chuyện. Vì thế, tôi mở đài truyền thanh BBC và nghe khi họ thông tin về điều này. Rồi tôi mở sang đài truyền hình BBC và xem những máy bay đâm vào tòa nhà và tòa nhà sụp đổ trong lửa. Sau đó tôi biết đấy là sự thật. Tôi đã thấy người ta cố gắng tuyệt vọng để tránh bị thiêu sống, nhảy từ cửa sổ. Thật là đau buồn! Một sự tàn phá kinh khiếp như vậy! Thật là không thể nghĩ nổi. Không thể nghĩ nổi!”

“Thế thì phản ứng thứ đến của ngài là gì, sau khi ngài vượt qua khỏi sự không tin của ngài?”

Đức Đạt Lai Lạt Ma lắc đầu một cách buồn bã: “Nó tạo nên một sự nhắc nhở đầy uy lực về khả năng tàn phá của con người. Một sự thù hận kinh khủng như thế! Gần như vượt khỏi sự tưởng tượng của con người. Sau đó tôi cầu nguyện cho tất cả những nạn nhân vô tội và gia đình của họ”.

Nghĩ lại phản ứng của Hoa Kỳ đến cuộc tấn công ngày ấy – một sự giận dữ, một quyết định nhanh chóng,

năng động để đem thù phạm ra công lý – tôi hỏi “A! Khi người ta lưu tâm đến những khổ đau mà những kẻ khủng bố đó và những người như bin Laden đã đem đến cho hàng nghìn người vô tội, rằng con người có thể làm điều này đến những người khác, đôi khi nó có xói mòn niềm tin căn bản của ngài về tính tốt đẹp của con người, về bản chất tự nhiên của nhân loại không?”

“Không” Đức Đạt Lai Lạt Ma đáp lại, không mất một giây nào, “hoàn toàn không. Bởi vì mặc dù những hành vi kinh khiếp như vậy được thực hiện bởi một nhóm người, tôi vẫn tin tưởng vững chắc trên căn bản thánh thiện của con người, và ở cấp độ nền tảng, bản chất tự nhiên của chúng ta là tế nhị và không bạo động”.

Đây không phải là lần đầu tiên chúng tôi nói về bản chất tự nhiên của con người. Tôi nghĩ lại ngay lần đầu tiên mà chúng tôi đã thảo luận về chủ đề này, hơn một thập niên trước đây [1]. Tôi nhớ lại cái nhìn trực tiếp, sắc sảo và giọng nói nhất quán rõ rệt khi ngài nói, “Niềm tin vững chắc của tôi là bản chất tự nhiên của con người là yêu thương, tế nhị một cách thực chất. Đây là đặc trưng ưu thế của bản chất con người”. Quan điểm của ngài về đề tài này rõ ràng không thay đổi.

Mặc dù tôi đã cảnh giác trước về quan điểm lạc quan một cách căn bản của Đức Đạt Lai Lạt Ma về bản chất của con người, tôi vẫn hơi ngạc nhiên bởi âm điệu kiên định của một niềm tin vững chắc khi ngài nói về những sự kiện 11 tháng Chín, vẫn còn quá mới mẻ, đã không khuấy động lòng tin của ngài trong nền tảng thánh thiện của con người. Ngay cả đối diện một cách trực tiếp với vụ giết hại tàn bạo và vô cảm hàng nghìn người vô tội đã không làm cho ngài dừng lại chút nào dù trong khoảnh khắc, và trong sự thực niềm tin của ngài dường như mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Muốn thấu hiểu sức mạnh tự tin của ngài đến từ chốn nào, tôi hỏi, “A, khi chúng ta thấy những sự tàn bạo kinh khủng mà người ta thực hiện cho nhau, tại sao điều ấy không có bất cứ tác động nào trong niềm tin của ngài về nền tảng thánh thiện của bản chất loài người, của con người, mà điều ấy ngay cả bao gồm những thủ phạm hung ác như vụ 11 tháng Chín?”.

Đức Đạt Lai Lạt Ma suy nghĩ trong giây lát. “Có lẽ, một điều là tôi nhìn những sự kiện từ một viễn tượng rộng lớn hơn. Khi những thứ như vậy xảy ra, chúng ta thường có khuynh hướng tìm kiếm một người hay một nhóm người để quy tội. Nhưng tôi nghĩ thật là sai lầm nếu chỉ nhìn vào một cá nhân hay một nhóm người và cô lập họ như một nguyên nhân duy nhất. Nếu ông tiếp nhận một quan điểm rộng rãi hơn, ông sẽ thấy rằng có thể có nhiều nguyên nhân của bạo động. Và có thể có nhiều nhân tố góp phần cho những sự kiện như thế. Rất nhiều nhân tố. Trong trường hợp này, thí dụ, tôi nghĩ niềm tin tôn giáo cũng liên hệ.

“Vì vậy, nếu ông phản chiếu trên sự kiện này một cách sâu sắc hơn”, ngài giải thích, “ông sẽ nhận ra rằng có nhiều nhân tố góp phần cho thảm kịch đó. Đối với tôi, điều này củng cố một sự kiện căn bản: Nó cho tôi thấy rằng kỹ thuật hiện đại phối hợp với sự thông minh của con người và được hướng dẫn bởi những cảm xúc tiêu cực – đây là những thảm họa không thể nghĩ đến như vậy đã xảy ra như thế nào”.

“Ngài có thể nói thêm chi tiết về những gì ngài muốn nói qua điều ấy không?”

Ngài trả lời, “Ông thấy rằng những kẻ khủng bố này phải có một sự quyết tâm gần như không thể tưởng tượng được để hy sinh mạng sống của họ để thực hiện một hành vi như vậy. Điều đó không thể xảy ra mà không có những cảm xúc mạnh mẽ, những cảm xúc tiêu cực. Điều ấy cung ứng động cơ. Nhưng rồi thì chỉ động cơ mà thôi, cảm xúc tiêu cực bởi chính họ mà thôi, không thể phát sinh ra những sự kiện như vậy. Nếu ông nghĩ về nó, ông nhận ra rằng nhiều dự tính phải được hoàn tất cho vụ tấn công này, hàng tháng nếu không phải là hàng năm của những chương trình tỉ mỉ. Thí dụ, nó được tính toán vì thế những chiếc máy bay chứa đầy nhiên liệu. Những chương trình chính xác này đòi hỏi việc sử dụng trí thông minh của con người. Và rồi họ cần những phương tiện để hoàn thành một hành động như vậy. Trong trường hợp này, máy bay được sử dụng, một kết quả của kỹ thuật hiện đại. Đây, điều này là những gì tôi muốn nói.

“Ông biết không”, ngài tiếp tục, với một tiếng thở dài, “trong thực tế, thật nhiều nhân tố góp phần cho những hành động kinh khiếp như vậy. Thí dụ, những cá nhân này bị thúc đẩy bởi thù hận. Trong thực tế, khi tôi lần đầu tiên thấy những tòa nhà sụp đổ vào ngày 11 tháng Chín, tôi đã nghĩ, Thù Hận – đó là thủ phạm chính!”.

“Thưa Đức Thánh Thiện, tôi có thể hiểu quan điểm của ngài về vấn đề có thể có tất cả những nhân tố này góp phần cho những hành vi kinh khiếp ấy như thế nào. Nhưng sự kiện là một cách căn bản nó đi đến khiến một cá nhân hay một nhóm người hạ thủ những hành vi bạo động và khổ đau trên những người khác. Vậy thì ngài không nghĩ là có thể rằng, nếu đặt qua một bên tất cả những nhân tố phức tạp và nguyên nhân này mà ngài đã đề cập, thì một số người nào đấy đứng thật sự là xấu xa, rằng bản chất của họ là độc ác hay không?”.

Lắc đầu, Đức Đạt Lai Lạt Ma trả lời, “Khái niệm xấu ác, ngay cả chữ ‘xấu ác’, có thể là có vấn đề. Như chúng ta đã thảo luận trước đây, dường như ở phương Tây, đôi khi có một khuynh hướng để thấy mọi thứ trong những dạng thức tuyệt đối, để thấy những thứ như trắng hay đen, tất cả hay không có gì. Trên tất cả những thứ ấy, dưới ảnh hưởng của những thể trạng tinh thần như sân hận, khuynh hướng này thậm chí trở nên mạnh mẽ hơn. Một loại bóp méo tư duy của người ta, nhận thức của con người, chiếm lĩnh vị trí. Do thế, như tôi đã đề cập, khi chúng ta nghĩ về những sự kiện như vậy, chúng ta lập tức tìm một mục tiêu, kiếm một cá nhân hay một nhóm người để quy trách nhiệm, điều gì đấy cụ thể mà chúng ta có thể hướng trực tiếp tất cả những sự sân hận và giận dữ của chúng ta. Và trong tình trạng ấy, chúng ta thấy mọi thứ trong dạng thức của tất cả xấu hay hoàn toàn tốt, thấy mọi người là hiền lương hay bất lương. Thế nên, từ nhận thức ấy, chúng ta có thể thấy một người như thuần xấu ác.

“Nhưng theo quan điểm của Đạo Phật, chúng tôi không có khái niệm xấu ác tuyệt đối, trong ý nghĩa xấu ác như điều gì đấy tồn tại một cách độc lập – điều gì đấy không được làm ra bởi những nhân tố khác, điều đó không thể bị tác động bởi những nhân tố khác, và không thể được thay đổi hay điều chỉnh bởi những điều kiện khác. ‘Tuyệt đối’ xấu ác có một cảm nhận thường hằng. Do vậy, chúng tôi không chấp nhận ý tưởng ‘con người xấu ác, trong ý nghĩa rằng bản chất tự nhiên của

một người đặc thù nào đó là một trăm phần trăm xấu ác, và họ sẽ vẫn duy trì cung cách ấy bởi vì nó là tính chất căn bản không thay đổi của họ.

"Bây giờ, trong nhận thức của Đạo Phật chúng ta thật sự có khái niệm về một con người hành động trong một cung cách xấu ác, làm những việc xấu ác, dưới sự ảnh hưởng của những cảm xúc tiêu cực và động cơ bất thiện, v.v... – nhưng chúng ta thấy thái độ xấu ác này sinh khởi như một kết quả của những nguyên nhân và điều kiện nào đấy. Chúng ta cảm thấy những sự kiện như vậy có thể được giải thích mà không viện dẫn một năng lực siêu hình như xấu ác.

"Thế nên, một cách căn bản," ngài tóm tắt, "nếu một người thực hiện một hành vi vô cùng tàn phá, chúng ta có thể nói hành vi ấy là xấu ác. Không thắc mắc gì. Và chúng ta nên luôn luôn đối kháng hành vi ấy, như một hành vi xấu ác. Chúng ta phải có một vị thế vô cùng mạnh mẽ. Và hãy nói rằng động cơ của con người cho hành động là thù hận. Rồi thì chúng ta có thể nói rằng cả động cơ, và hành động đưa tới là xấu ác, do bởi bản chất tàn phá của chúng. Nhưng chúng ta vẫn không thể xem cá nhân ấy như 'một con người xấu ác', một sự xấu ác bản chất và thường hằng, bởi vì luôn luôn có tiềm lực hay khả năng mà một loạt những điều kiện mới sẽ hình thành hiển hiện và chính cùng con người ấy có thể không còn dẫn thân trong thái độ xấu ác nữa".

"À, tôi có thể hiểu những gì ngài đang nói," tôi nói, "nhưng nếu ngài nhìn vào hành vi ấy như sinh khởi từ những nguyên nhân và điều kiện đa dạng, và nhìn thủ phạm như chỉ ở dưới sự khống chế của tất cả những nhân tố khác này, và rằng những nhân tố này là những gì thật sự làm nên thái độ, không có một hiểm họa của việc dưỡng như để tha thứ hay bào chữa cho thái độ của con người, giống như nó không phải là lỗi lầm của họ chứ? Dường như rằng ngài càng nhìn vào những nguyên nhân và điều kiện đa dạng đưa đến hành động, ngài dường như càng để những thủ phạm ra khỏi lưới hái [trách nhiệm].

"Này nhé," ngài nói, "nói rằng không có ai xấu ác bản chất, sự xấu ác là một tình trạng tương đối tùy thuộc trên những nhân tố khác, nhưng không cho ai đẩy một sự tha thứ để thực hiện những hành vi xấu ác ấy. Chỉ bởi vì ông cho phép cho khả năng của những động cơ và thái độ của người ta có cơ hội thay đổi trong tương lai, điều này không có nghĩa là ông thể nào đẩy tha thứ hay bỏ qua hành vi ấy, hay rằng ông không bắt họ chịu trách nhiệm giống như họ không có làm gì với điều ấy".

"À," tôi cướp lời, "bất chấp hoặc là những hành vi kinh khiếp này của bạo động là kết quả của những nguyên nhân và điều kiện có thể nhận ra, hay họ đã bị quy cho là những người xấu ác, sự thực vẫn là con người có khả năng để thực hiện những hành vi này; chúng ta đã rình rập và giáng khổ đau xuống cho nhau suốt khắp lịch sử nhân loại. Tôi muốn nói là ngay cả ngài đề cập rằng phản ứng thứ hai của ngài khi nghe về sự kiện 11/9, sau khi ngài nhận ra rằng nó là sự thật, là nó là một 'sự nhắc nhở đầy năng lực về khả năng tàn phá của con người'. Và có quá nhiều nhắc nhở... những hành vi tàn phá như sự Diệt Chủng Người Do Thái, quá kinh khiếp quá khó để mà tưởng tượng! Tôi không biết, nhưng dường như rằng những sự nhắc nhở khắc nghiệt ấy về khả năng tàn phá, tiềm năng giáng xuống những sự tổn thương và làm cho những người khác khổ đau, có

lẽ ít nhất làm cho người ta phải dừng lại để quán sát phía đen tối của bản chất loài người".

Với một cái gật đầu nghiêm nghị ngài đáp lời một cách chậm rãi, "Vâng, khi chúng ta đối diện với những nỗi kinh hoàng như sự Diệt Chủng Người Do Thái, nó có thể làm giao động niềm tin của chúng ta đối với chính loài người. Ông biết không, tôi sẽ không bao giờ quên lần viếng thăm đầu tiên của tôi đến Auschwitz [2]. Có vài thứ mà tôi thấy ở đấy đã gây ấn tượng cho tôi rất mạnh, và một trong những thứ ấy là một sự thu góp khổng lồ về giày. Giày của những nạn nhân. Và điều đã làm cho tôi chú ý với một sự khiếp đảm hoàn toàn và đau buồn sâu sắc khi tôi thấy nhiều đôi giày nhỏ bé, những đôi giày của con nít! Tôi cảm nhận một cách mạnh mẽ về những thiếu niên vô tội này. Chúng thậm chí không biết những gì đang xảy ra. Tôi thật sự cảm thấy, "Ai có thể làm một việc kinh khủng như vậy?". Và tôi đã cầu nguyện ở đấy".

Những từ ngữ sau cùng này được nói một cách mềm dịu, và những lời của ngài đi vào im lặng, nhưng lời tuyên bố u buồn của ngài làm tôi phải chờ đợi một lúc trước khi tiếp tục. Đức Đạt Lai Lạt Ma không tin tưởng khái niệm tuyệt đối xấu ác. Ngài dường như không có sự ép buộc để cô lập Hitler và những tay chân ác độc của ông ta như nguyên nhân duy nhất của vụ Tàn Sát Người Do Thái (Holocaust), để hướng toàn lực nổi sân hận và ý thức của ngài trong việc làm tổn thương họ. Tuy nhiên, khi nói về những trải nghiệm như cuộc viếng thăm Auschwitz, người ta có thể thấy trong âm điệu giọng nói và thái độ của ngài bị tác động sâu sắc như thế nào và người ta không cảm thấy vắng bóng một sự tổn thương đạo đức. Điều này không phải là vấn đề ngài quên lãng nỗi kinh khiếp của những thảm họa như vậy, cũng không phải ngài không cảnh giác về những thứ xấu ác mà con người có thể thực hiện đối với nhau. Tuy vậy, với sự tinh thức trọn vẹn trong khả năng của con người đối với sự xấu ác, niềm tin của ngài trong nền tảng tốt đẹp của con người vẫn không lay chuyển.

Tiếp tục cuộc đàm luận của chúng tôi, tôi nói, "Thưa Đức Thánh Thiện, tôi cho rằng vấn đề của tôi là bất cứ khi nào người ta quan tâm đến vụ Tàn Sát Người Do Thái, hay những sự kiện tương tự như vậy trên một mức độ nhỏ hơn, dường như không chỉ là một sự thừa nhận rằng có sự xấu ác trên thế gian, nhưng dường như để thử thách quan điểm nhân ái tự nhiên của loài người".

"Và chẳng," ngài nói, "tôi nghĩ, sẽ là một sai lầm để nhìn vào những sự kiện như vậy và kết luận rằng những thứ này đại biểu cho bản chất tự nhiên của loài người, giống như không biết làm sao chúng ta bị bắt buộc phải hành động như thế đó. Chúng ta phải nhớ rằng những hoàn cảnh loại này không phải là tiêu chuẩn, không đại diện cho đời sống bình thường hằng ngày của chúng ta. Thí dụ, trong đạo đức nhà Phật, chúng tôi có một danh sách của những gì chúng tôi gọi là "các tội ác ghê gớm [3]". Những điều này bao gồm việc giết hại cha và mẹ của mình, tạo sự bất hòa trong cộng đồng, v.v... Nhưng không phải chỉ vì những thứ này hiện hữu thì có nghĩa là con người không thể tiếp nhận một lối sống đạo đức".

"Vâng, điều ấy có thể đúng, nhưng..."

"Howard," ngài tiếp tục, "tôi nghĩ chúng ta nên nhớ rằng những gì chúng ta đang đề xuất là một kiểu thái độ được đặt nền tảng trên nhận thức về sự tốt đẹp căn bản tự nhiên của con người. Và với sự tinh thức trọn vẹn đó,

tiếp nhận cẩn trọng một lối sống để biểu lộ điều này. Đây là mục tiêu của chúng ta, ý định của chúng ta. Đó là tại sao chúng ta đang cố gắng để rèn luyện, giáo hóa nhân loại. Chúng ta đang cố gắng để thúc đẩy ý tưởng rằng căn bản tự nhiên của con người là tích cực, nên đó là khả năng để khuyến khích ý thức cộng đồng của chúng ta, ý thức quan tâm của chúng ta. Và đây không phải là một vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Điều này cũng không chỉ đơn giản là vấn đề triết lý. Đó là tương lai của chúng ta...”.

Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, có một loại từ bi vô biên trong giọng nói của ngài, giống như ngài thấy với sự trong sáng hoàn toàn và một nỗi buồn mê mông với nỗi khổ đau vô hạn của con người giáng xuống cho nhau như một kết quả của vô minh – u mê về bản chất chân thật của chính chúng ta, một sự si ám che mờ cái thấy của chúng ta, chướng ngại sự thấu hiểu về bản chất thánh thiện và khả năng rộng lớn cho ân cần tử tế của chúng ta, làm cho chúng ta sống trong bóng tối và sợ hãi, với nghi ngờ và thù hận với nhau.

Cùng một lúc, lòng từ bi của Đức Đạt Lai Lạt Ma dường như không bao giờ ủy mị hay triết lý. Trong thực tế, dường như nó tương đồng với tính chất của cương quyết, một quyết tâm sâu sắc để giáo hóa con người trong khả năng tuyệt hảo nhất của ngài, để giúp con người thấy chính họ là ai và những gì họ thật sự là, để thấy họ như ngài thấy họ, như thánh thiện và tử tế từ bản chất. Bây giờ, một lần nữa, Đức Đạt Lai Lạt Ma đi đến tóm tắt lại một số tranh luận then chốt như ngài đã làm những năm trước đây, trình bày những biện luận cần thận, hợp lý ủng hộ cho quan điểm của ngài về bản chất tự nhiên của con người, cần cứ không chỉ trên luận điểm Phật tính [4] của đạo Phật, nhưng chính yếu trên sinh học. Đầu tiên, ngài đã chỉ đến những lợi ích của sức khỏe thân thể và cảm xúc phát xuất từ từ bi mẫn và ân cần cũng như nhiều ảnh hưởng tàn phá của sự thù địch và gây hấn, đem lại như chúng tim mạch – sau đó ngài trở lại với lý do và ý nghĩa thông thường, và hỏi: “Bản chất tự nhiên” nào là thích hợp hơn cho tâm thức và thân thể của con người, để tô điểm cho cuộc sống loài người – hung bạo hay hiền lành?

Tôi chú ý rằng ngài đã thêm vào những thí dụ phức tạp hơn và đưa ra những kiến thức sâu rộng hơn từ một quan điểm khoa học hơn so với những cuộc đàm luận đầu tiên về đề tài này những năm trước, bây giờ bao gồm những tranh luận như, “Theo y khoa, một trong những nhân tố quan yếu cho việc mở rộng não bộ vật lý trải qua vài tuần ngay sau khi sinh là một sự tiếp xúc thân thể gián tiếp bởi bà mẹ, hay một người nuôi dưỡng nào đấy”. Mặc dù bản chất hợp lý của luận điểm, nhưng cung cách của ngài vượt xa một nhà nhân chủng học phân tích hay một nhà sinh học lạnh lùng và vô cảm; trong thực tế, ngài nói với một lòng nồng nàn và quan tâm ấm áp, giống như sự sống bị đe dọa ngay tại giờ phút này.

Mặc dù quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma về bản chất con người là sâu sắc và lạc quan, nhưng nó không phải là một loại lạc quan mù quáng, và vì vậy luôn luôn như thế, ngài làm dịu quan điểm của ngài với ý nghĩa và lý trí thông thường, ngài kết luận, “ Dĩ nhiên, căn bản thánh thiện của con người không loại trừ rằng sẽ có những hành vi tàn phá như chúng ta đã thấy vào ngày 9/11. Chúng ta không tiên liệu rằng mỗi con người sẽ

sống phù hợp với những nguyên tắc phản chiếu bản chất tự nhiên của loài người. Rốt cuộc, tất cả những vị thầy tâm linh đã thất bại trong việc biến toàn bộ nhân loại thành điều gì đấy thánh thiện. Đức Phật thất bại, Chúa Giê-su thất bại. Nhưng sau đó sẽ đi đến nói rằng vì tất cả những bậc thầy vĩ đại của quá khứ đã thất bại, nên chúng ta cũng phải thất bại, à thế thì, tại sao phải bận lòng? Sự tiếp cận thế đó cũng là ngớ ngẩn. Chúng ta phải làm những gì chúng ta có thể làm”.

Đánh Giá Lại Bản Chất Tự Nhiên của Chúng Ta

Qua vài thập niên gần đây, dường như có một cuộc cách mạng đang diễn ra trong cộng đồng khoa học trong việc khảo sát đề tài trường tồn của bản chất con người: Có phải bản chất con người chủ yếu là gây hấn và bạo động, hay tử tế và hiền lành? Trong vài thế kỷ qua, đúng hơn là một quan điểm đen tối, bi quan về bản chất con người – như gây hấn, ích kỷ, và địa phương một cách bẩm sinh – đã bén rễ một cách sâu rộng trong văn hóa Tây phương, được gieo rắc bởi một loạt những nhà tư tưởng, từ các triết gia như Thomas Hobbes và George Santayana đến những nhà phong tục học như Robert Ardrey và Konrad Lorenze. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, một con số lớn mạnh theo cấp số nhân của những nhà khoa học chủ đạo đã từ bỏ nhận thức bi quan về bản chất con người. Hình ảnh từ phía đối kháng của một quan điểm truyền thống cứng nhắc hơn về bản chất con người như gây hấn và bạo động, là quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma về bản chất con người – một trong những điều ấy được đặc trưng một cách nổi bật bởi những thể trạng tích cực của tử tế, ân cần, từ bi, thậm chí hiền lành.

Sự thay đổi lập trường phát triển đối với quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma đưa hầu hết những nhà tư tưởng và nghiên cứu một nơi nào đó ở giữa hai thái cực trong khi chúng ta có bộ máy thần kinh cho chúng ta khả năng để hành động một cách bạo động, thì không có thứ gì trong sinh học thần kinh hay bản chất tự nhiên của con người thúc ép chúng ta làm như thế. Như một kết quả, đại đa số nghiên cứu khoa học những năm gần đây, ngày càng nhiều chứng cứ đã và đang thu thập, bàn cãi về bản chất bẩm sinh bạo động của con người và khuyến nghị rằng trong khi chúng ta có thể có khả năng cho việc biểu lộ những nét tích cực hay tiêu cực, thì một điều cần yếu được biểu lộ qua thái độ của chúng ta – cho dù chúng ta hành động thân ái hay bạo động – tùy thuộc phần lớn trong việc rèn luyện, điều kiện tác động, và những tình huống hoàn cảnh của chúng ta.

Dĩ nhiên, trong khi nhiều người đang di chuyển gần hơn với quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma về bản chất loài người, thì vấn đề vượt khỏi những tư tưởng trong những nhà khoa học hiện đại, và trong quan điểm công cộng về bản chất hung hăng của loài người vẫn tiếp tục bám chặt một cách sâu đậm. Vậy thì, sự thật là thế nào? Trong trường hợp này, năng động tìm kiếm sự thật về bản chất loài người có thể khơi dậy một bức tranh âm ảm, có lẽ hầu như vô vọng. Những sự kiện là khó khăn để tranh cãi: Chỉ trong thế kỷ trước mà thôi, hai cuộc thế chiến mà gần như cả hành tinh đều liên hệ; trong nửa đầu thế kỷ, vụ Diệt Chủng Người Do Thái (Holocaust);

vào cuối thế kỷ những sự kiện như sự diệt chủng ở Rwanda [5]. Rõ ràng chúng ta đã học quá ít. Và bạo động đến trong nhiều hình thức, không chỉ là tai họa của chiến tranh. Bạo động gia đình là loại đơn độc thông thường nhất làm tổn thương phụ nữ. Hàng triệu người ở khắp thế giới là nạn nhân của hãm hiếp, ám sát, và hành hung. Những tội ác như thế lan truyền như bệnh dịch trong nhiều quốc gia, đặc biệt ở Hoa Kỳ. Chỉ trong vòng hai mươi năm sau Thế Chiến thứ I, "Cuộc Chiến để Chấm Dứt tất cả Những Cuộc Chiến", hành tinh chúng ta lại một lần nữa lao vào một cuộc chiến toàn cầu. Số người bị chết trong Thế Chiến thứ II: bảy mươi hai triệu người, binh sĩ và thường dân.

Sau cuộc thất bại cuối cùng của sức mạnh Phe Trục [6], đã có một tâm linh lạc quan chân thành. Thế giới đã có một cơ hội để bắt đầu một lần nữa, một cơ hội để giải quyết những cuộc tranh chấp qua những khối liên minh và những tổ chức như Liên Hiệp Quốc. Đó là hy vọng. Nhưng thực tế? Năm mươi năm sau Thế Chiến thứ II, một nghiên cứu công bố trên trang mạng của NATO [7] báo cáo rằng trong khoảng năm mươi năm ấy, đã có 150 vụ xung đột quân sự, với khoảng 25 đến 30 triệu người chết, chưa kể những cái chết qua nạn đói hay dịch bệnh hay những ảnh hưởng gián tiếp của những cuộc xung đột. Và có bao nhiêu ngày không có chiến tranh trong thời gian năm mươi năm ấy? Bao nhiêu ngày có hòa bình trên trái đất? HAI MƯƠI SÁU NGÀY!!!

Với những "sự thật" như thế này, không phải là bắt buộc cốt yếu để kết luận rằng bản chất của loài người là hung hăng một cách nền tảng chứ?

May mắn thay câu trả lời cho điều đó là, Không!

Nếu chúng ta theo dõi đề nghị thông thường của Đức Đạt Lai Lạt Ma đến sự khảo sát một cách thận trọng thái độ con người từ một quan điểm rộng rãi hơn và bao hàm toàn diện, nhìn vào tác động lẫn nhau của những sự kiện có thể góp phần cho bất cứ hoàn cảnh nào đấy, và thẩm tra tỷ lệ của thái độ hung hăng, bạo động của chúng ta, từ một nhận thức lâu dài, một chiều hướng rất khác biệt của những sự kiện nổi bật, trình bày một bức tranh hoàn toàn khác biệt của nhân loại. Theo những nhà nghiên cứu, trong thời kỳ của những xã hội săn bắt – hái lượm, 30 phần trăm dân số nam giới bị chết bởi những biện pháp bạo động, vì bàn tay của những người khác. Số phần trăm ra sao trong thế kỷ hai mươi đẫm máu, thậm chí với những cuộc chiến, các vụ diệt chủng, những vụ xung đột liên tục? Ít hơn một phần trăm! Và khi thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới ló dạng, tỷ lệ này tiếp tục sút giảm một cách đáng kể. Trong việc tìm kiếm cho một chứng cứ bổ sung của khuynh hướng này. Nhà tâm lý và tác giả của Đại học Harvard, Steven Pinker, đã lưu ý rằng thậm chí trong những khu vực tệ hại nhất tỷ lệ giết chóc ngày nay là thấp hơn hai mươi lần so với những xã hội bản địa.

Trải qua những thiên niên kỷ, luôn luôn có sự lên, xuống và chu kỳ trong tỷ lệ của sự hung hăng và bạo động của con người; nhưng phương hướng rõ ràng một cách chắc chắn: khuynh hướng đối với bạo động và giết chóc giảm thiểu một cách chậm chạp, để ngỏ cho hy vọng chân thành mà sau cùng Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể hiệu chỉnh về bản chất con người.

Chúng ta không cần so sánh hạnh kiểm của những người sống trong xã hội hiện đại ở phương Tây với những tổ tiên tiền sử của chúng ta nhằm để tìm ra

những thống kê có sức thuyết phục cho thấy ưu thế thân ái đối với sự hung bạo của loài người. Thí dụ, trong năm 2004, một cuộc thăm dò rộng rãi được Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Ý Tưởng tiến hành đã thấy rằng những **người Mỹ trưởng thành thực hiện trung bình 109 hành động vị tha một năm**. Nhân con số này với dân số trưởng thành vào thời điểm tiết lộ rằng đã có **23 tỷ 980 triệu hành vi vị tha** được thực hiện ở Hoa Kỳ năm ấy! Cùng năm ấy, cơ quan FBI [8] **báo cáo phỏng đoán có 1.376.009 hành động tội phạm đủ loại, toàn quốc**. Thực hiện một chút tính toán biểu lộ một thống kê lạc quan: Đối với mỗi hành vi bạo động ở Hoa Kỳ năm ấy, thì có khoảng 17.540 hành động vị tha!

So sánh thống kê tuyệt vời tích cực này với quan điểm vị kỷ và hung hăng của bản chất con người được thúc đẩy một cách rộng rãi trong xã hội chúng ta, thật không ngạc nhiên chút nào rằng hầu hết mọi người chúng ta có một quan kiến thiên lệch thế nào ấy về bản chất con người. Thí dụ, **theo FBI, từ 1990 đến 1998, tỷ lệ giết người toàn quốc Hoa Kỳ giảm 32,9%**.

Cùng thời gian ấy, hành động giết người trên các mạng lưới truyền thông tăng 473 phần trăm! Điều này không phải tình cờ. Theo một quan điểm tiến hóa, có những lý do tại sao chúng ta thích thú trong việc xem những hành vi bạo động trên truyền hình nhiều hơn những hành động thân ái ân cần hằng ngày. Chúng tôi đã đề cập phía trước rằng não bộ của chúng ta chuyển động để kiểm tra cẩn thận môi trường của chúng ta về những hiểm họa hay đe dọa đến sự sống còn của chúng ta, cho phép chúng ta với những gì mà một số người gọi là những điều đối bất ngờ hay thảm họa của não bộ, những điều khiến nó nằm bắt tuyệt vời những thứ sai lạc trong môi trường – nhưng quá lỏng lẻo trong việc lưu ý khi mọi việc diễn tiến đúng đắn. Với sự chú ý và thích thú của chúng ta bị lôi cuốn đến những hành vi bạo động hơn là những hành vi tốt đẹp, những tin tức trên mạng lưới truyền thông không hứa hẹn sẽ đột nhiên áp dụng một chính sách chương trình mới, miêu tả bản chất con người một cách chính xác, bằng việc phổ biến 17.540 câu chuyện vị tha cho mỗi câu chuyện bạo động. Tùy thuộc chúng ta thực hiện một nỗ lực đặc biệt, khảo sát và quán chiếu một cách năng động thế giới chúng ta, tìm kiếm những chứng cứ về lòng ân cần của con người và phía tích cực của loài người. Một trong những mảng năng lực và thúc ép nhất của chúng ta là một sự nghiên cứu làm sừng sốt nổi lên trong hậu quả của Thế Chiến Thứ II. Một hình thái làm choáng váng của 72 triệu người bị giết trong cuộc chiến ấy là kết quả của nhiều phương pháp giết người: bom rơi trên trời xuống, ngư lôi dưới nước, mìn trên đất, những trại tàn sát, và những phản ảnh của chiến tranh như nạn đói. Nhưng trong tất cả những phương pháp giết người này, có lẽ chỉ dẫn gần nhất về sự hung hăng bẩm sinh của con người là sự sốt sắng của những cá nhân chiến binh trên mặt trận để giết những đồng loại, binh sĩ thù địch. Ở đây là một trong vài thí dụ về sự giết hại được sự phê chuẩn hợp pháp, nơi mà thái độ bạo động thù địch không chỉ là dung túng, thậm chí là khuyến khích, dưới những điều kiện dự kiến để miễn trách cho binh sĩ khỏi tội lỗi – và trên tất cả, trong nhiều trường hợp là sự sống còn của chiến binh đang lâm nguy.

Sau Thế Chiến Thứ II, Sử gia quân đội Hoa Kỳ, Chuẩn Tướng S.L.A. Marshall đã điều khiển một cuộc

nghiên cứu có ảnh hưởng sâu xa. Lần đầu tiên trong lịch sử, ông đã khảo sát một cách có hệ thống tỷ lệ bắn súng của binh sĩ ở chiến trận. Những kết quả không phải là điều gì đấy có ấn tượng ngắn hạn. Ông thấy rằng chỉ có mười lăm đến hai mươi phần trăm binh sĩ muốn nổ súng của họ vào kẻ thù trong trận địa! Đặc trưng này xác nhận và tái xác nhận, với những kết quả phù hợp nhất quán. Điều này không phải qua những hành vi hèn nhát, khi những chiến binh hiện diện tại chiến địa và thường muốn liều mạng sống của họ để cứu những người khác. Không phải thiếu sự dũng cảm. Đây là hoang mang. Sau sự khảo sát rộng rãi hiện tượng này, **kết luận rõ ràng**: Loài người đơn giản **có bản tính không thích thú** đối với việc giết hại người khác, ngay cả khi ở dưới sự đe dọa cho chính họ. Buồn thay, sự khám phá này đưa quân đội nhìn vào các cung cách để quy định những chiến sĩ giết hại kẻ thù, và tỷ lệ nổ súng trong cuộc chiến Đại Hàn và Việt Nam leo thang một cách nhanh chóng. Nhưng những khám phá ban đầu có giá trị **như một chứng cứ cho quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma về một loài người nhân từ, nơi mà sự ân cần thẳng thắn đối với giết hại, và hiền lương chiếm ưu thế so với hung hăng.**

Trong việc tìm kiếm sự thật về bản chất loài người, có thể đáng để nhìn vào những quan điểm của một cá nhân, người mà dư luận rộng rãi xem như là một nhân vật duy nhất có ảnh hưởng nhất trong việc quyết định nhận thức hiện đại về bản chất loài người, ít ra trong ấn tượng phổ quát: Charles Darwin, những lý thuyết của ông về tiến hóa, chọn lọc thiên nhiên, và "sự tồn tại thích hợp nhất" (đấu tranh sinh tồn) đã cách mạng hóa vấn đề chúng ta nghĩ về chính mình như thế nào. Nhiều người trong xã hội ngày nay chỉ có những thấu hiểu mơ hồ về những quan niệm của Darwin. Khái niệm về sự chọn lọc tự nhiên và sự tồn tại thích hợp nhất đã đưa nhiều người củng cố một ý thức rằng những năng lực tiến hóa được chọn lọc một cách tự nhiên những con người hung hăng, mạnh mẽ, địa phương, bạo động, vì đây là những đặc trưng có thể cho phép người ta chiến đấu vì những tài nguyên khan hiếm và tồn tại để trao truyền lại những gene của họ.

Khái niệm này là vượt xa sự thật. Trong tác phẩm viết về con người và sự tiến hóa trong Nguồn Gốc Loài Người, Darwin nói rằng tình cảm mạnh mẽ nhất của chúng ta, những cống hiến chính cốt lõi bản chất của con người, kể cả những năng khiếu xã hội, lòng trắc ẩn, ân cần đối với người khác, và hoan hỉ với lợi ích của người khác, là giống với những đặc trưng nền tảng được tranh luận bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma! Quan điểm của Charles Darwin về bản chất của con người đến từ những nghiên cứu cẩn thận của ông về những chủng loại khác, những quán sát phong phú và chi tiết của ông về con người, và ngay cả nghiên cứu về mười đứa con của ông ta. Trong những năm gần đây, những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tư tưởng tiến hóa đang trở lại một số những điều quan sát ban đầu của Darwin, và thực hiện một cái nhìn mới mẻ vào những đặc trưng nào đấy của con người, chẳng hạn như tầm quan trọng lớn lao của việc ân cần liên hệ trong vấn đề nuôi dưỡng con cháu. Như một kết quả, những nhà khoa học này đang làm mới quan điểm của họ về bản chất con người để trở nên song hành gần gũi nhiều hơn với quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Có lẽ, có thể là vào cuối ngày, một quan điểm về bản chất con người của một cá nhân nào đấy không phải tích cực cũng không tiêu cực có thể là một vấn đề chọn lựa – tùy thuộc trên hoặc là người ấy chọn để tập trung trên lịch sử loài người của chúng ta bạo động và thù địch, hay tập trung trên chứng cứ của lòng tử tế và nhân từ của con người. Sự lựa chọn này không đơn giản như một bài tập không thực tế, một vấn đề triết lý; mà nó có tầm quan trọng thiết yếu, với những liên can và tác động sâu xa trên cả những cấp độ cá nhân và xã hội. Trên cấp độ chính trung tâm sự thảo luận trước đây về ý nghĩa của cộng đồng, sẵn sàng, và quan tâm cho người khác – sự tin tưởng của Đức Đạt Lai Lạt Ma trong khả năng của việc hình thành và chứng minh những mối ràng buộc đầy đủ ý nghĩa giữa cá nhân với nhau và những mối quan hệ xã hội là căn cứ trên niềm tin của ngài rằng bản chất con người là tích cực một cách nền tảng.

Nhận thức của chúng ta về bản chất con người cũng có những liên hệ quan trọng và những ảnh hưởng sâu sắc một cách bình đẳng trên cấp độ cá nhân. Căn bản, mục tiêu của chúng ta là để tìm ra hạnh phúc trong thế giới phiền toái của chúng ta. Và có những chứng cứ bắt buộc cho thấy chúng ta nhận thức thế giới chung quanh có thể tác động đến hạnh phúc của chúng ta như thế nào. Một cuộc nghiên cứu rộng rãi hơn mười một nghìn người Mỹ dưới sự điều khiển của giáo sư xã hội học Abbott Ferris tại Đại học Emory thừa nhận những gì mà chúng ta có thể phỏng đoán một cách trực giác: Nhận thức về thế giới chúng ta, và bằng việc mở rộng bản chất con người, không phải tốt cũng không phải xấu có thể tác động trực tiếp đến những mức độ hạnh phúc của chúng ta. Ferris thấy rằng những người có khuynh hướng nhận thức xấu xa nhiều hơn trong thế giới thì ít hạnh phúc một cách nổi bật hơn những ai thấy thế giới, và loài người căn bản vốn là tốt lành.

Trong việc nối kết những liên hệ sâu xa này, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã giải thích, "Những sự khác biệt trong cái nhìn của một người về bản chất nhân loại có thể muốn nói lên sự khác biệt giữa sự sống trong một thế giới đầy dẫy những con người được nhận định như thù địch, bạo động và nguy hiểm, hay như một cách chủ yếu là ân cần, hỗ trợ, và hiền lành. Một sự tinh thức sâu sắc về bản chất tốt đẹp của loài người có thể cho chúng ta lòng can đảm và hy vọng. Trên cấp độ cá nhân cũng thế, một cái nhìn về bản chất loài người có thể giúp thúc đẩy một cảm nhận to lớn hơn về cát tường và mối liên hệ với những người khác.

"Ngay cả những sự kiện khách quan, lịch sử và khoa học, không hỗ trợ bất cứ quan điểm nào một cách quyết định nó vẫn do sự quan tâm tuyệt hảo nhất của chúng ta để nắm lấy một quan điểm tích cực hơn về bản chất của loài người. Rất cuộc, những con người chúng ta có một khuynh hướng để làm thành hiện thực những gì chúng ta chọn lựa để tin tưởng, một phần nào trong thái độ của một đáp ứng tự tiên liệu".

Tuệ Uyên chuyển dịch
Thanks Lord Buddha We have You, Tuệ Uyên

(Xem tiếp trang 168)

Đức tin trong đạo Phật

Bs. Trịnh Nguyễn Phước



Về đức tin trong đạo Phật, người ta có thể đặt câu hỏi: Có đức tin hay không trong đạo Phật? Hay nói một cách khác: đạo Phật có cần đến đức tin hay không? Nếu có, đức tin trong đạo Phật có khác gì với đức tin trong các tôn giáo khác không?

- Nếu khác, đức tin này có những đặc điểm gì?
- Và cuối cùng, có những khác biệt gì về đức tin giữa các tông phái Phật giáo, giữa đạo Phật nguồn gốc, Nguyên Thủy và Đại Thừa, giữa Thiên, Tịnh Độ và Mật tông?

Thiết tưởng việc đầu tiên là định nghĩa đức tin và các loại đức tin.

Định nghĩa các loại đức tin

Tin (croire, to believe), theo từ điển, có nghĩa là:

1. cho là đúng sự thật, là có thật. 2. đặt hoàn toàn hy vọng vào người nào hay cái gì đó. Từ đó có những chữ ghép như: tin cẩn, tin cậy, tin dùng, tin tưởng, tin yêu. Đặc biệt tin tưởng (avoir confiance en, to trust on) có nghĩa là: tin ở cái gì hoặc một người một cách chắc chắn, có cơ sở. Ngược lại, cả tin là tin một cách dễ dàng, nhẹ dạ, không suy xét.

Tin tiếng Hán Việt là tín. Từ đó có những chữ ghép như: tín chủ, tín dụng, tín điều, tín đồ, tín hiệu, tín nghĩa, tín ngưỡng, tín nhiệm, tín phục, cuồng tín, mê tín, sùng tín.

Đặc biệt tín ngưỡng (religion) có nghĩa là: tin theo một tôn giáo nào đó (ngưỡng là nhìn lên với lòng thành kính).

Tín điều (dogme) là những điều do tôn giáo đặt ra để tín đồ tuân theo, hoặc những điều được tin theo một cách tuyệt đối.

Sùng tín (dévotion) là tin theo hoàn toàn một tôn giáo nào đó, với tinh thần kính trọng và ngưỡng mộ.

Mê tín (superstition) là tin theo một cách mù quáng, không biết suy xét, thường là vào những chuyện thần bí hoang đường. Chữ mê tín thường đi cùng với chữ dị đoan, tức là những điều quái lạ huyền hoặc do tin nhầm nhí mà có.

Cuồng tín (foi aveugle) là tin theo một cách mãnh liệt, điên cuồng, mù quáng.

Như vậy, chúng ta thấy có nhiều loại đức tin, với những cường độ khác nhau, với phần đóng góp của lý trí khác nhau. Có thể nói trong tin tưởng có cả hai phần lý trí và đức tin, trong sùng tín đức tin trội hơn lý trí, nhưng trong mê tín và cuồng tín không còn lý

trí nữa, nhất là trong cuồng tín sức mạnh của đức tin mù quáng làm con người mất trí khôn, mất tự chủ, dễ gây nên bạo động. Đa số chiến tranh tôn giáo, chiến tranh ý thức hệ, chiến tranh chủng tộc cũng là do sự cuồng tín gây nên.

Lý trí và đức tin

Từ xưa đến nay, lý trí và đức tin luôn luôn chống đối với nhau, trong lý thuyết cũng như trong hành động. Tại Tây phương, tương quan giữa ratio và fides đã là một vấn đề sôi nổi từ thời kỳ Trung Cổ, gây nhiều xung đột giữa các tổ chức tôn giáo và xã hội thế tục.

Lý trí dùng lý luận và suy tư, phát xuất từ kinh nghiệm và nhận xét, trong khi đức tin nằm trong phạm vi tình cảm, không thể lý luận, suy xét, giảng giải được, đó là phần phi lý trí của con người. Tin, believe bắt nguồn từ chữ Đức cổ xưa liebe, có nghĩa là yêu. Do đó, trong các tôn giáo thần khải, tin vào Thượng Đế cũng có nghĩa là yêu Thượng Đế. Nói như Blaise Pascal: "Đức tin là như vậy: Thượng Đế cảm nhận được bằng trái tim, không phải bằng lý trí (Voilà ce que c'est que la foi: Dieu sensible au coeur, non à la raison)". Đối tượng của đức tin vượt khỏi lý trí con người, có tính chất siêu nhiên và không thể nào giải thích nổi bằng khoa học. Người ta chỉ có thể tin hay không tin, nhưng không thể nào biện hộ hay phủ nhận được lòng tin.

Lý trí và đức tin không tránh khỏi đi ngược lại với nhau: khi có lý trí thì không có đức tin, và nói chung đức tin lùi dần trước khoa học, điều đó khó lòng phủ nhận được, tuy rằng có nhiều nhà khoa học vẫn giữ lòng tin nơi một Đấng tối cao. Y học đã chứng minh được rằng khối óc con người có hai bán cầu, bên trái chuyên về lý trí, ngôn ngữ, bên phải về linh tính, tình cảm và có thể là về đức tin. Vậy thì sự kiện trong một cá nhân có trộn lẫn cả hai phần, lý trí và đức tin, điều đó cũng không có gì là lạ lùng.

Một khía cạnh nữa của đức tin là: người ta tin, chính vì lý do tin không chắc chắn. Bởi vì nếu chắc chắn, thì đã không cần đến lòng tin. Chẳng hạn như không ai nói "Tôi tin có mặt trời", vì đó là một điều chắc chắn do kinh nghiệm hàng ngày đưa tới; hoặc là "Tôi tin rằng bạn có một vật gì trong tay", trong khi bàn tay đó mở toang. Ngược lại, nếu bạn nắm tay lại và nói rằng trong bàn tay bạn có một vật gì, thì tôi có thể tin hay không tin vào điều đó. Nói chung, khi một điều gì đã chứng minh hay chứng thực được rồi, thì không còn có lòng tin.

Và dù nói "Tôi vững lòng tin, hay tôi tin chắc rằng...", đức tin vẫn có thể lung lay, suy xuyến được. Người nào nói "Tôi tin ở Thượng Đế, tôi tin ở đức Phật", cũng có thể một ngày kia, vì một lý do nào đó, mất đi lòng tin. Do đó, các tôn giáo thường dùng các phương pháp tự kỷ ám thị (auto-suggestion) để cho lòng tin các tín đồ mỗi ngày một thêm vững mạnh, bằng cách đặt ra những nghi lễ thường xuyên, như cầu nguyện tụng niệm nhiều lần trong một ngày.

Đức tin là một động lực, một động cơ đưa tới hành động, dù là tích cực hay tiêu cực. Đó là một sức

manh không thể chôi cãi đưoc, có khả năng "lấp biển đời non". Trong khi đó, nghi hoặc không thể nào đưa tới một hành động nào. Cũng như Voltaire khi nói về sự đam mê và lý trí, Lama Anagarika Govinda thường so sánh đức tin với luồng gió thổi vào ngọn buồm và lý trí với chiếc chèo lái của chiếc thuyền. Không có gió thì thuyền sẽ không đi tới, mà không có chèo lái thì thuyền sẽ quay vòng tại chỗ.

Đạo Phật là một tôn giáo hay một triết lý?

Đặt vấn đề đức tin trong đạo Phật cũng không khác gì đặt lại một câu hỏi cổ điển: "Đạo Phật là một tôn giáo hay là một triết lý?".

Bởi vì tôn giáo đặt nặng vào đức tin, trong khi triết lý dựa trên lý trí.

Nói chung thì triết lý đặt lên những câu hỏi tổng quát về cuộc đời, không tin vào thần linh, không dựa lên các tín điều, nghi lễ, tổ chức, trong khi tôn giáo đưa ra những câu trả lời nằm sẵn trong các tín điều, tôn thờ thần linh, dựa trên các nghi lễ và tổ chức giáo hội.

Thật ra, đạo Phật không thể nào đóng khung lại vào trong một trong hai khuôn khổ đó. Chính tùy theo cách nhìn của người Phật tử, hay nhà Phật học, mà đạo Phật xuất hiện như một triết lý hay một tôn giáo. Và ngay cả đối với một người Phật tử, có những lúc đặt trọng tâm vào giáo lý, có những lúc lại nghiêng về tín ngưỡng, tùy theo tình trạng tâm lý nhất thời.

Đúng về mặt lịch sử, có thể nói rằng đạo Phật trong nguồn gốc là một triết lý, nhưng trong sự phát triển đã nhiễm màu sắc tôn giáo, và khía cạnh này đã trở thành chính yếu đối với đa số Phật tử trên thế giới. Đức Phật Thích Ca lịch sử chỉ là một con người như những người khác, ngài không phải là một đấng thần linh, cũng không phải là một vị giáo chủ, mà chỉ là một người dẫn đường, một vị thầy, một vị Như Lai (Tathagata, ainsi allé, đã đi tới). Chỉ sau khi ngài tịch diệt, người ta mới tôn thờ ngài, sùng tín ngài như các vị Phật khác và các vị Bồ Tát.

Như vậy có thể nói rằng trong đạo Phật, có đức tin mà cũng không có đức tin, tùy theo người ta nhìn dưới góc độ nào, tùy theo tông phái và nhất là tùy theo lòng tin như thế nào.

Đức tin trong đạo Phật nguồn gốc (1)

Theo truyền thống Ấn Độ cổ xưa, người ta thường phân chia các con đường giải thoát ra làm 3 loại: đường sùng tín (bhakti-magga), đường lễ nghi (kamma-magga) và đường trí tuệ (ñāna-magga). Có thể nói rằng đạo Phật thuộc loại đường thứ ba, tuy không có nghĩa rằng hai loại đường kia hoàn toàn không có mặt trong đạo Phật.

Trong giáo lý căn bản của đức Phật, vô minh (avijja) là điểm khởi đầu của vòng tròn mười hai nhân duyên (paticca-samuppada) đưa tới sinh tử, khổ đau, và như vậy chỉ có trí tuệ (ñāna hay pañña) mới đánh tan được vô minh và dẫn tới giải thoát. Trí tuệ đó không phải ở trên trời rơi xuống, cũng không phải do Thượng Đế hay thần linh nào ban cho, mà là do mình

tự phát triển, theo con đường giải thoát vạch ra bởi đức Phật.

Trong con đường chánh tám nẻo (ariya-atthangika -magga) đó, chánh kiến (samma ditthi) là quan trọng nhất, bởi vì điều cốt yếu là nhìn thấy sự thật như vậy (yatha bhutam). Trong kinh điển Phật giáo thường nói đến "con Mắt của sự thật", khi một người đã thấy rõ được chân lý. Và ngay sau khi đức Phật Thích Ca tịch diệt, khắp nơi đều vang lên tiếng than vãn: "Con Mắt của thế giới đã mất rồi ! Con Mắt của thế giới đã mất rồi!" (2). Giáo lý của đức Phật còn được gọi là ehipassika "lại đây xem", chứ không phải là "lại đây tin".

Chúng ta cũng nhận thấy trong tám nẻo đường chánh đó còn có: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nhưng không có chánh tín.

Phải chăng như vậy phải hiểu rằng đức tin không phải là một điều quan trọng đối với đạo Phật, và người Phật tử không cần đến đức tin mà chỉ cần tinh tấn?

Thật ra, trong đạo Phật nguồn gốc, cũng có đức tin, gọi là saddha theo tiếng pali, và sraddha theo tiếng sanskrit, nhưng tin theo nghĩa tin tưởng (foi de confiance), chứ không phải theo nghĩa sùng tín (dévotion) như trong các tôn giáo thần khải. Người Phật tử tin tưởng vào đức Phật và giáo lý của ngài, cũng như người chưa quen đường đặt tin tưởng vào người dẫn đường, tức là người đã đi trước, đã thực nghiệm con đường và chỉ dẫn cho những người theo sau. Đức Phật Thích Ca không phải là một vị thần thánh phép lực vô biên, mà là một con người đã quyết tâm đi tìm con đường giải thoát, và đã đạt được giác ngộ bằng sự cố gắng của chính mình. Trong suốt cuộc đời còn lại và qua bao nhiêu thế hệ sau, bằng giáo pháp của ngài, ngài vẫn tiếp tục chỉ dẫn cho tất cả những ai muốn đi theo con đường đó. Do đó, trong tất cả những danh hiệu của ngài, có lẽ "đức Đạo Sư" là chính xác và thích hợp hơn cả.

Dĩ nhiên, người đi đường phải đặt sự tin tưởng, lòng tin cậy ở người dẫn đường, bởi vì lần đầu tiên đi trên con đường này, cũng như một người mắt kém đi trong bóng tối, lỡ có khi sai bước sẩy chân, thì có thể té ngã bất cứ lúc nào, do đó lúc đầu phải vững lòng tin. Rồi dần dần, bằng kinh nghiệm bản thân, người đi đường sẽ tự mình nhìn rõ lối đi và không còn phụ thuộc vào người dẫn đường, không còn cần đến lòng tin nữa.

Chính đức Phật cũng đã dạy cho các đệ tử của mình, trước khi ngài viên tịch: "Các con hãy là những hải đảo, những ngọn đuốc cho chính mình. Hãy nương tựa vào chính mình, không nương tựa vào nơi nào khác" (2). Ngài cũng nhắc lại trong Kinh Pháp Cú: "Các người hãy tự cố gắng, Như Lai chỉ là kẻ dẫn đường..." (3).

Trong kinh điển Pali, có một bài kinh còn được gọi là Kinh Đức Tin, đó là bài kinh Kalama (4). Một ngày kia, đức Phật đi qua một thị trấn nhỏ, tên là Kesaputta, thuộc vương quốc Kosala. Người dân tại đó, gọi là dân Kalama, liền tới thăm đức Phật và trình bày sự hoang mang của họ trước sự kiện các Sa môn

và tu sĩ Bà La Môn đi ngang qua đây đều đề cao tôn chỉ của mình và chê bai tôn chỉ người khác. Như vậy họ đâm ra nghi ngờ, không biết người nào nói thật, người nào nói sai, không biết nên tin theo ai. Đức Phật bèn giảng cho họ về mười nền tảng của một đức tin chân chính, và khuyên họ luôn luôn giữ tinh thần phê phán, không chấp nhận một sự thật nào trước khi tự mình kiểm chứng và thực nghiệm.

- "Này các vị Kalama, các vị đừng tin vì nghe lời nói lại, đừng tin vì theo truyền thống, đừng tin vì nghe lời đồn đại, đừng tin vì có trong kinh điển, đừng tin vì lý luận siêu hình, đừng tin vì suy diễn hay dựa lên những dữ kiện, đừng tin vì thấy thích hợp với mình, đừng tin vì người nói có vẻ có uy quyền, đừng tin vì nghĩ rằng vị ấy là thầy của mình. Nhưng này các vị Kalama, khi nào các vị tự mình biết rõ: 'Các pháp này là bất thiện (akusala, gây nghiệp không tốt), các pháp này nếu được thực hiện, sẽ đưa đến bất hạnh khổ đau', thì các vị hãy từ bỏ chúng. Và khi nào các vị tự mình biết rõ: 'Các pháp này là thiện (kusala, gây nghiệp tốt), các pháp này nếu được thực hiện, thì sẽ dẫn đến hạnh phúc an vui', thì các vị hãy đi theo và hành trì".

Có lẽ trong suốt lịch sử nhân loại, chưa có một triết gia, một nhà tôn giáo nào có một thái độ tự do, cởi mở, đề cao lý trí và thực nghiệm như vậy. Ngoài đức Phật ra, ai có thể nói được rằng: đừng tin vào kinh điển, đừng tin vào lời dạy, ngay của chính ta, bởi vì "tất cả những điều ta dạy cũng như ngón tay chỉ mặt trăng" (5)? Nhân một dịp khác, đức Phật còn cảnh cáo thêm: "Tin ta mà không hiểu ta, tức là phi báng ta vậy".

Do đó, điều cần thiết nhất đối với người Phật tử là sự tin tưởng ở chính mình, tin tưởng ở khả năng tự giác của mình, đồng thời tin tưởng ở Tam Bảo (ti-ratana), tức là Phật, Pháp, Tăng. Lễ Quy y Tam Bảo (ti-sarana) là nghi lễ nhập môn cho tất cả các Phật tử, cũng không nằm ngoài tinh thần đó: nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, chính là đặt sự tin tưởng vào con đường, những người đã đi trước và những người dẫn đường.

Theo tinh thần tin tưởng đó, đức tin không đi ngược lại với lý trí, và còn đóng một vai trò quan trọng trên con đường giải thoát bằng cách mang lại nghị lực cần thiết cho sự tinh tấn, kiên trì tu tập. Không có lòng tin lôi kéo, thúc đẩy, con người sẽ trì trệ, buông lơi và nhiều khi lùi bước trước những khó khăn, thử thách gặp phải. Có thể nói rằng tin tưởng và lý trí bổ túc cho nhau một cách cân đối trong đạo Phật nguồn gốc.

Đức tin trong sự phát triển của đạo Phật

1. Sự sùng tín trong đạo Phật nguồn gốc và Nguyên Thủy:

Tại Ấn Độ trong những thế kỷ sau khi đức Phật tịch diệt, song song với tinh thần tin tưởng (saddha) nói trên, tinh thần sùng tín (dévotion) (bhakti) vẫn tiếp tục bành trướng trong dân gian và không khỏi ảnh hưởng vào sự tiến hóa của đạo Phật. Có thể nói

rằng đức tin đã dần dần xâm nhập vào đạo Phật bằng những hình thức nghi lễ, sùng bái của một tôn giáo.

Đọc Kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahaparanibbana-Sutta) tiếng Pali, chúng ta cũng thấy rõ rằng tinh thần sùng bái, tín ngưỡng thật ra đã xuất hiện rất sớm. Ngay sau khi đức Phật tịch diệt tại Kusinara, các vua chúa vùng lân cận đã kéo binh mã tới, tranh giành nhau những di tích hoại thể của đức Phật, như những viên xá lợi, răng, tóc để đem về thờ phụng tại nước họ. Rất cục, để bảo tồn hòa bình, các đệ tử của đức Phật đồng ý phân chia những phần còn lại trong hoại thể của ngài ra làm 8 nơi để được thờ phụng.

Thật ra, sự sùng bái di tích hoại thể đó đi ngược lại với lời căn dặn của đức Phật với các đệ tử của ngài trước khi ngài tịch diệt: "Sau khi ta chết đi, điều mà các con phải giữ gìn là Chánh Pháp. Chính Chánh Pháp sẽ thay thế ta ở cõi đời này. Hãy giữ gìn lấy Chánh Pháp" (2). Tiếc thay, trong tâm lý con người, Chánh Pháp là một cái gì quá trừu tượng để mà nương tựa vào, trong khi một chân răng, một sợi tóc, một viên xá lợi, dù không phải là của đức Phật đi chăng nữa, cũng đủ gây nên sự sùng bái và nuôi dưỡng lòng tin.

Như vậy, nói rằng không có sùng tín trong đạo Phật Nguyên Thủy (là sự tiếp nối của đạo Phật nguồn gốc), là một điều không chính xác. Chỉ cần nhìn cách tôn thờ thành khẩn và ảnh hưởng của Phật giáo trên đời sống xã hội tại các nước theo đạo Phật Nguyên Thủy, như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào, là chúng ta đủ thấy rõ tinh thần sùng tín ở đây mạnh mẽ như thế nào.

Nói chung, sự sùng tín Tam Bảo tại các nước theo đạo Phật Nguyên Thủy có thật, nhưng thường ngừng ở một mức độ phải chăng, và điều quan trọng là không có tính chất quá khích và cũng mang ít tính chất vụ lợi, cầu xin danh lợi cho mình và thân quyến. Cũng có thể nói rằng đức tin tại đây có tính chất đơn giản và thuần túy hơn là tại các nước theo đạo Phật Đại Thừa, theo ý nghĩa chỉ tôn thờ đức Phật Thích Ca thay vì hàng chục vị Phật và Bồ Tát.

2. Sự sùng tín trong đạo Phật phát triển (Đại Thừa):

Khi so sánh các kinh điển của đạo Phật Nguyên Thủy (Tam tạng Pali) với các kinh điển Đại Thừa (như Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Duy Ma Cật, Lăng Nghiêm, Di Đà, v.v...), thì người ta không khỏi nhận thấy sự khác biệt giữa cách trình bày giản dị, tự nhiên, tuy có phần khô khan và lặp đi lặp lại, của kinh điển Nguyên Thủy, và cách trình bày phóng đại, phi thường, hoa mỹ của kinh điển Đại Thừa, như "đức Phật phóng hào quang, hương thơm tỏa ngào ngạt, đất trời rung chuyển", v.v..., với những hiện tượng siêu nhiên, thường có mặt trong khuôn khổ của sự sùng bái.

Như chúng ta biết, các đặc điểm của Đại Thừa là tôn thờ chư Phật và chư Bồ Tát, dựa lên thuyết "tam thân" của đức Phật (trikaya) (6), đặt nặng vào hạnh nguyện Bồ Tát, đưa từ bi và đức tin lên ngang hàng với trí tuệ, và dùng đến một số phương tiện thiện xảo

(upaya kausalya). Về giáo lý, Đại Thừa dựa lên những bộ kinh xuất hiện sau Tam Tạng Pali, mỗi tông phái lấy một hay nhiều bộ kinh làm kim chỉ nam (7). Và giữa các tông phái, đức tin có một tầm quan trọng khác nhau, một cường độ khác nhau, và có thể nói là đóng một vai trò khác nhau.

a) Với tư tưởng Bát Nhã, được trình bày trong bộ Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa (Mahaprajnaparamitasutra), và luận giải bởi ngài Long Thọ (Nagarjuna), thì trí tuệ (pañña tiếng pali, prajña tiếng sanskrit) là điều quan trọng hơn hết, tuy rằng, tuy rằng ngài Long Thọ công nhận rằng "Con đường đức tin là con đường dễ, con đường trí tuệ là con đường khó". Vì vậy con đường ngài đề xướng ra, Trung Quán (Madhyamaka), còn được gọi là "Tân phái Trí tuệ", để phân biệt với con đường "Cổ phái Trí tuệ" của Trưởng Lão Bộ (Sthaviravada). Tư tưởng Bát Nhã, thể hiện qua hai bài Bát Nhã Tâm Kinh và Kinh Kim Cương, đã ảnh hưởng sâu đậm vào sự phát triển của Thiền tông tại Trung Hoa và các nước lân cận.

Đối với Thiền tông, đức tin không phải là một điều quan trọng. Vì không có gì để tin, "vạn pháp giai không", chỉ có cái tự tánh rỗng lặng, tịch tịch. Người Thiền sinh chỉ cần tin tưởng vào khả năng giác ngộ của mình, tin tưởng vào người thầy chỉ đường cho mình trong những bước đầu, lấy sự tin tưởng đó làm phương tiện. Rồi sau đó rời bỏ nó, quên nó đi, như quên ngón tay để theo mặt trăng.

"Trực chỉ nhân tâm" thì không cần gì những hình tượng Phật, như danh sắc, như thanh hương, là những gì ở ngoài tâm.

Chúng ta hẳn còn nhớ câu chuyện của một vị thiền sư già và người đệ tử đi đường bỗng nhiên gặp bão tuyết, nên tạm trú trong một hang động.

Vị thiền sư sai người đệ tử đi vào trong động tìm củi để sưởi ấm. Sau một thời gian, người đệ tử trở ra.

"Bạch thầy, không có củi gì để đốt. - Người có chắc không? vị thiền sư gặng hỏi. - Dạ chắc! - Thật không có gì trong động hết sao? - Dạ, chỉ có một pho tượng Phật bằng gỗ". Vị thiền sư đi xăm xăm vào trong động, khiêng ra pho tượng Phật, và trước mặt người đệ tử, lấy búa bổ pho tượng ra từng mảnh, rồi châm lửa đốt. Anh lửa bùng lên, và người đệ tử bỗng nhiên hoạt ngộ.

Phật là Phật, củi là củi, tin vào củi chẳng phải là tin vào Phật. Thờ kính tượng Phật chẳng phải là thờ kính Phật. Sống theo lời Phật dạy mới chính là thờ kính Phật. Cũng như lời dạy trong Kinh Kim Cương: "Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, thì người theo tà đạo, không thể thấy Như Lai" (8).

b) Ngược lại, đối với Tịnh Độ tông, đức tin là chính yếu. Đức tin theo nghĩa sùng bái (bhakti), yêu kính chư Phật để được các ngài cứu độ lên cõi xứ hay thế giới của các ngài, và cuối cùng được giải thoát. Cõi xứ quen thuộc nhất là cõi Tây Phương cực lạc (Sukhavati) của đức Phật A Di Đà (Amitabha, Amitayus), Vô lượng Thọ Quang Phật. Nhưng còn có vô số cõi xứ Phật, còn gọi là trường Phật (champs de

Bouddha) bằng bạc khắp nơi, dưới muôn hình vạn trạng, và cuối cùng cũng chỉ là một. Khắp nơi đều có Phật, như lời của ngài Duy Ma Cật: "Tất cả những thiên cung tráng lệ, tất cả những thế giới Tịnh Độ đều thể hiện nơi đây, trong chính căn phòng này" (9).

Về thực hành, các vị tổ sáng lập ra Tịnh Độ tông quan niệm rằng đạo Phật đã tới thời kỳ "mạt pháp", cho nên người Phật tử cần phải dùng đến những phương tiện thiện xảo như tụng niệm kinh kệ, và đặc biệt niệm Phật A Di Đà (tiếng Nhật gọi là nembutsu), với một niềm tin mãnh liệt, nhằm được tái sinh lên xứ Phật và cuối cùng được giải thoát. Vì không đủ "tự lực" (tiếng Nhật gọi là jiriki), cho nên người Phật tử phải kêu gọi đến "tha lực" (tariki), để các ngài cứu độ và truyền sức mạnh vào mình.

Tịnh Độ tông dựa lên 3 tâm căn bản là: tín tâm, thành khẩn tâm và chuyên nhất tâm; và 3 bộ kinh chính là: kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm (7).

Nhìn dưới khía cạnh tâm lý, thì đức tin của người Phật tử Tịnh Độ không có gì khác biệt với đức tin của tín đồ Ky Tô giáo hay Hồi giáo, tức là đức tin hướng về Thượng Đế, chúa Ky Tô, Allah hay ngài Mohamed. Thật ra, nhìn kỹ hơn, ta sẽ nhận thấy một sự khác biệt không nhỏ: đó là tính chất phương tiện và tạm thời của lòng tin nơi chư Phật và Bồ Tát. Các vị tổ Tịnh Độ tông vẫn nhắc nhở rằng "đức tin là con đường dễ tu cho những người có căn cơ thấp", nhưng giác ngộ Niết Bàn vẫn là cứu cánh thực sự và duy nhất.

Như vậy có thể nhìn Tịnh Độ dưới hai khía cạnh, hay hai mức độ, là "Tịnh Độ tha phương" và "Tịnh Độ tự tâm", tức là xem Tịnh Độ như một thế giới khác mình mong cầu tái sinh lên, hoặc xem Tịnh Độ như là cõi xứ an tịnh trong tâm của mình. Theo kinh Duy Ma thì "Nếu Bồ Tát muốn được Tịnh Độ, thì phải tịnh cái tâm của mình. Khi nào tâm tịnh rồi, thì cõi Phật sẽ tịnh". Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông cũng nói về Tịnh Độ như sau: "Tịnh Độ là lòng trong sạch, Chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương. Di Đà là tính sáng soi, Mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc". (Mưa = chớ, đừng, ghi chú của VG)

c) Mật tông, Tantrayana (hay Kim Cương Thừa, Vajrayana), là tông phái của Đại Thừa dùng nhiều phương tiện thiện xảo nhất, với những lễ nghi, những thực hành có tính chất bí truyền (ésotérique), ngược lại với tính chất công truyền (exotérique) (10) của giáo lý nguồn gốc và Nguyên Thủy. Về mặt lý thuyết, Mật tông dựa lên giáo lý của Trung Quán và Duy Thức, nhưng điều này không ngăn cản sự phát triển của vô số thần linh, lễ nghi, bùa chú, ấn quyết, trộn lẫn với tôn giáo dân gian bản xứ. Vì quan niệm "luân hồi là Niết Bàn", cho nên điểm đặc biệt của Kim Cương Thừa là dùng tất cả những kinh nghiệm sống của con người, tất cả những trạng thái tâm thần, dù là xấu xa, hèn kém, để chuyển hóa chúng, nhằm vượt khỏi thế giới nhị biên và đạt tới chân lý. Trên con đường tu học khó khăn và phức tạp này, sự hướng dẫn của một vị thầy (guru) là một điều cốt yếu. Người

đệ tử cần phải có một đức tin vững chắc vào mối liên hệ thầy-trò này (như mối liên hệ giữa các ngài Tilopa, Naropa, Marpa và Milarepa), cũng như lòng tin ở khả năng giác ngộ của chính mình. Nhìn bề ngoài, Mật tông có vẻ mang đầy màu sắc lễ nghi, hình thức phức tạp, nhưng thật ra, trong chiều sâu và trên mức độ cao nhất, đó chính là một con đường tìm kiếm thuần túy của sự toàn giác, với một con người toàn diện.

Tóm tắt và kết luận

Điều quan trọng nên ghi nhớ trong đạo Phật là: đức tin chỉ là một phương tiện. Trí tuệ cũng chỉ là phương tiện, nhưng là phương tiện cốt yếu, trong khi đức tin là một phương tiện thứ yếu, tạm thời. Mục đích tối hậu của đạo Phật là giải thoát, là giác ngộ. Đó cũng là mục đích duy nhất và mục đích chung của tất cả các tông phái Phật giáo.

Đức tin có thể được so sánh với một chiếc gậy, để chống vịn vào, khi bắt đầu đi trên những quãng đường khúc khuỷu, tối tăm. Nhưng rồi sau đó, khi đường đi đã sáng sủa, thênh thang, thì không còn cần đến chiếc gậy nữa. Đức tin cũng có thể được so sánh với một chiếc phao, nên đeo lúc ban đầu để tập bơi, nhưng phải rời bỏ khi đã biết bơi. Cũng như không cần đến chiếc bè khi đã qua kia sông, không cần đến ngón tay khi đã thấy mặt trăng.

Nhưng đôi khi bỗng nhiên cơn bão tố ập tới trong đời, làm con người cảm thấy yếu đuối và tuyệt vọng. Đức tin lúc bấy giờ lại xuất hiện như một chiếc phao với được trong biển động, cần thiết hơn bao giờ hết...

Đức tin trong đạo Phật nguồn gốc và Nguyên Thủy, là tin tưởng. Tin tưởng ở những vị đã giác ngộ, tức là Phật, tin tưởng ở con đường các ngài đã vạch ra, tức là Pháp, tin tưởng ở những vị thầy đã đi trước, tức là Tăng. Điều quan trọng là tin tưởng nhưng không bao giờ quên chiêm nghiệm, thực chứng những điều đã học được. Và nhất là tin tưởng ở chính mình, ở khả năng tự giác của mình.

Đức tin trong đạo Phật phát triển (Đại Thừa), theo pháp môn Tịnh Độ, là sự sùng tín chư Phật và Bồ Tát, nhưng sự sùng tín đó, cũng như sự kêu gọi tới "tha lực" của các ngài, không làm quên đi cứu cánh tối hậu là giải thoát, là nhận chân được Phật tánh trong mình.

Thật ra, nếu lấy "tâm" làm chủ, nếu hiểu được rằng "Phật tại tâm", thì có gì khác biệt giữa "tự lực" và "tha lực"? Khi kêu gọi đến tha lực, thì tha lực ấy ở đâu mà có, nếu không phải là sức mạnh trong chính tâm mình? Chư Phật, chư Bồ Tát ở đâu, nếu không phải ở thế giới trong tâm mình? Thế giới Tịnh Độ ở đâu, nếu không phải là sự thanh tịnh trong tâm mình, ở lúc này và tại đây?

Đức tin trong Mật tông (hay Kim Cương Thừa) cũng như vậy. Ngoài tin tưởng ở Tam Bảo ra, Mật tông còn xem mối liên hệ thầy-trò là cốt yếu, và dùng nhiều phương tiện thiện xảo để đạt tới giác ngộ, trong khi trong Thiền tông, tuy có sự ấn chứng của vị thầy "dĩ tâm truyền tâm", nhưng cái chính là chỉ thẳng vào tâm để nhận chân Phật tánh, không cần đến các

phương tiện thiện xảo, mà chỉ cần đến chánh niệm trong tinh thức.

Nói cho cùng, tất cả cũng là ở niềm tin nơi chính mình. Tin tưởng ở Tam Bảo, sùng tín chư Phật, Bồ Tát thật ra cũng chính là tin vào mình, vào cái tự tánh chân thật của mình...

Còn mê tín và cuồng tín?

Mê tín và cuồng tín không có chỗ đứng trong đạo Phật. Bởi vì đạo Phật là con đường của trí tuệ, của sự phá bỏ vô minh. Và vô minh là nguồn gốc của mê tín và cuồng tín, lòng tin lầm lạc dẫn tới khổ đau.

Với đạo Phật, không bao giờ có chiến tranh tôn giáo, tranh chấp về giáo lý, đả kích về đức tin. Lý do giản dị là: bẻ vụn tay nhau làm chi, khi chỉ có mặt trăng là chính yếu!

(Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích

(1) Đạo Phật nguồn gốc, sơ khởi hoặc cổ xưa (*bouddhisme primitif ou ancien*) là đạo Phật vào những lúc ban đầu, khi đức Phật Thích Ca còn tại thế, và trong một thời gian sau khi ngài viên tịch, trước khi tăng đoàn bị phân chia ra làm hai ngành chính, là Trường Lão Bộ (*Sthaviravada*) và Đại Chúng Bộ (*Mahasanghika*), vào lúc Đại hội kết tập lần thứ 3. Đạo Phật Nguyên Thủy (*Theravada*) là đạo Phật phát xuất từ Trường Lão Bộ, sau nhiều phân chia, biến hóa, và có mặt cho tới ngày hôm nay tại các nước gọi là "Nam truyền". Cả hai đạo Phật nguồn gốc và Nguyên Thủy đều có thể gọi chung là đạo Phật theo truyền thống Pali, vì dựa lên kinh điển Pali, đặc biệt là Tam Tạng (*Tipitaka*).

(2) Kinh Đại Bát Niết Bàn (*Mahaparanibbana-Sutta*) tiếng Pali, thuộc Trường Bộ Kinh (*Digha-nikaya*). Đừng lầm với Kinh Đại Bát Niết Bàn của Đại Thừa, nguyên văn viết bằng tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán và tiếng Tây Tạng, dài hơn và nội dung có hơi khác.

(3) Kinh Pháp Cú (*Dhammapada*, 276)

(4) Kinh Kalama, trong Tăng Chi Bộ Kinh (*Anguttara-nikaya*, I. 189-92)

(5) "Nhất thiết Tu đa la giáo như tiêu nguyệt chỉ", Kinh Viên Giác (*Mahavaipulyapurnabuddha-sutra*)

(6) tức là:

a/ Ứng thân (*Nirmanakaya*), tức là thân xác trong đó Phật xuất hiện trước mắt mọi người,

b/ Báo thân (*Sambhogakaya*), tức là thân trong đó Phật sống trong thế giới Tịnh Độ, thế giới Cực Lạc của chư Phật, và

c/ Pháp thân (*Dharmakaya*), là Chân tướng của Phật, là sự thực siêu nhiên bình đẳng của mọi pháp.

(7) Chẳng hạn như Thiền tông dựa lên bộ kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa (*Mahaprajnaparamita-sutra*), đặc biệt Bát Nhã Tâm Kinh (*Prajnaparamita-hridaya-sutra*) và kinh Kim Cương (*Vajrachhedika-prajnaparamita-sutra*), kinh Lăng Già (*Lankavatara-sutra*), kinh Pháp Bảo Đàn (*Tổ Huệ Năng*). Tịnh Độ tông dựa lên kinh A Di Đà (*Amitabha-sutra*), kinh Quán Vô Lượng Thọ (*Amitayurdhyana-sutra*) và Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm (*Sukhavati-vyuha*), kinh Pháp Hoa (hay Diệu Pháp Liên Hoa) (*Saddharmapundarika-sutra*), kinh Hoa Nghiêm (*Avamtasaka-sutra*), kinh Duy Ma Cật (*Vimalakirtinirdesha-sutra*)... Mật tông (hay Kim Cương Thừa) cũng lấy kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa và kinh Lăng Già, theo hai trường phái Trung Quán (*Madhyamaka*) và Duy Thức (*Vijnanavada* hoặc *Yogacara*), làm căn bản.

(8) "Nhược dĩ sắc kiến ngã, Dĩ âm thanh cầu ngã, Thị nhân hành tà đạo, Bất năng kiến Như Lai", Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa (*Vajrachhedika-prajnaparamita-sutra*)

(9) Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết (*Vimalakirtinirdesha-sutra*)

(10) Như đức Phật Thích Ca đã nói với ngài A Nan ít lâu trước khi ngài viên tịch: "Trong khi dạy đạo Pháp, ta không hề phân biệt những gì bí truyền và những gì không bí truyền. Lời dạy của Như Lai không như bàn tay nắm chặt của người thầy (*acaraya-muttthi*)". (Kinh Đại Bát Niết Bàn, *Mahaparanibbana-Sutta*, tiếng Pali).

Khái niệm về "Thể dạng trung gian" giữa cái chết và sự sinh trong Phật Giáo

• Hoang Phong

Tất cả mọi hiện tượng đều tương liên với nhau và biến đổi, không có một sự gián đoạn hay ngưng nghỉ nào, không có gì bớt đi cũng không có gì thêm vào, chỉ có nguyên nhân này sinh ra hậu quả kia, rồi hậu quả kia lại tạo ra nguyên nhân khác. Đó là cái nhìn của Phật giáo đối với tất cả các hiện tượng trong vũ trụ cũng như đối với sự sống và cái chết của từng cá thể.

Thế nhưng con người thường không chấp nhận quy luật biến đổi liên tục ấy của mọi hiện tượng và xem sự sinh là một biến cố mới mẻ đánh dấu một sự khởi đầu, cái chết là một sự chấm dứt hay xóa bỏ. Trên thực tế sự sinh không xảy ra một cách vô cớ mà cần phải có một nguyên nhân từ trước và hội đủ một số điều kiện nào đó. Mặt khác nếu sự sinh tạo ra các nguyên nhân và điều kiện cần thiết giúp cho cái chết có thể xảy ra, thì chính cái chết nhất định cũng tạo ra các nguyên nhân khác và các điều kiện khác giúp một sự sinh mới có thể hình thành. Quá trình diễn tiến của sự sinh đưa đến cái chết thì mọi người đều biết, thế nhưng quá trình của cái chết đưa đến sự sinh lại là một câu hỏi rất lớn, một «khoảng trống» khó nắm bắt.

Dựa vào các phương pháp quan sát, phân tích và các kỹ thuật thiền định, Tan-tra thừa, còn gọi là Kim cương thừa, ra sức tìm hiểu thật chi tiết các hiện tượng biến động xảy ra giữa hai biến cố trên đây, tức những gì xảy ra giữa cái chết và sự sinh của một cá thể. Hơn thế nữa Tan-tra thừa còn đưa ra các phép tu tập giúp chủ động được các thể dạng xảy ra trong các giai đoạn của quá trình đó để hướng chúng vào sự tu tập với mục đích «chặn đứng» hay «ngắt bỏ» quá trình của sự sinh để đạt được sự Giải thoát thật sự.

Một cách tổng quát đối với Phật giáo Đại thừa nói chung và nhất là đối với Tan-tra thừa, các hiện tượng xảy ra giữa «cái chết» và «sự sinh» được phân chia thành ba giai đoạn:

a) **Giai đoạn thuộc quá trình của cái chết:** tức quá trình tan biến của thân xác và tâm thức thuộc kiếp sống hiện tại.

b) **Giai đoạn trung gian:** tiếng Phạn gọi là **Antarabhava**, tiếng Tây Tạng gọi là **Bardo**: tức là giai đoạn chuyển tiếp giữa quá trình trên đây và quá trình hình thành còn gọi là sự sinh xảy ra sau đó.

c) **Giai đoạn thuộc quá trình của sự sinh tức:** là quá trình diễn tiến của sự thụ thai và sự hình thành một cá thể thuộc vào kiếp sống sau.

Thể dạng trung gian còn gọi là **Trung hữu** hay **Trung âm** là một hiện tượng cấu hợp, do đó nó cũng vô thường và sinh diệt như tất cả các hiện tượng khác. Tuy nhiên khái niệm về thể dạng trung gian của các tông phái Phật giáo không hoàn toàn thống nhất. Sau đây là phần trình bày thật sơ lược vài nét chính về thể dạng

trung gian đối với Phật giáo Nguyên thủy, Đại thừa nói chung và Tan-tra thừa.

A- Khái niệm về thể dạng trung gian đối với Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa

Phật giáo Nguyên thủy hay Theravada còn gọi là Phật giáo Nam Tông không chấp nhận sự hiện hữu của thể dạng trung gian (*antarabhava*). Đối với Phật giáo Nguyên thủy, *dòng tiếp nối liên tục của tri thức* (continuum of consciousness) trực tiếp chuyển tải nghiệp của một cá thể từ cái chết sang sự sinh (thụ thai) không có sự gián đoạn nào tức không trải qua một thể dạng trung gian nào cả. Sự «chuyển tiếp» giữa thể dạng hiện hữu trước sang thể dạng hiện hữu tiếp theo sau xảy ra rất nhanh chỉ trong khoảnh khắc của «*một chớp mắt hay một tia chớp*».

Tóm lại Phật giáo Nguyên thủy không quan tâm đến những gì xảy ra giữa cái chết và sự sinh. Có thể đây là một sự thiếu sót, vì khi quan sát và theo dõi diễn tiến của một cái chết bình thường, người ta thấy quá trình đó không xảy ra đột ngột như một «*tia chớp*», và đối với sự sinh thì các điều kiện thuận lợi giúp tinh trùng, noãn cầu và dòng tiếp nối liên tục của tri thức kết hợp với nhau không xảy ra trong «*chớp mắt*».

Khái niệm về thể dạng trung gian xuất hiện trước nhất trong học phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivadin), khoảng ba trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Có thể tập *A-tì Đạt-ma Câu-xá luận* (*Abhidharmakosa*) do Thế thân (Vasubandhu - thế kỷ thứ III-IV) biên soạn là tập sách đầu tiên nêu lên khái niệm về thể dạng trung gian xảy ra giữa cái chết và sự sinh. Thể dạng này tương trưng bởi một sinh linh cấu tạo bằng «*khí*» và «*tri thức*» (consciousness), mang hình hài của cá thể mà nó sắp tái sinh và «*sống*» được bảy ngày. Sinh linh trong thể dạng trung gian ấy có thể nhận biết được các sinh linh cùng một thể loại với nó. Sau bảy ngày thì nguyên nhân của nghiệp bắt đầu «*chín*», sinh linh ở thể dạng trung gian trên đây sẽ chuyển sang thể dạng tái sinh trong những điều kiện phù hợp với nghiệp của nó.

Cũng theo học phái Nhất thiết hữu bộ, các sinh linh trong hai cõi dục giới và hình tướng đều phải trải qua một thể dạng trung gian *antarabhava* giữa quá trình tan biến của cái chết và quá trình hình thành của sự sinh. Ngoài khái niệm về thể dạng trung gian trên đây do học phái Nhất thiết hữu bộ chủ trương, còn có thêm một học phái xưa khác là Tự ngã bộ (Pudgalavada) cũng chủ trương bắt buộc phải có một thể dạng trung gian chuyển tải dòng tiếp nối liên tục của tri thức từ một cá thể (pudgala) này sang một cá thể khác.

Trong số các tông phái Đại thừa, Duy thức học (Yogacara – Cittamatra) đặc biệt nghiên cứu và chú trọng đến thể dạng trung gian *antarabhava*. Học phái Duy thức nêu lên khái niệm về một «*cơ sở*» giữ vai trò «*hỗ trợ*» hay «*chuyển tải*» tri thức (consciousness) xuyên qua các thể dạng hiện hữu khác nhau. Cơ sở này chính là *a-lại-da thức* (*alayavijnana*) chuyển tải các vết hằn (tiếng Phạn: *vasana* – kinh sách tiếng Việt gọi là *tập khí*) của nghiệp và các chủng tử (tiếng Phạn: *bija*) tạo ra thể dạng tương lai của một cá thể. Tóm lại trên một khía cạnh nào đó có thể hiểu *a-lại-da thức* là *dòng tiếp nối liên tục của tri thức* (continuum of consciousness) của một cá thể, vận hành xuyên qua thể dạng trung gian.

Tan-tra thừa «mô tả» các cơ sở chuyển tải trên đây dưới hình thức các «khí» cực tinh tế.

Vô trước (Asanga, thế kỷ thứ V) trong tập *A-tì Đạt-ma tập luận (Abhidharmasamuccaya)* cho biết trong trường hợp cái chết xảy đến với một người mang nhiều nghiệp tiêu cực nửa phần cơ thể bên trên của người này mất hơi ấm trước nhất, trái lại trong trường hợp cái chết xảy đến với một người đạo hạnh thì hơi ấm khởi sự suy giảm trước hết từ nửa phần bên dưới của cơ thể. Vô trước còn cho biết thêm «*đối với người hung ác, sinh linh trong thể dạng trung gian mang hình tướng một con bò mộng đen tuyền hoặc tương tự như bóng tối dày đặc, [trái lại] đối với người đạo hạnh [sinh linh trong thể dạng trung gian] sẽ giống như một tấm vải trắng hay ánh sáng trắng rạng rỡ*» (trích trong tập *Abhidharmasamuccaya*, dựa theo bản dịch của W. Rahula). Sinh linh trong thể dạng trung gian «sống» bảy ngày, hoặc nhiều hơn, tuy nhiên cũng có thể «chết» trước thời hạn đó. Sinh linh này rất linh động vì không có chướng ngại nào ngăn cản được sự di chuyển của nó.

Sinh linh trong thể dạng trung gian «chết» đúng vào lúc hình thành sự thụ thai. Dục vọng, lòng mong muốn được tái sinh và sự bám víu vào một nơi chốn nào đó là những động cơ thúc đẩy các sinh linh trong giai đoạn trung gian đi tìm các điều kiện tái sinh phù hợp với nghiệp của mình. Thời điểm khi xảy ra sự sinh (thụ thai) đánh dấu sự chấm dứt của thể dạng trung gian và xác định sự thâm nhập của tri thức vào phôi vừa được hình thành. Cũng bắt đầu từ thời điểm trên đây phôi hàm chứa một tri thức mới, tượng trưng cho quả phát sinh từ nghiệp trong các kiếp trước. Thông thường thể dạng trung gian kéo dài 7 ngày, tối đa 49 ngày sau khi chết. Tuy nhiên theo sự tin tưởng của một số tông phái Phật giáo Nhật bản thời gian này có thể lên đến 77 ngày.

B- Thể dạng trung gian đối với Tan-tra thừa

Khái niệm về thể dạng trung gian được Tan-tra thừa và nhất là Tối thượng du-già Tan-tra nghiên cứu, tu tập và quảng bá rộng rãi. Tan-tra thừa sử dụng các phương pháp quan sát, phân tích và thiền định để tìm hiểu các hiện tượng liên quan đến quá trình của cái chết và sự sinh để ứng dụng vào việc tu tập. Cái chết theo Tan-tra thừa là một quá trình tan biến tuần tự của thân xác vật chất và tâm thức, các hiện tượng tan biến này được phân loại thành nhiều cấp bậc từ thô thiển đến tinh tế và cực tinh tế.

Sự tan biến thể xác có nghĩa là thân xác vẫn còn đó thể nhưng các thành phần vật chất tạo ra thể xác không còn hội đủ khả năng để «hỗ trợ» hay «chuyển tải» tâm thức nữa. Sự tan biến của tâm thức hay các thể dạng tâm thần có nghĩa là «khí lực» hay các loại «khí» mất dần khả năng «chuyển tải» các loại cảm nhận và khái niệm. Hai loại hiện tượng tan biến vật chất và tâm thần trên đây diễn tiến song hành với nhau: sự tan biến của các khả năng vật chất xảy ra cùng lúc với sự tan biến của các khả năng tâm thức. Sự tan biến hoàn toàn các khả năng của các thành phần vật chất và tâm thức đánh dấu sự chấm dứt của quá trình của cái chết, tức cái chết thực sự đã xảy ra.

Các hiện tượng tan biến trên đây không nhất thiết chỉ xảy ra trong quá trình của cái chết mà còn thường xuyên xảy ra trong cuộc sống thường nhật, chẳng hạn như khi chớp mắt để ngủ hay khi bất chợt rơi vào sự bất tỉnh. Vì

thể khái niệm về thể dạng trung gian *antarabhava* không nhất thiết chỉ dùng để mô tả giai đoạn trung gian sau khi chết (post-mortem) mà còn dùng để chỉ định các sự biến đổi quan trọng khác của tri thức có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong cuộc sống hàng ngày.

Tóm lại thể dạng trung gian chỉ định một giai đoạn «chuyển tiếp» không hề xác định một sự «chấm dứt» nào cả. Theo Tan-tra thừa việc tu tập cũng là một hành động liên tục, do đó phải lợi dụng bất cứ thể dạng tâm thức nào xảy ra trong các quá trình trên đây để làm hiển lộ «*ánh sáng trong suốt*» (tiếng Phạn: *prabhavasvara*, tiếng Tây Tạng: *'od-gsal*) của tâm thức căn bản hay nguyên thủy. Vì thế các biến đổi quan trọng của tri thức trong giai đoạn trung gian được xem như các «dịp may» hay các «biến cố» thuận lợi giúp người tu tập có thể làm hiển lộ và trực tiếp cảm nhận thể dạng tự nhiên của ánh sáng trong suốt.

Sau đây là các khái niệm về thể dạng trung gian *bardo* theo các trường phái Tan-tra khác nhau:

Ninh-mã phái (Nyingmapa) là một trường phái xưa, xuất hiện rất sớm khi Phật giáo bắt đầu bành trướng ở Tây Tạng vào khoảng thế kỷ thứ VIII-IX. Trường phái này nghiên cứu rất tỉ mỉ thể dạng bardo. Rất nhiều kinh sách thuộc chi phái Dzogchen trong Ninh-mã phái mô tả rất chi tiết về thể dạng trung gian này. Trong số các kinh sách vừa kể có một tập rất nổi tiếng là *Bar-do thos-grol*, còn viết là *Bardo thödol*, có nghĩa là «*Giải thoát khỏi thể dạng trung gian bằng cách nghe*». Thể nhưng tập sách này khi được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau lại thường mang tựa đề không trung thực với nguyên bản, chẳng hạn như «*Tử thư Tây Tạng*», «*Le livre de la mort tibétaine*», «*The Tibetan book of the Dead*», v.v..., cách dịch không chính xác này có thể gây ra hiểu lầm về nội dung của quyển sách.

Theo Phật giáo Tây Tạng có tất cả sáu thể dạng trung gian, thể nhưng thường thì được gom lại thành bốn thể dạng như sau:

I- **Thể dạng bardo tự nhiên của sự sống** (tiếng Phạn: *jatyantarabhava*, tiếng Tây Tạng : *skyes-gnas bar-do*): đó là giai đoạn khởi đầu từ giây phút thụ thai cho đến lúc hội đủ các điều kiện làm phát sinh ra cái chết.

Sở dĩ thể dạng bardo của sự sống giữ được tình trạng tương đối «ổn định» trong một khoảng thời gian nào đó là nhờ vào những nghiệp làm phát sinh ra sự sống ấy vẫn còn bảo tồn được tiềm năng tác động của chúng để duy trì sự sống ấy trong một cõi thuộc sáu cõi luân hồi. Nói một cách khác khi nào các nghiệp ô nhiễm làm phát sinh ra sự sống còn duy trì được một số hiệu năng thì khi ấy sự sống vẫn còn tiếp tục giữ được một sự tương tác thăng bằng nào đó để hiện hữu. Vì thế cũng nên hiểu rằng sự sống dưới thể dạng con người, tức thể dạng bardo của sự sống, đòi hỏi các nghiệp đang tác động phải bảo tồn được một tư thế kết hợp bền vững nào đó. Tư thế kết hợp và tương tác của vô số nghiệp tạo ra sự sống này rất mong manh, và vì lẽ rất mong manh nên sự sống đó thật quý giá. Đó là phương tiện tối cần thiết giúp một cá thể có thể đạt được sự Giác ngộ ngay trong kiếp nhân sinh này, hay trong thể dạng bardo của cái chết. Hoặc trong trường hợp kém may mắn hơn cá thể ấy ít ra cũng sẽ tái sinh trong những điều kiện thuận lợi để có thể tiếp tục tu tập trong kiếp sống sau.

Tình trạng trung gian bardo của sự sống có thể phân chia thành nhiều thể dạng khác nhau căn cứ vào tình trạng biến đổi của các thể dạng tri thức trong cuộc sống thường nhật, có tất cả ba thể dạng chính yếu như sau:

1- Thể dạng bardo tự nhiên (tiếng Phạn: *jatyantarabhava*, tiếng Tây Tạng: rang-bzhin-gyi bar-do): là thể dạng tri thức tự nhiên trong lúc tỉnh, tức là ngoài các giấc ngủ.

2- Thể dạng bardo khi chiêm bao (tiếng Phạn: *svapanantarabhava*, tiếng Tây Tạng: *rmi-lam bar-do*): là quá trình xảy ra lúc «chợp mắt» khi khởi sự ngủ, quá trình này tuy rất ngắn nhưng khá tương tự với quá trình của các hiện tượng tan biến khi xảy ra cái chết. Khi nằm khả năng tri thức của giác cảm tan biến vào a-lại-da thức trong lúc vừa chợp mắt, ánh sáng trong suốt sẽ phát hiện. Thế nhưng quá trình đó diễn tiến quá nhanh khiến hầu hết những người không tu tập không thể nhận biết được và họ chìm vào giấc ngủ thật nhanh chóng ngay sau đó.

Một số người tu tập thiền định du-già có thể «dừng lại» trong ánh sáng trong suốt của giấc ngủ và biến giấc ngủ trở thành một thể dạng tâm thức rạng ngời. Đây cũng là một trong các phép tập luyện Tan-tra giúp họ lưu lại lâu dài hơn trong giai đoạn ánh sáng trong suốt khi quá trình của cái chết xảy đến với họ sau này.

Ngoài ra trên một khía cạnh nào đó giai đoạn ngắn ngủi trước khi tỉnh giấc cũng có thể xem như thể dạng bardo của sự hình thành. Trong một số trường hợp các giấc mơ hàm chứa các khí thật tinh tế giúp tâm thức hiển hiện dưới thể dạng «thân xác giấc mơ» (*corps de rêve – dreaming body*). Thân xác hiển hiện trong giấc mơ rất linh động có thể di chuyển đến bất cứ nơi nào. Các phép luyện tập du già giúp chủ động được những gì hiển hiện ra trong giấc mơ và phát huy được sự sáng suốt để quán nhận được bản chất ảo giác của những thứ ấy.

3- Thể dạng bardo khi thiên định (tiếng Phạn: *samadyantarabhava*, tiếng Tây Tạng: *bsam-gtan bar-do*): là một thể dạng tri thức mang đặc tính trung gian giữa hai thể dạng khác nhau: một là thể dạng tri thức bình thường mang tính cách nhị nguyên và thô thiển trong lúc tỉnh và một là thể dạng hiển hiện của tánh không trong sáng và rạng ngời gọi là *rigpa* (tiếng Tây Tạng *rig-pa*) là ánh sáng trong suốt của trí tuệ nguyên thủy. Khả năng duy trì sự thăng bằng của thể dạng *rigpa* trong lúc thiên định và trong các giấc ngủ giúp người tu tập khi chết lưu lại lâu dài hơn trong thể dạng trong suốt của cái chết. Học phái Dzogchen đưa ra nhiều phép tu tập giúp phát triển khả năng lưu lại trong dòng chảy tự nhiên của *rigpa* nhằm mục đích tạo ra các điều kiện thuận lợi để tinh khiết hóa mọi sự nhận thức cũng như các xu hướng tiêu cực của nghiệp.

II- Thể dạng đau đớn của bardo khi xảy ra cái chết (tiếng Phạn: *mumursantarabhava*, tiếng Tây Tạng: *'chi-kha'i bar-do*): là thể dạng bắt đầu từ lúc xảy ra các dấu hiệu không còn đảo ngược được của cái chết kéo dài cho đến hết giai đoạn hiển hiện của ánh sáng trong suốt căn bản. Toàn thể giai đoạn đau đớn của bardo có thể xem là giai đoạn «hấp hối», trong giai đoạn này các sự tan biến «bên trong» và «bên ngoài» tuần tự xảy ra đưa đến cái chết thật sự. Trong các trường hợp bất đắc kỳ tử giai đoạn này diễn tiến thật nhanh.

Sau đây là các hiện tượng tan biến của các thành phần thân xác và tâm thức cấu tạo một cá thể:

1- Sự tan biến của các thành phần cấu hợp thân xác.

Sự suy thoái tuần tự của bốn thành phần cấu hợp thân xác là đất, nước, lửa và khí tạo ra các hiện tượng hòa tan «bên ngoài». Đồng thời với các sự tan biến đó, hệ thống kinh mạch và các «luân xa» (tiếng Phạn: *cakra*) cũng thoái hóa theo. Sự tan biến vật chất bên ngoài như vừa kể sẽ làm phát sinh các dấu hiệu «bên trong»:

1) Khi thành phần đất tan vào thành phần nước, thân xác trở nên nặng nề, tay chân bủn rủn không cử động được nữa, người hấp hối có cảm giác thân xác nặng nề như bị lún sâu xuống đất. Thị giác suy thoái, hình ảnh do mắt ghi nhận trở nên mờ ảo. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận các loại ảo ảnh.

2) Khi thành phần nước tan biến vào thành phần lửa, các chất lỏng của cơ thể chẳng hạn như nước miếng, các chất nhờn,... chảy ra ngoài và bị khô. Người hấp hối mất hết các cảm nhận xúc giác. Thính giác suy thoái không nghe được rõ. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một làn khói mỏng đang tỏa rộng.

3) Khi thành phần lửa tan vào thành phần khí, hơi ấm giảm xuống và tan biến, người hấp hối cảm thấy lạnh. Mọi sự nhận thức tan biến, mũi không ngửi thấy mùi. Dấu hiệu bên trong là các tia lửa bắn tung tóe hay đom đóm bay loạn.

4) Khi thành phần khí tan vào không gian, hơi thở trở nên hỗn hển, khô khè, thở hắt ra và sau cùng là ngưng thở. Mọi ý chí biến mất, lưỡi co rút lại và không còn cảm nhận được vị. Người hấp hối hoàn toàn không còn cảm nhận được mọi sự va chạm vào cơ thể. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một ngọn lửa của chiếc đèn dầu hay một ngọn nến đang bập bùng trước gió.

Các học phái Tan-tra xưa cho rằng vào thời điểm này máu huyết kết hợp lại và ba giọt máu chui vào kinh trung tâm tại vị trí tim, trong khi đó hơi thở ngắn dần và ngưng bật.

Khi hoàn toàn ngưng thở tim cũng ngưng đập. Đây là thời điểm đánh dấu cái chết xảy ra theo các «tiêu chuẩn y khoa» Tây phương. Thế nhưng theo Tan-tra thừa quá trình của cái chết vẫn còn đang tiếp diễn.

2- Các hiện tượng tan biến xảy ra sau khi các cấu hợp vật chất đã tan biến:

Sau khi các cấu hợp vật chất tan biến có nghĩa là mất hết khả năng chuyển tải tri thức thì các hiện tượng tan biến vẫn tiếp tục nhưng thuộc lãnh vực «bên trong», liên quan đến các hiện tượng tinh tế của tri thức. Đồng thời với hiện tượng tan biến này phát hiện một cách tuần tự sự rạng ngời căn bản của tâm thức. Các sự tan biến trên đây gồm ba giai đoạn:

a) *Giai đoạn bên ngoài* (tiếng Tây Tạng: *snang-ba*) liên quan đến giọt (tiếng Phạn: *bindu*, tiếng Tây Tạng: *thig-le*) bồ đề tâm màu trắng di chuyển từ đỉnh đầu xuống vị trí tim. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một màu trắng rực rỡ như ánh trăng vắng vạc của bầu trời mùa thu. Tiếp theo đó ba mươi ba thể dạng tư duy liên quan đến sự giận dữ cũng tan biến hết, trong số này có thể kể ra: sự buông bỏ các đối tượng của sự thèm khát, sự khổ đau, sự sợ hãi, các cảm giác như đói, khát, cần bản hiểu biết, sự xấu hổ, tình thương, v.v...

b) *Giai đoạn thăng tiến* (tiếng Tây Tạng: *mched-pa*) liên quan đến sự di chuyển của giọt bồ đề tâm màu đỏ thuộc vị trí cơ quan sinh dục hay rốn ngược lên vị trí của tim. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một màu đỏ tương tự như lúc mặt trời lặn. Bốn mươi khái niệm nhận thức phát sinh từ dục vọng tan biến, trong số này có thể kể ra: sự thèm khát vật chất, hân hoan, kinh ngạc, cười, kiêu hãnh, tình bạn hữu, sự kết hợp vì yêu thương lẫn nhau, sự quyến rũ, đạo đức, sự can đảm, v.v...

c) *Giai đoạn thu đạt được* (tiếng Tây Tạng: *thob-pa*) liên quan đến sự phối hợp giữa giọt trắng và giọt đỏ nơi vị trí của tim. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một bầu trời tím tối và đen sẫm. Bảy mươi khái niệm phát sinh từ vô minh bắt đầu tan biến, gồm có: sự thèm khát mãnh liệt, sự quên lãng, sự khinh miệt, sự câm nín (*mutisme*), sự buồn bã, sự lười biếng, sự nghi ngờ, đây là bảy loại khái niệm phát sinh từ sự ngu đần. Sự tan biến đó tương trưng cho sự hòa tan của tri-thức-không-gian vào thể dạng ánh sáng căn bản *rigpa*, tương tự như bầu trời lúc rạng đông chan hòa sự rạng rỡ căn bản của cái chết. Kinh mạch trung tâm nơi vị trí tim được tháo gỡ đánh dấu thời điểm xảy ra cái chết thật sự.

Đối với một người tu tập cao thâm đã từng lưu lại một cách bền vững trong sự rạng rỡ tự nhiên của thể dạng *rigpa* và đã từng cảm nhận được «ánh sáng trong suốt con» trong những lúc tu tập khi còn sống sẽ nhận ra «ánh sáng trong suốt mẹ» của cái chết và hội nhập với ánh sáng đó, và nhờ đó sẽ đạt được pháp thân (*dharmakaya*) tức là tự giải thoát cho mình. Thể dạng trung gian *bardo* cũng sẽ chấm dứt đối với họ vào thời điểm này. Đối với những người không tu tập hoặc khả năng tu tập còn kém, sau khi cảm nhận được sự rạng rỡ *rigpa* sẽ nhanh chóng rơi vào một thể dạng vô thức, và tùy theo trường hợp thể dạng này có thể kéo dài lâu hay mau.

III- Thể dạng bardo của hiện thực tuyệt đối (tiếng Phạn: *dharmatantarabhava*, tiếng Tây Tạng: *chos-nyid-kyi*): là thể dạng khi cảm nhận được ánh sáng trong suốt căn bản của pháp thân (*dharmakaya*) trong lúc tri thức tan biến vào sự rạng rỡ. Đó là thể dạng tinh khiết và rạng rỡ của tâm thức nguyên thủy, tương tự như bầu trời quang đấng không một bóng mây. Theo các học phái Tan-tra xưa, thân xác của người chết bỗng chuyển động thật nhẹ và một giọt máu chảy ra từ lỗ mũi bên phải và một giọt trắng chảy ra khỏi đường bí hiểm (tức cơ quan sinh dục), thể dạng rạng rỡ tự nhiên tức là *rigpa* bốc lên từ tim và thoát ra ngoài bằng cửa ngõ của hai mắt, đây là giai đoạn của ánh sáng trong suốt của ứng thân (*sambhogakaya*), giai đoạn này gồm có bốn sự tan biến.

1) Sự tan biến của không gian trong sự rạng rỡ (tiếng Tây Tạng: *nam-mkha' 'od-gsal-la thim-pa*): trong giai đoạn này không còn lưu lại một sự vướng mắc vật chất nào thuộc thể dạng bên ngoài, tri thức «khóatic lên» cho mình một hình tướng rạng rỡ, hiển hiện dưới hình dạng những tấm gương óng ả, muôn màu và lấp lánh. Người tu tập nhận biết được các hiện tượng đó là những biểu hiện của chính mình và nhân đó tự giải thoát cho mình. Nếu không thành công sẽ chuyển sang thể dạng tan biến tiếp theo.

2) Sự tan biến của ánh sáng rạng rỡ trong sự kết hợp (tiếng Tây Tạng: *'od-gsal zung-'jug la thim*):

trong giai đoạn này nhiều bầu ánh sáng kết hợp lại và làm hiển lộ các mạn-đà-la (*mandala*) của các thần chư Phật gồm cả các chư Phật hung tợn và hiền hòa, trong khi đó các tiếng vang rền kinh khiếp nổi lên và ánh sáng tràn ngập không gian. Người tu tập không nên hốt hoảng và xem đây chỉ là những biểu hiện phát xuất từ chính mình. Trong giai đoạn này lần lượt phát hiện các mạn-đà-la của chư Phật như: Tỳ-lô Giá-na (*Vairocana*), Kim-cang Tát-đóa – A-súc Bệ Phật (*Vajrasattva-Aksobhya*), Nam Phật (*Ratnasambhava*), A-di-đà Phật (*Amitabha*), Ly-bồ-uy Như lai (*Amoghassiddhi*), v.v... Từ nơi tim của người tu tập phát hiện các tia sáng rạng rỡ chiếu thẳng vào tim của các thần linh phù trợ chư Phật trên đây, tuần tự từng vị một. Nếu người quá vắng đủ khả năng lưu lại thật bền vững trong một trong các thể dạng chư Phật tuần tự xuất hiện như vừa kể, thì vị Phật phù trợ ấy sẽ tan biến vào người quá vắng giúp cho người này đạt được sự Giác ngộ.

3) Sự tan biến của sự kết hợp vào trí tuệ (tiếng Tây Tạng: *zung-'jug ye-shes la thim*): trong giai đoạn tan biến này nhiều tia sáng phát ra từ tim làm phát hiện sự quán thấy những tấm gương vốc phản chiếu như những tấm gương, các tấm gương vốc màu trắng nằm vào vị trí bên dưới, sau đó là các tấm gương vốc màu vàng, màu đỏ và trên hết là màu xanh dương. Đây là các biểu hiện của sự «kết hợp của bốn thứ trí tuệ». Trí tuệ tương trưng bằng màu xanh lá cây chưa hiển hiện vì đây là trí tuệ cao nhất gọi là trí tuệ hoàn thiện (*viên mãn*).

4) Sự tan biến của trí tuệ vào sự hiện diện đột khởi (tiếng Tây Tạng: *ye-shes lhun-grub-la thim*): trong giai đoạn này các biểu hiện vừa kể trên đây kết hợp lại thành một cái tán (cái lọng) thật lớn. Phần bên trên là không gian tinh khiết của pháp thân, tương trưng bằng bầu trời trong sáng không mây, bên dưới là các thần linh phù trợ hiền hòa và hung tợn biểu hiện của ứng thân (*sambhogakaya*), bên dưới là vùng tinh khiết tự nhiên của hóa thân (*nirmanakaya*), và sau cùng nơi vị trí thấp nhất là các biểu hiện ảo giác của sáu cõi luân hồi. Tuy nhiên đây chỉ là những biểu hiện bên ngoài của *Căn bản tâm thức nguyên thủy* của người quá vắng, liên quan đến *Căn bản của tám phương thức biểu hiện*. Người tu tập dựa vào khả năng tu tập từ trước có thể lưu lại vững vàng trong thể dạng đó với tất cả sự tự tin và sẽ đạt được sự Giải thoát. Tám phương thức biểu hiện sẽ tan biến vào sự tinh khiết nguyên thủy làm hiển lộ pháp thân (*dharmakaya*).

IV- Thể dạng bardo của sự hình thành (tiếng Phạn: *bhavantarabhava*, tiếng Tây Tạng: *srid-pa bardo*): Đây là thể dạng thông thường xảy ra đối với tất cả mọi người không tu tập hoặc có tu tập nhưng không đủ khả năng khai thác được các thể dạng diễn tiến quá nhanh trên đây để đạt được sự Giải thoát. Những người này phải trải qua quá trình hình thành, tức quá trình đảo ngược với quá trình tan biến đã được mô tả trên đây và phải mang một thân *bardo* (tiếng Phạn: *antarabhavavayukaya*, tiếng Tây Tạng: *bar-'do'i lung-lus*, tiếng Việt: thân trung hữu), gồm có khí tinh tế phối hợp với tri thức. Có thể xem thân *bardo* hay trung hữu là một *sinh linh hàm chứa các khả năng giác cảm* tức có thể nhận biết và di chuyển khắp mọi nơi không bị một sự ngăn cản nào, các biểu hiện của nó tương tự như những ảo giác phát sinh trong giấc mơ. Người tu tập quá vắng

có thể nhân cơ hội này để đạt được sự Giải thoát qua một trong sáu lãnh vực tinh khiết của hóa thân (nirmanakaya). Thể dạng bardo sẽ chấm dứt ngay sau đó.

Đối với những người không tu tập, tâm thức hỗn loạn phục hồi nhanh chóng và đủ mọi thứ tư duy và hình ảnh phát sinh từ xung năng của nghiệp hiển hiện trở lại. Người quá vắng cảm biết được mình đã chết khiến họ rất đau khổ, nhất là biết mình không còn khả năng giao tiếp và trao đổi với người sống và khi nhìn thấy họ thờ ơ với mình. Các sinh linh trong thể dạng bardo có thể di chuyển đến bất cứ nơi nào với tốc độ của sự suy nghĩ, trừ ra nơi chốn sẽ xảy ra sự tái sinh của mình. Cách sinh linh này sống bằng mùi bốc ra từ thực phẩm mà người sống cúng dường cho họ và thường xuyên bị dao động bởi ảnh hưởng tác động của mọi thứ nghiệp, họ bị chao đảo như «*một cái lông chim bị gió thổi tung*». Các sinh linh này có thể gặp nhau và nhận biết ra nhau, đồng thời cũng họ cũng gặp các sinh linh thuộc các cõi khác, chẳng hạn như cõi ngạ quỷ (quỷ đói). Họ không tìm thấy một nơi nào có thể giúp họ dung thân, tâm thức họ luôn bất an, bị chấn động bởi mọi thứ xúc cảm.

Các xung năng của nghiệp có thể tạo ra những cảnh tượng khiếp đảm, chẳng hạn như các vực sâu màu đỏ, màu trắng hay đen, cảnh bị quỷ dữ đuổi bắt, mưa đá, thú dữ... Trong từng mỗi giai đoạn kéo dài bảy ngày, bốn thành phần cấu hợp sẽ tạo ra bốn loại khiếp đảm tượng trưng bởi các cảnh tượng: núi non sụp lở (thành phần đất), bị cuốn trôi trong các dòng thác hung hãn (nước), rơi trong than hồng và lửa đỏ (thành phần lửa) và những nỗi khổ đau mênh mông (khí). Do đó các sinh linh trong thể dạng bardo cũng phải trải qua các quá trình tan biến và hình thành tương tự như cái chết và sự sinh, tuy nhiên các hiện tượng này hoàn toàn thuộc lãnh vực tâm thần. Người sống có thể giúp đỡ các sinh linh đang vướng mắc trong thể dạng bardo hướng vào sự tái sinh với các điều kiện thuận lợi bằng cách hồi hướng công đức của mình cho họ.

Hiện tượng tái sinh xảy ra như sau: sinh linh trong thể dạng bardo bị thu hút bởi hình ảnh của cha và mẹ mình trong tương lai đang giao hợp. Nếu sinh linh bardo sẽ tái sinh dưới thể dạng nam tính, họ sẽ bị thu hút và phát lộ sự thèm khát mãnh liệt đối với người mẹ tương lai của mình, và ngược lại nếu sinh linh bardo sẽ tái sinh dưới thể dạng nữ tính sẽ phát lộ sự thèm muốn đối với người cha tương lai của mình. Sinh linh bardo bị hút vào điểm giao hợp và đồng thời xảy ra hiện tượng kết hợp hai giọt trắng và đỏ, tri thức bị ép chặt vào giữa hai giọt. Quá trình đảo ngược với quá trình tan biến của cái chết tiếp tục diễn tiến thêm góp phần vào sự hình thành một cá thể. Đồng thời với sự diễn tiến của quá trình hình thành trên đây các kinh mạch, luân xa (chakra) và khí cũng được thành lập.

Dầu sao cũng cần ghi chú thêm là cách mô tả các thể dạng bardo của các học phái Tan-tra xưa (như đã được trình bày sơ lược trên đây) và của các học phái Tan-tra mới đại diện bởi Tối thượng du-già Tan-tra có một số khác biệt trên chi tiết. Tuy nhiên sự khác biệt đáng ghi nhận hơn hết chỉ thuộc vào lãnh vực thực hành tức là các phép tu tập nhiều hơn, nhất là đối với Tối thượng du-già Tan-tra ./-

Bures-Sur-Yvette, 26.01.11

Chắp tay trong cõi vô thường



*Nhón chân trong cõi hư vô,
Vời trông quê mẹ mấy bờ ruộng thưa?
Cúi nhìn ngọn cỏ đong đưa,
Chắp tay xin một hạt mưa giữa trời.*

*Lòng người xin được tựa vai,
Thì thầm khe khẽ một lời yêu thương.
Cùng đi trong cõi vô thường,
Nắm tay âm ấm ngón xương ngón gầy.*

*Mong sao hé mở lòng người,
Cho tôi úp mặt chắp mười ngón tay.
Xương xương mười đốt tay gầy,
Che nghiêng nửa giọt mặn này trong tôi.*

*Bao giờ giọt nước giữa trời,
Ruộng khô hạt lúa, lòng người hạt mưa.
Tay gầy khép lại ngón thưa,
Cho tôi hứng lấy hạt mưa cõi người.*

*Bao giờ mở rộng lòng người,
Cho tôi quỳ xuống chắp mười ngón tay,
Rưng rưng nửa giọt mặn này,
Run run mười đốt tay gầy hiển dâng.*

Bures-Sur-Yvette, 16.09.14

• Hoang Phong

Không có cái tôi, không phải tôi, không phải của tôi. No I, No Me, No Mine

Living this life fully
Stories and teachings of Munindra

Tác giả **Mirka Knaster**
Nguyễn Thượng Chánh, chuyển ngữ

Ý niệm về vô ngã

Sau thời gian hành thiền tích cực, thiền sư Munindra đã quán được thể nào là lý vô ngã *amatta*. Ngài có thể giải thích bằng cách nào cánh cửa lục căn *six sense doors* có thể dẫn đến: nhãn *sight*, nhĩ *sound*, tỷ *smell*, thiết *taste*, thân *touch*, ý *thought* mà chúng ta thường hiểu một cách sai lầm là ý niệm về cái "Tôi" (I, Je, Ich).

Bất cứ điều gì chúng ta thấy, đều không phải "tôi" (*not I*), không phải "là tôi" (*not me*), không phải là đàn ông và cũng không phải là đàn bà.

Trong mắt, chỉ có màu sắc. Chúng xuất hiện ra rồi biến đi. Vậy thì ai đã nhìn thấy vật thể (*object*)? Không có người thấy (*seer*) ở trong vật thể. Vậy thì nhờ vào những nguyên nhân nào mà mắt nhìn thấy được. Đó là những gì?

* Thứ nhất, mắt là một nguyên nhân; chúng phải được vẹn toàn và phải còn tốt.

* Thứ hai, vật thể và màu sắc phải được hiển hiện trước mắt và phải được phản chiếu trên võng mạc (*retina*) của cặp mắt.

* Thứ ba, phải có đủ ánh sáng.

* Thứ tư, phải có sự chú ý, là một yếu tố tinh thần.

Nếu có sự hiện diện đầy đủ của cả bốn yếu tố trên thì sẽ nảy sinh ra yếu tố tri nhận (*knowing faculty*), hay nhãn thức (*eye consciousness*).

Nếu thiếu bất kỳ một nguyên nhân nào thì sẽ không có được sự thấy.

Nếu mắt bị mù lòa, thì không có sự thấy. Nếu không có ánh sáng cũng không thấy được. Nếu không có sự chú ý thì cũng không thấy được.

Nhưng không có một nguyên nhân nào trong số trên có thể nhận rằng **Tôi là người thấy** (*I'm the seer*). Cảnh không ngớt xuất hiện ra rồi biến đi.

Khi hình ảnh vừa qua đi, chúng ta nói "**tôi đang thấy**" (*I am seeing*). Không phải bạn đang thấy; **bạn chỉ nghĩ rằng** (*thinking*) "tôi đang thấy". Đó là một trạng thái được điều kiện hóa (*conditioning*). Vì tâm ý bị đặt trong điều kiện lệ thuộc nhân duyên, nên khi chúng ta nghe một âm thanh, chúng ta nói "**tôi đang nghe**" (*I am hearing*).

Tất cả sinh diệt biến hiện không ngừng. Nhưng thật sự ra không có người nghe (*hearer*) đang chờ trong lỗ tai để nghe. Âm thanh tạo ra làn sóng và dội vào màng nhĩ tạo nên nhĩ thức (*ear consciousness*), là một quả (*effect*). Âm thanh không phải là người đàn ông, không phải là người đàn bà; nó chỉ là tiếng động xuất hiện ra rồi biến đi. Nhưng do điều kiện hóa mà, mình nói "người đàn bà đó đang hát và tôi đang nghe". Nhưng bạn không có nghe, bạn chỉ nghĩ rằng (*thinking*) là bạn đang nghe (*I am hearing*). Âm thanh đã được nghe và nó đã biến mất rồi. Không có cái "Tôi" (*no I*) nghe âm thanh; đó chỉ là một thế giới về ý niệm (*a world of concept*).

Đức Phật khai thị ở hai mức độ sắc giới (*physical level*) và mức độ tâm thức (*mental level*): bằng cách nào tất cả sự vật xảy ra mà không có (một) người diễn xuất (*actor*), hay (một) người hành sử (*doer*)- **tánh không** (*empty phenomena*) tiếp nối ra liên tục.

Thiền sư Munindra giải thích thêm rằng việc đồng hóa vào người diễn xuất sẽ dẫn đến sự đau khổ *dukkha* (khổ đế).

Cái "Tôi" là một chướng ngại (*hindrance*) to lớn nhất trên con đường dẫn tới giác ngộ (*enlightenment*).

Tất cả tham (*greed*), sân (*hate*), si (*delusion*) đều xuất phát từ ý niệm của bản ngã (*ego*). "Toàn cả thân, tâm ý là tôi" (*My whole body and mind is me*) hay "Có ai đó ở trong tôi" (*There is someone in my body*) hay "trong tâm ý, có cái ta *atman*, linh hồn hiện hữu hay có ai đó đang kiểm soát mọi việc và đang thấy tất cả" (*In the mind, there is atman, a soul exists, someone who is controlling everything, who is seeing*).

Ngoài ra còn có niệm tưởng nhìn nhận "là tôi" (*me*). Để bảo tồn cái "tôi" (I), tất cả các sự căng thẳng, tất cả sự bức dọc, tất cả nỗi âu lo đều hiện ra: "Đó là tôi" (*It's me*). "Đó là tâm ý của tôi" (*This is my mind*). "Đó chính là thân của tôi" (*This is my body*). "Đó là căn nhà của tôi" (*This is my house*). "Đó là gia đình của tôi" (*This is my family*). "Đó là xứ sở của tôi" (*This is my country*).

Thân kiến từ vô thi (*Self illusion from time immemorial*). Đó là một cái nhìn sai lạc. Mọi tà kiến *miccha* phải được rửa sạch trong bước đầu để nhập niết bàn (*nibbana*).

Một khi chánh trí kiến (*right understanding*) đã phân biệt được cái ảo giác về tự ngã (*self created ego*) rồi thì mối quan hệ sẽ trở nên thân hữu và huynh đệ hơn. Nó sẽ đem lại một sự hài hòa và tình đoàn kết giữa các quốc gia với nhau. Khi chúng thấu hiểu được một quy trình hành xử rồi, thì chúng ta cũng sẽ biết được các quy trình khác.

Các vấn đề căn bản đều giống nhau cho nên bản chất của chúng cũng giống nhau hết.

Thiền sư Munindra còn làm sáng tỏ thêm ý niệm tại sao chúng ta dùng chữ "**tôi**" (I), "**là tôi**" (me) và "**của tôi**" (mine). Tất cả đều được sử dụng không ngoài mục đích giúp cho việc cảm thông nhau được dễ dàng hơn.

Nhà khoa học nói rằng mặt trời mọc ở hướng Đông và lặn về hướng Tây; nhưng mặt trời có bao giờ mọc, có bao giờ lặn đâu. Họ hiểu rõ các vấn đề trên, nhưng họ vẫn sử dụng các ý trên để cho dễ hiểu. Chúng là những ý niệm (*concepts*)- mọc, lặn, Đông hay Tây. Trong thực tế, không có Đông hay Tây.

Nhưng chúng rất cần thiết trong mỗi giao tiếp (*communication*) lẫn nhau ./. ■

"... *Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thẳng tri (Abhinna), có nghĩa là liễu tri (Parinna), có nghĩa là đoạn tận (Pahana)*"...

- Trung Bộ Kinh, Thích Minh Châu, Vedalla Maha
<http://cusi.free.fr/dtk/trungbo/trung043.htm>

- Trung Bộ Kinh, Majjhima Nikay 43. Đại kinh Phương quảng (Mahavedalla sutta)

- *The purpose of wisdom, friend, is direct knowledge, its purpose is full understanding, its purpose is abandoning.*

- SARIPUTTA, MN 43.12

- **Video:** Thiền sư Thích Nhất Hạnh: *Luân hồi Vô ngã*
<http://www.youtube.com/watch?v=ZsNdJQif6SU>

(Montreal, 2014)



Quy y Phật

Tác giả: **Bhikkhu Bodhi**
Chuyển ngữ: **Liễu Pháp**

Sơ lược tiểu sử Tỳ Kheo Bodhi:

Tỳ kheo Bodhi gốc người Hoa Kỳ, sinh năm 1944 tại New York City. Sau khi hoàn tất bằng tiến sĩ tại trường Đại học Claremont, Ngài đến nước Tích Lan (Sri Lanka) để xuất gia. Ngài thọ giới Sa di năm 1972 và đại giới Tỳ kheo năm 1973 với Ngài Balangoda Ananda Maitreya là một tu sĩ học giả nổi tiếng. Ngài đã được học hỏi Phật Pháp và chữ Pali với Sư phụ. Tỳ kheo Bodhi là tác giả nhiều tác phẩm về Phật Pháp, kể cả công trình dịch thuật bốn bộ Kinh Pali lớn với phần chú giải. Năm 1993, Ngài đã cho xuất bản cuốn "A Comprehensive Manual of Abhidhamma" là một công trình nghiên cứu quý giá về Vi Diệu Pháp. Cuốn này được coi như là tương tự nhưng chi tiết hơn cuốn "A Manual of Abhidhamma" (4th edition, 1979) do ngài Narada Maha Thera dịch ra Anh ngữ cuốn "Abhidhammattha Sangaha" từ tiếng Pali. Tác phẩm này do Bhikkhu Bodhi hiệu đính bản dịch trên và U Rewata Dhamma giới thiệu và giải nghĩa, với các biểu đồ về Vi Diệu Pháp do Ngài U Silananda Sayadaw cung cấp. Từ năm 1984, Ngài Bodhi là Chủ biên của Buddhist Publication Society Newsletter và từ năm 1988 Ngài là Chủ Nhiệm của cơ sở xuất bản Phật Giáo nổi tiếng này.

Bài pháp luận ngắn này đã đăng trong Buddhist Publication Society Newsletter cover essay # 2 (Mùa thu 1985).

Bước đầu tiên đi vào đạo Phật là quy y Tam Bảo mà đầu tiên là quy y Phật, đấng Giác Ngộ. Bởi vì hành động quy y Phật đánh dấu sự khởi đầu một chương mới trong cuộc đời của chúng ta cho nên thỉnh thoảng chúng ta nên dừng lại và quán chiếu về ý nghĩa của bước quan trọng này. Chúng ta thường hay coi những bước đầu tiên là điều đương nhiên, tuy nhiên chúng ta khó có thể biết chắc chắn rằng những bước tiếp theo sẽ giúp chúng ta đến gần tới đích hay không nếu chúng ta không thỉnh thoảng xem xét lại những bước đầu tiên và hiểu cho sâu những ý nghĩa của sự quay về nương tựa.

Việc quy y Phật không phải là một hành động đơn độc, chỉ xảy ra một lần rồi kể như xong. Thực ra, hành động này phải là một tiến trình trường thành song song với sự tu tập và hiểu biết Phật Pháp. Quy y Phật (*quay về nương tựa nơi Phật*) không có nghĩa là ngay từ đầu chúng ta đã có thể thấy rõ được những nguy hiểm mà chính những nguy hiểm này làm cho sự quay về nương tựa được thấy là cần thiết hoặc để đạt được mục đích mong muốn. Hiểu biết những sự việc này tăng tiến dần dần theo thời gian. Tuy nhiên ở mức độ mà chúng ta đã thực sự quy y với sự thành tâm, chúng ta nên hết sức cố

gắng thấu hiểu những đối tượng làm căn bản cho sự giải thoát của mình.

Để quy y Phật, điều thiết yếu nhất ngay từ lúc đầu tiên là phải có quan niệm rõ ràng Đức Phật là gì và chúng ta nương tựa vào Ngài như thế nào? Nếu chúng ta không hiểu biết hai điều này một cách rõ ràng thì nhận thức của chúng ta về sự quy y rất dễ bị hoen ố vì những quan điểm sai lầm. Chúng ta có thể gán cho Đức Phật một địa vị mà Ngài chưa bao giờ tự nhận, ví dụ như là hóa thân của một vị trời, như là nguồn gốc tuyệt đối của mọi sự, như là một vị cứu rỗi. Một mặt khác, chúng ta có thể làm giảm bớt giá trị cao cả và đích thực của Ngài bằng cách xem Ngài chỉ như là một nhà thông thái nhân đức, như là một triết gia Á đông tinh tế hay là một thiên tài về kỹ thuật thiền quán.

Một quan điểm đúng đắn về bản chất của Đức Phật nên dựa vào tước hiệu Ngài đặt cho mình: như là bậc Toàn Giác tự mình giác ngộ (samma sambuddha). Ngài tự mình giác ngộ bởi vì Ngài tìm thấy được những sự thực thiết yếu của đời sống một cách hoàn toàn mà không có thầy chỉ dạy. Ngài giác ngộ hoàn toàn vì Ngài thông suốt những sự thực đó toàn bộ, gồm cả mọi phương diện và hậu quả. Và như là một vị Phật, Ngài không những thấu suốt những sự thực đó cho riêng mình, Ngài cũng đã giảng dạy những sự thực đó cho thế giới để kẻ khác có thể thức tỉnh, ra khỏi vô minh và đạt được quả giải thoát.

Quy y Phật là theo chân một nhân vật lịch sử đặc biệt: đó là vị ẩn dật Gotama, thuộc dòng dõi thị tộc Sakya (*Thích Ca*); Ngài sống và giảng dạy ở thung lũng sông Hằng (Ganges) vào thế kỷ thứ V trước Tây lịch. Khi chúng ta quy y Phật, chúng ta nương tựa vào nhân vật lịch sử này và giáo pháp của Ngài. Thật là quan trọng phải nhấn mạnh điểm sau đây: có khái niệm thời thượng cho rằng quy y Phật có nghĩa là nương tựa vào "cái tâm Phật ở trong chúng ta" hay là nương tựa vào "cái nguyên tắc phổ thông về giác ngộ". Những ý kiến như thế, nếu không xét kỹ, có thể dẫn đến sự tin tưởng rằng bất cứ cái gì do trí tưởng tượng của ta bày vẽ ra cũng thuộc về Phật Pháp. Ngược lại, truyền thống của Phật Giáo nhấn mạnh rằng khi chúng ta quy y Phật, chúng ta đặt mình dưới sự hướng dẫn của một vị khác hẳn với chúng ta, một vị ở mức độ cao cả mà ta chưa bắt đầu thấy được ở mức độ nào.

Tuy nhiên khi chúng ta dựa vào vị ẩn dật Gotama như là nơi nương tựa, chúng ta không chỉ coi Ngài như là một cá nhân khôn ngoan, một vị thông thái. Thực ra chúng ta phải hiểu Ngài như là một vị Phật, đó là Phật tính - những phẩm chất toàn hảo khi đã giác ngộ - có những phẩm chất này làm cho Ngài là vị đáng để nương tựa. Trong bất cứ kỳ nguyên nào, một vị Phật là vị chọc thủng màn vô minh đen tối bao trùm thế giới và khám phá lại con đường đến Niết Bàn, chấm dứt khổ đau. Ngài là người khai hoang, người đi tiên phong, khám phá ra con đường và công bố con đường để cho kẻ khác đi theo bước của Ngài để có thể dập tắt vô minh, đạt được trí tuệ và bẻ gãy vòng cùm cột họ vào vòng luân hồi sinh tử.

(Xem tiếp trang 33)

18 Sự tích vị La Hán

• Thích Trí Như

Có một câu chuyện lịch sử nói về sự linh ứng của 18 vị A La Hán có liên quan đến sự nghịch khảo và thuận khảo. Khi xưa thành Cẩm Châu Trung Quốc có hai ngôi Chùa. Một là Xuất Thủy Tự, hai là Hương Tích Tự cách nhau hơn mười dặm. Trong khuôn viên của Xuất Thủy Tự có một ao nước tốt, chứa nhiều linh khí. Nhiều người viếng Chùa uống thử nước chảy từ một khe đá trong ao thì lạ thay được lành bệnh. Có người không có con đến Chùa cầu xin nước uống thì sanh con trai, con gái đều như ước nguyện. Do vậy mà tiếng đồn lan ra rồi hàng ngàn nam nữ già trẻ lớn bé kéo nhau về Xuất Thủy Tự để dự lễ và xin nước uống. Nhà vua lúc bấy giờ cũng được dâng nước uống thì thân thể trở nên khỏe khắn, trăm bệnh đều tan. Xuất Thủy Tự nổi danh như cồn. Ngày nào cũng có người đứng sấp hàng chờ vào Chùa xin nước chữa bệnh. Tiền cúng dường của đàn việt không thể kể hết. Lúc bấy giờ Chùa mới sửa sang lại điện đường nguy nga tráng lệ phòng ốc rộng rãi có khả năng chứa cả vạn vị tăng.

Một hôm nọ chùa đang bận rộn đón khách hành hương đến lễ Phật thì chợt xuất hiện 18 tên ăn mày quần áo mỏng rách nát và luôn than đói. Mười tám ăn mày này nói với các vị Tăng đang cai quản chùa ngỏ ý xin bố thí một bữa ăn. Các tăng nhân trong chùa thấy ăn mày quần áo rách nát lòng đã không thương hại, lại cố ý xua đuổi. Nhưng 18 ăn mày vẫn ở lì đó không chịu đi. Sau rốt trong Chùa cử một người có uy thế ra mắng bọn ăn mày rằng:

- Đây là cửa Phật đất Thánh làm sao chứa được bọn ăn mày đói cơm dơ dáy như các ngươi. Mau mau hãy ra khỏi cửa Phật.

Những người ăn mày than thở trời tối rồi gió thì lạnh mà cơm không có ăn, chỉ xin Chùa cho ở một đêm rồi đi ngay. Vị tăng lớn nhất trong Chùa nói rằng:

- Ở đây không có chỗ cho các ngươi ngủ, muốn nghỉ ngơi thì đến Chùa Hương Tích mà ở!

Nói rồi sai mười mấy vị Tăng dẫn bọn ăn mày ra khỏi cổng. Bọn ăn mày bỗng đứng ngược mặt nhìn trời đồng hát to lên rằng:

- Hồn nhiên mà đi, chừ tùy duyên độ người. Từ bi để lòng, chừ bốn phận thầy Tăng, Công danh lợi dưỡng, chừ vốn thuộc nghiệp ma. Nhân quả rõ ràng chừ Phật tại Tâm.

Mười tám vị ăn mày đi rồi, các tăng nhân trở lại vào Chùa thì vô cùng kinh hãi khi thấy trên vách cửa Chùa có viết một câu: "Xuất thủy chẳng xuất tăng. Chỉ lưu một tăng đốt nhang đèn". Chủ chùa thất kinh sai người chùi bỏ các chữ ấy. Nhưng càng chùi thì chữ càng hiện rõ hơn. Thầy trụ trì sai người đập phá bức tường để xây lại mới nhưng khi xây xong thì câu chữ đó vẫn lại cứ hiện rõ ràng. Thế rồi từ ngày ấy nước trong ao bỗng đen ngòm không còn tinh khiết nữa và cũng không linh ứng như ngày xưa nữa. Ai uống phải nước ấy đều bị đau bụng thổ tả. Bị như thế rồi thì đàn việt không còn đến cúng dường nữa mà chùa lại phải ra bên ngoài cả vài dặm để

xin nước về dùng. Tiếp theo trong chùa lại xảy ra tai họa liên miên nào là án mạng. Rồi kể đó bọn giặc bị bắt ở kinh thành cũng khai ba năm trước tên thủ lĩnh của chúng đã lọt lưới và xuất gia tại Xuất Thủy Tự cạo đầu làm tăng. Do lời cung khai này mà nhà vua truyền lệnh tịch biên hết của cải của Chùa xung vào ngân khố triều đình. Gần một ngàn tăng nhân không còn lý do được cúng dường nên lần lượt bỏ Chùa đi hết. Điền sản, miếu đường to lớn bị quan phủ địa phương thu làm doanh trại cho lính ở. Chỉ lưu lại đại hùng bửu điện, để những tăng nhân còn lại làm Phật sự. Sau rốt vì không ai cúng dường nữa, nên chỉ còn một lão tăng già yếu tình nguyện ở lại lo hương quả trong Chùa. Từ đó Xuất Thủy Tự không ai nhắc nhở đến nữa.

Nói về Chùa Hương Tích chỉ có ba vị tăng tu hành ở đó. Hàng ngày kinh kệ chuông mõ an phận sống đời đạm bạc. Tình hình bỗng đảo cũng không có cúng dường nhiều nên Chùa trông rất xơ xác thiếu thốn. Tối đó 18 vị ăn mày bị xua đuổi ra khỏi Xuất Thủy Tự thì thẳng đường đi đến Hương Tích Tự. Ba vị Hòa Thượng thấy ăn mày đói rách quá thì rất thương xót vội cùng nhau lấy củi đốt lên để sưởi ấm cho ăn mày. Một người xuống bếp nấu cơm tiếp đãi. Lại còn sửa soạn chỗ nghỉ ngơi. Trong chùa không có đủ chăn mền. Các Hòa Thượng mới tháo 18 cánh cửa trong Chùa làm giường để chung trong ba phòng rồi lấy rơm làm nệm cho các ăn mày nằm ấm đỡ lạnh. Các vị Hòa Thượng lại bàn với nhau: "Hay là chúng ta chia nhau vào làng hóa duyên xem có nhà nào giàu có dư giả thì mượn ít chăn mền về cho các ăn mày ngủ đỡ". Nói xong thì chia hai người đi vào xóm. Một người ở Chùa lo dọn cơm.

Lúc bấy giờ trời cũng khuya rồi. Có một vị quan Sát Chánh đi ngủ sớm năm mộng thấy có 18 vị A La Hán giáng lâm xuống phủ đệ. Các La Hán tay nâng một biển vàng vuông trên biển khắc tám chữ: "Lạc thiện hảo thí, tất hữu hậu phước" (Vui làm lành ham bố thí thì ắt có phước về sau). Năm mơ thấy như thế thì giật mình tỉnh dậy, kể lại có gia nhân thông báo ngoài cửa có hai vị Hòa Thượng hóa duyên muốn xin bố thí mền. Quan Sát Chánh nghĩ đến điềm mộng vừa rồi liền ra lệnh cho gia nhân mau mau đem xe bò chở 18 mền bông đến cúng dường Chùa Hương Tích. Đêm đó các vị ăn mày được ngủ ấm ăn ngon trong Chùa.

Sáng sớm các vị Hòa Thượng thức dậy vẫn bàn khoăn bàn với nhau. Nếu các vị ăn mày này ở đây một đêm rồi đi thì không nói làm gì rủi các vị ở lại nhiều ngày thì làm sao đủ lo cơm nước. Trong chùa không có nhiều lương thực từ lâu. Gạo thì cũng giới hạn. Bàn xong thì cả ba đều một lòng nói rằng: "Nhân dịp các vị ăn mày còn ngủ mình nên vào thành hóa duyên nữa xem có được ít lương thực gì đủ làm thức ăn tiếp đãi ăn mày". Nói xong cả ba đều mau lẹ, phóng nhanh ra khỏi Chùa đập tuyết nhảm hương thành mà đi. Vị tuyết nhiều quá nên phải dùng xẻng mà hốt tuyết. Bỗng nhiên cả ba đều nghe tiếng nói từ hư không vọng lại:

- Đùng dẹp tuyết nữa chúng tôi đi đây!

Ba vị Hòa Thượng dừng tay thì thấy một đoàn người vút nhanh và mất dạng trong sương sớm. Ba vị nói với nhau:

- Những người ăn mày đã đi rồi chẳng? hay là chúng ta vào Chùa xem lại.

Ba người không theo lối cũ mà hướng về cửa chánh để đi. Đó là chỗ các vị nhìn thấy bóng của đoàn người lướt đi. Kỳ quái là không nhìn thấy dấu chân trên tuyết.

Hòa Thượng trụ trì phóng nhanh vào các phòng ngủ nơi 18 ăn mày nằm thì càng kinh ngạc hơn! Trên giường chẳng có bóng người.

Lại nói về vị quan Sát Chánh khi đi ngủ lại trong đêm đó lại nằm mơ tiếp. Ngài thấy 18 vị A La Hán hiện đến trước mặt. Một vị nói:

- Người vốn một đời không có con trai. Vì người có niệm lành nên ta ban cho người một đứa con trai. Từ nay người hãy thành tâm hộ pháp thờ Phật, con trai ông sau này tương lai sẽ rực rỡ làm vang danh dòng họ.

Qua một đêm mà gặp hai điềm mộng thấy A La Hán nên quan Sát Chánh nhất định hôm nay phải đến Hương Tích Tự hỏi thăm các vị Hòa Thượng cho biết sự tình thế nào? Tiếp đón quan Sát Chánh, các ngài kể lại việc mười tám vị ăn mày xin ngủ nhờ trong Chùa rồi bỗng nhiên không nói lời nào lại biến dạng đi mất. Thế rồi ba vị tăng đi thu thập mền để trả lại cho quan. La lòng thay! Các ngài nhìn thấy trên 18 tấm cửa làm giường hiện rõ lên hình ảnh của 18 vị A La Hán sống động như thật. Ba vị tăng và nhóm người của quan Sát chánh cả kinh.

Quan Sát Chánh quyết không lấy lại mền và cũng bố thí luôn cả xe bò rồi ngay ngày hôm ấy ngài để nghị cùng các Hòa Thượng cho phép ông xuất tiền ra mượn thợ đục thành 18 vị A La Hán để thờ trong Chùa. Đồng thời quan cũng cho xây lại điện đường làm bảo tháp và sửa sang tất cả vườn tược già lam lại thật trang nghiêm. Từ đó Hương Tích Tự trở nên một thắng cảnh nổi tiếng và người ta đặt lại tên là La Hán Tự. Thiện nam tín nữ từ từ lại kéo nhau về chùa lễ Phật cúng dường hậu hình không thua gì Xuất Thủy Tự năm xưa. Dù bây giờ Hương Tích Tự trở nên huy hoàng lộng lẫy nhưng tâm các vị Hòa Thượng tu hành ở đó vẫn thanh tịnh.

Ba năm sau cũng vào mùa đông giá rét, tuyết lớn bay tấp nập. Bỗng có một vị Hòa Thượng đến La Hán Tự xưng tên và muốn gặp Hòa Thượng trụ trì. Người này chính là Hòa Thượng trụ trì cũ của Xuất Thủy Tự năm xưa. Nghe sự tích của La Hán Tự vị trụ trì Xuất Thủy Tự thờ dài một tiếng mãi hồi lâu mới cất lời:

- Năm xưa Hương Tích Tự của quý thầy cùng với Xuất Thủy Tự của chúng tôi tuy gần trong gang tấc, tôi lại chưa hề bước chân qua, chỉ nghe đồn nói hoài cười nhạo Hương Tích Tự hư hoại. Tôi cũng chỉ cười, thực tại có ý hý hứng mừng thầm. Lúc đó Xuất Thủy Tự chỉ nhờ một sợi lông cũng có thể giúp nhiều cho Hương Tích Tự, mà lão nạp tôi lại không hề có một chút ý này. Xuất Thủy Tự ngày một giàu có thì tâm Phật của tăng chúng ngày một tiêu ma. **Cuối cùng chỉ còn có tâm tiên, mất sạch tâm Phật. Mỗi ngày đốt hương lễ Phật tụng niệm kinh điển cho đến khóa sớm khóa chiều, trong cốt tủy cũng đều muốn lừa gạt tín chúng, câu lấy tiền tài.** Nhìn thấy mười tám vị ăn mày, liền ghét bỏ họ bần cùng dơ dáy, không một mảy may có lòng lân mẫn hướng thiện. Nhìn không ra mười tám người áo đơn trời lạnh, lại gặp đêm tối, nếu đuổi họ đi sống chết thế nào? Tôi mấy năm nay hành cước bên ngoài, ăn gió nằm sương, vào khắp danh sơn chùa lớn. Khắp nơi nghe nói có La Hán Tự nổi danh thiên hạ, tôi lại chẳng tin. Lão nạp này ở Cam Châu mấy mươi năm, chưa hề nghe có La Hán Tự. Hôm nay trở về Cam Châu, muốn coi cho biết đầu đuôi thế nào? Mới hay La Hán Tự chính là Hương Tích Tự năm xưa. Lão tăng vạn dặm hành cước, lại chẳng biết Phật sống ngay trước mặt. Đến nay nghĩ lại thật là hổ thẹn muôn bề!

Hòa Thượng trụ trì La Hán Tự nói:

- Lão tăng đầu dám nhận hai chữ Phật sống. Một đời xuất gia chỉ là muốn rửa sạch ba chữ tham sân si mà thôi. Ít đi một chút ngã chấp, trừ đi tướng ngã nhân, tu được tâm địa một mảnh trời xanh, muôn dặm không mây. Chỉ thế mà thôi, thực tại khó theo kịp bóng dáng đại đức của tiền bối.

Hòa Thượng nguyên trụ trì Xuất Thủy Tự nói:

- Tôi đến La Hán Tự đã im lặng xem xét nhiều ngày. Vì khí tượng ngày nay của La Hán Tự rất khác xưa. Lão Phật sống vẫn ở chiếc phòng cũ này ngày ngày đi canh tác, so với lão nạp năm xưa hào hoa thật là như trời với đất. Hạt rùng không lương thực, trời đất mênh mông. Bất kể bề ngoài giàu nghèo, trong lòng lão Phật sống cũng không lương thực. Hồi đó lão tăng đã để ngoại duyên nắm chặt hết nội duyên, mất hết bốn tâm, để tâm kim tiền đè chết tâm Phật, do đó mới kinh động chư vị A La Hán. Tôi nghĩ rằng các vị A La Hán giáng lâm đến Xuất Thủy Tự cũng là vì muốn cứu vớt chúng tôi nhảy ra khỏi hầm lửa, lại không dè chúng tôi thuốc lại chẳng cứu được như thế, ngược lại bị tăng nhân chùa tôi ác ý đuổi xô. Lúc đó nếu có được người nói với tôi, tôi cũng chẳng cho là đúng. Mỗi ngày tín chúng vạn người vào ra, mười tám người có đáng chi? Đợi đến lúc có chữ trên tường vôi ngoài cửa chùi chẳng đi, tôi mới suy nghĩ ra có chỗ chẳng ổn. Như nay Xuất Thủy Tự điều tàn chỉ còn có một thầy hương đăng.

- Bất luận làm cái gì, không chấp trước mới tốt.

Chỉ một câu này của lão Phật sống đã là đến thẳng tâm Phật.

Lão trụ trì nói đùa:

- Không phải.

- Lão Phật sống một tâm lúc ở Hương Tích Tự và một tâm ở La Hán Tự bây giờ, không biến đổi mảy may, trong sáng thanh tịnh, một hạt bụi chẳng nhiễm, đây há là việc mọi người dễ dàng làm được sao? Tôi trở về lần này, cũng chỉ vì muốn được ở La Hán Tự, làm một vị tăng tâm thường, theo hầu bên cạnh lão Phật sống, tu hành lại từ đầu, nếu ngày nào khai ngộ được chút ít, cũng chẳng phải là uống một phen xuất gia, một đời làm tăng vậy.

Lão trụ trì Xuất Thủy Tự lưu lại chùa, trụ ở phòng cũ bên cạnh lão Hòa Thượng trụ trì La Hán Tự. Lão Hòa Thượng trụ trì đêm nằm không ngủ. Điều này khiến trụ trì Xuất Thủy Tự rất là khâm phục. Thường ngày, La Hán Tự để lại hai ba tăng tiếp xúc với thiện nam tín nữ, mở trai phạn lớn tiếp tế người nghèo khổ. Còn các tăng nhân khác thì tĩnh tâm trong thiền phòng, trang nghiêm tu trì. Nguyên trụ trì Xuất Thủy Tự trải qua một phen khổ nhọc kiên định được tâm Phật, dững mảnh tinh tấn. Cuối cùng đã cùng với Hòa Thượng trụ trì La Hán Tự song song thành chánh quả. Chẳng qua, đây là chuyện thức ngộ bốn tâm.

Câu chuyện trên đây đã cho chúng ta một bài học về sự tu hành. Và cũng để cảnh cáo các bậc tăng sĩ hãy nên coi chừng danh hư lợi dưỡng. Chùa to tượng lớn không hẳn là phản ảnh được công đức tu hành. Chẳng qua là do một phước duyên nào đó thôi. Nếu không khéo tu trì thì một ngày kia luật vô thường cũng sẽ đào thải tất cả. Vì lẽ chúng ta đang sống trong một bối cảnh của cuộc sống hư ảo, phù phiếm giả tạm.

Trích một đoạn nhỏ trong quyển sách
"Giọt nước mắt của một thầy tu"

Chùa Vạn Hạnh tại Nante - Pháp Quốc



HT. Phương Trượng Chùa Viên Giác, TT. Nguyễn Lộc, Sư Cô Tuệ Đàm Hương và Phật tử tại Chùa Vạn Hạnh Nante

• Thích Như Điển

Nếu có ai đó đi về miền Tây nước Pháp thì sẽ gặp một ngôi chùa Việt, mang tên của Vạn Hạnh Thiền Sư, là một vị Quốc Sư của triều nhà Lý (1010-1225), đang tọa lạc tại số 3, rue du Souvenir Francais, 44800 Saint Herblain, thì đó chính là trụ sở sinh hoạt tâm linh của người Việt cũng như người Pháp, do Thượng Tọa Thích Nguyễn Lộc Trụ Trì và lãnh đạo tinh thần.

Ngôi chùa không lớn lắm, nhưng nhìn từ bên ngoài vào trong, người tham quan mới cảm nhận ra được sức sống nội tâm đang vươn lên một cách mãnh liệt qua sự sắp xếp tài tình khéo léo của Thượng Tọa Trụ Trì. Trên từ Chánh Điện, dưới cho đến Hội Trường, rồi nhà nghỉ hay nơi thờ Tổ và thờ Hương linh... đâu đâu cũng có cái hồn đi kèm. Người đến đây bất kể là Việt hay Pháp cũng đều cảm nhận được điều ấy. Ngoài vườn chùa có đủ loại Bonsai của Việt Nam, Trung Hoa và Nhật Bản. Với bàn tay khéo léo của Thượng Tọa Trụ Trì, ai ai cũng phải trầm trồ tán thưởng. Có lẽ nhờ có bàn tay tuyệt vời như vậy, cho nên các Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu hầu như đều cho ở xa cách mấy, Giáo Hội cũng phải triệu hồi Thầy đến để lo cho vấn đề trần thế. Nhất là lúc sinh thời, khi còn Hòa Thượng Chủ Tịch Thích Minh Tâm, Ngài vẫn luôn quan tâm và đốc thúc Thượng Tọa Nguyễn Lộc lo cho vấn đề này.

Được biết trước đây 27 năm (1987) một Hội Phật Giáo Văn Hóa miền Tây nước Pháp được thành lập. Hội viên là những người tỵ nạn Việt Nam, trong đó có rất nhiều người Việt đã sinh sống tại Lào và đã quy y với cố Hòa Thượng Thích Nhật Liên, vốn là Bổn Sư của Thượng Tọa Trụ Trì. Hội được sự dìu dắt của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm từ thuở đó và sau này Hội mua một cơ sở, vốn là một nông trại bỏ hoang đã lâu đời để biến thành ngôi Phạm Vũ khang trang như hiện tại. Vào năm 1996 Hòa Thượng Chủ Tịch đã cử Thượng Tọa Thích Nguyễn Lộc về đây để chăm lo Phật sự. Đến năm 2002 đồ án xây dựng chùa đã được chính quyền địa phương chấp nhận và năm 2004 công trình kiến thiết bắt đầu để đến tháng 6 năm 2008 thì hoàn thành và một Đại Lễ

Khánh Thành đã được cử hành trang nghiêm trọng thể trong mùa hè năm ấy.

Tôi đến đây lần đầu vào năm 2004 và lần thứ hai vào dịp Đại Lễ Khánh Thành năm 2008. Lần này là lần thứ ba, tôi đến thành phố thơ mộng này vào giữa mùa Thu, lá vàng đang rơi là tà đó đây, như báo hiệu cho thế nhân biết rằng: Việc thành, trụ, hoại, không vốn là một định luật vô thường, mà thế nhân ai trong đời cũng phải trải qua nhiều mùa Thu như thế. Hôm đó là ngày 24 tháng 10 năm 2014 và tôi đã ở lại đây cho đến ngày 27 tháng 10 mới trở về lại Đức. Tôi trở lại chùa Vạn Hạnh ở Nante sau 6 năm dài với nhiều thay đổi. Bây giờ mái chùa đã phủ một màu rêu, cây cối đã lên cao, sen đã nở vào Hạ, cá trong hồ vẫn nhớn nhớn bơi lội như chẳng hề quan tâm đến khách vắng lai. Nhìn những hình ảnh lễ Khánh Thành chùa treo trên tường từ năm 2008, nay vẫn còn đây; nhưng thế nhân thì mỗi người mỗi ngả, kẻ mất người còn, có người đã ra đi, lắm người còn ở lại; nhưng mỗi người đều có một thế đứng riêng để lo cho Phật sự của mình. Quả thật, nếu đường đời có muôn vạn ngã thì nẻo đạo cũng lắm khúc quanh co. Cuối cùng rồi: "Trăm sông cũng chảy về biển cả", nhưng lúc chảy, lúc trôi, lúc bào mòn, lúc chuyển mình v.v... khiến cho đất Mẹ phải bao phen bị xói mòn, huyệt hẫng... Thế nhưng Phật Pháp rất nhiệm mầu. Bởi vì: "Sau cơn bi cực đến hồi thái lai". Đó vốn là những việc bình thường lâu nay của tạo hóa vậy.

Vườn chùa phải nói là một hoa viên có trồng nhiều cây Bonsai cả hảng mấy trăm năm, chỉ những người có con mắt nghệ thuật cao, mới có thể chăm bón cho vườn hoa cây kiểng như vậy. Khi nhật từng chiếc lá rơi bên bờ hồ, chắc Thầy Nguyễn Lộc có khi cũng liên tưởng đến việc tịnh hóa tâm linh của mình, nên giữa cảnh và người, giữa không gian và sự vật mới được như vậy. Ngoài ra những hòn non bộ, có đủ cả các Tôn Tượng Bồ Tát và chư Thiên đang tịnh tọa trên những giả sơn này. Lúc mới trông vào, xem giống như người thật. Những bình phong, câu đối, những bụi trúc, bờ lau... đâu đó đã tạo nên được một cảnh quan thật là Thiên vị. Nếu quý Phật tử nào chưa một lần đến đó, sẽ chẳng thể hình dung ra được cảnh sơn thủy hữu tình của chùa Vạn Hạnh tại Nante, Pháp Quốc là như thế nào.

Được biết Thượng Tọa Trụ Trì cũng còn đang tiếp tục cho xây dựng những công trình phụ như Tăng xá, nhà bếp v.v... dĩ nhiên là còn cần rất nhiều kinh phí để hoàn thành. Vậy quý Đạo hữu hay Phật tử nào có duyên đọc được bài này, thì xin mỗi người một bàn tay, cố gắng giúp Thầy và giúp chùa để cho những Phật sự này được thành tựu viên mãn. Công đức này chẳng phải là nhỏ cho vấn đề tu tạo phước đức của người Phật tử tại gia. Mọi việc ủng hộ tịnh tài và tịnh vật xin gửi về địa chỉ bên trên.

Thượng Tọa Nguyễn Lộc trao cho tôi một tờ chương trình của ba ngày từ thứ Sáu (24.10) đến ngày Chủ nhật (26.10) gồm có phần Thọ Bát Quan Trai, giảng pháp cũng như tụng kinh và huân tu Tịnh Độ. Những nghi lễ kia, Thượng Tọa và Sư Cô Tuệ Đàm Hương đảm trách, còn tôi có tất cả 6 thời giảng trong ba ngày, mỗi lần giảng như thế là một tiếng rười đồng hồ. Đề tài tôi không soạn trước như những nơi khác. Vì tôi muốn biết trình độ của thính chúng, sau đó mới nương theo đó để

giảng. Đây là những nhịp điệu muôn thuở của các vị Giảng sư. Dầu cho có lẽ luyện bao nhiêu đi chăng nữa, cũng không thể nào áp đặt những đề tài cho thính chúng theo sự hiểu biết của mình, mà đa phần các vị Giảng sư hay giảng những gì thính chúng muốn nghe, chứ không phải giảng những điều gì mà vị Giảng sư muốn giảng. Điều này nó cũng tương tự như sự giáo dục ngày nay trên thế giới vậy. Nghĩa là người Thầy sẽ dạy cái gì cho người học trò muốn học, chứ không phải dạy những gì mà người Thầy muốn dạy. Thật ra làm Giáo sư Đại học, Giảng viên, Giáo sư, Giáo viên v.v... rất khó mà dễ, vì người Thầy đã biết rành trình độ của sinh viên, học sinh nên người Thầy biết rõ là mình sẽ phải dạy những gì trong tiết mục sắp giảng cho sinh viên, học sinh. Nhưng thú thật giảng pháp rất là khó, vì người ngồi nghe pháp ở bên dưới Hội trường trình độ khác nhau rất nhiều. Có nhiều người có học vị cao như Giáo sư, Tiến sĩ, Cao học, Cử nhân.... đồng thời cũng có lắm người dân dã, chỉ có một niềm tin duy nhất mà họ đến với Đạo. Có người ngoại quốc cũng tham gia cùng, đôi khi lại có nhiều người khác Đạo đến nghe pháp nữa. Quả thật những trường hợp như thế này, vị Pháp Sư phải thiên biến vạn hóa các đề tài mới có thể thích nghi cho gần ấy thính chúng ở trong một ngôi chùa khi nghe pháp. Chẳng bằng với các lớp học khác, Thầy giáo chỉ giảng có một trình độ cho sinh viên, học sinh theo đề tài đã có sẵn của Bộ Giáo Dục đã duyệt xét. Dĩ nhiên mỗi một phạm trù như thế, nó đều có những khó khăn riêng của nó, nhưng ở đây tôi chỉ muốn đưa ra một vài thí dụ đơn thuần trong việc giảng pháp với việc đi dạy học, không phải để so sánh hơn thua, mà để thấy được cái cần phải quyền biến của một vị Giảng sư trước một cử tọa đa dạng như vậy.

Ở chùa Vạn Hạnh tại Nante cũng không ra khỏi quy lệ ấy. Phật tử ở đây đa phần là người lớn tuổi và đã sinh hoạt nhiều năm tại chùa, nhưng ít người đã nghe tôi giảng, nên tôi chọn đề tài tùy tiện theo từng buổi. Buổi giảng đầu tôi xoay vào Kinh Tạp A Hàm với 37 Phẩm Trợ Đạo cùng những thí dụ cụ thể như thuở Đức Phật xa xưa, khi Ngài còn tại thế. Buổi giảng thứ hai tôi giới thiệu về Phật Giáo Nhật Bản cũng như sự thành công của người Nhật khi mang Phật Giáo Ấn Độ và Trung Hoa vào đất nước của mình và họ đã xây dựng lại, để cuối cùng chỉ còn là Phật Giáo của Nhật Bản, chứ người ngoài ít ai biết đến đó cũng là những sản phẩm kỳ cựu của Trung Hoa. Thế nhưng khi người ta nghe về Zen, về Bushido về Chadoo, Kendoo, Shodoo v.v... là của người Nhật, chứ không còn là từ nguồn văn hóa ngoại lai nữa. Buổi thứ ba và thứ tư tôi nói về Trung Âm Thân cũng như việc đi đầu thai. Lần này có tạo cơ hội cho thính chúng hỏi để đáp. Sang ngày Chủ nhật 26 tháng 10 năm 2014 tôi nói về Lịch sử truyền thừa Phật Giáo từ Ấn Độ đến Trung Hoa, Việt Nam và Nhật Bản. Buổi chiều hôm Chủ nhật chỉ đặc biệt nói về Phật Giáo Việt Nam, chỉ mới đến Triều Lý và Triều Trần trong 400 năm lịch sử ấy (1010-1400). Nhìn chung thì thấy rằng mọi người đều hoan hỷ khi tiếp nhận giáo pháp Phật Đà và chắc chắn rằng sau lần nghe pháp này nhiều người sẽ có thay đổi, nhất là việc ăn chay thêm ngày và niệm Phật v.v...

Ngoài những sinh hoạt chính bên trên cũng còn có thêm nhiều sinh hoạt phụ như sau:

Vào buổi sáng Chủ nhật, tôi và Thầy Nguyên Lộc đi dạo bên ngoài công viên, bỗng đâu có một con chó đen, thật to tướng chạy xông đến chúng tôi, mặc dầu chủ của nó đứng đó không xa mấy. Lẽ ra người chủ phải buộc dây cổ của con chó lại, khi có người lạ, dầu cho ở trong công viên, vì đó là luật, nhưng có lẽ người chủ sơ ý, hay vẫn nghĩ rằng con chó của mình đã được huấn luyện thuần thục rồi, nên không lo. Điều này hẳn đã lắm. Vì chó là một loài thú rất trung thành chỉ với chủ, nhưng người ngoài thì chưa phải vậy. Thầy Nguyên Lộc dừng lại và đứng theo thể tấn, chìa hai tay ra để cho nó cũng phải dừng lại việc tấn công. Kế tiếp thì chủ nó hay kíp kêu lớn lên thì nó ngoan ngoãn cụp đuôi chạy lại chủ. Chúng ta cũng chứng kiến nhiều trường hợp con cạp, con beo... đã được chủ nó thuần phục từ nhỏ, nhưng nhiều lúc vẫn cắn xé chủ mình, không cứu kịp. Điểm chính ở đây tôi muốn nói là: Con vật nó vẫn là con vật. Dầu cho mình có thuần hóa được bao nhiêu đi chăng nữa thì nó vẫn là con vật, không nên để người với nó. Cho nên trong Bồ Tát Giới Kinh khuyên ta nên cầu nguyện cho những con thú này kiếp sau trở lại làm người chứ không nên làm súc vật nữa.

Buổi chiều Chủ nhật ngày 26 tháng 10, tôi và Thầy Nguyên Lộc đi dạo quanh bờ hồ một lần nữa. Lần này thì trời quang mây tạnh, nên độ nhìn phóng ra được xa hơn so với lúc ban mai khi còn dày đặc sương mù. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện, đa phần là những việc hồi tưởng về Sư Ông Minh Tâm và bàn qua một vài công việc của Giáo Hội. Thành Phố Saint Herblain chắc phải bỏ công quỹ ra nhiều khoản tiền thật lớn, mới tạo nên được những cảnh quang tuyệt mỹ như thế này. Người dân ở đây họ đóng thuế cho nhà nước và nhà nước Pháp đã lấy thuế ấy thực hiện những công việc phúc lợi, để giúp cho dân họ có một đời sống thư giản hơn sau những ngày làm việc mệt nhọc trong tuần. Cho nên công viên, hồ bơi, phòng sinh hoạt công cộng cho người lớn lẫn trẻ con nơi đâu cũng thấy. Chúng tôi lên đồi rồi xuống dốc, đi và nói chuyện cũng như hồi tưởng lại những chặng đường thăng trầm của Giáo Hội đã đi qua và sẽ sắp bước sang giai đoạn khác nữa. Nói để nghe và nghe việc nói để thử tìm một phương pháp nào đó khả dĩ để thực thi trong thời gian tới.

Tối hôm đó tại Hội Trường chùa Vạn Hạnh có một đêm văn nghệ giúp vui. Vì các vị Phật tử bảo rằng: "Mấy bữa nay Quý Thầy đã hướng dẫn Phật Pháp cho chúng con và bây giờ chúng con hát để cho Quý Thầy, Cô cùng thưởng thức". Nhiều vị lớn tuổi nhưng tiếng hát vẫn còn đậm đà, hơi vẫn còn ấm, giọng vẫn còn cao. Không phải chỉ một, mà tại chùa Vạn Hạnh này có cả chục người như vậy. Ngâm thơ, ca nhạc và kể chuyện vui... ở Vạn Hạnh này không thiếu, mà còn có thể nói rằng nhiều hơn các nơi tôi vẫn thường qua lại nữa. Đúng là tài năng không phân biệt tuổi tác.

Ngày thứ Hai 27 tháng 10 Thầy Nguyên Lộc và Đạo hữu Viên Minh đã đưa tôi đi thăm lâu đài DUCS của BRETAGNE. Nay là một viện bảo tàng của thành phố Nante rất nổi tiếng. Lâu đài này đã được xây dựng từ thế kỷ thứ 15 và công trình này sau đó được người con gái của Ông Francis II DUKE của Brittany tiếp tục hoàn thành. Bà Anne, Duchess của Brittany và cũng đã hai lần là Hoàng Hậu của nước Pháp. Lâu đài này vào thế kỷ thứ

16 cũng đã có lúc biến thành nhà tù khi Hoàng Gia đang ở đây. Bây giờ người ta cho công chúng vào xem tự do để thấy và nhìn được những dấu ấn ngày xưa đã một thời vang bóng. Vua chúa ở Đông hay Tây cũng đều giống nhau. Điều quan trọng của họ là: Củng cố quyền lực. Họ mong muốn triều đại của họ trị vì phải kéo dài cho đến hằng vạn năm, nhưng trong lịch sử Đông Tây xưa nay chưa có triều đại nào được như vậy.

Kể đó chúng tôi đi xem vườn Nhật Bản trong lòng phố thị của Nante. Phải nói cho ngay rằng: Nhật Bản ngày nay tại Nante là Nhật Bản của Nante, chứ không phải Nhật Bản của Nhật. Từ cách cấu tạo cây cảnh cho đến nhà cửa, hồ nước, mái cổng tam quan v.v... rất xinh và rất hài hòa với trời nước của miền Tây nước Pháp. Đây là sự thành công tuyệt vời của người Nhật đã giới thiệu văn hóa cũng như kiến trúc và hoa viên của mình vào các đất nước Âu Mỹ ngày nay.

Tiếp theo chúng tôi đi thăm một công viên của Pháp. Tại đây phải nói là trên cả tuyệt vời. Với những bàn tay khéo léo của những người tạo nên cây cảnh và vườn tược, họ đã chăm sóc những cây cảnh thiên nhiên từ Á Châu mang sang như cây tùng, cây bách, cây trắc bá diệp, cây phong, cây Ginko v.v... đã toát lên một cảnh trí thiên nhiên hội ngộ Á-Âu thật là tuyệt mỹ. Dĩ nhiên cũng còn có nhiều cây cỏ từ Mỹ Châu và Phi Châu mang đến nữa và đã được trồng vào đây, nhưng so với những loài thực vật được mang đến từ Á Châu thì khiêm nhường hơn. Đặc biệt trong vườn hoa này hay nói đúng hơn cả xứ Nante này đâu đâu cũng thấy loài hoa Hải Đường, hoa Thung, hoa Mộc Liên... rất nhiều. Nếu là mùa hoa nở, chắc rằng chim chóc cũng vui lây. Vì hoa sẽ mang theo những hương sắc cho cuộc đời và tạo nên những gam hoa cho nhân thế.

Sau khi dùng trưa Thượng Tọa Nguyên Lộc và Đạo hữu Viên Minh đưa tôi lên phi trường để về lại München, Đức Quốc, sau 4 ngày đã lạc bước ở chốn trời Tây. 17 giờ bay, nhưng đến 18 giờ máy bay phải đổi sang máy bay khác mới bay về lại Đức được. Tôi lấy xe S-Bahn đi về nhà gare München thì mọi tuyến xe khác đều không còn chờ đợi được người bị trễ máy bay nữa và đành phải lên trên phòng chờ để ngồi chung với những người lỡ đường khác, vì qua nửa đêm mới có chuyến tàu khuya về lại Ravensburg. Dưới hành lang của bến tàu München tình cờ gặp mấy người Phật tử quen, họ mời tôi về khách sạn gần đó, nhưng tôi cảm ơn và chối từ. Vì lẽ chỉ chờ có mấy tiếng đồng hồ, chắc rằng sẽ vượt qua được thôi. Tại nhà chờ này chỉ trong mấy tiếng đồng hồ thôi mà tôi đã tiếp cận được không biết bao nhiêu là hạng người và nhiều giai tầng trong xã hội: Người Đức cũng như người ngoại quốc, người vô gia cư cũng như những người say túy lúy. Tự dưng có một đoàn người cả ba, bốn chục vừa người lớn vừa trẻ con ào vào phòng chờ giữa đêm khuya nói cười rôm rả, dường như họ chẳng để ý đến những người chung quanh mình đang hiện diện. Có lẽ đây là văn hóa của những người đang đến từ phía Đông. Sao mà Đông Tây khác nhau nhiều quá vậy! Tôi ngồi đó và thẩn thờ nhìn rõ ra rằng: Mình là một người tu có đầy đủ phúc báu vô ngần. Do vậy "Con xin niệm ân Tam Bảo rất nhiều. Vì nếu không có Tam Bảo thì con không có được ngày hôm nay" và mình vẫn là người có hạnh phúc hơn nhiều người khác rất nhiều.



Hoài Xuân

*Em về bên ấy Xuân này
Nửa vòng trái đất đường bay cũng gần
Ngày đi như đã cầm bằng
Trong mơ cũng khó một lần về thăm
Em về lòng có nhủ thăm
Niềm đau non nước vẫn hằn trong tim
Quê hương nào có bình yên
Người thân còn mãi triển miên cơ hàn
Thiên tai lũ lụt vô vàn
Núi sông biển đảo ai tàn phá thêm
Em về lòng có dịu êm
Cát cao tiếng hát giữa miền phù sa
Mùa xuân mai vẫn nở hoa
Cửu Long bạc sóng nhạt nhòa đất quê
Cánh chim nương gió em về
Sông Tiền, sông Hậu, sông mê cuộc tình
Sông nào hương lửa ba sinh
Cần Thơ, Mỹ Thuận, bóng hình ngày qua
Tìm nhau xuống bến qua phà
Lục bình theo lớp phù sa sông dài
Trôi theo vận nước miệt mài
Gởi em... một tiếng thở dài... xuân quê.*

• Nguyễn Song Anh
(Quê Hương Trong Hồi ức, 2014)

Chuyến tàu nửa đêm đã đưa tôi về lại Ravensburg. Lúc đến chùa trời đã sáng, tôi vội viết bài này để cảm ơn Thầy Nguyên Lộc và các Phật tử tại Nante đã tạo cho tôi có một cơ hội quý báu đến chùa Vạn Hạnh để trải ra cả tấm lòng của mình để cho mọi người cùng học và cùng tu. Xin cảm ơn những bữa cơm chay thật là ngon miệng đầy tình nghĩa Thầy trò. Cũng xin nhớ ơn những tiếng hát và những vần thơ đã đi thẳng vào lòng người và cuối cùng xin cảm ơn những người đi ăn xin đã trợ qua đêm chờ xe lửa trong nhà chờ, họ đã cho tôi rõ biết hơn về một kiếp nhân sinh là như thế đó.

Viết xong vào 11 giờ 30 phút trưa ngày 28 tháng 10 năm 2014 tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg Đức Quốc

Năm MÙI nói chuyện DÊ

• Tích Cốc Ngô Văn Phát



*Tuổi Múi là con Dê xồm
Có sừng có gạc râu ria lòng
thông*

Thời gian trôi qua thật nhanh, mới đó mà nhiệm kỳ con Ngựa (Giáp Ngọ) sắp hết, nhường chỗ cho con Dê (Ất Mùi) thay thế.

Dê là một trong những con vật xuất hiện lâu đời từ thời tiền sử loài người, trong đời sống vật chất và tâm linh, từ Đông sang Tây. Đầu dê với bộ sừng lớn uốn cong là một trong những hình tượng thường được khắc, vẽ trên vách đá trong nhiều hang động có người ở, cách đây không biết mấy triệu năm?. Dê là loài động vật nhai lại, chân có móng, nó có một bộ lông tơ mịn bao phủ khắp thân, một màu hay nhiều màu, dài hay ngắn tùy theo các địa phương khác nhau nơi nó sống. Như loài dê sống ở vùng nóng thì lông ngắn mà thưa, còn sống ở vùng lạnh, vùng đồi núi v.v... thì lông dài và rậm hơn. Dê đực đều có sừng, còn giống cái thì phần lớn không có sừng, tuy nhiên cũng có vài loại có sừng như trong hình dưới đây. Nhưng có một điều là cả dê đực và dê cái đều có râu!

Dê được chia làm hai nhóm:

* **Dê hoang:** sống thành bầy đàn và sống ở những nơi như rừng, đồi núi... mà người ta gọi nó là "Sơn Dương".

* **Dê nhà:** sống thành bầy đàn nhưng được con người chăn nuôi để lấy sữa, ăn thịt, làm thuốc, kéo xe v.v....

Đời sống của Dê:

* **Dê đực:** Tượng trưng cho mãnh lực và nhu cầu tình dục, vì loài dê vốn tràn đầy sinh lực, trong thực tế một con dê đực có thể làm tình với cả đàn dê cái và cũng từ đây con dê bị người đời cho nó là đại diện cho thói dâm dăng với hình tượng con *Dê Xồm, Dê Cự hay Máu Dê* của đàn ông!

* **Dê cái và sinh sản:** Dê cái (*loại này có sừng*) cũng có một sức khỏe và khả năng sinh sản rất nhanh. Thông thường tuổi động dục lần đầu của nó là từ 6-8 tháng tuổi. Phôi giống lần đầu từ 8-10 tháng và tuổi đẻ lứa đầu là 12-14 tháng. Thường sau khi đẻ độ 1,5 - 2 tháng thì nó lại phục hồi



sức khỏe, chịu đựng, mang thai rồi đẻ. Cứ như vậy nên người nuôi dê rất có lợi.

* **Dê cái cho sữa:** Dê được nuôi nhằm mục đích trước tiên là lấy sữa. Trung bình một con dê cái tùy loại cho khoảng từ 1 đến hơn 4 lít sữa/ngày. Lập kỷ lục được ghi trong sách Guinness là cô dê giống Toggenburg được gia đình Katrina Western ở Rancho Chico (Quận San Patricio, Texas - Mỹ) nuôi cho được 4.068 lít sữa trong một năm 365 ngày, gấp đôi gấp ba mức trung bình đối với các cô dê nuôi khác. Bình thường thời gian cho sữa của một con dê được tính theo công thức tuổi thọ trừ 3 năm (tuổi thọ trung bình của dê vào khoảng 10-12 năm). Thí dụ: Cô dê cái A có tuổi thọ là 10 năm thì thời gian cho sữa của cô ta là 7 năm (10-3=7). Tuy nhiên cũng có vài ngoại lệ. Sách kỷ lục Guinness ghi nhận cô dê cái Baba của gia đình Freund-Nelson ở Northport (Quận Suffolk-Newyork) là cô dê cho sữa dài nhất trong lịch sử. Cô ta qua đời vào ngày 13.10.1995 trong lúc đang được chủ vắt sữa. Cô Baba sống được 16 năm. Tuy nhiên, nếu quy đổi ra năm dê theo công thức mà các nhà khoa học sử dụng là một năm Người, bằng tám năm Dê, thì cô Baba được 128 tuổi!!! Ra đời năm 1979, một năm sau Baba bắt đầu cho sữa và suốt 15 năm liền cô ta cho sữa mỗi ngày không nghỉ. Sau khi Baba chết, gia đình Freund-Nelson tổ chức một lễ hỏa táng rất trọng thể để nhớ ơn Baba vì 5 đứa con của gia đình này đã lớn lên nhờ bầu vú sữa của cô dê Baba!!.

Nói tới dê thì từ bé đến già, từ Đông sang Tây ai cũng biết, vì nó được nuôi ở khắp mọi nơi trên thế giới. Nó là giống ăn tạp rất dễ nuôi, có nghĩa là nó ăn được rất nhiều loại thức ăn như cỏ, cành, lá, gai góc, vỏ cây cần cỗi v.v.. Ở Việt Nam, món ăn thích nhất của dê là cành, lá, bông và trái so đũa.

Dê là loài vật gần gũi với đời sống và sinh hoạt với con người nên có rất nhiều giai thoại và truyền thuyết về nó.

Dê trong đời sống văn hóa Việt Nam

Dê được thuần dưỡng từ rất lâu đời, được sử dụng liên tục ở khắp mọi nơi nên nó tạo ra giá trị tinh thần phong phú, ảnh hưởng sâu rộng đến tâm linh và đời sống văn hóa nghệ thuật của người Việt Nam. Nó là một trong sáu con vật được nuôi thông dụng nhất trong Lục Súc gồm *Dê, Gà, Chó, Heo, Ngựa, Trâu*.

Sách Lĩnh Nam Chích Quái, ở chương đầu, về họ Hồng Bàng, đã kể lại rằng từ đời xa xưa, người Việt trong hôn nhân, đã biết giết trâu, dê làm đồ lễ. Vào giữa thế kỷ 16, trong bài Đào Nguyên Hành thì Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đã tả cảnh nông thôn Việt Nam là:

*Trâu, bò, gà lợn, dê ngan
Đầy lũ đầy đàn, rong thả khắp nơi*

Vào thời nhà Nguyễn, con Dê chỉ được sử dụng trong việc tế lễ:

*Dê vốn thật thuộc loài tế lễ
Để hồng khi tế Thánh tế Thần
Hể có việc lấy dê làm trước
Dê dâng vào, người mới lạy sau.*

Theo Đại Nam thực lục Chính Biên, dưới triều đại vua Minh Mạng, mùa Đông năm Minh Mạng (1836- thứ 17),

nhà vua sai mua 220 con dê đực và 100 dê cái, chọn 20 con dê đực giao Tế sinh làm lễ vật tế lễ Nam Giao, đặt tại đàn Thượng có thịt Dê ướp dương hải.

Trong tác phẩm Hịch Tướng Sĩ của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cũng có nhắc đến hình ảnh con dê và coi đó là biểu hiện của bọn sứ giả Mông Cổ chỉ bằng loài dê chó nhưng hồng hách, ngạo mạn:

*Uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình
Đem thân dê chó mà ngạo mạng tế tướng*

Trong Văn Tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (thế kỷ 19) của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu có câu gởi phần tâm sự và lời chê trách những người công tác với thực dân Pháp, làm tay sai giày xéo dân tộc khổ đau vì nô lệ:

*Hai vầng nhật nguyệt chói lòa
Đâu dung lũ treo dê bán chó*

Đến thơ ca lãng mạn trữ tình như bài Dê Con (thế kỷ 18) của bà chúa thơ Nôm, nữ sĩ tài hoa Hồ Xuân Hương:

*Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ
Lại đây cho chị dạy làm thơ
Ông non ngựa nọc chằm hoa rữa
Dê con buồn sừng húc đậu thưa*

Còn trẻ em Việt Nam khi chơi trò dung giăng dung dế đều thuộc lòng bài đồng giao vui nhộn:

*Dung giăng dung dế, dắt trẻ đi chơi
Đến cửa nhà Trời, lay cậu lay mợ
Cho cháu về quê, cho dế đi học
Cho cóc ở nhà, cho gà bới bếp
Ngồi xếp xuống đây....*

Dê đực thể hiện khá đa dạng trên tranh, bìa, miếu, đình, đền, chùa v.v... với đủ loại chất liệu như đất, đá, bạc, đồng, gỗ, mực... và bằng nhiều kỹ thuật như tạc, nặn, chạm, khắc, đúc, vẽ v.v.. Trong lục súc, có lẽ Dê là hình tượng đầu tiên xuất hiện ở các chùa chiền cổ xưa, nơi thường chỉ thấy hình ảnh các loài vật linh thiêng, cao quý như Rồng, Hổ, Hạc... Điển hình là tại bệ đá đặt tượng Phật của ba chùa Bối Khê, Trung, Quế Dương ở Hà Tây (cuối thế kỷ 14) đều có khắc hình dê vui tươi, miệng ngậm cành lộc, đầu ngoảnh về phía sau. Chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh (đầu thế kỷ 17) hiện diện hơn 50 bức chạm nổi trên lan can đá, trong đó một bức bên trái thượng điện chạm rất tinh tế ba con dê: Một con nằm nhón nhờ trên cỏ, hai con còn lại với tư thế sinh động khác nhau đang ngẩng nhìn bầu trời cao rộng có ánh trăng lấp ló sau áng mây.

Trải qua bao nhiêu biến cố thăng trầm, người Việt Nam dù ở trong hay ở ngoài nước vẫn giữ được nét đặc thù cố hữu, luôn có óc bền cọt khi nói đến từ Dê như:

- **Dê Cự:** ám chỉ kẻ rất dâm dăng. Nổi tiếng nhất trong sách sử có ông Trương Dê Tiên Bửu chèo đò và điển hình nhất là ông Chiêu Hồ. Một khi đã dê thì nhút nhát phải thành công: *Ông ghè không được, ông ghè mãi; ghè mãi rồi cũng phải rề.*

- **Dê đạo lộ:** Loại dê này rất bướng, rất táo bạo, nơi nào cũng thả con dê ra đực cả. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã châm biếm:

*Ông Đồ tình, ông Đồ say
Sao ông gheo nguyệt giữa ban ngày*

Lại có những chàng trai thiếu nhã nhặn, không đúng đắn khi trêu chọc phụ nữ, tán gái một cách không lịch sự và sỗ sàng:

*Hỡi cô mặc áo yếm hồng
Đi trong đám hội, có chồng hay chưa?
Cô kia, má đỏ hồng hồng
Cô chưa lấy chồng còn chờ đợi ai*

hoặc:
*Ngó lên mây trắng, mây xanh
Ứng ai cũng vậy, ứng anh cho rồi!*

- **Dê Xôm:** Trong văn chương và văn hóa Việt Nam, hình ảnh con dê thường bị nhìn dưới một khía cạnh châm biếm. Vì con dê đực có khả năng truyền giống rất mạnh, nên người đời thường ví những ông có máu thích lang chạ trong vấn đề tình ái và tình dục với biệt hiệu *Dê Xôm*. Tục ngữ Việt Nam có câu:

*Bướm bướm mà đậu cành bông
Đã dê con chị, lại bông con em.*

hoặc:
*Dê xôm ăn trái khố qua
Ăn nhằm đậu đũa, chết cha dê xôm*

Những ông dê xôm này bị người ta khinh, vì họ không theo khuôn phép thuần phong mỹ tục. Cho nên tục ngữ Việt Nam mỉa mai những người này là:

*Phượng hoàng đậu nhánh sa kê
Ông thần ông hồng vật mấy thẳng dê cho rỗi.*

Trong Lục Vân Tiên, bộ mặt của Bùi Kiệm đã từng giở trò với Kiều Nguyệt Nga, trở thành trở trên qua câu thơ của cụ Đồ Chiểu:

*Con người Bùi Kiệm máu dê
Ngồi trở bộ mặt, như dê thịt trâu*

Dê đực lấy làm đối tượng cho nhiều câu ngôn ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao sinh động, dân dã như: *„Bán bò tậu ruộng, mua dê vẽ cày,* tức là chê trách cách thức làm ăn không biết tính toán. *„Giàu nuôi chó, khó nuôi dê, không nghề nuôi ngỗng,* nói lên kinh nghiệm lựa chọn những hoạt động phù hợp với năng lực, hoàn cảnh. *„Treo đầu dê, bán thịt chó* chỉ người nói một nơi, làm một nẻo, nói và làm không ăn khớp nhau.

Tới đây, người viết sực nhớ tới những năm bị tù lao động khổ sai không án mà Việt cộng gọi là „học tập cải tạo“ ở Hoàng Liên Sơn, miền thượng du Bắc Việt. Nơi này, cán bộ, bộ đội của „cụ Hồ“ xếp 5 loại thịt của 5 con vật mà họ thích ăn theo thứ tự: 1/ Chó; 2/ Lợn; 3/ Bò; 4/ Trâu; 5/ Dê.

Tại sao Dê đứng đến hàng thứ năm?. Tại vì ở miền rừng núi mỗi nhà người Tày hay Giao đều có nuôi một đàn dê cả chục con để lấy sữa. Họ nuôi dê không cần cho ăn, không cần người chăn, sáng mở cửa chuồng đàn dê tự động lên rừng ăn cây cỏ, chiều các con cái của đàn dê nào cứ ngửi mùi quen thuộc con dê đực của đàn mình mà theo nhau về chuồng không lầm lộn với đàn khác!.

Vì để nuôi nên họ bán rẻ. Vì bán rẻ nên thường được trường trại mua dê cho tù nấu với muối và măng rừng ăn! Thành thạo khi có con trâu nào ở hợp tác xã nhận thấy lao động không còn vinh quang nữa, nó ngã quy chết ngoài ruộng khi đang cày, cán bộ mới gọi anh nuôi tù (người làm bếp) ra xẻ trâu tại chỗ để đem về trại nấu cho tù ăn. Nhưng 4 cái đùi thì phải giao cho ban chỉ huy trại, còn da và phần còn lại mới dành cho tù. Tuy nhiên theo nhận xét của tù lúc đó: *Có còn hơn không!!*

Trên đây, người viết nói về dê nhà, bây giờ xin nói về dê Trung Quốc, người bạn láng giềng với môi hở răng lạnh, với 16 chữ vàng nhưng lúc nào cũng sẵn sàng tìm cách xâm lược, thôn tính!!!.

- **Dương xa:** (Xe dê) Vào thời nhà Tần, vua Tần Võ Đế có rất nhiều cung phi mỹ nữ, nên không biết chọn ai để chăn gối. Vua có một chiếc xe nhỏ khảm ngọc do dê kéo đi mỗi đêm trong cung cấm, hễ dê dừng ở cửa phòng cung phi nào tức đêm ấy nhà vua sẽ ngủ với cung phi đó. Nên hằng trăm cung phi mỗi đêm đặt lá dâu non, loại dê thích ăn trước cửa phòng để xe dê dừng lại. Nếu không được vua đến tìm thú vui, thì người cung nữ cảm thấy cô đơn lạnh lẽo. Điều này được phản ánh qua tác phẩm của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều:

*Phải duyên hương lửa cùng nhau
Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào*

- **Năm bộ da dê:** Kể về Thừa tướng Bá Lý Hề, là tướng nước Ngưu, mà nước Ngưu bị nước Tần cướp. Bá Lý Hề chạy sang nước Sở làm người chăn dê. Vua nước Tần là Mục Công biết Bá Lý Hề là người tài giỏi, sai người mang năm bộ da dê chuộc về làm tướng quốc khi đã ở tuổi 70. Sau, Bá Lý Hề giúp Mục Công dựng nghiệp lớn. Trong bộ truyện Đông Chu Liệt Quốc có một câu hát mô tả về nội dung này: *Năm bộ da dê/ Bá Lý Hề, năm bộ da dê/ Từ chàng ra đi/ Mổ con gà mái/ Nồi cơm gạo đỏ/ Chử thương thì thương/ Ngày nay sang giậu/ Chàng quên chẳng chàng.*

- **Dê Tả Từ:** Đời Tam Quốc có chuyện rằng khi Tào Tháo đuổi bắt Tả Từ. Bí lối, Tả Từ liền chạy thẳng vào đàn dê, rồi dùng phép thuật biến mình thành dê. Khi phụ tá của Tào Tháo cho kiểm lại số dê thấy thừa một con, biết có Tả Từ trong đó, liền bảo: Tả Từ cứ đầu hàng, ta không giết đầu mà sợ. Bỗng một con dê trong đàn bước ra gật đầu, quỳ lạy. Phụ tá Tào Tháo định xông vào bắt sống, tức thời cả đàn dê đều chạy lại bao quanh nó và cùng quỳ xuống, khiến người phụ tá không phân biệt được con dê nào là hóa thân của Tả Từ. Câu chuyện kết luận là loài dê không phản trắc, không tố giác bạn bè.

Chuyện dê rất phong phú và đa dạng, trong khuôn khổ hạn hẹp của tờ báo Xuân khó mà lược thuật đầy đủ,



Đôi Mắt Mùa Xuân

*Chẳng mong ngày vắng đêm tàn
Chỉ mong đôi mắt ngang tàng núi non
Ngày sau núi bạt non mòn
Nhưng đôi mắt đó hãy còn nhớ nhung*

*Khung mắt là ngõ vô cùng
Là bao chết đứng thú rừng tương tư
Có ai thấy được nụ cười
Dù trăm Bao Tự sánh từ màn răng?*

*Tôi về trồng lại vườn trắng
Xây bờ tóc liễu thương hằng mắt nai
Mượn bao bướm lược hoa cài
Quanh đôi mắt liếc chết hoài thể nhân*

*Đây này gom hết nợ nần
Kiếp sau kiếp trước thể thân em về
Rước em từ núi xuống quê
Cho trăm điệu lý hát bè cùng nhau*

*Đôi mắt ướt ly rượu đào
Bắt tay thưởng thức xuân chào tân niên
Có em thập nhị nhân duyên
Có em vô lượng mình thiên tục nhau.*

• **Nghiêu Minh**

vậy trước khi ngừng bút, người viết xin quý độc giả cùng chúng tôi sang năm mới Ất Mùi chấp tay cầu nguyện cho khắp chúng sanh, không phân biệt tôn giáo, màu da, biên cương, sắc tộc, sống yên lành bên nhau, không ganh ghét oán thù, không chiến tranh chết chóc để cho thế giới được hòa bình, nhân sinh được an lạc và hạnh phúc; cầu nguyện cho những kẻ bất thiện, nhút là những người cộng sản tàn ác, vô thần biết tin có luân hồi, có nghiệp báo trả vay để quay đầu hướng thiện. ■

Biểu tượng DÊ của Thần Rượu

• Quỳnh Hoa

Dionysos hay Bacchus, thần của rượu và của sự hoan hỉ, vườn nho, sự phong phú phì nhiêu màu mỡ, sự hỗn nhiên. Các thuộc tính biểu hiện của Dionysos: Dê đực, sư tử, báo, cây nho, cây thường xuân, quả lựu, huệ, trống, sáo, cây gậy nùm thông quấn cành nho, các túi đựng rượu.

Huyền thoại thần rượu được bắt đầu từ Sémélé, bà là một trong những người con gái của Cadmos vua của Thèbes. Theo Hy Lạp cổ xưa, Zeus là tối thượng thần, Zeus bị quyến rũ bởi sắc đẹp của Sémélé. Nhưng mối quan hệ của họ không thoát khỏi sự lưu ý của Héra (chánh hậu của Zeus), điều này đã dẫn đến sự ghen tị và Héra quyết định đánh bại tình địch Sémélé bằng cách dùng "lưới đôi chiều" lập ra cái bẫy để cho: Zeus vì muốn chứng tỏ quyền năng của mình và phần Bà Sémélé phải chứng tỏ tình yêu để được chấp nhận làm thứ phi, khiến cho quyền năng tạo sấm sét của Zeus rơi vào ngay vào lâu đài Sémélé vừa ghé vào trú ngụ, lâu đài bốc cháy và Sémélé bị giết chết do sét đánh. Nhưng Sémélé đang mang thai Dionysos hơn 6 tháng, để bảo vệ đứa trẻ, Thần Gaia (Thần mẫu, Bà là địa thần, Mẹ của các vị thần và loài người) trong tia chớp làm mọc lên cây thường xuân tươi mát. Zeus nắm lấy đứa trẻ còn là bào thai, thực hiện sự khắc ghép vào bắp đùi của mình, đặt bào thai vào đó, khâu lại vết cắt, chờ đến thời hạn đứa trẻ ra đời mà không lo ngại về sự ghen ghét của bà Hera.

Đến ngày đứa trẻ ra đời, Zeus mở đường khâu và cho ra đời con trai của ông là Dionysos được gọi là Pyrigènes (người ra đời trong lửa), Méroraphis (Mũi kim khâu trong bắp đùi) và „hai lần được sinh ra“. Sự ghen ghét của Héra theo đuổi nó không ngừng khiến cho nó trở thành điên dại và đi lang thang. Gặp cơ duyên Dionysos lành bệnh, khỏe mạnh và Dionysos tiếp tục cuộc hành trình chu du khắp nơi trên toàn thế giới cổ đại, ông truyền bá việc canh tác trồng nho và các nghi thức sinh hoạt liên hệ với từng thời kỳ trồng trọt. Tại Etolie, vua Oenée đón tiếp Dionysos với nhiệt tình đầy hào hứng, hơn cả mọi thứ như kiểu Athene xưa, việc canh tác trồng nho là vị trí hàng đầu.

Tại Paphos, đảo Chypre (đảo của Hy Lạp) trong „Ngôi nhà của Dionysos“ có gạch khảm mô tả hình ảnh khái hoàn vinh quang của Dionysos, nghi lễ trở về của Dionysos trên xe song báo do hai con beo kéo.

Về việc thờ thần Dionysos



Nghi lễ khái hoàn Dionysos

Thèbes được xem là quê hương của Dionysos nhưng Dionysos là thần được tôn thờ khắp nước Hy Lạp nhất là trong thời kỳ các mùa hái nho, nơi nào mà người ta trồng nho. Đó là thần của rượu, của sự say sưa bởi rượu, của lễ tế và lễ thần. Trong lúc các nghi lễ liên kết với sự thờ thần rượu, rượu chảy dồi dào thành dòng không bao giờ cạn, sự sáng khoái chế ngự, các cuộc nhảy múa kéo dài vô tận và những người tham gia thường rơi vào tình trạng ngây ngất sung sướng cực độ. Chỉ có phụ nữ tham gia vào lễ thần được xem như là nữ pháp sư chủ trì lễ tế thần.

Dionysos là hiện thân của sự vui mừng hoan hỉ, của lễ tế, của sự phong phú phì nhiêu màu mỡ của đất đai và mùa xuân. Vườn nho đã một thời đứng vị trí hàng đầu trong Hy Lạp cổ xưa Athènes và lễ tế lỏng lẫ rực rỡ sang trọng được tổ chức với danh tiếng của Thần rượu Dionysos. Ở Thèbes, cứ mỗi ba năm, chân núi Mont Cithéron, người ta cử hành lễ, trong các nghi lễ người ta hát dithyrambe bài tụng thần Dionysos.

Những tùy tùng chung quanh Dionysos là các thú thần của núi rừng sông ngòi trong thần thoại Hy Lạp La Mã, Nhân mã, Dương nhân và các nữ pháp sư chủ trì lễ thần Bacchus (Dionysos). Nhân mã là những sinh vật nửa người nửa ngựa (thân trên là người, thân dưới chân đùi và đuôi ngựa), họ truy lùng các nữ thần thứ cấp của núi rừng sông ngòi để cùng họ chung sống trong các hang động. Trong số các dương nhân hay nhân mã nổi tiếng, người ta phân biệt ra Marsyas là người chơi thổi sáo và là một giáo sư nhạc đáng ghi nhận.

Dương nhân cũng như nhân mã nói chung, được mô tả về bên ngoài như là những sinh vật nửa người nửa dê đực.

Các nữ pháp sư chủ trì lễ tế thần Bacchus hay những „bà đồng,, là những phụ nữ được thần linh nhập vào bởi cơn hứng cảm đam mê cực độ của sự hỗn nhiên ca hát vũ điệu và cách giải trí cuồng nhiệt mãnh liệt.

Những người tùy tùng vui vẻ này đi kèm với Dionysos tạo nên làn sóng hoan lạc.

Gạch khảm Bacchus

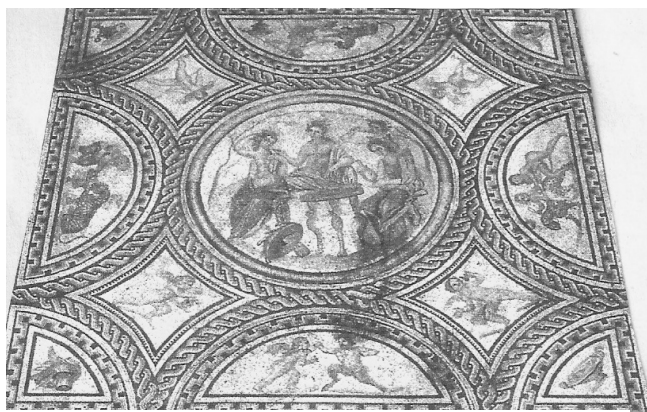
Gạch khảm Bacchus hay bốn mùa từ Walramneustraße, chính giữa trung tâm 8 góc với các cạnh bên đường cong vào là Thần rượu Bacchus hay



Bacchus Mosail (gạch khảm)

Dionysos với bình rượu hai quai và cây gậy nùm thông, sau nữa là thân cây tiểu hồi hương với lá nho đan kết vào nhau, quả thông từng kết tràng trên đỉnh. Đó là biểu hiện của Dionysos, Bacchus cưỡi xe do hai con hổ (cọp) kéo xe, được dẫn bằng Amor vị tiểu thần trẻ thơ tình thương lưng mặc áo choàng bay phất phới tay phải cầm gậy. Người thời hiện đại nhận biết Dionysos như là Thần của rượu. Nữ thần Demeter sau thời thượng cổ đem lại bánh mì cho loài người như là thực phẩm dinh dưỡng, Dionysos tặng loài người rượu như là quà biếu để trang trí thêm cho cuộc sống. Khái luận dẫn đến sự thờ thần trong La Mã Dionysos được hòa hợp thành Bacchus.

Gạch khảm Dionysos từ Fausenburg



Gạch khảm Dionysos

Vào năm 1959 trong lúc đào xới đất để xây dựng trường trung học mới mang tên Friedrich – Wilhelm trên đường Oewiger tại Trier, gạch khảm được tìm thấy miêu tả về Dionysos, trung tâm giữa hình tròn, bao quanh Dionysos là ba phụ nữ môn đồ Dionysos, phía bên trái được nhận biết qua hình ảnh Ariadne. Ariadne là con gái của vua Minos ở Kreta (đảo Kreta hay Crète là điểm khởi xuất văn minh tiền Hy Lạp và cũng là nơi khởi xuất văn hóa của châu Âu). Ariadne đã giúp Theseus (vị anh hùng Hy Lạp cổ xưa) chiến thắng Minotaurus (quái vật bò, ăn thịt người). Vua Minos nhốt Minotaurus trong tòa lâu đài có mê lộ, cung cấp cho Minotaurus các thanh niên nam nữ, sau khi họ chạy vào mê lộ bị lạc đường cuối cùng bị quái vật bò ăn thịt). Theseus muốn tiêu diệt Minotaurus đã giả dạng làm người dân cho Minotaurus ăn thịt, trước khi vào lâu đài giam giữ Minotaurus, Theseus gặp Ariadne, Bà trao cho Theseus cuộn chỉ len đỏ và khuyên ông cột cuộn chỉ vào bên ngoài lối vào mê lộ, để cuộn chỉ chạy theo đường đi, Bà yêu cầu Theseus hứa rằng sau khi xong việc, đem bà về Athene để làm lễ kết hôn. Theseus đã thành công, giết chết quái vật và giải thoát các đồng hành thoát khỏi đảo Kreta và mang theo Ariadne. Vừa đến Naxos ông bỏ rơi Ariadne trên đảo, tại nơi đây Ariadne nhanh chóng đến với Dionysos, Thần Dionysos tìm thấy Ariadne và lấy Ariadne làm vợ. Sau khi Ariadne qua đời Bà được phong thần và được tiếp đón vào Olymp (thần sơn).

Quy y Phật

(Tiếp theo trang 23)

Để có một sự quy y Phật đích thực thì phải có sự tận tụy hết lòng với Đức Phật như một vị Thầy không ai bằng, một bậc Vô Thượng Sư. Nói cho thật đúng thì vị Phật trong lịch sử hiện đại không là vị Phật duy nhất, bởi vì đã có những vị Toàn Giác trước đây trong các kỷ nguyên ở quá khứ và cũng sẽ có các vị như thế trong các kỷ nguyên trong tương lai. Tuy nhiên trong bất cứ hệ thống thế giới nào, không thể có một vị Phật thứ hai trong khi mà giáo pháp của một vị Phật khác đang còn tồn tại. Như thế, trong lịch sử loài người, chúng ta vẫn đúng khi nói rằng Đức Phật là vị Thầy duy nhất và không

ai bằng so với bất cứ vị thầy tâm linh nào mà nhân loại biết đến. Sự sẵn sàng chấp nhận Đức Phật là "vị thầy không ai bằng của trời và người cần được dạy dỗ" chính là dấu ấn của một hành động quy y Phật trung thực.

Đức Phật cho nương tựa bằng cách giảng dạy Phật Pháp. Sự nương tựa thực sự và tối hậu nằm trong Phật Pháp chính là Niết Bàn, "cái trạng thái không dính mắc, không phiền não ô nhiễm". Phật Pháp, như là nơi nương tựa, gồm có mục đích cuối cùng, con đường dẫn đến mục đích đó và các vị giáo thọ hướng dẫn con đường tu tập. Đức Phật như là nơi nương tựa không có khả năng cho ta sự giải thoát theo ý muốn. Ngài công bố con đường phải đi và những nguyên tắc cần được hiểu biết để tu tập. Thực sự đi trên con đường giáo pháp là việc dành cho chúng ta, những đệ tử của Ngài.

Câu trả lời đúng đắn cho việc quy y Phật là lòng tin và sự tin cậy. Lòng tin tưởng rất cần thiết bởi vì học thuyết mà Đức Phật giảng dạy đi ngược lại sự hiểu biết bẩm sinh của chúng ta và sự định hướng tự nhiên của con người về thế giới. Như thế, trong sự chấp nhận giáo pháp thì thường có khuynh hướng chống đối từ bên trong, ngay cả sự nổi loạn chống lại những thay đổi mà giáo pháp đòi hỏi phải có trong đời sống của chúng ta. Tuy nhiên, khi chúng ta đặt lòng tin tưởng nơi Đức Phật, chúng ta mở rộng lòng mình cho sự hướng dẫn của Ngài. Bằng cách quy y Phật, chúng ta chứng tỏ mình đã chuẩn bị để nhận thức rằng những khuynh hướng cố hữu của chúng ta về tự ngã và dính mắc quả thực là nguyên nhân của đau khổ. Và như thế chúng ta sẵn sàng chấp nhận sự hướng dẫn của Ngài để giải thoát đau khổ, những khuynh hướng cố hữu đó phải được loại bỏ.

Sự tin cậy vào Đức Phật như là nơi nương tựa lúc ban đầu là do sự quán chiếu về những đức hạnh siêu phàm và giáo pháp tuyệt vời của Ngài. Sự tin cậy này càng lớn dậy qua sự tu tập. Lúc đầu thì sự tin cậy vào Đức Phật như là có sự do dự, khó xử. Tuy nhiên, khi mà chúng ta ghép mình trong sự tu tập theo con đường giáo pháp, chúng ta nhận thấy phiền não dần dần giảm bớt, thiện trí tăng trưởng, và song song với điều này, cảm thấy tự do và an lạc hơn. Kinh nghiệm này xác nhận rằng lòng tin lúc ban đầu giúp ta tiến bộ thêm vài bước xa hơn. Cuối cùng, khi mà chúng ta thấy được sự thực của Phật Pháp, sự quy y Phật trở nên không thể bị xâm phạm được. Rồi thì sự tin cậy sẽ trở nên sự tin tưởng chắc chắn, một sự tin chắc rằng Đức Phật là: "bậc Chuyển Pháp Luân, đấng Như Lai". ■



Chúc Mừng
Năm Mới



Dương Nhơn

• Trần Phong-Lưu

Trong kinh Phật, chẳng hạn kinh Pháp Hoa ngay phần mở đầu, phẩm **tựa** thứ nhứt đã nhắc tới loài không phải người: " ...*Trong chúng hội, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Da xoa... Ma hầu la già, Nhơn và Phi Nhơn...*" Đọc Thần thoại Hy Lạp cũng đề cập đến các loài nửa người, nửa thú cũng mang đầu trâu, mặt ngựa như trong các truyền thuyết Á đông, nhưng bên Tây phương không có trâu chỉ có bò rừng, nên người bò rừng được gọi là Taurus. Đặc biệt *dương nhơn*, hay gọi nôm na là người dê, chỉ có khuôn mặt, thân trên với đôi tay là người, còn đầu, hai sừng, cùng bờm và râu dê, toàn thân dưới gồm 4 chân và đuôi đều là dê. Như vậy dương nhơn có tới lục chi chứ không phải tứ chi như người.

Trong bộ phim Harry Potter có đoạn Harry đang đấu phép với một yêu nữ, sắp thua và sẽ bị hấp hồn, thì bỗng có một đoàn thú rậm rạp chạy ào đến vây quanh, nhìn kỹ mới nhận ra là một đoàn người dê. Harry đã té nhào xuống đất. Hai con nhào đến cặp tay yêu nữ bắt đem đi. Lại nghe tiếng rậm rạp của đoàn người thú chạy đi biến dạng.

Tim xem trong kho tàng Huyền thoại (Mythologie) Hy Lạp qua cuộc du hành trong thế giới thần thoại và các truyền thuyết từ thời hỗn mang tới khi thế giới Hy Lạp thượng cổ hình thành, vũ trụ mới được thần thánh hóa, trước tiên sinh ra thần Đất Gaia và thần Tình Thương Eros, thần Bầu Trời, bao trùm toàn cõi đất đai khởi nguyên của thế giới, rồi thần Erèbe mở ra vùng Sáng Aether, tức ban Ngày và bóng tối Nyx, kèm thêm giấc ngủ Hypnos và tận cùng bằng Tử thần Thanatos.

Địa thần là vị thần Mẫu lớn nhứt trong vũ trụ luận cổ đại, phối hợp với Bầu trời sản sinh ra các Đại Dương, mặt Trời (Heslios), mặt Trăng (Séléné) và Bình Minh Eos. Các đại dương sinh tiếp ra các con sông...

Zeus, vị thần bất tử lớn nhứt trên đỉnh Olympe, ngọn núi cao nhứt Hy Lạp, sinh ra trên núi Dicté của đảo Crète. Vào cuối thời hỗn mang tạo thiên lập địa, cậu bé Zeus được bà mẹ Rhéa ẵm đi lánh nạn trong hang động trên núi Ida, nơi cậu được nuôi lớn nhờ sữa của con dê cái Amalthee và sự chăm sóc rất khoáng đạt của các thú thần Rừng Núi. Khi lên ngôi trị vì giữa các huynh đệ và các chánh thần khác, Thượng thần Zeus đã chinh phục được sự kính trọng và khâm phục của tất cả các chúng thần. Sau thời đại hoành hành của chế độ các người đại khổng lồ Titan và sau khi thắng lợi cuộc chiến với bọn người khổng lồ Gigant, chiếm được toàn quyền khắp Trời Đất, nhờ khí giới kinh thiên động địa là Sấm sét, ông đã được tôn vinh là Tối thượng Thần, cha của các vị thần và con người.

Vì bà phu nhân chánh thức và vĩnh hằng của Thượng thần Zeus là nữ thần Héra, luôn luôn trung thành và theo bên cạnh cuộc đời ông và phụ ông sáng tạo nhiều tác phẩm lớn. Cuộc hôn phối của họ đã hạ sanh các vị thần Arès, Hébé, Ilithye và Héphaistos.

Tuy nhiên, vốn đào hoa lại là vị thần tài giỏi nhứt trong khắp trời đất, nên ông dễ dàng liên hệ với các nữ thần khác và vô số những vệ nữ thường nhân khác. Khiến bà Héra thường xuyên bị khiêu khích và nổi cơn ghen.

Từ những mối liên hệ này Thượng thần Zeus đã có thêm rất nhiều người con khác: Các vị Thần trên đỉnh Olympe, các bán thần cho đến các vị anh hùng. Như với bà Maia sinh ra vị thần đưa tin nổi tiếng Hermès, với bà Sémélé sinh Hí thần Dionysos, thần Rượu nho, phì nhiêu, Phong phú và thiên nhiên; với nữ thần Léto sinh đôi: Tuyệt mỹ nam thần Apollon, thần Ánh sáng, Âm nhạc, Chiến thắng và Nguyệt thần Artémis vừa là nữ thần săn bắn; với bà Thesmis sinh ra các nữ thần Ánh lóng lánh và những nữ thần Giờ khắc; với nữ thần Mnémosyné sinh ra chín Thần nữ nghệ thuật: Hùng biện, Lịch sử, Bi ca, Âm nhạc, Bi kịch, Thơ trữ tình, Vũ khúc, Hải kịch và Thiên văn. Qua cuộc phiêu lưu tình cảm với bà Euryomé sinh ra ba vệ nữ Thiên Ân, Duyên dáng và Nhân từ. Đó là ba giai nhân đẹp nhứt trần đời: Các nữ Thần Sắc đẹp, Nụ cười và Vui vẻ. Cả ba luôn luôn sát cánh theo nam thần Apollon. Với thiếu nữ thường nhân Alcène hạ sinh Bán thần Héraclès, mà danh hiệu là một kết hợp Sức mạnh, Anh hùng tính và sự Lộng lẫy sang trọng. Vị Bán thần này đã trở nên biểu tượng hùng danh trong khắp thế giới thượng cổ, thể hiện tất cả những tính chất siêu nhân và vĩ đại. Vị Tối thượng Thần còn nhiều mối tình và những người con khác nữa và Ông luôn thương yêu và bảo vệ tất cả mọi người con này vì họ thường xuyên là những đối tượng để bà thần Chánh hậu Héra nổi các cơn thịnh nộ.

Zeus còn là vị Thượng thần khao khát công lý. Thật không đơn giản khi một người đầy tham vọng, lại từng phạm không ít sai trái, mà phải giữ vai trò cầm cân nảy mực, luôn phải làm sáng tỏ công lý. Ông lại hay động lòng trắc ẩn và luôn luôn thử động viên, cố khích lệ những người bất hạnh và thường truyền bá công lý. Các thành ngữ "sanh từ Zeus" và "tạo dựng bởi Zeus" mà người Hy Lạp thường nói, tương đương với "Trời sanh", "Trời tạo dựng ra"... trong ngôn ngữ chúng ta, đã nêu bật đặc tính quyền lực, phép màu tối cao của thời đại Zeus đã biết trị vì với sự khôn ngoan, hiền triết và công lý.

Qua thế hệ thần thứ hai, tuy cũng là con của Tối thượng Thần Zeus nhưng vì mẹ chỉ là công chúa hay tiểu thư thường nhân không được là thần bất tử, nên họ chỉ là những vị Thần thứ cấp, tuy cũng được tôn thờ nhờ những công hạnh đặc biệt, như thần Rượu nho và Hoan hí Dionysus. Từ lúc còn là thai nhi, tới khi ra đời và cả quãng đời thiếu thời, ông đã chịu nhiều gian nan khổ sở, do sự hờn ghen của Thần chánh hậu Héra. Cho đến khi trưởng thành đi chu du khắp thế giới cổ đại và thành công trong việc trồng nho và truyền bá nghề chế rượu vang khắp các vùng. Rồi ông trở thành Thần rượu vang, sự phong phú cùng thiên nhiên và được tôn vinh thờ cúng trong các lễ hội rượu, mùa hái nho với biểu tượng là con **Dê đực** vì đem lại sự no say và hoan lạc cho mọi người. Dần dần qui tụ chung quanh ông các vị thần thứ

cấp, các bán thần và cả các hạ đẳng thần để được chia xẻ niềm hoan hỉ, vui chơi và hưởng dụng các phẩm vật cúng tế... Đoàn tùy tùng của thần rượu ngày càng lớn mạnh gồm các thần núi, thần rừng, thêm các Mã bán thần nửa người, nửa ngựa tham gia vào để theo đuổi các nữ thần sông, thần suối. Đặc biệt các *Dương bán thần* có tứ chi như người, chỉ có khuôn mặt, và thân trên với đôi tay người, còn đầu, bờm, râu và sừng dê, thân dưới, đôi chân móng đuôi dê. Nếu đôi tay cầm gậy chặn dê thì là thần *Mục tử*, được các người chăn chiên, chăn dê thờ.

Sinh vật hỗn hợp nửa thần, nửa thú này xuất hiện trong các khu rừng, tương đối trẻ hơn so với các vị chánh thần, thú thần và loài người, khoảng cuối thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch. Hình thái khác biệt của các bán thần Dê làm sống động thêm sinh hoạt của rừng núi, vì họ chuyên theo đuổi các nữ tiểu thần suối rừng (Nymphs). Như bức tượng trong bảo tàng viện Louvres (Pháp) tạc một Dương bán thần không giấu được tánh dê, đang nằm tay ve vãn một nữ tiểu thần suối trẻ vào cao hơn ông ta, nhưng bị một tiểu Thiên thần vỗ cánh bay phía trên, nắm sừng đẩy ra. Người ta phân biệt hai loại Dương bán thần: *Sylenoi*, già, bụng hơi bự, đầu hói sừng dê dài cong, râu bờm xồm xoàm bao quanh khuôn mặt xấu.



Dương Nữ Bán Thần

Satyrikoi trẻ đẹp hơn, và cả tiểu thần Dê bé con nữa. Không thấy các truyền thuyết kể rõ xuất thân của chúng sinh này. Theo Hesiod, các nam bán thần này do năm cô con gái của nữ thần độc lập Hekateros sanh ra trong thiên nhiên và mang đặc tính của chánh Thần Pan, vị thần cai quản toàn thể các rừng rậm và đời sống điền viên.

Trong đội quân của thần rượu nho Dionysos có một toán binh khá đông các Dương bán thần. Lúc chiến đấu với các người khổng lồ Gigants, nhờ tiếng dê la rống đình tai, nhứt óc của họ, đã khiến bọn Khổng lồ hoảng sợ, khiếp đảm, bó tay chịu bắt. Tranh vẽ trên các chậu, bình rượu còn ghi lại những hình ảnh này. Trong các thiên anh hùng ca Dionysika nổi tiếng nhất trong cuộc hành quân qua Ấn Độ cũng đề cập đến đám bán thần Dê này. *Satyrm* (Dương bán thần) cũng trở thành hình dung từ dẫn giải những tính chất phát xuất từ thần rượu Dionysos. Các Dương bán thần nổi tiếng trong các huyền thoại như:

Ampelos, tiểu thần được Thần Rượu sủng ái nhứt, sau bị một bán thần Bò mộng giết chết. Thần Dionysos thương tiếc lắm, nên hóa phép biến thành cây Nho to ngon ngọt nhứt.

Krotos, tiểu thần sáng tạo ra cây cung kéo đàn vĩ cầm, đại hồ cầm và cách phân nhịp đặt nhạc các bài hát cho các Thi thần, nàng Thơ. Về sau thăng thiên chuyển kiếp thành chòm sao Thiên Dương mà các nhà Thiên văn học thường gọi tên.

Marsyas, thiếu niên Dương bán thần bị bại dưới tay của thần Appolon trong cuộc tranh tài Âm nhạc trong

đầm lau sậy của những người cá. Vị thần này muốn trừng phạt vĩnh viễn tên tuổi trẻ bị cho là ngông cuồng, nên tước đoạt hết các quyền lực rồi bỏ mặc Marsyas trong sự ăn năn hối hận và các vết thương tuôn máu khắp châu thân. Sự đau đớn lan rộng qua gân thịt, dẫn vật từ lớp da ngoài vào tận nội tạng bên trong, xuyên suốt các sợi thớ của quả tim trong lồng ngực, khiến chàng thiếu niên này phải bật lên các tiếng kêu than rên rĩ. Những âm thanh này len lỏi qua các lỗ hở của đầm lau sậy, khuếch đại ra thành khúc nhạc réo rắt ai oán. Nhờ vậy anh ta đã tạo được ống sáo thần, nên được giới thường ngoạn nhạc Tây phương xem là thủy tổ của loại nhạc cụ này. Những tiếng sáo réo rắt chẳng những gây xúc động trong các huynh đệ Dương bán thần, đem sự băng khuâng tư tưởng nơi các giống loài thần rừng, nữ thần suối, làm rơi nước mắt các vệ nữ thần đồng nội, trôi nổi bất định trong đám linh dương qua các đoàn dê, đoàn trừu chăn nuôi và vang động từ vùng rừng núi hiểm trở đến bờ biển, dốc đá cheo leo, lăn động thành trào lưu sáo nhạc *Marsyas* qua Phrygia chạy dọc theo những đợt sóng biển rì rào.

Về sau Marsyas được phong thần hưởng đầy đủ vinh quang trên đỉnh Thần sơn Olymp. Người đời sau còn tưởng niệm cậu ta như một tổ sư âm nhạc Tây phương và trong các bảo tàng viện Âu Mỹ còn trưng bày các bức tượng chàng thiếu niên Dương thần này đang thổi sáo.

Silenos, Nhạc trưởng ca đoàn những Dương và Mã bán thần trong các buổi nghe hát và Lễ hội thời thượng cổ. Nên còn được xem là nhà giáo dục trong đoàn tùy tùng của thần Rượu và là phó thần phong phú, đất đai phì nhiêu. Đặc tính này có thể được tìm thấy hoàn toàn trong vở tuồng hát Dương bán thần *Cyclop*, Độc nhãn thần khổng lồ, của Euripides, thường được trình diễn trong các lễ hội vinh danh thần Rượu ở Athen.

Những hình họa phong cách Nhã điển trên các bình chậu miêu tả các Dương bán thần thanh niên cường tráng, mũi tẹt, tai lớn và nhọn, bộ lông dài xoắn, râu bờm xồm xoàm đội tràng hoa lá nho hay các nhánh trường xuân quấn quanh chiếc đầu hói, nếu đã tới tuổi trung niên. Họ thường cầm theo cây mật chùy hoa: cây roi của thần Rượu nho, cầm trên đầu một trái thông.



Dương Bán Thần

Còn thần thoại La Mã gọi quái vật nửa người, nửa dê là *faunus*, thần điền dã, bản tánh vô tư lự. Khi còn thiếu niên trước trán chỉ có hai bướu xương nhô lên, tới lúc thành niên mới mọc cặp sừng dê.

Nhà bác học Sir William Jones thường dẫn huyền thoại Ấn độ Vánaras như Dương thần/sơn nhân trong các bản dịch từ tiếng Phạn. Do đó vào năm 1873 hai họa sư William-Adolphe đã sáng tác bức tranh sơn dầu *Nymphs & Satyr* còn trưng bày trong bảo tàng viện Bouguereau, diễn tả các nữ thần suối vây quanh một Dương bán thần: kẻ nằm đầu, người túm tóc, hai cô phía trước nắm hai cánh tay thần dê này lôi kéo đi, không biết vì oán hận hay đang dụ dỗ vào một cuộc vui. Các thi phẩm về sau còn sáng tác thêm các Dương nữ bán thần thường đi lang thang khắp núi rừng vừa thổi sáo hoặc ống tiêu, đã tạo cảm hứng cho nhà điêu khắc Claude

Michel (1738-1814) hoàn thành bức tượng *Satyresse bằng hai bé Putti* rất đẹp. Rồi đến những thần dê nhi đồng hình thành gia đình dương bán thần. Cho đến thần Bacchus, vị thần bảo trợ các Dương bán thần cũng được tạc vẽ dưới hình tượng một đứa trẻ hay bé con.

Trong bảo tàng viện khảo cổ quốc gia ở Athen còn trưng bày tượng đồng nhỏ của quái thú Chimère, con đẻ của thần Bào và nàng Echidna. Tương truyền rằng nó có hai hay nhiều đầu dê bao quanh đầu sư tử ở giữa, mình dê, chân sư tử, đuôi là nguyên con rắn mà đầu rắn là chót đuôi luôn há mồm le lưỡi. Vẻ bề ngoài của con quái thú cái này rất hung tợn, miệng, mũi luôn khạc ra lửa, hay cướp phá công cuộc canh tác của con người và gây ra biết bao thảm họa. Thành thử trong tấm bằng tròn bằng đất nung, trưng bày trong tàng viện cổ học Thasos đã khắc ghi lại cảnh thiếu niên anh hùng Bellérophon, cỡi phi mã cánh đại bàng, giết chết được quái thú nửa dê nửa sư tử này.

Nếu lịch tử vi Á đông biểu thị 12 năm bằng 12 con giáp, mà năm nay là *Át Mùi*, cầm tinh con dê; thì Tử vi Tây phương tính theo ngày tháng sinh lại có tới 2 con dê. Không rõ cách sắp xếp phân định 12 biểu tượng tử Song Ngư, Bào bình, **Bạch Dương** (dê trắng= Aries) sanh từ 21-3 đến 19-4, Kim Ngưu, Song Nam, Bắc Giải, Hải Sư, Xử Nữ, Thiên xứng, Hổ Cáp, Nhân Mã, **Nam Dương** (Capricorn) cho những người sanh từ 22 tháng 12 đến 20 tháng giêng, có tương ứng với rầm dầy cần gạch khảm (mosaique) hình tròn với vòng đồng tâm ở giữa, tỏa ra 12 viên phân ghi lại 12 chiến công của bán thần Héraclès, trong đó có biểu tượng *linh dương*.

Văn minh Tây phương khởi nguyên từ Hy-La cổ, mà văn hóa và nghệ thuật Tiên Hy Lạp lại bắt nguồn từ đảo Crète, hải đảo ở cực nam Hy Lạp, nơi vị Tồi thượng Thần Zeus, cha của các vị thần linh và con người, theo tín ngưỡng Hy Lạp thượng cổ, được sanh ra và bú sữa Dê. Rồi trong suốt quá trình các thần thoại và chuyện truyền kỳ đều xuất hiện những Dương nhơn, rồi các Dương bán thần theo đuổi các thiếu nữ thần Suối, tùy tùng trong các lễ hội hoan lạc của thần Rượu. Sau hết là quái thú đầu sư tử và nhiều đầu dê bao quanh và thân mình dê, chuyên phá hoại mùa màng, gây bão tố, hỏa hoạn. Cho nên hình tượng Dê đã đóng vai trò không thể bỏ quên trong các huyền thoại Hy-La và hiện diện trong nghệ thuật hội họa, điêu khắc Âu Mỹ. Đến như nhân vật nữ chánh Esméralda, thuộc giống dân du mục Bohémien, trong tiểu thuyết "Thăng Gù trong nhà thờ Đức Bà" của nhà đại văn hào Victor Hugo, lúc đi dạo ngoài đường lộ Paris thời Trung cổ, thường dắt theo con Dê đực, đeo chuông trên cổ, như các bà Đầm hiện nay dắt chó dạo chơi trên phố bên Pháp ./-



Esméralda

HUẾ [↑] **mộng mơ** của bây chừ !



• Hoa Lan - Thiện Giới

Vẫn biết thơ văn ca tụng thành phố cổ đô này nhiều vô số kể, đã khiến con tim của một người Hà Nội mất gốc như tôi phải thổn thức, phải cố tình tìm một lần ra thăm Huế để thử nghiệm bằng chính cảm xúc của mình mới thôi. Nhưng biết bao giờ duyên lành mới đến khi tôi bị dị ứng khi nhắc đến hai chữ Việt Nam, quê hương gì mà toàn là ngộ độc tử thực phẩm cho đến tâm hồn, là cướp giật giữa ban ngày nói theo nghĩa bóng lẫn nghĩa đen và còn nhiều điều đau đớn lắm không tiện nói ra. Thế rồi tôi cứ mãi chần chờ đếm từng mùa thu chết không bao giờ dám lên kế hoạch về Việt Nam, mãi đến hôm nay tình cờ trong một chuyến hành hương theo phái đoàn của Thầy trụ trì Chùa Viên Giác thăm Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore rồi ghé lại Sài Gòn lâu mau tùy ý mà không tốn thêm một đồng xu vì đi hãng hàng không mang nhiều dấu ấn tai tiếng như Vietnam Airline.

Nghe tin tôi ghé Việt Nam, người của báo khoaocnet.com mon men đến nhờ vả, dĩ nhiên chỉ lần mò theo đường dây internet mà i ôi chứ chúng tôi ở cách xa nhau đến ngàn dặm. Ông ấy giới thiệu tôi ra Huế đến chùa Tịnh Đức thăm một ngôi chùa cổ có nuôi khoảng 30 người già cả neo đơn không thân nhân con cái, với dụng ý kết nối trong ngoài hầu có thể giúp được gì thêm cho nhà dưỡng lão. Nếu ông ấy rủ tôi đi nhậu hay hát Karaoke thì chỉ lắc đầu xin hai chữ bình yên nhưng đằng này rủ làm việc thiện thì phải OK sốt sắng nhận lời. Nhân duyên nào để tôi gặp gỡ cái người đàn ông ấy? Đó chỉ là chi tiết nhỏ nên không thể viết trên hàng đầu và cũng không thể là nhân duyên "*Thiên cơ bất khả lậu*" nên sẽ tổ hết ở đoạn sau.

Tuy nhận được chương trình cho chuyển ra Huế thật chi tiết với giờ giấc phương tiện đưa đón thật hoàn hảo không thể chê vào đâu được, nhưng tôi vẫn muốn hai chữ tự do như câu thơ "*tự do phải trả bao nhiêu máu này*", nên đã liên lạc với cô cháu gái gốc Huế nhưng nói tiếng Vũng Tàu - Bà Rịa chạy. Cô cháu này nhặt được ở ngoài đường nhưng tình thân cô cháu hiếm ai có được.

Vào một tối đầu thu cuối tháng mười, trên chuyến máy bay Vietjet thuộc loại đại hạ giá chỉ cao hơn vé xe lửa hay xe đồ một tí thôi, đã đưa hai cô cháu đến phi trường Phú Bài của Huế một cách tuyệt vời, nói theo danh từ chuyên môn là "hạ cánh an toàn". Bé Hiệp tuy đã gần 27 tuổi nhưng không chịu lấy chồng, chỉ thích đến chùa làm công quả chắc bị nhiễm câu "Tu là cội phúc, tình là giấy thung", rất sợ sợi giây tình nó quấn cành hồng làm khổ đau.

Việc trước tiên vào thành phố là kiếm cho ra một chiếc Honda để đi chuyển tìm khách sạn. Tay lái này đã nhắc cậu em họ cho mượn chiếc xe tay ga đời mới khá xịn để đưa cô Hoa Lan đi hết hang cùng ngõ hẻm của cố đô, quan trọng nhất vẫn là đi lòng những món ngon vật lạ của Huế.

Để ngồi trên xe cho được yên thân không bị các chàng công an huyết còi móc túi, hai cô cháu phải kiếm ngay một mũ bảo hiểm bán đầy ở các vệ đường lớn như Hùng Vương hay Nguyễn Huệ. May quá tên các vị anh hùng dựng nước này vẫn chưa bị thay tên bởi các Bí thư Đảng Ủy bán nước hại dân. Nhắc đến đề tài "Những con đường thay tên" tôi phải kể ngay đến một điều thật đau lòng cho những người yêu Huế. Ai mà chẳng biết câu thơ "Sao anh không về thăm Thôn Vĩ" của Hàn Mặc Tử, nhưng thôn Vĩ Dạ bây giờ đã thay tên một cách trắng trợn bằng tên của một thành viên quan trọng trong "Bí mật Thành Đô" đã bán đứng quần đảo Hoàng Sa và sẽ dâng toàn ven lãnh thổ Việt Nam cho bọn Tàu cộng vào năm 2020. Phía Nam Vĩ Dạ đổi thành Phạm Văn Đồng và phía Bắc Vĩ Dạ mang tên Nguyễn Sinh Cung, con đường nổi ngang ở giữa là Nguyễn Sinh Sắc. Thế thì còn đâu Huế mộng Huế mơ nữa mà làm thơ với nhạc, chẳng lẽ lại đổi là "Sao anh không về thăm Phạm Văn Đồng"?

Huế ban đêm đẹp tuyệt vời, đường sáng rộng rãi sạch sẽ và trật tự đã đem đến cho tôi một cảm giác mến yêu. Nếu được bình chọn thành phố duyên dáng và an bình để sống có lẽ tôi sẽ chọn Huế, mặc dù sinh hoạt ban đêm của Huế quá ngắn ngủi chỉ mười giờ đêm là phố đã tắt đèn, hàng quán dẹp hết vì thiếu người đi. Cầu Trường Tiền ban đêm chỉ chơi đèn màu nhấp nháy được vài tiếng là may, nếu không chụp hình ngay lại hẹn để đi ăn tối xong về sẽ chụp là lỡ tàu. Dưới chân cầu hai bên bờ sông Hương trữ tình là những công viên xinh đẹp, thảnh thơi nhóm họp những phiên chợ đêm bán hằm bà lằng đủ thứ từ quà lưu niệm của Huế đến các thức ăn nhẹ cho du khách giải sầu.

Tối đầu tiên đến Huế chúng tôi phải đi tìm tô bánh canh giò heo chả Huế bên cạnh chợ Đông Ba. Thú thật với lòng tôi đã định sau chuyến hành hương dài đằng đẵng và tiếp nối trú ngụ tại chùa Bảo Vân một thời gian dài, sẽ trường chay để thể hiện lòng từ với tôm cua cá thịt. Nhưng mỗi hận tình với các món ăn ở Huế chưa trả xong nên đành khất lại về sẽ tính tiếp. Sau đó phải lê la thử hết các nổi chè của Huế như đậu ngự, đậu ván, đậu đỏ, đậu đen... ít nhất cũng 15 loại khác nhau trong một gánh chè. Ôi, Huế dễ thương chi lạ! Ăn như rứa có rằng mô, tối về ngủ vẫn ngon lành như thường.

Nhắc đến phần nệm ấm chăn êm, tôi phải cảm niệm công đức của người trung gian đã giới thiệu một cách điên cuồng về khách sạn Song Cầm gần nơi đô hội lại rẻ tiền. Bào phòng hai giường có ban công nhìn xuống các hàng phượng yêu đỏ thắm rất tình chỉ có hai trăm ngàn một ngày. Tôi cũng đòi tiêu chuẩn như thế cho hai cô

cháu được thoải mái vài ngày nhưng họ đòi với giá ba trăm ngàn đút đuôi con nòng nọc không bớt một đồng. Sự cố như thế khiến tôi phải suy tưởng bà chủ khách sạn Song Cầm là người rất thích làm thơ, chắc có giao tình văn nghệ gì đây nên cho giá giao lưu và hợp tác như vậy.

Sáng sớm hôm sau trước khi phải gặp gỡ một nhân vật được cài vào để hướng dẫn công việc cho tôi thực hiện, hai cô cháu đã tìm ra hàng bánh bèo, bánh bột lọc và bánh nậm của "Mụ Rốt" nào đó ở trong hẻm. Ý không phải, Mụ Rốt là của bún bò và hẻm tiếng Huế gọi là "kiệt", nghe lạ tai chưa? Sau khi thưởng thức xong lại thấy yêu Huế thêm một tí nữa.

Đến giờ hẹn một chàng thanh niên cao lớn trẻ người nhưng tuổi không còn trẻ xuất hiện tại phòng tiếp tân của khách sạn. Được biết chàng đã một thời du học bên Đức học hành thành đạt công ăn việc làm yên ổn, nhưng quyết định trở về Huế để trả nợ tình gần, sống đời một người chồng gương mẫu sáng chở con đi trưa đón về. Công tác chính của chàng là lo quỹ học bổng cho các em học sinh và sinh viên nghèo ở Huế trong chương trình từ thiện của tờ báo mạng khoahocnet. Anh của chàng viết truyện khá nổi tiếng với "Mùi hương Trầm" trong chuyến du hành qua xứ Phật, họ thuộc dòng họ Nguyễn Tường ở Huế.

Chương trình trong ngày là buổi sáng đi thăm Vườn rừng Huyền Không Sơn Thượng của Thầy Minh Đức Triều Tâm Ảnh và chiều ghé chùa Tịnh Đức thăm nhà dưỡng lão. Vì lý do kỹ thuật phái đoàn gồm hai xe gắn máy khởi hành hơi bị trễ nên khi leo lên đồi thế kỷ của Sơn Thượng là mặt trời đã đứng bóng; trời thì nóng cháy da, đường thì toàn ổ gà đến ổ voi. Phải nói là chiến đấu lắm mới leo lên nổi Rừng Thiên, trước vùng đồi núi bao la một tấm bảng ghi ranh giới với bản Nội Quy Vườn rừng Huyền Không Sơn Thượng với 10 Điều khuyên:

*Là người lịch sự văn minh.
Giữ gìn chút cảnh chút tình sau đây:
Không nên đốn củi chặt cây.
Không nên nhóm lửa lan lây cháy rừng.
Không nên xả rác lung tung.
Không nên câu cá cũng đừng bẻ hoa.
Không nên đánh, chửi, hét, la.
Không nên bia rượu, hát ca rầm trời.
Không nên thú bắn, chim mồi.
Không nên hút hít, dầu chơi mấy vại.
Không nên cờ bạc, con bài.
Không nên đập ghế, quăng chai bụi bờ.*



Để còn chút mộng chút mơ. Để còn nét chữ câu thơ... hồn thiên". Kinh khủng quá, chẳng lẽ khách vắng

lai của Rừng Thiển này toàn những thành phần bất hảo, làm tắc chặt cây đốt rừng hay thủy tắc câu cá bẻ hoa như trong mười điều khuyên hay sao? Cũng có thể vị Sơn Tăng này mượn cơ để giáo dục quần chúng chung chung vậy thôi.

Chúng tôi đến chánh điện vào giờ nghỉ trưa nên chẳng ai ra tiếp đón, muốn gặp Sư Phụ Thiển Sư không phải là chuyện dễ chỉ thấy thư pháp của Người treo khắp nơi "*Có gã Sơn Tăng về núi cũ. Nhìn hoa đáy nước thấy Dung Nhan!*" dưới ký tên Minh Đức Triều tâm Ảnh. Nhìn chung quanh tôi biết trường phái Nam Tông treo hình Chàng Vàng Tháp Shwedagon ở Miến Điện. Một lát sau có một vị Tăng trẻ tuổi vào chánh điện tiếp chuyện với chúng tôi, hình như tất cả các mũi dùi tranh luận về đề tài Nam Tông và Bắc Tông đã chia về phía tôi, muốn tôi bỏ con đường bồ tát hạnh mình đang đi thật nhiều khê sang tu nhanh tu gấp để mau chứng quả giải thoát cho chính mình, mặc kệ các giác hữu tình khác muốn ra sao thì ra. Vị Thầy này còn không chấp nhận hình tướng của ngài Quán Âm nữa, tôi hỏi tên và nguồn gốc nhưng chỉ được câu trả lời rất ư là Thiển như "*Không cần biết Thầy là ai, không cần biết Thầy từ đâu*". Sau buổi nói chuyện, anh San cứ trêu tôi là bị lung lay tư tưởng muốn đổi sang phái Nam Tông. Làm gì có chuyện đó! Một lần Thọ Bồ Tát Giới là mang giới thể ấy cho đến khi thành Phật không phải chuyện đùa muốn xả giới trả lại Ngài lúc nào cũng được. Và lại điều bất hạnh nhất là đánh mất bồ đề tâm, do đó không nên để ai đó dùng lời xảo ngữ khuyh đảo.



Buổi chiều tuy mệt mỏi nhưng chúng tôi vẫn ráng đến viện dưỡng lão để hoàn thành nhiệm vụ sau khi giải lao mỗi người một ly nước mía nguyên chất. Ở Huế đã số chùa nào cũng cổ xưa ơi là xưa với lối kiến trúc mái cong trên gấn con rồng uốn lượn, chùa Tịnh Đức cũng không là ngoại lệ. Bên trái hông chùa có xây một dãy nhà ngang để làm viện dưỡng lão nuôi khoảng ba chục cụ già neo đơn không nơi nương tựa, vì là chùa Ni nên chỉ nhận lão bà. Lúc tôi đến có cụ đang ngồi lần tràng hạt niệm Phật, có cụ nhe hàm răng rụng ra cười duyên khi thấy tôi giơ máy hình lên chụp. Phòng ốc tương đối sạch sẽ và thoáng khí, nhưng phận sự của tôi là đi thăm ngó vườn rau xem hệ thống dẫn nước như thế nào để còn báo cáo. Các giàn khổ qua xanh mướt xen lẫn với bầu bí cũng là nguồn thức ăn chính nuôi sống cả viện dưỡng lão cho qua một kiếp người. Đến đây phận sự giao phó của chàng San đã chấm dứt, hai cô cháu tôi có quyền đi chơi tự do tại Huế, chỉ cần ngày cuối làm buổi họp mặt với đám bạn học cùng lớp với chàng San là được.

Tối hôm đó hai cô cháu tôi mua vé lên thuyền nghe hát Cung Đình trên sông Hương. Công nhận "Các Mẹ" diện áo dài khăn đóng lên thật dễ thương, giọng nói thì chao ôi sao nhẹ nhàng và thanh thoát chí lạ! Thảo nào thiên hạ cứ khen "*Thấy cô gái Huế chân đi không đàn!*". Nhưng rất tiếc trong đám khán giả đi xem đa số thuộc thành phần kém văn hóa, họ cười nói riêng tư đến át cả tiếng ca. Chắc đám đại gia giàu nổi không biết thưởng thức tiếng hát câu hò, nhưng lại thích cầm hoa lên tặng các người đẹp để chụp hình đem về khoe bạn bè hay đưa lên facebook.

Một ngày cuối cùng với Huế là ngày đặc biệt nằm sẵn trong chương trình ra Huế của tôi, đó là đến chùa Từ Hiếu thăm Thầy Từ Nhơn của chùa Từ Ân tại Berlin. Giấc mơ được Thầy dẫn đi giới thiệu Tổ Đình Từ Hiếu, ngôi chùa được vua Tự Đức ban tên theo lòng hiếu thảo của nhà vua đối với mẹ là bà Từ Dụ đã thành. Thiên hạ hay gọi bà Thái Hậu này là Từ Dũ như tên một bệnh viện phụ nữ ở Sài Gòn và hay lầm lẫn với bà Từ Cung mẹ vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn. Trong chùa có thờ nhiều bài vị của các hoạn quan, họ đã đóng góp rất nhiều tiền bạc để xây dựng chùa mong sao có người hương khói vì bản thân họ đã tuyệt tự từ lâu.



Chùa với lối kiến trúc cổ thật tuyệt vời, khuôn viên chùa rộng lớn, cổng tam quan chạm trổ các hoa văn nổi thật lạ mắt. Có hồ bán nguyệt cho Thầy rửa... rau chứ không phải rửa chân như trong thơ văn cổ. Ngôi chùa đẹp và êm đềm quá, nhưng có ai biết đâu trong quá khứ đã có một thời tranh chấp giữa hai truyền thống cũ và mới, giữa "Nam mô Bụt Thích Ca Mâu Ni" và "Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật". Để rồi cuối cùng phải phân chia thành hai môn phái cũ và mới với 2 câu thơ dán trên tường: "*Sư Ông thả một bè lau. Chư Tăng Từ Hiếu một phen...*".

Pháp môn thờ và thiền trong chánh niệm của Sư Ông Làng Mai rất thích hợp với tầng thân người ngoại quốc và người Việt ở nước ngoài, nhưng không hợp với các Chư Tăng Tổ Đình Từ Hiếu. Các vị này đã tu theo truyền thống tụng kinh niệm Phật đã lâu, không thể nào một sớm một chiều thay đổi theo truyền thống mới được. Và lại thời tiết ở Huế rất cay nghiệt trong những mùa mưa, mưa tầm tã, mưa lê thê kéo dài không dứt. Thế mà sau những buổi ăn Quá Đường phải đi thiền hành trong mưa khiến nhiều vị hắt hơi sổ mũi cảm cúm dài dài.

Thầy Từ Nhơn dắt hai cô cháu sang thăm ngôi chùa Ni của Sư Bà Diệu Nghiêm bên cạnh. Ngôi chùa Ni vang bóng một thời ngày nào cũng có giai đoạn "*Mang tiếng một thờ*", nhưng tất cả chỉ là quá khứ, khách vắng lai

đến chùa chỉ thấy một mùi giải thoát và Đức Phật từ bi lúc nào cũng nở nụ cười.

Sau khi dùng cơm chay tại chùa Từ Hiếu xem tài nấu thức ăn chay kiểu Huế của các Mẹ đã ký thác cuộc đời công quả cho chùa. Thầy trò chúng tôi phóng xe đi thăm vườn cây của mẹ Thầy, với những trái Thanh Trà nổi tiếng của đất Nguyệt Biều, Lương Quán. Những con đường làng rợp bóng cây với những rặng tre xanh đẹp như trong tranh vẽ, qua làng Nguyệt Biều quê của chị Bút Nữ Nguyễn Hạnh mà tôi vẫn thường trêu chọc: "*Đất Nguyệt Biều chưa mưa đã thấm. Gái Nguyệt Biều chửi biết yêu*". Cô gái làng Nguyệt Biều này đã biết chiều chiều đạp mái chèo thuyền Pérois trên sông Hương để tập thể thao, hình ảnh ấy đã khiến khách đa tình trong dinh tỉnh trưởng Thừa Thiên phải dùng ống nhòm theo dõi một cách đắm say. Đây là hình ảnh của thời xa xưa nào đó tôi nghe kể lại để mộng để mơ mà thôi. Chứ bây giờ phải chánh niệm để thưởng thức Thanh Trà làng Nguyệt Biều mới được. Lần đầu tiên trong đời tôi được thưởng thức trái Thanh Trà tận gốc hái từ trên cây, nếu nhận xét tỉ mỉ sẽ thấy sự khác biệt từ cái lá đến hình dạng và mùi vị của loại trái cây này. Dĩ nhiên là ngon ngọt thanh tao hơn loại bưởi thường. Nhờ đến Huế tôi mới nhận chân được sự sai lầm của mình khi gọi loại trái cây ngon ngọt này là "bưởi Thanh Trà", vì Thanh Trà không phải là bưởi và bưởi không phải là Thanh Trà. Cứ bị ám ảnh bởi bưởi Biên Hòa hay bưởi Năm Roi ấy mà!

Sau khi hái tặng cho hai cô cháu một trái Thanh Trà và một trái bưởi trồng tại đất Thanh Trà, chúng tôi giả từ vị Thầy để mền để đi ra bãi biển Thuận An hóng gió và tắm biển. Trời đất thương tình nên 4 ngày ở Huế nắng đẹp không có lấy một giọt mưa, mặc dù trời đầu tháng mười đã nhuốm thu phải phong ba bão táp đúng vị. Đi ngang qua Chợ Mai có hàng bánh mì ngon nổi tiếng, với các gia vị đặc biệt nhét vào ổ bánh vừa giòn lại vừa nóng, khiến thiên hạ đứng xếp hàng mua cả chục ổ về cho gia đình.

Không biết mùa nào bãi biển Thuận An đông người chứ hôm nay thật sự chỉ có mình tôi giữa trời bơ vơ, tắm biển một mình trong tư thế áo tắm kiểu Việt Nam nghĩa là trên người mặc gì cứ việc nhảy ùm xuống nước. Buổi chiều sóng hơi to có đoạn treo cờ đen coi chừng biển động.

Buổi tối về lại khách sạn tôi thấy hiện ra vài cú điện thoại của chàng San, thôi chết rồi lỡ hứa đêm cuối cùng ở Huế phải đi nhậu với đám bạn của chàng San. Họ uống gì mặc họ mình cứ kêu nước đá chanh Soda là rửa ruột. Lúc ấy đã 8 giờ tối nhưng tôi vẫn liên lạc với chàng San và được một mật lệnh là đến quán cơm Âm Phủ ở góc đường nào đó chỉ có cô cháu gái gốc Huế của tôi mới biết, đến đó rồi gọi điện tiếp để biết phải quẹo vào "kiệt" nào? Tìm hoài không thấy, hỏi ông xe ôm bên đường liền nhận được câu trả lời: "Ăn cơm Âm Phủ, ngủ khách sạn Thiên Đường". Thì ra đáp án hiện ra trước mắt là ngay cạnh ngõ quẹo vào quán cơm, có bảng hiệu khách sạn Thiên Đường đèn nháy chớp chớp.

Đến nơi 3 vị khách quý đã nhậu lai rai và mời cô cháu tôi đĩa cơm Âm Phủ với lời giải thích tại sao có cái tên độc đáo ấy. Anh chàng "Trần Minh" và anh bạn vàng "Nhuận Điền" như trong câu chuyện "Trần Minh khổ chuối" là đôi bạn chí thân. Một anh là giáo sư dạy Tennis và anh kia là giáo sư dạy vật lý đều là những thân hào nhân sĩ của đất thần kinh. Anh Minh giải thích, vào thời

Pháp thuộc của những năm 40-45 các công nhân của nhà máy khai mỏ ở Huế hay ăn tại một quán cơm bình dân không đèn đóm tối mù mù lại không có tên nhưng nấu rất ngon. Đến giờ đi ăn các ông thợ mỏ hay gọi nhau đi ăn cơm Âm Phủ vì quán tối như lâm bô địa ngục, từ đó chấy tên cho đến bây giờ. Trong lúc tôi đang thưởng thức đĩa cơm Âm Phủ dưới ánh điện Neon thấy rõ từng hỗn hợp pha chế, anh giáo sư Điền đã tức cảnh sinh tình tặng cho hai câu thơ, nhưng rất tiếc lúc ấy không chịu lấy giấy bút ra ghi chép lại nên thơ đã bay vào hư không hết cả rồi.

Câu chuyện đang như pháo rang bỏng chủ tiệm ra rỉ tai nói nhỏ là muốn đóng cửa tiệm sớm để nghỉ ngơi, nhìn ra mới hơn chín giờ nhưng phải thông cảm cho tình hình sinh hoạt của Huế không thể so sánh với Sài Gòn là có quyền ngồi đến nửa đêm về sáng cũng chẳng sao. Chúng tôi lại kéo nhau ra quán nước mới khai trương được giảm giá để tiếp tục câu chuyện đang nói dở dang, cuộc đời còn được bao lâu nữa để có cuộc hội ngộ hôm nay, nhưng Huế không để chúng tôi thức khuya hại sức khỏe. Các cô tiếp viên trẻ đã lấy hết can đảm ra mời các cô chú ra về để tiệm đóng cửa lúc hơn mười giờ. Chẳng lẽ chúng tôi lại kéo nhau ra dưới chân cầu Trường Tiền để tâm sự tiếp nên tất cả đã thống nhất đồng ý giải tán lực lượng.

Sáng hôm sau trước khi lên máy bay về lại Sài Gòn, cô cháu tôi quyết định chọn món bún bò Huế để điểm tâm. Thấy tiệm nào đông đông là chen vào bảo đảm sẽ ngon, đang ăn thấy mấy ông bên cạnh gọi món gì là lạ, tô thịt hầm nước dừa nhỏ nhỏ ăn với đĩa xôi con con. Tôi lần la gọi chuyện được biết là Việt kiều ở Úc, ông hỏi ngay tôi có biết ông giáo sư mỗ mắt ở cùng tỉnh Berlin với tôi có bà vợ người Huế là người quen của ông. Không ngờ trái đất quá tròn, họ đều là bạn học ngày xưa nhưng là bậc đàn anh sang trước vài năm.

Thế rồi tôi vẫn còn hai tiếng đồng hồ để đi thăm ngôi chùa nổi tiếng nhất cố đô với hai câu thơ: "*Gió đưa cành trúc la đà. Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương*". Có một vị Giáo sư thời Cộng Hòa đã dịch ra tiếng Anh câu thơ này cho các chính khách Mỹ, đã khiến thiên hạ thất kinh hồn vía với tài dịch thuật thật sát nghĩa đến mê hồn. Cái gì mà "canh gà thọ xương" lại trở thành "Chicken Soup".

Tháp Thiên Mụ vẫn lung linh huyền ảo, vẫn là cảnh làm nền cho những tấm ảnh lưu niệm của du khách đến thăm. Nhưng du khách ở đây đa số là người nước ngoài, được dùng chung một danh từ là "Khách Tây". Họ đi cả đoàn có hướng dẫn viên diễn giải...

Rời Huế với bao kỷ niệm đáng yêu, nhìn bề ngoài ta chỉ thấy vẻ yêu kiều và hào nhoáng của Huế, còn các chứng tích của "Giải khản xô cho Huế" biết đâu mà tìm. Người dân Huế đã quen đối mặt với khổ đau nên sẵn sàng chịu đựng với bao đổi thay của thời cuộc. Nếu đi sâu vào bên trong đời sống của họ chắc gì người dân đã được yên ổn buôn bán khi công an khu vực cứ tìm đủ mọi cách để moi tiền.

Có người Huế chính gốc đã cho Huế là một xứ ma quỷ, thăm một lần chưa thể hiểu nó được. Tôi phải trở lại, nếu được với chị Nguyễn Hạnh thì tôi sẽ thăm Huế và sẽ yêu Huế. Vâng, tôi sẽ trở lại...

Hoa Lan - Thiện Giới.
Mùa Thu 2014

Giáo dục Đạo Đức - Xã hội Nhật Bản ngày nay



• Lưu An Vũ Ngọc Ruấn

Hai trái bom nguyên tử rơi xuống Hiroshima và Nagasaki năm 1945, thế giới chiến tranh thứ 2 chấm dứt. Nhật Bản đã phải đối diện với đói nghèo và bệnh tật. Những tấm ảnh chụp còn lưu lại trong các viện bảo tàng với những xác người chết vì đói ăn, vì bệnh truyền nhiễm đang thối rữa trên khắp những con đường ngổn ngang đất đá vì bom đạn hay chất thành đồng dọc theo bờ biển vì không có năng lượng để tiêu hủy. Nhìn những hình ảnh đó không một ai có thể nghĩ được rằng chỉ sau một thời gian ngắn ngủi với khoảng chưa đến 20 năm nước Nhật đã trở dậy thành một cường quốc kinh tế thịnh vượng hàng đầu trên thế giới. Càng ngoạn mục hơn vì sự trở dậy đó được diễn tiến trong bầu không khí thanh bình thịnh vượng của một xã hội tràn đầy tính nhân văn, đạo đức.

Nhiều người cho rằng Nhật bản có được sự thành công kỳ diệu như vậy là nhờ rất nhiều vào sự giúp đỡ của Mỹ cũng như căn bản kỹ thuật sẵn có của người dân Nhật. Điều này chỉ đúng một phần mà thôi, nguyên do quan trọng nhất vẫn là chính phủ Nhật thời hậu chiến đã khôn ngoan dựa vào phẩm chất của dân tộc với những đức tính cần cù, đoàn kết, lòng tự trọng cũng như tinh thần tự hào về dòng giống dân tộc... để đưa ra một chính sách giáo dục rất hợp lý. Trong đó ngành giáo dục đạo đức trong học đường cũng như trong xã hội được coi là một yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào sự phục hưng của Nhật Bản.

Thế nào là một sự việc đạo đức

Đạo đức học là một môn học nghiên cứu những hiện tượng, thái độ mà con người thể hiện trong xã hội rồi đưa ra những quy tắc, chuẩn mực cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc, công bằng, tiến bộ cũng như tôn trọng nhân phẩm con người trong cộng đồng xã hội.

Tuy nhiên, trên thực tế quan niệm về đạo đức là một vấn đề rất phức tạp. Cái khung của đạo đức rất tương đối. Một hành động được gọi là đạo đức, được tôn vinh và đem ra làm gương mẫu cho xã hội ngày xưa nhưng chưa chắc đã có giá trị trong xã hội ngày nay, nhiều khi còn bị chê bai hay còn bị kết án là phi đạo đức nữa.

Chẳng hạn sự cưỡng bách, sát hại tàn khốc những người khác đức tin trong quá khứ, hay hiện nay đang xảy ra tại các quốc gia vùng Trung Đông. Quan niệm "quân xử thần tử, thần bất tử bất trung" trong lịch sử đông phương ngày xưa v.v...

Ngay như trong bản Hiến pháp đầu tiên của Nhật Bản do Minh Trị Thiên Hoàng đưa ra năm 1889 có rất nhiều điều khoản được dựa vào bản "tuyên ngôn nhân quyền" của cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Trong đó Thiên Hoàng đã ký một sắc lệnh giải phóng chế độ nông nô, nạn cưỡng hào ác bá ở nông thôn. Nhưng trong suốt thời kỳ canh tân đất nước của Minh Trị Thiên Hoàng, tinh thần trung quân ái quốc, tôn vinh Thiên Hoàng như vị thánh sống, sẵn sàng hy sinh mạng sống cho Thiên Hoàng mà không cần suy nghĩ đúng sai. Đó là khuôn mẫu đạo đức mà dân Nhật phải tin theo. Nhưng sau khi thất trận thế chiến thứ hai, Nhật Bản phải chấp nhận bản "Tân hiến pháp" năm 1947 do Mỹ và quân đội đồng minh biên soạn. Trong đó tinh thần tôn thờ Thiên Hoàng một cách tuyệt đối, kích thích lòng yêu nước cực đoan... đã hoàn toàn bị bãi bỏ, thay vào đó một khuôn thước giáo dục đạo đức khác, mang tính cách tôn vinh tinh thần tự do dân chủ, công nhận hạnh phúc, tài sản của con người, đồng thời nêu cao vai trò phục vụ cho hòa bình thế giới và phát triển nhân loại. Tóm lại ý niệm đạo đức đã biến chuyển theo thời gian, hoàn cảnh từng xã hội mà có những khuôn mẫu khác nhau.

Trong lãnh vực giáo dục đạo đức của Nhật Bản ngày nay dù đã có một khuôn mẫu chung có tính cách tổng thể đang được giảng dạy trong trường học cũng như trong xã hội. Nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả các nhà trí giả trong lãnh vực giáo dục, các cơ sở giáo dục của Nhật Bản đều có cùng một ý niệm chung cho danh từ đạo đức. Chẳng hạn trong cuốn "Tân giáo dục đạo đức tại Nhật Bản" (Shin Nihon Doutoku Kyoiku, của Kaigo Katsuo) cho rằng sự giáo dục đạo đức là dạy cho con người làm những việc phù hợp với các tiêu chí Chân, Thiện, Mỹ. Trong tập san nội bộ của Waseda đại học lại có một định nghĩa về danh từ đạo đức có tính cách chi tiết và thiên về thực hành nhiều hơn. Bài báo này cho rằng môn đạo đức học là môn dạy cho con người có những đức tính tốt như tín nhiệm, chánh trực, tự trọng, khoan dung, kỷ luật, lòng nhân đạo, ái quốc, phục vụ xã hội và nhân quần v.v...

Tuy nhiên, dù có những khác biệt về vấn đề định danh, nhưng nhìn vào thực hành ngành giáo dục đạo đức trong học đường cũng như tác động đạo đức vào phẩm chất của con người Nhật Bản trong gia đình, trong xã hội cũng như trên thế giới thì cũng không có gì để nói là khác nhau cả.

Mục đích của ngành giáo dục đạo đức

Dựa vào các bài tham luận của các nhà giáo dục cũng như các bản tường trình gần đây của bộ giáo dục Nhật Bản liên quan đến chương trình giáo dục đạo đức trong trường học thì tiêu chí của ngành giáo dục đạo đức là nhằm đào tạo ra những con người có cuộc sống hữu ích cho sự phát triển quốc gia cũng như đóng góp vào hòa bình của thế giới. Với hướng đi đó, ngành giáo dục đạo đức được thu gọn vào 6 mục đích sau đây:

- 1.- Tinh thần yêu quý cuộc sống và giữ gìn sức khỏe.
- 2.- Tinh thần kế thừa, gìn giữ và phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc.

3.- Tinh thần học hỏi, tăng tiến kiến thức để có khả năng sáng suốt trong sự phán quyết đúng sai trong cuộc sống.

4.- Ý thức tôn trọng kỷ luật, tinh thần dân chủ trong sinh hoạt tập thể.

5.- Mong muốn dành hết nỗ lực để phát triển xã hội và đất nước trong tinh thần nhân bản và dân chủ.

6.- Tận tình đóng góp và phát triển cho nền hoà bình của thế giới.

Những yếu tố liên quan đến hiệu quả giáo dục đạo đức

Với 6 mục đích có tính cách khái quát ở phần trên, ngành giáo dục đạo đức của Nhật Bản đã có được kết quả tốt trong việc giảng dạy và thực hành là nhờ sự kết hợp hài hòa của 5 yếu tố là: Giáo viên; Học sinh; Sách giáo khoa; Gia đình và Xã hội.

1.- Giáo viên

Hình ảnh thầy cô giáo trong mắt và tâm hồn của học sinh rất quan trọng, đôi khi là hình mẫu ảnh hưởng trực tiếp đến suy tư và quan niệm sống trong suốt đời người học sinh. Chính vì vậy người giáo viên dạy về đạo đức phải luôn luôn ý thức được thiên chức cao quý và quan trọng của mình, nghĩa là luôn luôn phải làm gương mẫu cho học sinh trong cách hành xử tại trường lớp và cả trong lối sống ngoài đời.

Trong cuốn đạo đức học của giáo sư Oshima Yasumasa (Doutoku) đã viết về vai trò của người giáo viên dạy về đạo đức học như sau: Thầy cô giáo về đạo đức phải là một khuôn mẫu cho học sinh noi theo. Bên ngoài phải là người có lời nói, cử chỉ đoan chính, bên trong phải là người có lòng bác ái, công minh không thiên vị. Cuộc sống phải lấy sự đơn giản đạm bạc tránh sự xa hoa, phung phí. Phải có những đức tính sáng suốt, cương nghị, tính dân chủ biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác. Phải làm cho học trò tin tưởng, dễ gần và nương cậy khi cần thiết. Đó là những điều cần phải có từ một vị thầy cô gương mẫu để cho học sinh noi theo trong lãnh vực đạo đức và luân lý.

2.- Học sinh

Đây là đối tượng chính trong công việc giáo dục đạo đức, là thước đo thành công hay thất bại của người giáo viên trong trường học. Trong những cuộc hội thảo về giáo dục đạo đức cho học sinh, người ta nhận thấy khá rõ ràng sự khác biệt giữa Nhật Bản và các quốc gia Âu Mỹ. Một bên với tinh thần phóng khoáng, thiên về tự giác và cá nhân, chính vì vậy trong trường học Âu Mỹ mức độ cảm thông, giúp đỡ, học hỏi cùng với nhau trong sinh hoạt đạo đức giữa các học sinh với nhau coi như rất hời hợt. Trong khi nền giáo dục đạo đức của Nhật hướng dẫn đứa bé sinh hoạt cũng như học tập trong tinh thần tập thể, sự hiểu biết đến từ sự hòa nhập, noi theo gương mẫu của bạn bè hay của những đứa trẻ đi trước (hệ thống đàn anh, đàn em). Ngay trong việc chơi đùa, thể thao cũng như làm vệ sinh phòng học, chăm sóc thú nuôi hay cây trồng... đều được đi vào khuôn thước của đoàn nhóm rất trôi chảy, nhiều khi thầy cô giáo chỉ cần đóng vai trò giám sát, đưa ý kiến hay giải quyết những trạng huống bất thường mà thôi.

Tinh thần học hỏi và tuân theo luật lệ của đoàn nhóm không những chỉ thể hiện trong cấp mẫu giáo và 9 năm cưỡng bách giáo dục của Nhật Bản mà còn được

duy trì dưới nhiều dạng khác nhau ở các sinh hoạt trong các cấp cao hơn. Chẳng hạn như các hội đoàn (clubs) thể thao, âm nhạc, nghệ thuật, du lịch v.v... trong cấp cao đẳng (koto-gakko), đại học và ngay cả sau khi tốt nghiệp đi làm trong hãng xưởng vẫn được tuân theo một cách rất nghiêm chỉnh.

Nói như vậy không có nghĩa là thầy cô giáo không có sự giám sát và không thông hiểu học sinh của mình. Ngược lại việc quan sát hành động, cá tính cũng như hành vi, lời nói của học trò do mình trực tiếp dạy dỗ là việc làm rất quan trọng trong môn giáo dục đạo đức. Đôi khi thầy cô giáo còn phải biết rõ tài năng vượt trội, cũng như những yếu kém của học trò do một lý do nào đó (như bẩm sinh, cá tính yếu đuối, dễ lo sợ v.v...) để khuyến khích đứa bé phát triển năng khiếu hay giúp đỡ sửa sai những khiếm khuyết. Tất cả những vấn đề này luôn luôn được thầy cô giáo ghi chú rất kỹ trong sổ cá nhân hay báo cáo với vị trách nhiệm trong trường học để tìm hướng giải quyết. Hàng năm cũng có những cuộc gặp riêng rẽ định kỳ giữa phụ huynh của đứa bé và giáo viên để có sự cảm thông giữa gia đình và thầy cô giáo trong sự giáo dục đứa bé.

Chính nhờ hệ thống giáo dục đạo đức đặt căn bản trên tinh thần tập thể, học sinh lớp trên làm gương mẫu cho lớp dưới, sự gắn bó giữa thầy cô giáo và gia đình, là một trong nhiều yếu tố đóng góp vào phẩm chất đạo đức của trẻ con Nhật Bản ngày nay. Nền giáo dục đạo đức đó đã tạo ra những đức tính tôn trọng kỷ luật, tinh thần tập đoàn, hiếu đễ với cha mẹ, tôn kính người già lão và cấp trên cũng như sống ngay ngắn trong xã hội.

3.- Giáo khoa thư

Sách giáo khoa cũng là một yếu tố giữ một vai trò quan trọng cho cả học sinh và thầy cô giáo. Giúp học sinh có tài liệu để tham khảo và học hỏi khi cần, với thầy cô giáo là một cái khung để giảng dạy tùy theo trình độ của học sinh.

Giáo dục ở Nhật Bản được chia ra làm 5 nhóm khác nhau:

- Trí dục: là những môn học chuyên về việc nâng cao kiến thức về xã hội, kinh tế, quản trị...
- Kỹ nghệ: Liên quan đến các ngành khoa học thực nghiệm, sản xuất...
- Thể dục: Liên quan đến các môn học về sức khoẻ, thể thao, vệ sinh...
- Nghệ thuật: Như âm nhạc, kịch nghệ, văn hóa, thẩm mỹ...
- Đức dục: giúp con người hiểu và sống theo luân lý, đạo đức.

Trong các cuộc hội thảo gần đây liên quan đến ngành giáo dục đạo đức trong trường học Nhật Bản đã có nhiều nhà giáo dục học cho rằng sự sắp xếp như trên không chính xác lắm. Sự sắp xếp này vô tình đã đã thu nhỏ phạm vi giảng dạy của một môn học rất quan trọng trong việc đào tạo con người có phẩm chất đạo đức cho nhân quần xã hội. Theo họ ngành giáo dục đạo đức phải được đặt ở một vị trí ưu tiên hơn, tinh thần luân lý đạo đức không chỉ trong các sách giáo khoa về đạo đức mà nó còn phải tản mạn trong các sách giáo khoa của các môn học khác. Các vị thầy cô giáo khi giảng dạy các môn học đó cũng có trách nhiệm đem tinh thần đạo đức vào để giúp cho học sinh là người có tài lẫn đức. Chẳng hạn như môn lịch sử, địa lý, quốc ngữ luôn luôn liên kết với

dạy học sinh có tinh thần bảo tồn nền văn hóa dân tộc, bảo vệ tài nguyên, môi trường thiên nhiên. Môn thể dục thể thao giúp học trò khỏe mạnh, giữ gìn sức khỏe để vui sống và tinh thần phục vụ xã hội.

4.- Yếu tố gia đình

Các chuyên viên làm việc trong ngành giáo dục đạo đức và xã hội đều công nhận yếu tố gia đình đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống đạo đức suốt đời của con người. Có thể nói không một dạng thức tội phạm nào của giới thanh thiếu niên xảy ra trong xã hội mà không có yếu tố gia đình tác dụng trực tiếp hay gián tiếp vào. Một vị thầy học gương mẫu với những bài học đạo đức rất hay nhưng cũng khó cứu vãn được những tác động xấu nếu đứa bé sinh ra và lớn lên trong một gia đình vô đạo đức, hạnh phúc gia đình luôn luôn xào xáo với những hình ảnh xấu xa, vô giáo dục từ người thân trong gia đình luôn luôn đè nặng vào tâm lý đứa nhỏ.

Trong ngành giáo dục đạo đức của Nhật Bản, sự liên hệ giữa giáo viên (thường là giáo viên chủ nhiệm của lớp học) với gia đình học sinh rất được chú ý, ngay từ khi đứa bé 4,5 tuổi của cấp mẫu giáo. Cha mẹ đều là hội viên của hội "Phụ huynh và thầy cô giáo" PTA (Parents and Teacher's Association) để kết nối thầy cô giáo với gia đình trong vấn đề giáo dục, trí dục cũng như đức dục của đứa bé trong suốt thời gian đến trường. Những sinh hoạt tập thể như văn nghệ, thể thao, lễ hội... do nhà trường tổ chức luôn luôn có sự tham dự của cha mẹ học sinh. Trong những dịp đó cha mẹ có dịp nhìn rõ con của chính họ. Hàng năm còn có 1 hay 2 lần, giáo viên phải xếp đặt để gặp riêng biệt cha mẹ đứa bé tại trường học hay tại nhà của đứa bé để nói rất trung thực về những cái tốt, cái không tốt của đứa trẻ để có những đề nghị hay giải pháp tốt nhất cho việc giáo dục đứa bé.

5.- Yếu tố xã hội

Yếu tố xã hội được hiểu là sự liên hệ của học sinh với môi trường ngoài trường học và gia đình. Đây cũng là một yếu tố quan trọng liên quan đến sự thành công hay thất bại của ngành giáo dục đạo đức. Với sự liên kết khá chặt chẽ và hữu hiệu giữa thầy cô giáo, nhà trường và gia đình trong nền giáo dục tổng quát nói chung, ngành giáo dục đạo đức nói riêng của Nhật Bản trong suốt thời gian khoảng 11 năm của trẻ con Nhật Bản (2 năm mẫu giáo và 9 năm cưỡng bách giáo dục). Có thể nói trong khoảng 11 năm đó, yếu tố xã hội tương đối ít ảnh hưởng đến phẩm chất đạo đức của đứa trẻ so với rất nhiều các quốc gia khác trên thế giới. Đó là nhờ các yếu tố: Thầy cô giáo, sách giáo khoa và gia đình của Nhật Bản kết hợp rất hài hòa nên đã mang đến cho học sinh cũng như cho xã hội Nhật Bản một căn bản đạo đức rất đáng làm gương cho thế giới.

Nhưng bước sang lãnh vực giáo dục cao hơn như cấp cao đẳng (Koto gakko, tương đương cấp 3 tại Việt Nam) hay cấp đại học, ngành giáo dục không còn cưỡng bách và môn giáo dục đạo đức cũng không còn là môn học trong chương trình giảng dạy nữa (dù vẫn còn tàn mạt dưới nhiều hình thức khác nhau trong các môn học khác hay trong các sinh hoạt đoàn thể trong trường học hay ngoài xã hội). Vào giai đoạn này, đứa trẻ vừa xong cấp giáo dục cưỡng bách (15 hay 16 tuổi). Ở lứa tuổi đó phẩm chất đạo đức của học sinh bị ảnh hưởng rất nhiều từ những giao tiếp ngoài xã hội như bạn bè trong trường học cũng như trong cuộc sống chung quanh. Thêm vào

biến đổi tâm sinh lý (Psycho-physiological changes) của đứa trẻ trước khi bước vào tuổi trưởng thành cũng tác động rất mạnh đến hành xử đạo đức của đứa bé. Đây là một giai đoạn mang rất nhiều phiền phức cho cha mẹ và nhà trường không những chỉ ở Nhật mà còn ở khắp nơi trên thế giới.

Để tránh được những tệ hại của khúc gãy thế hệ (generation gap) đó, ngành giáo dục đạo đức Nhật Bản đã có một giải pháp rất hữu hiệu, đó là trong cấp trung tiểu học, cao đẳng cũng như cấp đại học và đôi khi trong các đoàn thể, công ty... có các hội đoàn (clubs) qui tụ những người cùng sở thích lại với nhau. Như âm nhạc, hội hoa, quốc ngữ, phim ảnh, thể thao, du lịch, tennis, võ thuật v.v... Những hội đoàn này có tổ chức rất qui củ, đầy đủ những qui luật khắt khe như một tập thể chuyên nghiệp. Trong đó người điều hành, trách nhiệm của clubs là những người có kinh nghiệm, tư cách đúng đắn cũng như trình độ cao về chuyên môn của nhóm. Rất nhiều clubs còn được điều hành trực tiếp hay giám sát bởi một vị giáo sư trong trường hay người chuyên nghiệp. Học sinh hay sinh viên vào những clubs này phải chịu những luật lệ của nhóm rất khắt khe. Khắt khe đến nỗi, nhiều sinh viên hay học sinh ngoại quốc theo học tại Nhật Bản không thể tưởng tượng nổi và khó chấp nhận được. Lý do là ở các quốc gia khác luật lệ và tổ chức tập thể có tinh thần phóng khoáng, cá nhân nhiều hơn. Chẳng hạn khi mới vào club tennis, chỉ lo chuyện nhặt banh cho đàn anh tập luyện kéo dài 6 tháng hay 1 năm là chuyện rất bình thường ở Nhật, sau đó mới được đàn anh chỉ dẫn tập luyện theo từng cấp bậc. Dĩ nhiên trong sự học hỏi, giải trí trong clubs hoàn toàn công bằng và được đàn anh chỉ dẫn cũng như đối đãi rất tận tình, đúng nghĩa một người gương mẫu và trách nhiệm trong đoàn thể.

Tóm lại nền giáo dục đạo đức của Nhật Bản không những thành công vượt trội trong trường học mà còn liên tục ảnh hưởng tốt trong xã hội, là nhờ sự kết hợp rất đồng đều giữa 5 yếu tố trên trong sự giảng dạy và thực hành môn đạo đức vậy.

Phân nhóm các môn đạo đức học

Khi đã xác định được rõ ràng mục đích của môn giáo dục đạo đức. Đã có một tổ chức giáo dục qui mô bao gồm trường học, thầy cô giáo và tài liệu giảng dạy phong phú. Nhưng vẫn chưa đủ để có được kết quả tốt, đó mới chỉ là một cái khung trên giấy tờ. Để giúp cho giáo viên đạt được kết quả tốt khi giảng dạy, lựa chọn bài giảng đúng với trình độ hiểu biết và tuổi tác của học sinh. Người ta chia chương trình giáo dục đạo đức trong 9 năm cưỡng bách giáo dục của Nhật Bản ra làm 4 nhóm khác nhau tùy theo trình độ và tuổi tác của học sinh:

- Nhóm 1: gồm những bài học liên quan đến bản thân của học sinh (quí trọng mạng sống, vệ sinh và giữ gìn sức khoẻ...)

- Nhóm 2: Dạy học sinh hiểu biết về người khác với những liên hệ giữa bạn bè trong trường, trong lớp với nhau, giúp đỡ nhau trong việc học hay trong những sinh hoạt đoàn nhóm (thể thao, chơi đùa...)

- Nhóm 3: Hướng dẫn học sinh những kỹ năng giao tiếp với cộng đồng. Quen thuộc với luật lệ cần thiết để hòa nhập vào sinh hoạt của tập thể có phạm vi rộng lớn hơn trong xã hội như các hội đoàn (clubs) thể thao, âm nhạc, võ nghệ v.v...

- Nhóm 4: Liên hệ đến các bài giảng mang tinh thần bảo vệ thiên nhiên, môi trường... Dành cho những học sinh lớp lớn (cuối bậc trung học) đã có khả năng nhận thức để tiếp nhận những kiến thức căn bản liên quan đến khoa học và thiên nhiên.

Tuy nhiên sự phân chia ra 4 nhóm như trên vẫn không được nhiều nhà giáo dục đồng ý. Họ cho rằng có thể sự phân chia đó chỉ thu nhỏ trong ngành giáo dục đạo đức trong 9 năm cưỡng bách giao dục mà thôi. Thực tế môn học giáo dục đạo đức không chỉ được dạy trong 9 năm đó mà nó đã được dạy cho đứa bé ngay từ khi bước vào cấp mẫu giáo (khoảng 2 năm, lúc 4,5 tuổi). Trong 2 năm mẫu giáo đó đứa bé đã được dạy các lễ nghi căn bản hàng ngày như chào kính, không nói dối với thầy cô, bạn bè và cha mẹ. Giữ trật tự trong các sinh hoạt ngoại khóa (thể thao, múa hát, thăm viếng sở thú v.v...). Chính vì vậy người ta đề nghị có thêm một nhóm thứ 5 gồm những bài học đạo đức căn bản và rất thông thường hàng ngày dành cho đứa bé non trẻ hơn ở cấp mẫu giáo.

Như các phần trên đã đề cập, môn giáo dục đạo đức trong hệ thống giáo dục của Nhật Bản không chỉ thu gọn trong 9 năm giáo dục cưỡng bách và trong các sách giáo khoa chuyên ngành về đạo đức. Nó còn tản mạn trong tất cả các môn học khác và còn liên tục đến các trình độ cao hơn như cấp cao đẳng và đại học. Dĩ nhiên ở các trình độ cao hơn, học sinh có kiến thức và nhận thức cũng cao hơn. Môn đạo đức cũng phải hàm chứa nội dung sâu sắc và tinh tế hơn, trong đó ý thức đạo đức không bó chặt trong địa giới quốc gia mà phải mở rộng ra thế giới đúng như tinh thần trong bản hiến pháp hòa bình năm 1947 với chủ trương "quốc tế thân thiện trong một thế giới hoà bình". Với quan niệm đó, nhóm giáo dục "mở rộng" này muốn thêm một nhóm thứ 6 liên quan đến những bài học đạo đức trong lãnh vực quốc tế.

Chi tiết thực hành trong việc giảng dạy đạo

Trong tập san "Đạo đức giáo dục" của Bộ Quốc Gia Giáo Dục Nhật Bản năm 1958 có đưa ra những chi tiết của từng chủ đề giáo dục đạo đức giúp cho thầy cô giáo noi theo trong việc thực hành giảng dạy. Dĩ nhiên đây chỉ là những chi tiết có tính cách tổng quát, vấn đề chính vẫn là người giáo viên phải biết rõ trình độ của học sinh để truyền đạt kiến thức một cách hợp lý để cho học sinh có thể lãnh hội kiến thức tốt nhất.

1.- Tập quán lễ nghi

Lễ nghi là dạng thức của con người hiển lộ ra bên ngoài như cử chỉ đi đứng, lời nói, sự chào kính và cả lối ăn mặc... Con người thiếu lễ nghi là con người thiếu lịch sự, thấp kém văn hóa làm cho người khác xa lánh hay chán ghét.

Học hỏi lễ nghi là một bài học đạo đức đầu tiên, căn bản cho bất cứ đứa bé nào khi đến trường, ngay cả trường mẫu giáo. Nhiệm vụ của thầy cô giáo là uốn nắn, dạy bảo những nghi thức lễ phép cho học trò làm sao để trở thành tập quán, thói quen một cách rất tự nhiên. Không có lễ nghi căn bản này là một thiếu sót không thể chấp nhận được trong một xã hội rất chuộng hình thức và lễ nghĩa như Nhật Bản. Bên cạnh đó những lời chào hỏi còn mang theo một tác động vui vẻ, thân thiện ban đầu trong giao tế. Chính vì vậy có những câu chào hỏi mang tính hình thức nhưng không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày của người Nhật Bản. Bậc cha mẹ

và thầy cô phải có trách nhiệm dạy bảo cho đứa bé nắn lòng như một phần xạ. Chẳng hạn khi nhận bất cứ vật gì hay giúp đỡ từ người khác luôn luôn phải có lời cảm ơn. Trước khi ăn cơm phải nói câu xin mời (Itadakimasu), khi ăn xong để đĩa xuống có thể nói vài câu khen ngon miệng nhưng không thể thiếu câu đã ăn xong (Gochisosama). Khi rời nhà phải nói câu "xin rời nhà" (Ittekimasu) sẽ nhận được câu "xin cứ đi" (Itterasai). Khi về nhà với câu "đã về nhà" (Tadaima) sẽ nhận được lời chào đón "xin cứ về" (Okaerinasai), khi gặp bất cứ ai quen biết hay thầy cô trong trường phải chào hỏi. Bên cạnh đó đứa bé phải chính tề trong ăn mặc lúc đến trường, giữ gìn vệ sinh chung, không được nói dối, trong lớp học phải yên lặng và tôn kính thầy cô...

Tóm lại hình thức lễ nghi căn bản hàng ngày này không còn là bài học đạo đức phải dạy trở lại hay bàn luận đến trong các lớp sau nữa bởi vì nó như một chân lý mà không một con người Nhật Bản nào từ lúc là đứa trẻ biết nói hay ở tuổi lên 4 lên 5 tuổi bắt đầu đến mẫu giáo cho đến lúc già nua có thể thiếu vắng được.

2.- Quý trọng sự sống và sức khỏe

Với đề mục này thầy cô giáo dạy cho học sinh yêu sự sống của mình, coi đó là một gia sản của cha mẹ, của đất nước mà mình có nhiệm vụ gìn giữ cho khoẻ mạnh để đền đáp lại cha mẹ và phục vụ xã hội nơi mình đang sống. Muốn cho khoẻ mạnh phải sống hợp vệ sinh, tránh những bê tha làm hại đến sức khỏe như nghiện hút. Tham gia các hoạt động thể dục, thể thao cũng như hưởng sự rảnh rỗi vào những giải trí có tính cách văn hóa, thanh cao như âm nhạc, hội họa, du lịch khám phá thiên nhiên v.v... để làm cho tâm hồn được thanh cao, trong sáng. Thầy cô giáo phải tìm cách nâng đỡ, an ủi học sinh khi chúng gặp những buồn phiền, tuyệt đối không được mang sự chán chường, tiêu cực trong đời sống riêng tư của cá nhân mình vào giờ giảng dạy.

3.- Đức tính hòa nhập vào tập thể

Hướng dẫn cho học sinh những đức tính để hòa nhập vào sinh hoạt của tập thể là một bài học luôn luôn được đề cao trong nền giáo dục Nhật Bản. Tính tập thể được coi là căn bản trong tất cả dạng thức sinh hoạt đám đông trong xã hội. Ở Nhật Bản đức tính này hiển hiện rất rõ trong trường lớp, trong công sở, đoàn nhóm ngay cả trong giải trí, vui chơi... Tất cả được tổ chức thành đoàn thể. Chính vì vậy thầy cô giáo phải có trách nhiệm dạy bảo những nguyên tắc căn bản để học trò hòa nhập vào các sinh hoạt tập thể ngay từ khi đứa bé vào trường mẫu giáo. Trong tất cả các sinh hoạt khi học tập, khi chơi đùa, khi sinh hoạt ngoại khóa (cắm trại, thể thao, thăm viếng đền đài, phòng triển lãm v.v...) học sinh luôn luôn kết thành đoàn nhóm, tự nương tựa, kiểm soát hay giúp đỡ nhau. Khi tham dự những trò chơi có tính cách ganh đua phải tôn trọng sự công bình và dân chủ. Thầy cô giáo chỉ là người theo dõi tổng quát hay chú ý đặc biệt cho những học sinh cá biệt mà thôi.

Muốn cho sinh hoạt tập thể được kỷ luật, không bị lộn xộn vì nhiều ý kiến khác nhau cũng như phân bì công việc và trách nhiệm giữa các thành viên... dẫn đến tình trạng vô tổ chức. Học sinh phải được truyền dạy các đức tính sau đây:

- Ý thức mình là một đơn vị trong tập thể, phải có nghĩa vụ tuân hành luật lệ của đoàn thể và tôn trọng vai

trò cũng như mệnh lệnh của người trưởng nhóm do thầy cô giáo chỉ định hay do tập thể bầu ra.

- Tôn trọng phẩm cách của người khác, luôn luôn đối đãi với người khác trong tinh thần trọng lẽ phải và phục thiện. Trong những cuộc bàn cãi, lấy ý kiến về một vấn đề nào đó liên quan đến tập thể phải có tinh thần dân chủ và chân thành chấp nhận quyết định của đa số. Nếu muốn nêu ý kiến khác biệt hay đề nghị mới mẻ, phải đi đúng nguyên tắc để không tạo ra những chia rẽ làm giảm hiệu quả của tập thể.

- Luôn luôn đặt quyền lợi của đoàn thể lên trên cá nhân và vui vẻ nhận sự thiệt thòi nếu đến với cá nhân mình.

- Sẵn sàng đem năng lực của mình ra phục vụ đoàn thể.

- Can đảm phản đối những áp bức, bất công, gian dối trong sinh hoạt tập thể nhưng trong tinh thần đề cao dân chủ và tôn trọng công lý.

4.- Phát triển khả năng, nâng cao kiến thức để phân biệt được đúng sai

Với chủ đề này, học sinh được khuyến khích học hỏi, tìm tòi không những trong sách giáo khoa, lời thầy cô dạy bảo mà còn trong sách báo, tài liệu với mục đích nâng cao kiến thức để:

- Có khả năng phán đoán đúng sai trong cuộc sống.

- Giúp học sinh tự tin hơn.

- Tránh được những sai lầm từ các hủ tục hay tập quán không hợp thời, thiếu tinh thần dân chủ. Phải biết tôn trọng nhân quyền trong xã hội văn minh, chẳng hạn tinh thần nam nữ bình đẳng v.v...

- Kiến thức cũng giúp người ta tránh được những thêu dệt vô căn cứ, thiếu căn bản khoa học hay những tuyên truyền có dã tâm đi ngược với sự thật v.v...

5.- Tinh thần trách nhiệm và phát triển khả năng sáng tạo trong công việc

Bài học đạo đức giảng dạy cho học sinh có tinh thần trách nhiệm trong việc làm, tôn trọng giá trị cần lao (trí óc cũng như lao động chân tay), phát triển khả năng sáng tạo trong công việc không chỉ thu nhỏ trong môi trường học đường mà còn liên tục và cần thiết cho học sinh bước vào việc làm tại các hãng xưởng trong xã hội.

Trong thời gian đi học, học sinh phải tự lo việc quét dọn, giữ gìn vệ sinh trường, lớp học, bàn ghế cũng như chăm sóc thú nuôi, vườn hoa, cây cảnh của nhà trường. Những công việc này giúp cho học sinh thông hiểu ý nghĩa của cuộc sống tập thể, cảm thông sự nhọc nhằn của lao động.

Chính nhờ có khái niệm về lao động và tinh thần tập thể từ các bài học thực tiễn trong trường học đó, giới trẻ Nhật Bản khi bước vào môi trường làm việc tại các hãng xưởng, công ty... họ không gặp một khó khăn nào khi hòa nhập vào thực tế của xã hội.

Sau đây là một vài điểm quan trọng mà giới trẻ Nhật Bản phải có khi bước vào công việc làm ngoài xã hội:

- Dù với học vị nào khi mới vào cơ quan làm việc đều phải chấp nhận qua một thời gian thách đố với những công việc có thể nặng nhọc, đôi khi không liên quan gì đến chuyên môn của mình. Phải chịu nhiều áp lực từ sự huấn luyện, chỉ bảo hay kiểm soát rất khắt khe của người đi trước dù người đó có thua kém rất xa mình về học vị.

- Tuyệt đối tôn trọng luật lệ và trung thành với cơ quan. Giữ gìn cũng như sử dụng vật chất của hãng xưởng, cơ quan hợp lý và trách nhiệm.

- Chăm chỉ và luôn mang ý niệm sự thành công của hãng là của chính mình để cố gắng phát triển khả năng và sáng tạo trong việc làm, mang đến kết quả tốt trong sản xuất và kinh tế trong việc làm.

- Có tinh thần nhận trách nhiệm trong vị trí và quyền lợi của mình trong công việc.

- Tôn trọng nhân phẩm người dưới quyền trong tinh thần nhân bản và tự do với sự cảm thông và hòa nhã.

6.- Nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng và tham vọng hướng thiện

Tiêu chí này trong ngành giáo dục của Nhật Bản nhằm mục đích hướng dẫn học sinh luôn luôn giữ được sự trong sáng của tâm hồn khi còn đi học. Nuôi dưỡng những tham vọng khi trưởng thành để phục vụ xã hội theo hướng đạo đức, ích lợi cho quốc gia, dân tộc.

Phương pháp để phát triển tâm hồn trong sáng, lý tưởng là giúp đỡ học sinh thăm viếng hay tiếp cận những cơ sở từ thiện (cơ sở nuôi dưỡng người già, trẻ mồ côi, tật nguyền...) hay tham gia vào những hoạt động từ thiện trong nước hay ngoại quốc (thiên tai, hỏa hoạn...). Trong những dịp đó thầy cô giáo giúp cho học sinh hiểu rõ sự may mắn của mình mà mong muốn có dịp làm gì để chia xẻ, giảm bớt nỗi bất hạnh của kẻ khác kém may mắn hơn.

Bên cạnh đó, học sinh còn được khuyến khích tránh xa những thú vui có tính cách bạo lực, vô đạo đức, nên tham dự vào những môn giải trí có tính cách nghệ thuật như âm nhạc, du lịch thiên nhiên nhằm nâng cao trình độ văn hóa nhân bản của học sinh.

7.- Tinh thần "hoà hiếu hạnh" trong gia đình

Bản hiến pháp hòa bình năm 1947 đã chấm dứt quan niệm "phu xướng phụ tuyền", "trọng nam khinh nữ" trong gia đình và xã hội Nhật Bản có từ xa xưa đã được cáo chung bằng văn bản luật pháp. Tuy nhiên trên thực tế vấn đề này chỉ đạt được ở mức tương đối mà thôi. Nhưng với thời gian và nhất là nhờ chương trình giáo dục đạo đức được tích cực phát triển trong trường học. Nhờ những đội ngũ giáo viên trẻ có dịp thâm nhuần sinh hoạt dân chủ mới. Nên tinh thần tôn trọng tự do của người khác và sự bình đẳng nhân quyền giữa vợ chồng, con trai, con gái trong gia đình đã tăng tiến theo hướng đạo đức rất đáng trân trọng.

Ngày nay môn giáo dục đạo đức gia đình của Nhật Bản được các giáo viên dựa vào 3 tiêu chí "Hoà, Hiếu, Hạnh" sau đây để dạy học sinh:

- Tinh thần hòa thuận: Các con phải biết vâng lời, kính yêu cha mẹ và thương yêu anh chị em trong gia đình. Cha mẹ sinh con ra phải có nhiệm vụ nuôi dưỡng, thương yêu và lo việc học hành sinh sống tốt cho các con.

- Tinh thần hiếu kính: Các con cũng phải có lòng hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ ốm đau, già lão.

- Tinh thần tạo dựng hạnh phúc gia đình: Muốn vậy vợ chồng, con cái phải tôn trọng phẩm giá cũng như ý hướng của nhau. Cha mẹ không thể ép buộc con phải học hành, làm việc, giải trí... theo ý hướng của mình.

Phải chấp nhận trong tinh thần dân chủ và ý hướng riêng của đứa con .

Tóm lại người giáo viên có bốn phận hướng dẫn học sinh hiểu rõ gia đình như một đoàn thể nhỏ trong quốc gia, trong đó mọi người đều phải biết tôn trọng nhân quyền của nhau cũng như phải có trách nhiệm với nhau để gia đình hạnh phúc và quốc gia yên bình.

8.- Can đảm khi hành động và phục vụ chính nghĩa

Để chuẩn bị cho học sinh nhất là những học sinh chuẩn bị rời ghế nhà trường bước vào xã hội. Người giáo viên phải hướng dẫn học sinh có tính phân tích và phán xét sự kiện một cách chính xác nhờ những kiến thức đã thu được bằng nỗ lực học hỏi của chính mình. Phải biết lắng nghe những phê phán xây dựng của người khác một cách khôn ngoan và chọn lựa. Sau khi đã tìm ra một giải pháp, một hướng đi cho vấn đề là tối ưu hay hợp với chính nghĩa thì phải can đảm thực hiện trong tinh thần chủ động, không ý lại người khác, hãy tự tin chính mình để nhận lấy trách nhiệm. Tránh những cảm dổ hay những lời khích bác vu vơ từ bên ngoài làm cho mình lo sợ mất tin tưởng mà bỏ ngang hay thất bại.

9.-Ý thức đạo đức và lòng yêu nước

Ngành giáo dục đạo đức là dạy người ta biết sống tốt với đồng loại, với thiên nhiên, cây cỏ, động vật và là người hữu ích cho quốc gia, dân tộc. Tóm lại tình yêu nước là một trong những tiêu đề được giảng dạy trong môn đạo đức học trong trường học cũng như ẩn tàng trong các môn học khác và cả trong sinh hoạt ngoài xã hội.

Nhìn lại những thay đổi nội dung giảng dạy của lòng yêu nước trong lịch sử Nhật Bản, người ta thấy có những đổi thay rất rõ rệt theo nhu cầu của thời đại. Mỗi thời đại, lòng yêu nước được giảng dạy theo một mục đích khác nhau. Thời cổ đại lòng yêu nước thể hiện trong sự phụng sự và trung thành với Thiên Hoàng. Đến thời kỳ Mạc Phủ, Tướng Quân hình ảnh Thiên Hoàng và hoàng gia chỉ là biểu tượng làm vì (như tình trạng chúa Trịnh, chúa Nguyễn ở Việt Nam) lòng yêu nước thời đại này được giảng dạy trong tinh thần trung thành với Mạc Phủ và tôn vinh hình ảnh oai dũng, trọng danh dự của người võ sĩ đạo. Sang thời đại Minh Trị Thiên Hoàng cho đến năm 1945 khi Nhật Bản thất trận. Lòng ái quốc mang tính cách cực đoan với khẩu hiệu "phú quốc, cường binh" kèm theo tinh thần tôn kính Thiên Hoàng. Cõi Thiên Hoàng là một biểu tượng cao quý, bất khả xâm phạm, mọi hy sinh vì Thiên Hoàng đều có ý nghĩa và được tôn vinh. Ngày nay lòng ái quốc được dựa trên bản hiến pháp hoà bình năm 1947 với tiêu đề "Quốc gia độc lập và quốc tế thân thiện trong một thế giới hoà bình".

Với sự thay đổi đó lòng ái quốc được giảng dạy trong môn giáo dục đạo đức đã thay đổi theo hoàn cảnh xã hội, chính trị Nhật Bản cũng như theo vai trò, vị trí của một nước Nhật yêu hòa bình trên thế giới. Với tinh thần đó những tiêu chí quan trọng sau đây được đề cập đến trong các bài học về đạo đức của nền giáo dục Nhật Bản:

- Tổ quốc bao gồm đất nước và dân tộc là một thực thể do tổ tiên truyền lại từ thế hệ này đến thế hệ khác phải được lưu giữ và bảo tồn.

- Những truyền thống văn hóa tốt đẹp, biểu tượng cho sắc thái của dân tộc phải được gìn giữ và cố gắng phát huy để cho nền văn hóa càng lúc càng dồi dào phong phú hơn.

- Trung thành với nòi giống, yêu mến bảo vệ thiên nhiên, luôn luôn nỗ lực làm cho dân giàu nước mạnh trong tinh thần văn minh, dân chủ.

- Cố gắng làm cho quốc gia hòa nhập vào cộng đồng thế giới trong tinh thần quốc tế thân thiện.

10.- Ý thức đạo đức và cộng đồng quốc tế

Với tinh thần của bản hiến pháp 1947, đối với công đồng quốc tế ngành đạo đức giáo dục của Nhật Bản đã được định hướng rất rõ ràng. Đó là đào tạo những con người lý tưởng. Với bản thân phải học hỏi để có những đức tính tốt của một con người khỏe mạnh về thể lực, trong sáng về tâm hồn. Với gia đình, xã hội và đất nước phải là một thành viên có tinh thần kỷ luật, trách nhiệm. Phải biết trau dồi tài năng, giữ gìn và phát triển, làm giàu cho nền văn hóa của dân tộc. Với thế giới phải mang lý tưởng cao cả thoát ra khỏi cái chật hẹp của địa giới quốc gia để hòa nhập vào sự tiến triển và an ninh chung cho xã hội loài người. Trong tiêu đề đó môn đạo đức giáo dục phải dạy người ta những điểm sau đây:

- Tạo dịp cho người dân, nhất là giới trẻ tìm hiểu, khám phá những nền văn hóa, thiên nhiên từ các dân tộc khác nhau dưới hình thức du lịch, trao đổi văn hóa, thể thao...

- Quảng bá những kiến thức bảo tồn thiên nhiên, văn hóa thế giới, tham gia các phong trào vì môi trường.

- Ngăn cản những hành động phá hoại sự sống và thanh bình của nhân loại như thử nghiệm bom đạn, khí giới cũng như hô hào chiến tranh... Tất cả nhằm đến mục tiêu xây dựng một thế giới hòa bình và quốc tế thân thiện.

Thành công của ngành giáo dục đạo đức



Sự thành công của chương trình giáo dục Nhật Bản đã quá rõ ràng, biết bao nhiêu dữ kiện thực tế liên quan đến phẩm chất con người và an ninh của xã hội Nhật đã làm cho thế giới cảm phục và học hỏi. Một quốc gia nghèo tài nguyên, thiên tai luôn luôn rình rập, cơ sở vật chất đổ nát hoàn toàn, xã hội tang thương vì bệnh tật và chết đói sau chiến tranh. Nhưng vẫn có được sự phát triển vượt bậc, làm cho cả thế giới ngưỡng mộ. Dân chúng đói nghèo nhưng xã hội vẫn yên bình không có nạn giết người cướp của vì vật chất. Nhân viên công quyền cũng như cơ sở hành chính nhiều năm sau chiến tranh được trả lương bằng khẩu phần chỉ đủ cho người

ta không chết đói. Nhưng guồng máy vẫn chạy rất chính xác trong mình bạch nhờ tinh thần trong sáng và trách nhiệm của nhân viên, quan chức. Không có gì để nghi ngờ, những thành công kỳ diệu đó là do phẩm chất của người dân Nhật mang đến, trong đó ngành giáo dục đạo đức đã đóng một vai trò quan trọng. Sau đây là vài điểm son thành công trong ngành giáo dục đạo đức của Nhật Bản mà người ta thấy rất rõ:

- Vai trò người phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội được cải thiện rất rõ ràng. Nạn trọng nam khinh nữ trong gia đình và xã hội đã giảm đi rất nhiều so với nước Nhật của 50, 60 năm về trước. Ngày nay không hiếm những người phụ nữ tài năng họ rất tự tin với các vị trí lãnh đạo cao cấp trong chính quyền cũng như trong các cơ quan quốc tế (Liên hiệp quốc, ngân hàng quốc tế...). Chính phủ mới của Thủ tướng Shinzo Abe vừa được công bố tháng 9.2014 đã có 5 vị Bộ Trưởng là phụ nữ.

- Tỷ lệ tội phạm của Nhật Bản rất thấp so với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Ở các tỉnh thị lớn trên dưới 10 triệu cư dân như Tokyo, Osaka, Nagoya... người ta có thể đi bộ một mình bất cứ đâu vào ban đêm, kể cả phụ nữ mà không lo vấn đề an ninh.

- Không có nạn trấn lột, ăn cướp trên đường phố. Ngay trong 2 cuộc thiên tai động đất sóng thần kinh hoàng vừa qua ở Kobe (khoảng 7.000 người chết), Fukushima (khoảng 20.000) không có nạn cướp bóc hay hôi của như đã xảy ra ở hầu hết các nơi trên thế giới ngay cả các quốc gia giàu có ở Bắc Mỹ, Tây Âu. Chính quyền Fukushima cho biết đã nhận được khoảng 5.700 kết sắt (tresors) của các nạn nhân. Những kết sắt này trôi nổi trên biển cả hay trong các đồng đồ nát nơi thiên tai. Trong đó chứa đựng tiền và vàng bạc giá trị khoảng 78 triệu USD do người dân tìm thấy và đem trả lại.

- Đường phố trên toàn nước Nhật, từ thành thị đến thôn quê đều được giữ gìn sạch sẽ, không có chuyện xả rác bừa bãi và tôn trọng phân loại rác thải một cách nghiêm minh.

- Mỗi buổi sáng rất nhiều các khu chung cư, các bà mẹ không đi làm đều tự động đứng giờ hẹn nhau xuống quét dọn. Không một tiếng phân bì kẻ làm nhiều, người làm ít.

- Các cơ quan hành chính cũng như nhân viên công an, cảnh sát làm việc rất trách nhiệm, không có chuyện tham nhũng, hối lộ.

- Trong trường học vai trò người giáo viên vẫn là hình ảnh gương mẫu và luôn được học sinh và xã hội coi trọng.

- Trên thế giới, du khách Nhật được cảm mến vì lịch sự, khuôn mẫu gần như không có tình trạng phạm tội, luôn tuân thủ luật pháp, giữ vệ sinh môi trường nơi du lịch hay tạm cư một cách rất đáng cảm mến.

- Với các hoạt động nhân đạo, bảo vệ và giữ gìn thiên nhiên, tài sản văn hóa thế giới cũng như tham gia các phong trào hòa bình trên thế giới... Nhật Bản luôn luôn là một trong vài quốc gia hàng đầu thế giới đóng vai trò tích cực đóng góp và tham gia.

- Nhật Bản là quốc gia phản đối mạnh mẽ thử nghiệm và chế tạo vũ khí hạt nhân. Hàng năm vẫn tổ chức lễ tưởng niệm nạn nhân của 2 vụ bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki trong thế chiến thứ 2. Với mục đích đưa ra những hình ảnh tàn khốc của chiến tranh hạt

nhân cho thế giới biết, cảnh tình con người, không nên nhầm lẫn để mang đến họa diệt chủng cho loài người.

Những kết quả chưa trọn vẹn

Không ai phủ nhận được sự thành công rất đáng cảm phục của nền giáo dục đạo đức Nhật Bản, đã mang lại rất nhiều kết quả tốt cho dân chúng và xã hội Nhật Bản và cũng là căn bản cho sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh. Nhưng điều đó không có nghĩa là những thành công hoàn toàn hoàn hảo, không thiếu sót. Thực tế cho người ta biết rằng bên cạnh những thành quả vượt trội làm cho thế giới cảm phục một nước Nhật văn minh và nhân bản. Nhưng vẫn còn nhiều tiêu chí chỉ đạt được sự thành công trong giới hạn. Sau đây là những điểm giới hạn điển hình rõ ràng nhất:

- Dù vai trò người phụ nữ Nhật đã có những điểm thăng hoa trong gia đình cũng như trong xã hội nếu so sánh với người phụ nữ Nhật trước chiến tranh. Nhưng thực tế trong gia đình cũng như trong xã hội, vị trí và vai trò người phụ nữ Nhật vẫn có những điểm thua thiệt, bất công so với nam giới. Nếu so sánh với các quốc gia tiến triển ngang mức với Nhật Bản trên thế giới như Âu Mỹ, thì Nhật Bản vẫn ở mức thua kém khá xa. Người phụ nữ Nhật cần phải được xã hội và gia đình chấp nhận tinh thần dân chủ và công bằng hơn, để hợp với vị trí một nước Nhật văn minh và thịnh vượng trên thế giới.

- Ban đêm những quán uống rượu, chốn ăn chơi vẫn chật ních nam giới có thể vì căng thẳng công việc tại hãng, nhưng cũng có thể vì cuộc sống quá nhàm chán, xã hội thiếu các môn giải trí lành mạnh nên họ đã bỏ bê gia đình, vợ con để chui vào những thú vui sa đọa.

- Cha mẹ vẫn mang quan niệm trọng bằng cấp, nên đã dùng áp lực học hành lên các con một cách quá mức. Rất nhiều trẻ con Nhật gần như không có thời gian rảnh rỗi. Ngoài giờ học tại trường, chúng còn phải học thêm các khóa luyện thi vào buổi tối với hy vọng đậu vào các trường đại học nổi tiếng hay ít ra xong được cái bằng đại học như bạn bè của chúng, để làm vui lòng cha mẹ chúng. Ngay cả cuối tuần và ngày lễ, chúng cũng chẳng được ngơi nghỉ hay tham gia vào những sinh hoạt khác giải trí như thể thao, văn nghệ.

- Tình trạng thú vui bài bạc ở Nhật dù đã có phần giảm sút khá nhiều so với khoảng 30,40 năm trước nhưng vẫn còn ở mức đáng kinh ngạc. Với khoảng gần 9% nam giới và gần 2% nữ giới vẫn lấy trò đỏ đen làm thú vui. Người ta có thể tìm thấy ở mọi nơi, từ vùng quê xa xôi đến trung tâm đô thị lớn những cơ sở pachinko (một dạng như casino) chiếm hữu những căn nhà nhiều tầng hay những nhà xoa mặt chược luôn luôn đông khách từ sáng đến khuya.

- Thống kê cho biết số lượng sách báo, tạp chí được in ấn, xuất bản tại Nhật trên đầu người được coi là cao nhất thế giới. Nhưng nếu xét về phẩm chất của những sách báo đó vẫn là điều người ta cần phải cau mày suy nghĩ! Những đồng tạp chí màu sắc chói mắt (manga) toàn là những hoạt hình thấp kém, phản lại văn hóa. Đôi khi chứa đựng nội dung vô đạo đức chất đầy trên sạp báo, trong tiệm sách, trong quán ăn... là những dấu tích của một dạng thức giải trí bệnh hoạn.

- Ở trung tâm các thành phố lớn hình ảnh ăn chơi sa đọa của một số thanh niên, thanh nữ mới lớn. Đầu tóc sơn xanh, sơn đỏ, quần áo lố lăng, sống không mục đích

là những hình ảnh không thuận mắt đối với những nhà giáo dục. Họ cho rằng sự phát triển quá nhanh về vật chất kèm theo thiếu sự săn sóc, giáo dục của gia đình và xã hội đã làm cho một số (dù rất nhỏ) thanh thiếu niên có nếp sống buông thả với những thú vui thấp kém, vô đạo đức.

Như phần trên đã đề cập, mục đích của giáo dục đạo đức là đào tạo ra những người có phẩm chất tốt, hữu ích cho sự phát triển nhân quần xã hội. Một trong những yếu tố quan trọng nhất trong thực hành môn đạo đức đó là khuyến khích con người phát triển hiểu biết bằng sự học hỏi tìm tòi để có khả năng phân biệt đúng sai trong cuộc sống. Tránh được những chao đảo vì những lời đồn đãi vu vơ hay những tuyên truyền xảo trá sai sự thật. Với tiêu chí rất đẹp đẽ và đầy tính nhân văn như vậy, nhưng nhiều người vẫn mang một vài cảm giác nghi ngờ khi nhớ đến một số sự kiện đau thương trong lịch sử cận đại mà người Nhật Bản đã đem đến cho nhiều dân tộc khác. Nhưng rất lạ lùng là phần lớn người dân Nhật không bao giờ biết đến. Chỉ vì họ đã không được giảng dạy trong học đường, trong sách báo, kết quả là họ vẫn mù mờ với những sự kiện mà tổ quốc họ đã lầm lẫn gây ra cho dân tộc khác. Sau đây là một vài sự kiện điển hình nhất:

a.- Vào khoảng giữa thế kỷ 20, hầu hết các quốc gia Đông Á và Đông Nam Á Châu đều khốn khổ dưới ách thống trị của thực dân Tây phương và muốn thoát khỏi gông cùm nô lệ đó. Nhật Bản nhờ chương trình canh tân của Minh Trị Thiên Hoàng đã trở lên một cường quốc quân sự Á Châu đầu tiên trên thế giới. Biết được sự khao khát độc lập của các quốc gia Á Châu, Nhật Bản đã hô hào họ liên kết với Nhật để tạo thành khối Đại Đông Á dưới sự giúp đỡ của Nhật. Cùng với Nhật chống lại thực dân giành độc lập cho các quốc gia trong khối. Nhưng tất cả chỉ là bánh vẽ, một mưu cơ độc ác tàn bạo, dối trá lừa đảo! Để rồi các quốc gia ngu ngơ tin tưởng vào Nhật Bản đã bị Nhật thống trị còn tàn bạo dã man hơn kẻ thực dân mà Nhật Bản đã hô hào lật đổ. Trong số đó có khoảng gần 30 triệu người đã chết dưới sự tàn bạo của chính quyền quân phiệt Nhật.

b.- Cũng trong cuộc chiến tranh thứ 2, quân đội Nhật đã bắt hàng nghìn chục ngàn phụ nữ tại các quốc gia mà họ chiếm đóng làm nô lệ tình dục và giết bỏ họ tàn nhẫn khi đã thỏa mãn thú tính.

c.- Hiện nay có nhiều người Đại Hàn (Bắc cũng như Nam Hàn) đã định cư ở Nhật Bản nhiều thế hệ. Họ đã đến Nhật từ trước thế chiến thứ II, thực sự chẳng còn gì là người Đại Hàn nữa. Có người là bác sĩ, thương gia, giáo sư đại học, họ không còn biết gì về xuất xứ của ông cha 3, 4 đời của họ nữa, nhưng họ vẫn không được nhập tịch, vẫn là cư dân ngoại quốc!

d.- Hiện nay cũng có nhiều người ngoại quốc (nhất là người Đại Hàn) họ bị phạm tội gì đó và bị bắt giam, nhưng không qua xét xử. Bản án tù của họ dài hay ngắn hoàn toàn chẳng có một luật lệ hay tòa án nào xác định.

Những sự kiện điển hình nêu trên vẫn còn xa lạ với kiến thức của người dân Nhật Bản bình thường. Họ hoàn toàn không có dịp tiếp cận với sự thật mà có lẽ phần đông người Nhật có tinh thần tôn trọng nhân quyền và ý thức đạo đức sẽ không khỏi ân hận và ngỡ ngàng khi biết sự thật về những điều vô đạo đức mà đất nước họ đã phạm phải trong quá khứ.

Với những người nặng lòng với ngành giáo dục đạo đức, họ cho rằng môn đạo đức học phải được đưa sâu hơn vào con người Nhật Bản. Không chỉ trong môi trường học đường mà còn phải được đề cập đến một cách gián tiếp hay trực tiếp đến quần chúng dưới nhiều dạng thức khác nhau như trên báo chí, truyền thanh truyền hình và ngay cả trong phạm vi nghệ thuật, v.v... Chính phủ và ngành giáo dục Nhật phải can đảm nhìn vào sự thật, không che giấu hay ngụy tạo những chứng cứ làm sai lệch sự thật. Với tinh thần đó người dân Nhật phải biết chính xác về sự thật đau thương mà nước Nhật đã mang đến cho dân tộc khác. Mọi người phải biết rằng: Người ta có thể dựa vào tài năng và phương tiện để thay đổi hiện tại hay chuyển hướng tương lai. Nhưng người ta không thể thay đổi quá khứ. Những lầm lỗi của quá khứ phải được biết đến tường tận để giúp cho người ta tránh được những sai lầm tiếp theo.

Kết luận

Nhìn chung ngành giáo dục đạo đức của Nhật Bản đã có sự thành công tuyệt vời đáng cho tất cả thế giới cảm phục. Một xã hội yên bình rất ít tội phạm, một guồng máy làm việc (tại công sở cũng như tư nhân) rất trách nhiệm và minh bạch trong tinh thần đoàn kết. Thế hệ trẻ Nhật Bản sống gương mẫu có ý hướng phục vụ tập thể hơn là ích kỷ cá nhân. Tinh thần dân chủ và tôn trọng nhân quyền trong gia đình và xã hội dù chưa được như ý nhưng phải công nhận sự tiến triển rất đáng ghi nhận v.v...

Dĩ nhiên vẫn còn có một vài điều đáng bị phê phán, nhưng thế giới và xã hội ngày nay với những tiến triển vượt bậc của vật chất nhất là phương diện truyền thông điện tử đã là con dao hai lưỡi. Chính nó mang đến cho cuộc sống của người ta những lợi ích tuyệt vời nhưng cũng chính nó sẵn sàng hủy hoại xã hội nếu người ta không biết đem cái lợi ích đó vào khuôn thước, trong tầm kiểm soát. Không riêng gì Nhật Bản cũng như bất cứ đâu trên thế giới, vấn đề đạo đức xã hội trong thời đại văn minh ứ thừa vật chất hiện nay vẫn là một vấn đề nhức đầu cho các giới cầm quyền quốc gia. Nhưng với căn bản đạo đức của người dân Nhật Bản đến từ sự thành công của ngành giáo dục đạo đức và bản sắc tốt đẹp sẵn có trong cá tính của dân tộc Nhật... Người ta tin tưởng rằng sự khuôn thước của xã hội cũng như bản chất tuyệt vời của con người Nhật vẫn là biểu tượng gương mẫu về đạo đức và chuẩn mực trong lối sống đáng cho thế giới cảm phục và học hỏi. Nước Nhật với thời gian dài vẫn là một trong những quốc gia thịnh vượng trên thế giới ./.

Lưu An Vũ Ngọc Ruấn
(Switzerland, August 2014)

Vài điều ghi chú :

- Bài viết này được dựa vào những dữ kiện sau đây:*
- *Education in Japan (Anh ngữ) do Ministry of Education, Japan.*
- *Tạp chí của Đại học Tokyo và Waseda (Anh ngữ)*
- *Đạo đức học (Doutoku) Nhật ngữ*
- *Tân Nhật Bản đạo đức giáo dục (Shin Nihon Doutoku Kyoiku)*
- *Những sự chỉ dẫn của các vị giáo viên, giám học, hiệu trưởng người Nhật đang làm việc tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài Nhật Bản.*

Bên dòng sông tình sử

• Thế Dũng

*Nơi ai nằm, ai tắm hóa Ngọc Châu
Tình ái ấy có ngày như trần mạc
Xin cảm tạ nhịp tim bồ câu trắng
Vọng qua nghìn giống tổ tới hôm nay
(Thế Dũng)*

Thiên tình sử trên Bãi Tự Nhiên

Thuở ấy vua Hùng Duệ Vương chỉ có hai công chúa là Ngọc Hoa và Tiên Dung. Nàng Ngọc Hoa được vua gả cho một trang hào kiệt ở vùng núi Tản, còn công chúa Tiên Dung thì tuy đã mười tám tuổi nhưng luôn luôn khước từ mọi lời cầu hôn của các Lạc hầu, Lạc tướng. Vua rất chiều con gái nên cứ mặc nàng sống theo tùy ý thích. Tuy thế nhà vua vẫn vô cùng buồn rầu vì các hoàng tử cứ lần lượt yếu mệnh mà hoàng hậu thì lâm bệnh hiểm nghèo. Nguy cơ tuyệt tự luôn ám ảnh nhà vua. Không khí trong triều lúc bấy giờ vô cùng buồn thảm, mà công chúa Tiên Dung thì vẫn chẳng chút lo âu tới chuyện muôn màng gia thất của mình. Nàng chỉ có một thú vui duy nhất là đi du lịch đó đây. Hàng năm vào mùa xuân, nàng xin phép vua cha sắm sửa thuyền bè cùng các thị nữ giòng buồm dọc sông Cái hướng về phía biển để chiêm ngưỡng non sông. Nhà vua muốn con mình vui vẻ nên công chúa Tiên Dung muốn gì được nấy.

Thuở đó ở vùng Chử Xá có gia đình ông Chử Cù Vân và bà Bùi Thị Gia cùng đứa con trai khỏe mạnh tên là Chử Đồng Tử. Quanh năm làm ăn rất vất vả và ven sông mà gia đình họ Chử vẫn nghèo khó. Sau khi bà Gia chết đột ngột thì hai bố con nhà Chử Cù Vân lại gặp hỏa hoạn. Rốt cuộc hai bố con ông chỉ còn lại độc một túp lều con và một cái khố. Chử Đồng tử càng lớn càng đẹp trai. Hai bố con phải thay nhau mặc khố mỗi lúc người nào có việc cần phải đi lại, giao tiếp. Con đóng khố thì bố cởi trường và ngược lại... Tuổi già càng lúc càng yếu vì đói rét, thiếu thốn. Trước khi tắt thở Chử Cù Vân bảo con trai: "Con đừng liệm cha bằng khố. Hãy giữ lấy cái khố mà che thân...". Chử Đồng Tử không vâng lời cha, chàng không đành lòng để cha già lạnh dưới ba thước đất. Và thế là chàng trở nên nghèo đến mức không còn cả cái khố để che thân. Từ ngày còn lại một mình trên đời, Chử Đồng tử thường mò cua bắt cá ở ven sông đem đổi cho những thương thuyền qua lại để sinh sống. Mỗi khi giao tiếp với viên khách chàng phải dùng lá cây hoặc phải ngâm nửa thân mình dưới nước cho dễ coi.

Ngày tháng tưởng chừng cứ thế trôi qua cho tới một hôm đang mãi mò tôm bắt cá thì Chử Đồng Tử nghe tiếng đàn sáo rộn ràng, ngẩng mặt nhìn lên thì đã thấy một đoàn du thuyền đang náo nhiệt dong buồm ghé lại bãi sông của chàng. Chử Đồng Tử hoảng hốt chạy về nơi lau cỏ um tùm và vùi mình vào cát để lẩn trốn. Lúc bấy giờ là ngày mồng một tháng tư âm lịch, một ngày cuối xuân, đầu hạ, đoàn du thuyền ấy chính là của công chúa Tiên Dung. Nắng mới óng vàng như hổ phách dưới trời xanh sáng của tiết Thanh minh. Phong cảnh bãi cát dưới

trời xanh đầy nắng gió lúc non trưa đã làm cho công chúa Tiên Dung hạ lệnh dừng thuyền bảo thị nữ quây màn để nàng tắm. Mây ngũ sắc bông bành trên đầu. Một tiếng chim trong vắt rơi vời vơi trên vai. Mỗi lần nàng công chúa dội nước là mỗi lần chiếc áo bằng cát bụi của Chử Đồng Tử tan ra... Tiên Dung sững sờ, sững sốt khi thấy mình đang lỏa lồ trước đôi mắt sáng rực nhưng đầy hoảng sợ của một chàng trai cũng đang trần truồng. Chử Đồng Tử chực bỏ chạy nhưng giọng nói dịu dàng của công chúa đã khiến chàng an tâm trở lại: "Hãy nói giùm ta vì sao chàng lại nằm đây?". Chàng chân thành kể cho nàng nghe cảnh ngộ cùng lý do mà chàng phải vùi thân trong cát. Công chúa nghe xong, ngộ ra sự phi lý của đời sống và vẻ đẹp tự nhiên trong thân phận chàng. Cùng một lúc cả sinh hồn lẫn giác hồn và tâm hồn nàng xao xuyên mãnh liệt, cảm thông tốt bậc và rung động sâu xa với cái sinh thể giống đực cường tráng hài hòa đang lộ thiên. Nàng quên hẳn mình là công chúa. Còn Chử Đồng Tử? Thời khắc sơ kiến và tâm giao ngăn ngủi đã làm cho chàng hết sợ. Trước mặt chàng là một giống cái, một thiếu nữ, một thực thể chan chứa những mùi vị mà từ lâu chàng chỉ khao khát trong mộng寐. Công chúa bảo: "Từ giờ phút này chàng sẽ là chồng ta. Trời Đất đã sắp đặt cho mỗi duyên kỳ ngộ của chúng mình. Chàng biết không? Chưa có người đàn ông nào nhìn thấy ta như thế này. Chàng là người duy nhất!". Chử Đồng tử thảng thốt: "Nàng tha cho cái tội lỗi vùi mình đúng nơi nàng tắm đã là may mắn, lẽ nào tôi dám cả gan đón nhận hạnh phúc tuyệt vời nhưng phạm thượng nhường kia!". Công chúa nói: "Chàng thấy không? Trên đầu chúng ta, những đám mây lành đang hứng sắc. Đất trời đã định rồi. Lòng ta đã quyết rồi, xin chàng đừng từ chối". Tiên Dung ra lệnh cho thị nữ mang quần áo tới cho chàng. Lại thay, khi mang khoác lên mình xiêm y của tình ái, Chử Đồng Tử bỗng nhiên có khí độ của một bậc quân vương, đĩnh đạc và oai vệ. Thế là đám cưới được tổ chức ngay trên những du thuyền lênh đênh trên mặt sông Cái. Cả một vùng trời đất ngào ngạt những hương vị của tình ái lâm than và phóng khoáng.

Những tin tức về đám cưới của công chúa với một kẻ ăn mày tới tai vua cha. Nhà vua nổi giận lôi đình. Ông đau khổ vì Tiên Dung đã làm nhục tới thanh danh ông. Ông từ con và cấm công chúa không được trở về cung với người chồng như thế là nhật được của nàng. Nhận được phán quyết của vua cha, công chúa Tiên Dung điềm nhiên nói với chồng: "Ta không làm điều gì trái với ý Đất Trời, hẳn là Đất Trời không nỡ bắt tội ta. Đã vậy thì ta sẽ cùng chàng lập nghiệp ngay ở chính cái nơi đã xảy ra mỗi thiên duyên kỳ ngộ của chúng mình!".

Từ dạo đó, cả một vùng bờ bãi nơi vợ chồng Chử Đồng Tử sinh nhai trở nên một địa bàn sinh tụ trù phú, phì nhiêu. Nàng dạy dân chúng trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, cấy lúa, làm vườn. Nàng khích lệ việc trao đổi vật phẩm, hàng hóa với các thương nhân đến từ xa. Chàng bao lâu, hai vợ chồng đã được dân chúng ở vùng Chử Xá và nhưng miền lân cận coi như hai vị Phúc Thần của họ. Tuy vậy nhiều khi đời sống của họ vẫn phải chịu nhiều tai họa vô thường của thiên nhiên. Một hôm Chử Đồng Tử từ biệt vợ, thả thuyền theo những thương nhân đi về phía biển. Đi mãi, đi mãi, chàng tới một vùng bán sơn hải kỳ ảo hữu tình tên là Quỳnh Giao. Những thương thuyền kia tiếp tục hải trình, còn chàng thì neo thuyền ở lại. Sau ba năm tu luyện với một đạo sỹ pháp thuật cao

cường, Chử Đồng Tử đã lĩnh hội được mọi điều căn bản mầu nhiệm của y thuật, nhân thuật và tâm thuật. Đạo sỹ trao cho chàng một cây gậy trúc, một chiếc nón lá và một câu thần chú. Trải qua nhiều giông bão, cuối cùng Chử Đồng Tử trở về an lành bên Tiên Dung.

Trở về với Bối Tự Nhiên, Chử Đồng Tử cùng Tiên Dung tìm chọn một khoảng đất cao rộng. Chàng cầm gậy trúc, đặt nón lên rồi hai người tựa lưng vào nhau, chàng quàng lấy tay khít khao nghiêm cẩn ngồi dưới nón lá che sương để ngủ. Khi họ thức giấc thì thấy mình đang nằm trên một chiếc giường gỗ quý giữa một lầu đài nguy nga. Trong lầu đài có đủ các vật dụng sang trọng mà giản dị. Có cả những tôi trai, tớ gái khỏe mạnh, vui tươi, cả các tướng sỹ oai vệ, không kém một vương triều.

Mấy năm sau, có một bệnh dịch khủng khiếp lan tràn. Người chết ngổn ngang, xóm làng thê thiết. Chử Đồng Tử cùng Tiên Dung đi tới các vùng khổ nạn ấy, dùng gậy thần cải tử hoàn sinh cho rất nhiều người. Song, cây gậy thần của Chử Đồng Tử chỉ có thể đã cứu được người đã chết hẳn, còn vô số những người chưa chết mà chỉ quẫn quại, ngoắc ngoải thì cây gậy của chàng đành bất lực. Quê hương chàng vẫn không thoát khỏi không khí thê lương.

Lúc bấy giờ ở Nam thôn (thuộc xã Đông Tảo, huyện Châu Giang, Hải Hưng ngày nay) có một người con gái mồ côi nhưng được ông bố truyền lại cho thuật chữa bệnh bằng cây lá vườn nhà. Thuốc của nàng không cải tử hoàn sinh mà chỉ chữa được cho những người bệnh ngoắc ngoải. Nàng âm thầm làm phúc và sống mai danh ẩn tích chốn hương thôn. Người ta không hề biết tên nàng, chỉ biết họ nên gọi là nàng Nguyễn. Vợ chồng Chử Đồng Tử biết tiếng nàng, rất mong được gặp nhưng nàng ẩn dật lảng im. Một hôm trên đường đi cứu người chết dịch qua Nam thôn, vợ chồng Chử Đồng Tử gặp một cô thợ cấy đang mài miết với mạ non, bùn ngấu mà vẫn nhìn họ bằng đôi mắt sáng với nụ cười tươi. Chử Đồng Tử liền đọc một câu đối: «Cô thợ cấy thoăn thoắt như người nhật hoa». Cô kia liền đáp ngay: "Cậu cười ngựa rướm rã như hoa mới nở". Chử Đồng Tử bèn tung ra một câu có ý chòng ghẹo. Cô kia cũng đối lại, ý bỡn cợt, bạo dạn ngang tàng. Cảm thấy cô thôn nữ không phải người thường, Tiên Dung hỏi nhỏ chồng: "Chàng có thích cô thợ cấy kia không?". Chử Đồng Tử không trả lời, chỉ túm túm cười. Tiên Dung biết ý, bèn cùng chồng hạ mã, ngỏ ý mời cô thợ cấy về nhà mình bàn chuyện.

Cô thợ cấy đó chính là nàng Nguyễn, sau này trở thành thứ thất của Chử Đồng Tử. Tiên Dung là nàng Tà, nàng Nguyễn là nàng Hữu, còn Chử Đồng Tử thì ở giữa. Từ đó cả ba trở thành ba vị Phúc thần của cả vùng dân cư rộng lớn dọc sông Cái. Họ sống với nhau hòa thuận và thân ái. Những kẻ trước đây bị thất bại trong việc cầu hôn công chúa Tiên Dung luôn luôn theo dõi sự hưng vượng của vợ chồng Chử Đồng Tử với một niềm đố kỵ căm oán dai dẳng. Âm ảnh về việc tuyệt tự đã giầy vò những giấc ngủ khó khăn của Hùng Duệ Vương. Đã thế, những lời gièm pha về việc chẳng mấy chốc chàng rể họ Chử sẽ tiếm ngôi một khi nhà vua băng hà mà vẫn chưa có con trai nối dõi khiến Hùng Duệ Vương nổi giận. Ông ra lệnh trừng phạt cả con rể lẫn con gái mình.

Khi bị triều đình đem quân vây đánh, Chử Đồng Tử và Tiên Dung bảo tùy tùng: "Lẽ nào ta phạt con tôi lại dám tranh hùng tranh bá trong cuộc tương tàn khốc liệt

này!". Nói rồi, Chử Đồng Tử bèn nhắc nón, nhổ gậy; cả lâu đài và quân binh của chàng lập tức biến đi. Khi quân tướng của vua Hùng rút về Phong Châu, lập tức các lâu đài thành quách của vợ chồng chàng lại dựng lên như cũ. Vợ chồng nhà Chử muốn bày tỏ với triều đình lòng trung hiếu và niềm mong mọi hòa bình của họ, nhưng vô hiệu. Sau ba lần như thế, cả ba người quyết định không thể tiếp diễn cuộc phân tranh vô lý. Vào một đêm, lúc gần sáng quân sỹ triều đình đang hò reo công phá lâu đài thì giông tố bỗng nổi lên cuồng loạn, sấm chớp rục rịch trời, Chử Đồng Tử, Tiên Dung và nàng Nguyễn, mỗi người trên một cánh hạc trắng, hướng về phía mặt trời từ từ bay lên cùng lâu đài, thành quách...

Sáng ra người ta thấy nơi lâu đài nhà Chử biến thành một đầm nước mênh mông. Sau này người ta gọi đó là Nhất Dạ Trạch (Đầm Một Đêm). Còn nơi bãi tắm hai người gặp nhau để nên duyên kỳ ngộ được gọi là Bối Tự Nhiên.

Lại nói tiếp, khi tin thắng trận đưa về thì Hùng Duệ Vương đang lâm bệnh nặng. Tuy vậy ông cũng đích thân tới Bối Tự Nhiên và Đầm Nhất Dạ. Bỗng nhiên từ trời cao, một áng mây vàng tung ra một con hạc trắng, thả xuống ngực nhà vua hai dải lụa màu xanh và màu đen. Dải lụa đen là thư của công chúa Tiên Dung. Nàng bày tỏ sự tôn kính của vợ chồng nàng với vua cha, mong nhà vua tha tội và chúc cho đất nước của vua cha được hưng vượng và thái bình muôn thuở. Dải lụa màu xanh là di bút của nàng Nguyễn, chép rõ ràng rành mạch những thang thuốc mà vua cần dùng. Nhà vua giật mình nhớ ra người đàn bà đã từng chữa khỏi bệnh cho ông bằng một bát thuốc trước sự kính phục của các danh y trong triều mà không hề nhận ban thưởng. Thì ra trước đây có lần nhà vua bệnh nặng vợ chồng nhà Chử đã để nàng Nguyễn về Phong Châu chữa bệnh cho ông.

Đọc xong di bút, cảm động trước tấm lòng của con và rể, nhà vua cho lập nên đền thờ hai người ở làng Đa Hòa, ngay gần Bối Tự Nhiên. Và để tri ân nàng Nguyễn, nhà vua xuống chiếu phong cho nàng là Mẫu y thiên hạ và gọi nàng là Tây Sa công chúa. Từ thưở ấy người Việt ở dọc vùng sông Cái kể cho nhau nghe mãi không chán về thiên tình sử ấy và cho đến tận bây giờ vẫn được coi là mối tình đẹp nhất thế gian.

Vị trí của truyền thuyết Chử Đồng Tử

Truyền thuyết Chử Đồng Tử có một vị trí đặc biệt trong hệ thống sáu truyền thuyết tiêu biểu về thời các vua Hùng. Đó là:

Chử Đồng Tử
Lang Liêu
Mai An Tiêm
Tân và Lang
Phù Đổng Thiên Vương
An Dương Vương

Chẳng phải vô cơ mà có sự xấp xệ đặt trên. Phải chăng thứ tự đó biểu lộ diễn tiến của hai thời kỳ: dựng nước và giữ nước?

Truyền thuyết Mai An Tiêm kể về người con trai út của vua Hùng, tuy nghèo khó nhưng hiếu thảo và thông minh trong việc sáng tạo ra bánh chưng bánh dày, một sản phẩm vật chất vừa mang ý nghĩa văn hóa vừa chứa

đựng một tinh thần triết học sâu sắc của người Việt. Còn Mai An Tiêm, nhân vật chính của sự tích quả dưa đỏ, đã phủ nhận quyền lực của vua chúa bằng ý chí và nghị lực của chính mình. Chàng đã tồn sinh một cách quả cảm trong tình thế khắc nghiệt, khốn cùng để chứng tỏ tương lai chàng là do quá khứ của chàng định đoạt chứ không phải do một thứ quyền uy nào.

Cuộc hôn nhân trong truyền thuyết Tân và Lang (sự tích trâu, cau) tan vỡ thảm thương. Từ chỗ trân trọng lẫn nhau đến chỗ đau đớn vì ngộ nhận tình ái, số phận Tân, Lang và người phụ nữ thủy chung son sắt kia đã gắn bó với nhau trong hình tượng miêng trâu lịch sử để bị kịch của họ trở thành bài học sâu xa trong đời sống cộng sinh tưởng như giản dị mà phức tạp.

Hai truyền thuyết Phù Đổng Thiên Vương và An Dương Vương thì kể về những bậc anh hùng trong chiến trận. Đó là hai thiên anh hùng ca bi tráng phản ánh một cách kỳ vĩ và sinh động cái cốt lõi của cuộc đấu tranh giữ nước trong buổi bình minh lịch sử. Thánh Gióng thắng trận xong thì bay về trời cùng thiết mã. An Dương Vương vỡ thành xé ruột chém con, cầm sừng dê bảy tấc rẽ sóng trở về sứ sở của thần Thanh Giang, dẫu rằng có lịch sử Loa Thành của Mỵ Châu, Trọng Thủy, song chủ đề chính của hai truyền thuyết trên vẫn là chiến trận.

Như thế, riêng chỉ có truyền thuyết Chử Đồng Tử là hoàn toàn kể về tình yêu. Đã có biết bao nhiêu thiên tình sử làm xúc động lòng người được tàng trữ trong ký ức của các dân tộc trên trái đất, nhưng quả thật, khó lòng mà tìm thấy trong các dòng sông truyền thuyết dân gian nào một chuyện tình mà trong đó các hình tượng chủ yếu lại có những phẩm chất và năng lực đặc biệt như Chử Đồng Tử và Tiên Dung.

Truyền thuyết này đã được đưa vào tập sách có tên là Tình sử Việt Nam và còn được đưa vào quốc sử. Trong Đại Việt quốc sử diễn ca, án sát Lê Ngô Cát đã dành nhiều câu thơ để ghi lại chuyện tình kỳ diệu của công chúa Tiên Dung:

*Tiên Dung gặp buổi đi chơi
Gió đưa đặng các bướm xuôi Nhị hà,
Chử Đồng Tử ẩn dưới bình sa
Hay đâu gặp gỡ lại là tíc duyên.
Thừa lương nàng mới dừng thuyền
Vây màn tắm mát ở liền bến sông
Người thực nữ, kẻ tiên đồng
Tình cờ ai biết vợ chồng duyên ư.*

Sức sống mãnh liệt của truyền thuyết

Như rất nhiều truyền thuyết dân gian khác, thiên tình sử kỳ diệu giữa Chử Đồng Tử và công chúa Tiên Dung đã được bảo tồn và lưu truyền qua trí nhớ và miệng kể của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều thời nên tình tiết lắm khi rất linh hoạt, có rất nhiều biến thể, dị bản nhưng cũng có những tình tiết dường như bất biến.

Từ lâu rồi hình tượng Chử Đồng Tử và công chúa Tiên Dung đã biểu hiện trong tâm linh người Việt ở dọc sông Cái một vị phúc thần. Dân gian kể lại rằng: thời Triệu Quang Phục (546-557), để chống lại quân Lương, nhà vua tự xưng là Triệu Việt Vương đóng quân ở vùng Dạ Trạch nên dân chúng gọi ông là Dạ Trạch Vương. Khi bị quân giặc vây hãm nguy cấp, Triệu Việt Vương thiết

đàn cầu thần cứu giúp. Lời cầu chưa dứt thì một vị thần cưỡi rồng hiển hiện, xưng là Chử Đồng Tử và đưa cho Triệu Việt Vương một cái vuốt rồng, dặn rằng: "Nhà ngươi cầm cái vuốt rồng này lên chỏm mũ đầu mâu thì đi đến đâu giặc tan đến đấy". Nói xong thần cưỡi rồng bay vút lên trời. Triệu Việt Vương theo lời dặn, thấy sức khỏe tăng lên bội phần, trí óc sáng suốt, linh hoạt. Ông đóng quân ở đầm Nhất Dạ, lợi dụng địa thế hiểm yếu, dùng thuyền độc mộc đánh bại quân Lương, khiến cho tướng nhà Lương là Trần Bá Tiên phải than rằng: "Nơi đây xưa là đầm một đêm bay vút lên trời, nay là đầm một đêm đánh lui ta!".

Tương truyền Nguyễn Trãi cũng đã đến cầu mộng ở đầm Dạ Trạch trước khi vào Lam Sơn tụ nghĩa dưới cờ Lê Lợi. Bài văn Nguyễn Trãi cầu mộng ở đầm Dạ Trạch chúng tôi đã chép được từ cuốn Tích Khang đường phả kỳ, gia phả họ Nguyễn Như Soạn, người con trai đầu của ông Nguyễn Phi Khanh ở Thanh Hóa.

Trong chuyện Trạng Lợn, hồi thứ chín có ghi lại cảnh Chử Đồng Tử hiện lên trong vóc dáng một ông già quắc thước truyền phép tiên cho Trạng Lợn. Khi Trạng sụp lạy hỏi tên, ông cụ cười mà nói:

*Minh còn phải hỏi chi ta
Kiếp xưa âu đấy cũng là kiếp tiên
Ai ơi đã muốn biết tên
Mai sau hỏi Bối Tự Nhiên ấy là...*

Đến hồi thứ 19 thì Trạng Lợn lại gặp Chử Đồng Tử hiển linh:

*Cao trí sĩ phụng chỉ gia phong,
Bối Tự Nhiên gặp Tiên được phép.*

Khi Trạng Lợn chạy đến bến Tự Nhiên theo lời người lái đò thì ông già nọ đã mất hút trong ngàn lau hoang vu.

Những hình tượng nghệ thuật đặc sắc Những nhân cách lớn lao

Cho tới nay, truyền thuyết đã được in trong các tập sách. Đã thành văn bản trong các giáo trình, các tập tư liệu văn học dân gian để sử dụng ở các trường học. Chắc chắn rồi sẽ được phục hiện trong nhiều hình thức khác nữa như sân khấu hoặc điện ảnh.

Ngoài việc được lưu truyền bằng văn xuôi, văn vần, bằng sự lưu trữ trong gia phả, truyền thuyết Chử Đồng Tử còn được bảo tồn trong một hệ thống kiến trúc Am, Đền thờ rộng lớn gồm đền chính Đa Hòa và hơn 70 đền thờ Vọng ở các nơi; mà theo truyền thuyết là có lưu giữ dấu tích của Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa.

Đã từ lâu rồi, nước Việt ta có bốn đền thờ đặc biệt được nhiều người đến lễ bái, cầu nguyện, tôn thờ gọi là Tứ Bất Tử. Bốn đền thờ đó là: Đền thờ Chử Đồng Tử ở thôn Đa Hòa (thuộc xã Bình Minh, huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng); đền thờ Thánh Tản Viên ở huyện Bất Bạt (tỉnh Hà Sơn Bình); đền thờ Phù Đổng Thiên Vương ở huyện Tiên Du (tỉnh Hà Bắc) và đền thờ công chúa Liễu Hạnh ở tỉnh Thanh Hóa.

Thiết nghĩ không phải vô cơ mà đền Đa Hòa lại được người Việt dân gian coi là một trong bốn đền thờ thuộc vào Tứ Bất Tử. Sự ái mộ và tôn kính của nhân dân đối

với hình tượng Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa và Tây Sa công chúa không phải là sự sùng bái những quyền lực siêu nhiên mà là sự ngưỡng vọng tới những con người hiền minh và nhân đức của đời sống thế tục. Bản chất của sự ngưỡng vọng ấy là ý chí hướng thiện, là những khát vọng đạo đức thâm kín sinh thành trong cuộc hành hương khổ liệt tới cõi thiên của từng cá nhân. Tiểu sử, lai lịch, địa điểm, sinh tồn, nơi xảy ra các hành vi chính yếu, các công tích quan trọng nhất của các nhân vật trong truyền thuyết đều được nhân dân giữ vững tính cụ thể lịch sử với những tên làng, tên đất rất chính xác. Có thể nói Công Chúa Tiên Dung, Chử Đồng Tử và nàng Nguyễn trong cái nhìn tôn thờ của nhân dân là những anh hùng đã có công lập đức bằng những hành động tự nguyện tự giác vì những lợi ích của chính họ và của những người xung quanh.

Công chúa Tiên Dung, nhân vật chính của truyền thuyết là một thiếu nữ có bản lĩnh và khí chất khác thường. Nếu như nàng chỉ là một nhi nữ thường tình thì hẳn nàng đã yên bề gia thất trong hoàng cung với một bậc uy quyền sang trọng nào đó. Nhưng nàng lại là một kỳ nữ. Nàng có niềm sinh thú thanh cao. Nàng có nỗi khát khao tìm kiếm sự giao cảm giữa bàn ngã với vẻ đẹp của đất trời, của sông núi. Chính cái đam mê du ngoạn ấy đẩy nàng tới cái vùng đất ngoạn mục mà lâm than của Chử Đồng Tử. Và rồi có ai xui nàng quây màn tấm mát (ngự dội) vào đúng cái nơi chàng trai nghèo khó ấy đang nấu mình! Ngược lại, nếu không vì chữ hiếu thì Chử Đồng Tử đâu phải lâm vào cảnh phải lấy cỏ cây cát trắng để che thân. Như vậy, thực chất cuộc kỳ ngộ của công chúa Tiên Dung và Chử Đồng Tử là một tình huống tất yếu. Cái tất yếu ấy nhân gian gọi là thiên duyên, là định mệnh. Sự lựa chọn và tình thần tự quyết của công chúa Tiên Dung trong việc đưa Chử Đồng Tử xuống thuyền để mở tiệc ăn mừng và làm lễ cưới ngay trên mặt sóng đã chứng tỏ dù mới 18 tuổi nhưng nàng đây bản lĩnh, có một tâm hồn tự do, khoáng đạt. Đối mặt với Chử Đồng Tử giữa cỏ hoa và cát trắng, công chúa Tiên Dung cảm thấy có một cái gì đó không công bằng khi so sánh hai số phận. Sự tự quyết, cái nhân chủ trong ý thức nàng thực chất là kết quả của khát vọng về một sự công bằng. Đó chính là tình cảm đạo đức đầu tiên mà loài người có được để đối xử với cái thói xấu đầu tiên, cái ác đầu tiên (cũng do chính nó sinh ra) là sự bất công. Bởi vậy, hành vi của nàng lúc ấy có vẻ vô đạo với vua cha, nhưng lại chính là hành vi đạo đức trong một cái nhìn vũ trụ. Bởi động cơ của sự lựa chọn ấy là hướng tới sự giao cảm, giao lưu, hướng tới cái thiện. Trong mọi tình huống, nàng luôn luôn cố gắng ứng xử một cách minh triết để đạt tới thực tiễn hài hòa với một tinh thần hướng thiện mạnh mẽ, sâu sắc.

Cuộc chinh phạt của Hùng Duệ Vương đối với con gái là một tình huống đặc biệt khổ liệt mà ở đó, cách ứng xử của Tiên Dung đã tỏ rõ tấm lòng hiền thảo và sự minh triết của trái tim nàng. Nàng cùng với nàng Hữu (Nàng Nguyễn) và Chử Đồng Tử đã tránh né giao tranh tới ba lần. Nàng chọn cách cưỡi hạc bay lên trời để hóa giải cuộc chiến do tình sử của nàng mà bùng nổ. Rất cuộc, cái chết đẹp như quy tiên của nàng đã trở thành hành vi hướng thiện cuối cùng.

Chử Đồng Tử trong truyền thuyết là một con người có dung mạo đẹp đẽ khác thường, có sức khỏe, nghị lực và ý chí. Trong tâm tưởng của nhiều người, Chử Đồng

Tử là biểu tượng của sự khốn cùng mặc dù điều nổi trội ở chàng là đức hạnh và sự thông thái. Chàng nghèo đến mức không ai có thể nghèo hơn về mặt của cải vật chất, nhưng về mặt trí tuệ tinh thần thì chàng giàu có như một ông vua hiền minh. Dấu hiệu đầu tiên là sự chính tâm thành ý của chàng, chàng đã tự bạch đời mình không chút quanh co, giấu giếm. Và cuộc hôn nhân giữa chàng với công chúa Tiên Dung đã diễn ra như giấc mộng:

*Buổi sáng ấy mây bay quên gió thổi
Cát sông Hồng trắng hết với thời gian.
Buổi sáng ấy đất đai là giường cưới,
Lá lau tơi che khuất cả ngai vàng.
(Vũ Đức Đạt)*

Đổi theo toàn bộ hành vi Chử Đồng Tử, chúng ta thấy mục đích của đời chàng không phải chỉ tạo nên nhiều của cải vật chất cho bố thuở hai cha con chỉ có một cái khổ. Cứ theo sự tích thì Chử Đồng Tử có thừa điều kiện để trở thành một thương nhân, nhưng rồi cuộc chàng lại tu luyện phép thuật và được đạo sỹ ban cho cây gậy cùng cái nón. Đó là những linh vật thần kỳ, biểu tượng cho một năng lực sáng tạo phi thường, một bản lĩnh thông tuệ có khả năng cứu nhân độ thế. Việc chàng nhường manh khổ duy nhất cho cha, việc chàng tu luyện thành đạt pháp thuật, việc chàng nàng Tả và nàng Hữu cứu dân, giúp dân trồng dâu nuôi tằm, giữ gìn chữ hiếu, chữ trung trong cái đêm giã biệt ở đầm Nhất Dạ đã khẳng định nhân cách lớn lao của Chử Đồng Tử.

Trong lúc Tiên Dung công chúa và Chử Đồng Tử đã nổi tiếng với phép thuật cải tử hoàn sinh thì nàng Nguyễn vẫn ẩn dật an hành với y thuật của nàng. Y thuật của nàng Nguyễn chính là y thuật của dân gian bổ xung vào chỗ khiếm khuyết của Chử Đồng Tử. Hầu như trong các văn bản của giáo trình văn học dân gian người ta ít nói đến việc Chử Đồng Tử có hai vợ: nàng Tả và nàng Hữu; song người dân ở vùng Đa Hòa, Dạ Trạch thì luôn luôn lưu giữ cả ba hình tượng lớn lao đẹp đẽ ấy trong tâm tưởng.

Chu Mạnh Trinh, người kể lại truyền thuyết bằng nghệ thuật Kiến trúc

Là sản phẩm của trí tuệ dân gian, ngoài việc được bảo tồn và lưu truyền qua trí nhớ, miệng kể, văn bản in ấn, viết tay của nhiều thời đại; truyền thuyết Chử Đồng Tử còn được cô đọng thành những thực thể kiến trúc và các hình thức sinh hoạt lễ hội dân gian ở Đa Hòa, ở đầm Dạ Trạch, bãi Tự Nhiên. Trong nhị cung của đền Đa Hòa hiện nay, dân gian dành riêng một bát hương, một bàn thờ cho cụ án họ Chu. Bát hương này đối xứng với bàn thờ vị thần bảo hộ ngôi đền.

Cụ án họ Chu chính là Tiến sỹ Chu Mạnh Trinh, người đứng ra trực tiếp vận động nhân tài, vật lực của nhân dân tham thôn ở tổng Mễ Sở (thuộc huyện Châu Giang ngày nay) và thập phương công đức để trực tiếp điều hành, hưng công xây dựng và tôn tạo đền Đa Hòa với một quy mô lớn trên nền đền cổ. Công việc bắt đầu từ năm 1894 đến 1895 thì hoàn thành. Năm ấy, tuy mới 32 tuổi nhưng Chu Mạnh Trinh đã nức tiếng là một trí thức phong lưu tài tử.

Chu Mạnh Trinh tự là Cận Thần, hiệu là Trúc Vân, người làng Phú Thị, tổng Mễ Sở, huyện Đông Yên, phủ

Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cũ (nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng). Ông sinh năm 1862, trong một gia đình dòng dõi nho gia đương lúc phong lưu hiển đạt. Thân phụ ông là Chu Duy Tính, từng làm đến chức ngự sử. Thuở nhỏ, Chu Mạnh Trinh học cha. Lớn lên, ông theo học cụ Phan Huy Liệu. Năm 19 tuổi đỗ tú tài 25 tuổi đậu giải nguyên. Năm 31 tuổi đỗ tam giáp tiến sỹ niên hiệu Thành Thái thứ tư (1892) nên đương thời gọi ông là ông Nghè Phú Thị. Sau khi đỗ tiến sỹ, Chu Mạnh Trinh được bổ làm tri phủ huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam. Tại đây, tinh thần công minh chính trực của ông đã được dân chúng truyền tụng và ngưỡng mộ. Có lần Chu Mạnh Trinh đã nọc một thầy tu áo đen ra trước công đường răn dạy hấn bằng roi vì hấn đã cậy thế người Pháp để hà hiếp dân lành bản xứ. Làm tri phủ ít lâu, ông xin về quê để cư tang thân phụ. Mãn tang, ông được thăng chức án sát các tỉnh Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên. Ông nổi tiếng là người giỏi cờ, đàn hay, thơ văn xuất sắc và chữ đẹp nức tiếng xa gần. Vốn là người ưa ngâm vịnh, yêu thiên nhiên, ông đã thăm viếng, du ngoạn không sót một danh lam thắng cảnh nào của đất nước. Chu Mạnh Trinh đã có công khởi dựng, trùng tu nhiều đền chùa. Đền Đa Hòa và chùa Thiên Trù là những công trình lớn mà ông dồn nhiều tâm lực khởi tạo và tôn tạo. Cho tới nay, các bậc cao niên, trưởng lão vùng Châu Giang vẫn nhớ hình ảnh ông án sát họ Chu đội nón lông chim trắng, mặc áo gấm lam và cưỡi con ngựa hồng sẫm màu hoa lau non rong ruổi đó đây. Nho giáo trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX tuy vẫn là dòng tư tưởng chính thống, nhưng thực chất các Nho sỹ đã không còn đủ sức để ổn định xã hội nữa. Thế nhưng họ vẫn là một lực lượng ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống thôn làng, là những người bắc cầu cho đạo đức Nho giáo với đời sống dân dã bằng nhiều hình thức. Chu Mạnh Trinh là một trong những Nho sỹ quý tộc biết sử dụng quyền lực từ vị trí chính trị đương nhiệm của mình để có những hoạt động xã hội mang lại ảnh hưởng tích cực đến đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Khu di tích Đa Hòa

Khu di tích Đa Hòa nằm ngay bên sông Hồng, cách Thăng Long chừng 20 km về phía Nam. Tổng thể kiến trúc được xây dựng trên một khu đất cao rộng bằng phẳng hình chữ nhật có tổng diện tích khoảng 17.720 mét vuông, bao gồm 18 nóc. Nếu từ trên cao nhìn xuống ta sẽ thấy các nóc đền quần hợp lại trông giống như một đoàn du thuyền đang dập dềnh trên sóng nước, sóng cây. Người ta bảo rằng ông án họ Chu có ý tạo hình khu đền giống như đoàn du thuyền của nàng Tiên Dung 18 tuổi, con gái của vua Hùng Vương thứ 18. Tôi đã nghe ai đó nói về những huyền số của người Việt Nam trong đó có con số 18. Cửa chính của đền Đa Hòa, của nhà Bia quay về hướng chính Tây, rọi thẳng sang bãi Tự Nhiên ở bên kia sông Hồng, nơi công chúa Tiên Dung và Chử Đồng Tử đã kỳ ngộ tử thiêu hồng hoang.

Có thể chia khu di tích Đa Hòa thành ba khu vực: Khu Ngoài, khu Giữa và khu Trong. Khu Ngoài rộng khoảng 7.200 mét vuông, không có tường bao, trọng tâm là nhà Bia, hai tầng, tám mái uy nghi soi mình trên mặt nước. Thuyền xuôi ngược trên sông Hồng chỉ cần áp bờ một chút là có thể đọc rõ ba chữ Trấn Giang Lâu (chữ của Chu Mạnh Trinh) trước cửa nhà Bia. Xa xưa, khách

sông hồ, người lữ thứ thường dừng thuyền nơi bến Trấn Giang Lâu, lên bờ chiêu hưởng chúc thánh để cầu nguyện an lành, may mắn.

Từ nhà Bia, dưới những vòm cổ thụ xum xuê xanh tốt, là một con đường lát gạch rộng khoảng 6 mét chạy thẳng tới cổng chính. Hai bên là hai hàng cây gạo cổ thụ, có lẽ được trồng từ ngày dựng đền. Mỗi năm vào kỳ hội đền, hoa gạo đỏ rực lung linh như những đèn lửa soi đường cho khách thập phương. Quây quần ở ngoài những cây gạo cổ thụ ấy là những vòm nhãn xanh tốt tỏa bóng mát ưu tư lên ngày tháng chờ che cho những túp lều quán uyên ương san sát muôn màu. Những ngày nắng, những đêm trăng và cả những khi giông gió mù sương, đứng trên con đường thoáng rộng ấy mà dõi trông sang bãi Tự Nhiên, dù ở tuổi nào ta cũng có cảm giác có một cõi sống nào đó vừa mênh mông hư ảo, vừa cụ thể rõ ràng, vừa lặng lẽ lại vừa náo nhiệt cứ trào dâng, cứ bất ngát trong lòng.

Khu Giữa của thắng cảnh Đa Hòa rộng chừng 4.300 mét vuông. Dưới những vòm đa, sưa, nhãn um tùm lá biếc, con đường lát gạch được mở rộng thành tám mét nối tiếp từ hai cột trụ cổng chính vào thắng Ngộ Môn. Chạy dọc hai cột trụ là hai vế đối của một tác giả vô danh. Hai bên là gác chuông và gác khánh xây trên nền gạch cao 2 mét để chứa hai bảo vật. Bốn mặt gác chuông và gác khánh ngày đêm lộng gió. Từ đây vào những giờ khắc đã định, chuông khánh vẫn ngân vang. Ngộ Môn gồm ba cửa. Cửa chính là tòa nhà ba gian cao rộng, trước cửa treo bức đại tự Bông Lai Cung Quyết sơn son thếp vàng, cánh cửa bằng gỗ lim, chỉ mở toang vào những ngày đại lễ. Còn hai cửa phụ thì thường xuyên rộng mở đón khách xa gần đến tham quan thường nhật. Khu trong của thắng cảnh được xây theo các cung thờ, kiến trúc của cung đình thời Nguyễn. Thứ tự lớp lang từ ngoài vào trong như sau: sân Đại, nhà Đại Tế, tòa Thiên Hương, Đệ Nhị cung, Đệ Tam cung và Hậu cung. Nối liền các cung, các nóc đền là các gian nhà Thảo Xá, Thảo Bạt, Nhà Ngựa, Nhà Pháo, và Sân Châu. Trung tâm của khu Trong đồng thời cũng là trung tâm của khu đền chính là tòa Thiên Hương cao thoáng, trang nghiêm, hai tầng, tám mái được đỡ bởi tám cột gỗ ở bốn góc với những con dơi, con vạc, những đầu đao, bộ nóc chạm trổ tinh vi, trang trí kỳ khu, sắc màu rực rỡ.

Trên nóc tòa Thiên Hương là một bức đại tự ba chữ Giao Quang Các. Bên trong là câu đối của Tuyết Lâm Ngụy Ứng (Tri phủ Khoái Châu) đề mùa thu năm Canh Thân, 1920:

Hóa cảnh thị hà niên, tự nhiên vi châu, nhất dạ thành trạch

Kỳ duyên khoáng thiên cổ, nhân gian phụ phụ, thiên thượng thần tiên.

(Cảnh đẹp được hóa ra bên bờ sông, bãi cát thành châu ngọc, một đêm thành thành đầm nước.

Ngàn năm trước có mỗi duyên kỳ ngộ, dưới trần là vợ chồng, trên trời là thần thánh).

Trong nhà Đại Tế còn có câu câu đối của Chu Mạnh Trinh và rất nhiều câu đối của các tác giả khác.

Khu di tích biểu hiện rất rõ sự dung hòa tổng hợp Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo. Song, tất cả biểu hiện ấy chỉ tồn tại một cách hình thức. Đi sâu vào bản chất, người nghiên cứu am tường sẽ nhận ra rằng, người Việt chưa hề bao giờ chuyên chú tới một tôn giáo nào thật thâm sâu ngoại trừ sự tôn thờ đạo Nhân - đạo sống tôn

thờ con người tổ tiên của mình. Ngự trên đệ tam cung là linh tượng Chử Đồng Tử chính giữa, linh tượng công chúa Tiên Dung ở bên tả, linh tượng công chúa Tây Sa ở bên hữu. Về mặt nàng Hữu, nàng Tả toát ra sự an lạc, điềm nhiên. Về mặt Chử Đồng Tử tỏa sáng một nụ cười hóm hỉnh đượm màu hiền triết. Trải qua những biến thiên dữ dội của thời gian, khu di tích Đa Hòa đã nhiều lần bị thương tổn. Khu nhà Bia bị thực dân Pháp tàn phá. Nhiều du kích quân bị Pháp treo cổ ở đó để thị uy. Năm 1968, bom Mỹ đã đánh sập hậu cung, phá hủy năm nóc đền và làm hư hỏng nhiều nơi. Cùng năm một cơn bão lớn cũng tiếp tay phá hoại.

Năm 1971, một trận lụt lớn xảy ra, các bàn thờ bệ tượng, các bảo vật bị nước cuốn trôi lênh bênh. Dân trong vùng đã cố gắng tìm vớt, cất giữ, bảo quản. Do đó mà họ bị chính quyền xã phê bình, kỷ luật vì can tội mê tín dị đoan, tàng trữ, cất giấu đồ thờ, tượng thờ, đăm mê những trò duy tâm chủ nghĩa. Năm 1987, tôi đã trực tiếp điền dã, gặp người làng Đa Hòa sưu tầm gia phả, tư liệu liên quan đến truyền thuyết. Gặp và trò chuyện được với một ông già tập tễnh có biệt danh là Tôn Tấn. Ông chính là người đã lao tâm khổ tứ một thời gian dài chịu đựng sự phê bình trù úm của chính quyền vì can tội vớt giữ tượng thờ, bảo quản bát hương, bảo vật. May mà lòng dân như đất thắm, sức dân như nước lớn, thập phương công đức tự nguyện cùng nhau góp sức nên từ năm 1986 cung thờ Chử Đồng Tử, gác Chuông, gác Khánh, nhà Đại Tế, Ngọ Môn, nhà Bia đã được trùng tu.

Từ đền chính Đa Hòa đi chừng hai cây số thì đến đầm Nhất Dạ. Theo truyền thuyết và lịch sử thì đầm này rất rộng, chiếm một phần lớn diện tích tỉnh Hưng Yên xưa, nay chỉ còn là một hồ nước rộng, xanh biếc quanh năm nằm ngay cạnh chân đê và mở ra giữa cánh đồng bát ngát. Cạnh đầm là một ngôi đền thờ dựng nên để kỷ niệm ngày Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa và nàng Nguyễn cưỡi hạc về trời.

Từ Đa Hòa về thôn Chử Xá thuộc xã Vân Đức (trước thuộc Hưng Yên nay cắt về Hà Nội) khoảng 8 km là nơi sinh của Chử Đồng Tử. Thần phả trong làng còn ghi lại chuyện này. Chử Xá còn có khu lăng mộ của ông Chử Cù Vân và bà Bùi Thị Gia, dân thường gọi là là lăng mộ của Thánh Phụ và Thánh Mẫu.

Cũng từ Đa Hòa đi thêm hai cây số nữa là đến làng Đông Tảo. Tại đây có đền thờ bà Nguyễn (Tây Sa công chúa).

Từ Trấn Giang Lâu, chính điện đền Đa Hòa nhìn về phía Tây là bãi cát nổi nằm kề dòng sông tình sử, dài chừng vài trăm mét. Bãi cát long lanh từ mép nước đê sông Hồng vào những ngày nắng gắt, kề bên một đường cỏ xanh tím tấp chân trời, cho tới bây giờ vẫn giữ nguyên vẻ đẹp mênh mang hoang dại buổi hồng hoang. Đó chính là Bãi Tự Nhiên.

Hầu như tất cả các điểm di tích quan trọng đều vây quanh quanh đền Đa Hòa. Từ Đa Hòa tỏa ra, từ quanh đó dồn lại, tạo nên một quần thể di tích khiêm cung, ngoạn mục và đầy tâm cảm, hồi ức.

Hiện nay khu đền Đa Hòa còn bảo tồn được nhiều báu vật, di sản bằng gỗ quý, bằng đồng đúc biểu lộ năng lực tạo hình vô cùng tài hoa của các nghệ nhân dân gian Việt Nam.

Những ngày lễ hội ở Đa Hòa

Tương truyền hàng năm, từ xa xưa, Đa Hòa đã có lễ hội vào những ngày sau:

- Ngày 4 tháng Giêng: sinh nhật Tiên Dung công chúa.
- Ngày 10 tháng Hai: sinh nhật nàng Nguyễn.
- Ngày 1 tháng Tư: ngày Ngự Dội, công chúa đến Bãi Tự Nhiên tắm mát, tình cờ gặp Chử Đồng Tử.
- Ngày 2 tháng Năm: giỗ quan Thành Hoàng bản thổ.
- Ngày 12 tháng Sáu: giỗ Thánh Mẫu (Ngày bà Bùi Thị Gia lia trần).
- Ngày 12 tháng Tám: làm cỗ thi mừng sinh nhật Chử Đồng Tử.
- Ngày 10 tháng Mười: giỗ Thánh Phụ tức là ngày ông Chử Cù Vân an thổ nơi hoàng tuyền cùng với cái khổ duy nhất của hai cha con.
- Ngày 17 tháng Mười Một: tam vị đồng hóa, tức là ngày Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa và nàng Nguyễn cưỡi hạc quy tiên.

Tất cả những ngày lễ trên đều được ghi chép, giữ gìn cẩn thận trong Thần phả ở thôn Chử Xá.

Ngày xưa, cứ ba năm một lần đền Đa Hòa mở hội vào tuần cuối của tháng Ba âm lịch gọi là lễ Kỳ Yên. Và không một lần hội lễ đền nào lại vắng màu áo gấm lam với mũ lông chim trắng của quan án họ Chu. Bậc hiền giả ấy thường bồng bênh trên khoang thuyền nhỏ ngoài Trấn Giang Lâu với cầm, kỳ, thi, tửu. Lúc cao hứng Trúc Vân (tên hiệu của Chu Mạnh Trinh) thi sĩ lên bờ, lang thang giữa sân Đại, sân Châu. Ông thường thích xem đánh cờ người. Thấy quân cờ nào xinh đẹp, dễ ưa là ông ngỏ ý mời xuống thuyền để chuyện trò, xướng họa. Thuở đó, nhà nào có con gái đẹp được góp mặt trong bàn cờ người của hội đền là điều rất vinh hạnh. Hễ ái nữ nhà ai được đứng ở vị trí Tướng thì nhà đó sẵn sàng đứng ra khao quân sau cuộc giao đấu bất kể nàng là tướng của phe thua hay phe thắng. Hội đền còn có múa rồng đầu vật, đánh gậy, thi thơ và đặc biệt là các cô gái đẹp được cử ra bơi thuyền rước kiệu ra tận Bãi Tự Nhiên, vừa đi vừa tắm cho kiệu để tưởng nhớ ngày công chúa tắm. Tôi được biết và được đọc trực tiếp khá nhiều thơ của các thi sĩ tên tuổi cũng như vô danh, ca ngợi, ngâm vịnh tỏ bày về mối tình của các bậc tiền nhân đã hiển thánh.

Sau chuyến điền dã tới Đa Hòa tháng 10 năm 1987, trước khi rời biệt tôi đã được phép lưu bút trong sổ lưu niệm của đền. Lưu bút ấy là bài thơ Viết ở đền Đa Hòa, mà hai câu cuối là tiếng kêu thầm thì của riêng tôi:

*Hương dâng rượu đậm từng đêm
Đời không tình sử, người quên làm người!*

Hồi ấy tôi đã sưu tầm và tuyển chọn được 18 bài thơ nói về truyền thuyết và di tích của mỗi tỉnh Chử Đồng Tử và Tiên Dung. Có thơ của người đã ngoài 70 và cũng có thơ của người mới biết yêu. Giản dị và thiêng liên biết bao những khát vọng của con người tự thuở xa xưa cho đến tận bây giờ! Người ta vẫn cứ khao khát tình yêu, khao khát tự do, khao khát sự bất tử, phục sinh, khao khát thoát ra khỏi nỗi dờ sống, dờ chết, nỗi quặn quại không tên.

Trong chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, có nhiều điều không thể nói ra bằng chính sử thì người Việt đã diễn đạt bằng huyền sử và khi cần phải trình bày những nỗi éo le, những điều huyền nhiệm thì người ta lại truyền thông cho nhau bằng dã sử. Huyền sử mẹ Âu cơ nói: Mẹ đẻ bọc trứng nở ra trăm con, mà con nào con nấy đều phương trưởng cả; nghĩa là con nào cũng được

hưởng bình đẳng, tự do và được quyền làm người hết cỡ gọi là tới được Nhân Chủ, là ngang với Trời Đất (Vị trí Việt linh giữa lòng Đông Á - Kim Định). Thế nhưng cùng với đông đảo đồng loại của mình, người Việt đã bị cuốn hút vào cuộc binh đao không thể cưỡng do văn hóa Tây phương mang lại, thứ văn hóa chia thể gian làm hai mảng, thống trị và bị thống trị; chia đất nước thành hai giai cấp, bên chủ bên nô, bên tư sản, bên vô sản; chia gia tộc thành quân Ta - quân Địch...

Có lẽ chẳng có nghĩa lý gì nếu ta nhấn mạnh và nhắc lại hơn một lần nguồn gốc và thành phần xã hội của ba đảng Thánh nhân trên: Tại sao một người là công chúa (thành phần quý tộc), một người không có cái khổ mà mặc (vô sản), và một lê dân thạo nghề thuốc nam (nàng Nguyễn) lại có thể trở thành một liên minh trong mọi ứng xử như vậy? Nên nhắc lại là nụ cười diễm nhiên và an lạc của các bậc Thánh nhân ấy. Chúng ta cần phải bình thản trong đón đầu để đồng thuận với nhau rằng: Sự lầm lạc của xứ sở ta bắt đầu vào lúc một số trí thức sau khi xuất dương trở về đã phân chia đất nước quê hương mình thành nhiều giai cấp, nhiều thành phần; phân chia gia tộc thành phe này phái nọ; không phải để hiểu biết, hỗ tương trong mọi nỗ lực hầu tìm cho ra hạnh phúc mà là để tranh đấu một mất một còn, tương tàn hủy diệt. Rốt cuộc của sự lầm lạc tri thức ấy là Việt tộc chia thành hai phe: Quốc gia với Cộng sản. Phe nào cũng hát mẹ Âu Cơ và chẳng phe nào quên ngày Giỗ Tổ Hùng Vương. Cả hai phe đều nhân danh xứ sở của tổ tiên để xử dụng một cách khôn khéo kỹ thuật quân sự hiện đại của ngoại bang cho việc thôn tính, nô dịch lẫn nhau.

Du thuyền của con cháu Tiên Dung và Chử Đồng Tử và nàng Nguyễn ngày nay không chỉ rong ruổi dọc sông Hồng mà còn khắp các đại dương. Chẳng mấy dòng sông trên các xứ sở của trái đất này lại vắng bóng một kẻ giang hồ mang dòng máu Việt. Mọi biên giới dường như không thể ngăn cản nổi những dự phóng tâm linh cũng như những hành động tâm tình của họ. Mặc dù bầy đoàn còn tán loạn, tâm tư chưa hết ám ảnh quá khứ, những người Việt dường như đã đều nhận ra chân thân cũng như chân tâm của nhau và của chính mình. Nếu các bậc thánh nhân có nguồn gốc từ dòng sông tình sử kia nghe thấu lời bày tỏ của người Việt trong thế kỷ XX, về những kẻ thù mà họ đã đương đầu hẳn sẽ vô cùng ngạc nhiên và khó xử. Nào là thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ, nào là bọn bành trướng bá quyền Trung Quốc, bọn diệt chủng Pol Pot; nào là chủ nghĩa đế quốc phản động ở nước ngoài; nào là chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ...

Họ sẽ càng ngạc nhiên hơn khi hiểu rằng ngay trong khi chiến tranh lạnh, chiến tranh nóng của thế giới lưỡng cực dường như đã kết thúc để nhường không gian và thời gian cho những biến động của thế giới đa cực mà cái lằn ranh quốc cộng, cái vĩ tuyến 17 vẫn được một số người Việt kéo đi khắp các xứ người để tiếp tục cuộc tương tàn vô tích sự mà kết quả sẽ chỉ dẫn đến sự vô sinh cho khát vọng sinh nở những niềm an lạc của một giống nòi đã chịu đựng quá nhiều lầm than tang tóc.

Tôi hằng tin vào sự linh hiển của các bậc thánh nhân mà tôi ngưỡng vọng. Cho nên tôi tin rằng, với sự hồi

thức tâm linh, vẫn còn có những tiếng kêu xé lòng của những con người trước những sự cố, những diễn biến nông nổi của chủ nghĩa thực dụng mù lòa. Chẳng hạn việc nàng Tô Thị ở xứ Lạng đã phải hiến thân cho các vụ nổ mìn để phục vụ kỹ nghệ nung vôi. Và có đến hàng 200 di tích lịch sử ở Hà Nội (loại di tích đã được xếp hạng quốc gia) gồm cả đền chùa, đang có nguy cơ bị nung thành cát khiến cho nhà báo Nguyễn Việt Chiến đã phải kêu trên báo Phụ nữ Việt Nam ngày 16.11.1992: Tô Thị bị nung vôi nơi rừng thẳm đã đành, ở thành thị: Chùa, Đền chẳng lẽ cũng bị nung thành cát hay sao?. Nghe tin Tô Thị bị nung vôi, nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm đã viết bài Vọng như sau:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị nó vừa nung vôi
Ai lên xứ Lạng cùng tôi
Bỏ công tạo hóa khóc người vô duyên
Tay cầm bầu rượu, nắm nem
Giá ăn gỏi được mấy tên giết mìn
Vọng phu thôi chớ ngóng tìm
Trời hun hút thế... đất im lặng buồn!*

Di tích nàng Tô Thị đã vậy, chẳng hiểu vùng Đa Hòa bây giờ ra sao?

Thế Dũng

(Xứ Đông 11.1987- Berlin 11.1993)

Tài liệu tham khảo:

- *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian, Cao Huy Đình, nxb KHXH 1976*
- *Đạo đức học tập I, Bandaelaze, Hoàng Ngọc Hiến dịch, nxb Giáo dục.*
- *Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam tập I Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị, nxb Giáo dục Hà Nội.*
- *Truyện thuyết Hùng Vương, Hội Văn học nghệ thuật Vĩnh Phú 1987*
- *Nhà Chủ, Tiểu thuyết của Tô Hoài.*
- *Văn chương Nguyễn Trãi, Bùi Văn Nguyên, nxb DH VTMCN*
- *Truyện cổ tích Việt Nam, Sách mẹ kể con nghe, nxb Phụ nữ.*
- *Tình Hưng Yên (tư liệu 1A 435 Ban Thông sử Hải Hưng, A. De Miribel)*
- *Truyện Trạng Lợn, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hà Nam Ninh*
- *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý Trần, nxb Khoa học xã hội Hà Nội.*
- *Tìm hiểu các tác giả Hán - Nôm Hải Hưng Ty Văn hóa Hải Hưng, thư viện khoa học tổng hợp 1973, Nguyễn Nhã biên soạn*
- *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm tập I, II nxb Giáo dục 1984, Lê Chí Viễn chủ biên.*
- *Một số tư liệu viết tay của ban tư liệu khu di tích Đa Hòa.*
- *Con người, những ý kiến mới về một đề tài cũ, tập I, II, nxb Sự Thật 1987.*
- *Xúc xắc mùa thu, Thơ Hoàng Nhuận Cầm, nxb Hội Nhà Văn 1992*

Chú Dê con ngôi Cổ Tự



• Song Thư TTH

Ngôi Cổ Tự !

Cổng chùa rêu phong trơ gan cùng tuế nguyệt. Mái chùa cong màu thắm nhuộm phong sương. Cội tùng kia, cây bách đó, trúc lao xao. Vì vu gió áng phù vân bàng bạc...

Tất cả đã nói lên sự cổ kính bao đời; tích tụ khí thiêng trời đất tạo nên vẻ u nhã, trầm mặc. Thi thoảng hòa quyện trong gió, tiếng chuông chùa ngân nga; buổi ban mai sương nhẹ - khi chiều buông nắng tắt, khiến khách vắng lai không khỏi thấy lòng rung động, chơi vơi như thoát tục.

Có lẽ vì tọa lạc một nơi heo hút trên đỉnh núi cheo leo nên cửa chùa chưa đủ thu hút gót chân rộn ràng khách thập phương. Hơn nữa, Sư Ông trụ trì ngôi Cổ Tự vốn là người thâm nghiêm, thích sống ẩn dật mới tìm chốn tĩnh lặng, u nhàn dành những tháng ngày một lòng dốc tâm đánh lễ Di Đà qua lời kinh, tiếng kệ - tiếng mõ, hồi chuông dâng đời nương cửa Phật.

Nhưng đâu mùa xuân năm đó!

Ngôi Cổ Tự bừng sống! Khách thập phương bỗng dập diu như én lượn tìm về ngôi Cổ Tự thấy hội mừng xuân. Trước, dâng hương lễ Phật; sau, thỏa lòng hiếu kỳ về những tin đồn: Ngôi Cổ Tự bỗng xuất hiện một chuyện lạ!

Sự thật người thành tâm đi lễ chùa cũng có, nhưng tự trung số người đông đảo gần xa tò mò đến, mục đích chính vì muốn biết chuyện lạ ấy là gì???

Phải nói rằng, ban đầu chỉ số ít người biết chuyện; rồi một đồn mười, mười đồn trăm... Khổ nỗi họ chỉ nói mập mờ, cổ tình khơi dậy lòng hiếu kỳ của con người, rồi kết luận: Muốn rõ hơn thì cứ đến chùa!!

~

Bắt nguồn câu chuyện từ một ngày lập xuân hơn một năm về trước!

Hôm ấy trời lất phất mưa. Dưới chân núi bỗng xuất hiện hai bóng người đang lầm lũi lần dò con đường mòn trên ngọn núi dẫn lên ngôi Cổ Tự. Họ là cặp vợ chồng độ tuổi trung niên. Trong tay người chồng cầm cái đai da và đầu kia cột tròn vào cổ một con dê. Dù mưa rất nhẹ như những giọt sương mong manh bằng bạc, nhưng người vợ vẫn băng cử chỉ lo lắng cầm chiếc dù che cả cho con dê hết sức chu đáo. Đặc biệt hơn nữa, trên mình con dê được mặc chiếc áo bằng ni màu nâu, có những sọc thanh nhỏ màu kem như những bà nhà giàu vẫn thường trau chuốt cho con chó cưng vậy.

Cả hai vợ chồng nét mặt đều âu sầu, tư lự lặng lẽ kể trước người sau không nói tiếng nào cho đến khi họ lên được đỉnh núi và dừng lại trước cổng chùa. Lúc này cơn mưa phùn vừa dứt. Những đám mây xám trôi giạt đó đây, tan nhanh nhường chỗ cho ánh hồng dương ló dạng; vẽ lên một cầu vồng 7 màu rộng lớn nổi lên hai chân trời. Cảnh sắc rực rỡ trong khuôn viên chùa dưới bầu trời quang đãng vừa được tẩy bụi hồng trần còn đọng những giọt mưa long lanh. Nhưng vợ chồng họ dường như trĩu nặng tâm sự, không lòng dạ ngắm cảnh vật tươi thắm chung quanh ngôi Cổ Tự mà chỉ chú mục tìm xem có ai đó trong chùa để hỏi thăm.

Từ hậu viên ngợp bóng rừng trúc xanh rì tạo thành bức bình phong khổng lồ bao bọc mặt sau ngôi chùa, một chú tiểu trạc tuổi 15 đang đi về hướng hai người. Sau khi nói rõ mục đích và chú tiểu trình với Sư Ông trụ trì, họ được phép diện kiến Sư Ông. Hai vợ chồng dặn dò chú tiểu thật cẩn thận, chăm sóc cho con dê một chỗ ngoài rừng trúc, rồi theo chú quanh những dãy hành lang đến tây phòng dành cho Sư Ông trụ trì.

Cửa mở. Hương trầm thoang thoang nhẹ nhàng trong căn phòng thanh nhã, bày biện gọn gàng. Sư Ông đang tĩnh tọa trên bồ đoàn nhắm hờ đôi mắt. Thần sắc trang nghiêm, gương mặt hiền hòa với những nếp nhăn hằn sâu nói lên tuổi hạc. Đó là hình ảnh đầu tiên đập vào mắt hai vợ chồng khi họ se sẽ bước vào phòng. Cả hai cùng phủ phục trước mặt Sư Ông, khe khẽ:

- Kính bạch Sư Ông...

Sư Ông từ từ mở mắt. Ánh nắng phương tây ửng vàng như hào quang xuyên qua khung cửa sổ rọi nơi chỗ Sư Ông. Dù gương mặt gầy gò, nhăn nheo nhưng đôi mắt Người rực sáng tinh anh biểu lộ thần khí vẫn còn minh mẫn. Bằng giọng từ tốn nhẹ nhàng, Sư Ông hỏi:

- Chẳng hay quý thí chủ có điều gì quan trọng mà lặn lội từ xa tìm đến nơi này để gặp bần tăng?

Câu hỏi của Sư Ông như gợi lại sự thương cảm trong lòng người vợ. Cô ngước lên, ánh mắt buồn nhìn Sư Ông, run run giọng:

- Bạch Sư Ông, xin Sư Ông hay tha lỗi cho con vì đã đến đây quấy nhiễu sự thanh tu vì một câu chuyện đầy ái dục. Con xin phép được kể hầu mong Sư Ông hóa giải những u uất canh cánh bên lòng!

Sư Ông trầm giọng, ôn tồn:

- Lời tục, tâm thanh như gió thoảng mây bay, như mặt nước hồ thu phẳng lặng; cho dù một hòn sỏi ném xuống, mặt nước chỉ dao động trong chốc lát rồi cũng sẽ trả về trạng thái phẳng lặng của hồ thu.

Người vợ chấp hai tay trước ngực, im lặng. Mắt dõi ra ngoài khung cửa sổ. Ở đó, cội tùng hắt trăm năm sừng sững. Nhưng nó không phải là hình ảnh cô đang

tìm kiếm mà Cô đang ôn lại ký ức quãng đời đã qua hầu to bầy lên Sư Ông cho phân rõ ngọn nguồn.

Người đàn bà thở nhẹ một hơi dài, cúi đầu, vẫn giọng run run:

- Bạch Sư Ông, con không biết bắt đầu như thế nào song câu chuyện có lẽ bắt nguồn từ một người con gái tên Thụy Trâm!

Cách nay hơn 13 năm, vào một buổi chiều cuối xuân, trên dòng sông chảy xiết sau những trận mưa lớn, người ta phát hiện thi thể một cô gái chết trôi tại quê nhà của con.

Cô gái chỉ độ 18 tuổi, tên là Thụy Trâm. Sau khi khám nghiệm tử thi, bác sĩ khẳng định cô ta đang mang thai hơn 3 tháng. Tin đồn lan nhanh, chấn động cả thị xã vì "đóa hoa vô chủ" lại là con gái của một Thầy giáo nổi tiếng trong tỉnh. Không những dạy giỏi, tận tâm mà còn là nhà mô phạm đạo đức; nghiêm khắc giáo dục học trò cũng như con cái trong gia đình.

Thế mà trường nữ của Thầy lại chửa hoang!!!

...

Ngày ấy! Hai tiếng "chửa hoang"; người đời thường tặng cho gái không chồng, là nổi sỉ nhục lớn nhất đời với Thầy. Cái chết của con gái và đứa cháu chưa ra đời không làm Thầy đau đớn bằng nổi nhục ê chề gia phong bại hoại. Một đề tài cho bao người mổ xẻ, dè bĩu; nào là cái chết đó chính là tự tử vì bị phụ tình, người yêu không nhìn nhận cái thai. Và điều mà mọi người xôn xao, thắc mắc ai là tác giả của cái bào thai ấy? Chỉ riêng điều này vẫn còn nằm trong vòng bí mật. Sau đám tang con gái, vị Thầy ấy nghỉ dạy vì không thể muối mặt đứng trên bục giảng nhìn xuống đám học trò. Sau vài tháng sống trong nhục nhã, buồn phiền, tự nhốt mình trong căn phòng, ông ta lâm trọng bệnh qua đời.

Trước đó, ngày đám tang con gái ông thật trở trêu cho một số quan khách. Sáng dự đám ma, chiều mừng đám cưới. Thay ỷ, đổi sắc, đổi lệ thành cười - đổi sầu làm vui. Chỉ trong một ngày, họ như diễn viên đóng những vai trò trái ngược, mâu thuẫn mà họ không thể khước từ nơi nào, vì cả hai gia đình đều là những người danh tiếng được trọng vọng: đám ma gia đình Thầy giáo và đám cưới gia đình nhà thầu khoán giàu có nhất tỉnh.

Chú rể hôm ấy là Kỹ sư Công chánh vừa tốt nghiệp với hạng tối ưu, xuất thân từ con nhà nghèo khó ở làng quê. Đám cưới tổ chức rở ràng đều do nhà vợ đảm nhận. Ai cũng nức tiếng khen cô dâu - chú rể đẹp đôi giai ngẫu, khác nào Tiên đồng - Ngọc nữ giáng sanh lương duyên tiền định. Chú rể có lẽ hạnh phúc nhất đời; đại Đẳng khoa - tiểu Đẳng khoa đều trọn vẹn nên vui mừng quá chén, say lướt khướt khi tiệc cưới chưa tàn...

Hai năm sau, cô dâu, tức ái nữ nhà thầu khoán là Ngọc Lam sinh hạ một bé trai thật kháu khinh. Chồng cô, Dũng, tràn ngập hạnh phúc với tiền tài, danh lợi, mái ấm gia đình trong căn biệt thự 3 tầng do bố mẹ vợ tặng.

Hạnh phúc ngỡ lâu bền theo năm tháng, nào ngờ như luật bù trừ một sớm một chiều trời lấy đi chóng vánh! Đứa bé đang mạnh khỏe trước ngày thôi nôi, cha mẹ hoạch định tổ chức thật lớn ra mắt con với mọi người bằng đầu chỉ qua cơn sốt cao tự nhiên thất khúu xuất huyết. Máu từ hai lỗ tai, hai lỗ mũi, mồm miệng... phun ra chan hòa ướt đầm khuôn mặt bé bỏng của đứa bé. Trước cảnh tượng hãi hùng, người mẹ chỉ kịp gào to một tiếng, ngất xỉu, trong khi vẫn ôm chặt con thơ đã chết trong lòng!

Làm sao không đau đớn! Khi đứa con trai mà họ trút cả tình thương yêu, đã từng sống những kỷ niệm êm đềm, vui vẻ tràn ngập tiếng cười trẻ thơ đùa giỡn; tiếng ê a ngọng nghịu đầu đời, những bước chân chập chững đầu tiên đánh dấu cho bước chân triển vọng huy hoàng mai sau. Tất cả, chỉ trong khoảnh khắc tan thành mây khói. Thời gian khó làm nguôi ngoai. Nổi đau mất con tựa như vết tro than âm ỉ, bên ngoài tưởng đã tàn nhưng vẫn còn hừng hực nóng bỏng bên trong. Song con người vẫn tiếp tục sinh hoạt theo nhịp sống quay đều như con thoi. Rồi đứa bé trai thứ hai ra đời hơn 2 năm sau đó.

Đứa bé trai này giống đứa bé trai đầu lòng như đúc!

Ngọc Lam và Dũng vừa mừng, vừa lo. Mừng, vì họ như tìm thấy hình ảnh cũ đứa con trai yêu thương đầu lòng. Lo, là sợ đứa bé sẽ có cùng số phận như đứa trước sớm bỏ cha mẹ mà đi! Gần đến ngày thôi nôi con, họ không dám dự định tổ chức rình rang như đứa trước sợ vấp phải cái huông. Tuy nhiên càng gần đến ngày lễ, không nói ra song cả hai đều nơm nớp lo âu. Cuối cùng, ngày thôi nôi cũng trôi qua trong bình an. Họ chỉ làm bữa cơm đơn giản cúng tạ ơn trời Phật phù hộ. Thời gian hờ hững trôi, đứa bé càng chóng lớn, thông minh, đĩnh ngộ. Cha mẹ có phần yên tâm không nghĩ con sẽ đi theo số phận người anh. Nhưng một lần nữa định mệnh khắc nghiệt lại đến. Họ không thể nào quên được vào cái ngày hôm ấy!

Sinh nhật 2 tuổi con trai họ!

Sinh nhật được tổ chức linh đình xem như bù lại cho lần thôi nôi chưa ra mắt con. Hai bên nội ngoại, bạn bè đều đầy đủ. Quà cáp chất đống trên sàn đá Mamor trong phòng khách.

Hôm đó đứa bé được chưng diện đặc biệt lịch sự, phong cách như tài tử giáng điệp James Bonn 007 tí hon; với bộ đồ Veste đen, sơ mi trắng và cái nơ đỏ trước cổ áo. Mái tóc chải vuốt ngược phía sau xoa dầu óng mượt hòa điệu với đôi giày da Ý màu đen láng bóng, nhỏ nhắn xinh xinh từ ông bà ngoại tặng sau chuyến du lịch Âu Châu về. Đứa bé hôm ấy là nhân vật chính cho bao con mắt đổ dồn chiêm ngưỡng về sự đẹp đẽ, đĩnh ngộ và bằng sự thèm thuồng, mơ ước của các bậc cha mẹ hiện diện.

Cuối tiệc, sau phần cắt bánh chỉ còn thân nhân, bà con ở lại. Mực mở quà mới thật là vui nhộn. Cứ mỗi món quà mở ra mọi người lại reo hò thích thú, trầm trồ phê bình. Và mỗi lần như vậy, đứa bé thích đứng từ ghế Sofa nhún nhảy rồi nhảy xuống sàn cái ạch, cười lên hăng hắc đón quà. Giữa lúc vui chơi không ai nghĩ đến những sự nguy hiểm có thể xảy ra cho đứa bé, và khi đứa bé nhắc nhở mọi người phải nhìn nó như một vị anh hùng tí hon: "Coi con nhảy nè, con nhảy giỏi chưa!?", sau tiếng nói, đứa bé ưỡn ngực, nhún nhún lấy đà và hùng dũng nhảy xuống.

Giữa lúc đó một đứa trẻ khác vô tình đẩy hộp quà tới gần và "vị anh hùng tí hon" vấp phải té bổ nhào đập mạnh trán xuống sàn đá. Một vũng máu đỏ tươi chảy lênh láng trên sàn đá trắng. Lập tức tiếng reo cười ngưng lại, thay bằng những tiếng rú kinh hoàng! Ngọc Lam nhảy xổ đến ôm chăm lấy con gào lên thất thanh:

- Trời ơi! Không thể nào! Không thể nào! Tại sao số phận của con lại giống số phận của anh con quá vậy! Hãy cứu!... cứu...!!!...

Tiếng hét của người mẹ tắt lịm không tròn câu vì cũng như lần thứ nhất khi chứng kiến cái chết đau đớn của đứa con trai đầu lòng người mẹ đã ngất xỉu! Định mệnh như sắp sẵn và luôn rình rập chung quanh và đứa con trai thứ hai của họ cũng không thoát qua định mệnh nghiệt ngã ấy! Tại sao!???

Câu hỏi ấy bắt đầu manh nha, lớn vớn trong đầu óc họ. Chỉ một cái té đơn giản có thể cướp đi nhanh chóng sinh mệnh của đứa bé! Phải chăng có huyền cơ nào đó không thể giải thích cho sự sinh và tử - đến rồi đi lần lượt giữa hai đứa con trai họ.

Để giải tỏa nỗi lo sợ và ngăn chặn nghịch cảnh trùng hợp tiếp diễn cho lần sanh sau, và tuy không mê tín dị đoan họ cũng tìm đến một Chiêm tinh gia để xin cố vấn.

Hôm làm lễ nhập quan cho đứa con trai họ triệt để làm theo lời chỉ dạy dặn dò của ông Chiêm tinh; nghĩa là phải chọn vào ngày vía, đúng giờ chính Ngọ lúc mặt trời lên cao ngay đỉnh đầu tỏa sáng ngời dương khí vượng nhất chiếu ngay thi thể đứa bé đắp một tấm vải vàng vẽ bùa trừ khử tà khí rồi mới nhập quan đem chôn.

Sau ngày đám tang, họ gần như tin tưởng vào phép án ngữ trừ tà trên, và 2 năm sau Ngọc Lam sinh hạ một đứa bé gái thật dễ thương. Niềm tin của họ bấy giờ đã trở thành tuyệt đối.

Lần sinh thứ ba này là con gái. Họ tin rằng hai đứa con trai trước không tái sanh trở về để rồi ra đi bỏ lại mẹ cha. Họ sống trong niềm tin, hạnh phúc tràn ngập khi đứa bé gái càng ngày càng dễ thương, thông minh và khỏe mạnh.

Năm đứa bé lên ba; một ngày vào hạ khí trời oi bức, Ngọc Lam và Dũng bèn đi picnic cắm lều dưới gốc cây dương liễu gần bờ sông cho mát mẻ. Sau khi xếp đặt mọi việc xong xuôi, dùng bữa trưa với món thịt bò bít tết nướng trên hỏa lò thật tuyệt, họ nghỉ trưa trong căn lều dưới bóng râm dương liễu tránh ánh nắng gay gắt và chờ cho đến khi chiều buông.

Đó là thời gian lý tưởng để họ cùng nhau đưa con gái xuống sông vui đùa, bơi lội. Dũng là tay bơi rất cừ nên việc đặt đứa bé lên bụng bơi giữa ra giữa dòng sông không làm khó dễ anh. Tuy tin tưởng vào tài bơi của chồng Ngọc Lam vẫn vừa bơi theo vừa kêu: "Anh hãy cẩn thận con". Trong khi đó đứa bé cười hí hí thích thú, không tỏ ra sợ hãi, tíu tít: "Mẹ ơi! Mẹ ơi! vui lắm!". Nhưng bỗng giữa dòng nước đứa bé chợt rớt tòm xuống sông. Việc gì đã xảy ra!??

Dũng đang quặp người giữa dòng sông, còn đứa bé đang bị dòng nước cuốn trôi. Trong tích tắc chưa biết việc gì xảy ra cho chồng Ngọc Lam đã chọn con đường cứu con trước hết. Cô phóng hết sức mình bơi nhanh về phía đứa bé, tay quơ quào, trời sụp lung tung hầu mong chụp được thân hình của con, nhưng tất cả đều vô hiệu quả. Đâu rồi!? Đâu rồi!? Con của mẹ đâu!? Một loạt câu hỏi dồn dập loạn xạ trong đầu Ngọc Lam, nước mắt ràn rụa trong lúc vẫn cố sức quơ quào. Cứ tìm kiếm... tìm kiếm... hụp lặn... nhưng hồi ôi dòng nước trong mắt mà Ngọc Lam cảm thấy cả người như đang lên cơn sốt. Lâu lắm... lâu lắm... cuối cùng Ngọc Lam cũng đành rã rời thân xác thả trôi mình trong sự tuyệt vọng vào bờ. Ngơ ngẩn đứng nhìn dòng nước mênh mông, trời chiều bàng lảng, bóng tối lơ mơ phủ chụp khắp dòng sông như cơn ác mộng đang quay cuồng vây phủ.

Ngọc Lam rất muốn tin đây chỉ là cơn ác mộng. Nhưng không! Nó đã là sự thật! Sự thật nghiệt ngã lại

đến với đứa con thứ ba của cô. Tại sao đứa con nào cũng sớm bỏ cha mẹ ra đi. Bây giờ Ngọc Lam không còn khóc nổi. Mọi cảm giác như tê cứng, chai lì. Cô lững thững đi dọc bờ sông như người mất hồn nếu không có lời rên rỉ, thở than của ai đó níu bước chân

- Thụy Trâm! Thụy Trâm! Có phải em đang trở về để báo thù anh đó chẳng!? Nếu cần báo thù em hãy báo trên người anh. Đừng hại con anh! Đừng giết con anh! Hãy tha cho đứa bé!!!

Ngọc Lam choàng tỉnh. Trong bóng tối dưới ánh trăng phủ mờ ai đó đang ngồi gục đầu ủ rũ bên bờ sông than thở. Chính là Dũng! Dũng đang gọi Thụy Trâm! Thụy Trâm là ai? Sao cái tên nghe quen quen. Ngọc Lam cố nhớ trong ký ức một cái tên nào đó mơ hồ và rồi... sự nhớ đến tên một cô gái. Đó chính là cô gái đã tự tử hơn 10 năm về trước cũng tại dòng sông này. Giữa Thụy Trâm và Dũng, chồng cô, có liên quan gì? Hay là... !??

Ngọc Lam ngồi xuống bên cạnh chồng. Dũng vẫn không hề hay biết, mãi đến khi Ngọc Lam lên tiếng:

- Thụy Trâm có phải là người tình của anh trước đây không?

Dũng giật mình quay lại. Thảng thốt một lúc, Dũng gục đầu, trầm giọng xúc động:

- Chính phải! Và cũng chính anh là cha của đứa bé nằm trong bụng mẹ, chỉ vì sự phản bội của anh dẫn đến hai mạng người phải chết oan.

Dũng bồng ôm đầu bật khóc:

- Phải chăng giờ đây oan hồn Thụy Trâm đến báo oán anh?

Ngọc Lam cũng ôm đầu ảo não:

- Em không biết. Nhưng nhớ lại chuyện xưa trong ngày đám cưới chúng ta em cứ ngỡ anh uống rượu li bì vì vui mừng được lấy em. Thật ra không phải vậy. Chỉ vì anh còn yêu Thụy Trâm! Tại sao còn yêu cô ấy mà anh lại cưới em? Phải chăng vì...

Dũng bồng hét lớn:

- Vì anh tham tiền của nhà em! Em muốn nói như thế chẳng? Phải, anh là thằng đốn mạt, kẻ phản bội nhưng ít ra anh không phải là người bất nghĩa. Anh đầu lòng dạ nào vui vẻ trong ngày cưới của mình khi chính ngày ấy anh vẫn còn trái tim của một con người. Em hiểu chưa!

Im lặng một lúc, Dũng ôm chầm lấy vợ thì thầm:

- Sau khi lấy em, anh thật lòng yêu em. Anh yêu vợ anh! Vợ anh là một người đàn bà hoàn hảo. Anh yêu chính con người của em.

Nước mắt Ngọc Lam chảy dài. Quả thật Ngọc Lam đã đi xa vẫn để một cách không thiết thực. Câu chuyện qua lâu rồi tại sao còn khơi lại để làm tổn thương chồng. Chẳng qua quá bất ngờ khi phát giác chồng mình lại chính là người tình của cô Thụy Trâm và là cha của cái bào thai trong bụng cô, đã tự tử trước đây. Gục đầu vào lòng Dũng, Ngọc Lam nức nở:

- Bây giờ mình phải làm gì để tìm con? Em quên hỏi anh tại sao tự nhiên con lại rớt xuống sông. Còn anh lúc đó làm sao vậy?

Dũng mở màng nhìn ra dòng sông hồi tưởng lại những gì đã xảy ra. Lúc đó Dũng đang bơi nhẹ nhàng, thong dong giữa dòng nước trong mát bỗng nhiên chân trái anh bị vọp bẻ đau đớn vô cùng. Nhất thời không tự chủ được anh co quắp người khiến đứa bé bị mất thăng bằng rớt xuống sông. Hốt hoảng, anh cố chụp lấy con nhưng hụt tay, và rồi nước cứ cuốn trôi thân hình đứa

bé. Anh cố giãy giụa bơi theo nhưng mọi tác động đều vô ích. Cái chân vẫn cứng đờ khiến anh đau buốt và ngay chính bản thân anh cũng đang lâm vào cảnh nguy hiểm chỉ còn cách chống chọi quạt lia hai tay. Nhìn hướng vợ đang bơi theo cố chụp lại con, anh rút nước mắt cảm thấy mình thật bất lực. Mãi lâu sau chân anh từ từ trở lại bình thường. Anh vội vàng lặn hụp chung quanh theo dòng nước chảy tìm kiếm con nhưng vẫn hoài công.

Mặt trời dần dần xuống thấp, chỉ còn trải trên mặt sông mờ mờ một màu xám xám hoàng hôn như niềm hy vọng của anh cũng vừa tắt lịm. Trong khoảnh khắc ấy, anh chợt nhớ đến một người và chợt rung mình. Người tình cũ của anh. Thụy Trâm!!!

Tại sao anh quên rằng trên dòng sông này hơn 10 năm về trước Thụy Trâm, người tình của anh và cái bào thai trong bụng mẹ chính là con anh và đã bị anh bỏ rơi đã chết tức tưởi theo dòng nước cuốn trôi. Tại sao anh có thể mang vợ con đến đây để vui đùa, ngụp lặn trong hạnh phúc trên dòng sông định mệnh mà quên rằng nó có thể sẽ trở thành là dòng sông oan nghiệt !!!

Chính giữa lúc anh gục đầu ảo não, than thở thì vợ anh xuất hiện. Ngọc Lam thở dài sau khi nghe chồng thuật lại. Phải đây chính là dòng sông oan nghiệt đã cướp đi sinh mạng của đứa con thân yêu. Dòng sông giờ đây đen ngòm chìm trong bóng đêm dày đặc như chất chứa sự bí mật, sự ma quái, sự huyền bí, sự oan khiên, sự tức tưởi nào đó của con người cứ trút xuống dòng nước để nó cuốn trôi đi, rửa sạch đi bao nỗi nhục nhã ê chề cũng như cuốn phăng đi mạng sống của những người vẫn còn khao khát sống!

Hai kẻ đau khổ vì mất con ngồi bên nhau bất động ở bờ sông. Đêm dài thăm thẳm. Vắng lặng âm u. Họ chỉ vừa chớp mắt không biết bao lâu cho đến khi tiếng gà nhà ai vắng vắng báo hiệu bình minh. Họ vẫn thiếp đi trong cơn mệt mỏi và chỉ choàng thức giấc khi nghe tiếng leng keng trỗi lên gần họ.

Tiếng leng keng phát xuất từ những lục lạc treo trên đầu cây phượng đang cầm trong tay một người ăn mặc ra vẻ Pháp sư. Ngọc Lam và Dũng giụi mắt, ngơ ngác một lúc rồi như nhớ ra điều gì chợt vùng đứng lên chạy đến bên Pháp sư. Họ như thấy được ngọn hải đăng giữa biển khơi lạc hướng vào bờ. Hai vợ chồng vội chắp tay kể lễ sự tình, từ hai cái chết lạ lùng của hai đứa con trai và bây giờ đến lượt đứa thứ ba, rồi kết luận:

- Thưa Pháp sư, bây giờ chúng con phải làm sao? Con của chúng con sống chết thế nào và tìm ở đâu?

Vị Pháp sư vút ánh mắt như chuỗi pha lê soi suốt dọc dòng sông, rồi nhắm mắt giơ tay bấm độn. Ngọc Lam và Dũng nghệt thờ chờ đợi sự phán quyết của ông. Cuối cùng vị Pháp sư mở choàng mắt, thông thả nói:

- Giữa ngày hôm nay, ông bà cứ đi về hướng tây bắc xuống hạ nguồn dòng sông ắt sẽ gặp con. Cả hai vợ chồng vội vàng đồng thanh:

- Con của chúng con còn sống hay không?

Vị Pháp sư im lặng. Tay cầm phượng thông thả bước, tiếng leng keng hòa với tiếng nói vọng lấp lửng:

- Việc gì đến sẽ đến. Đến lúc đó mọi việc sẽ rõ ràng.

Ngọc Lam và Dũng nhìn theo bóng Pháp sư khuất dần. Lòng hoang mang, hồi hộp. Mặt trời vừa chênh chếch nhô lên trải ánh hồng trên mặt sông lấp lánh. Bụng họ cồn cào, quặn thắt nhưng tuyệt nhiên không cảm giác đói. Chậm chạp ngược hướng mặt trời, dọc

theo bờ sông uốn khúc. Bóng họ và bóng hàng dương liễu bên sông thu ngắn dần theo độ lên cao của mặt trời cho đến khi cái nắng gay gắt, hùng hực tỏa khắp nơi. Bóng họ vừa thu rút dưới gót chân cũng là lúc bỗng thấy thấp thoáng xa xa lối nhỏ người đang chụm lại, lom khom xem xét một cái gì đó ở mô đất nhô ra dòng sông.

Họ đã đến nơi! Mặt trời trên đỉnh đầu tỏa sáng!

Cái gì đó chính là xác một đứa bé gái chết trôi đã thắm tím! Không ai khác chính là con của hai người! Ngọc Lam lặn xả vào xác con gái khóc đến ngất lịm. Không biết bao lâu cho đến khi tiếng leng keng như tiếng nhã nhạc hay tiếng gọi hồn của thần chết khiến Ngọc Lam tỉnh lại. Trước mặt là vị Pháp sư đã tiên đoán nơi và giờ giấc họ tìm thấy con. Không cần suy nghĩ Ngọc Lam nhào lại ôm chân vị Pháp sư nức nở: "Thưa Pháp sư, hãy cứu chúng con, chúng con phải làm gì bây giờ?". Pháp sư thò tay vào bọc lấy ra một túi gấm nhỏ màu đỏ đã chuẩn bị sẵn đưa cho hai người, dặn dò: "Hãy làm theo lời chỉ dẫn trong cẩm nang. Mọi việc sẽ được hóa giải".

Tiếng leng keng lại vang lên, nhỏ dần rồi im bặt. Hai vợ chồng ôm xác con thần thờ. Nước mắt đã khô kiệt sau nỗi thống khổ tột cùng và ngay lúc đó cả hai đều giật mình, thảng thốt nhận ra rằng nơi chốn mà xác con gái họ tấp vào cũng là nơi hơn 10 năm trước người ta đã phát hiện xác của Thụy Trâm !

Ngày tháng dần trôi. Xuân hạ thu đông bốn mùa luân chuyển. Mới đó đã cách hôm tang lễ đứa con gái họ một năm rưỡi trời và bây giờ đang rơi vào tháng chạp. Một hôm, mẹ của Dũng dưới quê dắt lên một con dê biểu ông bà sui gia để chuẩn bị đón Tết. Cha mẹ vợ Dũng nhận lễ, rồi giao con dê cho Dũng lo việc tổ chức mời bà con, anh em, bạn bè vào ngày 23 tháng chạp đến lễ lạc đưa ba Táo về trời. Dũng đứng trông coi nhà bếp làm thịt con dê nấu các món đặc biệt. Trước ngày, con dê bị cột nơi gốc cây gần bếp chuẩn bị làm thịt. Dụng cụ sẵn sàng. Khi người đầu bếp cầm cái búa giơ lên cao sắp giáng xuống đầu con dê bỗng sau lưng hắn có tiếng thét lạnh lạnh, dồn dập vang lên:

- Đừng giết con dê! Đừng giết con dê! Đừng giết con dê!

Tiếng thét như dư âm một cơn ác mộng! Người đàn bà trước mặt Sư Ông đang run rẩy dữ dội. Tiếng thét giờ đây biến thành tiếng rên rĩ nhai nhai: "Đừng giết con dê! Đừng giết! Đừng giết!". Hình ảnh đó qua lâu rồi nhưng còn đây ấn tượng như đang xảy ra trước mắt người đàn bà. Người chồng vội ôm chặt vợ vỗ về trấn an. Sư Ông, trong lòng chấn động song ngoài mặt giữ vẻ trầm tĩnh:

- A Di Đà Phật! Thiện tai! Thiện tai! Con hãy bình tâm lại.

Người đàn bà bật khóc nức nở, sụp đầu sát đất, van nài:

- Thầy ơi! Xin hãy cứu con! Người mẹ đau khổ trong câu chuyện vừa kể chính là con đây!!!

Từ lúc nào cả Sư Ông và người đàn bà đều đổi lối xưng hô. Không còn Sư Ông - thí chủ mà trở thành Thầy - con một cách gần gũi, thân thiết. Phải chăng do lòng từ bi phát xuất tự nhiên và sự cảm thông của Sư Ông trước nỗi thống khổ của người mẹ muốn ban cho người sự ấm dịu, và tiếng gọi "Thầy ơi!" của người đàn bà chính là một cứu cánh.

Người chồng nhận thấy sự vật vã của vợ cũng cố dẫn cơn xúc động, nén tiếng thở dài, thốt:

- Thưa Thầy, con xin phép được nối tiếp câu chuyện.

Bằng giọng nghèn nghẹn, người đàn ông chậm rãi kể chuyện như một cuốn phim xưa được quay lại rõ ràng, chi tiết.

Khi ấy mọi người đều dừng lại công việc giết con dê. Dững diu vợ vào phòng riêng hỏi rõ nguyên do. Ngọc Lam vẫn chưa hết bàng hoàng, mãi lúc sao mới thềm thì cùng chồng: "Bởi vì em vừa phát hiện một bí ẩn ở con dê. Anh còn nhớ túi cấm nang của vị Pháp sư dặn dò chúng ta thế nào? Khi làm lễ Phạn hàm (tắm lịm) con hãy nhớ cắt mấy miếng thịt từ linh cầu dán lên những chỗ dễ thấy trên thi thể con (phòng trường hợp khi tái sinh sẽ dễ nhận ra) thì kiếp sau con sẽ không trở về làm con rồi lại sớm ra đi. Em đã dán một miếng lên trán giữa hai mắt, một miếng ở nhân trung, một miếng ở bụng, mỗi miếng trên lưng hai bàn tay và chân. Khi xuống bếp vô tình em thấy những miếng như thịt dư dán trên mặt con dê. Những chỗ đặc biệt dễ thấy mà em đã đánh dấu. Anh ơi! Con dê ấy chính là hiện thân của con gái chúng ta kiếp trước trở về. Tại sao con lại tái sinh thành kiếp con vật! Và trở trâu thay lại trở về nhà, khiến chúng ta suýt giết con và ăn thịt con! Ngọc Lam nói đến đây bỗng ôm mặt khóc òa, lắc đầu quầy quậy. Mái tóc mềm mại rối bung như lòng người mẹ giờ đây cũng đang tan nát tở vò. Dững nghe xong cũng chết điếng trong lòng. Thầm trách mình vô ý, không tinh minh như vợ. Bèn ra sau nhà kiểm lại cẩn thận thì quả nhiên như vậy. Cuối cùng, hai vợ chồng bàn nhau nên đưa con dê vào chùa, vì chỉ nơi đó mới không xảy ra cảnh sát sinh.

Kể đến đây người chồng cùng vợ dập đầu xuống đất trước mặt Sư Ông. Người vợ van nài qua giọng nói sủng đầy nước mắt:

- Xin Thầy mở lòng từ bi thương xót, cho chúng con gởi con dê tại chùa. Chúng con không lòng dạ nào giữ nó ở nhà để mỗi ngày phải nhìn nó mà biết rằng chính là con gái của chúng con tái sinh hiện thân trở về. Lòng cha mẹ nhìn con qua hình ảnh một con vật như dao đâm muối xát, ray rút giày vò, và xin Thầy hãy chỉ dạy chúng con phải làm sao để giải nạn kiếp này.

Sư Ông vẫn giữ gương mặt điềm tĩnh trước sự việc thương tâm, hướng ánh mắt hiền hòa, nghiêm nghị thẳng vào người chồng, ôn tồn:

- Đây chính là oan oan tương báo nhân quả nhãn tiền do chính con gây ra. Nếu ngày trước con không khởi động chấp đắm vì tiền tài, danh lợi bỏ rơi người con gái với cái bào thai trong bụng đến nỗi phải bị chết oan khiên; gây ra tan nát một gia đình, cả cha cô gái cũng bị nhục nhã vì thế mà chết. Vô tình chung, con đã gián tiếp hại ba mạng người mà cái bào thai trong bụng mẹ cũng là một sinh linh và lại là cốt nhục của con. Tội nghiệt này của con không nhỏ. gieo nhân nào thì gặt quả nấy. Con đã gieo đau khổ cho người, thì nay tương oan lại báo, tái sinh làm con các con, lần lượt mà chết. Đó gọi là khởi sinh VÔ HỮU ÁI, cho gia đình con cũng đau khổ cảnh mẫu tử, phụ tử chia lìa. Các con muốn trấn áp khử tà; tắm lịm, dùng thịt linh cầu dán lên thi thể, lại thêm tội sát sinh, chỉ là tà đạo. Thiện căn ở tại tâm - phúc tội do tích đức. Từ đây con nên sám hối, năng làm việc thiện, đem tiền bạc cứu giúp kẻ nghèo khổ, may ra sẽ giảm phần nào nghiệp chướng. Đó mới là chính đạo.

Khi cần đạt mục đích nào đó; phải bằng sự lương thiện, bằng sự nỗ lực chính đáng thì hạnh phúc mới lâu bền. Những gương từ ngàn xưa cũng cho chúng ta

những bài học sâu sắc như lịch sử Trung Hoa nói về Tể tướng Dương Quốc Trung, anh của Dương Quý Phi đời Đường Minh Hoàng; vì muốn được cuộc đất ở làng họ, linh địa tựa hàm rồng, là nơi địa táng vinh hiển đời đời, mới động dã tâm sai quân lính nửa đêm đốt trụi tất cả nhà cửa dân làng. Vì trước đó đã bị dân làng phản đối khi có lệnh di dân ra khỏi cuộc đất linh địa ấy. Thế nhưng khi đã táng mồ mà ông bà vào cuộc đất tốt mà sau đó cả gia tộc đều bị nạn diệt vong trong cơn chiến loạn. Điều đó chứng tỏ làm ác thì phải lãnh hậu quả, gieo nhân xấu thì phải nhận quả xấu, chứ cuộc đất tốt cũng không mang lại điều tốt lành nào. Nếu các con đã hiểu được cội nguồn từ đâu và liễu ngộ thế nào là nhân quả mà theo đó hướng thiện ắt có ngày sẽ giải được nghiệp. Bây giờ các con hãy đưa Thầy đến chỗ con dê để xem thế nào.

Boong...! Boong...! Boong...!...

Tiếng đại hồng chung ngân trầm vang dội khắp núi rừng giữa bóng chiều tà. Nhưng lạ thay! Không gian như lắng đọng, lòng người như lắng chìm; bao nhiêu phiền não, u sầu trong khoảnh khắc như lắng dịu lắng khuây. Bước chân Sư Ông và hai vợ chồng như bỗng bồng bềnh theo tiếng chuông đưa họ đến chỗ con dê ngoài rừng trúc và... một cảnh tượng khiến tất cả mọi người đều sửng sờ xúc động...!

✽

Hơn một năm sau, tại ngôi Cổ Tự vào dịp Tết Nguyên Đán.

Ồ! Chú Dê con ngôi Cổ Tự thật là dễ thương!

Hàng loạt tiếng reo xôn xao lẫn chìm trong xúc động của mọi người khi chứng kiến một chú Dê đang quỳ hai chân sau, thẳng lưng, hai chân trước chấp lại, mắt khép hờ như đang thiền định, lắng nghe tiếng mõ, hồi chuông trước chánh điện. Ngoài số khách thập phương đang ở trong chánh điện, số còn lại tập trung bu chung quanh chú Dê con. Từ lúc nào không ai bảo ai đều gọi con dê bằng cái từ thật ưu ái, dễ thương: "Chú Dê con ngôi Cổ Tự"; chứng tỏ sự tôn trọng một con vật có tâm linh như người. Hôm nay qua tin đồn lan truyền và cũng nhân dịp trong mùa Tết Nguyên Đán, mọi người đổ xô về để xem đầu là hư thực. Một sự thật hiển bày trước mắt mọi người mới cảm nhận sâu xa sự rung động trước một linh vật. Và qua bài thuyết pháp của Sư Ông trụ trì về thuyết nhân quả; trong đó có lồng câu chuyện thật về xuất xứ của chú Dê con ngôi Cổ Tự. Sư Ông kể rằng ngày ấy khi cùng với hai vợ chồng đã dắt con dê đến chùa, lần đầu tiên họ bắt gặp chú Dê con đang quỳ hai chân sau, chấp hai chân trước như đang lễ bái bằng nét mặt thành khẩn giữa lúc tiếng chuông chùa ngân nga.

Đó là cảnh tượng khiến họ bàng hoàng, sửng sốt lẫn xúc động. Từ đó Sư Ông ra lệnh cứ để chú Dê con tự do trong rừng trúc. Và cứ mỗi khi nghe tiếng tụng kinh, tiếng chuông mõ từ chánh điện vọng ra thì tự nhiên chú Dê lại lần dò tìm đến; quỳ trước chánh điện, chấp hai chân trước lên cao, mắt lim dim, im lặng lắng nghe.

Phải chăng là sự huyền nhiệm của Như Lai, của ngã Phật từ bi, là linh ứng của Tam Bảo cũng như tiếng chuông chùa đầu tiên ngày ấy đã ngân vang một âm ba rung động mà tần số của nó như hấp lực từ trường thu hút, dội vào chú Dê con một cảm ứng đặc biệt; đánh thức mê chướng miên man đeo đẳng tương oan, tương

báo ở mỗi kiếp lai sinh. Để giờ đây, chú Dê con ngày ngày nghe kinh kệ, mõ chuông mong sẽ thoát kiếp vật, luân hồi làm người; bỏ lại đằng sau những mầm mống hận thù miên viễn, bỏ lại thân xác con vật khổ đau trở về cát bụi, bỏ lại tất cả, để trước mắt chỉ là con đường tu niệm thoát qua nghiệp chướng. Những sự việc lạ lùng xảy ra chung quanh chú Dê con ngôi Cổ Tự phải chăng đang ngầm nói lên điều đó.

Kết luận cho bài thuyết pháp về Nhân Quả Sư Ông trụ trì khuyến hóa:

Tóm lại, tất cả chúng sinh hãy năng chăm lo, vun bồi đạo hạnh, tu tâm dưỡng tánh, tinh tấn trên con đường làm lành, lánh dữ ngay kiếp hiện sinh nghĩa là, từ bây giờ và mãi mãi; có như thế chúng sinh mới có thể nhận được lợi lạc, phước báu ngay kiếp hiện tiền và bao kiếp luân hồi tái sinh làm người hữu đạt thiện duyên bất khả tư nghì. Và thật lành thay nếu những ai tu chứng, đặc quả thoát khỏi hệ lụy 3 ái niệm sinh khởi: DỤC ÁI - HỮU ÁI - VÔ HỮU ÁI thì sẽ thoát vòng luân hồi sinh tử đạt tới cảnh giới vĩnh hằng Cực lạc.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Từng lời khuyến hóa của Sư Ông trụ trì như những giọt nước cam lồ từng giọt, từng giọt thấm vào lòng người. Hơn nữa, bên cạnh đó còn có sự bổ sung câu chuyện thật về chú Dê con ngôi Cổ Tự với hiện tượng lạ lùng biến chứng đầy đủ và mạnh mẽ thuyết Nhân Quả nhà Phật và sự huyền nhiệm của 3 ngôi Tam Bảo như một tiếng chuông chùa thiêng liêng gióng lên khắc sâu vào tâm khảm.

...

Chiều buông nắng tắt. Tiếng Đại Hồng Chung ngân trầm vang dội bàng bạc cả không gian như tiễn khách thập phương xuống núi trở về thực tại với hành trang gói ghém là bài học Nhân Quả thiết thực, sống động: "Chú Dê Con Ngôi Cổ Tự".

**

Hai mươi năm sau!

Một ngày, mưa lất phất. Dưới chân núi dẫn lên ngôi Cổ Tự, có 3 bóng người, 2 già, 1 trẻ đang lần dò đường lên chùa. Cậu thanh niên khoảng 17,18 tuổi quay sang hỏi cha mẹ bằng giọng lo lắng: "Từ Pháp về Việt Nam thiếu gì chùa sao cha mẹ không viếng, lại đến chi chỗ vắng vẻ này, chùa thì tít trên đỉnh núi, cha mẹ già rồi làm sao leo cho nổi!"

Người mẹ ngược nhìn lên đỉnh núi mơ màng: "Ngôi Cổ Tự này và Sư Ông trụ trì có một mối liên quan mật thiết với cha mẹ. Mới đó mà đã 20 năm rồi! Nghe đâu Sư Ông, Người vẫn còn sống, đã ngoài trăm tuổi. Hồi đó, cha mẹ cũng có một lần đến viếng ngôi Cổ Tự đây. Dưới chân núi cũng lất phất mưa như ngày hôm nay và cha mẹ có dắt theo... một chú Dê con...!"

Song Thư TTH
Mùa thu 2014



Không Gian Thơ



*Trong không gian thơ của tôi
Có nắng vàng như lụa
Có nụ Hồng vừa nở
Có mây trắng, trời xanh
Có tiếng chim ca lãnh lót trên cành
Có tiếng ru con trưa hè êm ả
Có làn gió mát rượi ...
Mát rượi tâm hồn ai ...*

*Trời vào đêm
Lơ lửng ánh Trăng cài
Trăng tắm mát
Khu vườn Xoài
vườn Ôi
Quê Hương tôi
Ơi nhớ thương vơi vơi ...*

*Gió thì thào chuyện cổ tích ... xa xưa
Thơ viết ngàn trang viết mãi chưa vừa
Viết sao hết những mảnh đời luân lạc
Viết sao hết những phong ba tan tác
Không chia ly cũng không cả trường đình
Mực hay lệ đã nhòa trang tâm sự !*

*Chiều tha hương vọng tưởng về xóm cũ
Chỉ khói sương mây trắng dựng thành sầu
Gửi về đâu ! Ôi Thơ gửi về đâu
Bàng bạc ... mây chiều một màu quan tài*

*Ơi Quê Hương, hẹn có ngày gặp lại
Không Gian Thơ chìm đắm một màn sương
Ơi Quê Hương ... Hỡi Quê Hương ...
Ai gọi hồn quê trong chiều thu muộn*

*Về thăm quê, tôi về trong trí tưởng
Nguyễn Cửu Quê Hương Nắng Mới Thanh Bình
Xuân Nhân Ái trên Quê Hương Đất Mẹ
Đàn trẻ thơ tung tăng như chim sẻ
Hát ca vui người trẩy Hội Mùa Xuân
Bà Mẹ già, trên nếp trán hằn nhân
Cười rạng rỡ Đón Mùa Xuân trở lại ...*

• **Tuệ Nga**



LIÊN HOA Sơn Trang

• Thi Thi Hồng Ngọc

Đó là một chung cư nhỏ gồm cả thầy mười căn nằm trên một ngọn đồi nhìn xuống hồ nước rộng mênh mông xanh biếc. Muốn đến được khu chung cư thơ mộng này, lữ khách phải leo lên những bậc thang đá khá bằng phẳng và rộng rãi hai bên đều có lan can để mọi người vịn vào leo lên cho đỡ mỏi. Những cây thông xanh bốn mùa cao vút và đủ các loại hoa cúc, thược dược, cẩm chướng, uất kim hương rực rỡ tươi thắm được trồng dọc theo lối lên đồi làm mọi người dường như quên hết ưu phiền, mỏi mệt mà cứ tưởng như mình đang trên đường đi đến cõi thiên thai.

Liên Hoa Sơn Trang là một cái tên lịch sự, tao nhã mà mọi người đặt cho khu chung cư gần như là một viện dưỡng lão dành cho riêng người Việt Nam ở đây. Lịch sử của viện dưỡng lão này cũng không kém phần ly kỳ như câu chuyện về hai vị chủ nhân: ông bà Nguyễn Phú.

Vợ chồng ông bà Phú hoàn cảnh „gia tư nghị cũng thường thường bậc trung” nói nôm na là cũng đủ ăn đủ tiêu ở cái tuổi gần về hưu này. Cả hai đều là Phật tử thuần thành, hay giúp đỡ người hoạn nạn theo đúng nghĩa của chữ „Thi ân bất cầu báo”, tức là: làm ơn không cần người ta trả ơn. Đời sống ông bà Phú hạnh phúc, an lành vì họ chẳng mơ ước nhà cao cửa rộng, tiền lắm bạc nhiều như nhân thế thường tình. Ấy vậy mà cuối cùng họ lại trúng số, số độc đắc tính bằng tiền Euro hẵn hoi. Chắc sẽ có người thắc mắc: không tham tiền thì đi mua vé số làm gì? Lý do họ trúng số độc đắc lại dẫn đến một câu chuyện khác lạ lùng không kém.

Như đã nói trên, ông bà Phú là những người có lòng từ mẫn. Có một lần ông đi làm thông dịch không công tiếng Đức cho một cô gái mới đi du lịch từ Việt Nam sang nhưng lại muốn nhập trại tỵ nạn để được ở lại Đức. Dì của cô chỉ lo việc làm giấy tờ bảo lãnh cho cô đi du lịch sang thôi, đến nơi thì những việc còn lại bà mặc kệ, thậm chí đối xử với cô tệ hơn cả con hầu, đây tở trong

nhà. Người quen của bà đi thấy cô gái tội nghiệp quá bèn chỉ cô đường đến một ngôi chùa gần nhà, may ra Trời Phật có thương xót cho cô một con đường thoát hay không? Duyên lành đưa đẩy cho cô gặp được bà Phú đang làm công quả tại chùa. Thấy cô vừa quỳ lạy Phật vừa khóc nức nở, thảm thương, bà động lòng trắc ẩn lại gần an ủi, cô thật thà kể hết hoàn cảnh bi đát của mình. Bà chẳng tị hiềm cô là người lạ liệu có đáng tin hay không, vẫn ân cần mời cô về nhà chơi. Ông Phú sau đó nghe vợ kể tình cảnh xảy ra liền sốt sắng dò hỏi các nơi, lo giấy tờ cho cô nhập trại rồi còn làm mai cho cô con trai của một người quen. Cuộc hôn nhân thành công tốt đẹp. Thời gian ngắn sau đó, cô đến cảm ơn ông bà Phú và kính cẩn đưa ra một phong thư nhỏ, dịu dàng nói:

- Hai bác đã giúp con nhiều quá, ơn này cao như núi, con không biết làm sao trả hết. Con chỉ có món quà này xin kính biểu hai bác với tất cả tấm lòng thành kính của con.

Cứ ngỡ đó là tiền, vợ chồng ông bà Phú nhất định từ chối nhưng cô gái bảo đó không phải là tiền. Sở dĩ cô mua món quà này là vì sau mấy tháng đọc kinh niệm Phật hồi hướng công đức cho hai vị ân nhân đáng kính, cô được báo mộng nên mua tờ vé số có những chữ số như thế này rồi trao tặng ông bà Phú.

Cô ân cần nói tiếp:

- Vì đây con chỉ làm theo sự chỉ bảo cho vị Thần trong mộng rằng phúc phần này chỉ dành riêng cho hai bác, con không dám tơ hào dù chỉ một xu. Nếu quả đúng như vậy, con hy vọng hai bác sẽ sử dụng thật ích lợi số tiền này thì con vui lòng lắm rồi.

Ông bà đành nhận lời và hai ngày sau họ thật sự trở thành nhà triệu phú. Họ nghĩ ý chia xẻ một nửa số tiền cho cô gái nhưng cô nhất định từ chối và nói rằng cô sẽ bị một tai nạn rất lớn nếu cô lấy dù chỉ một xu trong số tiền này. Cuối cùng cả 3 người đồng thỏa thuận xây một khu chung cư như là một viện dưỡng lão dành cho đồng hương Việt Nam nơi xứ người. Gọi như vậy cho có vẻ sang một tí thật ra thì đó chỉ là một khu chung cư nhờ có khoảng hơn mười căn hộ. Xung quanh tòa nhà ngoài bãi đậu xe hai bên còn thiết kế hai khu vườn xinh đẹp, một bên trồng các loại hoa, một bên trồng toàn các loại rau, quả. Chưa hết, ông bà Phú lại cho xây dựng một nhà kính lớn để trồng rau và các loại cây thuốc Nam chữa bệnh vì họ trải qua biết bao mùa đông lạnh lẽo nơi xứ người nên thấu hiểu ý nghĩa ấm áp của những ngọn rau xanh ở trong nhà kính.

Thế nên, các vị lão niên có thể vào mùa hè „Khi chén rượu, khi cuộc cờ. Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên”, lại vừa có thể thưởng thức các loại rau xanh và sạch trong vườn nhà vào cả mùa đông lẫn mùa hạ. Khu chung cư đẹp và thơ mộng đến nỗi trở thành một địa điểm tham quan của du khách không những trong mà cả ngoài cái tỉnh lỵ bé nhỏ xinh xinh này.

Liên Hoa Sơn Trang ngoài vẻ đẹp đặc biệt thanh nhã bên ngoài, sự sạch sẽ bên trong mà còn có một cơ cấu tổ chức rất khác thường. Chủ nhân lấy rất ít tiền thuê nhà, hầu như chỉ đủ trả tiền điện nước mà thôi nhưng.... Không phải ai muốn vào thuê cũng được. Dù biết những người vào đây hầu hết là những vị lão niên, nhưng ông bà Phú vẫn rất cẩn thận nói trước với họ 3 điều kiện như sau:

1. Họ phải là những người quy y Tam Bảo và giữ gìn năm giới cấm.

2. Khi vào đây phải nghiêm túc tham gia các thời khóa công phu và thực hành thập thiện nghiệp đạo đó là:

- Thân: không sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

- Khẩu: không nói dối, nói lời thị phi thù ghét, nói lời hoa mỹ gạt người, nói lời thô ác.

- Ý: không tham lam, sân si.

Ông bà ôn hòa giải thích như sau:

- Dù đây không chính thức là một Đạo Tràng mà chúng tôi chỉ thờ tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ở trên tầng cao nhất giữa sân thượng để mọi người từ xa có thể chiêm ngưỡng, một Niệm Phật Đường nhỏ để quý vị có thể công phu mỗi ngày hai buổi, nhưng chúng tôi chỉ mong muốn những người sống ở đây có một thân tâm an lạc ở cái tuổi cuối đời. Nhất là phút cuối cùng ra đi bình an nhẹ nhàng về với cõi Phật, có phải quý vị ai cũng mong mọi vậy không? Thế nên, nếu quý vị đến đây thuê nhà với tâm ích kỷ, tham lam, ngạo mạn, hay sân hận thì quý vị sẽ làm cho mình và cả cộng đồng ở đây phiền não bất an. Chúng tôi làm việc ở đây bất vụ lợi, vì lợi ích chung nên số tiền thuê nhà lấy tượng trưng thôi. Mục đích chính của chúng tôi chỉ hy vọng quý vị được an vui, hạnh phúc lúc tuổi già.

Với những lời chân thành và tha thiết như thế phần lớn các cụ già đều vui vẻ chấp nhận nhưng tất nhiên thời gian dần qua, một số thì rất tinh tấn, một số không chịu nổi và rời bỏ Liên Hoa Sơn Trang, âu đó cũng là chuyện bình thường.

Thật sự Liên Hoa Sơn Trang có phải là nơi chốn an lạc của những tâm hồn hướng thiện không? Điều đó còn phải xem điều kiện sống của mọi người ở đây được tổ chức như thế nào.

Niệm Phật Đường sắp đặt ở tầng cao nhất và được mở cửa cả ngày lẫn đêm. Giờ công phu chính mỗi ngày là 7 giờ sáng và 6 giờ chiều. Mọi người đến đây chỉ có mỗi một việc là niệm Phật và nghe Pháp từ những băng đĩa chọn lọc. Cả tòa nhà cao tầng này đều có thang máy, mỗi phòng đều có đầy đủ tiện nghi giường, tủ, bàn, ghế, tủ lạnh, bếp, điện thoại và một hệ thống báo động khi có ai đó bị đột quỵ hay tai biến. Mỗi cuối tuần mọi người sẽ tổ chức nấu ăn chung, tập trung cùng nhau tại nhà bếp rộng lớn đủ chứa đến năm, sáu chục người một lúc. Bà Phú xứng đáng là một người nội trợ đảm đang luôn nghĩ ra những món ăn ngon, bổ, rẻ cho tất cả mọi người. Phụ tá đắc lực của bà là cô Thương, hai vợ chồng cô về hưu đều là Phật tử thuần thành rất nhiệt tâm giúp đỡ ông bà Phú trong các việc Phật sự.

Sau giờ công phu sáng, mọi người dùng điểm tâm tại phòng riêng, nghỉ ngơi một hai tiếng rồi cùng nhau xuống làm vườn dưới sự hướng dẫn của bác Trương, một cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, giờ trở thành một nhà làm vườn lão luyện. Tùy theo sức, bác chia việc rất công bằng: người nhổ cỏ, người tưới cây, người tỉa cành, người thu hoạch, người gieo hạt mới. Ai có phần này, vận động nhẹ nhàng, vừa làm vừa trò chuyện rầm rần cười đùa bên nhau quanh cảnh tươi vui đến nỗi ai cũng ngỡ mình đang độ tuổi đôi mươi. Bác Hoàng, vợ bác Trương, thì phụ trách mục tập dưỡng sinh lúc sáng sớm, mục này thì không bắt buộc nhưng người tham gia càng ngày càng đông bởi vì ai cũng thấy sau khi tập xong thì khỏe khoắn hẳn ra cứ y như vừa uống thuốc tiên vậy.

Chưa hết, tầng hầm được bài trí rất thoáng đãng, thanh lịch gồm có 3 gian phòng nhỏ và một phòng lớn. Ba căn phòng nhỏ một là Thư viện, hai là Vi tính và ba là phòng chữa bệnh bằng châm cứu và thuốc Nam do bác Lâm phụ trách, bác Lâm cũng là cựu quân nhân và là một Đông y sĩ rất mát tay và nhân hậu. Vườn thuốc Nam trong nhà kính được giao cho bác Lâm quản lý và bác hoàn thành công việc rất xuất sắc vì phần lớn những bệnh nhẹ lật vật đều chẳng cần đi bác sĩ ngoài. Các loại thảo mộc trong nhà kính từ cây nha đam chữa bỏng (phồng) đến cây sả, cây chanh từ cây xông hơi, cây sống đời chữa ho và rất nhiều loại được bác Lâm nghiên cứu đem về trồng làm thuốc chữa bệnh. Đông y sĩ Lâm là người bận rộn nhất khu chung cư này, vì ai già mà chả lắm bệnh. Duy có điều có lẽ vì bác hằng say làm việc thiện cứu người nên chẳng bao giờ thấy bác bị cảm cúm, đau xương, nhức mỏi gì cả, có lẽ Trời Phật gia hộ cho bác cũng nên. Cô Hoa, vợ bác, chuyên phụ trách trang văn chương, văn nghệ của Liên Hoa Sơn Trang, ai bảo tuổi già là không thiết tha đến chuyện viết lách. Cô Hoa có tài tổ chức tiệc tùng, sinh hoạt văn nghệ nên sinh nhật của ai cũng khẩn khoản mời cô đạo diễn cho vài tiết mục gì đó. Ngoài ra, ngày xưa cô cũng đã từng là một "văn sĩ" hơi nổi tiếng với những chuyện tình nhí nha nhí nhảnh kiểu như "năm anh hai mươi, em mới sinh ra đời". Lý do trở thành "văn sĩ" của cô bắt đầu như sau:

Năm một ngàn chín trăm hồi đó, Sài Gòn thất thủ, gia đình cô di tản không kịp nên cũng như bao người khác đều lâm vào cảnh hàn vi. Nhưng tính cô kiên cường, tháo vát nên cũng cố lặn lội xoay sở nơi chợ đời để nuôi chồng học tập cải tạo và gánh vác cả giang sơn nhà chồng. Tuy vậy cô vẫn có lòng nhân hậu nên thấy than vãn, cô vẫn sẵn lòng móc túi cho mượn tiền.

- Mấy bà biết không? Lúc họ hỏi vay thì hứa hẹn rất tử tế với mình đủ điều, lúc đòi thì họ trở mặt khắt lằn khắt lửa thiếu điều muốn quyết tiền luôn vậy đó. Tôi uất ức quá không biết làm sao bèn về nhà đêm ngồi chong đèn viết thư thống thiết... để đòi nợ.

- Rồi sao nữa? Mọi người nhao nhao hỏi.

Cô Hoa cười tủm tỉm:

- Ấy vậy mà công hiệu, ai đọc thư xong cũng động lòng đều trả lại tiền, có nhiều trả nhiều, có ít trả ít, thậm chí còn đến nhà xin lỗi tôi nữa kia. Chớ nói thật nha, hồi còn đi học, văn tôi dốt lắm, toàn điểm dưới trung bình không hà.

Cô Thương, em cô Hoa, chọc chị:

- Ủa! Vậy lịch sử trở thành văn sĩ của chị là bắt đầu từ thư... đòi nợ đó hả?

Mọi người lăn ra cười ngã nghiêng, cười chảy nước mắt. Nhưng tếu nhất trong hội cao niên phải nói là cô Hường, một thiếu nữ, à quên, một thiếu phụ Hà thành cổ kính thật sự. Cái giọng Bắc kỳ thanh lịch, điệu dàng tao nhã của cô có một sức quyến rũ lạ thường. Khi mà có kể chuyện cười thì ôi thôi! Ai nấy đều phải lo thủ sẵn cả hộp giấy. Cô lại có tài ngoại giao, tiếng Đức khá lưu loát vì cả hai vợ chồng cô đều là du học sinh trước năm bảy lăm nên luôn được cử ra để đón tiếp các đoàn tham quan của Đức hoặc lo các giấy tờ hành chính cho cả Liên Hoa Sơn Trang. Cô lanh lợi, tháo vát và biết đủ luật lệ nên việc gì đến tay cô đều trót lọt dễ dàng. Chồng cô ngược lại, sống rất khép kín, ông trải qua phần lớn thời gian tại Niệm Phật Đường nghe kinh, nghe Pháp hoặc

tọa thiền. Công phu tọa thiền của ông rất đáng khâm phục vì có khi kéo dài đến ba, bốn tiếng đồng hồ. Ông đã từng có một quá khứ rất đen tối vì bị sao đào hoa chiếu mạng trước và sau khi lấy vợ, ông có không biết bao nhiêu nhân tình nhân ái. Sau khi qua một cơn bệnh hiểm nghèo chết đi sống lại, chả biết ông thấy cái gì ở bên kia cửa tử mà tự nhiên thay đổi hẳn làm bà vợ kinh ngạc đến nỗi suýt nữa lên cơn tăng-xông chuẩn bị rửa chân leo lên bàn thờ thay vì ông chồng.

Liên Hoa Sơn Trang không những hấp dẫn các vị cao niên người Việt mà cả ông bà Antonio người Ý, bà vợ Việt chính hiệu chợ Bến Thành. Ban đầu ông bà vào thăm bạn, sau đó quyết định dọn đến... ở thử. Thử đâu sơ sơ... gần mười năm, ông trở thành một Phật tử tinh tấn xuất sắc: đọc tiếng Việt lưu loát, niệm Phật rất rõ ràng, nghiên cứu Phật Pháp mỗi ngày trong thư viện ít nhất bốn đến năm tiếng đồng hồ vì bản tính ông đã sẵn là người thích đọc sách và ham học hỏi. Ông trở thành phụ tá đắc lực cho Bác sĩ đồng y Lâm trong việc bốc thuốc, châm cứu chữa bệnh. Bà Ngân, vợ ông, nổi tiếng hiền lành, ai có việc gì khó khăn bà sẵn lòng giúp đỡ hết lòng, giúp với tâm buông xả không hề nghĩ đến việc người ta có giúp lại hay người ta đang lợi dụng mình, giúp với niềm hoan hỷ và nụ cười thân thiện nên ai cũng kính mến nể phục bà.

Tầng trệt nhất có hai căn hộ mà những người sống trong đó được xếp vào tuổi "teen" của khu chung cư vì họ mới chỉ lên hàng U4 và xấp xỉ U6 mà thôi. Một là đôi vợ chồng bác sĩ người Việt có một quá khứ tạm gọi là... vô thần. Sau khi chứng kiến vụ chết đi sống lại của chồng cô Hường, tâm họ bắt đầu có sự thay đổi. Rồi khi họ đến thăm vợ chồng cô Hường tại Liên Hoa Sơn Trang tình cờ gặp gỡ ông Antonio mắt xanh tóc vàng và nghe ông nói về Phật Pháp một cách lưu loát, họ cảm thấy chấn động. Chưa hết, ông chồng dù là bác sĩ nhưng tự nhiên lại bị bệnh xuất huyết dạ dày phải đi Tây y đủ cách mà không khỏi. Cuối cùng theo lời khuyên của cô Hường, họ tìm đến thầy lang Lâm và chỉ có vài lần châm cứu kết hợp thuốc Nam và xoa bóp, cánh tay cử động lại bình thường. Cuối cùng họ bàn nhau bán nhà dọn quách vào Liên Hoa Sơn Trang ở đến cuối đời.

Nhân vật thứ hai trong căn hộ ở tầng trệt đó là thiếu nữ được ông bà Phú cứu giúp năm xưa. Lấy chồng đã lâu nhưng không có con, gia đình chồng nói ra nói vào nhưng cô vẫn được chồng yêu quý. Tưởng mọi việc ổn thỏa, tưởng đâu... hai vợ chồng về Việt Nam thăm gia đình kết hôn với đi du lịch, đây là đi có vợ có chồng hẳn hoi. Thế quái nào mà năm sau một à ca-ve chân dài điện thoại qua ống ọ "báo tin vui": "Anh ơi! Đứa đầu lòng của tui mình là con trai đó nha, thằng nhỏ giống anh như Photocopy vậy đó!". Cô đành hát bài "Ôi ta buồn ta đi lang thang biết về đâu?" rồi tá túc nhà bạn bè, đi làm nơi khác tự lực cánh sinh.

Cô tìm gặp lại ông bà Phú, như năm nào lại ngời khóc như mưa trước mặt bà. Ông bà an ủi bảo cô dọn về Liên Hoa Sơn Trang mà ở, dù sao đây cũng có phần của cô. Ông bà chỉ ngại cô còn trẻ quá, ở chung với toàn các vị lão niên như thế này lại ngày ngày cầu kinh tiếng kệ không biết cô có chịu nổi chẳng? Chẳng ngờ cô lại thích nghi nhanh chóng với đời sống mới, ăn chay trường, tập tọa thiền, tu học rất tinh tấn, thậm chí còn là người quét dọn và sai vặt tốt nhất thế giới của Liên Hoa Sơn Trang. Cô nhanh nhẹn, ngoan ngoãn, tươi tắn và lúc nào cũng

cười khi có ai nhờ vả việc gì nên cuối cùng cô có kha khá một số các ông bà cụ đòi nhận làm con nuôi nữa chứ. Cô chẳng muốn lấy chồng và cũng chẳng ai muốn cô lấy chồng vì cô như đem lại cho Liên Hoa Sơn Trang một nguồn sinh lực mới trẻ trung và tươi mát.

Thấm thoát lại đến cuối năm, Liên Hoa Sơn Trang tưng bừng rục rờ trong không khí Tết. Con cháu của các vị lão niên cũng tấp nập kéo về thăm, mừng tuổi ông bà cha mẹ. Họ tụ tập ở Niệm Phật Đường nghe giảng về chữ Hiếu, về truyền thống đạo đức tốt đẹp của con dân nước Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến. Bình thường ở nhà có nói những điều này, chẳng ai thêm để ý nhưng khi đến Niệm Phật Đường tất cả đều rằm rắp lắng nghe với tất cả tấm lòng.

Không ai ăn Tết riêng trong căn hộ của mình, Liên Hoa Sơn Trang trở thành một đại gia đình đông đảo, như một khu hội chợ Tết đông vui náo nhiệt đầm ấm. Trẻ con có các trò chơi riêng buộc chúng phải nói tiếng Việt mới có thể tham gia được. Trung niên thì tham gia nào là Karaoke, xin xăm, lễ lộc, ca hát, kịch nghệ. Lão niên thì lễ Phật, quây quần bên con cháu, bạn bè trò chuyện hẳn hoi vui vẻ.

Cô gái năm xưa đến gần ông bà Phú âu yếm thì thăm:

- Con nghĩ rằng hai bác chắc không hối hận khi bỏ hết số tiền độc đắc để đầu tư vô vụ lợi cho công trình này.

Bà Phú vuốt tóc cô dịu dàng hỏi lại:

- Chắc con cũng không hối hận khi quyết định đưa tờ giấy số đó cho hai bác chứ?

Mọi người cùng bật cười vui vẻ. Ngoài trời tuyết rơi lạnh lẽo nhưng cả Liên Hoa Sơn Trang như ấm áp hẳn lên khi được sưởi ấm bởi TÌNH NGƯỜI ./.

. Thi Thi Hồng Ngọc

Thành Kính Phân Ưu

Nhận được tin buồn

Giáo Sư Lai Thế Hùng

Thành viên của Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam tại Âu Châu, một chiến sĩ kiên cường trọn đời dẫn thân trong công cuộc đấu tranh vì Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền cho Việt Nam

Đã từ trần ngày 10.10.2014
tại Strasbourg, Pháp Quốc
Hưởng thọ 72 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình tang quyến và Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam tại Âu Châu; đồng thời thành kính nguyện cầu cho linh hồn của Giáo Sư Lai Thế Hùng sớm được về cõi vĩnh Hằng.

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng
chùa Viên Giác

- Phù Vân, Chủ Bút và Ban Biên Tập - Kỹ Thuật
Báo Viên Giác, Đức Quốc.

Con Rồng, cháu Tiên

LTS: Vì vấn đề kỹ thuật, nên bài "Con Rồng, Cháu Tiên" trong VG 203 thiếu một đoạn kết, nên chúng tôi đăng tiếp trong số báo này. Xin thành thật cáo lỗi cùng độc giả và tác giả Huỳnh Ngọc Nga.
(Viên Giác)

(Tiếp theo VG 203)

MÀN III

(Cảnh rừng núi trên một khoảng trống rộng, lô nhô các con trẻ của Lạc Long Quân và Âu Cơ, chúng ôm nhau tha thiết, dạn dỏ, từ biệt rồi chia hai nhóm đứng hai bên trong khi chờ cha mẹ mở lời cùng chúng. Âu Cơ và Lạc Long Quân từ trong cùng bước ra đứng giữa sân khấu nhìn các con).

Lạc Long Quân: (Ngước nhìn trời cao rồi ngó xuống đất xong ngẩng lên nhìn hai bên các con, giọng trầm buồn) Sơn Thần, Thủy Thần và muôn thú đã ra về hết rồi, buổi lễ báo tin chuyện chia tay của chúng ta đã được thông báo khắp cùng sông, núi. Giờ là lúc cha mẹ có đôi lời muốn nói cùng các con. Mong các con hãy lắng nghe để hiểu lòng phụ mẫu.

Âu Cơ: (Tiến hai bước ra phía trước, buồn bã nhìn các con) Chư hài tử, như các con đã biết, vì lòng hoài vọng quê nhà của phụ thân các con nên cha mẹ đành phải tạm thời chia tay đôi ngã và các con vì thế phải phân ly. Dù miền kinh hay đất núi, hãy nhớ hai nơi đều là đất nước chung của các con.

(Bước về hướng các trẻ vận y phục miền Kinh, nàng ôm từng trẻ vào lòng và vừa nói, vừa choàng vào cổ chúng những vòng thạch bích) Đây là những viên đá núi, mẹ xâu thành những vòng thạch bích để tặng các con, thấy nó như thấy mẹ hiền. (Ngừng giây phút để đeo chuỗi thạch, xong rồi bước ra đứng vào chỗ cũ giữa sân, tay chỉ các con vận khổ quần chần, tức những trẻ ở lại) Khi nào các con nhớ mẹ và các anh em còn ở lại, cứ trở về đây. Dù xa hay gần, hãy giữ lòng thương yêu nhau như ngày nào các con cùng chung nhau bên mái núi. Và nhất là hãy nhớ rằng các con chung một mẹ cha, chung bọc chào đời. Mẹ sẽ dõi theo từng bước chân của các con bằng tình yêu thương, bằng gió núi mây ngàn hàng ngày trời bạt về Kinh. (Nghẹn ngào run giọng) Mẹ chúc các con câu thương lộ bình an.

(Quay sang Lạc Long Quân đang nảo nùng bên cạnh, Âu Cơ sụp xuống dưới chân chàng, hai tay dâng mũi tên ngày xưa Lạc Long Quân bắn hổ cứu nàng, mắt nhòa lệ, nhỏ giọng như giấu từng tiếng nấc đang dâng)

Lạc quân, đôi ta đã cạn lời tâm huyết, phút đăng trình xin gửi lại chàng mũi tên cứu tử ngày xưa, xin chàng giữ lấy như giữ mối duyên tình người sơn dã. Thiếp chúc chàng trọn vẹn mọi đường nơi quê cũ. Lối mòn trở lại vẫn mong chờ bước chân ai...

...

Lạc Long Quân: (nâng nhẹ Âu Cơ đứng lên, lau vội những giọt lệ rơi, nhận mũi tên cất vào tay nải. Xong chàng rút con dao rùng xoay cán dao đặt vào tay Âu Cơ, chàng âu yếm, dịu dàng): Hiền thê, ta cảm tạ tình nàng, đổi lại, xin hãy nhận vật tùy thân này của ta. Đây là con dao đánh hổ cứu nàng năm xưa. Thấy nó, như thấy ta luôn ở cạnh nàng và các con trẻ vậy. Ta sẽ trở lại trong một ngày không xa lắm. Hãy tin lời ta và chờ đợi buổi đoàn viên.

(Âu Cơ kính cẩn nhận dao trong khi Lạc Long Quân bước về phía các trẻ vận khổ, quần khăn ở lại cùng Âu Cơ, chàng đến bên chúng, đặt tay lên vai từng đứa và rút trong tay nải ra từng bịch đất gói sẵn trong lá chuối rừng đặt vào tay chúng, xong chàng đồng dạc)

Các con thương yêu của ta, ta tạ lỗi cùng trời đất, hổ thẹn cùng mẹ các con và các con vì đã tạo nên buổi chia ly này. Nếu chim kia tìm về núi, cá nọ lội về nguồn thì ta cũng nghe bỗng phận thần tử phải quay về nơi hương khói. Đây là những bịch đất lấy từ đất miền kinh, đất của quê ta và cũng là đất của quê hương các con. Nơi nào ta và các anh em các con dừng bước, đó cũng là nhà của các con. **Bây giờ và mãi về sau, các con – dù kinh hay núi, dù ở bất cứ phương trời nào, hoàn cảnh nào hãy luôn luôn nhớ câu đất mẹ quê cha để luôn đoàn kết giữ gìn bờ cõi** (đưa tay chỉ Âu Cơ) Hãy thay ta chăm sóc mẹ của các con để người không thấy sự thiếu vắng của ta, và hãy nhớ rằng mẹ cha của các con vẫn yêu thương nhau như thuở ban đầu. (Ngước nhìn chung quanh cây cỏ, núi non) Ta sẽ hướng về núi mỗi ngày để vọng tưởng nơi đã cho ta bao nhiêu năm hạnh phúc. Ta cầu đất trời phò hộ cho mẹ các con và các con.

(Lạc Long Quân nói xong bước đến ôm Âu Cơ, nắm tay nàng, rồi từ từ rời nhau hướng về các trẻ mặc y phục miền kinh cùng chúng vẫy tay chào, bước vào trong sân khấu. Âu Cơ cùng các trẻ ở lại vẫy tay tiễn đưa. Nhạc chuyển lên, trong khi từ bên trong hậu trường vọng ra tiếng nói...)

Cuộc chia tay của Lạc Long Quân và Âu Cơ diễn ra trong êm đềm, không kẻ ngoại tình, không người phản bội, nhưng không ai nghe chuyện trở về động hoa vàng của Lạc long Quân như lời đã hứa. Sử sách ghi rằng, các người con ở lại núi thành lập bộ tộc Âu Lạc, lấy từ hai chữ đầu của Lạc long Quân và Âu Cơ.

Lạc Long Quân dẫn năm mươi con xuống núi, từ đồng bằng sông Dương Tử xuôi về phương Nam thành lập nước Văn Lang, với niên hiệu Hùng Vương của mỗi vị vua trị nước, trải được mười tám đời, mở đầu cho trang chính sử của dân tộc Việt Nam chúng ta ngày nay.

Nhớ lời tiên nhân nhắn nhủ, dân tộc Việt đã kiêu hùng gìn giữ bờ cõi quê hương, 13 lần chống và chiến thắng giặc Tàu phương Bắc dù phải trải qua bao lần chia sẻ nội tình: loạn 12 sứ quân, Nam Bắc triều Trịnh Nguyễn phân tranh, tranh hùng Gia Long - Nguyễn Huệ, chia cách sông Bến Hải- Và bây giờ chúng ta phải làm gì đây khi kẻ thù truyền kiếp lại đang thêm lần nữa xâm lấn quê hương ta?

• Huỳnh Ngọc Nga
Torino, ITALIA – 05.03.2014

Chuyện Bất Ngờ Cuối Năm

Kịch ngắn một màn, một cảnh

• Huỳnh Ngọc Nga

Nhân vật :

Ông Phùng : công chức về hưu, 68 tuổi
Bà Phùng : vợ ông Phùng, nội trợ, 66 tuổi
Hoàng : con trai út của ông bà Phùng, 26 tuổi
Phương Lan : con gái của ông bà Phùng, 30 tuổi
Bà Năm Hên: bạn của bà Phùng, 55 tuổi
Thanh : Việt kiều, cháu bà Năm, 35 tuổi

Chiều 30 Tết, cảnh phòng khách nhà ông bà Phùng chung bày rục rở đón Tết. Bàn thờ tổ tiên đặt sát vách giữa sân khấu trên có lư đồng và cặp chân đèn gần đèn cây chạm trổ tinh xảo, bình hương sáng loáng, một bình hoa vạn thọ tươi tốt. Một bộ salon dài đặt giữa phòng day mặt xuống sân khấu, có hai ghế bành bao quanh một bàn nhỏ, trên bàn có một chậu bonsai thanh lịch, một bộ trà 6 cái tách. Nằm ở góc trái bìa sân khấu có một chậu mai vàng nở bông rục rở. Một TV lớn nằm ở góc đối diện với bộ salon. Sát bìa bên phải sân khấu một bàn nhỏ để máy computer có ghế ngồi.

Trong phòng, ông Phùng quần tây, áo sơ mi chỉnh chặc ngồi trên ghế bành đọc báo. Bà Phùng mặc nguyên bộ bà ba lụa vàng nhạt tử trong hậu trường bước ra, tay bưng một đĩa ngũ quả to đem đặt trên bàn thờ gia tiên, đặt xong bà đứng ngắm nghía toàn bộ bàn thờ.

Bà Phùng (xoay qua chồng, nói): Ông coi đĩa ngũ quả năm nay được hông ông? Tui tính mua cặp bưởi Năm Roi hình bầu rượu hay cặp dưa hấu hình vuông nhưng vật giá năm nay mắc quá, sơ sơ mỗi cặp như vậy gần cả chục triệu, tính ra thiệt là phung phí nên tui theo lệ cũ sắp một bộ ngũ quả coi cũng đầy đủ vậy, phải không ông?

Ông Phùng (buông tờ báo xuống, tay gỡ cặp kính lão, nhìn về phía vợ): Bà làm sao coi được thì làm miễn vừa ý bà thì thôi, hỏi tui làm chi, lỡ tui nói "không được" mất công bà nhảy đồng lên rồi bù lu bù loa gán nào tui "chồng chúa, vợ tôi", nào gia trưởng ăn hiếp bà như chuyện hôm qua thì mệt thân già của tui lắm bà ơi.

Bà Phùng (cười tồn tên như biết lỗi rồi bước lại ngồi trên salon dài cạnh bên ghế của chồng): Ông cũng kỳ, chuyện hông có gì mà nhắc hoài. Có mấy dây so đũa quần hàng rào cho lạ mắt mà cũng cà ràng cứ nhứt làm như... tía tui, rồi còn nói tui làm chuyện ruồi bu, chuyện mê tín dị đoan thì tui hông tức mà cãi ông sao cho được.

Ông Phùng (đứng lên, bước ra gần cửa nhìn ra ngoài cổng - tức phía trong hậu trường - rồi nhún vai lắc lắc): Hừ, hàng rào đang trồng bông búp đẹp để tự dưng đem mấy dây so đũa về quần tùm lum, coi không được chút nào....

Bà Phùng (ngó theo chồng): Ông nói làm bầm cái gì đó?

Ông Phùng (quay trở lại ghế bành và ngồi xuống): Tui lặp lại lời tui nói hôm qua là hông biết bà theo cái "mốt" gì mà đem dây so đũa quần hàng rào bông búp làm mất vẻ đẹp của mặt tiền nhà mình.

Bà Phùng (chắc lưỡi thờ ra, vẻ chịu đựng): Thì tui cũng đã nói hôm qua rồi, năm nay là năm Mùi, tui không trồng kịp cây so đũa thì tui kiếm dây bông so đũa về quần hàng rào để kiếm chồng cho con gái mình. Qua năm mới nó cũng 30 rồi chứ có trẻ trung gì nữa đâu. Ông không lo cho con thì tui lo, đừng hỏi lung tung mất "linh" mà con nhỏ nghe nó cũng buồn. Nó phải có chồng năm nay mới được ông à. Năm Mùi hợp với tuổi Mẹo của nó lắm, nếu thẳng chồng nó tuổi Hợi hay Mẹo hoặc Mùi thì còn tốt hơn nữa vì Hợi - Mẹo - Mùi tam hợp mà.

Ông Phùng (cười ngất): Trời đất, vậy ra bà tính kiếm một chồng dê xồm cho con Phương Lan đó hả? Chỉ có dê mới thấy so đũa mà nhào vô thôi. Bà làm như con gái mình ở cung cấm chờ xe dê của vua đi ghé ban ân sủng nhờ mấy hàng so đũa trước cửa cung vậy đó. Như vậy, không là chuyện ruồi bu, mê tín thì là chuyện gì chứ?

Con Phương Lan nó mới có 30 tuổi mà bà sợ nó ế cái nỗi gì. Thời buổi này năm, sáu chục tuổi cũng có người mới lên xe hoa bà không thấy sao? Bà không nhớ hồi đó, lúc tuổi bà tròn tròn 34, 35... dê cụ (cười mỉm) tui vẫn thấy bà đẹp mà òn ì xin ba má tui đi cưới bà cho tui hay sao? Tui còn nói tuổi đó là tuổi chính chắn, trưởng thành nữa, bà nhớ không?

Bà Phùng (nguyt dài, giọng ngưng ngưng): Thôi đi ông, tui lấy chồng trễ tại nghe lời tử vi mà chờ ông đó. Tử vi nói, nếu tui lấy chồng sớm sẽ dễ bị gãy đổ và sẽ có tới hai đời chồng, còn chờ sau 35 tuổi thì ăn đời ở kiếp, con đàn cháu đống, phúc lộc đầy nhà. Nhờ vậy ông mới cưới được tui chứ bộ tui ế sao. Ờ, mà ông thấy chưa, nhà mình bây giờ tuy không hơn ai nhưng cũng đâu có thua ai, nhờ tui lấy chồng ở tuổi 35 đó đa. Minh chỉ còn thiếu dâu với rể rồi có thêm đàn cháu là đúng y chang lời tử vi nói chứ bộ...

Ông Phùng (xua xua hai tay): Thôi được rồi, bà không ế, chỉ có tui là cưới vợ "bầm" (đến đây ông cười khi thấy vợ trợn mắt ra dáng sùng sộ). "Bầm" là thuộc tuổi ba mươi trở lên đó mà, bà đừng nổi nóng. Người gì đâu nói chơi không biết, nói thiệt không hay.

(Và như sự nhớ ra điều gì, ông nhìn đồng hồ treo tường rồi hỏi vợ):

Ừa, hai đứa nhỏ đi làm về, cúng rước ông bà, ăn uống xong xuôi rồi lặn đi đâu mất biệt vậy bà? Bà nói chiều nay nhà có khách sao tui nó không ở nhà? Mà khách nào sao không nghe bà nói tui biết, thét rồi cái gì bà cũng ậm ờ tới giờ chót mới cho tui hay.

Bà Phùng (nhấn mắt, nhíu mày): Ông thiệt đúng là già mau quên, chắc tại tối ngày cứ lo mấy trận đá banh hết vô địch câu lạc bộ trong nước đến cúp câu lạc bộ châu Âu nên có nhớ gì nữa đâu. Vậy chờ hồi sáng ai nhắc ông chiều nay ăn mặc chỉnh tề vì có chị Năm Hên dẫn thẳng Thanh, cháu chỉ, qua thăm mình nhân dịp chỉ nói có chuyện muốn hỏi ý vợ chồng mình luôn.

Ông Phùng (như sự nhớ ra): À, tui nhớ ra rồi, Thanh, thẳng cháu Việt Kiều của chỉ ở Úc về chơi ăn Tết luôn phải không? Nó có qua đây mấy lần rủ thẳng

Hoàng, con Lan đi chợ Tết chứ có lạ lắm gì đâu mà bà bắt tui lên quần áo như đi dự tiệc vậy hà.

Bà Phùng (*gật đầu*): Phải đa, thẳng đó đó ông. Tui hơi nghi nghi cuộc viếng thăm chiều nay của hai dì cháu nó lắm nghen ông.

Ông Phùng (*nhướn mày*): Nghi cái giống gì? Chắc lại nghi chuyện dè xòm ăn so dưa của bà ngoài hàng rào phải không? (*ông chắc lưỡi*) Còn cái chị Năm Hên nữa, hờ hờ là mai với mỗi. Tui đã nói rồi, chuyện tình cảm phải để tui nhỏ chọn lựa, quyết định. Mấy vụ mai mỗi không hợp thời nữa, nhất là ở thời buổi internet này. Ờ, mà tui nó đâu rồi?

Bà Phùng (*đứng dậy, ngó mong ra cửa*): Chắc tui nó cũng gần về rồi đó. Con Phương Lan đi làm tóc, còn thẳng Hoàng qua nhà chị Năm Hên chơi với thẳng Thanh sẵn về đây chung với dì cháu nó luôn. Hai thẳng này coi vậy mà hợp tánh nhau lắm, sau này có thành anh rể, em vợ cũng tốt cho con Lan.

Ông Phùng (*trăm ngâm*): Chưa gì hết mà thẳng Hoàng đã thân cận với thẳng Thanh, không sợ người ta nói mình tìm cách mua chuộc Việt kiều để gả con Lan sao?

Bà Phùng (*nguyt dài*): Ông sao khéo lo bò trắng răng. Tui nó vô tình cùng làm ở ngành hóa chất nên thân nhau vì nghề nghiệp là chuyện thường chứ có ai mua chuộc ai đâu. Thôi, tui vô bếp lo soạn sẵn đĩa bánh mứt, nấu bình trà Huế chờ khách tới đây. (*nói xong bà ngoe nguẩy vào bếp - tức phía bên phải trong hậu trường nhìn từ sân khấu*). Ông Phùng mang lại cặp kính lão, với tay lấy tờ báo định tiếp tục đọc thì Phương Lan từ ngoài cửa xuất hiện (*hướng trái của hậu trường nhìn từ sân khấu*). Đó là một cô gái thanh mảnh, vừa tầm, cô mặc một chiếc váy màu xanh bích đậm, ngắn tay, hở cổ, một bên có cầu vai, một bên buông thả lửng nửa vai trông rất hợp thời trang, mang giày cao gót. Tóc cô cắt ngắn úp hai bên gò má, đeo bông tai kiểu giọt mưa lóng lánh, cổ mang chuỗi xanh bích nhẹ hợp với màu áo cô mặc. Cô bước vào đứng giữa sân khấu thì dừng lại...

Phương Lan (*nhìn chung quanh rồi quay sang ông Phùng*): Thưa ba con mới về, má đâu rồi ba? Khách tới chưa ba?

Ông Phùng (*ngó lên nhìn con rồi cúi xuống tiếp tục đọc báo, miệng trả lời*): Má con dưới bếp nấu trà. Khách khứa con không thấy tức là họ chưa tới, còn phải hỏi. (*Như sực nhớ ra điều gì, ông Phùng buông tờ báo, tháo cặp kính lão ra rồi kêu con gái khi cô dợm bước chân vào nhà trong*)

A, Phương Lan, đứng lại ba hỏi cái này. Con thấy thẳng Thanh, cháu bà Năm Hên thế nào?

Phương Lan (*dừng lại và bước đến ngồi trên ghế của bàn vị tính, nhìn đối diện với ông Phùng, giọng ngạc nhiên*): Ủa, sao tự nhiên ba hỏi con như vậy? Nhà mình chỉ mới gặp Thanh vài ba lần, con và thẳng Hoàng có đi chợ Tết, ăn kem với ảnh cũng hai lần nên con cũng không biết trả lời chính xác về ảnh như thế nào đây. (*Rồi cô trăm ngâm giây phút*) Tính ra, đó là một thanh niên tương đối đẹp trai, có học, có công ăn việc làm lại là Việt kiều Úc. Đi chơi ảnh tỏ ra khá hào phóng, lịch sự, nhưng...

Bà Phùng (*bất ngờ từ trong bước ra, chặn lời con gái*): Nhưng nhưng cái gì, người như vậy bộ để kiếm làm

sao mà còn như với nhị. Dì Năm Hên có nói với má là "thẳng" về Việt Nam kỳ này tuy mượn tiếng về ăn Tết quê hương nhưng thực tình để cưới vợ. Bởi vậy mấy tuần nay nó cứ qua lại nhà mình hoài, rồi còn rủ tui bây đi chợ Tết, chắc chắn là "thẳng" để ý tính chuyện gì với con nên nó mới chàng ràng như vậy đó. Dì Năm Hên có bỏ nhỏ cho má biết là chiều nay "thẳng" có chuyện quan trọng muốn thưa với ba má. Hai cha con thử đoán coi chuyện quan trọng là chuyện gì nếu không là việc xin hỏi cưới con làm vợ vì chỉ còn tuần nữa là "thẳng" hết hạn lưu trú phải về Úc rồi.

Phương Lan (*cười ngất, cô ngắt lời mẹ*): Má ơi, nếu anh Thanh để ý tới con thì ảnh phải tìm cách nói chuyện với con để dò ý con trước chứ có đâu im ru không nói tiếng nào cho con biết hết như vậy. Chắc ảnh qua đây tính chuyện rủ ba hùn vốn mở phòng bào chế hóa chất theo công việc của ảnh ở bên Úc đó thôi.

Ông Phùng (*cười cười, nói chen vào*): Không chừng thẳng Thanh dự định mở phòng bào chế hóa chất giữ cho dây so dưa của má con không héo trên hàng rào bông búp nhà mình đó nghen. (*Ông nhún vai*) Trời, đời thuở kiếm chồng cho con mà giảng so dưa để dụ rỏ vào nhà như dụ dê kéo xe vua, con coi có ai kỳ cục như má con không? Thiệt hết chỗ can bả.

Mà nè, lúc này con đang nói về thẳng Thanh, tới chỗ nhưng... thì bị má con ngắt ngang, bây giờ nói tiếp cho ba nghe coi có điều gì khác con nhìn thấy ngoài cái "đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi" của nó để thử xem cha con mình có đồng quan điểm với nhau hay không?

Phương Lan: Dạ, con thấy ảnh có vẻ thư sinh, nhu mì nhũ mĩ thái quá, không hợp với tuýp đàn ông con thích là phải mạnh dạn, phong trần đầy nam tính (*cô quay sang ngó mẹ*). Má đừng lo con ể chồng, tại con chưa chọn được người vừa ý chứ trong chỗ con làm không thiếu người ngấm nghe con đâu.

Bà Phùng (*thở dài*): Ờ, ở đó mà kén với chọn đi con. Cái già nó đến kề bên hồi nào không hay rồi chừng đó chạy đôn chạy đáo nhờ má kiếm chồng cho con. Lấy chồng hiền lành nho nhã không chịu, lựa mấy thẳng "nam tính" như "cô" muốn tới chừng có chuyện lục đục vợ chồng, nó nóng tính thượng cẳng tay, hạ cẳng chân chừng đó đừng có xách gó về nhà ba má hay ra phường kiện tụng chồng vũ phu nghen con.

Phương Lan (*nhấn mặt, giọng hờn giận, đứng dậy đến ôm vai mẹ*): Má, sao má trù con như vậy? Nam tính ở đây là biết quyết đoán, tự tin, mạnh dạn trong việc chứ nào phải hung hỏ, nóng nảy, dữ dằn như má nghĩ đâu nè. Anh Thanh này con thấy ảnh rụt rè, nhỏ nhẻ như con gái, nói chuyện với con mà ảnh làm như nói chuyện với chị hai ảnh hồng băng, cái gì cũng "xin phép cô, xin lỗi cô"... con nghe mà bắt mệt.

Bà Phùng: Đó là tính lịch sự của Tây đó con, đáng lẽ con phải hài lòng chứ sao lại bực bội. Má nhớ ba của con hồi đó hể hể ra là nói như hạ lệnh, ổng có biết "ga lăng, nịnh đầm" là cái gì đâu. (*Bà Phùng vừa nói vừa liếc xéo chồng*). Chẳng hạn như lúc đi mua áo cưới, ổng có cho má lựa theo ý má bao giờ, (*tới đây bà giả giọng ông Phùng*) "anh thích thứ này, em mua đi", quyết đoán thành ra độc đoán là ba của tui con đó.

Ông Phùng (*tặng hắng*): Ờ, độc đoán vậy mà có người mê cũng ngộ thiệt.

Bà Phùng: Hứ, ai mê ông? Tui... tại cha mẹ đặt đầu ngồi đó chứ bộ (*Bà ngừng giây phút như nghe ngóng*) Hình như có tiếng xe ngừng ngoài cổng, chắc khách đến rồi. Phương Lan, con coi phụ ba con tiếp khách để má vô trong thay áo dài cho đàng hoàng một chút. (*Nói xong bà hồi hả vào trong*). Cùng lúc đó, từ bên trong hậu trường có tiếng vọng vào:

- Ông bà chủ nhà ơi, có Năm Hên đến xông đất sớm mừng gia đình ông bà đây. Năm mới, chúc mọi sự đều hên như Hên đây, may mắn, yên vui, hạnh phúc".

Đồng thời từ hậu trường bên trái ba người tiến ra sân khấu, bà Năm Hên đi đầu, tiếp đến là Thanh và Hoàng tay nắm tay nhau thân mật. Bà Năm Hên dáng phốp pháp, không cao, không thấp, mặt mày vui vẻ. Bà mặc áo dài nhưng màu tím sẫm, thêu đính hoa văn rất đẹp, tóc búi cao, cổ đeo chuỗi hạt trai trắng, tai cũng mang hoa tai hạt trai. Hai tay bà bưng một quả tre trên có hai trái bưởi hình bầu rượu dán giấy đỏ ghi ba chữ PHÚC - LỘC - THỌ.

Hoàng cao ráo, phương phi. Tóc nhuộm màu bắp chín, chải dựng đứng lên cao. Chàng mặc áo pull có hình CHE GUEVARA, quần jeans chỗ bạc, chỗ xanh theo thời trang trẻ hiện hành.

Thanh cao ráo, thanh mảnh, tóc chải chuốt đàng hoàng, đeo kính cận, áo sơ-mi trắng, quần tây xanh đen. Tay chàng cầm một cặp rượu tây gói giấy đỏ thắt dây hoa cẩn thận.

Ông Phùng và Phương Lan cùng đứng lên tiến ra đứng giữa sân khấu. Chủ khách hai bên cùng chào hỏi nhau.

Ông Phùng: Chào chị Năm. (*Xoay sang Thanh, ông bắt tay khách*) Chào cháu. Gia đình tui cũng kính chúc chị và cháu một năm mới vạn sự cát tường. (*ngó Phương Lan ông nói*) Con vô nói với má con là đi Năm và cậu Thanh đã đến nghen con.

Phương Lan: Dạ. (*rồi hướng về bà Năm Hên*) Thưa dì Năm mới đến (*quay sang Thanh, cô tiếp lời*) Lan chào anh. Mời anh và dì ngồi chơi, để con vào trong pha trà và mời má con ra. (*cô vào trong*).

Thanh (*vấn đứng*): Dạ, con chào bác, chào cô Lan.

Bà Năm Hên (*trả lời ông Phùng và Phương Lan*): Anh và cháu Lan cứ để tui tự nhiên, mình chỗ quen biết chứ có xa lạ gì đâu nè. Sẵn dịp này, đi cháu tui có chút quà mừng Tết biểu gia đình anh chị đây.

(Lúc đó bà Phùng mặc bộ áo dài màu rêu sậm từ bên trong bước ra, bà bước nhanh đến bên bà Năm Hên, mừng rỡ)

Bà Phùng (*vỗ vãi ôm vai bà Năm Hên*): Dữ ác hôn, tui tưởng đầu chị quên hẹn rồi chứ, trễ gần nửa giờ rồi đó nghen bà bạn già. (*Xoay sang Thanh, bà đon đả*) Khoẻ không cháu? Sao, thấy Tết quê nhà thế nào? Vui hông?

Ông Phùng (*chận lời vợ*): Bà hỏi sao không kịp thờ, từ từ cái đã, mời chị với cháu ngồi xuống uống trà trong khi chờ con Lan dọn cơm chiều mình ăn chung một thể. Rượu và bưởi chị tặng bà tính sao chứ không lẽ để chị và cháu cầm trên tay hoài sao?

Bà Phùng (*giọng mừng rỡ pha chút bả buôi, nửa đùa, nửa thật*): Trời, bưởi loại này mắt như vàng chị và cháu làm vợ chồng tui ái ngại quá. Cảm ơn chị và cháu nghen. Cha, bánh sáp đi như vậy, hông biết tui tui kiếm cái gì làm bánh quy "lại quà" cho chị và cháu đây? (*quay*

sang con trai bà đang đứng dựa bàn vì tính bà nói) Hoàng, Con đem sắp cặp bưởi với hai chai rượu này lên bàn thờ giùm má đi con. (*rồi kéo tay bà Năm Hên, bà chỉ ghé salon mời*) Ngồi, ngồi chị, cháu Thanh cũng ngồi chứ bộ tính đứng đó làm rě hay sao vậy cháu?

(Hoàng vào trong lấy hai cái đĩa rồi bước đến nhận bưởi trên tay bà Năm trong lúc Thanh cũng bước về phía Hoàng. Cả hai lui cui sắp bưởi vào đĩa, tháo bao giấy đỏ lấy hai chai rượu ra rồi cùng nhau sắp xếp mọi thứ lên bàn thờ. Xong họ nhìn nhau cười chúm chím trước khi bước về phía ghế salon dài và cùng ngồi xuống bên nhau)

Bà Năm Hên (*cười tủm tỉm*): Hổng chừng chị nói vậy mà đúng đó đa. Còn tui, trước khi ngồi còn phải đi đốt nhang bàn thờ nhà gia chủ cho đúng lệ Tết Việt Nam mình để thẳng cháu tui nó học thêm phong tục nước nhà. (*Bà nói như phân bua*) Tội nghiệp thẳng nhỏ anh chị à, cha nó mất sớm, mẹ lấy chồng khác đi xa, tui nuôi nó đến khi nó 18 tuổi thì mẹ nó bảo lãnh cho nó sang Úc ăn ở, học hành luôn tới bây giờ, cũng hơn mười mấy năm rồi nên nó cũng đâu nhớ nhiều chi lắm tập tục Tết nhứt của mình.

(Nói xong bà bước về phía bàn thờ, thả một cây nhang cắm vào bình hương rồi trở lại ngồi xuống ghế salon cạnh Thanh và Hoàng. Bà Phùng và ông Phùng ngồi ở ghế bàn hai bên)

Ông Phùng (*nhìn Thanh*): Chị Năm nói vậy chứ thẳng Hoàng nhà tôi ở trong nước mà nó cũng đâu thềm nhớ đến những điều hay của phong hóa quê mình. Tui nó đâu hiểu tại sao ngày tư, ngày Tết khi đến viếng nhà người thân quen cần phải đốt nhang trên bàn thờ nhà đó, nhất là sau khi gia chủ đã làm lễ cúng rước ông bà. (*gõ gõ mấy ngón tay trên thành ghế bàn, ông nhìn con trai và hỏi*) Con có biết lý do tại sao không Hoàng?

Hoàng (*bây giờ mới lên tiếng*): Sao vậy ba? Con thì con nghĩ mấy cái chuyện này mang tính chất hủ tục mê tín vì người chết là hết, có về đâu mà đốt nhang khấn vái, chào mời.

Ông Phùng (*lắc đầu rồi gật gù*): Hồi ba còn trẻ, ba cũng nghĩ như con vậy. Nhưng theo tuổi đời với cuộc sống nghe, thấy, học hỏi thêm chung quanh ba mới nghiệm ra điều này. Cứ cho chết là hết đi, nhưng người sống, nhất là người Việt chúng ta, vốn ăn ở có trước có sau nên làm gì thì làm cũng không quên nguồn cội. Tết là lúc âm dương nhật nguyệt giao hòa chuyển đổi 365 ngày mới, là ngày hội để hiện tại chào quá khứ, đón tương lai. Chúng ta làm lễ rước ông bà như một hình thức nhớ quá khứ mà tổ tiên là những người đã cho ta có được hôm nay, một cách để dạy con cháu làm gì thì làm vẫn không nên quên người đi trước. Đó là tính thủy chung của kẻ sống đối với người chết. Thắp một nén hương là để tự nhắc mình, nhắc người đừng quên nguồn cội chứ không phải mê tín dị đoan đâu con. Đến nhà người khác trong ngày Tết thắp hương bàn thờ là cách tỏ lòng kính trọng gia chủ đó thôi con à. Chính những cái hay đó giữ cho người Việt mình đi đâu, ở đâu đến Tết cũng nhớ quay về tìm nhau quanh bàn thờ gia tộc là vậy đó.

Đúng lúc đó Phương Lan bưng một bình trà ra để lên giữa bàn, cô rót trà ra mỗi tách)

Phương Lan (*đẩy các tách trà nghi ngút khói trên bàn về phía mỗi người*): Dạ, con mời ba má, mời dì Năm, mời anh Thanh uống trà.

Bà Phùng (nói với Phương Lan): Con vô lấy hộp mứt má sắp sẵn hồi nãy đem ra ăn với uống trà đi con (trong lúc cô gái "đạ" và quay bước vào bếp, bà Phùng hãnh diện khoe với bạn) Mứt me, mứt dứa, mứt chanh, ô mai, tất cả con nhỏ làm ở nhà hết chứ không phải mua ngoài chợ đâu nghen chị.

Bà Năm Hên (suyt soa): Chèn ơi, con gái chị thiệt là công ngôn dung hạnh đủ đầy, thời buổi này hiếm ai được như nó lắm đó chị. Ai có phước lắm mới cưới được cháu à nghen.

Bà Phùng (giọng hả hê): Nói hồng giấu chị chứ trong sở làm của nó thiên hạ sắp hàng dài dài theo nó mà nó có chịu ưng ai đâu. Nó nói chưa tìm được người vừa ý nên vợ chồng tui phải chờ đó chị. Tụi tui cứ nghĩ, chuyện vợ chồng là câu duyên nợ, để nó tự lo liệu chứ hồi thức nó quá rui nó thương mình rồi ưng càng, ưng bậy gặp người không tốt sau này khổ thân nó, tội mình lãnh, phải không chị?

(Phương Lan bung hộp mứt ra, mở nắp để trên bàn, cô sắp mấy cái đĩa nhỏ và các khăn ăn giấy để trước mặt mọi người rồi lại mời như mời trà vừa qua. Xong xuôi, cô định chuẩn bị lui bước vào trong nhưng bà Phùng lên tiếng)

Bà Phùng: Phương Lan, hôm nay ngày 30 Tết, mọi người vui vẻ với nhau, con ngồi xuống đây để chung vui cùng cả nhà, chút nữa hãy lo chuyện dọn bàn ăn cơm chiều cũng chưa muộn.

(Mọi người lo chuyện vẫn không ai để ý là Hoàng và Thanh thỉnh thoảng đưa mắt nhìn nhau cười tủm tỉm hoài)

Bà Năm Hên (nhìn Phương Lan với vẻ yêu thích, hài lòng): Phải đó con, ngồi đây đi, sẵn dịp có chuyện thẳng Thanh nó muốn thưa cùng anh chị và các cháu.

Ông Phùng và bà Phùng (đồng thanh ứng hỏi): Chuyện gì vậy chị?

Bà Năm Hên (bung tách trà nhấm một hộp nhỏ lấy giọng rồi đứng lên, trịnh trọng): Thưa anh chị, như anh chị biết đó, thẳng Thanh đây tuy là cháu tui nhưng tui thương nó như con ruột vì đã nuôi nấng nó từ khi cha nó chết, mẹ lại lấy chồng đi xa. Bây giờ ăn học thành tài, cơ ngơi vững chãi nên nó cũng muốn có một mái gia đình như mọi người. Nó thường than thở với tui là tìm hoài mà không thấy ai vừa ý (tới đây bà cười, ngó Phương Lan) giống như chị đã nói về cháu Phương Lan. Về lần này, trước là để hưởng lại cái Tết cổ truyền quê hương, sau nó nhờ tui giới thiệu một nơi tin cậy. Tui nhìn quanh quất thấy chỉ có gia đình anh chị là tui ưng ý nhất nên đã xin phép anh chị cho nó qua lại đây mấy lần, chuyện vẫn, vui chơi với hai chị em cháu Lan để dọ dẫm tính tình. Chỉ còn hơn tuần nữa là cháu nó hết hạn lưu trú phải về Úc nên nó nhờ tui thưa cùng anh chị cho nó nói đôi lời trước khi từ biệt.

(Mắt bà Phùng sáng lên khi nghe bà Năm Hên nói. Phương Lan e thẹn ửng đỏ đôi má hồng. Ông Phùng gật gù như chờ đợi. Hoàng và Thanh ngồi xích lại gần nhau, tay nắm tay như xúc động tột cùng)

Ông Phùng (ngó bà Năm Hên rồi quay qua Thanh, ông chậm rãi nói): Gia đình chúng ta quen biết từ bấy lâu nay, có gì thì chúng ta cứ giải bày, ngày Tết cũng là dịp để mọi người cảm hiểu nhau hơn mà. Đâu, cháu Thanh, có gì muốn nói thì cứ thẳng thắn mà trình bày,

để xem hai bác và tụi nhỏ có giúp gì được cho cháu không?

Thanh (buông tay Hoàng ra, e dè đứng dậy, sửa lại cặp kính cận, xoa hai tay vào nhau giây phút rồi ngập ngừng nói): Thưa hai bác, đúng như lời dì Năm con nói, sau một thời gian thân cận cùng gia đình hai bác, quen biết với cô Lan và em Hoàng con thấy tình cảm mình ghé lại ở nơi đây. Con năm nay 34 tuổi, qua năm tới... tới nữa thì được 36 (đến đây Phương Lan mím môi cười nhẹ, ông bà Phùng cũng vui vẻ gật gù), đúng tuổi để lập gia đình nên con xin phép hai bác cho con được là một thành viên của gia đình hai bác, được nên duyên cùng con của hai bác. Nếu hai bác đồng ý, chúng con sẽ làm thủ tục đăng ký và con sẽ về Úc để mời mẹ con và ba dượng con sang đây khi ra giêng để tổ chức đám cưới với đủ đầy nghi lễ. (nói xong Thanh ngồi xuống, tiếp tục nắm tay Hoàng).

Ông Phùng (nghiêm trang đứng lên): Cháu nói vậy, hai bác cảm ơn. Thời gian quen biết giữa cháu và con bác tuy ngắn ngủi nhưng bác cũng để ý thấy cháu là người đứng đắn, đàng hoàng. Tuy nhiên, nhà bác luôn có tinh thần dân chủ, trước khi chính thức trả lời cháu, bác phải hỏi ý kiến các thành viên trong gia đình mới được. Cháu chịu khó chờ nghen.

(Quay sang bà Phùng rồi nhìn Phương Lan, Hoàng ông hỏi) Bà đồng ý nhận lời cầu hôn của cháu Thanh với con mình không? Hoàng con có đồng ý nhận anh Thanh làm anh con không? Và Phương Lan, con thấy thế nào?

Bà Phùng (giọng cảm động): Tui chờ đợi giây phút này từ bấy lâu nay, ông ở đó mà còn hỏi tui nữa sao?

Hoàng (giọng run run): Dạ, con bằng lòng.

Phương Lan (cúi mặt thẹn thùng) dạ, cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, nhưng... con nghĩ là tui con cần thêm một thời gian nữa để tìm hiểu nhau rõ ràng không thưa ba? (không ai để ý là lúc đó Thanh lắc đầu lia lịa và gơ hai tay ra dấu bất đồng).

Ông Phùng (nhấn mặt nhưng giọng hài lòng): Thì tới ra giêng chờ anh chị sui sang đây mới cưới, thời gian đó tha hồ hai đứa bày thư từ tìm hiểu. Đời bây giờ có internet, có skype, có iphone đủ thứ, xa hóa gần mà. Thôi, ba cho phép hai đứa ngồi lại gần nhau đó. Hoàng, con đứng dậy nhường chỗ cho chị hai con đi.

Thanh (giọng hoảng hốt, hai tay ôm đầu trong lúc Hoàng cúi mặt nhìn xuống đất, không nhúc nhích): Dạ dạ không phải hai bác ơi. Con muốn xin hai bác cho con cưới em Hoàng chứ không phải cưới "chị" hai. Hai đứa con thương nhau và muốn về với nhau trọn đời.

Bà Năm Hên (sững sờ): Thanh, cháu làm sao vậy? Sao dì không biết gì về chuyện này hết vậy?

Tất cả mọi người trong phòng, trừ Hoàng và Thanh: Trời!!

(Phương Lan ôm mặt đứng dậy chạy vào trong hậu trường. Bà Phùng từ từ xiu. Ông Phùng há hốc miệng, hai tay gơ lên cao).

Nhạc trôi bản Mừng Xuân – Màn từ từ hạ,

Huỳnh Ngọc Nga
Torino, ITALIA – 20.11.2014

Cây roi kỳ diệu



Ảnh minh họa

• An Tiêm MAI LÝ CANG
(Paris Xuân Ất Mùi 2015)

Làng tôi ở, có đa số gia đình chuyên nghề làm muối và đánh bắt hải sản. Nếu nói về địa lý, thì nó nằm lổm ở giữa vùng ven biển cạnh rừng núi quanh hiu. Khu rừng này tuy không phải thuộc loại thứ sinh, nhưng quanh quần đầu đây không có nhiều những cây đại thụ gỗ quý như mọi nơi khác, cho nên dân cư thường gọi nó là khu rừng thưa. Chính là rừng thưa nhưng nơi đây ngày trước đó là nơi tụ họp của rất nhiều loại chim như phượng, trĩ, két, cú mèo, hồng hoàng, cao các v.v... Nhưng riêng tôi thì chỉ có thích nhất là loại chim công. Vì ngoài lý do hình thù đẹp đẽ, thướt tha, thì nó còn có tài nhảy múa rất hay chẳng khác nào như hình ảnh của một vũ công chuyên nghiệp, nhất là vào những buổi hoàng hôn nắng nhạt chiếu lác đác xuống từng mỗi trảng rừng.

Nếu người ta thường hay nói rằng, là rừng vàng biển bạc với ngụ ý ám chỉ vào tài nguyên bao la, phong phú trong lòng nó, thì khi còn nhỏ tôi đã từng khám phá ra ngay điều đó thật rất đúng với thực tế. Hình ảnh người dân làng hăng ngày tách bến ra khơi, mang về đầy ắp cá. Hay vào rừng, đốn củi đem ra chợ bán để làm phương tiện sinh nhai trong tinh thần tự do làm lụng thì tùy sức, mà ăn tiêu thì tùy cần (*xin hiểu theo ý nghĩa dân dã*), thì từ lâu những điều đó đã làm cho tôi cảm thấy hết sức thấm thía ý nghĩa về cuộc sống của đời người thật là an nhàn, vô tư lự.

Riêng có những gia đình trong làng thì họ khai thác lâm sản của trời cho, và chuyên làm nghề bán mây tre. Thân của mây dùng để làm dụng cụ trang trí đồ nội thất như bàn, ghế v.v... thì khi trông vào tuy thấy đơn sơ nhưng rất đẹp, có vẻ phong lưu hơn nữa là đàn khác. Tuy nhiên, nó còn có công dụng để làm một loại công cụ khác mà trẻ con thường không ưa tí nào. *Đó là roi mây!*

Nói đến roi mây, thì ai ai cũng thường nhớ đến tinh thần *thương con cho roi cho vọt* của các cụ ta ngày trước, để mỗi khi có dịp quất vào mông của những đứa trẻ hay quậy phá, ngộ nghịch. Do vậy, mà trong xã hội ta hằng thế kỷ xa xưa (ngay cả bây giờ), là hề có cái gì

sản xuất ra thì có người tiêu thụ. Hay ngược lại, là hề có cái gì người ta thích thường dùng thì có kẻ khác đã làm ra. Và lịch sử của cái roi mây cũng vậy. Nhe, gọn, dẻo là ưu thế của nó hơn bất cứ loại roi nào vì khi quất vào người sẽ ít gây nhiều thương tích hơn nếu đem so với những cây roi cạc-bò, roi ngựa, roi cá đuối v.v... từng bày bán chung nhau trong các gian hàng sạp chợ ngày nào.

Ngày xưa, vì trình độ dân trí xã hội nước ta còn thấp kém cho nên những người sở hữu chủ của các công cụ này (thường là bậc cha mẹ) được tự do *hành sử* nó trong mọi trường hợp đối với trẻ con một cách vô tội vạ. Nhưng bây giờ thì khác, bạo hành gây thương tích đối với trẻ con tức là giỡn mặt với các nhân viên làm công tác xã hội, là điều mà ai cũng ngán cái cảnh ngồi yên lặng để nghe người khác giảng bài cho mình học về nghệ thuật đối xử với con cái trong nhà. Nhớ lại thuở thiếu thời, có thể nói tôi là người rất nhát đòn, và cũng có thể là nhờ vào thân phận con gái với vóc dáng nhỏ bé cho nên chưa từng bị cha mẹ cho *ăn* dù là... *củ chổi* bao giờ. Nói thì nghe ngon như vậy, chứ thực ra tôi đã từng bị ông thầy giáo làng dùng roi quất mạnh vào hai bàn tay đau điếng. Lý do là vì tôi đã vô tình dạm phạm tội khi quân (mà nếu áp dụng theo luật pháp thời phong kiến thì tôi phải bị khép vào tội tử hình), vì ông Vua là người mà tất cả thần dân, ai ai cũng phải có bốn phận tôn kính triệt để.

Sở là trong các trang sách thường có in hình của các vị Vua của nền phong kiến sau cùng, với những kiểu ảnh được chụp hoặc vẽ khác nhau như có ông vận áo long bào, có ông mặc âu phục, có ông để râu, đeo kính v.v... Và trong lớp học hôm đó, bất chợt không hiểu sao tôi lại thuận tay cầm cây viết chì màu tô đậm vào tròng trắng trong tấm ảnh của một vị Vua cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn, làm cho mấy đứa bạn cùng lớp thấy được phá ra cười, cho nên tôi mới bị phạt để có dịp kỷ niệm nếm mùi roi.

Thế rồi ngày qua tháng lại đã vô tình lần đẩy tôi vào cái tuổi phải bắt đầu tự chịu lấy trách nhiệm về hình sự cho chính bản thân mình, hay nói một cách khác đi là thời gian ấy tuy còn lâu nhưng rồi đây sớm muộn gì thì tôi cũng sẽ lớn. Có điều ngộ nghĩnh, là lúc bấy giờ tôi tự biết nghĩ rằng mình đã có trí khôn hơn nhưng mà không lớn bao giờ, cho dù cũng có nhiều đứa trẻ từng kêu gọi tôi bằng chị, có khi bằng cô nữa. Với bản tính ham vui, tôi thường thích có dịp giao du với lũ trẻ đàn em ở trong làng, và cũng thích lên lớp chúng trong những câu chuyện đời trong khi nói chuyện. Đôi khi gặp những đứa thuộc loại bướng bỉnh cùng kỳ lý hay cãi chày cãi cối, thì tôi thường hươ roi lên đe dọa chúng rất vui.

Nhớ lại một lần tôi bị tiếng vu oan, là đã đánh đứa con của bà hàng xóm có thương tích. Câu chuyện bắt đầu vào một buổi chiều, lúc tôi đang lừa trâu bò về thì thấy có mấy đứa nhỏ chơi trò đánh kiếm bằng roi mây. Chúng hét la, giả dạng những chàng hiệp sĩ trên sân khấu cải lương ra tay tỉ thí anh hùng, nhưng trong lúc quá hăng say đùa giỡn thì dùng roi quất vào nhau túi bụi làm cho có đứa bị trầy da rướm máu. Chỉ có thể, mà lúc về nhà cởi áo quần ra tắm thì chúng bị cha mẹ thấy được mang nó đến tận nhà tôi mắng vốn làm to chuyện. Họ nói là, lúc đó có đứa thấy tôi đang hươ roi rượt từng

đứa cho nên mới ra cơ sự. Thế nhưng sự thật là không phải vậy. Vì trong lúc vô tình đi ngang qua thấy bọn chúng nghịch nhau quá lỗ cho nên tôi mới nhảy vào can thiệp, và chỉ hươ roi để rượt tách ra từng đứa mà thôi chứ không có đánh vào thân thể của đứa nào cả. Thuở ấy làng tôi rất ít dân cư ngụ, cho nên mọi người đều thân thiện với nhau trong tình nghĩa đậm đà, thành thật có sao nói vậy. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp vì quá quê mùa chơn chất, hiểu biết nông cạn mà đôi khi đã làm cho phát sinh ra nhiều chuyện hiểu lầm trong sự cọ xát liên hệ hằng ngày.

Sau này, khi lớn hơn một chút nữa thì tôi cũng không chừa được cái tật ham vui. Đạo ấy, tôi không còn ở trong làng nữa vì phải ra ngoài phố ở trọ để đi học tiếp lớp nhỏ so với cái tuổi lớn theo học trẻ như tôi. Và như vậy, cứ mỗi cuối tuần là tôi có dịp trở về làng nghỉ ngơi thăm gia đình và vui chơi cùng bè bạn... Như cá lội về sông tung tăng gặp nước, thì bao giờ tôi đâu có bỏ lỡ cơ hội rủ chúng cùng kéo nhau vào rừng tìm củ sấm, hay ra bãi cát trắng để đào nghêu hoặc có thú ngồi xem từng lâu đài của anh đã tràn bị nước cuốn trôi v.v... Rồi cùng đếm một, hai, ba nhào ra tắm biển trong bộ quần áo mỏng tanh khi thấm nước thì nhìn vào thấy da thịt mà không hề biết mắc cỡ là gì... cho đến khi trời chiều gió to, sóng lớn thì mới chịu trở về nhà.

Một hôm đi xe đạp trên đường trở về nhà hằng tuần theo như thông lệ, khi gần tới làng tôi gặp phải cảnh tượng có *hai đứa con gái ngu ngơ* đang cãi lộn và xô xát với *một thằng con trai to cao* vạm vỡ hơn. Tôi vội vàng đứng lại hỏi thăm cơ sự, thì ra đây là trường hợp trong tình huống mà một thằng ma lanh đang *ý lớn hiếp nhỏ, ý mạnh hiếp yếu*. Cổ tình phồng tay trên, chơi trò *vấy máu ăn phần, phân chia vỏ búa* gần giống y chang như câu chuyện thế gian thời sự mà người ta đã từng thấy có xứ này, nước nọ, *tốt mặt xấu lòng, bản chất hung hăng, bắt nạt láng giềng, gây nhiều cơ sự*, và tuy đã bị bạn bè xa lánh nhưng vẫn chưa từ bỏ giấc mơ làm chủ đứng trên đầu thiên hạ.

Do vậy, tôi liền lên tiếng bênh vực và can thiệp vào. Bất thành linh, thằng nhãi con kia không những không nghe lời khuyên bảo công bằng, mà còn quăng cục đá to làm cho tôi bị u đầu. Sự kiện này xảy ra quá mau lẹ, khiến cho tôi phải có phản ứng tự vệ cấp thời. Là biển mình thành anh chàng họ Lục bẻ roi làm gậy, xông vào quất ngay cho nó một trận nên thân, làm cho nó chạy một mạch về nhà mét lại với cha mẹ. Cha mẹ nó nghe xong thì chẳng những không tin là nó đã bị tôi đánh, mà còn nện thêm cho nó vài cái roi về tội du côn quậy xóm, phá làng. Và còn nói thêm, là nếu nó đã bị tôi đánh oan nữa thì cũng không sao! Vài hôm sau, khi nghe biết được tin như vậy thì tôi thật lấy làm khoái chí. Tôi nghĩ trong cộng đồng tốt của con người, thì chắc ai ai cũng thường xử sự như thế thôi. Tuy nhiên, vẫn cũng còn cái tật ham vui cho nên tôi đem đi giấu cái roi kia để dành, và tự coi như là từ đó tôi có quyền sử dụng đến nó khi cần. Và tôi có ý vui thầm, là chính cái ý tưởng ngu ngơ bạo dạn này đã làm cho tôi liên tưởng ngay đến cái *roi tiên đế* trong huyền thoại của lịch sử phương Đông ngày xưa ban cho hiền thần dùng để giáo dục hoàng gia.

Với tinh thần uy quyền tuyệt đối được sự phó thác sứ mạng của Tiên Vương dùng để trừng trị *thượng đẳng hồn*

quân, hạ đẳng gian thần, roi tiên đế đã không bao giờ từ nan, để xử phạt bất cứ một ai bất tuân cương thường luật nước... Thế nhưng việc trị tội bọn gian thần xu nịnh, thì cứ phạt cảnh cáo cho chúng đi tù hay huyền chức đuổi về quê làm ruộng, còn muốn nhe tay thì cứ áp dụng luật hoàng gia để mà thi hành theo mệnh lệnh của roi tiên đế. Tôi nghĩ vậy! Và nếu như gặp trường hợp phản trắc nặng hơn, thì cùng lắm là đem chúng ra pháp trường xử trảm, chứ dùng đến hình thức bạo lực hành hạ tra tấn của cây roi mà phạt cho vài trăm trượng, thì xem ra có thừa thía, ích lợi gì. Còn nếu nói đến chuyện đánh Vua, thì quả thật là không được ổn tí nào. Vì hành vi đó, sẽ bị triều đình phong kiến khi xưa trước sau gì rồi cũng sẽ lên án xem như là đã vi phạm tội khi quân tày trời, không khéo lại phải mang họa dữ vào thân... Hơn thế nữa, là tội của hôn quân lắm khi cũng được triều đình che chở. Do vậy, cái *roi tiên đế* đó xét ra là chỉ dùng để làm biểu tượng cho nền luật pháp nước nhà, làm con ngáo ộp để mà bảo vệ ngai vàng cho vua chúa. Thế nhưng, cũng cần phải hiểu thêm rằng là bên cạnh quyền lực đó, nó còn kèm theo có phần bốn phận nặng nề của viên tư lệnh thừa hành bảo quản. Cho nên, khi roi còn thì người còn, roi gãy hay mất thì người bảo quản liên hệ phải chịu trách nhiệm thật là vô cùng to lớn (tức là phải tự chết theo). Chính vì thế mà sau khi nghĩ viễn vông thỏa mãn tính vui rồi, thì tôi không còn chút dự dự nào để liền bẻ gãy nó đi trước khi phải bị suy nghĩ vẫn vơ.

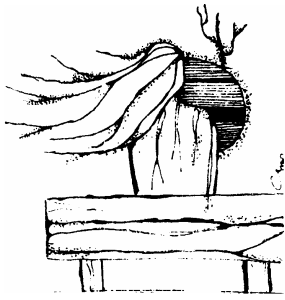
Tuy nhiên, sau khi nó không còn nữa thì tôi lại thấy tiếc sao mình quá vội vàng làm mất đi một kỷ niệm được người ta khen, khi biết chuyện mình đánh thắng cốt đột mới hôm nào. Hơn nữa, tôi còn thần tượng cái hình ảnh của người con gái Bình Định ngày trước từng múa roi đi quyền trên vùng đất Tây Sơn của Đại đế Quang Trung, và theo chân nữ tướng Bùi Thị Xuân xông pha ra trận mạc. Do vậy, bao giờ tôi cũng thầm ước ao, là mình sẽ có dịp đến được tận nơi vùng đất khí thiêng oai hùng đó, để học thêm nhiều thể võ phòng vệ cho mình...

Bây giờ tôi đã có gia đình, mỗi lần rầy rà mấy đứa con phá phách thì tôi cũng không sao tránh khỏi được cái tật hươ roi làm ông kẹ dọa chúng phải chọn lựa, một bên là cái roi chổi lông gà, và một bên là cái bánh ngọt để dụ dỗ chúng đem bài vở ra ngồi học tập. Và như vậy, có thể nói đùa là nghệ thuật giao tế liên hệ dưới mái ấm gia đình của tôi đối với các con, xem ra cũng chẳng khác nào như là chính sách ngoại giao *cây roi và củ cà rốt* của các nước siêu cường đối với các quốc gia nhược tiểu.

Tuy nhiên, dù sao đó cũng là chuyện trên trời vì tôi có biết gì về chính trị bao giờ, tôi chỉ đọc báo thôi!

Có điều bao giờ mỗi khi nhắc tới *quyền lực* của cây roi, thì tôi không sao quên được câu chuyện cô bé người Phi bị xử phạt đánh một trăm roi thay vì bị tử hình về tội ngộ sát một người Á Rập. Tôi không hiểu lúc thi hành án lệnh, thì nhân viên công lực họ sử dụng bằng loại roi gì, vì hiện nay đã có loại roi điện dùng để luyện tập thú vật, và dùng để can thiệp vào các cuộc bạo động làm mất trật tự trên đường phố. Và lại, từ lâu tôi cũng từng có nghe người ta nói như đùa là không ai có thể được quyền dùng roi đánh người đàn bà, dù cái roi đó chỉ là một... *cành hoa!*

(Xem tiếp trang 114)



Đi nhớ, ở thương

• Nguyên Hạnh HTD

Hai mươi năm xa quê, cuối cùng tôi cũng đã về thăm lại Huế!

Hai từ "về Huế" mới ấm áp làm sao. Huế của tôi không về sao được. Nào là làng xóm bà con, mỡ má nội ngoại nhất là bạn bè, học trò rất thân thương mà tôi cho đó là một phần lẽ sống của mình.

Các em đã tổ chức cho tôi một buổi họp mặt, một khu vườn xinh xắn, cây lá được điểm trang bằng đèn màu ra vẻ một tiệm cà phê trang nhã như tính cách của chủ nhân. Bày biện ngoài sân và vườn là một dãy bàn ghế cũng tương đối lịch sự, đủ chỗ tiếp mấy chục người, thân mật và ấm cúng.

Sau một ngày thật bận rộn, tôi lật đật bước vào giữa tiếng kêu reo vui về "Cô tới đó" rồi còn nhòe nhòe "Chi mà lâu rứa, tụi em chờ bức mật" *. Lại có cả tiếng vỗ tay khiến tôi hơi nhột nhạt, nhìn lại mình thật xác xơ sau một chuyến đi thăm mộ từ miền quê xa về và đi thẳng tới đó luôn.

Chưa định thần và còn phải vận dụng trí nhớ, tôi chưa dám chào gọi tên ai ngoài mấy tiếng "Chào các em, tổng chào, tổng chào". Mới ngồi xuống liền bị rất nhiều em kéo đến dàn một hàng trước mặt, em nào cũng hỏi như nhau "Cô có nhớ em không?". Lạ quá, họ rủ nhau đồng loạt, không ai xưng giùm, cũng không ai nhắc giùm cho mình vài chi tiết. Toàn là đứng yên chỗ, cười cười với vẻ mặt bí mật và thách đố...

Hoãn binh chi kế, tôi bèn quay qua điểm mặt những tên mà mình nhớ rất rõ, xương danh liên tục, xương dài dài ra một chút, thêm họ, thêm chữ lót, thêm lớp, thêm luôn làng xã, thêm cả chị em, bạn bè cùng lứa, biết chi thêm nấy, tôi tấn công dồn dập... liên tiếp những tiếng "dạ" thật to, kéo theo những tràng cười sung sướng, tạo được một không khí vui vẻ, chọc thủng... phòng tuyến phía bên kia.

Sợ nguội mặt nổi búp bô mà một em đã ra công chăm chút, vội lên tiếng cắt ngang: "Thôi để cô thời chút đã", cũng vừa giúp tôi ra khỏi nước bí và tình huống thay đổi.

Búp bô, bánh nậm, bánh bột lọc... món nào cũng ngon nhưng ở đây, ngon hay không ngon không thành vấn đề. Cái vui là chính!

Ngày xưa thi sĩ Tản Đà đã phải công nhận "Đồ ăn ngon, không có người cùng ăn cho ngon, không ngon". Cái ngon của bữa ăn hôm nay đối với tôi là cái không khí vui nhộn ngoài trời gợi cho tôi cảm giác thân mật của bữa ăn trong những ngày đi cắm trại của trường, là những dịp thầy trò được thu hẹp khoảng cách, sống với nhau thật gần gũi.

Các em vây chung quanh tôi, mời liên tiếp, giới thiệu cái ngon của từng món. Nhìn tôi ăn, chờ một lời khen thích thú về những món đặc sản mà các em nghĩ là bên xứ người không có.

Vừa nói chuyện vừa ăn, tôi vừa kiểm điểm ký ức lướt một vòng qua các khuôn mặt, rồi cũng nhớ dần dần được hơn phân nửa. Cũng phải khó khăn lắm để tìm lại được hình ảnh các em học sinh của tôi bấy giờ ở tuổi trăng tròn, từ trong nét mặt của những con người trước mắt tôi hôm nay đang ở tuổi cũng gần tròn... châu giáp.

Hình ảnh của các em học sinh lớp đầu tiên hình như còn hiện diện đủ mặt trong ký ức của tôi. Một em đến gần bên tôi, im lặng chờ. Tôi chào trước với giọng hơi ngập ngừng:

- Ngọc Trinh hả?

Lướt một vòng nhìn qua gương mặt, ánh mắt tôi ngừng lại ở đôi má em. Một bạn đứng kể bên tinh ý, vội giải thích:

- Dạ, Trinh làm bánh giò lắm, nướng bánh suốt ngày. Tôi chợt hiểu. Hơi lửa, lửa của lò than, lửa của cuộc sống có lẽ đã hội tụ một phần trên đôi má vốn non hồng của Trinh.

Ngồi sát bên tôi là Phương Lan, con búp bê Nhật Bản ngày xưa của lớp B1. Nổi bật hạnh về người bạn đời nhà giáo đẹp trai và tài hoa đã đột ngột bỏ em từ nhiều năm trước vẫn còn phủ nét u buồn lên gương mặt hiền hậu và đoan trang. Em chào tôi, cười nửa miệng, nửa kia để dành cho một cái mếu. Đáp lại, tôi cũng không ào ào như đối với các em khác, chỉ khoác tay kéo em lại gần, cúi bên tai hỏi rất nhỏ "Đã bớt buồn chưa?". Cái mếu vờ oà! Một em đứng bên cạnh trách "Cô đừng tới, hấn khóc liền". Tôi cầm tay em "Phải đừng cho vỡ bốt tí mủ kéo cương đau lắm" và kéo em ngồi sát bên mình. Trong lúc hỏi chuyện các em khác, tôi chèo tay qua lưng em, thỉnh thoảng bấm mạnh một chút thay lời an ủi. Phương Lan cảm động, ngồi im thin thít bên tôi như còn nhỏ dại. Về sau nghe em kể lại, đêm ấy về nhà, trần trọc vì mấy cái véo thông cảm của cô còn để lại trong da thịt em một nỗi đau êm êm!

Các em đã hỏi thăm nhiều và cũng muốn biết nhiều về cuộc sống của lứa bạn bè đang ở bên này mà tôi đã có dịp gặp. Biết nói chuyện gì? Khoe tốt chỉ cho người ta buồn thêm...

Một điều tôi không ngờ được là chỉ mấy tiếng đồng hồ trong buổi họp mặt đêm ấy, các em học sinh cũ của tôi mà tôi tưởng chỉ biết run run lập cập trả bài, đã chứng tỏ một tài văn nghệ vô cùng phong phú! Quá nhiều tiết mục, tôi không thể kể hết. Nào đơn ca, hợp ca, nào hò, nào kể chuyện; không có nhạc đệm, vậy mà cũng đã có quá nhiều màn thật hay. Hơn nữa đối với tôi, cái hay nhất ở đây là một tinh thần văn nghệ tự phát, tự giác, hoàn toàn không cầu nệ, không ai chờ đợi phải kêu mời, không chú ý phô tài mà mục đích chính rất rõ ràng là các em muốn tỏ lòng vui mừng được gặp lại cô giáo cũ, muốn đóng góp cho buổi họp mặt thầy trò được vui liên tục và trọn vẹn, vui trong tình thần, vui trong kỷ niệm. Thì ra các em học sinh của mình cũng hát hay, hay hát và dễ bảo, dễ thương đến thế!

Tôi thần thờ với những bài ca đầy tình cảm của các em lựa chọn cho thích hợp với không khí của buổi họp mặt đêm nay, của một người đang tìm về kỷ niệm, những bài có tính cách cổ điển như "Thương về xứ Huế", "Huế đẹp, Huế thơ", "Tiếng sông Hương"... Những bài

sống mãi với thời gian như "Nụ cười sơn cước", "Tiếng chuông chiều thu"... Đặc biệt có em hát tặng tôi bài "Trở về mái trường xưa", ý nghĩa tha thiết hẳn gởi trong hai câu cuối:

...
*Cỏ vẫn xanh muôn đời xuân thiếu nữ
Nhưng tháng năm không trở lại bao giờ!*

Đã để lại một dư âm gây cảm giác lạnh lạnh lướt qua đôi vai, tôi rùng mình nghĩ đến tháng năm không trở lại nhưng lại để nhiều dấu ấn trên mái tóc của những người học trò cũ của tôi hôm nay, những kẻ đang cố cùng nhau làm sống lại tuổi học trò.

Thật không ngờ, qua bao tháng năm các em vẫn còn dành cho cô giáo cũ của mình quá nhiều thương mến, quá nhiều ân tình mặn nồng, nhất là tôi cả đời lãnh cái môn mà con gái sợ nhất là môn Toán, nên thường nghiêm khắc với học trò, lại sẵn trứng vịt lộn trong tay, buồn buồn ưa phát "free" cho chúng! cho nên mặc dầu không ai bầu, có lẽ tôi cũng được xếp hạng "top ten" những hung thần trứng vịt của trường Đồng Khánh hồi đó!

Chương trình văn nghệ vẫn còn tiếp diễn, có những lúc thầy trò vỗ tay cùng hát như thuở còn thơ. Rồi tôi lại càng ngẩn ngơ với giọng ngâm thơ, ca, hò vô cùng truyền cảm của các em.

Thả hồn lâng lâng theo những điệu hò Huế chơi vơi và êm đềm tình dân tộc, tôi như muốn kéo níu thời gian ngừng trôi để thầy trò chúng tôi có những giờ phút êm đềm quý báu bên nhau. Rồi tôi cũng phải bay về lại qua bên kia bờ đại dương, tìm đâu cho ra những lần hội ngộ hiem hoi trong cuộc đời như thế này?

Gần khuya, các em còn ép tôi ăn thêm chè hột sen, rồi kem Flan nữa mới chuẩn bị giải tán.

Đồng hồ chạy quá nhanh, tôi đành phải đứng dậy để cho các em ở rất xa còn về. À quên! Còn tiết mục chụp hình nữa chứ. Các em chen chúc, có lẽ ai cũng muốn có mặt bên người mà ngày mai không gặp nữa, ước gì tôi có được nhiều bờ vai!

Em nào cũng tranh nhau nói:
"Cho em đứng gần Cô"

Tôi phải cười nói huyền thuyên để đánh tan bầu không khí bịn rịn lúc chia tay, nhiều em nước mắt đã lưng tròng!!

Sáng hôm sau, đưa tiễn chúng tôi rời khách sạn. Phương Lan đã có mặt ở sau phía bà con, không nói một lời! Khi xe bắt đầu chạy, em đến gần lặng lẽ nhét vào tay tôi một phong thư nhỏ. Mở thư, tôi lặng người về cái thâm thúy của người con gái Huế! Đố ai đoán được trong thư nói gì? Chỉ một câu "Em tức quá, hồi nhỏ sao em không giỏi toán!

*Huế đó! Huế của tôi!
Không về đi sao dứt
Chừ về rứt sao ra *
Đi, ở cũng đành thôi!!!*

(München, mùa thu 2014)

Ghi chú

- * Sao mà lâu vậy, tụi em chờ phát mệt!
- * Bây giờ về rồi, dứt không ra.
- * Biết sao thêm vậy./.

Chút ân tình cũ

• Trần Thị Nhật Hưng

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi.
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.
(Chinh Phụ Ngâm Khúc)*

Trong cuộc sống có những ân tình, nhưng vì hoàn cảnh hay vì lý do nào đó không trả được, tôi ghi mãi trong lòng, ấp ủ sâu thẳm tận trái tim như báu vật để rồi một lúc nào đó chợt nhớ lại, trân trọng với lòng tri ân vô bờ bến.

Câu chuyện tôi muốn kể sau đây xảy ra sau biển số 1975, đánh dấu một giai đoạn thê thảm nhất đời tôi, tưởng có thể gục ngã, nhưng chính vào lúc như thế, chỉ cần một bàn tay, một chút ân tình, cũng có thể cho ta sức sống, hy vọng, niềm tin để vượt qua những chông gai, vươn vai đứng vững trên những thử thách.

Như hôm nay trên xứ lạ, băng khuôn nhìn những sợi tuyết mong manh thật nhỏ như tơ trời, nhẹ nhàng rơi trông như cơn mưa phùn Hà Nội. Mưa tuyết lê thê dai dẳng, không biết bao giờ dứt. Trời u ám một màu xám tro, ảm đạm, dễ khiến lòng người tha hương vốn u uẩn càng u uẩn hơn. Nỗi buồn xa xứ dai dẳng như bám sâu từ lúc nào trong tâm khảm, chỉ chờ một cơn gió nhẹ, một chiếc lá rơi hay như bầu trời ảm đạm hôm nay cũng gợi lại bao nỗi niềm xưa cũ.

Tôi nhớ rõ lắm, cũng thời tiết này, cũng với cái giá lạnh của mùa Đông, ngày đó, tôi đã trải qua bao gian truân, khổ ải. Cho đến bây giờ, ngồi trong căn nhà ấm áp bình yên nơi xứ lạ, ngồi nghĩ lại, tôi tự hỏi từ đâu, từ sức lực nào, từ nghị lực nào tôi có thể vượt qua mọi thử thách để tồn tại.

Ngày đó, tôi còn trẻ, mới chỉ 23 tuổi đời. Cơn bão thời cuộc ập tới, quất vào mặt tôi những cái tát này lửa, bỏng rát và phủ lên cuộc đời tôi một màu xám ảm đạm. Cũng như bao thân phận của những phụ nữ miền Nam sau 1975, tôi sống kiếp "Hòn Vọng Phu", vì chồng tôi khăn gói vào tù mịt mờ không biết ngày trở lại.

Ở nhà lủi thủi một mình với cụ bố chồng, cuộc sống lê thê ảm đạm, ngày này qua tháng khác, năm này sang năm kia. Cho đến khi biết Huy, đảng lang quân của tôi bị đày ra Bắc, tận Lào Cai, vùng rừng sâu nước độc, tôi coi như chết cả cuộc đời. Như cái án tử hình treo lơ lửng trước mặt. Cái án dành cho chàng và cả cho tôi. Tôi sống mà như cái xác không hồn, buông xuôi, thả đời cho số phận.

Ở nhà mãi với cụ bố chồng đáng tuổi ông nội, mà lại là một nhà nho... chòm, cực kỳ phong kiến, khó tính. Hai thế hệ như hai thái cực. Tôi buồn hiu hắt. Nỗi buồn âm ỉ, thẳm sâu, đốt dần từng tế bào trong cơ thể tưởng như không còn sức sống. Tôi rủ xuồng, mềm nhũn như một con giun đất. Để giải khuây vơi bớt nỗi sầu, hay nói đúng hơn muốn thoát thân, thay đổi chút không khí cho dễ thở, tôi vùng dậy lấy cớ đi thăm nuôi chồng, mặc dù tôi biết cực kỳ vất vả khổ sở, nhưng với tôi, cái khổ thân xác vẫn chịu được, không ăn thua gì so với cái khổ tinh thần. Lại nữa thăm nuôi để chia sẻ nỗi khổ nhục của

chàng. Là động cơ thúc tôi tiến tới. Không cần những bức thư chàng viết về bóng gió, tôi vẫn biết chàng đang đói khổ, rét lạnh đang chết dần với cái án... thật, lao động khổ sai vô hạn định, không biết ngày trở về. Sự sống như chỉ mảnh treo chuông. Chàng đang mong mọi sự tiếp tế của gia đình, vợ con...!

- Ra Bắc một mình nguy hiểm lắm con ạ. Con nên ở nhà cho bố an tâm. Một đứa đi tù đã khổ rồi. Còn một đứa bố không muốn khổ thêm.

Câu nói như một điệp khúc, cụ Lý, bố chờng tôi nhắc nhở nhiều lần mỗi khi tôi đòi ra Bắc thăm nuôi. Tôi nghe quen tai hay nói cho đúng hơn lòng tôi chai đá không còn biết sợ là gì, ngoài nỗi chán chường hiện tại.

- Bố ạ, sau biến động biên giới với Trung Quốc, nhà con đã chuyển từ Lào Cai xuống Nghệ Tĩnh (thành phố Vinh). Nghệ Tĩnh không xa nữa, con có khổ một chút cũng không sao, con chịu được, bố ạ.

Rồi không đợi cụ lên tiếng cho phép, tôi cứ lặng lẽ sắm sửa quà cáp, sắp xếp chuyển đi và đi một mình.

Chuyến tàu Sài Gòn - Hà Nội lặn bánh khi phố xá vừa lên đèn, bỏ lại sau lưng tôi bao nỗi ưu tư, phiền muộn của tháng ngày buồn chán. Ngồi co ro trong chiếc ghế chật hẹp, xung quanh tôi toàn cán bộ, bộ đội, đồng bào miền Bắc và dân buôn hàng chuyển ngồi la liệt xếp lớp dọc lối đi; nỗi ưu tư khác lại bắt đầu ủa đến cùng với nỗi cô đơn trống vắng lạ thường. Trên tàu, tôi không gặp được bất cứ người thân quen hay người đồng cảnh ngộ nào để hy vọng làm bạn và nương tựa giúp đỡ nhau mang xách khi thăm nuôi, mặc dù lúc này, phong trào thăm nuôi tù miền Bắc đã được nở lỏng. Tôi lo lắng ra mặt.

Ngồi đối diện tôi, một thanh niên trẻ lên tiếng:

- Chị ra Bắc thăm thân nhân cải tạo, phải không?

- Vâng. Sao anh biết?

- Nhìn cung cách chị, tôi đoán thế. Chị xuống ga nào?

- Tôi xuống Vinh.

- Tôi cũng xuống Vinh. Hành lý chị nặng nề, tôi sẽ giúp chị một tay.

Tôi nhìn sững anh ta, âm thầm nhận xét. Nét mặt anh hiền hòa. Lời nói nhẹ nhàng tử tế. Tôi an tâm nhưng cũng nói:

- Vâng. Cảm ơn anh. Nếu tôi không gặp được bạn nào, tôi sẽ phiền anh.

Con tàu vẫn sinh sịch nghiêng đều trên đường sắt. Cứ tới mỗi một ga, hành khách lại ồn ào nhốn nháo. Kẻ xuống người lên, hốt hoảng gọi nhau ơi ới. Những lúc như thế, tôi cố đưa mắt tìm kiếm người nào có bộ dáng đi thăm nuôi để làm quen, nhưng tuyệt nhiên không gặp ai. Cuối cùng, sau ba ngày ba đêm, con tàu cũng tới Vinh mà tôi không tìm ra được người thân quen nào cả.

Tới Vinh, trời còn nhá nhem tối của 3 giờ sáng. Trên sân ga vắng lặng. Hiu hắt vài bóng đèn vàng đủ soi rõ lác đác vài bóng người lăm lăm lên tàu và xuống tàu. Mưa đêm lất phất rơi, nhẹ lấm; chỉ như sương thoảng trong không gian nhưng cũng len được cái hơi lạnh làm buốt thịt da. Tại Vinh, giờ này mọi nhà đang an giấc ngủ, phố xá im lìm vắng tanh. Không một chiếc xích lô hay phương tiện giao thông nào. Anh bạn đi đường nói với tôi:

- Chị thấy đấy, giờ này nhà trọ đều đóng cửa. Nếu chị không ngại, xin mời chị tạm nghỉ nhà chị gái tôi, như tôi đã thưa với chị.

Không còn sự lựa chọn nào khác hơn, tôi gật đầu.

Suốt ba ngày ba đêm trên tàu, vào những lúc tàu dừng ở ga để lấy nước, cho hành khách xuống xả hơi, ăn uống... tôi có dịp hàn huyên, chuyện trò cùng anh. Anh là thanh niên xung phong, tình nguyện vào Nam công tác và có người nhà từng "di cư", năm 1954. Anh kể thì tôi biết nghe, còn sự thật thế nào tôi không quan tâm, chỉ thấy là trông bộ dáng anh hiền lành, ánh mắt không lảo liên, trông đen nhiều hơn trông trắng, khuôn mặt phúc hậu... nên tôi tin cậy thôi. Mà không tin không được. Tới Vinh, trong hoàn cảnh hiện tại, tôi không còn lựa chọn nào khác, không thể một mình ngồi đây đợi sáng giữa mùa Đông giá rét như thế này.

Tôi liếc mắt đưa chân, đánh cá số phận. Cái số phận, mà xã hội đương thời và cả chính tôi vốn coi rẻ hơn bèo!

Tôi xuống tàu đứng trông hành lý của tôi và của anh, trong khi đợi anh đón chiếc xe đạp mua từ miền Nam đem ra Bắc. Rồi cứ thế, anh chất hết hành lý của anh và của tôi lên xe. Anh kéo phía trước, tôi đẩy phía sau, lặng lẽ theo con đường dẫn về nhà chị anh.

Trời đêm vẫn lất phất mưa, thấm dần trên chiếc áo len dày. Dù vận động đi bộ và đẩy xe, tôi vẫn lạnh run, răng đánh bò cạp. Trên đường không một bóng người, ngoài anh và tôi. Hai chiếc bóng lấm lũi chậm chậm đi trên con đường đất sỏi, nhầy nhụa bởi cơn mưa.

Gọi là thành phố Vinh, nhưng nơi đây, hai bên đường toàn những căn nhà lụp xụp, cũ kỹ, mái tôn nhiều hơn mái ngói. Không có hàng quán nào, không có cái sinh động của một thành phố. Không phải vì đang nửa đêm, cho dù có là ban ngày, nơi đây vẫn vắng vẻ tiêu điều. Cũng không hẳn vì chiến tranh mà ra thế, mà vì chính sách ngăn sông cấm chợ, buôn bán chỉ tập trung vào nhà nước nên phố xá thiếu đi cái sinh lực của cuộc sống. Tôi chả nói chả rằng, cứ lăm lăm đi sau lưng anh giữa phố đêm buồn ảm đạm.

Nhà người chị khá xa, phải mất non tiếng đồng hồ, băng qua nhiều hàng cây âm u, cánh đồng lúa, và cả những mái tranh xiêu vẹo thấp thoáng ẩn hiện dưới ánh đèn đường. Cuối cùng len theo con đường mòn, nhỏ, quanh co, rồi cũng đến nhà chị anh.

Đó chỉ là căn nhà tranh ba gian, thấp lè tè. Người chị thức dậy châm ngọn đèn dầu hơn hờ đón khách. Nét chất phác đôn hậu thân thiện hẳn rõ trên nét mặt chị giúp tôi an tâm. Đám con nằm đứa, toàn gái không, như anh kể, còn đang yên giấc ngủ. Tôi không thấy chờng chị, nhưng cũng không hỏi. Có thể ông đi công tác xa.

Có khách, người chị lẳng xẵng xuống bếp châm củi đun một ấm nước sôi, đổ ra lu rồi gọi tôi đi tắm.

Ba ngày ba đêm trên tàu, chỉ rửa mặt không, giờ được tắm còn gì hơn.

Buồng tắm chỉ là 4 vách tre nan, dựng sau vườn, không có cửa. Trời đêm âm u, chỉ le lói lờ mờ bằng chiếc đèn dầu từ nhà trước hắt ra. Nhưng không sao. Một liều ba bầy cũng liều! Tôi dội nước giữa cái giá lạnh của thời tiết, cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng không chỉ trút bỏ bao bụi đường mà còn thấy ấm áp trong cái tình của con người với con người đối xử nhau lúc khó khăn, hoạn nạn!

Tắm xong bước vào nhà, nơi căn bếp, tôi thấy người chị đang lui cui làm gà nấu cháo. Gà chị nuôi thả rong trong vườn, ngoài việc tăng gia để thỉnh thoảng góp

phần phong phú vào cái ăn cho gia đình còn đáp ứng khi hữu sự.

Chẳng bao lâu chị bùng lên hai tô cháo gà nóng hổi cho tôi và cho cậu em chị. Tô cháo nóng làm ấm cổ lòng, nhất là đang mùa Đông giá rét. Tôi vừa ăn vừa cảm kích tấm lòng tốt của gia đình chị, vừa áy náy không biết lấy gì đền ơn. Thế nhưng, khi ăn xong lên giường trùm chăn ngủ trên chiếc chõng tre đặt sát cửa sổ ngay phòng khách được ngăn bởi một chiếc màn thô, những nan tre mong manh không ngăn nổi gió lùa nhẹ len vào. Dù đi đường ngủ gà ngủ gật vô cùng mệt mỏi, tôi vẫn không cách nào chợp mắt được. Phần vì lạnh, phần lạ nhà, phần... sợ nữa! Sợ vu vơ! Mắt tôi mở thao láo.

Trong bóng đêm mịt mờ, tiếng ếch nhái ễnh ương sau vườn tấu lên một khúc nhạc nghe thật ma quái. Tôi vốn sợ ma, ma sống lẫn ma chết. Một nỗi lo sợ vu vơ, cảm giác bất an lại ùa về. Những câu chuyện giết người trong đêm khi nạn nhân ngủ say làm cho tôi thấp thỏm. Tôi đưa tay nắn túi quần. Một lạng vàng lá và chút tiền đi đường vẫn nằm yên trong đó. Khi đi thăm nuôi, bạn bè chỉ dẫn tôi làm ăn. Mang vàng ra Bắc bán được giá cao hơn rồi mua đường hóa học, vài "va li gie," đem về Nam kiếm lời. Phải suy tính mua bán thế nào để gỡ gạc tiền tàu xe vốn mua chợ đen rất đắt và cả sinh kế cho gia đình giữa thời buổi kinh tế khó khăn gạo châu củi quế. Chính lạng vàng là nguyên nhân khiến tôi lo sợ. Chỉ cần anh len vào nhẩn cổ tôi, lạng vàng sẽ tiêu tưng mà mạng tôi cũng khó thoát. Càng nghĩ, tôi càng thấy tôi liều thật. Nhưng biết sao giờ. Tôi đem số mạng đánh lotto. Mạng tôi vốn rẻ hơn bèo mà. Mắt thao láo nhìn bóng đêm, tôi cố lắng nghe tiếng rừ rừ trò chuyện của hai chị em, nhưng không sao nghe được. Tôi trần qua trở lại nhiều lần, cho đến khi quá mệt mỏi, tôi thiếp đi lúc nào không hay.

Tờ mờ sáng hôm sau, có người lay tôi dậy:

- Chị, chị ơi, dậy đi. Đã gần 7 giờ sáng rồi. Tôi đưa chị ra bến xe Vinh để còn tiếp tục đến chỗ trại thăm nuôi.

Tôi mở choàng mắt. Thấy anh đang đứng ở đầu giường. Vẫn nét mặt hiền hòa, vẫn nụ cười dịu dàng, đôn hậu, lòng tôi dấy lên một chút ân hận đã nghĩ quấy cho anh.

Tôi lồm cồm ngồi dậy xỏ chân vào dép, dọn dẹp chăn gối, xếp lại cho ngay ngắn, xong, bước ra nhà sau rửa mặt rồi chuẩn bị thu vén hành lý lên đường.

Cũng như lúc đến, bây giờ khi đi, anh lại cẩn thận chất hành lý của tôi lên chiếc xe đạp. Anh kéo phía trước, tôi đẩy phía sau theo con đường cũ ra bến xe Vinh.

Bến xe đã đông đúc người qua kẻ lại. Tiếng rao hàng, tiếng hỏi han, trò chuyện cứ ì xèo cả lên. Anh chạy mua giúp tôi một vé xe đò lên huyện Thanh Chương, nơi giam tù cái tạo, để từ đó tôi còn phải tiếp tục hơn 20 cây số đường rừng nữa mới tới trại thăm nuôi.

Có vé trên tay, anh còn chạy tìm xe nào đúng chuyến để đưa hành lý của tôi lên mui. Còn tôi, tôi chỉ đứng giữ chiếc xe đạp của anh. Sau khi đã hoàn tất đầu vào đấy, anh mới đến bên tôi, chúc tôi lên đường thượng lộ bình an.

Xe vẫn chưa lăn bánh, nên tôi vẫn còn đứng bên dưới lóng ngóng nhìn người qua kẻ lại. Anh biến đi đâu mất, lúc trở lại, để trước khi tôi chia tay anh với lời cảm

ơn... sông, anh chìa ra cho tôi một gói xôi nhỏ với một bình nước anh vừa chạy đi mua. Trước sự quan tâm tỉ mỉ quá chu đáo tế nhị của anh, tôi cảm động thật sự, thật ấm lòng khi tôi đang buồn tủi, cảm thấy bơ vơ lạc lõng giữa xứ lạ quê người. Nước mắt tôi rưng rưng quanh quẩn, chực trào ra, nhưng tôi cố kìm lại để giấu nỗi xúc động trong lòng, lẫn một chút xấu hổ, ân hận tôi đã nghĩ quấy cho anh trước đây. Tôi chỉ biết nhìn anh, chưa kịp thò thẻ vài lời cảm ơn... sông, anh móc trong túi áo, đưa tôi mảnh giấy nhỏ, anh viết tự lúc nào, rồi nói:

- Đây là địa chỉ nhà chị tôi. Khi chị trở lại, cứ đến đây. Chiếc xe đạp này tôi mua về cho chị tôi. Nếu chị cần, cứ dùng làm phương tiện. Ở Vinh, xích lô chỉ nằm ở bến xe, không nhiều lắm nên ít thấy chạy ngoài đường. Phương tiện mọi nhà chỉ toàn xe đạp.

Tôi cầm mảnh giấy, cẩn thận cất vào túi áo, và lại lần nữa, tôi chỉ có lời cảm ơn sông!

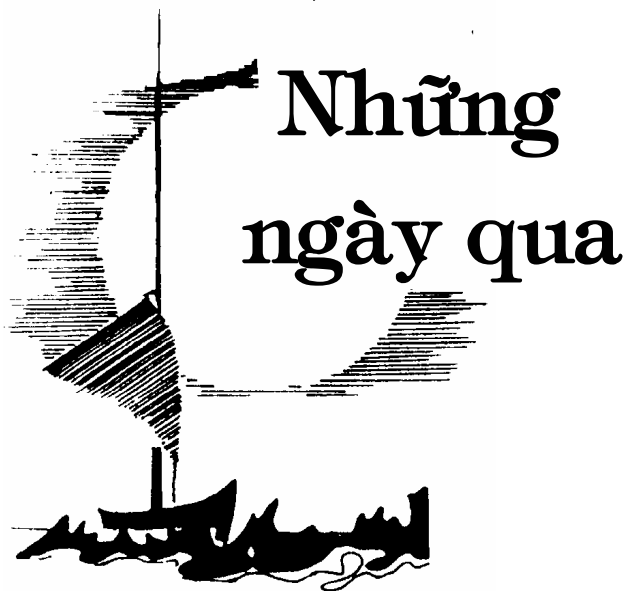
Tôi lên xe. Quay xuống nhìn anh. Anh vẫn còn đứng đó đưa tay vẫy vẫy cho tới lúc xe lăn bánh và bóng anh khuất sau rặng tre xanh.

Ngồi trên xe, tôi miên man nghĩ về anh, về cử chỉ ân cần chu đáo của anh và của chị anh, nói lên tình cảm chân thành và sự cảm thông của đồng bào địa phương dành cho gia đình người tù miền Nam. Lòng tôi chùng xuống với những cảm giác lâng lâng khó tả. Chiếc xe đò cà tàng, lồi thoi luộm thuộm nhét cứng đầy người, bồng bênh, vồng lên hục xuống nhồi thật mạnh khi gặp trũng ổ gà làm cho tôi ngất ngư. Cuộc đời tôi, tâm trạng tôi hiện tại cũng bồng bênh như thế. Nhưng chiếc xe còn có đích để tới, còn tôi, con đường trước mắt chỉ thấy toàn ngõ cụt, mãi trôi nổi, không biết sẽ ra sao, về đâu với một tương lai vô định mịt mờ. Ngoài kia, mưa vẫn lất phất rơi, dai dẳng như khóc thương cho những cánh đồng lúa mênh mông xanh tươi chìm trong một màu xám âm u, âm u như tuổi đời thanh xuân của tôi hiện tại. Thời tiết lạnh, lạnh lắm, không khí ẩm hơi sương, cho dù mặc chiếc áo len dày vẫn thấy lạnh, nhưng nghĩ đến anh, đến ân tình của anh, của chị anh, lòng tôi chợt ấm lại.

Sau lần ra Vinh đó về lại Sài Gòn, trước những lo toan bận rộn của cuộc sống, cùng sự đưa đẩy của dòng đời, tôi lênh đênh trôi giạt sang xứ người, cũng một mình, trong tay trắng trơn, tâm trạng hoang mang khủng hoảng, ngay cả một tấm giấy hộ thân cũng không có, tôi đã lạc mất địa chỉ anh cho. Tôi không còn cơ hội gặp lại anh nữa, cũng không biết anh hiện giờ ra sao, ở đâu, làm gì... nhưng tôi tin một cách tuyệt đối, một người như anh, Trời Phật sẽ thưởng cho anh một cuộc sống tốt đẹp, tươi sáng. Riêng tôi, hình ảnh với tấm lòng tốt của anh, của chị anh, tôi khắc cốt ghi tâm, luôn in sâu trong tâm khảm, để bây giờ, mỗi khi nhìn tiết trời lất phất mưa, như cơn mưa (tuyết) hôm nay, tôi chợt nhớ cơn mưa thuở nào với bao hình ảnh xa xưa sống dậy ghi đậm nét ân tình của anh.

Và hôm nay khi kể lại, viết ra, tôi vẫn còn xúc động, trân trọng tấm lòng vàng quý hóa đó và luôn tự nhủ, tôi sẽ sống tốt với đời, với người như anh đã đối xử tử tế với tôi, đó là cách đáp đền, tri ân anh, tri ân đời sâu xa nhất.

Trần Thị Nhật Hưng



• **Thiện Căn Phạm Hồng Sáu**

(tiếp theo VG 203)

Biển cả và Ân nhân

Trong chuyến hải hành chạy trốn này chúng tôi gặp rất nhiều gian khổ và hiểm nguy. Những cơn mưa và những cơn bão về đêm tới tấp thổi đến. Mọi người ngồi trong tàu ai nấy đều sợ hãi và chờ chết. Họ chỉ còn cầu nguyện để may ra có Phật, Trời hay một vị Thần linh nào đó thương tình đến cứu mạng họ. Còn tôi thì giữ bình tĩnh, đứng bên cạnh phòng lái, dầm trong mưa bão cố nhìn ra ngoài mặt biển để hướng dẫn cho người lái tàu.

Lúc bấy giờ bên ngoài trời tối om, gió thổi mạnh, những đợt sóng lớn dồn dập đập vào phủ cả boong tàu và phòng lái. Cách tôi chừng 20 hoặc 30 hải lý (1HL: 1.852m), tôi thấy có nhiều ánh đèn của những thương thuyền các nước khác đang chạy trên hải trình Hồng-Kông hoặc Đài Loan ngang qua tàu tôi. Tôi đã cho các anh em thủy thủ đoàn bằng mọi cách làm báo hiệu để cho họ thấy, vì tàu tôi là tàu đánh cá nhỏ đã cũ lại chở rất nhiều người (362 người) nhưng họ đã làm ngư trước sự kêu cứu này.

Chìm tàu cũng chết, đụng nhằm phải đá ngầm hoặc hải đảo cũng chết, hoặc tàu bị tấp trở lại vào đất liền thì cũng bị công an CS bắt dẫn đi tù, do đó bắt buộc tôi phải có sự quyết định.

Thằng con tôi ngồi bên cạnh ôm chân tôi, nếu có sự không may xảy ra thì cha con chúng tôi sẽ cùng nhau nhảy xuống biển. Không hy vọng gì được sống sót, nhưng lúc đó không còn cách nào hơn để xoay sở được.

Một đêm đầu mưa bão đã trải qua. Khi mặt trời lên, cho tôi thấy được mặt biển mờ mờ và có những hải đảo vùng Côn Sơn nằm kế cận. Tôi cho đổi hướng để tàu chạy đến bờ biển Thái Lan, trong khi ấy máy phát điện của tàu đã bị hỏng khiến máy bơm nước không bơm được nên nước biển đã vào ngập đầy bên trong lườn tàu. Tuy vậy mọi người trong tàu nhìn thấy sóng gió đã yên, ai nấy đều mừng rỡ, nở nụ cười tươi. Một số thanh niên hằng hái lấy thùng múc nước dưới lườn tàu chuyển lên cho người đứng trên boong đổ xuống biển và cũng

trên thủy trình đó chúng tôi gặp thương thuyền Tom Jacob của Tây Đức. Tôi chuyển tín hiệu xin cứu giúp, thương thuyền này đã ngừng lại và vị thuyền trưởng ra đứng ngoài lan can đài chỉ huy cầm ống loa nói lớn bảo chúng tôi chờ.

Tôi để cho tàu mình trôi lênh bênh trên mặt biển và chờ sự cứu giúp của ông ta. Trong lúc đó ông liên lạc về Tòa Đại sứ Tây Đức tại Bangkok-Thái Lan và được biết rằng tiểu bang Niedersachsen sẽ nhận hết tất cả số người trên tàu của chúng tôi về Tây Đức. Thật là không có niềm vui mừng nào hơn, khi một người sắp chết đuối bám được một chiếc phao cứu mệnh.

Vị thuyền trưởng tàu Tom Jacob dự định kéo tàu của chúng tôi đến thủ đô Bangkok, nên ông đã cho dầu, đồ ăn, nước uống để dự trữ và cho nhân viên thòng dây kéo xuống buộc vào mũi tàu của chúng tôi.

Hai ngày hai đêm tàu của chúng tôi chạy theo sau thương thuyền của ông bằng dây kéo, mặc dù trong thời gian này biển cũng có nhiều sóng to, gió lớn, nhưng tin tưởng rất an toàn là sẽ thoát chết. Qua ngày thứ ba, vào buổi sáng, mặt trời đã lên, gió nhẹ, mặt biển bớt dồn dập sóng, tàu chúng tôi còn cách thủ đô Bangkok chừng 40 hải lý, mọi người trên tàu chúng tôi ai nấy đều vui mừng, mặt mày hớn hớn, họ tin chắc rằng sẽ được tới đó để lên bờ.

Bỗng nhiên chính quyền Thái Lan ra lệnh và làm khó để không cho vị thuyền trưởng Tom Jacob kéo tàu chúng tôi vào Bangkok, họ bảo phải cho chúng tôi chạy đến nơi khác. Không còn cách nào giải quyết nên ông đành phải cho nhân viên tháo gỡ dây kéo và đưa tay chỉ cho chúng tôi tự chạy vào một hòn đảo mang tên Kochang để ông được tiếp tục cuộc hải trình.

Sự không may đó khiến chúng tôi phải neo tàu tại vịnh đảo Kochang kéo dài một tuần lễ. Rồi vào một buổi chiều nọ khi trời sắp tối, cảnh sát Thái Lan đi bằng chiến hạm đến đảo đuổi chúng tôi ra biển khơi trở lại, họ bảo chúng tôi tự chạy xuống miền Nam tìm trại tỵ nạn.

Tính ra đoạn đường từ đây đến đó tàu chúng tôi chạy phải mất 4 ngày, 4 đêm trong tình trạng rất là nguy kịch và không biết trại tỵ nạn ấy nằm ở đâu? Vì tàu đang bị hư hại nặng, nước vô, đèn đuốc không có. Đồ ăn, nước uống trên tàu cũng đã cạn và tiếp tục gặp những cơn mưa bão dữ dội khác, phần lo tránh tàu của bọn hải tặc cứ mãi rình mò đuổi theo để cướp giết, cưỡng hiếp phụ nữ v.v... (phần này tôi đã viết trong bút ký "Một chuyến đi", ở đây tôi chỉ xin tóm tắt).

Cuối cùng tất cả chúng tôi được phép lên bờ và họ cho tạm trú tại một khu trại lợp bằng tranh đã cũ, trước đây dùng làm nơi ở để huấn luyện binh sĩ Biệt kích Thái, trại đã bỏ hoang lâu ngày nên rất điều tàn và dơ bẩn thuộc tỉnh Songkla miền Nam nước Thái Lan. Chúng tôi ở tại đó 10 ngày thì được chính phủ Tây Đức đưa máy bay đến thủ đô Bangkok chở về Tây Đức và cho tạm trú tại trại tỵ nạn Đất Lành (Friedland) gần thành phố Göttingen thuộc miền trung nước Đức vào ngày 14 tháng 12 năm 1978. Sắp sửa vào lễ Giáng sinh và sang năm mới 1979.

Mùa đông năm ấy thời tiết thật lạnh (- 20 độ C) tuyết phủ đầy trên ngọn cây, mái nhà và đường sá. Quang cảnh này lần đầu tiên trong đời người Việt chúng tôi mới gặp, riêng tinh thần của tôi lúc đó đang bị khủng hoảng nặng nề bởi tôi còn vợ, còn con đang ở lại tại quê nhà. Nghĩ đến đó, tôi đã hồi hận về sự ra đi này. Nếu biết tình

trạng như vậy, thà tôi ở nhà chịu cực khổ, sống chết cùng với vợ con còn hơn phải cô đơn nơi xứ lạ, quê người vì mãi mấy tháng đầu tôi chẳng nhận được thư hoặc tin tức gì từ vợ con tôi, mặc dù tôi đã viết rất nhiều thư gửi về nhà.

Chờ đợi và chờ đợi, cho mãi đến khi nhận được thư của vợ tôi, lúc đó tôi mới biết được sau khi tôi đi rồi, vợ con tôi ở nhà bị công an CS dẫn vật, thu sổ hộ khẩu, cấm đoán mọi điều... khiến ở đây tôi càng buồn rầu và lo lắng thêm nên học tiếng Đức chẳng chút nào vào đâu.

Sau 6 tháng, vợ tôi vì thương chồng, nhờ con, hy vọng một ngày được đoàn tụ nên vợ tôi đã liều lĩnh dẫn 2 đứa con nhỏ theo ghe vượt biển, trốn khỏi Việt Nam và đến được đảo Nam Dương (Indonesien). Khi nhận được thư của vợ tôi báo tin, ở đây tôi và thằng con mừng run lên, cả hai cha con tôi nhạt nhòa nước mắt!... Tôi vội vã nhờ Thông dịch viên ở trại làm đơn gửi lên Chính phủ Tây Đức, xin được phép bảo lãnh đoàn tụ. Và chúng tôi đã được gặp mặt, cùng sống chung dưới một mái nhà tại thành phố Lingen này sau hơn một năm dài xa cách với nhiều lo buồn, thương nhớ!...

Gia đình chúng tôi đã hoàn toàn gặp nhiều may mắn, thỏa mãn được ước mơ của buổi chia tay bịn rịn lúc ban đầu.

Thay mặt cho các đồng hương của chúng tôi cùng chuyển đi và riêng gia đình của chúng tôi, xin chân thành tri ân chính phủ Tây Đức, Ngài Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Ban Tây Đức Helmut Schmidt (SPD). Riêng Ngài Tiến sĩ Ernst Albrecht (CDU) Thủ tướng tiểu bang Niedersachsen, với chúng tôi, Ngài như một người Cha hoặc là một người Anh tốt (đĩ nhiên trong đó có cả phu nhân của ngài), cho dù các Ngài ấy là người trong đảng SPD, CDU, CSU, FDP v.v... hay bất cứ một đảng phái khác nào.

Ngài J. Eckert vị Thuyền trưởng khả kính của thương thuyền Tom Jacob, người đã mang đến cho chúng tôi một con đường sống có tương lai, có tự do, nhân bản... dù rằng đối với đồng hương của chúng tôi cũng như hai cha con tôi lúc đó bến bờ hãy còn xa vô tận, cùng với những vị Bảo trợ thân kính của từng gia đình người Việt Nam tỵ nạn chúng tôi.

*"Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,
Uống nước phải nhớ tới nguồn..."*

Lối vào hữu nghị

Chiếc xe Bus của trại tỵ nạn Đất Lành (Friedland) chở chúng tôi chạy từ trại đến Lingen/Ems và đỗ chúng tôi xuống trước Toà Thị Chính (Rathaus) sau trưa ngày 05.4.1979, lúc đó khoảng 14 giờ. Trên xe có 21 người, gồm người của 4 gia đình. Trong đó phân nửa là trẻ em từ 2 đến 16 tuổi.

Ông Hilbers Trưởng Ty Xã Hội thành phố Lingen và những người bảo trợ đã đón chúng tôi tại đó. Chúng tôi được phân chia đến chỗ ở từng nơi, theo sự sắp xếp của phòng xã hội thành phố. Tôi không có vợ, nhưng có một đứa con trai 15 tuổi đem theo nên họ đã cho cha con tôi ở chung với ba người khác độc thân tại một chung cư (Wohnung) 4 phòng nằm ở đường Von Tresckow thuộc Neuen Haimat-Lingen.

Ông Nguyễn Thế Hùng còn độc thân, hiện giờ là Bác sĩ làm việc tại bệnh viện Bonifatius Lingen, người em họ

của ông là Nguyễn Văn Hiền, sau khi bảo lãnh được vợ con qua Đức thì ông bị bệnh và đã chết cách đây khoảng 4 năm (1989). Và ông Lâm Thành hiện đang làm việc tại hãng Schachbau-Lingen. Ông Lâm Thành cũng có vợ con ở lại quê nhà như tôi, nhưng sau đó vợ con của ông cũng được đoàn tụ, gia đình ông hiện đang sống tại thành phố này; về sau có thêm một số người đến đây nữa từ những chuyến đi khác, đa số là người Hoa, nhưng họ đã ở lâu trên quê hương chúng tôi và cùng mang quốc tịch Việt Nam, như gia đình ông bà Hứa Xuân Hải, gia đình Sở Văn, gia đình ông bà Lý Tư, gia đình ông bà Tăng Cường v.v...

Số người Việt Nam tỵ nạn ở tại Lingen lúc bấy giờ tổng cộng chừng 60 người, kể cả trẻ em. Những gia đình của họ đều có người Bảo trợ riêng theo hoàn cảnh hoặc nghề nghiệp lúc họ còn ở Việt Nam. Riêng nhóm của chúng tôi đa số là người Việt Nam ở trong Quân đội, kể cả Bác sĩ Hùng vì ông ấy là cựu Quân y sĩ (QLVNCH) nên những người bảo trợ chúng tôi cũng là những người hiện ở trong Quân đội Tây Đức. Như ông bà K.u.I. Schleicher cấp bậc Trung tá, Chỉ Huy trưởng Thiết Giáp quân đội Tây Đức, ông bà Đại úy Ursula Singer; ngoài ra còn có ông bà Kurt Reichelt, làm việc tại Sở Buu điện Lingen, cùng với người con trai là anh Peter Reichelt hiện làm Giám đốc AOK Lingen.

Từ khi tôi được đoàn tụ cùng vợ con, ông bà Schleicher đã giúp đỡ cho chúng tôi rất nhiều. Từ chỗ ở, việc đưa các con của chúng tôi vào trường để học hành cũng như mọi thứ giấy tờ, hồ sơ cần thiết khác v.v... Sau một thời gian đồn trú tại Lingen hết nhiệm kỳ, ông phải chuyển chuyển đến Köln nên bà và các con của ông cũng dọn về ở tại Erftstadt-Köttingen gần thành phố Köln.

Trước khi rời Lingen, để cho gia đình chúng tôi an tâm có người khác tiếp tục giúp đỡ nên ông bà đã giới thiệu gia đình ông bà Heinz Geising, ông bà Geising là bạn thân của ông bà. Ông Geising hiện là Hiệu Trưởng trường Tiếp liên (Schulleiter des Orientierungsstufe im Schulzentrum Lingen) thay thế cho ông bà để bảo trợ chúng tôi, nhất là khi các con của chúng tôi đang theo học tại trường đó.

Các con của chúng tôi coi ông bà Geising như một người thân trong gia đình nên có vấn đề gì gặp khó khăn hoặc không hiểu bài tập Đức ngữ ở trường thì chúng chạy tới nhà của ông bà để nhờ ông bà giảng dạy lại. Nay ông đã về hưu, ở nhà lo công việc nhà, hoặc phụ giúp công việc cho những người lối xóm và tham gia công tác từ thiện tại nhà thờ Thiên Chúa ở gần nhà của ông. Ông bà Geising có ba người con: 2 gái và 1 trai. Tất cả đều đã lớn và đang học ở đại học. Nay họ đã thành tài và đã đi làm. Hildegard và Sabine đã có gia đình và đã có con, riêng cậu con trai Hendrig thì còn độc thân.

Ông Schleicher hồi đó mang cấp bậc Trung Tá, đến nay đã 15 năm rồi, bây giờ chắc có lẽ ông thuộc vào hàng tướng lĩnh của Quân đội Đức. Tôi đoán như thế, bởi ông chẳng bao giờ nói cấp bậc hiện tại của ông với tôi. Ông bà có 2 người con: 1 trai và 1 gái – Christian học đại học và theo khoa Chính trị học. Sylvia học ngành Giáo chức, nay cô đang làm cô giáo tại trường Tiểu học ở Köln. Chúng tôi đã một lần đến Erftstadt-Köttingen thăm viếng gia đình ông bà. Và hàng năm cứ vào trước lễ Giáng sinh (Weihnachten) hay năm mới (Neu Jahr) ông bà đều gửi thiệp chúc mừng đến gia đình chúng tôi, ngược lại chúng tôi cũng gửi thiệp chúc mừng đến gia

đình ông bà và không quên viết một miếng giấy kèm theo như một bức thư để nói rõ cho ông bà biết về hoàn cảnh, tình trạng, công ăn việc làm của vợ chồng chúng tôi cùng với sự học hành của các con chúng tôi. Nói tóm lại, những diễn biến gì của gia đình chúng tôi, tôi đều báo cho ông bà biết rõ.

Lingen và Erftstadt-Köttingen không xa mấy, tôi có thể đi được, nhưng rồi ai cũng có nhiều công việc bận rộn, do đó không có thì giờ để thường xuyên lui tới thăm nom.

Ông bà Kurt Reichelt thì đã già, chúng tôi thỉnh thoảng mới tới nhà thăm, song người con trai của ông bà là anh Peter Reichelt, 15 năm trước đây anh là Sinh viên đang thực tập tại AOK Lingen, nay anh đã làm Chef AOK đó.

Thuở ấy, hằng ngày cứ vào mỗi buổi chiều, sau khi tan việc ở sở làm, về nhà tắm rửa, ăn uống xong là anh đến chung cư của chúng tôi ngay vì lúc đó chúng tôi còn độc thân nên ở chung với nhau, anh chuyện trò, dạy tiếng Đức hoặc giúp đỡ việc giấy tờ cho chúng tôi v.v...

Anh ít nói và nói rất nhỏ nhẹ, nhưng cảm tình của chúng tôi dành cho anh rất nhiều. Những ngày cuối tuần hoặc những ngày nghỉ lễ hầu như suốt ngày anh ở chung với chúng tôi. Dẫn chúng tôi đi dạo phố, đạp xe máy đi thăm chỗ này, chỗ nọ trong vùng Lingen/Ems và anh cũng ăn được những món ăn Việt Nam do chúng tôi tự nấu.

Về đêm, mỗi lần anh từ giả chúng tôi để về nhà, thường là 10 giờ tối. Tôi đi chung với anh xuống 4 tầng cầu thang lầu để mở cửa chánh chung cư, tiễn anh ra ngoài đường. Có đêm thì mưa, có đêm thì gió lạnh, có đêm tuyết rơi trắng xóa ngập cả mặt đường. Thuở ấy anh còn là Sinh viên nên chỉ có xe đạp chứ chưa có xe hơi.

Tôi đã không quên anh. Có lần anh thấy tôi ngồi cô đơn và buồn bã, anh đoán biết được tâm tư của tôi đang lo lắng, nghĩ về vợ con đang còn ở tại quê nhà. Anh muốn an ủi tôi, nhưng không biết làm cách nào để diễn tả cho tôi hiểu, anh lấy cuốn Tự điển Đức-Việt lật ra chỉ cho tôi 2 chữ "kiên nhẫn" (geduldig).

Nay thì Ba của anh đã mất, Má của anh mấy năm trước đây tôi thường gặp bà trong các siêu thị hay ngoài đường phố Lingen và mỗi lần như vậy bà thường đứng lại kể chuyện gia đình của bà, công việc làm của Peter. Rồi bà hỏi thăm sức khỏe và tình trạng hiện tại của vợ chồng chúng tôi cùng sự học hành của các con chúng tôi ở nhà trường. Nhưng hơn một năm rồi, có lẽ bà đã quá già nên không đi đâu, do đó chúng tôi không gặp lại bà nữa.

Lúc tôi đang theo học Đức ngữ tại trường Bình dân học vụ (Volkhochschule) Lingen. Những người Việt Nam tỵ nạn tại Lingen và tỉnh Meppen được cùng học chung và chia ra làm 2 nhóm:

- Nhóm thứ 1 dành cho những người có trình độ văn hóa khá và đã có học qua sinh ngữ Anh văn hoặc Pháp văn.

- Nhóm thứ 2 dành cho những người chưa biết chữ hoặc trình độ văn hóa kém, chưa có học qua một sinh ngữ nào.

Các cô Giáo dạy cho chúng tôi lúc bấy giờ là: Bà Hesel (ở Meppen), bà Brigit Hickman và bà Schleppt (ở Lingen).

Tôi được chọn cho học ở lớp 1, nhưng không may vào đầu tháng 9 năm 1979, đang giữa khóa học, tôi bị đau sụn xương sống (Bandscheiben) Bác sĩ nhà phải chuyển tôi đến bệnh viện Ludmillenstift tại Meppen để giải phẫu nên sự học của tôi bị dang dở. Sau khi giải phẫu xong, tôi được nằm dưỡng bệnh chung một phòng với ông Hermann Meyer, ông là một đại điền chủ có tiếng tăm, có nhà riêng tại làng Apeldorn thuộc Kreis Meppen. Ông đã già và bị bệnh đau xương sống nặng hơn tôi. Sau khi giải phẫu đã 2 tuần mà ông vẫn còn bị đau nhức, đi đứng rất khó khăn. Riêng tôi chỉ sau 5 ngày là tôi cảm thấy trong người dễ chịu và hết đau nhức.

Nằm chung một phòng, ban đầu tôi coi ông chỉ là bệnh nhân thường thôi, như bao bệnh nhân khác, đâu biết rằng ông là một đại điền chủ. Mỗi khi muốn nói chuyện với ông thì rất khó khăn vì tôi không biết nhiều tiếng Đức, chỉ biết chút chút tiếng Anh, do đó khi muốn nói phải dùng cả hai thứ tiếng Đức và Anh để trao đổi.

Ông kể lại cho tôi nghe, vào Đệ nhị Thế chiến (1939-1945) ông đã ở trong Quân đội Đức và có lần đồn trú tại Anh nên ông cũng biết chút đỉnh tiếng Anh. Trong sự chuyện trò với nhau khi gặp chữ nào không hiểu hoặc không nói được thì tôi vẽ hình ra giấy, như vẽ con bò, con gà, heo, ngựa, ruộng đất v.v... để hỏi ông, ông trả lời cho tôi biết ở nhà ông kể ra thì thứ nào ông cũng có, mà có số nhiều chứ không phải số ít, làm tôi quá đỗi ngạc nhiên!...

Ngôn ngữ bất đồng, vậy mà tôi và ông đều hiểu nhau và thông cảm với nhau được.

Tại bệnh viện, cứ mỗi sáng thức dậy, tôi mang vợ, mang giày giúp ông và dìu ông đi vào phòng tắm để ông đánh răng, súc miệng, rửa mặt hoặc vào phòng vệ sinh để ông làm việc riêng của ông v.v... Do sự giúp đỡ này nên ông rất thương tôi, hơn nữa ông thấy tôi chỉ có một mình, không vợ, không con, không người đến thăm viếng. Còn ông thì vợ, con hoặc thân nhân, bạn bè hàng ngày lui, tới thăm nom tấp nập, nhất là bạn của ông rất nhiều.

Ông kể cho bà vợ của ông nghe về hoàn cảnh của tôi, không hiểu sao những ngày sau đó, mỗi lần bà vào bệnh viện thăm ông, bà thường mang theo đồ ăn, thức uống hoặc quà vật đến cho ông thì số lượng gấp đôi. Một phần bà đưa cho ông, còn một phần bà tặng cho tôi. Bạn bè của ông đến thăm, ông cũng kể cho họ nghe về tôi nên thấy thái độ của họ rất có cảm tình với tôi.

Sau 3 tuần nằm tại bệnh viện, Bác sĩ cho tôi được phép xuất viện để về dưỡng bệnh tại nhà, riêng ông thì vẫn còn nằm tại đó mặc dù ông đã giải phẫu và nằm tại phòng đó trước tôi đã 2 tuần.

Tôi và ông chia tay nhau, ông đã khóc và nắm chặt tay tôi không rời. Tôi an ủi ông, hứa với ông, khi nào vợ và 2 con của tôi từ trại tỵ nạn Nam Dương (Indonesien) qua đến Tây Đức, tôi sẽ viết thư báo cho ông bà biết ngay.

Về lại chung cư nằm dưỡng bệnh một thời gian thì vợ và 2 đứa con của tôi được chính phủ Đức rước bằng máy bay từ trại tỵ nạn tại Nam Dương qua Tây Đức và đưa vào tạm trú tại trại tỵ nạn Đất Lành (Friedland). Sau 10 ngày ở tại đó làm thủ tục giấy tờ, kiểm tra bệnh lý, xong xuôi, tôi được phép rước vợ con về Lingen

Tôi liền viết thư gửi tới Apeldorn báo cho ông bà biết, ông bà nhận được thư của tôi gửi thì ông bà vội vã chạy đến thành phố Lingen tìm nhà thăm chúng tôi.

Từ đó tình thân giữa ông bà, gia đình của ông bà và gia đình của chúng tôi kéo dài tới hôm nay. Ông bà bảo vợ chồng chúng tôi gọi ông bà là Cha (Papa), Mẹ (Mama), còn các con chúng tôi thì gọi Ông (Opa), Bà (Oma). Nên hằng năm dù công việc có bận rộn gì đi chăng nữa. Trước lễ Giáng Sinh (Weihnachten) hoặc năm mới (Neu Jahr) vợ chồng chúng tôi với các con phải dành thời gian để đến nhà thăm viếng và chúc mừng ông bà cùng gia đình của ông bà.

Ông bà Meyer có 7 người con, tất cả còn đủ, gồm 6 trai và 1 gái, họ đều có gia đình, có con và ở riêng, chỉ người con trai đầu là Klaus Meyer và vợ là Marian cùng 2 đứa con (1 trai và 1 gái) hiện ở chung nhà và lo công việc đồng áng với ông bà.

Marian vợ của Klaus, đẹp, dễ thương, tánh tình vui vẻ, rất giỏi giang bao lo mọi công việc nhà, nên các con của chúng tôi rất mến mộ, chúng gọi Marian bằng Dì (Tante)!...

Như những ông bà Nội, Ngoại ở dưới miền quê Việt Nam, mỗi lần con cháu về thăm viếng, khi từ giã ra về đều có quà của cha mẹ hoặc của ông bà cho để mang theo về nhà, đây cũng giống y như vậy nên thùng xe (Kofferraum) của tôi đựng đầy đồ, nào: gà, vịt, thịt heo, thịt bò... đã được làm sẵn ướp lạnh, ngoài ra còn có rau, khoai tây, củ hành, bánh, trái cây v.v... tất cả những thứ đó đều là của nhà ông bà cho chúng tôi để ăn mừng Giáng sinh và Tết. Riêng vợ tôi bà thừa lúc tôi không để ý, nhét cho vợ tôi một bao lì-xì, trong đó có tiền, bà bảo đem về mua sắm quà vật cho các con.

Một đại gia đình, tất cả đều trật tự, trên thuận, dưới hòa, sống trong an vui, hạnh phúc như gia đình của ông bà Meyer đối với xã hội Tây phương bây giờ rất khó tìm (bà đã mất vào ngày 12.03.1997, thọ 76 tuổi).

Gia đình người hàng xóm tốt bụng. Đó là ông bà Kotte Werner. Từ ngày chúng tôi dọn đến ở chung cư, kế cận nhà của ông bà cho tới nay, dù rằng trong thời gian gần đây (khoảng 1990-1991) có phong trào kỳ thị chủng tộc chống ngoại quốc của một số ít người Đức theo chủ nghĩa phát xít, nhưng ông bà vẫn đối xử tốt với chúng tôi như lúc chưa có vấn đề này xảy ra, coi chúng tôi như người thân trong gia đình.

Ông đã về hưu, bà nội trợ ở nhà và ông bà có một người con trai, anh ấy đã lớn và đã có vợ, có con, nhà được xây cất ở phía sau vườn của ông bà. Chúng tôi và các con rất quý mến ông bà. Bà đã dạy cho con gái chúng tôi cách đan thêu, nấu ăn theo cách thức và khẩu vị người Đức, hoặc trong vườn của ông bà có bông hoa, trái cây, rau cải v.v... thì bà hái hoặc nhổ đem cho chúng tôi để chúng tôi khỏi phải tốn tiền mua. Bà bảo vợ tôi khi nào ông bà đi vắng, cần bông hoa hay cần ăn thứ gì có trong vườn thì cứ tự nhiên qua lấy đem về khỏi phải chờ đợi xin phép ông bà. Hoàn cảnh của gia đình chúng tôi ông bà đều biết rõ, cho nên việc giấy tờ bằng tiếng Đức có liên quan đến quyền lợi hoặc khai báo việc gì của chúng tôi, mượn ông bà làm giùm rất dễ dàng và cũng đỡ lo.

Đặc biệt không có người chủ nhà nào cho mượn nhà tử tế, tốt bụng, như ông bà Rudolf Brinker đã lấy tiền cho mượn nhà rẻ, lại còn dễ dãi trong mọi yêu cầu cần thiết của chúng tôi và đôi khi còn cho lại tiền để chúng tôi sửa sang trong nhà. Nói tóm lại những người lối xóm ai cũng tốt bụng, sớm hôm lỡ có việc gì không may bất

thường xảy ra khẩn cấp chúng tôi có thể kịp thời nhờ đến họ giúp đỡ được.

Quê hương Việt Nam chúng tôi có câu: „Nhút cận lân, nhì cận thân” hay là „Bà con xa, không bằng láng giềng gần”... để nói lên những nỗi niềm đó.

Thư và hình ảnh của Thuyền Trưởng Thương Thuyền Tom Jacob gửi đến Hội Hồng Thập Tự trại Tỵ Nạn Friedland để cho người Việt chúng tôi qua tôi đại diện (dịch ra Việt ngữ).

Ernst Jacob

Chủ tàu và giới Hàng hải Ernst Jacob

Postfach 708, 2390 Flenburg – 06 Februar 1979.

Kính gửi Hội Hồng Thập Tự

Trại Tỵ nạn Friedland 3403 Friedland.

MS Tom Jacob - Hoạt động cứu giúp người Việt Nam tỵ nạn

Kính thưa quý bà và quý ông.

Chắc quý ông bà đã biết, tàu „MS Tom Jacob” của chúng tôi trong tháng 11 năm vừa qua đã kéo ghe của những người tỵ nạn Việt Nam trước bờ biển Thái Lan. Số người Việt Nam tỵ nạn này hiện giờ đang ở tại trại của quý ông bà.

Chúng tôi gửi đến quý ông bà 50 tấm hình tàu MS Tom Jacob của chúng tôi và xin quý ông bà phân phối giùm những tấm hình này đến họ để làm kỷ niệm.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn trước cho sự cố gắng đó của quý ông bà.

Thân ái kính chào

Ernst Jacob

ppa.

(ký tên)

Kollmetz

Sau khi nhận được thư của vị Thuyền Trưởng tàu Tom Jacob gửi đến, tôi và anh em trong Thủy Đoàn của tàu mình viết một lá thư chân thành gửi lời cảm ơn ông và các cộng sự viên của ông. Nhận được thư của chúng tôi, từ Hải cảng bên Ý Đại Lợi ông đã viết một lá thư đáp lại và trả lời cho chúng tôi, dịch ra Việt ngữ như sau:

Thuyền Trưởng J.Eckert

„MS” Tom Jacob,

ZZ.Ligure/Ý-Đại-Lợi

23 tháng 2 năm 1979

Kính gửi

Thủy Thủ đoàn "0702" ()*

Trại Tỵ nạn Friedland

3403 Friedland

Kính thưa quý vị.

Tôi đã nhận được thư của quý vị, thú thật tôi đã vui mừng về những dòng chữ ấy.

Vào những ngày 25.11.1978. Sau khi chúng tôi chia tay với quý vị trước đảo Kochang, những ngày sau đó tôi rất lo âu và chờ đợi tin tức của quý vị, nay biết được rằng quý vị và bà con đồng hương đã đến được bờ an toàn.

Tôi rất tiếc đã phải nghe tin quá trễ về những khó khăn liên quan giữa chính phủ Thái Lan và các cơ quan chính quyền địa phương, khiến chuyến đi của quý vị phải kéo dài thêm nhiều ngày.

Sự cảm ơn của quý vị về việc cứu giúp của chúng tôi, tôi rất vui mừng chuyển tiếp những lời đó đến những cộng sự viên của tôi. Tuy nhiên đó là điều chúng tôi phải làm khi gặp phải và cũng là nhiệm vụ của thương thuyền Đức, xin quý vị xem đó là việc bình thường, không cần phải đặc biệt đề cập đến.

Tôi cũng biết rằng, đất nước của chúng tôi không thể thay thế được sự mát mát quê hương của quý vị. Dù vậy tôi cũng hy vọng và chúc quý vị gặp mọi thành công trong cuộc sống tương lai như trước đây quý vị đã thể hiện.

Trong tình cảm này, tôi kính chúc quý vị và những đồng hương của quý vị được mọi điều tốt đẹp, may mắn và khỏe mạnh để tiếp tục đi trên con đường đời.

Thân ái kính chào

(ký tên)

J.Eckert

Thuyền Trường MS "Tom Jacob".

(*) Tàu tỵ nạn của chúng tôi lúc bảy giờ mang số BT 0702.

Tiếng nói là linh hồn

Hơn cả Pháp ngữ và Anh ngữ, chúng tôi học Đức ngữ rất khó khăn. Trong cách hành văn và cách nói có rất nhiều thay đổi:

- Lưỡi phải cong và hơi thở phải nín lại,
- Hàng số đếm từ số 13 trở lên thì phải đếm ngược,
- Danh từ nối với danh từ,
- Mạo từ luôn luôn bị biến đổi theo ý nghĩa câu văn,
- Nhiều động từ phải cắt bỏ ở phần đầu và đem đặt ở phần sau của cuối câu văn.

Do đó, khi chúng tôi nói không đúng câu hoặc sai văn phạm và phát âm không đúng giọng thì người Đức họ không hiểu gì hết. Có những người Đức ít khi tiếp xúc với người ngoại quốc hoặc không hứng thú trong việc học ngoại ngữ, lúc nói họ không dùng những danh từ, động từ hoặc chữ thông dụng để nói hay hỏi chúng tôi và họ cũng không nói một cách chậm rãi để cho chúng tôi dễ nghe, dễ hiểu, có khi họ cũng chẳng để ý đến kẻ đối diện mình là người của mình hay người của nước khác, họ nói thanh thoát nhanh, tưởng như người nào cũng có trình độ tiếng Đức giống y như người bản xứ của họ, nhiều khi chúng tôi không biết hoặc không hiểu được hoàn toàn, chúng tôi nghe xong chỉ biết ngẩn ngơ hoặc đáp lại bằng sự nhòen miệng cười cho qua chuyện, đâu ngờ rằng sau đó có những chuyện xảy ra không đúng ý hoặc lỡ lằm để phải nhận vào sự mất mát nguy hại hoặc sự thiệt thòi.

Chỉ có một số ít người Đức thường tiếp xúc với người ngoại quốc, họ đã hiểu được tâm trạng này nên khi họ nói với chúng tôi họ nói rất chậm rãi và tránh những chữ khó hiểu hoặc họ có thể đoán trước được điều gì chúng tôi muốn nói hoặc yêu cầu họ. Dù rằng chúng tôi nói không đúng chữ, đúng giọng, đúng câu hoặc sai văn phạm Đức ngữ.

Trong sự tiếp xúc với những người ở các nước lân bang Đức như Pháp, Tây Ban Nha, Hòa Lan v.v... chúng tôi nhận thấy đa phần họ dùng Anh ngữ để nói chuyện với người ngoại quốc.

Con cháu của chúng tôi đi học ở nhà trường, sanh ra hoặc lớn lên ở nước Đức thì ngôn ngữ Đức đối với chúng tôi không xa lạ và đã trở thành thói quen. Nhưng chúng tôi

Vô Thường



Sống và chết ai cũng thế thôi

Xuân-Hạ-Thu-Đông, lẽ khứ hồi

Đại chúng nhân sinh cùng vạn pháp

Thành-Trụ-Hoại-Diệt, lý luân hồi

• **Võ Thiện Tánh**

tuổi đã từ 40 trở lên thì rất khó học, vì chúng tôi là người Á Châu, lại là người Việt Nam, Đức ngữ là một môn ngoại ngữ rất xa lạ, hơn nữa tiếng Đức không thông dụng quốc tế nên nhà trường không dạy, chỉ dạy cho chúng tôi 2 ngôn ngữ thường dùng, đó là Anh ngữ và Pháp ngữ, đặc biệt trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam chúng tôi đã gần gũi với người của hai quốc gia này.

Về phong tục, tập quán cũng khác biệt. Người Âu Châu rất quan trọng lễ sinh nhật, chúng tôi ngày sinh nhật không quan trọng mấy, chỉ một số ít người giàu có hoặc nhàn rỗi tổ chức mà thôi, nhưng quan trọng cho ngày người chết. Đó là ngày "Giỗ", vào ngày này bà con, người trong dòng họ của chúng tôi tập trung lại một nơi. Ở đó chúng tôi gặp gỡ, sum họp, tưởng niệm, khăn vái với những người thuộc giới ông bà, cha mẹ hoặc thân nhân của mình đã qua đời v.v..., và những người đó khi còn sống họ đã làm được những việc lành, việc tốt, thì một sự kể chuyện lại hay nhắc nhở đến họ cho con cháu nghe hầu sau này chúng sẽ noi theo gương đó mà làm.

Trong cách trang sức cũng có khác, như cách đeo hoa, nơ gắn trên ngực áo, áo quần cưới, đeo nhẫn cưới hoặc là y phục mặc trong các buổi lễ hội hay tang lễ dành cho thân nhân và khách tham dự v.v...

Sự học và nói tiếng Đức có thể những người ở trong các nước thuộc khối Âu Châu tiếp nhận dễ dàng hơn chúng tôi, vì họ thường gặp gỡ và tiếp xúc với người Đức. Hơn nữa ngôn ngữ và tiếng nói của họ có lẫn lộn ít nhiều tiếng Đức. Đặc biệt về điều kiện phong thổ, tập quán, sự ăn uống, thời tiết, màu da, mái tóc v.v... có phần giống người Đức; và khi họ đã không gặp trở ngại về ngôn ngữ và phong thổ thì việc hội nhập vào quê hương mới sẽ không gặp nhiều khó khăn như chúng tôi.

(Còn tiếp)

Cuối cùng cũng tìm được Tự Do "Free at last"



Không ai có thể ngờ được câu nói lịch sử của Mục Sư Martin Luther King, nhà tranh đấu cho nhân quyền nổi tiếng ở Hoa Kỳ hơn nửa thế kỷ trước, mà nay lại được 28 người tỵ nạn Việt Nam reo vang trên đất nước Canada để diễn tả niềm vui sướng cùng tâm trạng của mình khi họ vừa đặt chân đến bến bờ tự do trong vòng tay ân cần và thương mến của cộng đồng người Việt tại thành phố Vancouver vào lúc 4 giờ chiều Thứ Năm, 13 tháng 11, 2014 vừa qua.

Đây là đợt đầu tiên trong tổng số gần 100 người tỵ nạn VN sống vất vưởng, lạc loài trên bước đường lưu vong đã hơn 25 năm qua kể từ ngày vượt biên bằng thuyền hoặc bằng đường bộ. Hầu hết đều là những người đã lén trốn ra khỏi các trại tỵ nạn ở Thái Lan để chống bị cưỡng bức hồi hương. Trong số này có anh Nguyễn Văn Tùng, chị Trần Thị Bành và cậu Lê Văn Dũng là những người đã quyết định tự sát ở trại Sikhiu khi nhận được lệnh trục xuất về VN vào năm 1996. Anh Tùng và cậu Dũng thì dùng dao đâm vào bụng, còn chị Bành thì uống thuốc độc để quyền sinh, tuy nhiên họ đã được cứu sống và trả giá bằng những năm tháng lưu đầy, sống ngoài vòng pháp luật từ đó cho đến nay.

Anh Nguyễn Văn Tùng, người cựu quân nhân hào hùng của Sư Đoàn 25 Bộ Binh ngày nào đã khóc như một đứa trẻ khi được xướng ngôn viên Minh Phượng của đài Radio Bolsa phỏng vấn lúc anh vừa đặt chân đến Tu Viện Hoa Nghiêm, là nơi anh được Thượng Tọa trụ trì cùng các Phật tử bảo trợ! Tôi nhìn thấy anh ngã xuống chiếc giường gỗ nhỏ mà Thầy Thích Nguyên Thảo vừa đóng xong để đồng bào tạm trú và nghe anh nói trong nước mắt "... Tôi đang mơ hay tỉnh đây! Phải tôi đã được làm 'người' trở lại thật rồi sao? Tôi biết nói gì để cảm ơn quý vị đồng hương ở hải ngoại đã không quên chúng tôi, đã thương xót cho người lính bất hạnh này! Tôi phải làm gì để đền đáp những ân tình đó!"

Chia phòng tạm trú với anh Tùng là cậu Huỳnh Hữu Hậu, em ruột của một Sĩ Quan Không Quân VNCH. Hậu vượt biên năm 1989 khi chưa đầy 20 cái xuân xanh, thế mà nay đã gần 45 tuổi đời! 25 năm sống không địa chỉ, Hậu mất hết liên lạc với gia đình và nay cũng muốn tìm người anh ruột, nghe nói đi theo diện HO và đang sống ở Texas?

Riêng chị Bành, là vợ của một công chức hành chánh tinh hạt của "chế độ cũ"! Sau biến cố 1975, tinh thần và thể xác ông đã hoàn toàn suy sụp, lại thêm phần vừa

đau yếu, vừa lớn tuổi nên vào năm 1989, ông khuyên vợ mình, vì tương lai của đứa con trai duy nhất, đề nghị bà dẫn cậu vượt biên bằng đường bộ qua Thái Lan. Đến khi bị Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ báo tin là gia đình sẽ phải hồi hương, thì chồng của bà đã nhẫn nhủ, rằng "bằng mọi giá hai mẹ con phải tìm bằng được con đường dẫn đến bến tự do, đừng trở về nơi ngục tù Cộng Sản"! Và có lẽ cũng chính vì thông điệp mạnh mẽ đó mà cả bà Bành cùng người con đã quyết định đổi hai chữ Tự Do bằng mạng sống của mình? Nhưng thật không ngờ mãi đến một phần tư thế kỷ sau họ mới thực hiện được lời nguyện ước của ông!

Cộng đồng người Việt tại Canada đã cùng nhau tiếp đón cũng như chia sẻ trách nhiệm bảo trợ cho số 28 đồng bào vừa đặt chân đến quốc gia giàu lòng nhân đạo này: 7 người định cư ở Vancouver, 13 người sẽ đến Toronto, 1 sống tại Ottawa, số còn lại được Calgary đón nhận.

Tôi hân hạnh được tiếp xúc với đồng bào ngay từ lúc họ vừa xuống máy bay và được đưa vào một khu vực biệt lập của sở di trú Canada để làm thủ tục nhập cảnh. Nhìn ai cũng thấy nụ cười nở trên môi, nhưng vẫn không giấu được nét mệt mỏi, hỏi ra thì mới biết rằng tất cả mọi người, từ già đến trẻ đều vừa trải qua 2 ngày tù "tượng trưng" trong một khám đường ở Bangkok, rồi sau đó được đưa thẳng từ trại giam đến phi trường và lên máy bay, ngoài ra còn phải nộp phạt 200 US dollars cho mỗi đầu người. Đây cũng là một thủ tục, hay có thể nói, là một diễn tiến bất ngờ mà nhà cầm quyền Thái Lan đòi hỏi để "hợp thức hóa" những cư dân sống bất hợp lệ trước khi họ cấp giấy xuất cảnh. Chính điều kiện này đã là lý do khiến các chuyến đi định cư của đồng bào đã bị đình hoãn từ hơn một tháng qua, làm cho các thành viên của tổ chức VOICE cũng như những nhà bảo trợ, cùng cộng đồng người Việt ở Canada và cả chính cá nhân tôi đã hồi hộp lo âu về số phận của những người tỵ nạn bất hạnh này vào giờ thứ 25. Nhưng cuối cùng thì tự do đã đến với họ, "Free At Last"!

Tuy nhiên hậu quả của sự trì hoãn nói trên đã làm cho tổ chức VOICE phải trả thêm những chi phí bất ngờ vào giờ chót như tiền phụ trội vé máy bay, vấn đề ăn ở cho các đồng bào tập trung về Bangkok để chuẩn bị lên đường, nhất là tiền phạt "nhập cảnh bất hợp pháp" v.v... Theo các điều hợp viên của VOICE cho biết, nếu không nhờ sự hưởng ứng, đóng góp và tiếp tay về tài chánh của quý vị đồng hương thì có lẽ đồng bào tỵ nạn của chúng ta sẽ còn phải chờ lâu hơn nữa!

Trở về từ Vancouver, tôi cảm thấy có bốn phận phải tường trình và chia sẻ những tin tức cập nhật đến toàn thể quý vị, đặc biệt là những nhà hảo tâm đã đóng góp tài chánh, cũng như hỗ trợ lời kêu gọi của chúng tôi trong thời gian qua. Xin quý vị nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi cùng những người tỵ nạn muộn màng. Kính chúc quý vị và gia quyến một mùa Lễ TạƠn tràn đầy niềm vui và hạnh phúc.

Muốn biết thêm chi tiết, muốn đóng góp tài chánh hoặc xem danh sách các vị hảo tâm xin vui lòng vào trang nhà của tổ chức VOICE ở địa chỉ website: www.vietnamvoice.org

Trân trọng,
Nam Lộc Nguyễn S.B.T.N.
P.O. Box 127 Garden Grove, CA 92842



Viết một chuyện tình

• Tiểu Tử

Mấy lúc gần đây, không hiểu sao, tôi bỗng thèm viết một chuyện tình! Từ ngày tập tễnh viết văn, nhớ lại, tôi chưa từng viết chuyện tình nào cả. Điều này làm tôi cũng ngạc nhiên, bởi vì, chuyện tình là chất liệu mà các nhà văn khai thác thường nhứt và nhiều nhứt. Từ những ngòi bút mông non của tuổi học trò qua những nhà văn "tài tử" hay đã thành danh... có ai không từng viết chuyện tình? Chỉ có tôi là chưa. Lạ thật!

Vậy mà bây giờ tôi bỗng thèm viết một chuyện tình. Ở cái tuổi về chiều của tôi, "thèm" như vậy không biết có phải là triệu chứng của sự hồi xuân hay không? Người ta nói mấy ông già ở tuổi hồi xuân "ghê" lắm, "mắc dịch" lắm. Vì vậy, khi về già, tôi hay bị ám ảnh bởi cái tuổi hồi xuân đó, và không biết lúc nào "nó" bùng ra để biến tôi thành ông già "mắc dịch"! Cho nên khi cảm thấy thèm viết chuyện tình, tôi tự hỏi: "Có phải là nó đến đó không?". Hỏi mấy ông bạn già – già hơn tôi để có nhiều kinh nghiệm – thì người nào cũng cười cười: "Nó đó!". Nếu thật là "nó" thì cái sự hồi xuân của tôi không đến nỗi nào "ghê" lắm. Trái lại, nó có vẻ nhẹ nhàng tao nhã nữa. Bởi vì tôi chỉ có thèm viết chuyện tình thôi!

Dĩ nhiên, tôi không có cao vọng viết một chuyện tình loại "đế đờ" như "Lan và Điệp", hay như "Roméo và Juliette". Tôi chỉ thèm viết một chuyện tình tầm thường, chẳng éo le gút mắt gì hết, nhưng phải là một chuyện tình sống thực.

Vậy là đầu hè năm nay, tôi bắt đầu giàn dựng "một chuyện tình"...

Muốn viết một chuyện tình, đầu tiên là phải có một chàng trai và một cô gái. Để quá! (Còn chuyện tình giữa hai đực rựa với nhau hay giữa hai kiểu nữ với nhau mà người ta gọi một cách văn vẻ là "đồng tính luyện ái"... loại chuyện tình tréo căng ngổng đó không nằm trong sự thèm viết của tôi! Mô Phậ!). Chàng trai không cần phải "đô con", cô gái không cần phải đẹp như người mẫu. Hai nhân vật mà tôi muốn "dựng" lên phải giống như mọi người bình thường, nhưng họ phải trẻ (Lạ quá! Sao chuyện tình nào cũng phải có nhân vật trẻ hết! Làm như ở lứa tuổi sồn sồn chuyện tình bị... xơ cứng, không gọi cảm hứng cho nhà văn nữa!). Và họ phải dễ thương!

Ở nhà vợ chồng tôi không có bàn viết. Lâu nay, tôi viết ở bàn ăn. Cho nên, muốn viết phải... canh giờ, bởi vì gần tới giờ cơm là phải đi chỗ khác. Sau bữa ăn, dọn dẹp xong, mang giấy bút trở lại bàn ăn để viết tiếp thì ý văn nó đã đi đâu mất!

Lần này, thèm viết chuyện tình – lại là lần đầu tiên viết chuyện tình – tôi muốn được viết một cách... trơn tru, nghĩa là không bị bắt buộc ngừng ngang để trả bàn ăn lại cho bữa ăn, và tôi được tự do ngắt câu văn ở chỗ

nào mà tôi xét thấy ý văn vẫn nằm nguyên ở đó ngoan ngoãn chờ, và nhứt là xấp giấy tôi viết vẫn giữ nguyên vị trí xiên xiên của nó trên mặt bàn – tôi có tật đặt giấy không thẳng góc với cạnh bàn mới viết được! – để khi tôi ngồi trở lại viết tôi không cảm thấy có sự gián đoạn! Muốn được như vậy, tôi phải có một cái bàn riêng để viết.

Chủ nhật đó, tôi nói chuyện cái bàn viết cho hai thằng con tôi nghe, khi chúng nó chờ gia đình lại nhà tôi ăn cơm (Nhà của vợ chồng tôi ở trong một làng nhỏ – ngoài đồng, xa Paris. Các con tôi, vì đều làm việc ở Paris, nên có nhà ở trong đó. Cuối tuần, tụi nó hay chờ nhau ra thăm ông bà nội vì nhà có sân trước vườn sau rộng rãi cho mấy đứa nhỏ chạy giỡn nô đùa). Tụi nó hỏi:

- Ba cần cái bàn bao lớn?

- Không cần phải loại bureau lớn làm gì. Ba chỉ cần một bàn nhỏ cỡ sáu tấc một thước có một học ở giữa để bàn thảo và giấy bút. Nhẹ nhàng vậy thôi.

Hai hôm sau, thằng con lớn chở tới một cái bàn đúng y như tôi muốn. Tôi cho nó đặt bàn ngay trong phòng vợ chồng tôi ở trên lầu, cạnh cửa sổ. Ngồi ở đó, tôi có cái nhìn thật thoải mái. Nhìn lên là trời cao trong vắt – thời tiết đang là mùa hè – Nhìn xuống là khu vườn sau nhà tôi với mấy cây ăn trái đầy trái và khoảng đất trồng rau trồng cà của vợ tôi. Cuối vườn là hàng rào trặc bá điệp thấp thấp. Tiếp theo đó là vườn sau của nhà phía bên kia, lớn hơn vườn nhà tôi, bởi vì nó có một hồ tắm.

Tôi nói với con tôi :

- Đó! Phải ngồi một chỗ như vậy, phải có cái nhìn như vậy, mới có hứng viết văn. Con thấy không?

Thích quá, tôi vội lấy xấp giấy trắng và cây bút bi để ở đầu giường đem đặt lên bàn, rồi ngồi vào ghế, khoan tay ngã người lên thành ghế, mắt nhìn thẳng ra cửa sổ. Tôi có cảm tưởng như chuyện tình mà tôi muốn viết, tôi vừa viết xong !

Đúng lúc đó, vợ tôi bước vào phòng. Bà la lên:

- Trời ơi ! Đặt cái bàn viết kiểu gì kỳ vậy! Phòng chỉ có một cửa sổ mà ổng ngự ở đó không cho ai xài hết. Bộ hết chỗ để rồi sao?

Thằng con giải thích:

- Ba viết văn, ba cần ngồi ở chỗ có cái nhìn khoáng đãng. Với lại ba cũng đâu có che hết cái cửa sổ đâu mà má la.

- Ông bày đặt chuyện đó. Xưa nay, ông viết ở bàn ăn chớ viết ở đâu? Bây giờ, ông đòi mua bàn để có cơ cho ông ngồi ngay cửa sổ ổng dòm con đầm ở trường năm phơi nắng ở nhà bên kia kia.

Thằng con cười hề hề, còn tôi thì nghe như vừa bị tạt cho một xô nước lạnh!

Sự thật, con đầm nhà bên kia, mùa này, sáng nào cũng ra hồ tắm bơi lội rồi phơi nắng, nhưng nó có mặc mai-dô đàng hoàng. Và chỗ nó nằm phơi nắng – nhìn từ cửa sổ phòng tôi – bị mấy cây ăn trái của vườn nhà nó che khuất. Mà cho dù nó có nằm ngay trước mắt chắc tôi cũng không ngừng viết để nhìn. Bởi vì con đầm đó đã lớn tuổi, thân hình mập phì có ngăn có ngăn, chẳng còn một nét nào hấp dẫn để bắt cái nhìn của tôi dừng lại lâu...

Tôi làm thinh, đứng lên tự tay kéo cái bàn đẩy vào một góc phòng. Thằng con tiếp tay đem cái ghế qua. Vợ tôi nói có vẻ hài lòng:

- Đó ! Vậy, coi được không.

Tôi vẫn làm thình, ngồi lên ghế lấy xấp giấy trắng đặt nằm xiên xiên về phía trái rồi cầm bút để viết cái tựa "Một Chuyện Tình". Tôi viết chậm rãi, chậm chạp, kẻ từng chữ một, loại chữ in – chữ hoa – loại chữ mà mình có thể đồ đi đồ lại từng nét nhiều lần, để đợi thời gian đi qua... Và để cho vợ con tôi thấy tôi đang viết, tôi cần sự yên tĩnh để viết, và nhứt là tôi cần ngồi một mình để viết.

- Thôi ! Mình xuống dưới nhà đi má. Để cho ba viết. Với lại con phải trở về Paris ngay, sợ kẹt xe.

Khi mẹ con nó đi ra, tôi chưa viết xong chữ "Một"! Tôi buông bút, nhìn bức tường màu trắng đục nằm cách tôi sáu tấc mà thấy ở đó một khoảng không mênh mông lênh loãng, còn tôi thì chơi với một mình, chơi với một mình. Tự nhiên, tôi thở dài...

Tâm trạng đó rồi cũng đi qua (Trời đã ban cho tôi tiếng thở dài thật là mầu nhiệm!). Tôi lại tiếp tục giàn dựng chuyện tình trong đó đã có hai nhân vật chánh.

Bây giờ, phải cho họ gặp nhau. Nếu là chuyện xảy ra ở Pháp thì dễ quá: trai gái ở đây gặp nhau "hà rầm", không có cơ hội họ cũng bày ra cơ hội. Chẳng này, chuyện tình mà tôi muốn viết là chuyện tình Việt Nam một trăm phần trăm. Thành ra phải có "cái nhìn" khác.

Thời bây giờ, chắc không còn chuyện ông mai dẫn chàng trai đi coi vợ như thời tôi còn trẻ. Còn sắp xếp để cô phù dâu phải lòng anh phù rể thì sao có vẻ tiểu thuyết quá! Cho nên, tôi cho họ gặp nhau ở nhà một người bạn chung, trong một dịp nào đó, sinh nhật hay đám giỗ hay tiệc tất niên gì gì.

Đến đây thì hơi khó. Bởi vì tôi không biết khi chàng trai "chịu" cô gái, anh phải làm sao? Còn cô gái? Làm sao thấy cô ta "chịu" chàng trai? Và lúc nào thì hai cái "chịu" đó... đụng nhau để có sự "giao lưu hai chiều"? Có lẽ chàng sẽ mỉm cười nhìn nàng. Có lẽ nàng sẽ mỉm cười nhìn lại với hai vành tay ửng đỏ (Nghe nói con gái nhay cảm hơn con trai trong lãnh vực tình yêu! Ở đây chắc đúng như vậy).

Sau vài tua trao qua trao lại cái nhìn, chắc chàng phải tìm cách lại gần nàng để bắt chuyện (Đọc nhiều chuyện tình, tôi để ý gần như lúc nào đàn ông cũng "đi" trước). Và chắc nàng chỉ đợi có như vậy, cho nên thấy nàng tiếp chuyện ngay và có phần phấn khởi nữa.

Vậy rồi họ quen nhau. Rồi hẹn hò (Có chuyện tình nào mà không có cái vụ hẹn hò?). Ở Sài Gòn – chuyện xảy ra ở Sài Gòn, điều này tôi quên nói ở đoạn trước! – có nhiều chỗ để hẹn hò. Hồi đó, hồi mấy con tôi còn nhỏ, tôi hay đưa tụi nó đi sở thú hay vườn Tao Đàn. Tôi còn nhớ đã thấy biết bao nhiêu cặp hẹn hò ở hai nơi đó... Vậy, chỗ hẹn hò cho hai nhân vật trong chuyện không thành vấn đề.

Họ hẹn nhau và gặp nhau vài lần hay nhiều lần gì đó, không quan trọng. Điều quan trọng là không có vụ lỗi hẹn trong chuyện tình mà tôi muốn viết bởi vì tôi thấy lỗi hẹn, rồi giận hờn, rồi nước mắt... v.v... nó cái lượng quá và sự lỗi hẹn đã được nói quá nhiều rồi trong các chuyện tình. Bây giờ, viết một chuyện tình không có lỗi hẹn, có lẽ nó sẽ gần gũi với cuộc sống bình thường hơn. Nó thật hơn và chắc chắn sẽ dễ viết (Lần đầu tiên viết chuyện tình, chọn cái gì dễ để viết cho nó... trờn!).

Cái không dễ viết – đối với tôi – là những chi tiết. Ví dụ như đoạn chàng và nàng bắt đầu tỏ tình sau nhiều lần hò hẹn. Họ phải làm sao?

Nhớ lại, hồi đó, tôi đi coi vợ mấy lần. Lần nào cũng có một ông mai dẫn đi (Sao hồi xưa có nhiều người làm nghề mai mối quá. Vậy mà thiên hạ vẫn chê rằng: "Ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu!") Đến lần coi vợ thứ mấy tôi không nhớ nhưng nhớ là lần cuối cùng, tôi... gật đầu. Vậy là sau đám hỏi cô gái đó và tôi "dính" nhau rồi dính luôn cho đến bây giờ! Dĩ nhiên là có lẽ "sỉ lờ" rồi có đám cưới (Lẽ "sỉ lờ" là đàn trai trầu rượu đến đàn gái xin xác nhận ngày làm đám cưới, mặc dù hai bên đã OK với nhau từ lâu!). Chuyện tình hồi đó thật là dễ ợt. Bởi dễ ợt như vậy cho nên viết chuyện tình trong bối cảnh thời bây giờ, có nhiều chỗ tôi không biết tả ra làm sao cho sống thật!

Tôi đã đọc nhiều chuyện tình, chẳng lẽ tôi "cóp" lại sao? Thì thôi cố gắng tưởng tượng vậy.

...

Sau nhiều lần hò hẹn – có đi xi-nê, có đi ăn phở, có đi ăn kem v.v... những thứ phải có để hai người gần lại – một hôm (Thường thì là một ngày đẹp trời, bởi vì bộ điện sao mà hò hẹn dưới mưa?), chàng làm gan cầm lấy bàn tay của nàng, cầm bằng cả hai bàn tay, thận trọng như cầm một báu vật sợ nó tan đi hay rơi mất. Nàng không rút tay về. Chỗ này, có lẽ nàng sẽ thẹn thùng nhìn xuống (Đẹp quá! Phản ứng đầu tiên của người con gái!). Rồi, như đã lấy một quyết định, nàng vừa đặt bàn tay còn lại lên hai bàn tay của chàng vừa ngược lên để hai nụ nhìn giao nhau. Rồi giữ nguyên như vậy rất lâu... rất lâu...

Đọc tiểu thuyết thấy nói "chàng và nàng nhìn nhau đắm đuối". Ở đây, chắc "đắm đuối" là nhìn như vậy. Tôi chưa từng biết cái nhìn đắm đuối nó ra làm sao nhưng hiểu nghĩa đen của mỗi từ ("đắm" là chìm, "đuối" là kiệt sức), tôi tưởng tượng ra được trạng thái kỳ diệu của đôi trai gái nhìn nhau đắm đuối: không còn biết gì hết, không còn thấy gì hết, tất cả đều tan biến, không gian thời gian... chỉ còn lại có hai người là hiện hữu. Tôi nghĩ: tình yêu chắc phải tuyệt vời lắm nên con người mới chết lịm được như vậy.

Giàn dựng đến đây, tôi cảm thấy thật vui. Bởi vì, dù không có kinh nghiệm sống, tôi vẫn đưa "Một chuyện tình" đi một cách tự nhiên như thật. Tôi đứng lên bước lại cửa sổ hít một hơi dài sáng khoái. Qua kẽ lá hàng cây, tôi thấy lỗ đố dạng con đằm nhà bên kia đang nằm phơi nắng. Tôi tiếc sao nó không đẹp để tôi khỏi thấy oan ức khi bị vợ tôi "nói này nói nọ". Rồi tôi lại nghĩ: tôi có nhìn người đàn bà đẹp thì cũng giống bà đứng "chết trân" khi bà nhìn kim cương lấp lánh. Vậy mà sao...

Có tiếng vợ tôi dưới nhà nói vọng lên:

- Trời nắng giữ. Ông xuống tưới giùm vườn rau, coi ông. Con đằm nó ra phơi nắng rồi kia!

Tôi bật cười, lặng lẽ xuống tưới rau mà thầm phục vợ tôi có tài ghép vào với nhau hai sự kiện hoàn toàn khác biệt.

Suốt buổi đó, tôi tưới rau, quét lá khô, nhổ cỏ dại mà trong đầu vẫn giàn dựng tiếp chuyện tình của đôi trai gái yêu nhau mà tôi đã để lại trên bàn viết.

...

Họ nhìn nhau đắm đuối, rồi, không kềm được, chàng ôm lấy nàng. Chàng nghe trong vòng tay thân hình mềm mại của người yêu run lên nhẹ nhẹ. Nàng hơi ngã người về phía sau, nhịp thở đứt khoảng, bờ môi khép hờ. Mùi con gái tiết ra thoang thoang làm chàng ngây ngất! Chàng cúi xuống hôn nhẹ lên môi người yêu, hơi vội vã

như sợ mất đi phút giây huyền diệu đó. Nàng nhắm mắt...

Ở đoạn này, điều mà tôi chắc chắn có, là cái "mùi con gái". Bởi vì hồi đó, trong buổi "ăn nằm" đầu tiên, tôi khám phá ra cái mùi con gái trong thân thể của vợ tôi. Cái mùi đó thật là nhẹ nhàng trinh nguyên nhưng vô cùng quyến rũ. Nó phai đi lần lần theo thời gian để được thay vào bằng mùi đầu thơm đàn bà, cái mùi nhân tạo có khi đậm đặc đến tàn nhẫn!

Khi tôi hình dung "nàng nhắm mắt", tôi ngần ngại hết mấy phút. Làm sao người con gái, khi nhắm mắt như vậy, có thể... hít hồn mình được? Lúc đó, chắc tình yêu đã phải căng đầy đến mức độ mà chẳng còn gì chẳng phải cho nhau... Đẹp quá!

Rồi thì chắc phải cho họ hôn nhau thật sự, hôn nhau nồng nàn. Họ nhắm mắt hôn nhau để chỉ còn cảm nhận có tình yêu đang quán đặc trên làn môi...

Một lúc sau, một lúc lâu sau, họ buông nhau ra để nhìn nhau. Nhưng lần này không phải cái nhìn đắm đuối mà là cái nhìn sáng rực hạnh phúc, cái nhìn được kèm theo cái mỉm cười mãn nguyện, bởi vì họ đã nói hết cho nhau những gì họ muốn nói, dù họ không có nói lên bằng lời... Để thương không?

Rồi họ cặp nhau đi, ôm lấy lưng nhau mà đi, bước đi phiêu phiêu như không chạm đất. Bởi vì họ còn ở trên mây tình yêu...

Đến đây, tôi nghĩ có thể tạm chấm dứt chương đầu của "Một chuyện tình". Cứ để nó "lửng lơ" như vậy mà đẹp. Tôi rất hài lòng và có cảm tưởng như tôi vừa đi chung với chàng trai và cô gái đó trên một đoạn đường đầy hoa thơm cỏ lạ mà tôi chưa từng được đi qua!

Làm xong công chuyện ở vườn sau, tôi lên lầu thay đồ đi tắm. Tôi thấy trên bàn viết có mấy chồng sách đặt ngổn ngang. Bước lại xem, thì ra là mấy quyển Lịch Sách Tử Vi của vợ tôi. Mấy quyển này – nhiều lắm, bởi vì năm nào bà cũng mua ba quyển khác nhau và những quyển của mấy năm trước bà vẫn còn giữ lại – bà để trong tủ quần áo thay vì để trên kệ sách phòng khách, bởi vì bà chỉ đọc nó ở trên giường! Tôi hỏi vọng xuống nhà:

- Ua ! Sao bà để sách ở đây vậy?

- Để tạm, trong khi tôi soạn lại tủ quần áo. Không có chiếm bàn viết của ông đâu mà lo!

Tôi đưa hai tay lên không rồi bỏ mặc cho nó rơi xuống. Chỉ chỉ tôi đầu hàng đó! Bởi vì tôi đã quen với cái "tạm" của bà, cái "tạm" thường kéo dài năm bảy tháng, đôi ba năm!

Tắm xong, tôi hăng hái ngồi vào bàn viết, mặc dù tôi bị vây quanh bởi mấy chồng sách tử vi! Chuyện tình còn đang ngầy ngật trong tôi, tôi phải viết ra ngay để đừng sót một chi tiết nào hết, đừng quên một rung động nào hết. Tôi viết say sưa như viết chuyện thật đời mình! Càng viết, tôi càng nghe nhẹ trong lòng, làm như là những gì chất chứa ở trong đó được trút ra lần lần trên từng trang giấy...

Tôi viết mà quên thời gian. Có tiếng vợ tôi gọi từ dưới nhà:

- Ông ơi ! Xuống ăn cơm.

Tôi "Ờ", nhưng vẫn tiếp tục viết. Được mấy dòng, tôi tự nhủ: "Xuống ăn chứ để bà đợi".

Tới giữa cầu thang, nhìn xuống thấy trên bàn ăn có mấy đĩa đồ ăn, một tô cơm và chỉ có một cái chén và một đôi đũa. Ngồi vào bàn, tôi hướng về phía bếp, hỏi:

- Bà không ăn sao?

Khúc tự tình



*Có lẽ ta như chiếc lá vàng
Đêm nằm đối mộng khóc dung nhan
Tỉ tê tiếng đế ngoài hiên lạnh
Khơi nhịp sâu lên khúc muộn màng*

*Có lẽ ta như những sợi rong
Trôi xuôi theo dòng nước mênh mông
Về đâu từng nhánh thời gian rụng
Cho mảnh hồn ta nhuộm lạnh lòng*

*Có lẽ ta như gốc liễu khô
Bên đường cô quạnh đứng bơ vơ
Lắng nghe hơi gió mùa thu lại
Dĩ vãng còn đâu để đợi chờ...*

*Nhưng, bỗng giờ đây ta có anh
Một tình yêu nhỏ mới vừa nhen
Ôi! tình yêu ấy như hòn lửa
Thắp sáng tim ta những nỗi niềm*

*Ta đã đi qua nửa cuộc đời
Giờ đây còn lại phút đơn côi
Xin đem một nửa đời còn lại
Chia sẻ cùng ai những ngậm ngùi*

• Nguyễn Phan Ngọc An

- Ăn rồi ! Đợi ông ăn đặng đói rã ruột à!

Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu: "Hay là mình trở lên viết tiếp chuyện tình? Ăn một mình thì ăn lúc nào không được". Nhưng tôi vẫn bối cơm vào chén vì thấy nếu đã ngồi vào bàn rồi mà bỏ đi thì vợ tôi sẽ cho rằng tôi chê cơm của bà, rồi sanh chuyện! Bà đâu hiểu rằng, đối với tôi bây giờ, ăn không quan trọng bằng viết, bởi vì tôi đang thèm viết.

Bỗng tôi nhớ lại câu nói của một đại văn hào người Pháp hay người Mỹ gì đó tôi quên, rằng: "Thông thường, các nhà văn hay viết những gì mà họ không có".

Tôi ngần ngại một lúc rồi đưa chén lên môi lùa cơm vào miệng như tôi lùa lá khô vào một góc vườn, hồi này./-

Một vòng Maroc với ngàn lẻ một câu chuyện

• Bài và ảnh: Lương Nguyên Hiền

Sau gần 4 tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay, chúng tôi đáp xuống phi trường Casablanca ở Maroc vào buổi chiều thứ sáu của một tháng tư buồn bã. Anh Taj, người Maroc, đón chúng tôi tại phi trường và cũng sẽ là người hướng dẫn viên trong chuyến du lịch ở Maroc kỳ này.

Sau khi tập họp đồng đủ chúng tôi được chở vào thành phố Casablanca để nhận phòng ở Hotel, sửa soạn cho một chuyến đi dài. Theo chương trình một vòng Maroc 10 ngày, chúng tôi sẽ được chở đi bằng xe bus và gần như mỗi ngày chúng tôi sẽ được ở một thành phố khác nhau.

Casablanca thành phố trắng

Địa điểm đầu tiên của chuyến đi là Casablanca, thành phố lớn nhất nước này. Casablanca nằm trên bờ Đại Tây Dương ở miền tây Maroc và có một hải cảng sâu uất nhất châu Phi. Casablanca tiếng Ả Rập đọc là Ad Dar al Bay?à có nghĩa là một căn nhà trắng, do người Bồ Đào Nha xây dựng từ năm 1575 và tên gọi ban đầu là Casa Branca. Casablanca với những công trình kiến trúc cổ xưa hòa hợp với những nhà cao tầng mà phần đông được sơn màu trắng tạo nên cho thành phố có một vẻ đẹp của một cô gái vừa kín cổng cao tường vừa tân thời. Vẻ đẹp đó dễ làm say đắm lòng du khách.

Casablanca đã đi vào huyền thoại qua cuốn phim „Casablanca” lãng mạn do Humphrey Bogart và Ingrid Bergman đóng vào năm 1942. Dựa vào bối cảnh thời kỳ đầu Đệ nhị thế chiến, phim „Casablanca” đã đề cập đến những con người bị kẹt ở lại thành phố này với những giằng co tình cảm xen kẽ vào nỗi khắc khoải lo âu cho tương lai khi tình hình chính trị ở châu Âu đang có những biến động lớn. Bài ca „As Time Goes By” trong phim, đã làm nhiều các thanh niên, thiếu nữ của thập niên 40, 50 phải nhỏ lệ:

*Anh hãy nhớ lấy điều đó
Nụ hôn vẫn là nụ hôn
You must remember this
A kiss is still a kiss
(As Time Goes By)*

Tôi đi vào thành phố Casablanca với tâm trạng chờ đợi „nụ hôn” đó. Sau một đêm ngủ, chúng tôi được chở đến thăm đền thờ Hassan II, đã được hoàn tất năm 1993 do kiến trúc sư người Pháp tên Michel Pinseau. Ngôi đền Hồi giáo lộng lẫy nhìn ra bờ Đại Tây Dương, có một tầm vóc vĩ đại, lớn thứ nhì thế giới chỉ sau ngôi đền ở Mekka (Saudi Arabia) và với ngọn tháp (Minaret) 210m, cao nhất so với tất cả các ngôi tháp Hồi giáo

khác. Trong đền có thể chứa đến 25.000 người và ở quảng trường trước mặt có đến 80.000 người.

Tới thăm đền, mà không ghé qua khu phố cổ, người Maroc gọi là Medina, là sự thiếu sót, một là vì nó không xa đền bao nhiêu và hai là nó rất đặc biệt.



Đền thờ Hassan II

Medina nằm ở trung tâm của Casablanca, có những con đường hẹp, những căn nhà đá rêu phong và những bức tường cũ kỹ màu đỏ chạy bao chung quanh. Sau đó chúng tôi được tới thăm quảng trường Mohamed V đẹp nhất của thành phố với bầy chim bồ câu bay lượn ở trước sân đang chờ khách xin ăn. Rất tiếc là không có nhiều thì giờ để đi thăm nhà thờ Sacré-Coeur của Thiên chúa giáo cũng là một kiệt tác nghệ thuật hay là uống cà phê ở quán Rick’s café. Trong phim „Casablanca”, quán này là nơi hẹn hò gặp gỡ của hai nhân vật chính Rick Blaine và Ilsa Lund. Năm 2001, quán Rick’s café ra đời do một người phụ nữ Mỹ, một nhân viên ngoại giao, nhưng vì quá yêu Casablanca nên đã bỏ nghề để làm chủ quán. Quán được thiết kế như trong phim, nên khi khách tới đây không phải chỉ để thưởng thức mùi vị thơm ngon của ly cà phê mà còn được sống trong cái không khí lãng mạn của Casablanca vào thời tiền chiến, những thập niên 40.

Essaouira thành phố xanh màu nước biển



Hải cảng Essaouira

Sau Casablanca là Essaouira, cách nhau khoảng 350 km. Thành phố này đã từng là thương cảng cửa ngõ vùng cận sa mạc Sahara đến châu Âu. Bồ Đào Nha đã xây ở đây một pháo đài kiên cố mang tên Scala de la Kasbah vào thế kỷ 16. Trải qua bao nhiêu cuộc chiến tranh tương tàn, người Bồ Đào Nha ra đi, người Ả Rập

trở lại, người Hòa Lan ghé qua, pháo đài vẫn tồn tại, nhưng mang nhiều nét kiến trúc đặc thù của những quốc gia xâm chiếm để lại. Đây cũng là một lý do tại sao Essaouira được UNESCO công nhận là di sản thế giới năm 2001.

Essaouira còn có một kiểu kiến trúc khá đặc biệt là các ô cửa của tất cả các ngôi nhà đều sơn màu xanh biển trên nền tường trắng và ngay cả các tàu đánh cá cũng đều sơn màu như vậy. Vì mê vẻ đẹp của bến cảng cũ ven biển, nhiều nhạc sĩ nổi danh như Jimi Hendrix, Cat Stevens,... đã tới đây ở một thời gian để tìm nguồn cảm hứng, càng tạo thêm nhiều huyền thoại cho Essaouira.

Marrakech thành phố quá sống động



Quảng trường Djemaa El Fna

Ngày thứ ba, chúng tôi đi xe bus 180 km để tới Marrakech và dự định sẽ ngủ lại đây 2 đêm. Marrakech, kinh đô thuở xưa của dân du mục Berber xây dựng từ thế kỷ 11, được ca tụng như là Hòn ngọc của vương quốc Maroc. Marrakech được mệnh danh là thành phố đỏ vì tất cả các ngôi nhà ở đây từ nhỏ đến lớn, từ căn nhà bình dân cho đến cung điện nguy nga đồ sộ đều sơn màu đỏ nâu kể cả bức tường bao bọc chung quanh thành phố, dài 20 km với 9 cổng và 202 tháp canh.

Một địa điểm mà tất cả du khách khi đến đây đều phải tới, đó là quảng trường Djemaa El Fna và khu chợ Souk nổi tiếng ở kề bên. Djemaa El Fna xưa kia là pháp trường để hành quyết tử tội, nay đã trở thành một địa điểm du lịch rất nhộn nhịp nhưng lại mang tính chất truyền thống độc đáo. Nơi đây đủ các hàng quán thức ăn với mọi màu sắc, mọi mùi vị kèm thêm tiếng rao hàng, tiếng chào mời, đủ thứ tiếng động rộn ràng không bao giờ dứt. Bên cạnh những quán ăn khói bốc lên nghi ngút với mùi đồ ăn tỏa ra ngào ngạt, du khách còn được thưởng thức những màn biểu diễn lạ mắt từ kịch nói, kể chuyện cổ tích, múa bụng,... cho đến các fakir thổi kèn gọi rắn đã tạo nên một bản sắc văn hóa rất đặc thù có trên 1.000 năm. Càng về đêm càng náo nhiệt vui nhộn, Djemaa El Fna thật sự sống khi nắng bắt đầu tắt. Buổi tối, người đi tới đây hàng hàng lớp lớp để thưởng thức những món ăn lạ, nghe những âm thanh vui nhộn và sau đó rảo gót vào chợ Souk để mua sắm.

Ở Souk bán từ quần áo cho đến nồi niêu xoong chảo, giày dép, mền mùng thứ gì cũng có, tha hồ chọn, tha hồ mua và tha hồ mặc cả không ai làm phiền khách hàng. Nhưng có một điều, du khách không được quên lối ra.

Bởi vì Souk vào dễ khó ra, lối đi trong chợ đã chật hẹp mà lại chằng chịt, ngoằn ngoèo và không theo một quy luật nào. Nên vào đây có cảm tưởng như đi trong mê cung (labyrinth), đã thế bản đồ lại không chính xác vì lối đi quá ngoằn ngoèo khó vẽ và các tên đường đều bằng tiếng Ả Rập. Anh Taj có kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện vui về chợ Souk, có một cô du khách đi lạc trong chợ Souk, mọi người đổ xô đi tìm mấy ngày liền nhưng không thấy. Ít lâu sau, người ta gặp lại cô, nhưng không phải ở Souk mà ở Harem, một thứ tam cung lục viện các vua chúa Maroc. Bây giờ Harem không còn nữa, muốn ra khỏi nơi đây, chỉ còn có cách là đợi một tour du khách ngoại quốc có người hướng dẫn đi qua, rồi mình theo họ ra khỏi chợ.

Gần chợ có một ngôi đền nổi tiếng tên là Koutoubiya với ngọn tháp cao 77 m, đây là một công trình tuyệt tác điển hình cho lối kiến trúc pha trộn giữa Tây Ban Nha và Hồi Giáo (hispanomauresque). Ngoài khu phố cổ, Marrakech còn có khu phố mới được xây dựng bởi người Pháp mang kiến trúc hiện đại nơi tập trung các ngân hàng, các hãng du lịch và thương mại. Chúng tôi còn được đi thăm lâu đài Bahia được xây năm 1900, là một lâu đài đẹp nhất nơi đây và thăm khu lăng mộ Saadier với lối kiến trúc trung cổ được xây dựng khoảng thế kỷ 16.

Nhìn từ xa, cả thành phố Marrakech như được phủ nên một màu nâu đỏ pha trộn những kiến trúc vừa Tây Ban Nha vừa Pháp mà vẫn giữ được sự hài hòa với truyền thống đặc biệt của châu Phi. Nhưng cái tuyệt vời của Marrakech chính là sự sống động của nó như một dòng sinh mệnh đã được gìn giữ hơn ngàn năm. Nếu cho rằng Casablanca như là một cô gái trắng trẻo thùy mị nết na thì Marrakech phải là một cô gái da đậm màu với đôi mắt đen lay láy sâu thẳm nhìn lâu người ta cảm thấy rung mình vì sợ đắm sâu vào đó.

Marrakech xứng đáng được UNESCO công nhận là di sản thế giới vào năm 1985. Hai ngày ở đây thật sự đối với tôi quá ít để khám phá hết một thành phố quá sống động như Marrakech.

Vượt đèo Tizi n' Tichka

Ngày thứ năm, chúng tôi lên đường đi tới Ouarzazate để nghỉ một đêm trước khi bước chân vào sa mạc Sahara. Ouarzazate là một thành phố nhỏ khoảng 45.000 dân, cách Marrakech khoảng 240 km và nằm phía nam Maroc và bên kia dãy núi Atlas. Atlas dài khoảng 2.500 km chia cách bờ biển Địa Trung Hải và Đại Tây Dương với sa mạc Sahara, có ngọn núi Toubkal phủ tuyết cao 4.167 m. Từ Marrakech muốn đến sa mạc Sahara phải theo đường quốc lộ N9, vượt đèo Tizi n' Tichka vừa dài vừa cao (2.260 m). Xe bus dừng ở đỉnh đèo để cho chúng tôi nghỉ ngơi và có thì giờ ngắm cảnh. Đứng trên cao nhìn dưới chân núi những con đường đèo tựa như rắn uốn, vừa ngoằn ngoèo vừa khúc khuỷu. Cảnh trí quá đẹp và tuyệt vời. Tức cảnh sinh tình, tôi chợt nhớ đến câu thơ "Qua Đèo Ngang" của Bà huyện Thanh Quan:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

...

(Qua Đèo Ngang, Bà Huyện Thanh Quan)

Ở đây xa xăm nơi đất khách quê người, có cỏ chen đá, lá chen hoa nhưng thiếu bóng dáng của người tiều phu đốn củi và mấy mái nhà tranh ven sông của một buổi chiều thanh tịnh. Thay vào đó ở dưới thung lũng một vài chú lạc đà đang thơ thẩn và trên đồi cao là một Kasbah đứng sừng sững thách đố với thời gian. Kasbah là những thành lũy kiên cố được xây bằng đất, chung quanh là những bức tường cao bao bọc và ở giữa là nhà ở, nhà kho. Kasbah đã được các lãnh chúa của dân Berber dựng lên từ ngàn năm, vừa là nơi để ở và vừa là pháo đài phòng thủ kiên cố. Ngày nay một số Kasbah được sửa sang lại thành khách sạn cho du khách ở. Trên đường, chúng tôi được ghé qua Kasbah Ait Benhaddou (thế kỷ 11) và Kasbah Taourirt (thế kỷ 19).



Thành Kasbah

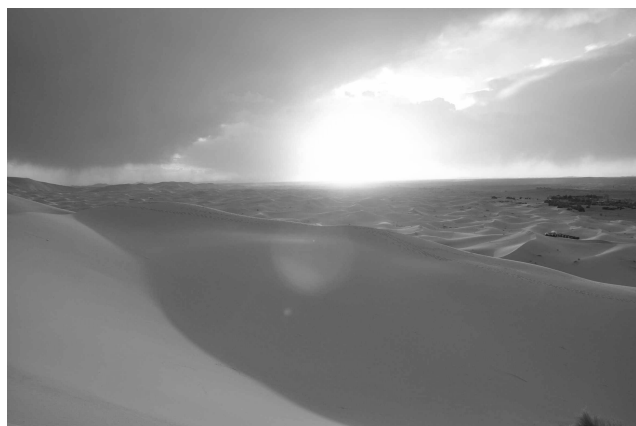
Tới đây mà không ghé qua để chiêm ngưỡng hẻm núi Todra (Todra Gorge) là một điểm thiếu sót. Đây là một hẻm núi đẹp nhất Maroc, cao 300 m rộng 10 m, nằm ở phía đông của dãy núi Atlas. Tại Todra có vách đá trơn phẳng dốc cao 160 m nằm ở 2 bên và ở giữa có một dòng sông nhỏ tạo nên một quang cảnh thật thơ mộng mà hùng vĩ.

Merzouga đêm dài ở sa mạc

Ngủ một đêm tại Ouarzazate, sáng hôm sau chúng tôi được xe bus chở tới thành phố Erfoud cách Ouarzazate khoảng 340 km. Erfoud nằm phía đông của Maroc và là cửa ngõ đi vào Sahara. Từ đó chúng tôi được chở bằng xe Jeep tới Merzouga, cách khoảng 50 km. Giờ đây thật sự tôi đã đặt chân lên Sahara và đây cũng là lần đầu tiên tôi được thấy những đồi cát chập chùng như sóng lượn, những ốc đảo xanh rì cỏ mạ và những đoàn du mục đang di chuyển trên cát nóng. Dân du mục ở đây thuộc giống Nomaden nay đây mai đó, không một nơi nào nhất định, gia tài của họ chỉ là mấy con lạc đà, vài con dê và một chiếc lều để ở. Sahara tiếng Ả Rập nghĩa là sa mạc và có một diện tích rộng bằng châu Âu. Sau gần một giờ chạy xe, chúng tôi tới Hotel, nằm trong sa mạc vùng Merzouga. Nói là Hotel thì hơi quá, nhưng thật ra đó là những căn lều xây theo kiểu dân du mục Bedouin, được lợp bằng những tấm thảm len dày. Tôi đã chọn cách ngủ lều này thay vì ngủ trong phòng Hotel tiện nghi với máy lạnh chỉ vì muốn hưởng cái thiên nhiên ban đêm ở sa mạc.

Trời đang vào tháng tư nên ở Sahara không nóng lắm, khoảng hơn 30 độ C một chút. Buổi chiều, mọi

người cùng rủ nhau cưỡi Dromedar, loại lạc đà một bướu, lên cồn cát cao nhất để xem mặt trời lặn. Đứng trên cao nhìn sa mạc trải dài vô tận và tự nhiên tôi cảm nhận trong tôi một sự bình yên to lớn đang từ từ dâng lên. Khi mặt trời chiếu những tia nắng cuối cùng trên đụn cát, màu sắc ở đây trở lên rực rỡ lạ thường, màu vàng chói chan của cát trắng được tô thêm màu đỏ hồng của những đám mây phản chiếu từ ánh mặt trời đã tạo nên một không gian màu sắc tuyệt vời. Tôi bàng hoàng trước cái đẹp của thiên nhiên, của nắng chiều trên sa mạc.



Mặt trời lặn ở Sahara

Trở lại Hotel, chúng tôi được mời uống trà bạc hà hay còn gọi là trà Maroc. Người Maroc uống trà rất nghệ thuật, cách pha trà cũng đã cầu kỳ mà cách rót trà vào cốc cũng lắm công phu. Khi rót trà vào cốc, bao giờ cũng phải giơ tay lên cao để tạo lớp bọt cho hương vị bạc hà tỏa ra xa hơn. Người Maroc rất chuộng uống trà bạc hà, nhất là trong những dịp nghỉ lễ hay đón khách quý. Bởi vậy khi được mời uống trà, khách không nên từ chối vì đây là sự thể hiện lòng quý mến của họ đối với khách. Buổi tối chúng tôi được ăn món cơm Couscous với món thịt cừu Tajine (thịt cừu hầm trong nồi đất) đặc sản của dân Maroc. Theo lời dặn của anh hướng dẫn viên Taj, tối trước khi đi ngủ tôi đã cẩn thận mặc thêm mấy cái áo để phòng cái lạnh ban đêm ở sa mạc. Nhưng tôi cũng không ngờ, nhiệt độ ở đây thay đổi quá nhanh, từ 30 độ C xuống dưới 0 độ C trong vòng có mấy tiếng đồng hồ. Cái lạnh cộng thêm từng cơn gió thổi luồn qua những tấm thảm, làm tôi rùng mình thức giấc giữa đêm khuya. Trùm chăn cách nào cũng không ngủ tiếp được, đành phải nằm co ro chịu trận cho đến sáng. Nhưng trong cái rủi lại có cái may, cũng nhờ không ngủ được, nên tôi có dịp dậy sớm để ngắm mặt trời mọc

Có một điều mà tôi cảm thấy còn thiếu thiếu khi rời khỏi nơi đây, là chưa được nghe âm thanh của cát. Một người bạn của tôi đã từng đến Sahara nhiều lần, kể cho tôi là buổi tối ở sa mạc thường lạnh dưới không độ, nên hạt cát bị co lại và ban ngày nóng trên 40 độ C, nên hạt cát bị nở ra. Sự cọ sát giữa những hạt cát với nhau trong quá trình từ co cụm đến giãn nở tạo ra một âm điệu tuyệt vời. Sáng sớm dậy, tôi cũng cố gắng thử lắng nghe, nhưng có lẽ vì lòng trần còn chưa lắng đọng nên chỉ nghe được tiếng gió thổi vi vu qua những tấm thảm mà không được nghe tiếng cọ sát của hạt cát.

Fès thành phố cổ xưa

Ngày thứ bảy của chuyến đi, chúng tôi lên đường đi tới thành phố Fès cách Merzouga khoảng 530 km. Rời sa mạc mà lòng đầy luyến tiếc. Kỳ này xe bus chở đi xa hơn kỳ qua đèo Tizi n' Tichka, nhưng tôi cảm thấy đỡ mệt hơn nhiều vì đường xá tương đối rộng rãi và không quanh co. Fès cổ đô của Maroc, là thành phố lớn thứ hai sau Casablanca, một trong 4 thành phố cổ nhất Maroc (Fès, Rabat, Marrakech, Meknes) và cũng là một di sản thế giới UNESCO. Fès, có từ thế kỷ thứ 8, nhờ nằm ở một vị trí quan trọng là cửa ngõ nối Bắc Phi và Nam Âu, nên đã có một thời Fès trở thành một trung tâm kinh tế, tôn giáo và nghệ thuật của Maroc cũng như của Bắc Phi.

Fès có 2 khu phố Fès el Bali và Fès el Jadid. Fès el Badi là khu phố cổ xưa, đông dân cư và có tường cao bao bọc chung quanh với những cổng thành kiến trúc rất mỹ thuật. Cổng Bab Boujeloud là một trong những cổng đẹp nhất Maroc được người Pháp xây dựng năm 1913. Điều đặc biệt của cánh cổng là nếu nhìn từ phía ngoài thấy màu xanh nước biển và nếu nhìn từ phía trong sẽ thấy màu xanh lá cây.

Chợ Souk ở đây như một mê cung khổng lồ với những đường đi chằng chịt, quanh co. Chợ được chia ra làm nhiều khu giống như 36 phố phường Hà Nội: khu chuyên bán đồ gỗ, khu chuyên bán các loại gia vị, khu chuyên đồ đồng, khu đồ da thuộc,... Trong chợ không có xe động cơ nào được chạy kể cả xe gắn máy, phương tiện chuyên chở duy nhất là lừa. Mỗi lần có đàn lừa đi qua, chúng tôi phải tránh giạt qua một bên, thứ nhất vì lối đi chật hẹp và thứ hai vì ở đây lừa được ưu tiên.

Fès đã có một lịch sử gắn liền với sự phát triển đạo Hồi Giáo ở Maroc, nên không lạ khi ở đây có trường đại học nghiên cứu và dạy kinh Coran, được gọi là Medersa. Chúng tôi được dẫn đến xem Medersa Bou Inania là một trường đại học lâu đời được xây vào thế kỷ 14 với những công trình kiến trúc rất đặc biệt và mỹ thuật.

Fès el Jadid cũng là khu phố cổ như Fès el Bali, nhưng mới hơn và có dãy phố của người Do Thái đã từng sinh sống buôn bán ở đây, được gọi là Mellah. Từ ngày quốc gia Israel được thành lập, khu phố Mellah trở nên vắng vẻ vì nhiều căn nhà của người Do Thái nay đã bị bỏ trống. Lý do người Do Thái đã bỏ Maroc để di cư qua Israel rất đông.

Fès nằm về phía Địa Trung Hải và bên cạnh dãy núi Atlas, có đầy đủ bốn mùa, ngoài mùa hè phần đông khí hậu mát mẻ và ôn hòa nên nhờ thế cây cỏ đều xanh tươi. Du khách dễ lầm tưởng như đang ở châu Âu, nếu ở đây không có những căn nhà với mái ngói màu xanh lá cây, một đặc trưng của lối kiến trúc Hồi giáo Maroc.

Rabat thủ đô Maroc

Ngủ 2 đêm ở Fès, ngày thứ chín của chuyến đi, chúng tôi lên đường đi Rabat cách Fès khoảng 230 km.

Trước khi tới Rabat, chúng tôi được ghé qua thăm Volubilis, một thành phố La Mã hoàn tàn đổ nát. Trước 2.000 năm, đế quốc La Mã đã có mặt nơi đây và đến thế kỷ 3, họ bị dân tộc Berber đánh bật ra khỏi vùng này. Người La Mã đi đến đâu cũng để lại cho hậu thế rất nhiều công trình kiến trúc đồ sộ, nhưng qua mấy nghìn năm lịch sử phần lớn đã bị hủy hoại. Volubilis cũng nằm trong số phận đó nhưng nhẹ nhàng hơn, vẫn còn lại một số chứng tích của thời cổ đại để cho du khách tới chiêm

ngưỡng. Như Khải hoàn môn Caracalla được xây từ năm 217 vẫn còn khá nguyên vẹn.



Thành phố La Mã đổ nát ở Volubilis

Chúng tôi tới Rabat vào buổi trưa. Rabat mang dáng dấp của một thành phố châu Âu, có nhiều đại lộ rất rộng rãi, sạch sẽ và hai bên đường trồng cỏ xanh. Rabat thủ đô của Maroc từ năm 1956, trung tâm của quyền lực và chính trị. Vị vua hiện tại của Maroc là Mohammed VI lên ngôi từ năm 1999. Ông theo một đường lối chính trị ôn hòa. Năm 2004 khi phong trào Mùa Xuân Ả Rập bùng dậy, ông đã đưa ra một số cải cách, trong đó quốc gia Maroc sẽ từ từ đổi thành thể chế quân chủ đại nghị.

Rabat có khu phố cổ và khu phố mới được xây thời Pháp như phần đông các thành phố lớn ở Maroc. Nhưng nổi bật nhất ở Rabat là cung điện Hoàng Gia và Lăng mộ vua Mohammed V.

Cung điện Hoàng Gia rất lớn, chúng tôi được đứng ngoài để chụp hình. Anh Taj nhắc nhở chúng tôi là ở Maroc không được chụp cảnh sát và cơ quan công quyền, tuy nhiên cung điện Hoàng Gia thì lại không nằm trong điều cấm đó.



Lăng mộ vua Mohammed V

Lăng mộ vua Mohammed V là một trong những tuyệt tác của nền kiến trúc hiện đại ở Maroc. Được xây dựng xong năm 1971 do một kiến trúc sư người Việt Nam, tên là **Võ Toàn**, vẽ kiểu và trực tiếp điều khiển toàn bộ công trình này. Lăng mộ tọa lạc ngay trung tâm Rabat, tổng cộng mất 10 năm xây dựng với những vật liệu được dùng rất quý hiếm và đắt tiền. Như đá cẩm thạch màu trắng được vận chuyển từ Ý qua và các đồ trang trí trong lăng mộ được khắc bằng vàng hay đồng rất tinh vi sắc sảo. Người Maroc cho đây là một kỳ quan về kiến trúc nhưng cũng là một kỳ quan về xa hoa.

(Xem tiếp trang 104)

Vẫn còn trong hoài niệm

• Phương Quỳnh - Diệu Thiện



Sư Ông Minh Tâm và Như Điển lãnh giải Danh Dự và Quạt Quốc Sư tại thủ đô Colombo, Tích Lan tháng 7.2011

Trong khuôn viên khu nhà tập thể của quân đội, xe Bus của từng đơn vị lần lượt chuyển bánh rời khỏi vùng Fribourg vào sáng ngày cuối khóa tu học, bỏ lại sau lưng núi đồi bao la hùng vĩ nên thơ của Thụy Sĩ. Những thảm cỏ xanh tươi có vài đàn bò đang cúi đầu gặm cỏ, có hồ nước trong xanh, thể mà lại có tên Hồ Đen (Schwarzsee), mây trắng lơ lửng trên những ngọn núi cao, cây rừng lá xanh tươi tốt làm cho phong cảnh thêm hữu tình.

Trên xe mọi người đều có chung một tâm trạng vui tươi, sao 10 ngày của khóa tu PPÁC lần thứ 26 này qua nhanh quá! Chuyển xe của chúng tôi trên đường về trú xứ. Trên xe có 3 vị Hòa Thượng, các Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử.

Tôi miên mang nhớ lại biết bao nhiêu hình ảnh đẹp đẽ và rộn rã niềm vui trong từng ngày qua. Nhớ lời Phật dạy thâm thúy vi diệu: „Học rộng, hiểu nhiều, đắm say đạo lý thì đạo khó hội nhập, kiên trì tâm chí thực hành thì đạo rất lớn lao” và Đức Lạt Lai Lạt Ma cũng thuyết giảng „Tôn giáo phải là liều thuốc làm giảm thiểu xung đột và đau khổ của con người, chứ không làm chúng thêm trầm trọng”. Chính vì vậy, Phật tử chúng tôi mới thiết tha tham dự những khóa tu học Phật pháp để mong cầu an lạc cho chính mình và gia đình.

Trong lời khai mạc của Thượng Tọa Thích Quảng Hiền đã nhắc lại 25 năm trước đây, Giáo Hội PGVNTN Thụy Sĩ đã tổ chức khóa tu học PPÁC lần đầu vào năm 1988 chỉ có 100 học viên, giờ đây nhờ bóng hình của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm vận dụng phương tiện thiện xảo từ bi gia hộ nên tới khóa này số học viên lên đến gần cả ngàn người. Hòa Thượng Thích Tấn Kiệt, sau lời khai thị tưởng nhớ đến công đức Sư Ông Khánh Anh, đã có lời cầu nguyện cho dân tộc Việt Nam vượt qua được giai đoạn khó khăn để toàn vẹn lãnh thổ lãnh hải và luôn sống trong hòa bình an lạc.

Cũng trong buổi lễ Tiểu Tường tưởng niệm cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, ngàn người phủ phục trước di ảnh của Sư Ông, tai được nghe những câu văn phụng tụng trầm hùng thương nhớ vị Ân Sư 75 năm xả thân cho Đời và làm đẹp Đạo. Với lời thống thiết kể về:

*Môn đồ pháp quyến Âu Châu bơ vơ
Sư Ông vĩnh biệt
Môn đồ pháp quyến Âu Châu lòng đau tan tác
Hình bóng Sư Ông biển biệt tầm hơi
Đệ tử tứ chúng tán tụng tôn vinh
Tưởng niệm ân sư nối dòng Lâm Tế đời thứ 44
Giờ đây thuyền từ bát nhã đã đưa Ngài về chốn Cực Lạc...*

Ngài cũng đã khai tâm cho nhiều người tránh được bờ mê, quay về bến giác. Trong giây phút trang nghiêm đó, ai ai cũng lắng lòng tưởng nhớ đến vị cha lành kính yêu của Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại

Tôi đã nhiếp tâm trong những thời Kinh Lăng Nghiêm mỗi sáng mà không biết có con bướm trắng như Hòa Thượng Như Điển đã viết trong bài Một Năm Đã Trôi Qua: „... *chắc Thầy đã vui khi thị hiện qua hình ảnh của một con bướm trắng ngày nào đã nhón như bay lướt trên chánh điện vào một sáng tụng Lăng Nghiêm... Con bướm ấy đến nghe kinh, con bướm đậu trên những hoa sen đang khoe sắc, con bướm bay dạo khắp chánh điện, rồi con bướm lại bay xa như chẳng còn lướt tiếc một điều gì nữa, khi mà mọi hoài bão đã được vẹn toàn”.*



Mấy chị em Bút Nữ và diễn viên sau khi trình diễn

Trong khóa tu học này có 5 chị em trong Nhóm Những Cây Bút Nữ tham dự. Chị Nguyễn Hạnh, Hoa Lan, Nhật Hưng, Hồng Nhiên và tôi gặp nhau đêm đầu tiên đã vội vàng tham khảo ý kiến để chuẩn bị cho màn ca vũ nhạc kịch „Cơn Giông Giữa Mùa Hạ” do Phật tử Diệu Như Trần Thị Nhật Hưng có năng khiếu văn nghệ biên soạn. Màn ca vũ nhạc kịch này cần đến 27 diễn viên. Điều này cũng không dễ tìm, vì mỗi người đã nhận những phần vụ trong khóa tu như ban văn nghệ, ban trai soạn, ban hành đường... Làm thế nào để có thể trình diễn thành công trong đêm văn nghệ cuối khóa vì chúng tôi cần phải có nhiều thời gian để tập luyện. Đây là vở nhạc kịch về chuyện của nhị vị Hòa Thượng Minh Tâm và Hòa Thượng Như Điển vinh dự được Hội Đồng Tăng Già Thế Giới và chính phủ Sri Lanka trao tặng Quạt Quốc Sư và giải Danh Dự cho những người có đạo hạnh và có công truyền bá đạo Phật tại hải ngoại vào tháng 7.2011 tại thủ đô Colombo. mấy chị em bút nữ chúng tôi có nhân duyên tham dự lần đó. Chúng tôi muốn diễn lại kỷ niệm quý giá này để dâng lên giác linh Sư Ông và cũng để cho tất cả môn đồ pháp quyến và Phật tử ghi nhớ mãi mãi.



*Phật tử Alphonse, Diệu Thiện và Chơn Thành
rước di ảnh của Sư Ông*



Rước di ảnh và linh cữu Sư Ông

Điều quan trọng nhất là chúng tôi phải tìm cho được hai Phật tử giống như Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Hòa Thượng Thích Như Điển về hình dáng bên ngoài. Mấy ngày đầu chúng tôi thăm cầu nguyện Sư Ông giúp cho. Thế là tìm được anh Alphonse vai Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Phật tử Chơn Thành Nguyễn Văn Yên vai Hòa Thượng Thích Như Điển. Mỗi ngày, sau giờ học chúng tôi hẹn nhau tập dượt màn ca vũ nhạc kịch này. Đầu óc chúng tôi cũng bị chi phối, nên sự tiếp thu phần giáo lý không được trọn vẹn. Thôi cũng đành, mỗi người chúng tôi âm thầm sám hối với các vị Thầy Giáo thọ lớp 3.

Màn văn nghệ chia ra 3 phần: phần 1 và 2 diễn ra ở Tích Lan khi Sư Ông còn tại thế; phần 3 là 2 năm sau Sư Ông viên tịch, làm lễ cung thỉnh tiễn đưa Ngài về cõi A Di Đà. Chúng tôi cầu nguyện và ước ao làm sao chiếc áo quan của Ngài giống như thật. Phần này chị Mừng Chi đã thực hiện bằng giấy carton từ nước Đức. Phần trang trí bên ngoài, may mắn tôi nhờ Sư Cô Giác Trí (?) ở Pháp và các chị Phật tử Ban Hương Đăng trong chánh điện đã trang hoàng áo phủ và kết hoa thật tuyệt đẹp trông trang trọng vô cùng.

Trước đêm văn nghệ, tôi quỳ trước chánh điện thành tâm cúi đầu thỉnh xin phép được thỉnh di ảnh Sư Ông lúc trình diễn và cầu xin giác linh Sư Ông giúp cho màn ca vũ của chúng con được hoàn hảo. Không hiểu sao miệng tôi vừa khấn vái thì nước mắt rơi đầm đìa không ngăn được. Phải chăng giác linh Sư Ông đâu đó trong chánh điện chứng giám cho tấm lòng vô vàn thiết tha tưởng nhớ của tôi.

Trong đêm văn nghệ, chị Nguyễn Hạnh giới thiệu từng phần màn ca vũ nhạc kịch „Cơn Giông Giữa Mùa Hạ“.

*„Trời Paris mây giăng sầu ảm đạm
Áu Châu buồn đưa tiễn bóng Thầy đi“*

Đó là hai câu thơ của Hòa Thượng Thích Như Điển, với giọng ngâm trầm buồn tha thiết của Nhật Hưng; trong lúc đó tôi thỉnh di ảnh của Sư Ông đi trước quan tài và đoàn Phật tử tiễn đưa theo sau. Trên gương mặt mọi người đều hiện rõ nét tiếc thương ảm đạm đã làm cho Chư Tôn Đức và Phật tử dưới sân khấu đều ngậm ngùi rơi lệ. Nước mắt tôi cũng rơi rớt trên di ảnh Ngài mà tôi đang được diễm phúc cung thỉnh trên hai tay từng bước chân đi thật chậm trước quan tài. Trong không gian trầm lắng đó, giọng ca nghẹn ngào thương tiếc của Phật tử Diệu Lý thuộc Gia Đình Phật Tử Tâm Minh trong bài hát „Ơn Thầy“:

*„Được Thầy dìu dắt dẫn bước con đi
Chơn Như bát nhã cứu vớt sanh linh
Tích tâm rộng lớn như biển,
Dáng đi lời nói oai nghi
Giúp con thoát khỏi não nề
Chùa Phật oai nghi sớm hôm rộng mở
Hoảng dương chánh pháp phát tâm độ đời
Pháp môn huyền diệu bao la đó
Bừng tỉnh người ơi, hãy mau về
Một lòng thể xin con gắng tu thân
Tạ ơn công đức của Thầy hiển trao
Bước đi từng bước an lạc
Nhiếp tâm niệm tiếng Di Đà
Giúp con với lòng vị tha“.*

Trong hội trường tất cả mọi người đều lắng lòng tưởng nhớ đến hình bóng Sư Ông đã một năm trôi qua. Thầy Thích Viên Giác, trưởng Ban Văn Nghệ với lời khen nồng nhiệt „màn văn nghệ này tuyệt vời, trên cả tuyệt vời“. Riêng Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác đã khích lệ tặng cho mấy chị em bút nữ mỗi người một hồng bao lì xì. Mấy chị em càng vui thêm vì thấy rằng Thầy mình có quan tâm chăm sóc. Nhìn chung văn nghệ năm nay không dài, nhưng tiết mục nào cũng đặc sắc cả!...

Xe vẫn bon bon qua những đồng ruộng mênh mông, mây vẫn lững lờ trôi trên bầu trời cao rộng, lòng người cũng cảm thấy an vui. Đường còn dài rồi xe cũng sẽ đến nơi đến chốn, chẳng nôn nóng mong chờ, chuyện gì đến thì sớm muộn tự nhiên đến. Tôi chiêm nghiệm được, sau những khóa tu học- với tôi, tâm thức đã có nhiều chuyển hóa, lòng an nhiên tự tại hơn nhờ những bài pháp của Chư Tôn Đức lý giải rõ nghĩa những giáo pháp của Đức Từ Phụ. Tâm hồn tôi thánh thơi, trí tuệ minh mẫn hơn, phải chăng «Đạo Phật luôn lấy trí tuệ làm sự nghiệp» mà Thầy Quảng Hiền, trưởng ban tổ chức- cũng như quý Thầy khác đảm trách các khóa tu học trước đây, đã ứng dụng trí tuệ của mình để đạt được thành quả viên mãn trong khóa tu học kỳ này. Thầy Quảng Hiền thường chăm chiêu lo lắng nên suốt trong thời gian khóa tu Thầy luôn luôn thăm viếng nhà bếp, chăm sóc kỹ lưỡng đến những bữa ăn, chỗ ngủ cho học viên vì số người tham dự mỗi ngày một tăng thêm mà không có ghi danh trước. Ôi,

biết bao điều không thể quên, mà làm sao quên được mấy chị em trong Ban Âm Thực và nhiều Ban khác đã phục vụ vui vẻ và rất tận tình- nhất là chị Diệu Khánh, dù tuổi đã cao nhưng vẫn hết lòng lo chu đáo cho gần 1.000 người ăn uống thoải mái để có đủ tinh thần tham dự khóa tu học. Cũng không thể nào quên được công sức của anh Lực và nhóm chị em Phật tử Đức Quốc và Thụy Sĩ đã xay đậu nành khoảng 100 ký mỗi ngày mới cung ứng đủ cho khóa tu.

Cũng trong phòng hành đường, hằng ngày giọng truyền cảm của Thầy Hoằng Khai vang vọng rõ ràng thông báo cho mọi người biết rõ sinh hoạt của khóa tu.

Xe tiếp tục chạy sau khi đã vượt qua biên giới Thụy Sĩ để trở về Đức, nhìn núi xanh thăm thẳm tôi chợt nhớ đến những ngọn đồi chung quanh sân trường của khóa tu học PPÁC kỳ 24 năm 2012 tại Birmingham, Anh Quốc. Như một đoạn phim ngắn với những kỷ niệm cuối cùng về Sư Ông. Bài giảng « Hành Bồ Tát Hạnh » của Hòa Thượng Nguyên Siêu và của Sư Ông tôi còn nhớ rõ:

Người thọ Bồ Tát giới phải biết: **Bồ Thí – Trì Giới – Nhân Nhục – Tinh Tấn – Thiên Định – Trí Tuệ**. Theo lục độ Ba La Mật **Trí Tuệ** nằm ở sau cùng. Vậy muốn tu cho có **Trí Tuệ** là phải tu **Phước** tạo nhiều phước báo như làm công quả, làm việc từ thiện. **Tuệ** là phần chính căn bản của Bồ Tát Giới:

*« Căn tạo già lam địa
Thời thời trí tuệ sanh »*

Ngài Lục Tổ Huệ Năng nói :
*« Người sống đứng không năm
Người chết nằm không đứng »*

Đi - đứng - nằm - ngồi phải Thiền, phải làm

Phước trước tiên mới sinh ra **Trí** được.

Người thọ Bồ Tát giới phải nguyện:

1- Quán chiếu tứ thân của ta ở đời này không tồn tại với chính nó. Quán thấy thân mình ô uế, nó không thường và không bền chặt.

2- Nguyện làm các việc Thiện và làm những điều lành. Phát tâm độ cho mình và cũng độ cho người khác.

Người thọ Bồ Tát giới phải «thượng cầu học đạo, hạ hóa chúng sanh». Bồ Tát giới là Thông giới, là Từ Bi Độ Lượng. Người thọ Bồ Tát giới dùng «thiện xảo phương tiện», là tùy trường hợp mà làm.

Thường gần cuối mỗi khóa tu học PPÁC quý Thầy có lập đạo tràng cho những Phật tử đã thọ trì Tam Quy Ngũ Giới rồi mới được thọ Bồ Tát giới. Một số bạn đạo đã khuyên tôi nên thọ Bồ Tát giới vì có nhiều Chư Tôn Đức Tăng Ni chứng minh. Tôi ngần ngại và tìm gặp riêng Sư Ông cúi đầu đánh lễ và hỏi thẳng Ngài: « - Bạch Sư Ông, các bạn đạo khuyên con nên thọ Bồ Tát giới kỳ này, nhưng trong lòng con chưa muốn? ». Sư Ông hỏi: « - Tại sao? ». «- Con chưa chuẩn bị tinh thần để phát nguyện, vì con biết khi đã thọ Bồ Tát giới rồi, thì phải gìn giữ giới luật nghiêm minh và hành Bồ Tát Đạo. Nếu không giữ giới được thì sẽ bị phạm tội. Điều đó con không muốn». Sư Ông mỉm cười từ tốn trả lời thật đơn giản: «- Nếu trong lòng con chưa thệ nguyện. Chưa muốn thì không nên, đừng nghe lời bạn bè sách tấn. Một hay hai, ba năm nữa con thọ cũng không muộn, quan trọng là phải biết luôn luôn ghi nhớ và gìn giữ giới luật cho mình. Còn con tuy chưa thọ Bồ Tát giới nhưng con biết rèn luyện thân tâm để hành thiện, tử bi hỷ xả tức là con đã chuẩn bị hành trang cho con đường Bồ Tát hạnh rồi đó!».

Chợt có tiếng thông báo của Thầy Phương Trượng trên xe làm cắt ngang dòng tâm tưởng của tôi đang nhớ về Sư Ông Khánh Anh. Thầy cho phép Phật tử đặt câu hỏi thắc mắc về Phật pháp. Thầy còn ví von «**Đây là một chuyến du lịch tâm linh**»:

*«Bởi ra đi túi đầy, đầu rỗng
Khi về túi rỗng, đầu đầy !»*

Thật đúng vậy ! Tất cả mọi người trên xe đều thoải mái vui vẻ nhờ Thầy Phương Trượng linh động thay đổi không khí thêm văn nghệ giúp vui. Sau đó ba vị Hòa Thượng đã vui vẻ lần lượt giải đáp những câu hỏi có ý nghĩa về những bài pháp vừa mới thọ nhận ở khóa tu. Đặc biệt Hòa Thượng Đồng Tuyên, đến từ Hoa Kỳ, đã giảng một bài pháp có nội dung thiết thực trong đời sống hằng ngày. Hạnh phúc cao cả nhất của con người là làm cho người khác hạnh phúc ngay từ bây giờ. Thông điệp vĩ đại nhất của Đức Phật chỉ có 11 chữ: «Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành». Theo pháp môn Tịnh Độ, chỉ có Đức Phật mới dạy cho con người thành Phật. Hòa Thượng còn kể vài chuyện vui với giọng nói rất dí dỏm...

*Ai ơi chớ nói thị phi
Nhất tâm niệm Phật chuyện gì cũng vui.*



Phù Vân, Trần Phong Lưu, Cao Đức Tài, Phương Quỳnh, Thiện Sanh, Diệu Hạnh, Hoa Lan và Thiện Giáo

Chỉ còn hơn một tiếng rưỡi đồng hồ nữa là đến chùa Viên Giác, Hannover. Hình ảnh ngôi chùa nguy nga tráng lệ và rất thân thương của người Việt tỵ nạn đầu tiên mọc trên xứ Đức này. Cách đây đã 25 năm, khởi công từ năm 1989 sau 4 năm chùa được khánh thành.

Nhớ lại đêm 28 tháng 6 vừa qua, trong hội trường chùa Viên Giác một khung cảnh thật ấm cúng vui tươi nhưng không kém phần trang trọng với nhiều bình hoa lớn nhỏ nghệ thuật thật đẹp do những bàn tay khéo léo của Sư Cô Chơn Toàn và các Sư Cô chùa Viên Giác trang trí để chúc mừng Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác tròn 65 tuổi đời và 50 tuổi đạo.

Tôi lại chợt nhớ một đoạn thơ đầu đó của Nữ Sĩ Tuệ Nga trong bài «Ánh Đạo Thiêng» viết để kính mừng Hòa Thượng :

*Theo bước Thế Tôn Đấng Đại Hiền
Trần gian khổ ải ! sống triển miên
Từ Bi, Hoằng Pháp... muôn loài độ
Tài Đạo, Vào Đời, Ánh Đạo Thiêng...*

Hiện diện trong buổi lễ có nhiều Chư Tôn Đức Tăng Ni các chùa ở Đức và vài quốc gia lân cận, các Gia Đình Phật Tử và một số Phật tử các nơi đến tham dự. Chư Tôn Đức lần lượt lên đàn lễ và chúc thọ Thầy Phương Trượng. Sau đó Đại Đức Thích Hạnh Giới, trụ trì chùa Viên Giác, cùng môn đồ pháp quyến của Hòa Thượng đã quỳ lạy và Đại Đức Hạnh Giới đã đọc bài tác bạch rất cảm động để cảm ơn công đức giáo dưỡng của Sư Phụ. Và đặc biệt đáng ghi nhớ nhất là Đại Đức Hạnh Giới đã đọc lời thệ nguyện «Con nguyện mặc chiếc áo cà sa này suốt cuộc đời con!». Nét mặt Hòa Thượng bỗng rạng rỡ niềm vui, miệng luôn nở nụ cười. «Hôm nay là ngày vui và sung sướng nhất của đời tôi», có lẽ Hòa Thượng nghĩ như vậy. Mong rằng lời thệ nguyện của Thầy Hạnh Giới sẽ giúp Thầy vượt qua những cám dỗ đời thường để tiếp nối hành trình của Sư Phụ. Kính xin Long Thần Hộ Pháp Chùa Viên Giác gia hộ cho Thầy.

Sau đó chúng tôi, Hoa Lan, Hương Cau... và mọi người tự mình đến chọn thức ăn; có quá nhiều món ngon do các chùa và Gia Đình Phật Tử đóng góp. Đặc biệt có món đậu hũ chén nước đường tuyệt vời của Sư Cô Hạnh Bình chùa Viên Giác hướng dẫn cho các cháu Gia Đình Phật Tử nấu. Vừa ăn vừa được thưởng thức nhiều màn văn nghệ, ca vũ do Gia Đình Phật Tử và Chư Tăng Ni đóng góp giúp vui...

Nhiều Phật tử rất vui vì có dịp được chụp hình lưu niệm với Hòa Thượng trong ngày lễ đặc biệt này. Phải chỉ giờ này Sư Ông Khánh Anh còn tại thế thì tôi sẽ có dịp chứng kiến lại cảnh hai Ngài cùng khoát tay nhau chụp hình chung như ngày nào đến Tích Lan lãnh giải danh dự... thì chắc hẳn đó là ngày vui trọn vẹn nhất của Thầy tôi. Sư Ông Khánh Anh, trên 40 năm ở hải ngoại, dấu chân Ngài đã trải qua khắp các châu lục. Nơi nào vui cũng như nơi nào buồn và nơi nào cần cũng đều có sự hiện diện của Ngài chứng minh độ trì. Ngài như cánh chim di, với cách sống dung dị, nói năng hiền hòa, chân tình luôn trang trải tấm lòng cho đàn con cháu hậu học.

Giờ này các môn đồ pháp quyến của Sư Ông đang sống trong tinh thần lạc hòa. Ở đâu đó Ngài sẽ rất vui và mãn nguyện. Còn các con cháu của Ngài đang trên đường nối tiếp ý nguyện và luôn nhắc nhở đến tình thương vô biên của vị cha lành. Xót xa nhất là hai người con kế cận bên Ngài đó là Thượng Tọa Quảng Đạo và Ni Sư Diệu Trâm vì đã có quá nhiều kỷ niệm trên bước đường hành đạo của Sư Ông.

Kính bạch Giác linh Sư Ông,

Những hình ảnh và những lời giảng dạy, dặn dò riêng con của Sư Ông ở hành lang trường Birmingham Anh Quốc vẫn còn hiện rõ trong tâm trí làm cho lòng con càng thêm bồi hồi tiếc thương, «nước mắt mặn môi, thấm niêm hoài tưởng» nhắc nhở con luôn tinh tấn tu học, giữ giới hành trì mãi mãi trên con đường Bồ Tát hạnh.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

Phương Quỳnh - Diệu Thiện
Hamburg, mùa Vu Lan, tháng 8.2014

Hơi thở đêm khuya

*Hơi thở nào ? Em sẽ thở đêm khuya !
Chút gió thoảng hay sương sa Nguyệt sáng ?
Hay là mắt nhìn mây bay lãng đãng,
Rời tan đi nhưng không chỉ là sao !
Tình xa nhau hay gần lại chiêm bao ?
Hình ảnh ấy như âm thanh chợt vắng !*

*Trong ánh sáng một trời sao áo trắng,
Tình đêm khuya có gì lạ không Em ?
Ta tìm nhau trong một chút hồn ghen,
Mây ảo ảnh đôi bàn tay tóc ngắn,
Mắt lóng lánh môi chưa hề nói đặng,
Màu xanh đen sắc huyền thoại mi cong ?*

*Chân bước đi sao có tiếng bên trong,
Lòng vẫn hỏi xa vơi nghe gió thoảng,
Đến say đắm mơ hồ trôi thấp thoáng ?
Tiếng khuya bay vội vã lạc vào thơ !
Có bao giờ Em hỏi chuyện vu vơ ?
Mà hơi thở như sương sa khói thuốc.*

*Để Ta ngỡ trong giấc mơ lạnh buốt ?
Chút mong manh tà áo trắng thời gian !
Cặp môi Em khi những vết son tan,
Sao chẳng có đường răng non nót dại,
Rời ánh mắt long lanh chia nửa bãi ?
Đi về đâu ? trong nhịp bước chân thưa !*

*Hay con đường khuya thiếu vắng giao thừa,
Xa cách mãi hai dòng sông nước trở ?
Tiếng Em đợi tiếng Ta chờ sóng vỗ,
Trong sương mù nhìn áo trắng mây bay !
Thuyền không người sao ướt lá bàn tay,
Lời viễn xứ bến tơ trùng rớt nhẹ ?*

*Bức tranh vẽ bút âm thầm lặng lẽ,
Màu sơn trời tô đậm nét leo thang ?
Hay mắt Em có những giọt sương tan,
Ta lau hộ sao vẫn còn dấu vết ?
Mình xa cách chưa bao giờ nói hết,
Bóng khuya đi trong tiếng guốc âm vang !*

• **TRÚC LANG OKC**
Thu Giáp Ngọ 2014

TRẦN HƯNG ĐẠO

đại phá quân Nguyên - Mông

• Triều Phong Đặng Đức Bích

1- Thân thế Trần Hưng Đạo:

Tượng Trần Hưng Đạo tại Hoa Kỳ



Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1230 (có nơi ghi 1231), tại làng Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Thân phụ là An Sinh Vương Trần Liễu, anh vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh), thân mẫu là Thiện Đạo Quốc Mẫu.

Trần Hưng Đạo là người thông minh, học cao hiểu rộng, văn võ song toàn, yêu nước, yêu dân tộc, dẹp thù nhà, một lòng chống quân thù cứu quốc. Ông biết dùng người hiền tài, coi binh sĩ như tay chân, thể hiện đức tính: Nhân, Nghĩa, Trí, Tín, Dũng.

Sau khi đánh đuổi quân Nguyên - Mông ra khỏi bờ cõi, Trần Hưng Đạo về trí sĩ ở trang viên tại Vạn Kiếp, các vua Trần thường đến vấn kế ông. Ông mất ngày 8 tháng 10 năm 1300, thọ 70 tuổi, được phong tặng tước Thái Sư Thượng Phụ Thượng Quốc Công Nhân Vũ Hưng Đạo Vương.

2- Quân Nguyên Mông xâm lăng Việt Nam lần thứ 1 năm 1225:

a - Vài nét về quân Mông Cổ:

Dân Mông Cổ ở phía bắc nước Tàu, thời đó vào khoảng 3 triệu người, là dân du mục, hiểu chiến, có tài đặc biệt là bắn cung, cưỡi ngựa, vận chuyển binh sĩ hết sức mau lẹ. Lối đánh của quân Mông Cổ là khi lâm trận, đội kỵ binh của họ tiến nhanh như chớp nhoáng rồi biến mất, rồi lại xuất hiện như vũ bão sau lưng địch, khiến đối phương điên đảo, trở mình không kịp, bị rối loạn cả chiến lược, chiến thuật.

Nguyên Thái Tổ là Thành Cát Tư Hãn tấn công Tân Cương, Ba Tư (Iran), Hung Gia Lợi. Đầu thế kỷ thứ 13, Hồi Quốc đang thịnh đạt và là một đế quốc rộng lớn gồm Ba Tư, Tiểu Á, Tể Á và Cận Đông, chiều ngang kéo dài từ Ấn Độ đến Bagdad, chiều dài từ bờ biển Aral tới vịnh Ba Tư. Quân Mông Cổ tới, bốn chục vạn binh của Hồi Giáo Mohamed tan tành và kinh đô cũng ra tro bụi. Đế Quốc Hồi tan vỡ từ thuở ấy. Tháng chạp năm 1237 đến tháng năm 1238, bốn phần năm lãnh thổ Liên Xô cũng lọt vào tay Mông Cổ.

Khi quân Mông Cổ tràn qua Âu châu, các nước Tây Âu nghe tin này vô cùng hoảng sợ, Giáo Hoàng Innocent IV và vua Louis nước Pháp phải cử người

sang cầu hòa. Nhưng khi quân Mông Cổ sang xâm lăng nước Nam thì bị Trần Hưng Đạo 3 lần đánh lui.

b- Trần Thái Tông, Trần Hưng Đạo đánh thắng quân Mông Cổ:

Hốt Tất Liệt lên ngôi, đổi thành nhà Nguyên, là Nguyên Thế Tổ, đem quân đánh chiếm nhà Tống bên Tàu. Từ đó cả nước Tàu bị Mông Cổ cai trị.

Khi Hốt Tất Liệt đem quân đánh nhà Tống, có sai một đạo binh đánh lấy nước Nam ta. Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai bảo vua Trần Thái Tông về thân phục Mông Cổ, đặt nhiều điều kiện khắc nghiệt, phải sang châu Mông Cổ, hằng năm phải triều cống, nộp sổ đình, sổ điền... Trần Thái Tông chẳng những không chịu, mà còn bắt giam sứ Mông Cổ, rồi sai Trần Quốc Tuấn tức Trần Hưng Đạo đem quân giữ phía Bắc. Lúc bấy giờ là năm 1257.

Mông Cổ tức giận, kéo binh từ Vân Nam theo đường sông Thao Giang thuộc Hưng Hóa, xuống đánh Thăng Long. Trần Hưng Đạo quân ít, phải lui về Sơn Tây. Vua Trần Thái Tông tự cầm quân ra trận, nhưng cũng chống không nổi, phải bỏ kinh đô rút về Hưng Yên. Quân Mông Cổ chiếm Thăng Long, tiến xuống Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ vào thành, thấy 3 sứ giả Mông Cổ còn bị trói, giam trong ngục. Ngột Lương Hợp Thai tức giận, cho quân cướp phá, giết cả nam phụ lão ấu trong thành, không chừa một người nào.

Trước thế nguy, vua Thái Tông hỏi ý kiến Trần Thủ Độ nên hòa hay chiến, Trần Thủ Độ trả lời rằng: "*Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ hạ đừng lo*".

Chẳng bao lâu, quân Mông Cổ không quen thủy thổ nước ta, khí trời nóng bức, bị bệnh tật, mệt mỏi. Trần Thái Tông tiến binh lên đánh Đông Bộ Đầu, quân Mông Cổ chạy đi Qui Hóa, bị chặn đánh một lần nữa, quân Mông Cổ thoát chạy về Vân Nam. Vì mệt mỏi, đi đường không cướp phá gì.

Tuy thua trận phải rút lui về, vua Mông Cổ sai sứ bắt nước Nam phải triều cống. Vua Thái Tông sai Lê Phụ Trần sang sứ, xin 3 năm sang cống một lần.

3- Quân Nguyên Mông xâm chiếm Việt Nam lần thứ 2 năm 1285:

a- Tham vọng của quân Nguyên:

Sau khi chiếm Trung Quốc, Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt muốn mở rộng đế quốc Mông Cổ về phía Nam, tấn công chinh phục Đông Nam Á. Quân Nguyên Mông giỏi về trận mạc địa bộ, thiện chiến vùng thảo nguyên, nơi hoang dã, không giỏi về rừng núi, về thủy chiến.

Nhà Nguyên muốn chiếm Đông Nam Á, tấn công Nam Dương, rồi tiến đánh Ấn Độ, với tham vọng chiếm cứ toàn bộ Á châu. Muốn thực hiện cuộc Nam tiến, nhà Nguyên phải đánh nước Nam rồi tấn công các nước khác. Nhà Nguyên sai Sài Thung sang hạch hỏi vua Trần Nhân Tông, buộc nhà vua đích thân sang châu. Vua Nhân Tông trả lời không thể đi được, vì không quen thủy thổ, nên cử Trịnh Đình Toàn và Đồ Quốc Kế sang sứ. Hai ông bị nhà Nguyên giữ lại.

b- Nhà Trần chuẩn bị:

- Hội Nghị Bình Than:

Tình hình càng ngày càng căng thẳng, chiến tranh thế nào cũng xảy ra, Trần Nhân Tông họp các vương hầu và tướng lãnh tại Bình Than (Chí Linh) vào tháng 10 năm 1282 để bàn kế hoạch chống giặc. Tháng 10 năm sau 1283, nhà vua đề cử Trần Hưng Đạo làm Quốc Công

Tiết Chế, thống lĩnh toàn quân, điều động các tướng lĩnh chỉ huy đơn vị, ngăn chặn quân thù. Năm 1284, Trần Nhân Tông ra lệnh tổ chức duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu, dưới quyền điều khiển của Trần Hưng Đạo. Sau đó chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu, để chống lại cuộc xâm lăng của quân Nguyên.

- Hội Nghị Diên Hồng:

Được tin nhà Nguyên chuẩn bị binh mã sang xâm lăng nước ta, vua Nhân Tông cử Trần Phú sang thương thuyết, đề nghị hoãn binh, nhưng nhà Nguyên không chịu. Trần Nhân Tông triệu mời các bô lão trong nước, đến họp tại điện Diên Hồng để hỏi ý kiến, tất cả đều một lòng quyết chiến chống quân xâm lược.

c- Chiến tranh Nguyên - Việt:

+ Quân Nguyên tấn công, quân Việt rút lui:

Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan đem binh mã tấn công Đại Việt theo 3 đường:

- Thứ nhất, Thoát Hoan dẫn đại binh vào nước ta bằng đường Lạng Sơn, theo thung lũng sông Thương, tiến vào Thăng Long.

- Thứ nhì, tướng Nạp Tốc Lạt Đinh dẫn bộ binh từ Vân Nam theo đường sông Chảy đi xuống, song song với sông Hồng.

- Thứ ba, Toa Đô dẫn thủy quân từ bờ biển Chiêm Thành đánh lên Đại Việt. Ba cánh quân Nguyên tạo thế gọng kìm, giáp công 3 mặt, ép quân Việt vào giữa.

Quân của Thoát Hoan tràn qua Lạng Sơn, đánh Kỳ Cáp, Khả Ly và Lộc Châu, quân Nam phải rút về Chi Lăng. Thoát Hoan dẫn đại binh đánh Chi Lăng, Trần Hưng Đạo, Dã Tượng, Yết Kiêu lui về Vạn Kiếp. Vua Nhân Tông đáp thuyền nhỏ đến Bắc Ninh, cho mời Trần Hưng Đạo đến bàn việc: "*Thế giặc mạnh như vậy, ta chống không được, nên hòa hay đánh*".

Trần Hưng Đạo khẳng khái trả lời rằng:

"Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng".

Cánh quân của Nạp Tốc Lạt Đinh tràn qua Yên Bình, Yên Bái, chú của vua Nhân Tông là Trần Nhật Duật chống cự không được, phải rút lui về mạn xuôi.

Thoát Hoan uy hiếp Thăng Long, quân Nguyên tấn công Vạn Kiếp, Trần Hưng Đạo lại rút lui, rước vua và Thượng Hoàng vào Thanh Hóa. Mặt trận phía Nam do Thượng Tướng Trần Quang Khải, đem quân đóng những chỗ hiểm yếu ở Nghệ An, để chặn đường quân Toa Đô tiến ra phía Bắc.

Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng đóng quân ở Thiên Trường chống giặc, ông bị bắt. Thoát Hoan biết ông là Tướng tài, chiêu dụ ông: "*Có muốn làm Vương đất Bắc không?*", ông quắc mắt quát: "*Ta thà làm quí nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc*". Ông bị giặc giết chết. Tin này tới Trần triều, ai nấy đều động lòng thương tiếc.

+ Chiến thuật Trần Hưng Đạo:

Quân Nam phản công, quân Nguyên thua chạy về nước:

- Trận Hàm Tử:

Toa Đô bị Trần Quang Khải cầm chân, càng ngày càng cạn lương thực, Toa Đô theo đường biển tiến ra Bắc. Trần Hưng Đạo đề nghị vua Nhân Tông cử các tướng Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toàn, Nguyễn Khoái ra chặn đánh Hưng Yên. Trong quân của Trần Nhật Duật có người Tống xin tòng chinh, mặc sắc phục quân Tống.

Quân Nguyên tướng nhà Tống đã phục quốc, gửi quân Tống sang giúp nước Việt, nên mất tinh thần bỏ chạy.



Trần Hưng Đạo chỉ huy tấn công quân Nguyên

- Trận Chương Dương:

Trần Nhật Duật chặn đường Toa Đô, không cho liên lạc với Thoát Hoan đang đóng quân ở Thăng Long.

Trần Hưng Đạo bàn, nên lợi dụng lòng hăng hái của quân sĩ và sự túng quẫn của địch, đánh mạnh lấy lại Thăng Long. Tiến cử Trần Quang Khải, Trần Quốc Toàn, Nguyễn Khoái, khởi động tấn công, đánh tan thuyền của quân Nguyên ở bến Chương Dương, thuộc Hà Nội ngày nay, rồi đuổi đánh quân Nguyên đến chân thành Thăng Long. Thoát Hoan cầm quân ra trận, bị phục binh của Trần Quang Khải chặn đánh, phải bỏ Thăng Long, vượt sông Hồng chạy đi Bắc Ninh. Trần Quang Khải vào kinh thành mở tiệc khao quân, nhân tiệc vui có làm bài thơ:

Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm Hồ Hàm Tử quan

Thái bình nghi nỗ lực

Vạn cổ thứ giang san.

Dịch là:

Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình thêm gắng sức

Nước non ấy ngàn thu.

- Trận Tây Kết:

Khi Thoát Hoan rời Thăng Long vượt sông Như Nguyệt ngày mùng 6 tháng 5 năm Ất Dậu thì Trần Quốc Toàn đem quân đuổi theo, trong trận đánh ông bị tử trận. Vua nghe tin, thương tiếc, phong ông là Hoài Văn Vương Trần Quốc Toàn.

Được tin Thoát Hoan thua trận, Toa Đô lui về Tây Kết, phía nam Hàm Tử, Trần Hưng Đạo lại xin vua tự mình đem quân đánh Toa Đô, rồi tiến đánh Thoát Hoan. Vua Nhân Tông đồng ý và cho Trần Hưng Đạo toàn quyền điều động.

Quân ta đánh hăng quá, quân Nguyên địch không nổi, Toa Đô và Ô Mã Nhi đem quân lên bộ chạy ra biển, bị quân ta vây đánh, Toa Đô trúng đạn chết, Ô Mã Nhi chạy vào Thanh Hóa, rồi tìm thuyền về Trung Quốc.

- Trận Vạn Kiếp:

Thoát Hoan đóng quân ở Bắc Giang, nghe tin Toa Đô tử trận, Ô Mã Nhi đã trốn về Tàu, tướng sĩ đều ngã lòng. Hưng Đạo Vương biết Thoát Hoan tất phải chạy, liền cử Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão đem 3 vạn quân phục sẵn tại bãi sậy, bên sông Vạn Kiếp. Ông sai hai con là Hưng

Võ Vương Nghiễn và Hưng Hiếu Vương Úy, đem binh chặn đường quân Nguyên rút về Tư Minh bên Tàu. Hưng Đạo Vương tự dẫn đại quân đến Bắc Giang đánh quân Nguyên, quân Nguyên thua chạy đến Vạn Kiếp, bị phục binh của Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão đánh cho một trận. Tướng nhà Nguyên là Lý Hằng bị tên bắn chết, sau đó Lý Quán cũng bị chết. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng, để lên xe, bắt quân sĩ kéo chạy.

Thế là đại quân của Thoát Hoan lúc đầu mới sang lưng lẩy bao nhiêu, bây giờ tan nát bấy nhiêu. Trong 6 tháng, từ tháng chạp năm 1284 đến tháng 6 năm 1285, Đại Việt đuổi 50 vạn quân Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, chinh đồn giang sơn lại như cũ, cũng nhờ Trần Hưng Đạo có tài Đại tướng, cầm quân vững chãi, mưu lược hơn người, phối hợp với các tướng nhà Trần, dụng binh biết đợi thời cơ, kích động lòng trung nghĩa của tướng sĩ, ai nấy đều hết lòng giúp nước, đánh tan quân Nguyên, đuổi quân thù ra khỏi bờ cõi.

4- Quân Nguyên Mông xâm lăng Việt Nam lần thứ 3 năm 1288:

a- Nhà Nguyên quyết tâm trả thù:

Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt thấy bọn Thoát Hoan bại trận về, giận lắm, muốn đem chém tất cả, nhưng quần thần can ngăn mãi mới thôi. Nhà Nguyên đình việc đi đánh Nhật Bản, hạ lệnh đóng thêm 300 chiến thuyền, truyền hịch 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, tụ tập binh sĩ, định đến tháng 8 sẽ cất quân, sang đánh nước Nam để báo thù. Quan trong triều và quan các tỉnh phía nam, đề nghị cho quân sĩ nghỉ ngơi ít lâu rồi sẽ xuất chinh, vua Mông Cổ nghe theo.

Tháng 2 năm 1287, nhà Nguyên động binh, cuộc viễn chinh lần này tổ chức khá chu đáo. Tổng chỉ huy quân Nguyên vẫn là Thoát Hoan, dưới quyền có các tướng Áo Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, Trình Bằng Phi, Phàn Tiếp, Trương Văn Hồ.

b- Nhà Trần chuẩn bị:

Sau ngoại giao mềm mỏng của nhà Trần đối với nhà Nguyên bị thất bại, vua Nhân Tông ra lệnh cho các vương hầu chiêu mộ và luyện tập binh mã, mời Hưng Đạo Vương hỏi ý, Trần Hưng Đạo trả lời: *"Quân ta đã quen việc chiến trận, quân Nguyên thì sợ đi xa. Và lại chúng còn sợ sự thảm bại kỳ trước, không còn chí chiến đấu, theo thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn".*

Vua Nhân Tông liền ra lệnh cho Trần Hưng Đạo đốc thúc các vương hầu, chế tạo thuyền bè, điều động binh sĩ, chuẩn bị đánh quân Nguyên.

Cuộc duyệt binh được tái tổ chức vào giữa năm 1287. Trần Hưng Đạo cử Trần Nhật Duật và Nguyễn Khoái trấn giữ Lạng Sơn, Trần Khánh Dư bảo vệ Quảng Yên, Lê Phụ Trần đem quân đóng giữ Nghệ An, còn tự mình giữ trung quân bảo vệ Thăng Long.

c- Chiến tranh Nguyên - Việt:

- Quân Nguyên tấn công:

- Thoát Hoan dẫn đại binh, Trương Ngọc, Lưu Khuê điều khiển bộ binh, thủy binh, 500 chiến thuyền, 70 thuyền vận tải, chuyên chở lương thực, vũ khí, đi đường Khâm Châu, Liêm Châu tiến đánh nước Nam.

- Trình Bằng Phi, Lỗ Đức dẫn quân đi đường bộ.

- Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, thống lĩnh thủy quân tiến về hướng nam.

- Vạn hộ Trương Văn Hồ tải 17 vạn thạch lương theo đường biển.

Đội quân Mông Cổ tiến vào nước ta như vũ bão. Tướng nước ta là Nhân Đức hầu Trần Đa mai phục ở Lạng Sơn phải lui binh.

Trong những ngày đầu, cũng như các lần trước, quân Mông Cổ tấn công rất mạnh và rất hăng, quân ta phải lui về Vạn Kiếp. Thoát Hoan chiếm núi Phả Lại và Chí Linh, rồi phái Trình Bằng Phi đem quân tấn công Vạn Kiếp. Mặt khác, Thoát Hoan cử Ô Mã Nhi, A Bát Xích, dẫn một cánh quân từ sông Lục Đầu đánh xuống sông Hồng, mục đích đánh chiếm kinh thành Thăng Long.

- Quân Nam phản công:

Khi tin tức từ biên thủy tới tấp báo về Thăng Long, các quan xin tuyển thêm binh. Hưng Đạo Vương bình tĩnh nói: *"Quân cốt giỏi chứ không cốt nhiều".*

Với tư cách Tổng chỉ huy, Trần Hưng Đạo phân phối quân đội đi các nơi như sau:

- Trần Nhật Duật, Nguyễn Khoái đem 3 vạn quân đón giặc ở Lạng Sơn.

- Trần Quốc Toản, Lê Phụ Trần đem 3 vạn quân giữ Nghệ An.

- Tại biên giới Việt - Hoa, 3 đồn Sa, Từ, Trúc được thiết lập, vì quân ta biết rằng bộ binh của Thoát Hoan thế nào cũng xâm nhập cổng ngõ này.

- Trần Hưng Đạo đóng đại quân ở Vạn Kiếp, trên ngọn Phú Sơn. Căn cứ này coi như trung tâm hành quân của nước Nam, rất thuận tiện về giao thông thủy bộ, điều động quân đội đi các nơi.

Sau nhiều lần giao chiến dữ dội, quân ta chống trả kịch liệt. Ngày 30 tháng chạp năm 1287, Thoát Hoan sai Trình Bằng Phi, A Lý và Lưu Giang đánh Vạn Kiếp, lấy làm căn cứ. Ở đây lực lượng của Hưng Đạo Vương đã rút gần hết về giữ Thăng Long. Ô Mã Nhi, A Bát Xích hợp quân, vượt sông Cái tiến vào Thăng Long, Hưng Đạo Vương chống trả kịch liệt, Thượng Hoàng và Nhân Tông phải lánh vào Thanh Hóa.

Ngày mùng 4 tháng giêng năm 1288, Thoát Hoan lui binh về Bắc Giang, Hải Dương, Vạn Kiếp, sau cuộc tấn công vô hiệu vào Thăng Long. Ngày 8 tháng giêng, giặc thua trận tại Đại Bàng thuộc tỉnh Hải Dương, quân ta thu được 300 chiến thuyền.



Đền thờ Trần Hưng Đạo

- Trận Vân Đồn:

Lương thực sắp cạn, thuyền lương do Trương Văn Hồ áp tải vẫn chưa thấy đến, Thoát Hoan hạ lệnh cho Ô Mã Nhi cấp tốc đi tìm, gặp sự chống cự của Trần Khánh Dư. Ô Mã Nhi cố đánh, quân Trần Khánh Dư bị bại. Nghe thủy quân Vân Đồn bị bại, vua sai quan ra truy tội, Trần Khánh Dư xin cho lập công chuộc tội.

Ô Mã Nhi gặp được Trương Văn Hồ, rồi cùng nhau trở vào đất liền.

Ô Mã Nhi đắc thắng đi trước rất nhanh, Trương Văn Hồ chờ thuyền lương đi chậm, bị Trần Khánh Dư quay lại mai phục đánh úp, chiếm được nhiều khí giới và toàn bộ lương thực của địch.

Đây là trận thắng quyết định chiến trường năm 1288, vì quân Thoát Hoan thiếu lương, bắt buộc phải tìm đường rút quân. Trần Khánh Dư báo tin thắng trận, chiếm được lương thực, thu nhiều khí giới, làm mất nguồn hy vọng quân lương của Mông Cổ. Thượng Hoàng bàn với Trần Hưng Đạo, thả một số tù binh về báo cho Thoát Hoan hay, với đòn tâm lý này, quân Nguyên xôn xao, nao núng tinh thần, có bụng muốn về Tàu.

- Trận Bạch Đằng:

Tháng 3 năm 1288, lương thảo mỗi ngày một cạn, các tướng Nguyên bàn với Thoát Hoan nên rút quân, vì thành trì không có, lương thực lại cạn. Thời tiết hết xuân sang hạ, khí trời nóng nực, ở lại không lợi, chi bằng rút quân về, rồi sau sẽ liệu kế khác.

Thoát Hoan thấy quân thế của Hưng Đạo Vương mạnh lắm, chưa thể phá được, bèn nghe lời các tướng, sai Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp dẫn thủy quân theo đường sông Bạch Đằng về trước. Đường bộ thì sai Trình Bạng Phi, Trương Quân dẫn binh đi chặn hậu, định ngày rút quân.

Hưng Đạo Vương đoán biết trước, bèn sai Nguyễn Khoái dẫn binh đi đường tắt lên thượng lưu sông Bạch Đằng, lấy gỗ đẽo nhọn, bịt sắt đóng khắp giữa dòng sông, rồi phục binh. Lúc thủy triều lên thì đem binh ra khiêu chiến, như cho giặc qua chỗ đóng cọc, khi nước thủy triều xuống, quay binh lại dốc sức mà đánh. Lại sai Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa đem quân phục kích quân Nguyên ở Nội Bàng.

Nguyễn Khoái khiêu chiến Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng rồi bỏ chạy, Ô Mã Nhi đuổi theo, Nguyễn Khoái nhử quân Nguyên qua khỏi chỗ đóng cọc, rồi quay thuyền lại, đánh rất hăng. Quân của Trần Hưng Đạo cũng vừa tiếp đến. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thấy quân ta thế mạnh, mới quay thuyền trở lại, đến khúc sông có cọc thì nước thủy triều đã rút xuống, thuyền quân Nguyên vướng mắc phải cọc, đổ nghiêng ngửa, đắm vỡ rất nhiều. Quan quân thừa thắng đánh rất hăng, quân Nguyên chết như rạ, máu loang đỏ cả khúc sông. Tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc đều bị bắt. Quân ta thu được trên 400 chiến thuyền và bắt được nhiều binh sĩ.

Chiến thắng Bạch Đằng là kết quả của sự phối hợp hiệu quả giữa thủy quân và bộ binh, giữa quân chủ lực với các đội dân binh, giữa các lực lượng tham chiến về thời gian và không gian.

- Quân Nam toàn thắng:

Thoát Hoan nghe tin thủy quân vỡ tan, liền ra lệnh Trình Bạng Phi, A Bát Xích, Áo Lỗ Xích, Trương Quân, Trương Ngọc, đi đường bộ rút lui. Quân Nguyên chạy đến ải Nội Bàng, bị phục binh Phạm Ngũ Lão đổ ra đánh, chém chết Trương Quân. Các tướng Nguyên khác Trình Bạng Phi, A Bát Xích, Trương Ngọc, Áo Lỗ Xích, bảo vệ Thoát Hoan, đi đường tắt về Tư Minh bên Tàu.

Hưng Đạo Vương thống lĩnh quân Nam đánh đuổi quân Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, rước Thượng Hoàng và Nhân Tông về kinh sư. Khi về đến Hưng Long, vua Nhân

Tông đem các tướng Nguyên bị bắt Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc vào làm lễ hiến phù ở trước Chiêu Lăng.

Nhân thấy giang sơn lại được như cũ, Thánh Tông Thượng Hoàng làm 2 câu thơ:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu*

dịch:

*Xã tắc hai phen bốn ngựa đá
Non sông thiên cổ vững kim âu*

Hưng Đạo Vương trong lòng dân Việt

Quân Mông Cổ 3 lần xâm chiếm nước ta: năm 1258, 1285, 1288, đều bị dân Việt đánh bại, công lao đó phần lớn là do đại công của Trần Hưng Đạo.

- Năm 1984, các nhà bác học và quân sự thế giới họp tại Luân Đôn, Anh quốc đã đánh giá Trần Hưng Đạo là 1 trong 10 nhà quân sự tài ba nhất thế giới.

- Người Việt tôn kính, thường gọi Trần Hưng Đạo là Đức Thánh Trần, lập đền thờ nhiều nơi trong nước.

- Trước năm 1975, VNCH in hình Trần Hưng Đạo trên giấy bạc 500 đồng, để tỏ lòng kính trọng. Hằng năm dân chúng làm lễ tưởng niệm Đức Thánh Trần ngày 8 tháng 10 ở nhiều nơi.

- Hải quân và ngành Hàng Hải tôn ngài là Thánh Tổ Trần Hưng Đạo, ghi lại thân thế và sự nghiệp oai hùng chống giặc ngoại xâm phương Bắc, để tỏ lòng tôn kính và biết ơn ngài.

Trần Hưng Đạo là vị anh hùng dân tộc, là thiên tài quân sự, đã 3 lần đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông, có công lớn với tổ quốc Việt Nam, là gương sáng cho thế hệ con cháu tương lai, lòng tràn đầy nhiệt huyết, đang vùng dậy khắp nơi, đứng lên trong công cuộc giữ nước và xây dựng đất nước.

Nhà thơ Khiêm Đức làm bài thơ ca ngợi công đức của Trần Hưng Đạo, sự tài trí, lòng yêu nước, gương trung liệt, dẹp thù nhà, một lòng quyết chiến chống quân xâm lược:

*Binh sanh làm tướng chết làm thần
Công nghiệp sáng ngời vạn tiết xuân
Lấy máu Toa Đô đền nợ nước
Nương dòng Vạn Kiếp rửa thù dân
Sông Đằng bến cũ đắm thuyền địch
Đất Việt tôi trung gánh bụi trần
Hưng Đạo quyền cao nhưng chẳng lạm
Thác rồi hiến thánh lại thi ân.*

Triều Phong Đặng Đức Bích

Tài liệu tham khảo :

- Đại Nam Nhất Thống Chí - Nguyễn Tạo
- Hoàng Lê Nhất Thống Chí - Ngô Thời Chí
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Ngô Sĩ Liên
- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim
- Việt Sử Đại Cương - Trần Gia Phụng
- Việt Sử Toàn Thư - Phạm Văn Sơn
- Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu - Đặng Xuân Bảng ./

Dân tộc Trung Hoa và con đường dân chủ



• Nguyễn Cao Quyền

Gần đây, trên tờ The Epoch Times xuất hiện một bài báo của tác giả Li Heming với tựa đề: "Beijing Leaders Considering End Of Communist Rule", tạm dịch là: Lãnh đạo Bắc Kinh đang lưu tâm đến việc chấm dứt nền cai trị cộng sản. Thông tin này đã nhanh chóng lưu hành tại thủ đô Trung Quốc và trên thế giới như một tin nóng gây sự chú ý và hy vọng của nhiều người. Nhân dịp này, những đoạn viết tiếp theo có chủ đích trình bày một cách nhìn về: "Dân Tộc Trung Hoa Và Con Đường Dân Chủ".

Năm 1978, khi cho lệnh mở cửa để tiếp nhận kinh tế thị trường và khuyến khích đầu tư ngoại quốc Đặng Tiểu Bình đã đưa ra khẩu hiệu: "Làm giàu là vinh quang". Như vậy phải hiểu là họ Đặng đã chỉ cho phép phát triển kinh tế mà không đả động gì đến vấn đề dân chủ hóa. Vấn đề này, cho đến ngày nay, vẫn còn ở trong vòng cấm kỵ vì được coi như một đe dọa đối với sự ổn định cần thiết cho tiến trình phát triển. Cho nên mỗi khi nhìn vào Trung Quốc người ta thường tự hỏi liệu quốc gia này có thể vĩnh viễn và muốn thuở kháng cự lại xu thế không thể đảo ngược của vấn đề dân chủ hóa hay không.

Thật ra vấn đề dân chủ không xa lạ gì với Trung Quốc. Từ hơn 100 năm nay, giới trí thức Trung Quốc đã mang ánh sáng dân chủ vào đất nước này. Năm 1898 Phong Trào Cải Cách, do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu chủ xướng, đã đặt Trung Quốc trên lộ trình dân chủ hóa qua hình thức quân chủ lập hiến. Tuy phong trào này không thành công vì các lực lượng phản động vẫn còn quá mạnh trong nội bộ triều đình Mãn Thanh nhưng nó đã để lại những dấu ấn không hề phai lạt.

Ai cũng biết rằng vào thời ấy, một mẫu hình quân chủ lập hiến không thể chấp nhận được tại Trung Quốc vì triều đình Mãn Thanh vẫn còn ngồi đó. Người Hán chưa có một tổ chức nào để thay thế. Cuộc Cách Mạng Tân Hợi năm 1911, sau khi thắng lợi cũng chỉ biến Trung

Quốc thành một nước cộng hòa, chứ không thành một quốc gia dân chủ theo mẫu hình Tây phương.

Nếu thời đó không có triều đình Mãn Thanh thì rất có thể Trung Quốc đã theo chân Anh Quốc và Nhật Bản. Sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, nhiều hiến pháp đã được ban hành nhưng không một hiến pháp nào được tôn trọng để mang lại một nền dân chủ trong thực tế.

Tính từ năm 1908 thì đã có tất cả 11 hiến pháp ra đời với những điều khoản bảo đảm tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, nhưng chưa bao giờ các quyền tự do đó được mang ra áp dụng. Với một thành tích khó tin như vậy, thử hỏi ai có thể nghĩ rằng Trung Quốc sẽ có một nền dân chủ trong thế kỷ 21.

Các chính trị gia Tây phương tin rằng một khi nền kinh tế phát triển thì giai cấp trung lưu cũng phát triển theo và chính giai cấp này sẽ chuyển biến chế độ độc tài thành dân chủ. Đó là một nhận xét chủ quan, dường như không thể áp dụng cho trường hợp của Trung Quốc vì tại đây họ Đặng cũng như những người lãnh đạo bảo thủ kế nghiệp đều nhất quyết giữ cho Trung Quốc có một độc đảng cai trị và một nền chuyên chính vô sản lâu dài.

Để đi sâu vào lãnh vực nghiên cứu triển vọng dân chủ hóa Trung Quốc chúng ta cần lược qua năm khu vực quan trọng được coi như những cản trở cho triển vọng dân chủ hóa. Những cản trở đó cần được triệt để khắc phục trước khi Trung Quốc muốn thật tâm ly khai với mẫu hình toàn trị.

Trung Quốc không phải là một quốc gia thuần nhất

Những thành phần cấu thành đất nước Trung Hoa có những đặc tính riêng biệt cho từng khu vực. Những đặc tính này đòi hỏi những mẫu hình phát triển khác nhau. Cho nên vấn đề tiên đoán tương lai chính trị của Trung Quốc không thể nào chính xác. Sự thiếu thuần nhất này khiến Trung Quốc không thể có một mô hình phát triển giống những quốc gia khác.

Tại Trung Quốc, cái gì xảy ra trong lãnh vực kinh tế không nhất thiết sẽ phải xảy ra trong các lãnh vực chính trị và xã hội. Chưa kể là trong lãnh vực kinh tế, những gì xảy ra tại vùng này cũng chưa chắc sẽ xảy ra tại các vùng khác. Trong lãnh vực xã hội cũng vậy. Không có gì bảo đảm rằng những chuyển biến trong lãnh vực này lại ảnh hưởng đến lãnh vực chính trị. Tại Trung Quốc những chuyển biến thuộc loại này không ảnh hưởng lẫn nhau để tái lập thế quân bình mà trái lại còn tạo thêm nhiều mâu thuẫn. Người Trung Hoa rất quen thuộc với những hiện tượng này.

Tôn Dật Tiên ví Trung Quốc như một "đĩa cát", nghĩa là không có những liên hệ hỗ tương mật thiết. Con người Trung Quốc, bị ảnh hưởng của giáo lý Khổng Nho, nên coi trọng cá nhân và gia đình hơn tổ quốc. Mọi xu hướng trên đất nước này đều không có tính cách lan tràn hoặc tích lũy.

Lý do căn bản để giải thích hiện tượng này là, vì quá rộng lớn, nên Trung Quốc có đặc tính của một nền văn minh (*a civilization*) hơn là một quốc gia (*a nation state*). Cái gì làm người Trung Hoa ngồi lại với nhau là những yếu tố văn hóa, chủng tộc và văn minh chứ không phải là tinh thần quốc gia gắn bó như người ta thường thấy ở những nơi khác.

Nếu để ý kỹ, ta thấy rằng. Tại Trung Quốc, khi chế độ Mao ra đi thì chế độ Đặng xuất hiện và giữa hai chế độ này không có một liên hệ tiếp nối nào cả. Có thể nói là căn cước (identity) của người Trung Hoa không xuất phát từ khung cảnh chính trị của quốc gia, cho nên họ không quan tâm đến những thay đổi chính trị ở trong nước và không để ý đến những thay đổi mang nhiều mâu thuẫn. Chính quyền trung ương không có phương tiện để kiểm soát hoặc động viên toàn khối dân chúng. Cho nên thường xảy ra những chiến dịch động viên vùng, mỗi khi cần đến. Nếu những chiến dịch này không thành công, người ta thường thấy một cuộc đàn áp tiếp theo.

Chính quyền trung ương ở Bắc Kinh có thể ra nghị định bắt toàn dân thi hành một vấn đề, nhưng nghị định này thường khi không được địa phương tuân lệnh, nếu không phù hợp với quyền lợi của họ. Các quan chức địa phương lý luận rằng chính quyền trung ương nói dối họ, vậy thì họ cũng có quyền nói dối lại bằng cách không tuân lệnh hoặc giả vờ tuân lệnh, và như vậy là "hòa". Cho nên mâu thuẫn liên tục xảy ra và ngày càng chồng chất. Với tình trạng này, tại Trung Quốc, tiến bộ kinh tế không đưa đến tiến bộ chính trị, và tự do tuy không phát triển trong lãnh vực chính trị nhưng lại rất được thả lỏng trong lãnh vực kinh tế.

Doanh gia được xếp hạng chót trong các nấc thang xã hội

Dân tộc Trung Hoa có nhiều năng khiếu về thương mại nhưng doanh gia lại bị Khổng Tử đánh giá như một giai cấp có đóng góp nhỏ bé nhất nếu xét về phương diện phát triển và lợi ích quốc gia. Từ ngàn xưa, cách xếp hạng của Khổng Tử bao giờ cũng là: sĩ, nông, công, thương, nghĩa là các con buôn đứng hạng chót. Cho nên thương nhân và doanh nhân ở Trung Quốc, dù cho có giàu sang tới mức nào đi nữa, bao giờ cũng mang mặc cảm tự ti.

Họ luôn luôn đứng ngoài chính trị và không bao giờ bàn tán đến luật pháp. Để né tránh những điều luật bất lợi cho công việc làm ăn, họ tìm cách đút lót và hối lộ để vượt qua trở ngại và không bao giờ nghĩ đến biện pháp ảnh hưởng vào luật lệ. Chính vì vậy mà tại Trung Quốc tham nhũng là một hiện tượng thường trực và bình thường, không bao giờ dập tắt được.

Sau khi Đặng Tiểu Bình mở cửa để giao thương với ngoại quốc và đưa ra khẩu hiệu "làm giàu là vinh quang", giới doanh nhân đã nhanh chóng trở nên đông đảo và giàu có. Mặc dầu vậy, họ đã không ảnh hưởng gì đến chính quyền bằng sức mạnh cứng (cách mạng bạo lực) mà chỉ dùng sức mạnh mềm (đút lót). Họ đã không xuất hiện trong Mùa Xuân Bắc Kinh và phong trào Bức Tường Dân Chủ của Ngụy Kinh Sinh. Sau sự kiện Thiên An Môn, họ cũng nhanh chóng ngả về phía chính quyền và vào hòa với quan điểm ổn định để phát triển.

Trái với nhận xét của các chính trị gia Tây phương, giai cấp trung lưu mới của Trung Quốc đã không có bất cứ một đóng góp nào cho tiến trình dân chủ hóa của đất nước. Tệ nạn tham nhũng vẫn còn đó và bảo đảm cho họ một phương cách làm ăn vừa an ninh vừa dễ dàng hơn. Vì thế ta đừng ngạc nhiên là không có tiếng nói nào nổi lên từ giai cấp trung lưu để đòi hỏi dân chủ đa nguyên. Vì đó chỉ là một chuyện bình thường hoàn toàn hợp với đặc tính của Trung Quốc.

Nhu cầu về một xã hội dân sự

Sự thiếu vắng một xã hội dân sự tại Trung Quốc là một đặc thái khác, gần như có tính cách tuyệt đối. Không khí im lặng của giai cấp doanh nhân giàu có đứng về phía chính quyền đã là nguyên do của sự tẻ nhạt này. Nếu không có xã hội dân sự thì không có cái gì có thể kìm hãm và hạn chế sự lạm quyền của trung ương.

Trở lại với lịch sử, ta thấy xã hội Trung Quốc ngày xưa hoàn toàn khác biệt với các xã hội Tây phương và Nhật Bản. Quyền hành của các vua Tây phương hay Nhật Bản, thời Trung Cổ, lúc nào cũng bị cạnh tranh bởi Nhà Thờ hoặc quý tộc. Trái lại, sự cạnh tranh này chưa bao giờ xảy ra tại Trung Quốc, nơi mà Thiên Mệnh là tuyệt đối.

Đành rằng giáo lý Khổng Mạnh có cho phép chỉ trích và lên án các hành vi không xứng đáng của vua quan nhưng nếu suy nghĩ cho cùng thì việc đó cũng không thể coi là một động lực cải tạo, một động lực làm thay đổi chế độ (*force of change*). Đạo Khổng luôn luôn đứng về phía chính quyền và chưa bao giờ đứng về phía nhân dân.

Truyền thống ngăn cản vua quan làm bậy của thời cổ đại Trung Hoa vẫn còn tồn tại đến ngày nay, nhưng nó đã bị hoàn toàn cắt đứt sau vụ tàn sát Thiên An Môn năm 1989.

Vụ giết người dã man này chứng tỏ là nhà nước cộng sản đương thời đã tự cho cái quyền hành động man rợ đó và trên thực tế lúc nào cũng sẵn sàng tiêu diệt bằng súng đạn tất cả những sinh viên, trí thức, nhà văn nào dám chống lại chính quyền.

Để giảm bớt tình trạng căng thẳng này, gần đây Bắc Kinh đã đưa ra các chính sách sách hợp tác và dân chủ hóa nông thôn. Bằng cách cài người vào trong những hiệp hội nghề nghiệp và vào trong những cuộc bầu cử tại nông thôn để kiểm soát và thao túng, tập đoàn lãnh đạo Trung Nam Hải đã muốn giữ cho tình hình chính trị trong nước một bề ngoài ổn định. Tuy nhiên cả hai chính sách này đều nhằm mục đích thâm độc là chống không cho dân chủ phát triển.

Nhu cầu thay thế trật tự luân lý bằng trật tự chính trị

Muốn có một xã hội dân sự (*civil society*) vững chắc và phát triển Trung Quốc cần phải nhanh chóng thay thế trật tự luân lý bằng trật tự chính trị.

Trong tất cả các xã hội cổ đại và trung cổ, nguồn gốc của tính chính đáng của mọi chính quyền đều dựa trên ý niệm luân lý. Khi xã hội văn minh phức tạp xuất hiện đồng thời với những lợi ích cạnh tranh nó mang trong mình thì ý niệm trật tự luân lý phải nhường chỗ cho ý niệm trật tự chính trị, được thể hiện trên thực tế bằng chế độ pháp trị. Ý niệm trật tự luân lý chỉ phù hợp với một xã hội có cấu trúc đơn giản. Đối với Trung Quốc, trật tự truyền thống là trật tự luân lý do Khổng Tử sáng tạo, và trật tự này đã kéo dài tới thời kỳ hiện đại. Nhưng rồi trật tự này cũng bị sói mòn qua thời gian và người Trung Quốc đã thấy ở chủ nghĩa Marx-Lenin một lợi khí mới để thay thế. Chủ nghĩa Marx-Lenin-Mao Trạch Đông không những đã thay thế giáo lý Khổng Tử mà còn khai thác cả những kẻ hở của giáo lý này đến mức tối đa.

Mao Trạch Đông chết, chủ nghĩa Mác-Lê-Mao cũng chết theo. Đặng Tiểu Bình cố cứu vãn tình thế bằng cách đưa ra chiêu bài "bốn hiện đại hóa" để xây dựng lại chính

đánh lãnh đạo. Tuy nhiên, vì chiêu bài này chưa dứt khoát được hẳn với cái căn bản trật tự luân lý của Khổng Tử nên chính danh lãnh đạo vẫn chưa vực dậy được.

Thời đại ngày nay là thời đại của cá nhân chủ nghĩa, của tự do và nhân quyền. Những giá trị này đã trở thành phổ quát và đã làm cho nhân loại tiến bộ. Ý niệm trật tự luân lý đặt trên căn bản gia đình lừng lơ giữa cá nhân và cộng đồng, sẽ không còn hợp thời với nền văn minh hiện đại. Cho nên nó không thể cung cấp chính danh cho tập đoàn cai trị của Trung Quốc hiện nay.

Sự ổn định bằng bạo lực chỉ có thể là một sự ổn định giả tạo, không giúp ích được gì cho nhu cầu dân chủ hóa chế độ và cho nhu cầu bồi đắp một nền kinh tế khả tri cần thiết cho vị thế siêu cường.

Đi tìm một căn bản cho chính danh lãnh đạo

Tại Trung Quốc hiện nay, sự phát triển kinh tế không đủ để chống đỡ cho chính danh lãnh đạo. Chiêu bài tạm thời: "Xây dựng một chế độ XHCN với đặc tính Trung Quốc" của Đặng Tiểu Bình, đã không còn sức lôi cuốn.

Để thay thế ý thức hệ cộng sản lỗi thời, nhiều người đã nghĩ đến chủ nghĩa dân tộc (nationalism). Tuy nhiên đối với Trung Quốc, tìm được một chủ nghĩa dân tộc có thể áp dụng cho mọi loại sắc tộc sống trên lãnh thổ không phải là chuyện dễ thực hiện.

"Ý thức về căn cước" của dân tộc Trung Hoa thường phát xuất từ niềm hãnh diện về một nền văn minh đã có một thời kỳ sáng chói. Tuy nhiên bên cạnh sắc thái này cũng còn những ý thức về thân phận thiểu số (bộ tộc) và ý thức về sự khác biệt giống nòi. Đất nước Trung Quốc là một lục địa rộng lớn có chung một nền văn minh nhưng được hợp thành bởi một số dân tộc khác nhau và ngang bằng nhau về phương diện kích thước. Cho nên ý thức về quốc gia-dân tộc không bình thường như đối với các quốc gia khác.

Chủ nghĩa dân tộc hiện đại của Trung Quốc được những người cộng sản xây dựng trên một mặc cảm mà bất cứ người Trung Hoa nào cũng có. Đó là mặc cảm bị "ăn hiếp" trong hơn 150 năm bởi những thế lực nước ngoài. Mặc cảm này biến thành lòng hận thù ngoại nhân (xenophobia) được người cộng sản khai thác tối đa. Nói khác, đó là "tinh thần bài ngoại", mấu chốt chung của những người sinh sống trên Hoa lục hiện nay.

Tuy nhiên, tinh thần bài ngoại không thể nào dùng làm căn bản cho chủ nghĩa dân tộc vì chủ nghĩa này đòi hỏi phải có những tư tưởng, giá trị và khát vọng, vừa đặc trưng cho dân tộc vừa không đi ngược lại những tiêu chuẩn chung của nhân loại.

Người Trung Quốc biết họ có một lịch sử lẫy lừng và tiên tiến. Họ cũng không quên là đã có một thời gian bị sự thống trị của ngoại nhân, nhưng họ chưa chứng minh được là họ có những sắc thái cấu thành một quốc gia (*nation-state*) theo nghĩa bình thường như các quốc gia khác.

Quan điểm hiện tại của người dân Trung Quốc về ý niệm quốc gia là một quan điểm bệnh hoạn. Thế giới cần có một quan điểm lành mạnh hơn trong đó mọi sắc tộc trên đất nước Trung Hoa đều có chỗ đứng và được tôn trọng, để nhân loại có thể đón nhận vào cộng đồng thế giới.

Muốn đi đến một ý niệm quốc gia lành mạnh, Trung Quốc nhất thiết phải đi đến một hình thái dân chủ nào đó, một hình thái tượng trưng cho ý niệm quốc gia theo

Sưởi bàn tay, Đốt lửa bập bùng



*Găng len đã sưởi bàn tay
Vẫn không đủ ấm. Lạnh thay xứ người!
Nón, khăn, áo, vớ... nặng ơi!
Run tay lạnh cóng, thềm trời Việt Nam*

*Gọi xuân sao rét vẫn tham
Trắng môi cùng mắt vì hàng tuyết rơi
Mặn làm sao, tuyết lạ đời!
Hay em lệ nhỏ nhớ thời nắng xưa?
Nhớ Sài Gòn nắng rồi mưa*

*- Hết mưa lại nắng, em chưa thôi hờn?
Lời ai ve vuốt, tóc mơn
Dỗ em mỗi tối... chập chờn khó quên
Bàn tay lạnh, nén tiếng rên
Mà thơ chảy giọt, đời nên được gì?*

*Sưởi giùm đi! Sưởi giùm đi!
Cho tay tôi ấm để khi đến nhà
Bàn tay xòe được những hoa
Thơm trang giấy trắng, mẹ cha vui cùng
Thơ về tôi sẽ thổi tung
Ấm lên cùng lửa, bập bùng gọi ai...*

(Ý Nga

nghĩa tự nhiên và thông thường của cộng đồng quốc tế. Và muốn được như vậy, hệ thống chính trị lại phải "mở cửa" thêm lần nữa để mọi thành phần dân tộc có thể đi đến một mấu chốt chung mà nhân loại chấp nhận được.

Với hơn 60 năm độc tài toàn trị, người ta có cảm tưởng là tại Trung Quốc ngày nay cả hai bên thống trị và bị trị đều đã chán ngấy trò chơi chuyên chính. Cho nên thời gian này đang được nhiều người nhận định là cơ hội chín muồi cho một cuộc chuyển hoán thuận lợi về phía dân chủ mà toàn dân mong đợi.

* Nguyễn Cao Quyền
Tháng 9 năm 2014



Những người phụ nữ mở nước

● Trần Gia Phụng

Người phụ nữ Việt Nam mở nước đầu tiên không ai khác hơn là Hai Bà Trưng. Tiểu sử cũng như sự nghiệp của Hai Bà đã được nói đến nhiều. Có lẽ chỉ cần thêm một ý kiến về Hai Bà hầu như ít được nêu ra. Đó là trong lịch sử thế giới, Hai Bà khởi nghĩa chống ngoại xâm năm 40 sau Công nguyên, là những bậc nữ lưu đầu tiên đứng lên tranh đấu giành độc lập cho đất nước, trước nữ anh hùng Jeanne d'Arc (1412-1431) của Pháp gần 14 thế kỷ.

Sau Hai Bà Trưng, trong số những phụ nữ mở nước, phải kể đến các Công chúa Huyền Trân, Ngọc Vạn và Ngọc Khoa.

1.- CÔNG CHÚA HUYỀN TRÂN

Vào cuối thế kỷ 13, sau khi cùng liên kết đẩy lui cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ, mối giao hảo giữa Đại Việt và Chiêm Thành (Champa) khá tốt đẹp. Tháng 2 năm Tân Sửu (1301), nước Chiêm Thành gởi sứ giả và phẩm vật sang thăm viếng ngoại giao. Khi đoàn sứ giả Chiêm Thành về nước, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông đi theo. Lúc đó Thượng hoàng đã xuất gia đi tu, gặp khi rảnh rỗi, ông qua thăm Chiêm Thành, vừa để trả lễ, vừa để du ngoạn, từ tháng 3 đến tháng 11 âm lịch cùng năm.

Vua Chiêm Thành là Chế Mân (Jaya Simhavarman IV, trị vì 1287-1307), nguyên là Thái tử Bồ Đích (Harijit), con đầu của vua Jaya Simhavarman III hay Indravarman XI (trị vì 1257-1287). Thời kháng Nguyên, vua Jaya Simhavarman III đã già, Bồ Đích nắm trọng trách điều khiển việc nước, và đã chỉ huy quân Chiêm đẩy lui lực lượng của Toa Đô (Sogatu).

Trong cuộc gặp gỡ với vua Chế Mân, Trần Nhân Tông hứa gả con gái mình là Công chúa Huyền Trân cho Chế Mân. Có thể lúc đó Trần Nhân Tông muốn làm cho nền bang giao giữa hai nước Việt-Chiêm bền vững qua cuộc hôn nhân này. Lời hứa của Thượng hoàng Trần Nhân Tông gặp nhiều phản bác về phía triều đình nước ta. Thời đó, quan niệm khắt khe về phân biệt chủng tộc đã khiến cho các quan và cả Trần Anh Tông, vị vua đương triều, ngăn trở cuộc hôn nhân này.

Mãi đến khi Chế Mân quyết định tặng hai châu Ô và Rí (Lý) ở phía bắc Chiêm Thành làm sính lễ, Trần Anh Tông mới nhận lời, và lễ cưới diễn ra năm 1306 (Bính Ngọ). Năm 1307 (Đinh Mùi), Trần Anh Tông đổi châu Ô thành Thuận Châu [Thuận = theo, theo lẽ phải], châu Lý thành Hóa Châu [Hóa = thay đổi, dạy dỗ]. So với ngày nay, Thuận Châu từ phía nam tỉnh Quảng Trị và phía bắc tỉnh Thừa Thiên ngày nay; Hóa Châu gồm phần còn lại của tỉnh Thừa Thiên và phía bắc tỉnh Quảng Nam ngày nay; diện tích tổng cộng vùng đất này khoảng 10.000 km².

Huyền Trân được vua Chế Mân phong tước Hoàng hậu Paramécvari. Đám cưới được hơn một năm, Chế

Mân từ trần (1307). Vua Trần Anh Tông thương em, sợ Huyền Trân bị đưa lên giàn hỏa thiêu chết theo chồng trong tục lệ Chiêm Thành (1) nên nhà vua cho tướng Trần Khắc Chung (tức Đỗ Khắc Chung) sang Chiêm lấy cơ viếng tang, rồi lập mưu đưa Huyền Trân và con là Đa Đa trở về Đại Việt (2). Theo Đại Nam nhất thống chí, quyển 16 viết về tỉnh Nam Định, sau khi trở về nước, Huyền Trân công chúa đã đến tu ở chùa Nộn Sơn, xã Hồ Sơn, huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Sách này không cho biết chính xác thời điểm công chúa đi tu, nghĩa là công chúa đã đi tu ngay khi về nước hay sau khi đã về già? (3). Số phận Hoàng tử Đa Đa không được sử sách nhắc đến.

Cuộc hôn nhân Huyền Trân và Chế Mân tượng trưng cho sự phát triển một cách hòa thuận về phương nam theo truyền thống sống cùng và để người khác cùng sống của người Việt. Sự hy sinh của Công chúa Huyền Trân đã được một tác giả vô danh đề cao trong một bài ca Huế theo điệu Nam Bình rất được truyền tụng cho đến ngày nay:

Nước non ngàn dặm ra đi, mỗi tình chi,

Mượn màu sơn phấn, đền nợ Ô Ly,

Đắng cay vì, đương độ xuân thì,

Số lao đao hay nợ duyên gì?

*Má hồng da tuyết, quyết liều như hoa tàn trắng
khuyết,*

Vàng lộn với chi,

Khúc ly ca cơ sao mà mường tượng Nghệ thường!

Thấy chim hồng nhạn bay đi, tình tha thiết.

Bóng dương hoa quỳ

*Nhấn một lời Mân quân, nay chuyện mà như
nguyên,*

Đặng vài phân, vì lợi cho dân,

Tình đem lại mà cân,

Đắng cay trăm phần...(4)

2.- CÔNG CHÚA NGỌC VẠN

Vào đầu thế kỷ 17, sau khi Nguyễn Hoàng từ trần năm 1613, con là Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên, lúc đó 51 tuổi (tuổi ta), lên kế vị và cầm quyền ở Đàng Trong từ 1613 đến 1635. Theo di mệnh của Nguyễn Hoàng, Sãi Vương quyết xây dựng Đàng Trong thật vững mạnh để chống lại chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Do đó, ông giao hảo với các nước phương Nam để củng cố vị thế của ông.

Phía Nam nước ta là Chiêm Thành và Chân Lạp (tức Cambodia ngày nay). Lúc đó, vua Chân Lạp mới lên ngôi là Chey Chetta (trị vì 1618-1628). Ông này muốn kết thân với chúa Nguyễn để làm thế đối trọng với vua Xiêm La (Siam tức Thái Lan ngày nay), nên đã cầu hôn với con gái Sãi Vương.

Không có sử sách nào ghi lại diễn tiến đưa đến cuộc hôn nhân này. Có thể vì ngày trước, quan niệm người Chân Lạp là man di, nên các sách sử nhà Nguyễn tránh không ghi lại việc này. Bộ Đại Nam liệt truyện tiền biên, khi ghi chép về các con gái của Sãi Vương, đến mục „Ngọc Vạn“, đã ghi rằng: „Khuyết truyện“ tức tiểu truyện, nghĩa là không có tiểu sử. Gần đây, bộ gia phả mới ấn hành năm 1995 của gia đình chúa Nguyễn cho biết là vào năm 1620 (Canh Thân) Sãi Vương gả người con gái thứ nhì là Nguyễn Phúc Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey-Chetta II (5).

Ba năm sau cuộc hôn nhân của Ngọc Vạn, Sãi Vương cử một sứ bộ sang Chân Lạp xin vua Chey-Chetta II nhượng khu dinh điền ở vùng Mô Xoài, gần Bà Rịa ngày nay. Nhờ sự vận động của Hoàng hậu Ngọc Vạn, vua Chân Lạp đồng ý cho người Việt đến đó canh tác. Đây là lần đầu tiên người Việt chính thức đặt chân lên đất Chân Lạp, và Mô Xoài là bàn đạp để người Việt dần dần tiến xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Chồng công chúa Ngọc Vạn, vua Chey-Chetta II từ trần năm 1628. Từ đó triều đình Chân Lạp liên tục xảy ra cuộc tranh chấp ngôi báu giữa các hoàng thân. Năm 1658 (Mậu Tuất) hai hoàng thân So và Ang Tan nổi lên đánh vua Chân Lạp lúc bấy giờ là Nặc Ông Chân (trị vì 1642-1659), nhưng thất bại, xin nhờ Thái hậu Ngọc Vạn giúp đỡ. Thái hậu Ngọc Vạn chỉ cách cho hai người này cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần, cháu gọi Thái hậu Ngọc Vạn bằng cô ruột, liền cử phó tướng Tôn Thất Yển (hay Nguyễn Phúc Yển), đang đóng ở Phú Yên (dinh Trấn Biên), đem 3.000 quân qua giúp, bắt được Nặc Ông Chân ở vùng Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay), đưa về giam ở Quảng Bình vì lúc đó nhà chúa đang hành quân ở Quảng Bình. Tại đây, Nặc Ông Chân từ trần năm 1659 (6).

Chúa Nguyễn phong So lên làm vua Chân Lạp tức Batom Reachea (trị vì 1660-1672). Từ đó, nước ta càng ngày càng can thiệp vào công việc của Chân Lạp và đưa người thâm nhập nước này, dần dần tiến đến sinh sống tận mũi Cà Mau như ngày nay.

Như thế, đã hai lần bà Ngọc Vạn đã dẫn đường cho người Việt mở đất về phương Nam. Lần thứ nhất sau cuộc hôn nhân năm 1620 và lần thứ nhì trong cuộc tranh chấp nội bộ vương quyền Chân Lạp năm 1658.

3.- CÔNG CHÚA NGỌC KHOA

Như trên đã viết, Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên có bốn cô con gái. Hai người lớn nhất và trẻ nhất có chồng Việt. Người thứ nhì là Công chúa Ngọc Vạn kết hôn với vua Chân Lạp. Vậy số phận cô công chúa thứ ba tên là Nguyễn Phúc Ngọc Khoa như thế nào mà trong Đại Nam liệt truyện tiền biên, tiểu truyện của Ngọc Khoa cũng để là „khuyết truyện“ ?

May thay, sách Nguyễn Phúc tộc thế phả, do chính Hội Đồng Nguyễn Phúc tộc viết lại, đã chép rằng: "... Năm Tân Mùi [1631] bà [Ngọc Khoa] được đức Hy Tông [Sãi Vương] gả cho vua Chiêm Thành là Pôrômê. Nhờ có cuộc hôn phối này mà tình giao hảo giữa hai nước Việt Chiêm được tốt đẹp (7).

Vấn đề không đơn giản chỉ là tình giao hảo giữa hai nước, mà lý do cuộc hôn nhân này còn sâu xa hơn nhiều.

Thứ nhất, chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc vừa mới bùng nổ năm Đinh Mão (1627) tại vùng Bồ Chính (Quảng Bình ngày nay).

Thứ nhì, năm 1629, lưu thủ Phú Yên là Văn Phong (không biết họ) liên kết với người Chiêm Thành nổi lên chống lại chúa Nguyễn. Sãi Vương liền cử Phó tướng Nguyễn Hữu Vinh, chồng của Công chúa Ngọc Liên, đem quân dẹp yên, và đổi phủ Phú Yên thành dinh Trấn Biên. (Sãi Vương rất lo ngại nếu ở phía Nam, Chiêm Thành mở cuộc chiến tranh chống chúa Nguyễn thì ông sẽ lâm vào tình trạng "lưỡng đầu thọ địch").

Thứ ba, vào cuối thế kỷ 16, người Chiêm Thành thường buôn bán với người Bồ Đào Nha ở Macao, thuộc địa của Bồ trên đất Trung Hoa. Thương thuyền Bồ Đào Nha hay ghé buôn bán trao đổi với người Chiêm ở các hải cảng Cam Ranh và Phan Rang (9). Do đó, nếu triều đình Chiêm Thành liên kết với người Bồ Đào Nha để chống lại Đại Việt, thì thật là nguy hiểm chẳng những cho chúa Nguyễn và nguy hiểm cho cả nước ta. Điều này làm cho chúa Nguyễn lo ngại, nhất là khi Pôrômê là một người anh hùng, lên làm vua Chiêm Thành (trị vì 1627-1651) (10).

Có thể vì các nguyên nhân trên, Sãi Vương quyết định phải dàn xếp với Chiêm Thành, và đưa đến cuộc hôn nhân hòa hiếu Việt-Chiêm năm 1631 giữa Ngọc Khoa, con của Sãi Vương, với vua Chiêm là Pôrômê, nhằm rút ngòi nổ của phía Chiêm Thành, bảo đảm an ninh mặt Nam.

Các sách Tây phương ghi nhận rằng không hiểu vì sao, sau năm 1639 thì cuộc giao thương giữa Chiêm Thành và người Bồ Đào Nha không còn được nghe nói đến nữa (11). Phải chăng việc này là hậu quả của chuyện Công chúa Ngọc Khoa sang làm Hoàng hậu Chiêm Thành tám năm trước đó (1631)?

Sử sách không ghi lại là bà Ngọc Khoa đã làm những gì ở triều đình Chiêm Thành, chỉ biết rằng truyền thuyết cũng như tục ngữ Chiêm Thành đều có ý trách cứ, nếu không muốn nói là phẫn nộ, cho rằng bà Ngọc Khoa đã làm cho vua Pôrômê trở nên mê muội và khiến cho nước Chiêm sụp đổ.

Trong sách Dân tộc Chàm lược sử, hai ông Dohamide và Dorohiem cho biết theo lời của một vị "Pô Thea", người phụ trách giữ tháp Pôrômê, kể cho tác giả E. Aymonier câu chuyện rằng vua Pôrômê có ba vợ. Bà vợ đầu là Bia Thanh Chih, con của vị vua tiền nhiệm đã truyền ngôi cho Pôrômê. Bà này không có con. Pô Rô mê cưới người vợ thứ nhì là một cô gái gốc Ra đê, tên là Bia Thanh Chanh. Bà này sinh được một công chúa, sau gả cho hoàng thân Phik Chơk. Hoàng thân Phik Chơk lại "liên kết với vua Yuôn [chỉ người Việt] và cho triều đình Huế rõ nhược điểm trong tâm tánh của Pôrômê: Sự yếu đuối trước sắc đẹp mỹ nhân. Vua Yuôn đã cho một Công chúa thật đẹp giả dạng làm khách thương sang nước Chàm. Do sự sắp xếp khéo léo, tin tức về nữ khách thương duyên dáng ngoại bang này đến tai Pôrômê, nên Pôrômê đã cho mời đến và khi vừa thấy mặt thì đã phải lòng ngay. Người Chàm gọi vị công chúa Yuôn này là Bia Ut hay Nữ Hoàng Ut cũng thế (12).

Theo truyền thuyết Chiêm Thành, bà Ngọc Khoa hay Bia Ut đã dùng sắc đẹp mê hoặc Pôrômê, khiến ông chặt bỏ cây "kraik", biểu tượng thiêng liêng của vương quốc Chiêm Thành, vì vậy sau đó vương quốc này sụp đổ (13). Dân chúng Chàm thường truyền tụng câu đố: "Ô hay ngài linh thiêng, rước vợ từ kinh, lim ngài mất ứng". (Sanak jak po ginơr patrai, tok kamei Ywơn mưai kraik po lihik ginơr). Ngoài ra, người Chàm còn dùng tên bà Bia Ut trong một câu thành ngữ để mỉa mai những phụ nữ béo mập: "Béo như bà Ut" (Limuk you Bia Ut) (14).

Ngoài việc thần linh hóa câu chuyện, truyền thuyết trên đây đã phản ánh một phần sự thật lịch sử, đó là nước Chiêm Thành, một lần nữa suy yếu hẳn đi sau cuộc hôn nhân Việt-Chiêm năm 1631, nhờ đó, người

Việt nhanh chóng vượt qua Chiêm Thành, xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Như thế, hai Công chúa Ngọc Khoa và Ngọc Vạn, tuy không chính thức đem lại đất đai về cho đất nước như Công chúa Huyền Trân, nhưng cả hai đều đã mở đường cho cuộc Nam tiến, và quả thật khoảng một thế kỷ sau đó, chúa Nguyễn đã mở rộng biên cương về phía Nam như địa hình nước Việt ngày nay.

Trong lịch sử, những chiến công oanh liệt để bảo vệ đất nước và mở nước ở dạng bùng nổ luôn luôn được ghi nhận đầy đủ, nhưng những cuộc mở nước âm thầm như việc làm của các bậc nữ lưu trên đây ít được chú ý đến. Thi sĩ Pierre Corneille (Pháp, 1606-1684), trong kịch phẩm cổ điển *Le Cid*, đã viết: „A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire” (Chiến thắng không gian nguy thì khải hoàn không vinh dự). Tuy nhiên những cuộc mở nước êm đềm, không tốn xương máu của dân tộc, thì chỉ có những bậc nữ lưu can đảm và anh hùng như trên mới có thể thực hiện.

CHÚ THÍCH:

1. Nghi lễ vợ hòa thiêu theo chồng trong Ấn giáo gọi là trà tỳ (suttee), còn thịnh hành ở Ấn Độ cho đến khi người Anh cai trị và bãi bỏ vào năm 1829.

2. Đại Việt sử ký toàn thư [chữ Nho], Hà Nội: Bản dịch Nxb. Khoa học Xã hội, 1993, tập 2, tr. 91.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, bản dịch tập 3 của Viện Sử học, Huế: Nxb. Thuận Hóa tái bản, 1997, tr. 358.

4. Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên, Trần Lê thời đại [Quyển 2], Nxb. Văn Hữu Á Châu, Sài Gòn, 1959, tt. 272-273.

5. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, Nguyễn Phúc tộc thế phả, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 1995, tt. 113-114, 126. Trần Trọng Kim trong VNSL bỏ qua sự kiện này. Trong Việt sử xứ Đàng Trong, Phan Khoang chép việc này nhưng không đưa tên Công chúa Ngọc Vạn. Trong phần chú thích, ông viết: "Việc này sử ta đều không chép, có lẽ các sử thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp nên giấu đi chăng?". Sau đó, Phan Khoang căn án rằng: "... Xem Liệt truyện tiền biên, mục công chúa, thấy chúa Hy Tông có bốn con gái, hai nàng Ngọc Liên và Ngọc Đảnh thì có chép rõ sự tích chồng con, còn hai nàng Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì chép là "khuyết truyện", nghĩa là không rõ tiểu truyện, tức là không biết chồng con như thế nào. Vậy người gả cho vua Chey Chetta II phải là Ngọc Vạn hay Ngọc Khoa". (Phan Khoang, Việt sử xứ Đàng Trong [Sài Gòn], Houston: Nxb. Xuân Thu tái bản không đề năm, gồm 2 quyển thượng và hạ, đánh số trang xuyên suốt từ q. thượng qua q. hạ, tt. 400-401) Phan Khoang có lý khi viết như vậy. Về khu dinh điền, sách Thế phả (tr. 113) nói vùng Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay). Sách của Phan Khoang (trang 401) viết là Prey Kôr tức Sài Côn hay Sài Gòn ngày nay, nhưng dựa vào lời tấu trình của Nguyễn Cư Trinh năm 1755, nói rằng người Việt vào Hưng Phước, Đồng Nai (nói chung là Phước Long), rồi mới đến Sài Côn, vậy Thế phả đúng.

6. Phan Khoang, "Cuộc tranh giành ảnh hưởng ở nước Chân Lạp giữa Tiêm La và các chúa Nguyễn", đăng trên tập sang Sử Địa, số 14, Sài Gòn: 1969, tr. 78. Phan Khoang dựa vào tài liệu của người Pháp viết như trên. Các sách trước đây chép rằng Nặc Ông Chân chịu thần phục nên được Hiền Vương cho đưa về nước tiếp tục cai trị.

7. Thế phả, sđd. tr. 126.

8. Trấn Biên: Thường được dùng để đặt tên cho những dinh vùng biên giới. Khi biên giới được mở rộng, dinh Trấn Biên xuống đến vùng Biên Hòa ngày nay. Nguyễn Phúc Vinh: Tên thật là Mạc Cảnh Vinh, con của Mạc Cảnh Huống, có vợ là Nguyễn Phúc Ngọc Liên, con gái đầu của Sãi Vương, nên được đổi qua quốc tính là Nguyễn Phúc.

Lòng Mẹ

*con còn ngọt sữa đầu môi
còn êm giấc ngủ, ấm lời mẹ ru
tóc mai bạc trắng sương thu
con không còn mẹ, giấc mù đèn mờ*

*còn manh áo vá - con chờ
trong ngăn hờn nhớ- luôn ngỡ ngần - buồn
dấu chân chim- vạch trăm đường
trên gương mặt mẹ đời thường nắng mưa*

*tảo tần nặng gánh sớm trưa
con còn thiếu đói mẹ chưa an lòng
mẹ nhìn nước ngọt Cửu Long
mưa phù sa đến ruộng đồng ngát xanh*

*vòng đời- chiếc lá mong manh
mẹ xuôi tay giữa chiến tranh- bạo tàn
con về thấp vợi nén nhang
hồn con như có trăm ngàn vết dao*

*này vườn trầu- này vườn cau
ngày xưa còn mẹ dạt dào nghĩa thương
tấm lòng mẹ trải muôn phương
đàn con mỗi cánh vẫn thương mẹ hiền*

*đèn chong mắt đỏ- ngoài hiên
quê người nhớ mẹ- sầu riêng riêng sầu...*

Nam Giao

(Trong: Quê Hương Trong Hồi Ức)

9. Pierre Bernard Lafont, "On the Relations between Champa and Southeast Asia", đăng trong sách Proceedings of the Seminar on Champa, gồm những bài thuyết trình trong cuộc hội thảo quốc tế về Chiêm Thành tại đại học Copenhagen (Đan Mạch) ngày 23-5-1987. Sách này nguyên bản bằng Pháp văn, do Hội Nghiên cứu Lịch sử và Văn hóa Bán đảo Đông Dương, Paris ấn hành năm 1988, đã được giáo sư Huỳnh Đình Tế dịch sang Anh văn, ấn hành tại California, Nxb. Southeast Asia Community Resource Center (viết tắt SACRC), 1994, tr. 73.

10. Pô Ro mê là một vị vua anh hùng của Chiêm Thành, cai trị khá lâu nước này trong thời gian 24 năm (1627-1651). "Với những chiến công hiển hách được tô thêm nhiều chi tiết huyền thoại, Pô Ro mê đã được người dân Chăm thần linh hóa...". (Dohamide và Doroheim, Dân tộc Chăm lược sử, Sài Gòn: 1965, tr. 147.)

11. Pierre Bernard Lafont, bđd., sđd. tr. 73.

12. Dohamide và Doroheim, sđd. tr. 149.

13. Ngô Văn Doanh, Tháp cổ Chămpa, Sự thật & Huyền thoại, Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin, 1994, tt. 187-196.

14. Inrasara, Văn học dân gian Chăm, tục ngữ - thành ngữ - câu đố, TpHCM: Nxb. Văn hóa Dân tộc, 1995, tr. 201, 230. [Tác giả Inrasara có tên Việt là Phú Trạm.]

Từ Nguyễn Văn Trỗi đến Nguyễn Văn Bé, kỹ thuật tuyên truyền "người thật chuyện giả" dưới chế độ cộng sản

• Trần Trung Đạo

Sau loạt bài về tẩy não, một số độc giả nêu thắc mắc chế độ độc tài nào độc ác nhất trong lịch sử loài người, Đức Quốc Xã hay Cộng Sản. Câu trả lời tùy thuộc vào người được hỏi là ai. Với người Do Thái câu trả lời sẽ là Hitler, lý do chỉ vì họ không muốn nhân loại lãng quên Holocaust, nhưng với phần lớn nhân loại, nhất là sau khi khối Liên Xô sụp đổ và nhiều tài liệu được công khai hóa, sẽ trả lời là Cộng Sản. Trước khi bàn đến kỹ thuật tuyên truyền "người thật chuyện giả", người viết sẽ so sánh giữa tuyên truyền Đức Quốc Xã và chính sách tẩy não của Cộng Sản.

Mặc dầu nhiều tài liệu chưa được bạch hóa hết vì vẫn còn nằm trong gia CS đang tồn tại, số lượng nạn nhân bị giết dưới các chế độ CS, 94 triệu theo ước lượng của Stéphane Courtois trong *The Black Book of Communism* hay 110 triệu theo kết toán của R.J. Rummel. Cả hai ước tính đều cao hơn The Holocaust nhiều lần. Cách giết người qua việc bỏ đói hàng triệu trẻ em tại Trung Cộng, Gulag tại Nga, bằng cuốc xẻng tại Campuchia, cải cách ruộng đất tại Việt Nam cũng tàn nhẫn và vô nhân không thua kém gì phương pháp lò thiêu sống của Hitler ở Auschwitz.

Lenin ít được đem ra so sánh với Hitler, Stalin hay Mao không phải vì là người nhân đức nhưng chỉ vì chết sớm khi kế hoạch toàn trị Liên Xô chỉ mới bắt đầu. Nếu y sống lâu như Stalin rồi cũng không khác gì mà có thể còn độc ác hơn. Khi mới nắm quyền hành chính Lenin đã thiết lập ngay hai cơ quan phụ trách hai chức năng khủng bố và tẩy não.

Tên hung thần đầu tiên trong hệ thống khủng bố CS quốc tế là Felix Dzerzhinsky. Tên đồ tể khát máu này gốc Ba Lan nhưng là người thành lập cơ quan mật vụ Cheka khủng khiếp nhất tại Nga ngay sau khi cách mạng CS 1917. Sau khi một lãnh đạo tổ chức Cheka bị ám sát hụt tại St. Petersburg, Dzerzhinsky ra lệnh bắt 800 người và tất cả đều bị xử bắn không qua một phiên tòa nào. Chỉ trong vòng một tháng từ tháng Chín đến tháng Mười 1918, ước lượng đã có 10 ngàn đến 15 ngàn người bị giết. Danh từ "Khủng bố Đỏ" xuất hiện trong giai đoạn này.

Dzerzhinsky kiêm nhiệm hàng loạt chức vụ cấp bộ trưởng ngoài việc điều hành ngành an ninh Sô Viết, y có năng khiếu về ngoại ngữ mặc dù học hành bị dang dở vì tham gia hoạt động CS. Dzerzhinsky bị tù nhiều lần trong đó có lần bị lưu đày tận vùng băng tuyết Siberia. Sau khi vượt thoát khỏi Siberia, Dzerzhinsky hoạt động cho đảng

CS Đức. Là nhân vật nổi tiếng trong phong trào CS Đông Âu, sau 1917, Felix Dzerzhinsky thay vì hồi cư về Ba Lan đã quyết định ở lại Nga và được bầu vào đảng ủy CS thủ đô Moscow. Felix Dzerzhinsky chia sẻ quan điểm của Lenin về vai trò toàn trị của Soviet và là người đầu tiên nhận trọng trách thành lập cơ quan an ninh CS.

Thế nhưng, cánh tay khủng bố dù tàn bạo, sắc máu bao nhiêu cũng không thể giữ được chế độ tồn tại lâu dài. Tim óc của chế độ toàn trị chính là bộ phận tuyên truyền tẩy não. Tẩy não là một tiến trình xóa bỏ tận gốc rễ bằng nhiều cách các nhận thức cũ và trên đó xây dựng một hệ thống nhận thức mới. Cơ quan tuyên truyền Agitprop được Lenin thành lập và sau đó đổi tên thành Ban Tư Tưởng Trung Ương. Chỉ trong vòng hai năm, 1917 đến 1918, Agitprop đã phát hành 3.600 mẫu bích chương tuyên truyền. Tại mọi cửa hàng, cửa sổ, đường phố, cơ quan, đầu cũng dán truyền đơn, bích chương, biểu ngữ tuyên truyền đập vào mắt, xoáy vào nhận thức người đọc. Nhiều đoàn xe lửa tuyên truyền chạy từ thành phố này sang thành phố khác phân phối truyền đơn, tổ chức những đêm văn nghệ tại những nơi xe lửa dừng.

Kỹ thuật tuyên truyền "người thật chuyện giả"

Trong xã hội CS, vô số "anh hùng" được dàn dựng, khác nhau về bố cục, tình tiết nhưng đều tuân theo một nguyên tắc: người thật chuyện giả. Một vài ví dụ điển hình là Hưởng Lôi Phong, Huang Jiguang, Wang Jinxi, Shi Chuanxiang của Trung Cộng, Pavlik Morozov, Alexey Stakhanov của Liên Xô và vô số người thật chuyện giả ở Việt Nam. Cái chết của Nguyễn Văn Trỗi là một ví dụ quen thuộc của kỹ thuật tuyên truyền "người thật chuyện giả".

Tổ Hữu viết về cái chết của Nguyễn Văn Trỗi trong bài thơ *Hãy nhớ lấy lời tôi*:

*Anh thét to: "Ta có tội gì đây ?"
Chúng trói Anh vào cọc mấy vòng dây.
Mười họng súng. Một băng đen bịt mắt
Anh thét lên: "Chính Mỹ kia là giặc!"*

*Và tay Anh giật phắt mảnh băng đen
Anh muốn thiêu, bằng mắt, lũ đê hèn
Với cái chết. Anh muốn nhìn giáp mặt
Như ngọn lửa không bao giờ dập tắt!*

....
*Anh thét lên: Hãy nhớ lấy lời tôi:
Đả đảo đế quốc Mỹ!
Đả đảo Nguyễn Khánh!
Hồ Chí Minh muôn năm!
Hồ Chí Minh muôn năm!
Hồ Chí Minh muôn năm!
Phút giây thiêng, Anh gọi Bác ba lần!*

*Súng đã nổ. Mười viên đạn Mỹ
Anh gục xuống. Không, Anh thẳng dậy
Anh hãy còn hô: "Việt Nam muôn năm!"
Máu tim Anh nhuộm đỏ đất Anh năm!*

Một người bị trói cả hai tay vào "cọc mấy vòng dây" mà còn tay nào để "giật phắt mảnh băng đen"?

Ngày cả khi bị "Mười viên đạn" "gục xuống" làm sao còn "đứng thẳng dậy" để hò?

Những câu chuyện hoang đường chỉ có trong đầu cuồng tín binh hoạn của Tố Hữu mà trong tuổi về già đã thú nhận với Trần Đăng Khoa trong *Chân Dung và đối thoại* rằng chính y đã nhét vào mồm Nguyễn Văn Trỗi: "Tôi cho cả Nguyễn Văn Trỗi hô: Hồ Chí Minh muôn năm. Mà hô những ba lần kia".

Bài thơ *Hãy nhớ lấy lời tôi* đây nghịch lý, khinh thường hiểu biết của người đọc, phạm những lỗi lầm sơ đẳng, thể nhưng đã được đưa vào mọi sách giáo khoa. Những trò tuyên truyền bỉ ổi đó không phải chỉ trong thời chiến mà nửa thế kỷ sau khi nhân loại sống trong thời đại toàn cầu hóa 2014 này vẫn còn có những văn nô, bồi bút đem ra ca ngợi. Mấy tuần qua, nhan nhản trên các báo đảng, bài thơ buồn cười đó cũng được đem ra học tập giống như trong thập niên 1960 ở miền Bắc.

Một ví dụ khác về kỹ thuật tuyên truyền "người thật chuyện giả" là "anh hùng Nguyễn Văn Bé". "Anh hùng" này đã làm cả hệ thống tuyên truyền của đảng hổ to và có lẽ "liệt sĩ Nguyễn Văn Bé" là trường hợp duy nhất sau 1975 đảng gián tiếp thừa nhận chỉ là sản phẩm tuyên truyền.

Nguyễn Văn Bé là ai ?

Theo cả hai nguồn tài liệu, Việt Nam Cộng Hòa và CSVN, Nguyễn Văn Bé sinh năm 1946 tại quận Châu Thành tỉnh Mỹ Tho trong một gia đình nghèo. Y tham gia các hoạt động CS tại địa phương và chính thức trở thành đoàn viên Đoàn Thanh Niên Nhân Dân Cách Mạng trực thuộc đảng Nhân Dân Cách Mạng (tên gọi của đảng CS khi hoạt động tại miền Nam Việt Nam). Nguyễn Văn Bé gia nhập bộ đội CS ở tuổi 19 và được giao trách nhiệm tải súng đạn. Vào năm 1966, trận đụng độ giữa quân đội CS và quân Mỹ, Bé bị bắt cùng với số vũ khí mà y đang tải vào ngày 30.5.1966 tại kinh Cả Bèo, xã Mỹ Quý, tỉnh Kiến Phong.

Đến điểm này hai bên, VNCH và CSVN, đều tường thuật gần giống nhau. Theo bộ máy tuyên truyền CS phát ra từ Hà Nội, "anh hùng Nguyễn Văn Bé" dù bị tra tấn chẳng những không khai một lời mà còn phát biểu những câu nói bất hủ "Tất cả hành động của Mỹ rồi cũng chẳng khác gì bong bóng của xà phòng sẽ bị nước sóng cuốn đi". Cuối cùng, Nguyễn Văn Bé bị đưa đến một trung tâm gần xã Mỹ An. Tại đây, Nguyễn Văn Bé, sau khi nháy mắt ra dấu cho người thợ cày đứng gần để chạy ra xa, đã nâng 10 kí lô mìn Claymore khỏi đầu, miệng hô lớn "Mặt trận Giải Phóng Miền Nam muôn năm, đả đảo đế quốc Mỹ" trước khi đập mạnh khối mìn vào thành một chiếc tăng M118. Khối mìn nổ lớn và cả kho đạn bị nổ lây. Cũng theo bản tin của đài phát thanh Hà Nội, "16 lính Mỹ và 10 lính ngụy" chết ngay tại chỗ, ngoài ra nhiều thương vong do đạn lạc gây ra sau đó. Tuy nhiên, một anh hùng như thế mà chỉ giết được "16 lính Mỹ và 10 lính ngụy" thì quá ít nên trong những bản tin sau đó con số lính Mỹ chết được tăng lên 96.

Tức khắc khi câu chuyện được đăng trên báo Nhân Dân ở miền Bắc và các báo bí mật ở miền Nam, các cơ quan tuyên truyền bắt đầu chỉ thị học tập noi gương "chủ nghĩa anh hùng cách mạng" của "Liệt sĩ Nguyễn Văn Bé". "Sự hy sinh của anh không những được cả thế

hệ thanh niên Việt Nam kính phục mà còn nhận được sự thán phục bởi tuổi trẻ toàn thế giới".

Bàn tay Nguyễn Văn Bé dùng để đập khối bom được báo đảng gọi là "bàn tay thiên tài". Nhiều vở kịch được dựng ngay để diễn lại "hành động anh hùng" của Nguyễn Văn Bé. Một bài báo đảng cho biết sức mạnh của bàn tay Nguyễn Văn Bé chắc chắn được thúc đẩy bởi một lực huyền bí vì "chẳng những giết ngay gần hàng trăm kẻ thù mà còn tạo nên một ảnh hưởng dây chuyền dẫn đến một phong trào làm theo anh hùng Nguyễn Văn Bé khắp cả nước". Nói chung, hình ảnh Nguyễn Văn Bé như ngôi sao mờ nhiệm làm cả nước đều tin. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng thôi thúc con người miền Bắc. Nhiều thanh niên đã gác hết chuyện học hành, gia đình để tình nguyện vào Nam chiến đấu theo gương "anh hùng Nguyễn Văn Bé".

Các cơ quan tuyên truyền địa phương tin chắc rằng Nguyễn Văn Bé đã chết.

Thật không may cho đảng, Nguyễn Văn Bé không chết. Anh đã đầu hàng, tình nguyện chiêu hồi và còn sống bình an. Các hình ảnh anh chụp với gia đình được báo chí phổ biến rộng rãi. Trên đài phát thanh, đoạn băng "Tôi là Nguyễn Văn Bé, hãy còn sống đây..." được phát mỗi ngày khi bắt đầu chương trình. Nguyễn Văn Bé thật có đụng độ nhưng trận chiến chỉ kéo dài không đến 30 phút. Theo báo *Time*, anh ta chưa bao giờ bắn một viên đạn, thay vì trốn trong con kinh đào và bị nằm tóc kéo lên.

Để phản công trong trận chiến tuyên truyền, phía Việt-Mỹ đã in hơn 20 triệu truyền đơn, bảy triệu minh họa, 465 ngàn bích chương, 167 ngàn tấm hình Nguyễn Văn Bé, 10 ngàn bài hát và rất nhiều chương trình truyền thanh truyền hình nói về sự thật Nguyễn Văn Bé đã đầu hàng, hồi chánh và hiện sống bình an. Các cơ quan tâm lý chiến Việt Mỹ còn phỏng vấn cha mẹ Nguyễn Văn Bé và giúp đưa gia đình họ đến khu vực an toàn. Các cơ quan tuyên truyền của đảng CS phản ứng bằng cách tổ chức rầm rộ ngày kỷ niệm một năm "anh hùng Nguyễn Văn Bé hy sinh". Các đài phát thanh, báo chí và cả báo chí Liên Xô cũng đăng bài thương tiếc "liệt sĩ Nguyễn Văn Bé". Nhân dân miền Bắc lại tiếp tục tin rằng anh đã thật sự hy sinh.

Sau 1975, quả thật với một chiến công to lớn như vậy, Nguyễn Văn Bé không chỉ có tên đường mà phải một tên phố, một công viên mang tên anh. Nhưng không, bởi vì sự giả dối như thế quá trắng trợn và trắng trợn. Câu chuyện ngụy tạo Lê Văn Tám còn có thể im lặng vì thời gian xa nhưng Nguyễn Văn Bé vẫn còn mang tính thời sự, nhiều người trong thời đó còn sống, nhiều tác giả nhạc, văn, thơ còn chưa hết sượng sùng.

Tội ác của bồi bút và văn nô

Hiện nay hầu hết các "anh hùng xã hội chủ nghĩa" ở 15 nước cựu Liên Xô và các nước Đông Âu, một số bị chôn vùi trong tro bụi thời gian, một số chỉ còn xuất hiện trong các truyện tranh vui giải trí (comic book), riêng tại Việt Nam, không chỉ các thế hệ măng non mà cả thanh niên, sinh viên còn phải học, phải tin vào những mẩu chuyện hoang đường một cách đáng thương và tội nghiệp. Dĩ nhiên không phải tại các em những nạn nhân bất hạnh đã sinh ra và lớn lên trong xã hội lọc lừa. Ngoài chính phạm là đảng CS, tội ác này còn có sự a tòng của

đám văn nô, bồi bút, những kẻ chỉ vì chút bổng lộc đảng ban cho mà chịu cúi đầu làm tôi mọi, tiếp tay với đảng làm bằng hoại mọi giá trị đạo đức và tương lai dân tộc.

Người viết xin trích một số đoạn trong bài thơ *Tản mạn về thơ và đồng nghiệp* của nhà thơ Thái Bá Tân để kết luận cho bài viết này:

*Đất nước cần thần tượng?
Dạ, có ngay, có ngay.
Cần anh hùng? Rất dễ.
Anh hùng thì có đầy.*

*Thế là Lê Văn Tám,
Nguyễn Văn Bé trung kiên,
Rời nhà tù Phú Lợi,
Rời kéo pháo Điện Biên...*

*Rời báo cáo, tổng kết,
Rời thi đua, phê bình,
Cái việc ai cũng biết
Là lừa người, lừa mình.*

Trần Trung Đạo

Tham khảo:

- Stébane Courtois, Nicolas Werth, Jean-Louis Panné, Andrzej Paczkowski, Karel Bartosek, Jean-Louis Margolin *The Black Book of Communism, Crimes, Terror, Repression*, Harvard University Press, 1999.

- Mihai C. Bocarnea and Bramwell Osula: Edifying the New Man: Romanian Communist Leadership's Mythopoeia. Regent University, International Journal of Leadership Studies. Vol. 3 Iss. 2, 2008, pp. 198-211.

- Margaret Peacock. Broadcasting Benevolence: Images of the Child in American, Soviet and NLF Propaganda in Vietnam, 1964–1973. Project MUSE, 2010.

- The Strange Case of the Vietnamese "Late Hero" Nguyen Van Be

(<http://www.psywarrior.com/BeNguyen.html>)

- South Viet Nam: The Hero

(<http://content.time.com/time/magazine/article/0,9171,836801,00.html>)

- SGM Herbert A. Friedman THE USE OF MUSIC IN PSYCHOLOGICAL OPERATIONS

- Sự thật về Nguyễn Văn Bé

(<http://vietnamsaigon75.blogspot.com/2013/07/liet-si-nguyen-van-be-hy-sinh-nam-1966.html>)

- Pavlik Morozov

- Christoph Giebel. Imagined Ancestries of Vietnamese Communism: Ton Duc Thang and the Politics of History and Memory.

- Questioning of Lei Feng's Frugality Leads to Detention,

(<http://blogs.wsj.com/chinarealtime/2013/08/21/four-detained-for-questioning-lei-fengs-frugality/>)

- Thơ Thái Bá Tân *Tản mạn về thơ và đồng nghiệp*, Facebook

- Trần Đăng Khoa *Chân Dung và đối thoại*, truyen.com

(17 Tháng 10 2014)

Một vòng Maroc với ngàn lẻ một câu chuyện

(Tiếp theo trang 87)

Cuối cùng của chuyến đi

Ngủ lại một đêm ở Rabat và sáng mai chúng tôi được chở tới phi trường Casablanca cách Rabat 140 km. Tổng cộng chúng tôi đã trải qua một đoạn đường khá dài hơn 2.000 km trong vòng 10 ngày. Thời gian đi qua quá nhanh, nhưng đã để lại trong tôi rất nhiều kỷ niệm.

Maroc có câu tục ngữ „Thế giới là một con công và Maroc là đuôi của con công” (đuôi con công khi xòe ra rất đẹp). Có lẽ không có câu nào hay hơn để diễn tả cái đẹp của đất nước này và họ có lý khi tự hào về đất nước của họ. Nhưng điều tuyệt vời ở đây không phải chỉ là cái đẹp vì cái đẹp ở đâu cũng có, Maroc đã cho tôi cảm giác như đi lạc vào một xứ thần thoại với nghìn lẻ một câu chuyện cổ tích. Cái sống động, cái nhộn nhịp ở các chợ Souk mà vẫn giữ được nét truyền thống dân tộc của mấy ngàn năm không phải nước nào cũng có. Tôi đi vào chợ Souk mà ngỡ như lạc vào thế giới xa xưa, khi được nhìn đàn lừa đang thồ những thùng hàng đi trong những con đường chật hẹp, ngoằn ngoèo, quanh co, khúc khuỷu. Ngay cách thuộc da mà tôi thấy ở Souk Fès, vẫn giữ truyền thống của trăm năm trước, tất cả đều làm bằng tay mặc dù mùi hôi của da thú vật bốc lên cả một vùng trời. Cái náo nhiệt, vui nhộn ở quảng trường Djemaa El Fna tại thành phố Marrakech cũng mang một nét đặc thù lâu đời của văn hóa nước này. Rồi đến những công trình kiến trúc ở Maroc, rất đa dạng và phong phú, là sự kết hợp của nhiều kiểu kiến trúc khác nhau như Tây Ban Nha, Pháp, Do Thái, La Mã,... nhưng vẫn giữ được sự hài hòa với lối kiến trúc Hồi Giáo. Sự pha trộn này đã tạo ra một nét kiến trúc đặc biệt của Maroc, được gọi là kiến trúc Tây Ban Nha-Hồi Giáo (hispano-mauresque). Pha trộn nhưng người Maroc vẫn cố giữ được những nét riêng tư của mình. Họ rất tự hào về lối kiến trúc các đền thờ của họ. Nó có sự khác biệt, nếu chúng ta để ý, những ngọn tháp (Minaret) ở đây đều hình vuông và không phải hình tròn hay bầu dục như ở phần đông các quốc gia Hồi giáo khác.

Các thành phố ở Maroc cũng có nhiều sự khác biệt. Màu sắc là cái dễ đập vào mắt du khách nhất, Casablanca được sơn màu trắng, Essaouira xanh biển, Marrakech đỏ, Fès xanh lá cây. Khí hậu cũng làm du khách ngạc nhiên, Sahara nắng nóng cháy da, Fès mát mẻ êm đềm mà chỉ cách nhau vài trăm cây số. Rồi sự cấu trúc của thành phố cũng khác nhau, những khu phố cổ thì nặng nề kiến trúc Ả Rập, trong khi những khu phố mới thì đậm nét kiến trúc của Pháp, của Do Thái.

Một vòng Maroc trong 10 ngày thật là quá ít cho một quốc gia với nghìn lẻ một câu chuyện. Nhưng tôi đành lòng dừng ở đây, vì viết ra bao nhiêu trang giấy mới hết được từng ấy câu chuyện. Trước khi lên máy bay, tôi thầm nói „chokran”, cảm ơn bằng tiếng Ả Rập, đã cho tôi những ngày đi du lịch đáng để nhớ.

Lương Nguyên Hiền

Mùa xuân 2013

Biển và Con Người

• Thái Công Tung



Hòn Chông ở Nha Trang

1. Dẫn nhập.

Trong **Tứ Diệu Đế** của Phật giáo thì mệnh đề thứ nhất nói về cái khổ, như đời là **biển khổ**, nước mắt của chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, tràn ngập đại dương nên trong lời kệ kinh Phật có câu khuyên ta: *Tâm bồ đề kiên cố, Xa bế khổ nguồn mê, Chóng quay về bờ giác v.v...*

Trong **Tứ Đại** của Phật giáo, nước cũng là một trong 4 yếu tố: đất, nước, gió, lửa.

Nói đến nước là phải nghĩ ngay đến **biển**, đến đại dương.

Biển có nhiều đặc thù: **gió biển** khác với gió đất, **cát biển** khác với cát sông, **cá biển** khác với cá nước ngọt v.v...

Các vùng ven biển chỉ chiếm 20% diện tích Trái Đất nhưng có đến 50% dân cư sống tại đó. Vài ví dụ các thành phố ven biển:

Thượng Hải, Hong Kong nằm sát biển ở Trung Quốc; Marseille, Bordeaux nằm gần biển ở Pháp; Barcelona ở Espagne, NewYork ở Mỹ, Lisbonne ở Portugal đều là những thành phố quan trọng sát biển.

Đại dương quan trọng vì chứa nhiều tài nguyên (dầu hỏa, hơi đốt), vì 90% hàng hóa thương mại trên thế giới là trên biển, vì nguồn lợi hải sản, vì du lịch v.v...

Đại dương thế giới được chia thành 5 đại dương, chia cắt đất liền thành các lục địa. Trong 5 đại dương thì:

Thái Bình dương lớn nhất, chiếm một diện tích 180 triệu km², bao phủ 1/3 diện tích trái đất. Nhiều hoạt động núi lửa trên mặt (Indonesia) hoặc dưới nước.

Đại Tây dương đứng hạng 2 với 106 triệu km², kéo dài từ bắc xuống nam với chiều rộng trung bình 5.000km, tiếp nhận nhiều nguồn nước nhạt từ các cửa sông St Laurent, sông Congo, sông Amazone.

Ấn Độ dương với trên 73 triệu km², nằm giữa Châu Phi và châu Úc.

Hai đại dương còn lại là **Bắc Băng dương** và **Nam Băng dương**. Nếu tính theo tỷ số diện tích các đại dương thì Thái Bình dương đã chiếm gần 50%, Đại Tây dương với gần 30% và Ấn Độ dương 20%.

Nhưng biển cũng rất đa dạng: có biển nằm trong lục địa như biển Caspian, biển Aral, Biển Chết. Những biển này thực ra không thông thương với đại dương nhưng thực chất là những hồ nước mặn.

Tỷ trọng của nước biển nằm trong khoảng 1.020 tới 1.030 nghĩa là nặng hơn nước ngọt. Nước biển có **độ mặn** không đồng đều trên toàn thế giới mặc dù phần lớn có độ mặn nằm trong khoảng từ 3,1% tới 3,8%. **Biển Chết** ở Trung Đông là nơi thấp nhất trên bề mặt Trái Đất. Khu vực chứa nước bị hãm kín này có thể coi là một hồ chứa nước có **độ mặn cao nhất trên thế giới**.

Bờ biển cũng thay đổi vì có chỗ hình vòng cung, có chỗ cạn, chỗ sâu nên có nhiều danh từ địa mạo khác nhau như: vịnh, vũng, phá, eo v.v...

- **Vịnh** (gulf) là phần biển lõm sâu vào đất liền, có kích thước khá lớn. Ví dụ: vịnh Thái Lan, vịnh Bắc Bộ.

- **Vũng** (bay) là những vịnh có kích thước không lớn, được bảo vệ chống sóng gió bởi các mỏm nhô ra biển. Một số vũng ở Việt Nam: Vũng Rô, Vũng Tàu...

- **Phá** (lagoon) kéo dài dọc theo bờ biển, hoàn toàn tách biệt với biển bằng các doi đất, chỉ trừ vài cửa thông với biển. Ví dụ: phá Tam Giang ở Thừa Thiên.

- **Eo biển** (détroit, straits) là phần biển dài và hẹp nằm ở giữa hai khoảng đất, thường là hai lục địa nối liền hai vùng biển với nhau. Ví dụ: **Eo biển Bering** nối liền Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương, phân cách Châu Á và Bắc Mỹ; **Eo biển Gibraltar** nối Địa Trung Hải với Đại Tây Dương, phân cách Châu Âu và Châu Phi; **Eo biển Malacca** nối Biển Đông với Ấn Độ Dương.

Sông ngòi thông ra với biển qua các **cửa biển**; ở Việt Nam, ta có Cửa Lò, Cửa Tùng, Cửa Việt, cửa Đại v.v...

Biển bao la trên Trái Đất nên cũng là nguồn cảm hứng cho nhà văn, nhà thơ.

Thi bá Nguyễn Du có nói về biển ngay đầu tập thơ Kim Vân Kiều:

*Trải qua một cuộc biển dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Biển dâu, dâu biển cũng còn trong câu:

*Cơ trời dâu bể đa đoan
Một nhà để chị riêng oan một mình*

Nói về Từ Hải, Nguyễn Du viết:

*Một tay gây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành*

Bể Sở sông Ngô là chỉ hai nước thời Chiến Quốc, chiếm một phần lớn phía Nam sông Dương Tử, chỉ một vùng đất rộng mênh mông như bể.

Dưới mắt của nhà thơ Nguyễn Khắc Hoạch, bút hiệu Trần Hồng Châu thì:

*Biển là mây gió
Biển là Tự do không bờ bến*

...
*Biển là huynh đệ lòng người
Biển cũng có những bất ngạt tư duy*

...
(Ngũ Ngon Đi Nhé Biển Tuyệt Vời – Trần Hồng Châu)

Biển cũng là nguồn cảm xúc của nhiều nhạc sĩ với nào là *Mưa trên biển vắng*, *Biển cạn*, *Vùng biển vắng*,

Biển vắng ru đêm, Đêm chôn dấu vượt biển, Biển vẫn đợi chờ, Bay đi cánh chim biển v.v...

Với **Biển nhớ** thì:

Ngày mai em đi biển nhớ tên em gọi về. Gọi hồn liểu rữ lê thê. Gọi bờ cát trắng đêm khuya.

Ngày mai em đi biển nhớ em quay về nguồn gọi trùng dương gió ngập hồn v.v...

Cũng như nỗi nhớ ray rứt trong thơ Đinh Hùng:

*Có kẻ nghe mưa, tránh mỗi sầu
Vắt tay chờ mộng, suốt đêm đầu
Gió từ sông lại, mưa từ biển
Không biết người yêu nay ở đâu?*

Lời mẹ ru con buồn xa vắng hay lời hát quan họ Bắc Ninh cũng nhắc đến **biển**: *Đêm qua chớp bể mưa nguồn, Hỏi người tri kỷ có buồn hay không, Cá buồn cá lội tung tăng, Người buồn người biết đãi đặng cùng ai, Ngày qua chung bóng chung hơi, Bấy giờ kẻ ngược người xuôi mặc lòng.*

Từ bờ biển ra khơi, ta phân biệt:

- **thềm lục địa** là vùng khá bằng phẳng, ít dốc, sâu tới 200 mét, ứng với vùng triều (littoral) và vùng dưới triều (sublittoral). Thềm lục địa chứa **dầu hỏa** và **hơi đốt**.

- **sườn dốc lục địa**

- **nền đại dương** với núi lửa, dãy núi giữa đại dương, hố sâu.

Các nước ven biển có toàn quyền của mình trong vùng đặc quyền kinh tế, tức Exclusive Economic Zone (**EEZ**) 200 hải lý theo Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển tức UN Convention on the Law of the Sea (**UNCLOS**).

Biển có một vai trò quan trọng trong hoạt động của hệ sinh thái trái đất.

Biển điều hòa khí hậu và điều tiết các quy trình tái tạo các yếu tố thiết yếu của sự sống (các-bon, o-xy...), cung cấp nguồn tài nguyên và phục vụ cho cuộc sống của con người.

2. Vai trò của đại dương

21. cung cấp: Đại dương có cá biển, tôm biển, cua biển, sò, ốc...

* **211. các loài cá biển:** Tuy có hàng ngàn loài cá thuộc khoảng 200 họ nhưng chỉ có chừng 100 loài là có giá trị kinh tế như cá mú, cá chim, cá chình, cá chuồn... Cá biển rất đa dạng về chủng loại, hình thái, kích thước, điều kiện sinh thái, sinh trưởng, sinh sản và khác nhau về giá trị kinh tế:

- **theo chiều dọc**, có thể phân loại:

. **cá nổi, cá tầng giữa** như cá đé (*Ilisha elongata*) là một loại cá nhiều ở vịnh Bắc Bộ được liệt vào hạng cá quý ở vùng biển phía bắc Việt Nam: cá chim, cá thu, cá nhụ, cá đé.

. **cá tầng gần đáy và cá đáy:** cá đáy cũng còn bao hàm luôn các loài cá khai thác được bằng lưới kéo đáy như cá hồng còn có tên khác là cá hanh, cá mối.

- **theo chiều ngang:** cá phân chia thành:

. **cá cửa sông, cá ven bờ:** (như cá trích, cá cơm, cá đé, cá nục...)

. **cá đại dương:** (cá thu, cá ngừ, cá chuồn, cá bạc má, cá nhám...)

Cá mối (*Clupanodon*) là cá tầng trên ở các vùng nước ven bờ biển; trước kia Việt Nam có nhiều nhưng nguồn lợi này bị giảm sút nặng do đánh cá quá mức khi cá đi đẻ. **Cá mối** được gọi lại trong ca dao sau đây:

*Tiếng đồn con gái Phú Yên
Đồng Nai đi cưới, một thiên mắt mối
Chẳng tin giờ hộp ra coi
Rau răm ở dưới, **mắm mối** ở trên*

Cá chuồn (họ Exocoetidae) tập trung nhiều biển miền Trung; cá chuồn có thể bay trong không khí, mỗi lần bay chỉ kéo vài chục giây trên vài chục mét **cá chuồn** là loại cá nổi, thân nhỏ, ít thịt nhiều xương với hai vây lưng rất to. Loài cá này chỉ xuất hiện rộ vào mùa biển lặng từ tháng hai âm lịch. Cá chuồn có thể chế biến được nhiều món và dành làm thực phẩm cho mùa mưa gió. Ở xứ Quảng có câu ca:

*Ai về nhắn với bạn nguồn
Mít non gửi xuống, **cá chuồn** gửi lên.*

Mít non nấu canh cá chuồn là món ăn dân dã, mộc mạc đã gắn bó bao đời nay với người dân xứ Quảng, như một mối tình gắn bó keo sơn giữa rừng với biển - mít non gửi xuống, cá chuồn gửi lên.

cá trích (*Clupeidae*) thường được khai thác bằng kết hợp ánh sáng và lưới kéo, ban đêm thường nổi lên mặt, ban ngày ở lớp gần đáy.

cá mú (*Serranidae*) sống chủ yếu vùng rạn đá và rạn san hô nên cá này khó đánh bắt bằng lưới kéo đáy. Loài cá được ưa chuộng nhất trong các loài cá biển vì thịt trắng, ngon, dai.

cá ngừ vây vàng (**tuna**) dùng làm món ăn sushi, sashimi.

Ngoài cá biển, còn gặp thêm:

* **212. các loài thân giáp** (Crustacea) như cua biển, tôm hùm (homard), tôm rồng (langouste):

*Rủ nhau xuống biển mò cua
Đem về hái quả mơ chua trên rừng*

Ngoài biển, phía gần bờ còn có **con ruốc**, còn gọi là **tép biển** *Acetes*, bộ Thân giáp mười chân (**Decapoda**). Ruốc sống thành đàn lớn chứa nhiều protein.

Các loài tôm tép có trong ca dao:

*Bể sâu con cá lớn vẫy vùng
Trời cao muôn trượng, cánh chim bằng cao bay
Xá chi đời cát vũng lầy
Những loài **tôm tép** biết ngày nào khôn*

* **213 các loài thân mềm** (Mollusque) có các đặc điểm như cơ thể mềm, không xương sống, có thể có vỏ đá vôi che chở và nâng đỡ như hàu, sò, ốc, hến, ngao hoặc mực ống, mực nang.

Hàu (**huitre**):

Hàu có chừng 25 loài, họ Hàu (**Ostreidae**), có 2 mảnh vỏ và sống chủ yếu ở vùng triều cửa sông, các rạn đá ven bờ, cả trong nước mặn và nước lợ.



Đầm Ô Loan giữa Qui Nhơn và Tuy Hòa có nhiều sò huyết và hầu đến nổi Tản Đà có thơ rằng:

*Lấy chi vui với thu tàn
Phú Câu cước cá, Ô Loan miếng hầu*

Sò cũng là tên gọi chung các động vật thân mềm với 2 mảnh vỏ, họ Sò (Arcidae) như sò huyết, sò điệp:

*Quê tui nước ngọt lắm dứa
Ruộng vườn màu mỡ, biển thừa cá tôm
Sầu riêng, măng cụt Cái Mơn
Nghêu sò Cồn Lợi, thuốc ngon Mỏ Cày.*

Bào ngư (haliotide), có tên khác **ốc chín lỗ**, là nhóm **ốc biển**. Sống trong các khe đá dưới biển. Thịt bào ngư ngon, vỏ làm đồ mỹ nghệ.

Sứa (méduse, jelly fish) là một lớp thân mềm, có địa phương gọi là **con nuốt**. Một số loại sứa có thể được sử dụng làm các món ăn như bún sứa, gỏi sứa.



Còn có động vật da gai (Echinoderme) như **Sao biển (starfish)**. Khoảng 1.800 loài sao biển còn sống hiện diện trong tất cả các đại dương của thế giới. Sao biển có mặt ở trên một phạm vi sâu rộng từ các bãi triều đến độ sâu thẳm (6.000 m).



Quốc...) hoặc **mắm**.

Vì biển Đông nhiều cá nên một trong những hình thức dự trữ là dưới dạng chế biến thành **nước mắm** (nước mắm Phan Thiết, nước mắm Phú

Tản Đà khen mắm Long Xuyên như sau:

*Hàu tươi cửa bể Tourane
Long Xuyên chén mắm, Nghệ An chén cà*

Các hải đảo biển Đông như các cù lao ngoài khơi Nha Trang, Đà Nẵng thì phong phú **yến sào**, món đứng đầu bát trăn của người Trung Hoa.

Ngoài các loài Thân Giáp và Thân Mềm nói trên, có thể kể **Rùa biển** thuộc loài Bò Sát hầu như suốt đời sống ở biển, chỉ lên bờ để đẻ trứng. Việt Nam có nhiều loài rùa biển.

Hải sâm, tên gọi dân gian là **đĩa biển**, còn gọi là **dưa biển** do thân hình loài vật này giống quả dưa. Tên tiếng Anh của loài này là *Sea cucumber*. Hải sâm là loài vật chuyên ăn xác chết của động vật dưới biển. Thức ăn của chúng là loài phù du và các chất hữu cơ tìm thấy dưới biển. Hải sâm được khai thác nhiều nhất ở Phú Yên, Khánh Hòa cũng như Vũng Tàu Côn Sơn. Người ta phát hiện gần đây trong hải sâm chất holothurine có tác dụng ức chế sự phân bào, có khả năng sử dụng trị ung thư.

Nhiều nguồn động vật biển được tái chế thành **bột cá, đầu cá**. Bột cá sử dụng như phân bón hoặc dùng làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản. Dầu cá nhiều Omega 3 cũng là nguồn cung cấp năng lượng rất tốt trong thức ăn.

* **214** Ngoài hải sản còn có **thực vật nằm dưới biển** như các loại rong biển, cỏ biển.

Rong biển là những loài thực vật sinh sống ở biển, thuộc nhóm **tảo biển**. Rong biển có thể sống ở cả hai môi trường nước mặn và nước lợ. Chúng mọc trên các rạn san hô hoặc trên các vách đá, hoặc có thể mọc dưới tầng nước sâu với điều kiện có ánh sáng mặt trời chiếu tới để quang hợp.

Rong biển đã được sử dụng trong bữa ăn của con người từ thời tiền sử. Và sau đó trở nên phổ biến trên các quốc gia như Nhật Bản hay Hàn Quốc.

Rong câu (Gracilaria) là một loài tảo. Ở Việt Nam, có nhiều loài, đặc biệt có rong câu chỉ vàng (*Gracilaria asiatica*) có giá trị kinh tế lớn, sống ở môi trường nước lợ, thích mặt nước lặng, không có sóng gió. Đầm Ô Loan ở Phú Yên có nhiều rong câu. Rong câu cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất **aga** và các chế phẩm khác. Việt Nam có nhiều tiềm năng sản xuất rong câu, tuy nhiên còn thua xa Đài Loan về mặt năng suất (8-10 tấn rong câu khô/ha/năm ở Đài Loan, 1-1.2 tấn/ha/năm ở Việt Nam).

Cỏ biển (seagrass) ở các vùng cận gần bờ, có ánh sáng mặt trời xuyên qua. Cỏ biển có lá, có hoa.

2.2. Sinh thái. Biển chiếm đến 71% diện tích Trái Đất, như vậy dĩ nhiên 71% này có ảnh hưởng lớn đến 29% đất còn lại. Biển với gió biển, bão biển, thủy triều, các dòng hải lưu ảnh hưởng đến hệ sinh thái của Trái Đất. Chỉ cần một thay đổi nhỏ về năng lượng ở bề mặt nước biển thì sự tác động của sự thay đổi nhỏ này cũng tạo nên những sự thay đổi rất lớn của khí hậu trên đất liền. Như vậy, **đại dương cũng quan trọng như khí quyển trong sự vận hành khí hậu toàn cầu**. Sự nổi kết giữa đại dương và khí quyển đã ảnh hưởng sâu xa đến các sự thay đổi khí hậu về lâu về dài. Thực vậy, địa quyển, phong quyển, thủy quyển, khí quyển, bấy nhiêu

cái 'quyển' ấy đều tác động hỗ tương lên nhau: năng lượng mặt trời nóng ở vùng xích đạo, nước biển bốc hơi, gió chồm vào lục địa, gây ra mưa to, gió lớn, 'nước trôi ra biển lại mưa về nguồn' (Tản Đà), nước nóng theo các dòng hải lưu lên miền lạnh và nước lạnh miền cực trao đổi với dòng nước nóng xích đạo v.v... ta thấy cả một thể cân bằng động giữa nhiều thành tố khác nhau trong một chu kỳ từ hàng triệu năm nay.

Trong diện tích biển thì biển Thái Bình Dương là lớn nhất: *Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình* đúng như lời ca một bài hát nọ. Thái Bình Dương có tác động mạnh nhất đến khí hậu toàn cầu: các bão lụt, hạn hán đã xảy ra từ Mỹ đến Honduras, từ Indonesia đến Việt Nam... đều do các sự thay đổi ở vùng nhiệt đới Thái Bình Dương.

* **221.** Hiện tượng **El Nino** cũng xuất phát từ Thái Bình Dương. Thực vậy, dòng nước ấm ở phía đông Thái Bình dương chạy dọc theo các nước Chili, Pérou đã đẩy vào không khí một lượng hơi nước rất lớn. Hậu quả là nhiều nước ở Nam Mỹ phải hứng chịu một lượng mưa lớn bất thường. Và vì mây tập trung vào một chỗ quá cao nên phần còn lại của thể giới (Úc châu, Á châu) bị khô hạn, làm mùa màng bị thiệt hại nặng nề.

* **222.** **Động đất** cũng xuất phát từ sự va chạm các mảng kiến tạo. Dưới đại dương có những dãy núi ngầm phun ra lửa với nhiều đá basalt; các dãy núi ngầm chia bề mặt rãnh chắc quả đất thành nhiều mảng (tectonic plate) như mảng Âu Á, mảng Phi Châu, mảng Bắc Mỹ. Sự va chạm các mảng ngầm dưới biển tạo nên động đất. Động đất ngoài biển tạo nên **sóng thần** (tsunami), giết hại hàng trăm ngàn sinh linh, từ Indonesia đến miền nam Thái Lan, hàng chục ngàn người Nhật (Fukushima).



* **223.** **Bão nhiệt đới (hurricane, typhon):** Những trung tâm phát sinh ra bão nhiệt đới luôn luôn ở các vùng nhiệt độ nước biển nóng, ở giữa các vĩ tuyến từ 5 độ đến 15 độ vì tại đây, nhiệt độ nước biển thường 27 độ hay cao hơn nên bốc hơi rất mạnh. Mặt bão là nơi hạ áp lớn nên không khí nóng và ẩm bị hút mạnh vào đó, tạo ra gió cuốn như trôn ốc và vì không khí nóng bốc lên cao sẽ gặp lạnh, tạo ra nhiều mây dày đặc nên tạo ra mưa to gió lớn. Từ ngoài khơi Phi Luật Tân, bão nhiệt đới thổi vào đất liền, từ Trung Hoa, Đài Loan đến miền Trung Việt Nam, gây nhiều lụt lội, tàn phá mùa màng. Bão nhiệt đới cơ bản là những cỗ máy nhiệt khổng lồ, được tiếp sức bằng việc chuyển tiếp sức nóng từ đại dương lên khí quyển tầng cao.

* **224.** **Dòng hải lưu:** Biển điều hòa khí hậu nhờ các **dòng hải lưu**. Chính vì có sự **chênh lệch về nhiệt độ** mới có các dòng hải lưu. Ở xích đạo nhận được nhiều nhiệt từ mặt trời hơn, đại dương bị đốt nóng hơn nên tỷ trọng của nước biển ở đây nhẹ hơn và ngược lại đối với

các vùng cực và gần cực. Sự chênh lệch tỷ trọng này dẫn đến sự hình thành các dòng hải lưu mà hướng chảy của chúng phụ thuộc rất nhiều yếu tố như sự phân bố các lục địa, địa hình. Nhưng nói chung là **dòng hải lưu ấm nóng chảy từ xích đạo về hai cực và dòng hải lưu lạnh chảy từ hai cực về xích đạo**. Ví dụ dòng Gulf Stream chuyển vận nước nóng miền nhiệt đới đến miền biển Đông Canada và lên tận các xứ Bắc Âu làm nhiệt độ các vùng ven biển Bắc Âu ấm áp hơn. Các dòng hải lưu có thể lưu thông trên một quãng đường dài hàng ngàn kilômét.



* **225.** **Biến đổi khí hậu** do quả đất đang nóng lên vì khí nhà kính, sẽ kéo theo nhiều hậu quả như sau:

- các băng hà sẽ tan nhiều, chảy xuống đại dương, nên dòng hải lưu nóng từ xích đạo đi lên Bắc bán cầu sẽ bị chậm hoặc ngưng lại, do không có hải lưu nóng sưởi ấm nữa nên thời tiết về mùa Đông ở Bắc Âu, và một số nước Tây Âu như Anh, Pháp, sẽ rất lạnh. Đặc biệt, nước ngọt tạo ra do sự tan chảy của các núi băng ở Bắc Băng Dương có thể làm loãng nước của hải lưu Gulf Stream và làm cho nó nhẹ đi nên không chìm xuống. Kết quả là một sự thay đổi lớn trong khí hậu của châu Âu, với những hậu quả chưa thể tính trước.

- bão ngày càng nhiều và mạnh: nào là bão Katrina tàn phá vùng Nam nước Mỹ (Louisiana), nào là bão Sandria tàn phá miền Đông như New York, nào là bão Hải Yến tàn phá luôn cả một thành phố ở Philippines. Bão mạnh xâm thực bờ biển khiến đất thổ cư, đất trồng trọt cư dân ven biển bị mất đi, kéo theo nghèo đói.

- mực nước biển dâng ngày một cao nên nhiều chỗ thấp vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long sẽ bị nước mặn xâm nhập.

* **226.** **Thủy triều:** Nói đến biển là nghĩ ngay đến thủy triều, cũng thường gọi là **con nước** như trong câu: *Trông với con nước mênh mông.*

Nước biển có thể dâng lên hay hạ xuống do tác động giữa mặt trời, mặt trăng với trái đất. Trong văn thơ Việt có nhiều đoạn nói về các chuyển động lên xuống của thủy triều:

*Bốn bề bát ngát mênh mông
Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau*

Nỗi buồn của nàng Kiều khi ở lầu Ngưng Bích: *Buồn trông ngọn nước mới sa.* Thời điểm mà dòng triều ngừng chuyển động: ta gọi là **nước đứng**. Ở miền châu thổ sông Cửu Long, thường có câu đố: *nước không chân, sao gọi là nước đứng.*

Trước hết, chế độ thủy triều có thể **nhật triều** (một ngày chỉ có một lần thủy triều lên, một lần thủy triều

xuống) hoặc **bán nhật triều** (một ngày có hai lần thủy triều lên xuống).

Những vùng chịu ảnh hưởng của loại triều này thường nằm ở vĩ tuyến gần xích đạo, có nơi có chế độ nhật triều rất rõ rệt như Vịnh Bắc Bộ, Vịnh Thái Lan. Thủy triều biển Đông ở bờ biển Việt Nam khá phức tạp vì bị chi phối bởi địa hình bờ biển và đáy biển gần bờ, dạng bờ biển, chiều sâu đại dương.

Dưới tác dụng của dòng triều, nước biển xâm nhập vào sông, đi về hướng thượng nguồn. Chiều dài xâm nhập phụ thuộc vào cường độ của dòng triều và lượng nước trên thượng lưu đổ về.

Trên sông Hồng, khoảng cách truyền triều chừng 180km; trên sông Cửu Long, nước lên/nước xuống đến tận Nam Vang. Hình ảnh thủy triều có mặt trong các câu sau trong đó chàng thanh niên nhắn người con gái gắng chờ, còn cô thiếu nữ kia lại trách nhẹ kẻ chậm chân:

- **Nước ròng** chày đến Nam Vang
Làm thơ để lại em khoan lấy chồng
- Tay bưng chậu cúc trăm bông
Chờ anh chẳng đợi em trở xuống đây!

Nhạc sĩ cũng dùng hình ảnh thủy triều như trong bài **Tình Nhớ**:

Tình ngỡ đã quên đi như lòng cổ lạnh lùng
Người ngỡ đã xa xăm bỗng về quá thên thang
Ôi áo xưa lòng lộng đã xô giạt trời chiều
Như từng **con nước ròng** xóa một ngày đầu hiu

Gặp lúc trăng rằm hay trăng ba mươi/mồng một (trăng non) nghĩa là **khi Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất cùng thẳng hàng** thì lực tạo thủy triều sẽ lớn; ta gọi là **triều cường (vives-eaux; spring tide)** hay là **nước phát** vì là tổng của hai lực hấp dẫn Mặt Trời và Mặt Trăng thay vì chỉ có một lực hấp dẫn của Trăng như thông thường. Triều lên/xuống rất mạnh vào lúc trăng thượng tuần (mồng 7 âm lịch) hay hạ tuần (23 âm lịch) nghĩa là **khi mặt trời và Mặt trăng cách biệt nhau 90 độ nhìn từ trái đất** thì sự khác biệt giữa nước lớn và nước ròng cũng nhỏ đi (**mortes-eaux; neap tide**) vì lực hút yếu. Ta gọi là **nước sính**. Mực nước thủy triều có ảnh hưởng lớn đến đồng bằng, từ chuyên chở trên sông rạch đến nông nghiệp.

Vùng nước dao động do thủy triều lên xuống giữa **mức nước lớn và nước ròng**. Những bãi biển xoài cát, cửa sông hoặc những mỏm đá thấp thường được gom vào khu vực này.

Triều cường làm các vùng thấp duyên hải bị ngập, làm hư hại các đê bao ngăn mặn, gây ngập úng các đầm nuôi tôm, các vườn cây ăn trái, các nhà cửa ven kinh rạch.

Khi triều cường vào cửa sông thì độ mặn lan truyền, khuếch tán vào trong sâu nội địa, nhất là lúc cao điểm đỉnh **triều cường** vào con nước rằm và ba mươi tháng Giêng âm lịch, thì sẽ gây thiệt hại cho nhiều diện tích lúa đông xuân đang trong giai đoạn làm đòng, trở bông. Triều cường và sóng lớn làm phá vỡ bờ cây xanh chắn sóng dọc theo bờ biển, lấn sâu vào đất liền.

Nước lên-nước xuống chi phối đời sống dân ven biển. Một chu kỳ biến động của mực nước -từ lúc nước biển

rút xuống đến mức tối đa đến lúc nước biển lên cao đến mức tối đa- kéo dài 15 ngày và được gọi là một **con nước**. Như vậy, mỗi tháng có 2 con nước.

*Trông về **con nước** vơi đây
Nỗi sầu xa cách biết ngày nào vơi*

*Lênh đênh duyên phận bọt bèo
Đành cho **con nước** thủy triều đẩy vui*

*Trăng lên **con nước** rong đây
Anh đừng đến nữa, má rầy khổ em*

Nhìn nước lớn, nước ròng, nhìn cuộc đời sớm còn, tối mất, người ta ca rằng:

*Bim bịp kêu **nước lớn** anh ơi
Buôn bán không lời, chèo chống mới mê*

Trước khi đổi con nước, dòng sông ngưng hẳn, gọi là **nước đứng**:

*Nước không chừn sao kêu bằng nước đứng
Cá không giò sao gọi con cá leo?*

Khi nước mặn xâm nhập vào cửa sông thì đất bị nhiễm mặn và năng suất lúa bị giảm và không trồng lúa được vào mùa khô.

2.3. Xã hội : Ở Việt Nam, nhiều làng đánh cá ven biển thường tổ chức đầu năm âm lịch **lễ Cầu Ngư**. Lễ hội Cầu Ngư bắt nguồn từ tục thờ Ông Nam Hải (cá voi), tập tục lâu đời của cư dân vùng biển từ bắc miền trung trở vào nam, điển hình nhất là ở Khánh Hòa, mục đích cầu cho mưa thuận gió hòa trước khi thuyền đánh cá ra khơi. Lễ hội có các nghi thức tín ngưỡng và biểu diễn nghệ thuật truyền thống độc đáo mang tính đặc trưng của các làng chài ven biển trong khu vực. Sau phần nghi lễ là phần hội với nhiều màn biểu diễn diễn tả gồm nhiều hoạt động tái hiện sinh hoạt văn hóa của ngư dân vùng biển cùng hội đua ghe truyền thống.

Còn có **lễ hội Nghinh Ông** trong đó, hoạt động chính là lễ rước Ông từ biển vào Lăng thờ với ý nghĩa cầu ngư, cầu cho mưa thuận gió hòa để ngư dân an tâm ra khơi. Ngoài việc cầu mong ra khơi thuận buồm xuôi gió, lễ hội Nghinh Ông còn là dịp để người dân miền biển vui chơi, giao lưu văn hóa trước khi khởi hành chuyến biển đầu năm mới.

Biển cũng giúp sự truyền bá các tôn giáo: Phật giáo lan truyền qua nhiều xứ ở Đông Nam Á như Thái Lan, Miến Điện qua đường biển với các sa môn từ Ấn Độ. Là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại, Ấn Độ cũng là mảnh đất khởi nguồn của Phật giáo với tinh thần phi bạo lực, bình an, hòa thuận. **Chùa Phật tích (Bắc Ninh)** là ngôi chùa có bề dày lịch sử và chiều sâu tâm linh, là một trong những cái nôi của Phật giáo Việt Nam, nơi mà 2000 năm trước, nhà sư Ấn Độ Khâu Đà La cùng các đoàn thuyền buôn theo con đường tơ lụa **trên biển** đã đặt chân đến và mang đạo Phật truyền cho người Việt.

Dân Phi Châu bị bắt đi qua Mỹ Châu cũng đi trên thuyền xuyên qua Đại Tây Dương, đến Haiti đầu tiên để

trồng mía đường, từ đó nhiều điền chủ Mỹ qua mua nô lệ về Mỹ trồng bông vải.

Thành phố Alexandria ở Ai Cập ngày nay trên bờ Địa Trung Hải là do Alexandre Đại Đế của Hy Lạp dựng nên 300 năm trước Công Nguyên và là một trung tâm quan trọng của văn hóa Hy Lạp và La Mã gần 1000 năm.

Vai trò của biển trong các hoạt động thương mại, du lịch rất rõ rệt. Như tại Việt Nam, thành phố Hội An đã có chùa Nhật từ hàng trăm năm trước, khi họ tới giao thương buôn bán, còn để lại nhiều di tích văn hóa.

2.4 Kinh tế: Tại các nước đang phát triển, có khoảng một tỷ người đang coi cá và hải sản là nguồn dinh dưỡng chính của họ và có tới hơn một nửa tỷ người coi đánh cá là nghề kiếm sống của họ. Có hải sản dồi dào ở đại dương tạo nguyên liệu cho kỹ nghệ hải sản: tôm đông lạnh, nước mắm, mực khô, cá khô... góp phần tạo được công ăn việc làm cho dân cư sống dọc bờ biển và đóng góp vào xuất cảng.

Việt Nam, với **bờ biển dài hơn 3.260 km**, nhiều làng mạc phải nhờ biển mà sống:

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
(Tế Hanh)*

Xưa kia, các thuyền đánh cá chỉ dùng buồm để di chuyển:

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió
(Tế Hanh)*

Ngày nay, các thuyền đánh cá dù gần bờ hay xa bờ đều chạy bằng máy dầu diesel để đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, phần lớn tàu của ngư dân Việt chỉ trang bị động cơ nhỏ nên chỉ đánh bắt gần bờ.

2.5. Du lịch: Du lịch đóng vai trò quan trọng với các quốc gia sống gần biển. Các hải đảo vùng Caraibes chỉ sống nhờ du lịch, phần lớn du lịch từ Mỹ và Canada. Các du thuyền chở hàng ngàn khách du lịch đi từ cảng này sang cảng nọ, khắp nơi dọc bờ biển Địa Trung Hải, bờ biển Bắc Âu. Biển cũng đóng vai trò du lịch với giải trí như bơi lội, trượt sóng, lặn, câu cá.

2.6. Tâm linh: Về biển, con người gần với thiên nhiên bao la, thấy mình chỉ là một sinh vật nhỏ bé trong vũ trụ bao la; biển với trời cao mây rộng giúp ta khiêm tốn.

Sự thanh lặng vô biên là một điều kiện giúp cho con người dễ đi sâu vào nội tâm, vào màu nhiệm của Chân Như:

Nỗi buồn của nàng Kiều khi nhìn biển:

*Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai ?*

hoặc:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*

Nhờ thanh lặng vô biên của biển, con người bớt căng thẳng trong cuộc sống xô bồ ngày nay. Căng thẳng (stress) chính là yếu tố gây nhiều bệnh. Thực vậy, ngày nay, con người sống xa rời thiên nhiên, thích đua đòi, lái xe quá nhanh, đọc sách rất ít, xem truyền hình và internet quá nhiều, hết facebook rồi tweeter, hiếm khi ngồi trong thanh lặng. Con người ngày nay như vậy là **người lang thang số hóa** (nomade numérique). Nhiều căn bệnh tâm thần phát sinh vì thiếu giao tiếp. Ta chinh phục được thế giới bên ngoài nhưng không biết gì về thế giới bên trong.



Khi đi dạo ven biển, người nhàn tản đơn độc còn hít thở cả hương thơm đất trời hài hòa cùng nhau, không thở bụi bặm và ô nhiễm của các 'phố phường chật hẹp, người đông đúc', tìm lại sự yên tĩnh của tâm hồn, vứt bỏ những ý nghĩ bất tịnh, tương tranh, thù hận, đố kỵ,... tức là **các ô nhiễm của tâm hồn**. Từ thanh tịnh mà có thanh thân. Vì thanh thân cho nên không động tâm. Không động tâm cho nên an lành, ít gây đổ vỡ.

Cần phải quý trọng sự thanh lặng nội tâm mới có thể thấy những giá trị lớn lao đang chìm sâu hay bị che khuất trong khung cảnh thường nhật. Chính vì vậy mà rất nhiều phát nguyện trong Phật học thường nhắc nhở đến biển:

*Đệ tử chúng con từ vô thị
Gây bao tội ác bởi lầm mê
Đắm trong sinh tử đã bao lần
Nay đến trước đài Vô Thượng Giác
Biển trần khổ lâu đời luân lạc
Với sinh linh vô số điều tàn
Sống u hoài trong kiếp lầm than*

...
và do đó khuyên ta:

*Chúng con khổ nguyện xin tự độ
Ngoài tham lam, sân hận ngập trời
Phá si mê trí tuệ tuyệt vời
Con nhớ đức Di Đà lạc quốc
Phật A Di Đà thân kim sắc
Tướng tốt quang minh tự trang nghiêm
Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào
Bốn **biển** lớn trong ngần mắt biếc*

...

Tục ngữ ta có câu: "Dò sông dò **biển** dễ dò. Đố ai lấy thước mà đo lòng người". Lòng người thay đổi với nhiều vọng niệm, vọng tâm, loạn tưởng, thay đổi bất thường cho nên khó dò trong khi biển, có thể dùng máy đo được nhiều đặc tính lý hóa, chiều sâu.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật có dạy: "*Căn bản của sanh tử luân hồi là **vọng tâm**. Căn bản của Bồ đề Niết Bàn là **chơn tâm**". **Vọng tâm** ví như những ngọn sóng do gió thổi gây nên, gió nhẹ sóng nhỏ, gió mạnh sóng to. Vọng tâm nghĩa là khi vui, khi buồn, lúc thương lúc ghét, lúc tốt lúc xấu, lúc nghĩ chuyện đông, lúc nghĩ chuyện tây, lúc nghĩ chuyện hiện tại, lúc nghĩ chuyện quá khứ, vị lai, lúc vậy lúc khác v.v... Vọng tâm là tâm chướng ngại, tâm phân biệt, tâm không bình đẳng, sanh diệt liên miên trong từng sát na, trong từng giây phút, ví như con vượn chuyền từ cành cây này sang cành cây khác khắp nơi, như câu thơ: *Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười*. Còn **Chơn tâm** là tâm không chướng ngại mà *tâm không chướng ngại thì tâm không sợ hãi, xa lìa mọi vọng tưởng, xa lìa mọi điên đảo, đạt Niết Bàn tuyệt đối* (Kinh Bát Nhã). Chơn tâm thì vào cảnh giới Niết Bàn, đạt được bốn đặc tính: **Thường, Lạc, Ngã, Tính** của nhà Phật. Chơn tâm là tâm không phân biệt vì ví như mặt biển yên lặng, phẳng lờ, rộng rãi, bao la bát ngát; sống với "chơn tâm" có nghĩa tâm an định, không xao xuyến, không phiền não, như đoạn thơ sau của **nhà thơ Tô Thùy Yên**:*

*Lòng ta vô sự, ta vui vẻ,
Bướm với hoa cùng bay nhớn nhỡ
Mùa hạ tàn trời trôi đóm lửa
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ,
Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa
Trận lốc cười tròn trên quá vãng
Ta làm lại cả tâm hồn ta.*

Làm lại cả tâm hồn ta, có nghĩa là mỗi ngày gắng nhật một niềm vui trong ánh mắt quen chào nhau, tách trà ấm, nụ cười bè bạn, nhiều niềm vui nho nhỏ sẽ tạo niềm an lạc lớn như những dòng sông con quy tụ ở biển khơi. **Cuộc đời giống như đại dương**, không thể điều khiển được mà luôn luôn có những thăng trầm, lên xuống. Chúng ta như những con tàu trên đó, nương theo những náo nhiệt, lên xuống để luôn luôn ở trên mặt nước chứ không phải chìm bên dưới. Phải điều chỉnh bản thân mình để có thể **tự tại an nhiên** ở cả hai trạng thái lên và xuống. Hãy để cảm xúc bên trong người tự do, nếu còn bị ràng buộc bởi những so sánh, chúng ta không thể tự do được. Sự tự do ở đây chính là tự do bên trong tâm hồn, và đó chính là Tâm An Lạc.

Thực vậy. **Vọng tâm** là động lực chính dẫn dắt chúng sanh tạo nghiệp trong vòng sanh tử luân hồi và chỉ có **Chơn tâm** mới tạo an lạc trong tâm thức.

Trên bước đường tu tâm dưỡng tánh, phải xả bỏ những tạp niệm, vọng tâm, loạn tưởng, đừng để vọng tâm lôi cuốn mình đi, nghĩa là phải sống trong tỉnh thức, sống trong chánh niệm trong mỗi phút giây nghĩa là phải gắng loại trừ các tạp niệm:

*Tự quy Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo Đạo
Cả, phát lòng vô thượng*

*Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh thấu rõ Kinh
Tạng, trí huệ như **biển***

*Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại
chúng, hết thảy không ngại.*

Trí huệ rộng lớn như biển cả có nghĩa là cần phát triển tinh thần vị tha về tình thương, từ bi và sự diệt trừ vô minh, ích kỷ và tham lam. Vô minh chính là đám mây mù che lấp trí tuệ của con người và đó là nguồn gốc của tam độc Tham Sân Si để dẫn con người đi lang thang lẩn thẩn trong luân hồi. Có được trí huệ rộng lớn, lúc đó, ta được giải thoát khỏi những hệ lụy ưu phiền và phiền não và khổ đau sẽ không đến.

Trí huệ rộng lớn có nghĩa là phải buông xả. Buông tới lúc trong lòng trống rỗng thì có hòa bình trong tâm hồn. Thực vậy, cuộc đời vốn thế, xin cứ thanh thản như mây, xin đừng quá vui cũng chẳng quá buồn, rắc rối làm chi, những điều đơn giản.

Nói về biển, người Việt không thể quên hàng vạn thuyền nhân đi tìm tự do đã bị chôn vùi dưới lòng biển sâu khi vượt biên bằng thuyền với:

*sóng vật vờ
sóng thành đỉnh Hy Mã
sóng thành vực A Tỳ*

*nhưng dưới sâu
sâu nữa
vạn hồn thuyền nhân
sớm đi tối về
vẫn oan khiên
ngập tràn biển Đông!*

...
*dưới sâu vẫn vô vàn cánh tay
dẫn dắt
dây xích oan khiên
vẽ lòng đất
ai đây tiếp dẫn
chúng sinh hồn trầm lạc?*

...
(Biển Oan Khiên - Trần Hồng Châu)

Với luật nhân quả, đã gây ra điều ác thì sẽ không tránh khỏi hậu quả:

*Dấu bay vút trên trời cao
Hay lặn sâu dưới **biển** cả
Hoặc chui rúc vào hang đá
Trốn làm sao được hậu quả
Các điều ác đã tạo ra.*
(Kinh Pháp Cú: Phẩm Ác)

3. Các văn nạn của môi trường biển:

Trong khi nguồn cá là một trong những tài sản thiên nhiên quan trọng nhất của con người thì đáng tiếc là con người đang hủy hoại chính nguồn sống của mình vì các lý do sau:

3.1. Ô nhiễm: Vùng ven biển thường là nơi tập trung các chất thải sinh hoạt dân cư theo sông đổ ra, như chai lọ, vỏ lon bia, rác thải của kỹ nghệ, y tế, giao thông v.v... nên gây ảnh hưởng đến phẩm (chất lượng)

nước biển, làm nước biển thiếu ô-xy, sinh sôi nhiều loài tảo độc và sinh vật có hại. Biển là nơi tụ tập cuối cùng của các phế thải môi trường; nếu môi trường các dòng sông bị ô nhiễm bởi các phế thải kỹ nghệ với các kim loại nặng (đồng, chì, thủy ngân...) thì biển sẽ 'lãnh đủ'. Chất lượng môi trường biển Việt Nam hiện nay tiếp tục suy giảm theo chiều hướng xấu với các rác đô thị, các chất thải sinh hoạt từ các khách sạn, từ các khu gia cư đổ thẳng ra biển, các vết dầu loang từ các tàu chở dầu hoặc từ hoạt động thăm dò dầu khí gây ra v.v... khiến nhiều sinh vật sống trong nước biển chết hàng loạt. Chỉ tính riêng tại Vịnh Hạ Long hiện có tới hàng chục làng chài lớn nhỏ đang "tọa lạc" trên biển. Các làng chài thải toàn bộ rác sinh hoạt xuống mặt biển chưa qua xử lý, rất khó thu gom, dẫn tới một số xuống lạch đã xảy ra hiện tượng tắc dòng chảy vì rác. Chất lượng trầm tích đáy biển ven bờ, -nơi cư trú nhiều loài hải sản-, cũng giảm dần do đó đa dạng sinh học động vật đáy ở ven biển cũng suy giảm. Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp cứ đổ vào vịnh Nha Trang.

3.2. Đánh bắt cá quá mức: Tình trạng đánh bắt có tính hủy diệt cao như lưới quét mắt nhỏ, xiết điện, chất nổ, thuốc độc làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản... đã tiêu diệt các loại cá nhỏ, khiến số lượng đàn cá không kịp phục hồi. Do đó, phải quy định về cỡ lưới sao cho những con cá con có thể thoát ra được để phục hồi đàn cá; giới hạn tổng sản lượng đánh bắt; đóng cửa một số ngư trường; cấp giấy phép đánh bắt cá; chia đều sản lượng đánh bắt cho các ngư dân trong một khu vực đã được xác định.



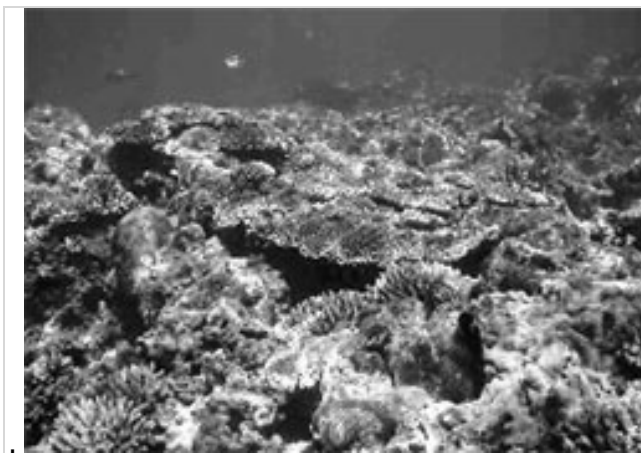
3.3 Rừng ngập mặn giảm sút: Các dải rừng ngập mặn bị đốn phá, nhường chỗ cho các ruộng tôm nhưng ô nhiễm cũng xảy ra tại nhiều vùng nuôi tôm, trong khi đó loại rừng này có vai trò bảo vệ vùng cửa sông, cửa biển để chống xói lở, hạn chế tác hại của gió bão; mở rộng đất liền. Rừng ngập mặn còn giúp cho bầu không khí bớt ô nhiễm vì rừng này với những cây bần, đước, sú, vẹt v.v... hấp thụ khí CO₂ do hoạt động kỹ nghệ và sinh hoạt thải ra và sinh ra một lượng ô-xy rất lớn. Rừng này còn cung cấp gỗ, than, chim và nhiều hải sản như tôm, cua. Thế nhưng, hiện nay nhiều loại rừng này bị phá hủy để làm hồ nuôi tôm, cua, cá; làm đất nông nghiệp, đường sá, nhà cửa và từ đó, đẩy mạnh sự xâm nhập nước mặn vào đất nội địa. Rừng ngập mặn với các cây mắm, sú, vẹt, bần, đước, v.v... sống đan xen nhau, chồng chéo lên nhau đến độ ánh sáng mặt trời không

thể chiếu xuống tới được lớp lá mục của loại rừng này và nhờ giải rừng dày đặc này mà đất không bị sỏi mòn, sạt lở bởi sóng, triều cường v.v...

3.4 Phá hủy các rạn san hô: Cũng như rừng ngập mặn, "rừng" san hô còn có tác dụng che chắn, giảm nhẹ sóng mạnh đánh vào bờ nên bờ biển bớt xói lở. Rạn san hô là 'rừng dưới biển' với nhiều loài, đủ các dạng như dạng bàn, dạng phiến, dạng khối, dạng đĩa với nhiều hình thù khác nhau như cái hình cây nấm, cái hình những ngón tay, với nhiều sắc màu kỳ ảo. Rạn san hô cũng là nơi trú ẩn nhiều loài cá như cá thia, cá bần chài, cá hồng... cũng như các loài động vật thân mềm (traí, ốc, mực...), các loài thuộc lớp chân bụng (ốc), thuộc lớp hai mảnh vỏ (hàu, sò, điệp...), hoặc loài giáp xác (tôm, cua...). Các rạn san hô đóng vai trò quan trọng đối với môi trường biển nhưng hệ sinh thái này đang bị khai thác quá mức bằng lựu đạn, mìn, thuốc nổ, hóa chất độc để đánh bắt hải sản sống trong rạn san hô, để khai thác san hô cứng (cung cấp cho một số nhà máy sản xuất xi măng) hay san hô mềm, còn gọi là bông đá. Thuốc nổ chẳng những hủy diệt tất cả những gì có trong rạn, trong lòng đại dương, gây ô nhiễm môi trường, mà còn để lại hậu quả lâu dài đối với sự phục hồi và phát triển (vốn rất chậm) của san hô.

San hô bị tàn phá thì:

- không còn chỗ cho các loài thủy sản sinh sống
- mất ghềnh đá san hô chắn sóng nên bờ biển dễ bị xói mòn.



Ngoài ra, trong các rạn san hô có hàng trăm loài sinh vật biển như: tảo, rong, cua, cá, tôm hùm, hải sâm, đổi môi, động vật thân mềm, chưa kể nhiều cá cảnh. Rạn san hô có tiềm năng du lịch to lớn.

3.5 Đại dương đang nóng lên: Sự biến đổi khí hậu với khí thải CO₂ tăng lên do hoạt động của con người đã làm đại dương nóng lên, gây ra những trận bão nhiệt đới tàn phá gây thiệt hại tài sản và nhân mạng như trận bão Hải Yến phá hủy luôn cả một thành phố ở Phi Luật Tân, trận bão Sandy bay đến tận New York năm 2013. Khí hậu nóng lên làm các khối băng Bắc Cực tan ra nhanh, **làm nước biển dâng lên và những thành phố ven biển dễ bị nguy cơ nhất.** Tạp chí National Geographic chỉ rõ có 5 thành phố sau đây nhiều nguy cơ ngập nhất vì gần biển: Calcutta và Bombay (Ấn Độ), Dhaka (Bangladesh), Thượng Hải (Trung Quốc) và Saigon (Viet Nam). Và Ngày Môi trường Thế giới (5

tháng 6) năm nay (2014) với chủ đề **Hãy hành động để ngăn nước biển dâng** nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu đối với các khu vực dễ bị tổn thương như hải đảo và các khu vực ven biển. Chủ đề này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam vì Việt Nam có nhiều vùng đất trũng, đất thấp ven biển rộng lớn tại đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng với khoảng 50% số dân cả nước sống ở các vùng đất thấp và ven biển.

3.6 Xói lở bờ biển: Sự khai thác bừa bãi càng ngày càng nhiều các tài nguyên như cát, sỏi, vật liệu xây dựng trên các dòng sông để xây cất trong quá trình đô thị hóa cũng như xây kè lấn ra bờ sông làm thay đổi dòng chảy hiện có, thay đổi cấu trúc/kết cấu/địa mạo dòng sông, gây nhiều vực sâu, đưa đến tình trạng sạt lở bờ sông, như tình trạng các dòng sông như Thu Bồn, Trà Khúc v.v... khiến nhiều gia đình sống mấp mé bên các triền sông phải di dời hàng năm. Ở Việt Nam, nhiều tỉnh có bờ biển bị xâm thực, ít đi từng ngày. Bãi cát trên bờ trước kia rộng 300-400m, nhưng ngày nay, sau một thời gian bị xâm thực, bờ biển gần như bị xóa sổ trên bản đồ; nhiều nhà trước đây xa mép nước biển hàng trăm mét thì nay nước biển đã mấp mé chân tường. Nhiều cư dân sống gần biển luôn lo âu bờ biển cứ xói lở không dám ngủ trong nhà nên phải di tản vào sâu để tránh sóng. Nhiều công trình lấn biển đang được triển khai, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

3.7. Nhiều cửa sông bị bồi lấp sau mùa lũ: Phá rừng làm phù sa bùn cát lắng đọng và các hồ chứa nước bị bồi đầy nhanh chóng, nên cửa biển rất cạn, tàu thuyền khó qua lại. *‘Mỗi lần ra biển hay trở về, ngư dân phải chờ thủy triều lên mới dám cho tàu qua lại. Khó khăn nhất là mỗi khi có sương mù dày đặc, mưa rào nặng hạt hoặc đêm tối thì tai nạn mắc cạn rất dễ xảy ra. Theo thống kê của ngư dân địa phương, mỗi năm có hơn 30 vụ tàu thuyền mắc cạn tại khu vực này. Nhẹ thì trục vớt, cứu được phương tiện, còn nặng thì tàu bị sóng đánh vỡ, vùi trong cát. Mỗi lần tàu bị mắc cạn, gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của ngư dân, còn trực tiếp ảnh hưởng tới kế hoạch chuyển biển, doanh thu của tàu’ (trích báo trong nước).*

4. Quản trị các vùng ven biển:

Từ các vấn nạn của môi trường biển vừa đề cập, loài người cần phải quản trị môi trường biển một cách bền vững, phối hợp về mọi mặt như du lịch, chuyển vận, đánh cá, năng lượng v.v... nhằm mục tiêu sử dụng hợp lý các tài nguyên. Quản trị các vùng ven biển nhằm vào bảo vệ tài nguyên ven bờ cho các thế hệ mai sau trong khi vẫn phải điều hòa quyền lợi kinh tế, văn hóa và môi trường. Tóm tắt trong 4 P:

* **4.1.Prevent:** Cần **ngăn ngừa** sự thoái hóa và xói mòn các cửa sông, các bờ sông vùng ven biển. Ngăn ngừa không làm ô nhiễm môi trường như đổ rác, phóng uế và cũng không khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên của biển như không dùng mắt lưới quá nhỏ, bót đánh cá gần bờ để giảm áp lực trên đàn cá sinh sản. Ngăn ngừa sự phá rừng trên các đồi cát ven biển cũng như rừng ngập mặn.

* **4.2. Preserve:** Cần **bảo tồn** phẩm (chất lượng) và đa dạng sinh học của môi trường ven bờ như giới hạn các hoạt động của con người.

* **4.3. Protect:** Cần **bảo vệ** thực vật và đời sống hoang dã các vùng ven biển. Không phá hủy các rừng ngập mặn ven bờ mà phải củng cố, trồng lại các chỗ bị tàn phá, nói cách khác là phải bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên của tôm con, bảo vệ đàn tôm bố mẹ trong mùa đẻ, bảo vệ đàn tôm con ở khu vực gần bờ. Chọn vùng khai thác để **bảo tồn** các sinh vật biển có giá trị đang là đối tượng khai thác như rùa biển cũng như phối hợp đáp ứng các yêu cầu thủy lợi cho nông nghiệp, thủy lợi cho thủy sản, suy giảm nguồn nước ngầm ở những nơi nuôi tôm vùng cát đều là những vấn đề bức xúc hiện nay.

* **4.4. Promote:** **Thúc đẩy** việc thiết lập các khu bảo tồn sinh học biển nhằm tăng sự đa dạng sinh học, các giải pháp quy hoạch bảo vệ những vùng ngập lầy, phát triển rừng, rừng ngập mặn cần sóng, **phát triển** các dải cây xanh dọc theo bờ biển để cản gió bão dành đất dự trữ để phát triển đô, điều, xây dựng hệ thống thoát nước, trạm bơm chống úng ngập, **thúc đẩy** các nghiên cứu kỹ thuật phòng, chống úng ngập, hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và tách nước thải ra khỏi hệ thống cống chung, nạo vét mở rộng kênh rạch để xóa các điểm ngập tại đô thị. **Hỗ trợ** cho đội tàu đánh cá xa bờ với công suất cao (400-900CV) để giảm áp lực cho các ngư trường gần bờ.

Đáp ứng Xã hội gồm:

Sức ép:

- khai thác quá mức các nguồn tài nguyên sinh vật
- đô thị hóa
- tác động biến đổi khí hậu
- dân số cao

Hiện trạng:

- ngập lụt
- rừng ngập mặn bị phá nên không có nơi trú ẩn khỏi những cơn bão
- ô nhiễm môi trường nơi cửa biển
- bờ biển bị xói mòn

Đáp ứng:

- tăng cường rừng ngập mặn
- tăng cường đa dạng sinh học vùng đầm phá ven biển
- trồng cây ngập mặn để giúp thanh lọc nước, cung cấp môi trường sống cho các loài cá, tôm cua
- đê biển
- khu bảo tồn sinh vật biển...

5. Kết luận.

Đại dương, biển cả ngày nay là biên giới cuối cùng của loài người trên hành tinh này. Trong khi dân số trên thế giới vẫn tăng đều và diện tích đất đai trồng trọt được càng ngày càng ít đi thì chính đại dương là nguồn sống của nhân loại. Thực vậy, đại dương là khí hậu, đại dương là kho tài nguyên gần bờ, xa bờ, là kho tàng đáy biển, là nơi chứa tiềm năng du lịch sinh thái và du lịch nghỉ ngơi, và đại dương cũng là nghĩa trang vì cuối cùng, mọi chu kỳ cuộc sống đều tận cùng ở chỗ thấp nhất, bao la nhất là biển. Chính vì vậy mà Liên Hiệp Quốc đã chọn năm

2013 là 'Năm Đại Dương' với chủ đề: 'Chúng ta chỉ có chung một đại dương, một bầu khí quyển, một tương lai' nhằm mục đích nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, ngăn chặn sự gia tăng về tốc độ ô nhiễm và suy thoái môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, vì sự phát triển bền vững của hành tinh chúng ta.

Môi trường bị đe dọa từ nhiều nguyên nhân, và **nguyên nhân của mọi nguyên nhân là từ cái Tâm con người**. Thực vậy, tài nguyên trái đất này là hữu hạn và con người phải thích nghi với môi trường sống càng ngày càng suy thoái.

Chợt nhớ vài vần thơ trong bài **Biển Cả** của Phùng Cung:

*Hỡi biển cả
Diện tuy rộng
Nhưng thiếu những giác quan cần thiết
Lòng tuy xanh sâu
Xanh sâu đầy mặn chát...
Nỗ cưỡng sóng vỗ
Trống trải bờ vờ
Chiều quả phụ
Bình minh vô vọng phương mờ...
Ôi! Bao yên lặng thanh cao
Đều chìm
Trong thét gào man rợ...
Vây dẫu có vô cùng lớn lao gì đó
Ta chỉ yêu cầu phải **hài hòa** với vô cùng bé nhỏ mà thôi.*

Hài hòa trong vũ trụ có nghĩa kết hợp giữa bảo tồn biển và phát triển kinh tế biển, thông qua tổng thể các giải pháp hợp lý nhằm phát triển bền vững, vừa đạt được mục tiêu bảo tồn cho các thế hệ kế tiếp, vừa đạt được mục tiêu nhu cầu cho các thế hệ hôm nay. Trái đất này là của chung, mọi việc đều liên quan đến nhau: khí dioxyt các-bon trên khí quyển là một khí không biên giới; bầu không khí O3 (Ozone) là không biên cương. Nó không tuân thủ các ranh giới hành chính của các chính phủ. Môi sinh có thể nhìn dưới dạng vĩ mô hay vi mô. Trên cương vị **vĩ mô**, đó là trái đất, là một xứ; trên phạm vi **vi mô** đó là một quả đồi, một thung lũng, một dòng sông, một cái hồ.

Trái đất này là Một, - một không có nghĩa là 1, 2 - mà là toàn thể (holism, do chữ whole). Đó cũng là luận thuyết GAIA. Gaia là một từ ngữ Hy Lạp cổ về nữ thần của Trái Đất. Ngày nay, người ta sử dụng danh từ này để mô tả một hệ thống trong đó đại dương, khí quyển, khí hậu và vỏ trái đất được điều chỉnh lẫn nhau để có sự sống; vũ trụ này là một thực thể sống động tương tác với những dòng chảy năng lượng luân lưu. Quan niệm Gaia với Trái Đất - Quê Hương buộc ta có một cái nhìn tổng thể, cái nhìn huyền đồng.

Thái Công Tụng
Tổ Đình Từ Quang
Hè 2014

Cây roi kỳ diệu

(Tiếp theo trang 70)

Đúng ra thì tính tôi không hề biết có tin vào thầy bói bao giờ, nhưng tôi lại rất thích được ngồi trước mặt ông để được nghe nói nhảm, nói cuội về một kiếp hoa người, để cho có dịp góp tiếng cười vui vẻ cùng với bạn bè. Tuy nhiên, sau này khi đã lớn khôn nhiều thì tôi hoàn toàn cả tin vào nhân duyên số mạng của con người trong môi trường liên hệ quanh mình. Trường hợp hôn nhân dị chủng của những người thân nhân của làng tôi từ ở nước ngoài trở về thăm quê hương đất mẹ, trên tay họ bỗng bế theo những đứa trẻ em có khác da màu là một trường hợp điển hình. Người bạn trai của tôi cũng vậy. Ngày xưa anh ấy nói yêu tôi và cùng nhau thề non hẹn biển lắm điều. Thế mà trong thời gian xa cách tắc gang giữa phố thị và xóm làng, thì anh lại gặp phải duyên vợ chồng với người tình mới. Mặc dù cha mẹ anh vì thương yêu tôi (cô dâu hụt) không đồng ý về chuyện lén lút này, cho nên tức giận và có đánh anh vài roi cho hả giận, nhưng câu chuyện đã được an bài thì làm sao mà có thể gỡ rối cho ra. Và cũng chính nguyên nhân từ đó làm cho tôi bắt đầu rất quý trọng thời gian, để nắm bắt học hỏi tránh mọi điều thua thiệt có thể xảy ra thêm cho mình trong những lần kế tiếp sau này. Và nhất là, biết cố gắng bỏ lờn những cái tật ham vui để đề phòng, và quyết định chấp nhận thành lập gia đình sau khi người yêu lấy vợ.

Bây giờ, hồi tưởng lại cuộc đời quá khứ cho đến thực tại với bao kỷ niệm vui buồn đến từng theo giai đoạn của đời người, lòng tôi vẫn nhớ mãi câu chuyện bé roi làm gãy đánh thẳng nhóc lém năm xưa làm cho nó bị rêm mình, mà lại còn được cha mẹ của nó hoan nghinh... Bỗng dưng, đầu óc tôi lại bất chợt thoáng hiện ra ngay về hình ảnh thân thuộc của cây roi hữu hiệu ngày nào mà nay đã mất đi, và không bao giờ có thể còn tìm lại được làm cho tôi thấy tiếc vô cùng.

Tuy nhiên, trong lúc này nếu có ai vô tình hỏi về công dụng và giá trị của từng các loại cây roi, thì lập tức tôi có thể xác định để trả lời rằng:

- *Đúng đầu quyền lực là roi Thánh Gióng, vì nó là loại **roi thần cứu nước** của cậu bé anh hùng Phù Đổng lên ba đã từng dùng để đập ngựa sắt khạc lửa **đốt cháy lũ xâm lăng giặc Ân**, làm cho bọn chúng phải khiếp đảm, kinh hồn, vỡ mặt thua trận nhục nhã chạy dài và rách tả tơi không còn manh giáp.*

An Tiêm MAI LÝ CANG
(Paris Xuân Ất Mùi 2015)



Tại sao dân Úc từ chối nền Cộng Hòa?



• Nguyễn Quang Duy

Thứ hai ngày 20.10.2014 vừa qua, Cựu Thủ Tướng Lao Động Gough Whitlam (1972-75) qua đời tại Sydney. Nhớ đến ông Whitlam là nhớ đến vị Thủ Tướng đã bị Tổng Toàn quyền John Kerr sử dụng quyền lực Hiến Pháp truất phế ngày 11.11.1975.

Sự kiện dẫn đến nhiều tranh luận về chính thể quân chủ hay cộng hòa cho nước Úc. Nhưng khi cuộc trưng cầu dân ý năm 1999 được tiến hành thì kết quả lại có tới 55 phần trăm cử tri bác bỏ việc Úc trở thành một nước cộng hòa.

Kết quả gây ngạc nhiên không ít vì khi ấy đa số dân Úc đã tin rằng đến lúc nước Úc phải được hoàn toàn độc lập. Bài viết xin vắn tắt trình bày sự kiện để rút ra bài học cho tương lai Việt Nam.

Cuộc truất phế Thủ Tướng Gough Whitlam

Câu chuyện bắt đầu từ một thỏa thuận vay tiền từ các quốc gia Trung Đông lên đến 4 tỷ Mỹ Kim. Thỏa thuận đã bị các giới chức chính phủ và Quốc Hội phản đối.

Nhưng Tổng trưởng Ngân khố Jim Cairns và Bộ trưởng khoáng sản và năng lượng Rex Connor vẫn tiếp tục bí mật thương lượng. Sự kiện bị đổ bể, Thủ Tướng Whitlam đã sa thải cả hai ông.

Thừa cơ hội lãnh tụ đối lập Malcolm Fraser dùng quyền lực chính trị tại Thượng viện không cho thông qua ngân sách, gây bế tắc chính trị, rồi làm áp lực buộc ông Whitlam tổ chức bầu cử. Nhưng ông Whitlam không đồng ý.

Bất ngờ Tổng Toàn quyền John Kerr cho triệu hồi hai ông Whitlam và Fraser, rồi ra quyết định dùng quyền hiến pháp truất phế ông Whitlam, đưa ông Fraser lên thay.

Quyết định của ông Tổng Toàn quyền John Kerr bị cho là không đúng vì sự việc có thể được giải quyết thông qua đàm phán chính trị.

Ngay sau đó ông Fraser cho tổ chức bầu cử kết quả Liên đảng Tự do và Quốc Gia thắng và ông Malcolm Fraser lên làm Thủ Tướng. Từ đó bắt đầu có những đòi hỏi cần thay đổi chính thể quân chủ lập hiến bằng một chính thể Cộng Hòa.

Hiến Pháp Úc

Từ ngày 1.1.1901, Úc đã trở thành một nước trong Khối Thịnh Vượng Chung có Hiến Pháp riêng. Nhưng mãi

đến năm 1986, Úc mới thực sự chấm dứt hoàn toàn vai trò của Anh Quốc trong chính phủ của các tiểu bang và chấm dứt quyền chống án lên Cơ Mật Viện Anh.

Khi đảng Lao Động cầm quyền trở lại và nhất là trong những năm đầu 1990, tranh luận về một nền cộng hòa trở thành một đề tài chính trị luôn được quan tâm.

Năm 1993, Thủ Tướng Lao động Paul Keating tái đắc cử ông tuyên bố muốn có một cuộc trưng cầu dân ý vào năm 1999. Thủ lãnh đối lập Dân Biểu Alexander Downer hứa sẽ triệu tập một Hội Nghị Lập Hiến để thảo luận về vấn đề này.

Khi đảng Tự Do lên cầm quyền, Thủ Tướng John Howard quyết định vào năm 1998 sẽ triệu tập Hội nghị Lập hiến Úc thảo luận ba mô hình cộng hòa Úc:

- (1) Tổng Thống trực tiếp do dân bầu (Tổng Thống Chết),
- (2) Tổng Thống do các Dân biểu Nghị sĩ bầu (Đại Nghị Chết), hay
- (3) Bổ nhiệm bởi một hội đồng do Thủ Tướng đề cử (Thủ Tướng Chết).

Trong Hội Nghị, phái bảo hoàng lập luận vị Tổng Toàn Quyền là trọng tài cho quá trình đàm phán chính trị vì thể chính thể quân chủ lập hiến là cơ sở vững chắc cho nền dân chủ tại Úc. Họ tin rằng "Nếu hệ thống hiện tại không vỡ, không cần phải sửa".

Những người cổ vũ cộng hòa thì cho rằng đã đến lúc Úc phải hoàn toàn độc lập với Nữ Hoàng Anh và Anh Quốc.

Phái cộng hòa cấp tiến cho rằng Hiến Pháp không còn hợp thời và muốn sửa đổi toàn diện hệ thống Westminster và thực hiện một chính thể Cộng Hòa Tổng Thống Chết.

Sau nhiều tranh luận cuối cùng Hội Nghị Lập Hiến đã quyết định chọn mô hình Đại Nghị Chết, Tổng Thống được bầu với ít nhất 2 phần 3 số phiếu tại cả Thượng viện lẫn Hạ viện, để đưa ra trưng cầu dân ý.

Phái cộng hòa cấp tiến đã bỏ phiếu trắng trong Hội Nghị và trong trưng cầu dân ý đã vận động chống lại mô hình này.

Phái này tin rằng mô hình sẽ bị đánh bại tại cuộc trưng cầu 1999 và cuộc trưng cầu lần thứ hai sẽ là mô hình bầu trực tiếp Tổng Thống.

Khuyh hướng các đảng chính trị

Vào năm 1999, Úc có 5 đảng chính trị chính mỗi đảng có khuyh hướng như sau:

- Đảng Lao Động được nhiều người công giáo, giới lao động và người mới định cư ủng hộ. Chủ trương khá rõ ràng là muốn một nước Úc cộng hòa.

- Đảng Tự Do được nhiều người Anh giáo, giới tiểu thương và doanh nhân ủng hộ. Quan điểm của đảng Tự Do không rõ rệt. Thủ Tướng Tự Do John Howard được xem là bảo hoàng. Nhưng người đứng thứ hai trong chính phủ là Tổng trưởng Ngân khố Peter Costello thì lại ủng hộ cộng hòa. Chủ tịch Phong trào Cộng hòa là ông Malcolm Turnbull, sau này trở thành một dân biểu đảng tự do.

- Đảng Dân Chủ và đảng Xanh được giới trẻ ủng hộ nên theo khuyh hướng cộng hòa.

- Chỉ có Đảng Quốc Gia được người ở miền quê ủng hộ là theo khuyh hướng bảo hoàng.

Như vậy nhìn chung các đảng chính trị khuyh hướng cộng hòa có phần thắng thế.

Chiến dịch vận động

Chiến dịch YES (Ủng Hộ Chính Thể Cộng Hòa) đưa ra những điểm cần thay đổi và chỉ có nền cộng hòa mới có thể đáp ứng được.

Chiến dịch này được những người uy tín nhất nước Úc như Cựu Thủ tướng Chính phủ Lao động Gough Whitlam (vừa qua đời) và đối thủ của ông là Thủ tướng Chính phủ Tự do Malcolm Fraser công khai ủng hộ.

Một yếu tố quan trọng khác là khuynh hướng cộng hòa YES được giới truyền thông tích cực ủng hộ.

Để vận động NO (từ chối chính thể cộng hòa) các nhóm bảo hoàng tập trung đề cao thành quả nước Úc đã gặt hái được. Đồng thời tạo nỗi lo âu về sự bất ổn khi phải thay đổi thể chế chính trị. Khẩu hiệu của họ là "Nếu hệ thống hiện tại không vỡ, không cần phải sửa".

Người Úc vốn không thích thay đổi. Cho đến nay chỉ có 8 trong số 44 đề xuất đưa vào một cuộc trưng cầu đã được đồng thuận thông qua. Nên chiến dịch vận động thành công ở chỗ giữ được các cử tri thuộc phái "bảo thủ".

Thành phần cộng hòa cấp tiến vận động không đồng thuận mô hình trưng cầu dân ý kêu gọi cử tri chọn NO (từ chối chính thể cộng hòa) họ đưa ra một số lập luận:

- Thứ nhất, muốn quyền lực chính trị thực sự thuộc về toàn dân thì mọi công dân đều phải bình đẳng về chính trị và phải được bầu trực tiếp vị Nguyên Thủ Quốc Gia.

- Thứ hai, mô hình trưng cầu dân ý là một mô hình phi dân chủ và sẽ dẫn đến một "nền cộng hòa của các chính trị gia". Vì chỉ có họ mới có quyền bầu vị Nguyên Thủ Quốc Gia.

- Thứ ba, thay vì chỉ thay đổi chính thể cần viết lại một Hiến Pháp hoàn mới cho nước Úc cộng hòa vì hiến pháp hiện nay không còn thích hợp; và

- Thứ tư, chỉ có mô hình Cộng Hòa Tổng Thống chế mới lợi ích thực sự cho nước Úc vì thế cần từ chối mô hình lần này để sửa soạn trưng cầu dân ý lần tới.

Phái cộng hòa cấp tiến tin rằng mô hình bầu qua lưỡng viện (Đại Nghị Chế) sẽ bị đánh bại và lần tới sẽ trưng cầu mô hình bầu trực tiếp (Tổng Thống Chế).

Với sự tích cực vận động của cánh bảo hoàng và cánh cộng hòa cấp tiến, cuối cùng dân Úc đã từ chối mô hình cộng hòa đại nghị chế.

Bài học cho Việt Nam.

Sau khi chế độ cộng sản sụp đổ các quốc gia Đông Âu và Liên Xô đều đã theo chính thể cộng hòa và tương tự Việt Nam sẽ thế.

Cuộc Trưng cầu dân ý tại Úc cho thấy mặc dù chính thể cộng hòa là cần thiết, nhưng muốn có dân chủ thực sự thì mọi công dân phải được quyền chọn và trực tiếp bầu cho vị Nguyên Thủ Quốc Gia.

Không thể sửa đổi lật vật mà cần có một hiến pháp hoàn toàn mới thì nước Úc mới tiếp tục là một quốc gia dân chủ trong thời đại hiện nay.

Vì thế lên đến 55 phần trăm cử tri bác bỏ việc Úc trở thành một nước cộng hòa và nhiều cử tri đã sẵn sàng tạm thời hy sinh lý tưởng của họ để sửa soạn cho một tương lai hoàn chỉnh hơn.

Trở lại trường hợp Việt Nam bài viết tuần trước đã phân tích rõ các điều kể trên. Xin mời các bạn đọc lại bài "Viễn Tưởng Về Một Chính Thể Cộng Hòa Cho Việt Nam" sau đây để rõ hơn về trường hợp Việt Nam (NQD, Úc) ./-

Viễn tượng về chính thể Cộng Hòa cho VIỆT NAM

• Nguyễn Quang Duy

Các bạn trẻ quan tâm đến tình trạng đất nước thường phân vân giữa chính thể cộng hòa và thể chế dân chủ. Có bạn còn chưa rõ các quốc gia Đông Âu và Liên Xô đều đã theo chính thể cộng hòa và tương tự Việt Nam sẽ thế.

Cộng Hòa - Cộng Sản

Cộng hòa nghĩa là mọi công dân đều bình đẳng về chính trị. Có như vậy quyền lực chính trị mới thực sự thuộc về toàn dân. Công dân có quyền và có bổn phận bầu ra người đại diện quốc gia.

Nhờ bình đẳng về chính trị, nền cộng hòa khuyến khích sự phát triển của đa nguyên, đa đảng tạo nền tảng xây dựng xã hội dân chủ.

Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (1946-76) và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (1976-) là quốc gia theo thể chế cộng sản. Đảng trên cả Tổ Quốc. Ngay trong đảng Cộng sản các đảng viên đã bị đối xử bất bình đẳng về chính trị.

Ngoài xã hội người dân đã mất hẳn quyền tự do chính trị. Hiến Pháp chỉ là hình thức. Phương thức "Đảng cử dân bầu" cũng là dân chủ hình thức nên không thể xem là nước cộng hòa.

Việt Nam Cộng Hòa là một quốc gia Cộng Hòa trong thời chiến và đã trải hai qua hai nền Cộng Hòa - Tổng Thống chế.

Đệ Nhất Cộng Hòa (1956-63) do Tổng thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo qua 2 nhiệm kỳ và đã chấm dứt sau cuộc đảo chánh 1.11.1963.

Đệ Nhị Cộng Hòa (1967-75) trải qua 3 đời Tổng thống.

1. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đắc cử 2 nhiệm kỳ và ông Thiệu đã từ chức ngày 21.4.1975.

2. Tổng thống Trần Văn Hương chỉ được 7 ngày (21-4 đến 28.4.1975).

3. Tổng thống Dương Văn Minh chỉ được 3 ngày 30.4.1975 thì đầu hàng quân đội Bắc Việt, chấm dứt nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

Hai nền Đệ Nhất Cộng Hòa (1956-63) và Đệ Nhị Cộng Hòa (1967-75) đã đi vào lịch sử. Mỗi nền Cộng Hòa có nhiều điểm khác nhau, việc đánh giá và viết lại trang sử là việc làm của những nhà viết sử.

Trong giới hạn bài viết chỉ xin đưa ra một số ưu điểm chung của cả hai nền Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam.

Giá trị của nền Cộng Hòa tại Miền Nam.

Việt Nam Cộng Hòa là một nước cộng hòa non trẻ trong thời chiến nhưng đã xây dựng dựa trên một nền tảng dân chủ:

(1) Công dân bầu Quốc Hội Lập Hiến

(2) Quốc Hội Lập Hiến soạn Hiến Pháp

(3) Công dân bầu Quốc Hội Lập Pháp và bầu Tổng Thống.

Quốc Hội Lập Hiến và Lập Pháp đều có sự tham gia của đa đảng chính trị. Các đảng chính trị đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng nền dân chủ và pháp trị tại miền Nam. Cả Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa đều đã có đổi lập chính trị hoạt động trong nghị trường.

So với các quốc gia trong vùng Đông Nam Châu Á cùng thời, Hiến pháp 1967 chỉ rõ sự tiến bộ vượt bậc của Việt Nam. Hiến pháp vừa ngắn gọn, rõ ràng, vừa nêu rõ chính phủ phải bảo đảm những quyền tự do căn bản, kể cả quyền đổi lập chính trị. Hệ thống tam quyền phân lập cũng đã được đưa vào Hiến Pháp 1967.

Cũng so sánh với các quốc gia trong vùng, Việt Nam Cộng Hòa có một số đặc điểm nổi bật:

1. Các quyền tự do căn bản đã được chính phủ bảo đảm, đặc biệt là quyền tư hữu;

2. Xây dựng được một nền dân chủ tam quyền phân lập;

3. Xây dựng thành công một nền giáo dục, lấy dân tộc, nhân bản và khai phóng làm căn bản

4. Theo kinh tế thị trường tự do;

5. Nhưng vẫn đảm bảo được vấn đề dân sinh như y tế hay thực hiện luật Người Cày Có Ruộng.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy các yếu tố trên là căn bản trong việc phát triển quốc gia. Nghĩa là nếu miền Nam không rơi vào tay cộng sản thì Việt Nam Cộng Hòa sẽ không thể kém xa các quốc gia Đông Nam Châu Á như hiện nay. Nếu không nói là sẽ vượt trội hơn người.

Sau 40 năm, đảng Cộng sản đã hủy hoại tất cả những giá trị nền cộng hòa đạt được. Tuy nhiên giá trị tinh thần vẫn còn đó và sẽ được phục hồi.

Tinh thần Cộng Hòa vẫn tồn tại.

Mặc dù Việt Nam Cộng Hòa không còn tồn tại nhưng sinh hoạt và tinh thần cộng hòa đã ăn sâu vào cách suy nghĩ của người miền Nam.

Tinh thần này đã được truyền cho thế hệ tiếp nối và lan tỏa khắp nơi. Trong nước tại miền Nam các thế hệ đi trước đã kể cho con em họ về lịch sử của họ và của Việt Nam Cộng Hòa.

Ở hải ngoại tinh thần được những người tị nạn mang theo và gìn giữ. Biểu hiện rõ ràng nhất là các sinh hoạt cộng đồng tại Hoa Kỳ, Tây Âu và Úc Châu vẫn tiếp tục sử dụng Quốc Kỳ, Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa và luôn gắn bó với cuộc đấu tranh giành lại tự do tại Việt Nam.

Ngày nay nhờ các phương tiện truyền thông hiện đại tinh thần cộng hòa đang từng bước hồi phục tại Việt Nam.

Nhiều người sống ở miền Bắc hay trước đây theo cộng sản dần dần cũng nhận ra những ưu điểm mà thể chế cộng hòa mang lại cho dân, cho nước.

Việc công nhận Việt Nam Cộng Hòa cũng được ghi nhận trên những cơ quan truyền thông chính thức tại Việt Nam.

Ngày nay, ở hải ngoại có hằng triệu người thuộc thế hệ tiếp nối Việt Nam Cộng Hòa. Nhờ học hỏi, sống và

làm việc tại các cường quốc trên thế giới họ đã tích lũy được nhiều kiến thức, kinh nghiệm sẽ là nền tảng xây dựng lại Việt Nam. Một yếu tố mà Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa không hề có.

Một khi Việt Nam có tự do, những công dân gốc Việt cũng sẽ dùng lá phiếu, sẽ nỗ lực vận động các cường quốc giúp đỡ xây dựng lại Việt Nam.

Viễn tượng về nền Đệ Tam Cộng Hòa.

Tình hình thế giới đang biến chuyển không ngừng, càng ngày càng nhiều quốc gia trở thành các quốc gia Cộng Hòa. Úc trong 10 năm tới có lẽ cũng sẽ trở thành một quốc gia cộng hòa.

Tình hình Việt Nam cũng thế:

(1) Bên trên Bộ Chính trị càng ngày càng phân hóa,

(2) Bên trong đảng Cộng sản diễn biến hòa bình càng ngày càng khốc liệt,

(3) Bên ngoài xã hội thì đòi hỏi thay đổi chính trị mỗi ngày một tăng thêm.

Các tổ chức tôn giáo, tổ chức đấu tranh chính trị, tổ chức xã hội dân sự đã và đang liên kết tìm một hướng đi mới cho Việt Nam.

Khi chế độ sụp đổ, các quốc gia Đông Âu và Liên Xô đều đã theo chính thể cộng hòa và tương tự Việt Nam sẽ thế.

Muốn có một nền tảng vững chắc cho tương lai, cần hướng đến một Quốc hội Lập hiến soạn một hiến pháp mới cho Việt Nam. Tên nước, cờ, thủ đô, mô hình thể chế dân chủ sẽ được toàn dân quyết định.

Cho đến nay lá cờ vàng vẫn là biểu tượng của những người theo khuynh hướng cộng hòa. Vì thế họ luôn tìm mọi cách vinh danh và hợp thức hóa lá cờ.

Quan điểm cho rằng phải bỏ màu cờ để có thể bàn chuyện dân chủ là một quan niệm thiếu dân chủ. Trước đây ở miền Nam và sau này ở Hải Ngoại cũng đã từng tranh luận công khai về việc thay đổi màu cờ.

Quan điểm dân chủ sẵn sàng chấp nhận phương cách đấu tranh dân chủ qua một cuộc trưng cầu dân ý để có một màu cờ chung cho toàn dân tộc.

Kết luận.

Việt Nam đã từ bỏ chế độ Quân Chủ, đang từ bỏ chế độ độc tài cộng sản, chính thể cộng hòa sẽ là thể chế tương lai Việt Nam. Các quyền tự do cơ bản và giá trị cộng hòa sẽ được phục hồi.

Nền Đệ Tam Cộng Hòa sẽ tiếp tục sứ mệnh xây dựng, giữ gìn đất nước và đưa đất nước đi lên hội nhập vào thế giới văn minh.

Các bạn trẻ dân thân đấu tranh cho dân chủ khi nắm được điều đơn giản bên trên sẽ định được hướng đấu tranh một cách rõ ràng hơn.

Xây dựng lại đất nước là một việc rất khó, cần biết rõ phải làm gì để có thể làm nhanh hơn với kết quả tốt hơn.

Nguyễn Quang Duy

Melbourne, Úc Đại Lợi

17.10.2014



NAM HÀN - South Korea

• Phương Đoan - dieuam

Thập niên 60, Hàn Quốc là 1 trong những nước nghèo đói nhất châu Á. Năm 1968, người Hàn quyết định thay đổi giáo dục bằng cách bê nguyên sách giáo khoa của người Nhật về dịch sang tiếng Hàn và giảng dạy, ngoại trừ các môn xã hội như địa lý, lịch sử và văn học.

Lúc đó cũng có nhiều người chỉ trích vì tính sĩ diện của người Hàn Quốc rất cao, lẽ nào lại không tự soạn được một bộ sách giáo khoa. Nhưng họ vẫn quyết tâm thực hiện, vì để có chương trình giáo dục đó, người Nhật đã mất cả trăm năm cải biên từ cách đào tạo của giáo dục phương Tây phù hợp với đặc trưng châu Á, bắt đầu từ thời Minh Trị Thiên Hoàng. Để rút ngắn thời gian, chẳng có cách nào ngoài việc lấy kinh nghiệm của người khác, để còn lo việc khác nữa. Vì Hàn Quốc muốn trở thành một bản sao mới của Nhật, nền kinh tế dựa trên lòng tự hào dân tộc, tính kỷ luật và đạo đức của toàn thể xã hội.

Đúng 20 năm, đến 1988, Hàn Quốc đăng cai Olympic Seoul, cả thế giới không ai tin vào mắt mình khi thấy kỳ tích bên bờ sông Hàn lại khủng khiếp như thế. Ô-tô, xe máy, dệt nhuộm, hóa chất, đóng tàu, điện tử, bánh kẹo...

Bên Nhật có cái gì thì bên này có cái đó, dù dân số chỉ bằng 1/3.

Không ai biết trong 20 năm đó, cả dân tộc Hàn Quốc đã nắm chặt tay với quyết tâm thoát nghèo như thế nào. Trên tivi chỉ có 2 chương trình là "dạy làm người" và "dạy làm ăn", từ cái văn minh nhỏ xíu như nụ cười của một nhân viên bán hàng, đến cách quản lý chi phí của một quán cà phê, đến cách tạo dựng một nhà máy.

Từ một dân tộc "xin việc", tức các doanh nghiệp nước ngoài đến đặt nhà máy tại Hàn và thuê lao động Hàn, Hàn Quốc bắt đầu khan hiếm lao động và trở thành dân tộc đi "cho việc", tức xây dựng các nhà máy ở nước ngoài và hàng triệu người Trung Quốc, Thái Lan, Philippines đứng xếp hàng xin các ông chủ Hàn Quốc cho họ việc làm. Hàn Quốc đã thành công trong việc tiếp nối Nhật Bản thành dân tộc đi cho việc người khác.

Năm 1988, pháo hoa thấp sáng 2 bờ sông Hàn, người Hàn Quốc ôm nhau và cười trong nước mắt, hơn 100 quốc gia giàu có nhất trên thế giới miễn visa cho họ, Hàn Quốc giờ đây đã bước chân vào nhóm 24 quốc gia thịnh vượng nhất loài người.

Nhưng thách thức mới lại xuất hiện, vì bây giờ không phải là Nhật Bản nữa, mà là Hồng Kông và Singapore, 2 cực hút nam châm của cả châu Á về tài chính, thương mại và giải trí. Phim Hồng Kông tràn ngập thị trường và không có đối thủ.

Người Hàn tuyển chọn ngay 2000 sinh viên ưu tú nhất, cử sang Hollywood, diễn cường học hành, từ đạo diễn, diễn viên, phục trang đạo cụ... 4 năm sau tốt nghiệp, năm 1992, những bộ phim Hàn Quốc đầu tiên ra đời như Cảm xúc, Mỗi tình đầu, Hoa cúc... với một thể hệ diễn viên đẹp từng milimet và hợp nhãn người châu Á.

Ngành làm phim phối hợp với ngành thời trang, mỹ phẩm và hàng tiêu dùng, bắt đầu xâm nhập vào các thị

trường. Đại sứ quán Hàn Quốc tại các nước có nhiệm vụ dịch thuật ra tiếng địa phương và tặng không cho các đài truyền hình, tạo ra làn sóng Hanluy nổi tiếng.

Người Nhật điên cuồng, người Trung Quốc điên đảo, các nước Đông Nam Á thì chỉ biết ụ pa ơi, ụ pa hời. Phim Hồng Kông bị đá văng ra khỏi thị trường cho thuê băng đĩa.

Năm 1988, ngoài 2000 người đi Hollywood để xây dựng công nghiệp điện ảnh, ngàn ấy người được cử đi Milan và Paris để học về thời trang, mỹ phẩm.

Các tập đoàn như xe Kia, Samsung, Hyundai còn thuê cả ê-kip thiết kế của các hãng xe Đức như Mercedes, BMW làm việc cho họ, với tham vọng xuất khẩu xe sang Mỹ và châu Âu. Muốn bán cho Tây thì bao bì nhãn mác phải có óc thẩm mỹ của Tây, chứ kiểu "tròn tròn xinh xinh" của dân châu Á, tụi Tây không thích, không bán được.

Có những năm, những mẫu xe của Hyundai bán chạy nhất ở Bắc Mỹ và châu Âu. Người Mỹ bắt đầu nhìn người Hàn với ánh mắt khác, ngưỡng mộ và ngạc nhiên, thích thú.

Ngoài ra, những sinh viên giỏi toán nhất được hưởng theo ngành tài chính ở các đại học lớn ở Mỹ, với tham vọng Seoul thành một London, New York. Các quỹ đầu tư ra đời, tự tìm kiếm các nhà máy mới khởi nghiệp be bé để rót tiền vào, tham gia vào quản trị. Không chỉ trích, chỉ góp sức góp trí để xây dựng.

Một người Hàn giàu có là cả dân tộc Hàn giàu. Hệ thống bán lẻ Lotte phải có nghĩa vụ mang hàng hóa Hàn đi khắp nơi.

Ông lớn Samsung bắt đầu tuyển dụng những sinh viên giỏi nhất châu Á về cho học bổng thạc sĩ miễn phí với điều kiện tốt nghiệp xong phải mấy năm phục vụ cho họ. Họ gom trí tuệ của cả châu Á để chinh phục thị trường điện thoại thông minh và máy tính bảng, cạnh tranh đôi đầu với Apple, đối đầu với cả một tập thể trí tuệ thung lũng Silicone, cứ như Airbus của châu Âu cạnh tranh với Boeing vậy.

Người Hàn Quốc, dù dân thường hay sếp lớn, tất tần tật mọi thứ họ dùng phải Made in Korea, dù lúc sản phẩm kém cỏi còn xấu xí và đầy lỗi của thập niên bảy mươi hay hiện đại tinh xảo như bây giờ. Nếu người tiêu dùng không ủng hộ sản phẩm nhem nhuốc của thời khởi nghiệp, thì doanh nghiệp còn tồn tại đâu mà có sản phẩm tinh xảo sau này?

Tony nhớ lần đi Hàn đầu tiên, mùa thu năm 2005, bà chị ở Việt Nam cẩn thận ghi tên mấy nhãn hiệu mỹ phẩm ưa thích của chị ấy cho mình mua giùm. Ở cửa hàng mỹ phẩm, cô bán hàng mặc bộ váy veston đen, chạy như bay lấy hết sản phẩm này đến sản phẩm khác cho Tony xem, đều là của Hàn cả. Do tiếng Anh không nói tốt nên cô cứ giải thích bằng tiếng Hàn đến lúc giọng khàn đặc.

Đến lúc Tony lấy tay chỉ hộp phấn Lancôme, thì cô thất vọng oà khóc. Cô khóc vì cô đã không thành công khi tình yêu nước của cô không thuyết phục được khách hàng.

Tony nhìn cô ấy sững sờ, lẽ nào chỉ là một cô gái bán hàng bình thường mà có lòng yêu đất nước mãnh liệt thế sao? Tony bèn mua mấy hộp mỹ phẩm của Hàn, dù chẳng biết có tốt không, vì kính phục quá.

Lúc Tony bước ra khỏi cửa hàng, ngoái lại vẫn thấy cô gập đầu cung kính.

Ngoài phố, gió bắt đầu lạnh, từng tốp học sinh chạy tập thể dục rầm rập trên vỉa hè, những chiếc áo khoác thêu cờ quốc gia ở sau lưng. Và Tony biết, sau lưng của mỗi công dân luôn là tổ quốc. ■

Thảm cảnh, của cả một đất nước, của cả một dân tộc ...



• Ca sĩ DON HỒ

Khi đang hát, sợ nhất là bị khán giả níu vai & chồm lên nói nhỏ vào tai. Chuyện này có nhiều cơ hội xảy ra khi người ca sĩ cầm microphone rời sân khấu để đi xuống bên dưới. Và tại sao "sợ" ư? Có thể bạn thắc mắc, chẳng hiểu.

- Thứ nhất: Đang mãi lo trình bày một nhạc phẩm, âm thanh đang ầm ầm thì người ca sĩ làm sao có thể nghe kịp và hiểu người kia đang muốn nói gì với mình?

- Thứ hai: Nếu lắng nghe coi nói gì thì bài hát sẽ có khả năng bị khựng lại và có nhiều khả năng bị phân tâm mà quên luôn cả câu hát kế tiếp.

Không tin bạn thử vừa hát vừa lắng nghe ai nói chuyện gì đó thử xem, nếu bạn làm được cả 2 chuyện cùng lúc thì có thể bạn là siêu nhân (superman) mà không biết đấy...

Tuần rồi trong một buổi gây quỹ, ban tổ chức nhờ cầm rổ đi xuống dưới khán giả, vừa hát vừa nhận phong bì tiền ủng hộ từ những vị hảo tâm, một bác lớn tuổi đã níu vai thì thầm gì đó thì vào tai. Dĩ nhiên là đã... chẳng hiểu bác nói gì, phải nói lạ:

- Thưa, cháu chẳng nghe được gì cả! Ghế bác chỗ nào, khi hát xong cháu xin trở ra tận nơi ạ?

Và đúng như đã hứa, hát xong phần mình vào trong lau mồ hôi xong trở lại tìm.

Được níu lại chụp hình ở một số bàn, nhưng rồi cuối cùng cũng kiếm được. Bác kéo tay bảo:

- Trong này ồn quá, ra ngoài bác có tí chuyện xin nhờ đến cháu...

Chút hồi hộp lẫn với tò mò.

Mái tóc gần như bạc phơ, nhìn bác có vẻ lớn tuổi lắm nhưng vẫn còn rất minh mẫn. Dáng người nhỏ nhắn, lịch sự, nói chuyện giọng của những người Bắc di cư giống hết mẹ. Bác như hơi dẫn đo chút rồi bắt đầu:

- Bác xin lỗi có hơi chút đường đột, nhưng bác có chuyện này muốn nhờ đến cháu vì bác nghĩ cháu có thể có khả năng giúp được...

- Dạ... Bác cứ nói, nếu làm được gì cháu sẽ làm.

- Chuyện như thế này...

Ánh mắt bác trở nên xa xăm, giọng trầm hẳn xuống "Bác có đứa con gái nhỏ đi vượt biên năm 1980 rồi bắt tăm tin tức. Gia đình bác nhiều năm đã nhờ rất nhiều nơi để kiếm em nhưng không có kết quả. Không biết cháu có thể giúp bác, mỗi nơi cháu đi qua để mắt kiếm giùm em?"

- Thưa...

Dường như bác đã lạc vào một thế giới khác, chẳng còn nghe, còn thấy gì chung quanh...

- Em nó tên là Trần Thị Thanh Lan, năm ấy em nó mới có 13 tuổi, vẫn còn láu táu lắm, tóc dài chấm vai. Gia đình bác thời ấy chỉ có khả năng cho mỗi một đứa con đi nên mới gởi gắm em đi theo gia đình người bạn quen. Cả tàu không có một tin tức trở về, chẳng biết chết sống. Nếu em nó còn, năm nay em nó tròn 47...

Tới phiên mình bị đẩy lạc trở về cái khoảng quá khứ đầy mộng mị.

Cũng cuối năm 1980 ấy, con tàu vượt biên nhỏ xíu chật ních những người, khoang tàu xâm xấp nước biển lẫn lộn cùng chất thải từ cơ thể bấy nhiêu hành khách. Con bé tóc ngắn năm sát bên cạnh dường như đi một mình, từ lúc đặt chân xuống ghe chẳng nghe mở miệng nói một câu. Mà mở miệng nói với ai bây giờ, cả chiếc ghe bốn mươi mấy người có mấy ai quen ai!

Con bé dường như cũng bị say sóng nặng giống hết mình, cũng ói lên ói xuống ngay tại chỗ và cũng là đi nằm thiêm thiếp. Một lần quay đi không kịp, con bé ói văng đầy cả vào mặt mình sát cạnh!

Biết được nó còn sống là nhờ có một lần bắt gặp ánh mắt của con bé yếu ớt dòm qua. Ánh mắt dường như muốn xin lỗi. Ánh mắt thăm thẳm, lạc lõng, vướng vất nhiều tầng mây xám ngắt chiều thu. Ánh mắt đã đi theo ám ảnh mình suốt cả mười năm đầu lúc mới tới được Hoa Kỳ...

Con bé chắc còn nhỏ lắm, cũng chỉ cỡ 12, 13 là cùng, và là người con gái đầu tiên bị thẳng hải tặc ỡ trần vấn xà rông xoắn cho ngồi lên, rồi chọc thẳng tay vào áo rờ rẫm mà rú lên cười!

Con bé cũng là bé gái nhỏ nhất trong nhóm phụ nữ đầu tiên bị bắt chuyền qua tàu hải tặc và chẳng bao giờ còn nghe tin.

Con bé năm ngay sát cạnh mình mà chẳng hề biết được tên...

Giọng bà bác ngay sát tai mà như rất mơ hồ đến tận đầu đầu...

- 34 năm rồi đó cháu, biết đâu con bé tội tình của bác đang sống lưu lạc ở một nơi nào đó trên thế giới mà không có cách nào để tìm lại được gia đình. Biết đâu em nó ở đâu đó trong những thành phố cháu đi qua...

Ồi... người mẹ tội nghiệp tìm con, đã chừng mấy năm rồi mà vẫn không với đi niềm hy vọng dù rất mỏng manh...

Tần ngần hỏi:

- Thưa bác, chị ấy đã... đi từ đâu?

Giọng 2 bác cháu đều trở nên tự lự, nhẹ như tờ lụa lúc nào.

- Ghe em nó đi từ Rạch Giá cháu...

(Xem tiếp trang 121)

Văn Bút Quốc Tế vẫn đòi nhà cầm quyền Cộng sản trả tự do vô điều kiện cho nhà báo tù nhân Điếu Cày Nguyễn Văn Hải

• Tù nhân Lương tâm như một Con Tin

Ngay sau khi nhà báo tù nhân **Điếu Cày Nguyễn Văn Hải** đặt chân đến Hoa Kỳ, nhà thơ Nguyên Hoàng Bảo Việt, đang bận việc ở Đông Âu, đã có dịp trao đổi ý kiến với các văn hữu Ủy Ban Văn Bút Quốc Tế bên vực Nhà Văn bị Đàn áp và Cầm tù. Được hỏi về biến cố mới này, thi hữu đã nói, đại ý: *CS vừa lén lút tổ chức bắt ông Điếu Cày ra khỏi trại giam rồi buộc ông đi lưu đày tận Hoa Kỳ. Gia đình nạn nhân không hề được thông báo trước. Tàn nhẫn hơn nữa, CS chỉ cho người tù nhân vì yêu nước Nguyễn Văn Hải tạm hoãn thi hành bản án bất công, 12 năm tù giam kèm thêm 5 năm tù quản chế. Hành vi bất nhân, vô liêm sỉ và vi luật trắng trợn của CS nhắc chúng ta nhớ lại trường hợp linh mục Nguyễn Văn Lý (vẫn còn tiếp tục bị đày đọa trong trại giam) hay là tù nhân thế kỷ Trương Văn Sương (đã chết non một tháng sau khi bị đưa trở lại trại giam), hay là nhà giáo Đinh Đăng Định (đã chết vài tuần sau khi nhận giấy « ân xá » để về nhà). Những vị tù nhân kể trên đều „được tạm hoãn thi hành án tù giam để trị bệnh hoặc vì lý do nhân đạo“. Trước ông Điếu Cày, ngày 7 tháng 4 năm 2014, CS cũng đã áp dụng biện pháp gần tương tự đối với tù nhân **Cù Huy Hà Vũ** (dù người vợ tù nhân được phép đi theo chồng).*

Chúng tôi vui mừng vì tù nhân Điếu Cày đã thoát khỏi địa ngục CS. Từ khi ông Điếu Cày bị bắt giam, chúng tôi cảm nhận và thấu hiểu niềm lo lắng sâu xa của gia đình ông. Thật vậy, mỗi ngày, mỗi tháng mà nhà báo **Điếu Cày** (hay các bạn tù của ông như nhà thơ **Nguyễn Xuân Nghĩa**, cô phóng viên **Phạm Thanh Nghiên**, v.v...) còn bị CS biệt giam thì Điếu Cày có cơ nguy rất lớn - cái chết thường trực đứng sau lưng hay trước mặt ông. Bởi vì CS Hà Nội, lính đánh thuê và nô lệ cho Bắc triều, sẽ không để cho người yêu nước, yêu Hoàng Sa Trường Sa, bất khuất đó, được sống sót đến ngày mãn hạn tù giam. Nhưng chúng ta không thể chỉ bằng lòng với cái gọi là « tù nhân được CS trả tự do » kiểu ấy. Phải chăng đây là bước đầu của những cuộc trao đổi tưởng chỉ xảy ra ở Phi châu và Trung Cận Đông: **Chế độ độc tài, bạo quyền cường tin, quân khủng bố đem Con Tin đổi lấy Vũ Khí sát nhân và áp bức!** Coi chừng không bao lâu nữa sẽ có thêm tù nhân lương tâm khác bị đưa vào chỗ mà CS đã biệt giam ông Điếu Cày trong mấy năm qua. Và từ một nước Việt Nam bất hạnh còn bị CS đày đọa, tước đoạt nhân phẩm và quyền làm người, máy bay dân sự ngoại quốc sẽ tiếp tục chở tù nhân lương tâm, như một con tin, cất cánh hướng về một góc biển chân trời, một miền đất cưỡng bức lưu đày vô định nào đó...

Được biết, hồi đầu tháng 10, đúng ba tuần trước khi có tin tù nhân Điếu Cày bị lưu đày biệt xứ, **Đại hội thể giới Văn Bút Quốc tế** kỳ thứ 80 tại **Bishkek**, thủ đô nước **Kirghizistan** đã đồng thanh thông qua một bản **Quyết Nghị về Việt Nam**. Bản văn do **Trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại** biên soạn, với sự tán trợ của **hai Trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ Đức và Ý thoại**. Hiệp hội các Nhà Văn thế giới cực lực tố cáo CS tiếp tục chà đạp quyền tự do phát biểu và thể hiện quan điểm, hành hạ, ngược đãi và giam cầm nhiều nhà văn, nhà báo, tác giả nhật ký điện tử và các nhà tranh đấu bảo vệ Nhân Quyền. Bản Quyết Nghị nêu lên bốn trường hợp đáng quan tâm nhất là LM **Nguyễn Văn Lý**, ông **Điếu Cày Nguyễn Văn Hải**, bà **Hồ Thị Bích Khương** và bà **Tạ Phong Tân**. Văn Bút Quốc Tế đòi trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho tất cả các nạn nhân có tên trong một danh sách đính theo bản Quyết Nghị. Văn Bút Quốc Tế cũng thúc giục nhà cầm quyền CS xóa bỏ những điều luật CS hiện hành cốt để hủy diệt hoặc kềm hãm tinh thần tự do dân chủ và những quyền căn bản của con người. (Bản Tin Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ tháng 10 năm 2014).

• Tiểu sử, thân thế Điếu Cày Nguyễn Văn Hải

Sinh năm 1952, ông **Nguyễn Văn Hải** (bút hiệu Điếu Cày) là nhà báo và tác giả nhật ký điện tử, đồng sáng lập Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do tại TP Sài Gòn bị CS tạm chiếm. Đáng lẽ ông phải được trả lại tự do từ tháng 10 năm 2010 sau khi mãn hạn án tù giam (2 năm 6 tháng) về cái tội mà cộng sản đã gian dối dựng lên gọi là „trốn thuế“ hồi tháng 9 năm 2008. Thay vì vậy, ông bị chúng nhốt bí mật trong một trại giam. Ông không được gia đình thăm nom, tiếp nhận thuốc men và cung cấp thêm thức ăn cho tới ngày 2.5.2012. Ông tuyệt thực để phản đối trong năm 2011. Ông không nhận phạm những tội mới mà công an dựng lên, dựa vào những bài ông viết đã phổ biến trên trang thông tin điện tử của Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do và trên trang nhật ký điện tử của ông trước khi ông bị bắt năm 2008. Ngày 24.9.2012, ông lại bị kết án 12 năm tù giam và 5 năm tù quản chế về cái tội “tuyên truyền chống nhà nước” CS. Tình trạng giam cầm thật tồi tệ khiến cho sức khoẻ của ông rất dễ bị suy sụp và yếu kém. Thân nhân gia đình ông vô cùng lo ngại cho sinh mạng của ông nếu ông không được trả tự do tức khắc và vô điều kiện.

Rõ ràng vì tuân thủ mệnh lệnh của Bắc triều, CS Việt Nam đã trừng phạt nhà báo yêu nước Điếu Cày Nguyễn Văn Hải, bằng hai bản án tù giam - kể cả án tù quản chế - *hoàn toàn vi luật quốc tế, bất công và vô nhân đạo*. Điếu Cày Nguyễn Văn Hải là một trong những trường hợp nạn nhân điển hình của nhà cầm quyền CS ở Hà Nội. Và rất có thể ông cũng là nạn nhân của Trung Hoa CS nữa. Cho nên, chúng ta và bạn hữu trên thế giới của những người cầm bút chân chính, dẫn thân và đứng cầm ở Việt Nam không thể đồng lõa hay thỏa hiệp bằng sự im lặng với chế độ CS hiện nay.

• Kháng Nghị thư của Văn Bút Quốc Tế

Trong một Kháng Nghị thư phổ biến toàn cầu ngày 22.10.2014 và cập nhật ngày 27.10.2014, Ủy Ban Văn Bút Quốc Tế Bên Vực Nhà Văn bị Đàn áp và Cầm tù (PEN International CODEP/WIPC) đã ngỏ lời chào mừng nhà báo Điếu Cày Nguyễn Văn Hải vừa ra khỏi trại tù CS.

Văn Bút Quốc Tế nhắc lại hai bản án tù giam bắt công và vô nhân đạo mà CS đã áp đặt đối với ông. Văn Bút Quốc Tế cũng tố cáo CS đã áp giải ông từ trại giam số 6, Thanh Chương, Nghệ An thẳng đến phi trường Nội Bài Hà Nội để lên máy bay đi Hoa Kỳ. Văn Bút Quốc Tế bất bình vì tù nhân Điếu Cày không có sự tự do chọn lựa, đã bị CS bắt buộc đi lưu vong, bỏ lại thân nhân gia đình.

Văn Bút Quốc Tế đã gửi ngay Kháng Nghị thư đến nhà cầm quyền CS. Đồng thời yêu cầu các Trung tâm Văn Bút sớm gửi Kháng Nghị thư tương tự, để

* Chào mừng nhà báo và tác giả nhật ký điện tử Nguyễn Văn Hải (Điếu Cày) đã ra khỏi trại tù ngày 21.10.2014. Tuy nhiên Văn Bút Quốc Tế trách cứ nhà cầm quyền CS chỉ trả tự do có điều kiện bằng sự cưỡng bức lưu đày và tạm hoãn thi hành án tù giam;

* Thúc giục nhà cầm quyền CS công nhận ông Nguyễn Văn Hải (Điếu Cày) được quyền tự do trở về Việt Nam;

* Thúc giục nhà cầm quyền CS hủy bỏ tức khắc bản án tù giam và tù quản chế đã áp đặt đối với ông Nguyễn Văn Hải (Điếu Cày);

* Thúc giục nhà cầm quyền CS phóng thích tức khắc và vô điều kiện tất cả những nhà văn và nhà báo bị giam cầm chỉ vì hành sử ôn hòa quyền tự do phát biểu và thể hiện quan điểm của họ.

(Nguồn: Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam/Thụy Sĩ)

**Thảm cảnh,
của cả một đất nước,
của cả một dân tộc ...**

(Tiếp theo trang 119)

Một phiến đá nặng chẹn nghẹn này giờ bỗng được nhắc lên khỏi lồng ngực, không phải con bé ấy rồi! Ghe mình đã xuất phát khởi hành từ mũi Cà Mau...

- Anh em cháu cũng vượt biên vào khoảng thời gian ấy, tụi cháu may mắn đã đến được bến bờ. Cháu... chưa biết sẽ phải làm gì, nhưng cháu sẽ ráng...

Trao đổi nhau số phone.

Bác gái nhũ danh: Trương Thị Hòa, nhà đã ở khu Hòa Hưng Sài Gòn...

Sợ bác sẽ khóc, nhưng nước mắt bác chẳng ra. Chắc những dòng nước mắt đã chảy cạn khô trong suốt ba mươi mấy năm qua rồi, chẳng còn!

Bác run run siết chặt đôi bàn tay cảm ơn, xin lỗi đã làm phiền, rồi xiêu vẹo bước trở lại vào khán phòng.

Mình ngồi thử lại ở bên ngoài phải cho mãi một thời gian.

Lâu lắm mới buồn như thế!

Và cái buồn chắc chắn sẽ còn vương vất mãi chẳng biết đến bao giờ...

Gần 35 năm rồi, khả năng còn sống sót của người con chắc không nhiều nhưng cũng có thể... Biết đâu ở đâu ở nước nào đó trong vùng Đông Nam Á không chừng....

Và không phải chỉ có mỗi chị Thanh Lan này, mà còn biết bao nhiêu người con gái khác cũng mất tích, biết đâu cũng đang lưu lạc ở đâu đó...

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



**Được tin buồn
Cụ Lê Quang Tấn
Pháp danh NGUYỄN PHÁT**

**Thân phụ của ông Lê Quang Thông,
nhà giáo hưu trí, Frankfurt, Đức Quốc**

**đã mệnh chung vào ngày 23.10.2014
tại Huế,
Thượng thọ 87 tuổi.
Tang lễ đã cử hành tại Huế
ngày 29.10.2014**

Chúng tôi xin thành kính phân ưu
cùng ông bà Lê Quang Thông và tang quyến.

Nguyện cầu
Hương Linh Cụ Lê Quang Tấn
sớm được siêu thăng về miền cực lạc.

Thành kính,
Gia đình Trần Đình Lý,
Gia đình Vũ Duy Minh
Gia đình Trương Xuân Sao
Gia đình Hồ Văn Thái,

**Và nếu đúng thế, biết đâu bạn... quen, bạn
biết? Biết đâu bạn có chút tin tức?**

Hoặc giả nếu như không thấy phiên bạn có thể "share" giúp bài này đến bạn bè như một tờ truyền đơn nhắn tin, tìm kiếm. Biết đâu ở một mảnh đất nào đó có một người con gái cũng bao nhiêu năm mong mỏi tìm được lại gia đình của mình...

Thảm cảnh của cả một đất nước, của cả một dân tộc...

Buồn nhĩ!

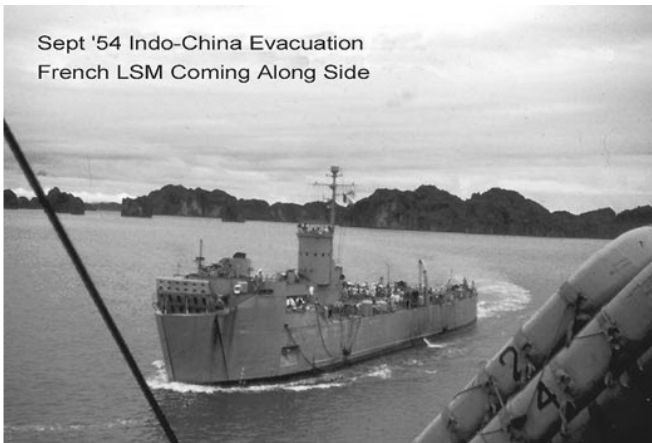
Giá như mình có thể khóc được...

(California, USA – 05.11.2014)

Biến cố "Di Cư 1954 - 1955" SÁU MƯƠI NĂM TÌM LẠI

"CHIẾN DỊCH VƯỢT ĐẾN TỰ DO" - 1954
"OPERATION PASSAGE TO FREEDOM" -
1954

• Đỗ Như Quyền



Tàu hải quân LSM hạng trung Pháp giúp đưa người từ bờ ra tàu lớn Mỹ, 9/1954

"Bài viết này để kính tưởng niệm hàng triệu đồng bào đã chết vì cộng sản.

Cũng để ghi nhớ và tỏ lòng biết ơn với những người đã mang tâm sức mình, giúp đỡ người dân Việt Nam vượt thoát cộng sản trong cuộc di cư 1954 - 1955".

*** Phần 1: Việc tổ chức và vận chuyển người di cư từ miền Bắc vào miền Nam - Việt Nam.**

*** Phần 2: Vài hoạt động tình báo Mỹ trong biến cố nêu trên.**

Phần 1

Nguyên Nhân Có Cuộc Di Cư 1954

Suốt 60 năm qua, hầu như ai trong chúng ta cũng tin rằng:... "Sở dĩ có cuộc di cư năm 1954 là vì đất nước bị chia hai bởi Hiệp Định Đình Chiến Geneva, một cách gián tiếp hơn, vì Pháp "thua" cộng sản Việt Minh tại chiến trường Điện Biên Phủ, sau đó họ bỏ cuộc, bỏ luôn sự thống trị bằng cái ách thực dân gần một trăm năm ở một nơi luôn chống lại họ". Đại khái là như vậy, chúng ta ai cũng nghĩ như thế.

Thật ra điều đó chỉ đúng một phần nhỏ. Phần lớn sự thật là do chính phủ Mỹ, họ muốn Pháp phải tránh ra. Họ cần có một vùng địa lý như Việt Nam chia làm hai phần họ mới có thể đặt chân đến một nửa vùng lãnh thổ này. Họ đã từng muốn và được làm thêm nhiều chuyện tiếp sau đó, tới năm 1975 thì họ chẳng muốn nữa.

Không phải đợi đến ngày 21.7.1954 vấn đề di chuyển người di cư mới được nói tới trong bản hiệp định, phía Mỹ đã tính tới chuyện này từ lâu, trước khi có trận Điện Biên Phủ, trước lúc có hội họp tại Geneva Thụy Sĩ thì Mỹ đã sắp đặt nước cờ họ rồi.

Trong một cuộc họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ở thủ đô Liên Bang Mỹ cuối tháng 1/1954, có sự hiện diện của Tổng Thống Dwight D. Eisenhower; Chủ Tịch Tham Mưu Liên Quân Đô Đốc Arthur W. Radford, vấn đề di tản người miền Bắc vào miền Nam - Việt Nam đã được vị Đô Đốc nêu trên nói tới. *Đô Đốc Arthur W. Radford là người mà từ thời còn là Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương trước đó vài năm, đã từng bàn chuyện di tản người Việt miền Bắc vô Nam với Đại Tướng Jean J. M. G. de Lattre de Tassigny, Tư Lệnh Lực Lượng Viễn Chinh kiêm Cao Ủy Toàn Quyền "Tây" ở vùng Đông Dương thuộc Pháp* (sẽ được ghi tắt là vùng Đông Pháp, nơi có ba nước Cam Bốt; Lào; Việt Nam bị Pháp chiếm, không phải toàn Đông Dương nơi có tới 6 nước (Miền Điện; Thái Lan; Mã Lai Á) như nhiều người Mỹ cũng như Việt đã ghi lầm, xin đọc thêm nơi bài Đông Dương và Đông Pháp Đỗ Tấn Thọ trên trang nhà BÐQ). Sau khi nghe ông đô đốc Mỹ nói về chuyện di tản người Việt từ Bắc vô Nam, ông tướng Pháp **De Lattre** trả lời tóm tắt rằng:... "Cho dù trước khi một hoạt động (di tản) nào được hoàn tất, đoàn người cuối cùng chờ di tản sẽ bị (Việt Minh) tàn sát"... Tuy vậy, sau cuộc gặp gỡ hai vị tướng nêu trên, phía Mỹ vẫn phác họa một kế hoạch di tản người ở miền Bắc Việt Nam (tới đầu năm 1952 mới soạn xong). Trong phần phân tích và ước tính chung bản kế hoạch cho thấy: cuộc di tản sẽ là một chiến dịch quy mô về Thủy - Bộ để chuyển vận hơn 80.000 lính Pháp; 40.000 lính quân đội quốc gia và 10.000 người dân.

Ngày 7.5.1954, khi nghe tin Điện Biên Phủ thất thủ nhưng quân đội Pháp vẫn bảo vệ vững vàng vùng châu thổ sông Hồng, kế hoạch nói trên trở thành cuộc thảo luận sôi nổi ngay tại buổi họp giữa bộ Tham Mưu Liên Quân và Bộ Quốc Phòng (họp trong ngày 7/5).

Trong tháng 2/1954, Quốc Trưởng Bảo Đại tiếp một đại diện cao cấp Tổng Thống Dwight D. Eisenhower tại Pháp. Trong buổi tiếp kiến này, Quốc Trưởng Quốc Gia Việt Nam đã nói như sau: "Nếu chuyển được 4 triệu người dân đến các tỉnh miền Trung và Cao Nguyên (Nam) Trung Phần, lực lượng quân sự sẽ được nhẹ tay hơn để đối phó với cộng sản ở miền Bắc"... Quốc Trưởng Bảo Đại sau đó còn bàn chuyện này với Đại Sứ Mỹ Donald Heath, nhưng phía Mỹ vẫn im lặng. Ngày 28.6.1954, sau hai ngày về đến Sài Gòn, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tiếp ông Robert McClintock, Xử Lý Thường Vụ Tòa Đại Sứ Mỹ, (ông Donald Heath đang về Mỹ), vị Thủ Tướng Việt Nam cũng đem chuyện này ra thảo luận và còn tin rằng:... "Việc di tản người là cần thiết, dân chúng sẽ thoát được các hiểm họa từ cộng sản"... , nhưng phía Mỹ vẫn giữ im lặng. Ngày 28.7.1954, **chính phủ Quốc Gia Việt Nam chính thức yêu cầu Mỹ giúp cho 2.000 căn lều vải dành cho người tỵ nạn**, Mỹ vẫn làm thinh (tới ngày 5.8.1954, Thủ Tướng

Ngô Đình Diệm chính thức nhân danh cá nhân gửi thư yêu cầu Mỹ giúp chuyển vận người di cư, lúc này Mỹ mới hành động).

Cuối tháng 6/1954, các hồ sơ về vấn đề di tản người tỵ nạn cộng sản ở Việt Nam được thẩm định lại bởi Cục Tình Báo Trung Ương - CIA. Nơi này "xét" xong còn thêm vào:.. "*Chưa tính phương tiện đưa người ra đi, chỉ riêng phần quân cụ Pháp và Việt Nam ở Hà Nội phải cần tới 600 chuyến bay mới chở hết. Nhân viên quân sự Việt - Pháp phải vào Nam có khoảng 83.000 đến 150.000 người với 65 tiểu đoàn dã chiến, 19 tiểu đoàn khinh chiến. Có thể cộng sản Việt Minh sẽ thả khoảng 9.600 tù binh*". Bên hải quân cũng phỏng đoán sẽ chuyển hơn 110.000 thường dân, 83.000 quân nhân, 10.000 xe cơ giới các loại và khoảng 382 súng pháo binh lớn, nhỏ.

Nhưng chúng tôi sẽ không ghi thêm nữa, vì đây là một bản văn tìm lại các dữ kiện lịch sử trong **biên cố "Di Cư 1954 - 1955"**. Sâu xa hơn, chúng tôi muốn tưởng nhớ và ghi nhận công ơn tất cả những ân nhân, không phân biệt quốc tịch đã từng có lòng nhân, mở rộng vòng tay giúp nhiều đồng bào Việt Nam chúng tôi thoát khỏi sự khống chế toàn diện một dân tộc bởi cộng sản. Nhờ đó, những người vượt thoát đã cùng đồng bào miền Nam tiếp tục chiến đấu với cộng sản thêm 20 năm, kịp tạo nên một thể hệ kế thừa hiểu rõ hơn về cộng sản kể từ sau năm 1975. Qua hai biến cố bi thảm nêu trên trong lịch sử cận đại giống nòi Việt Nam, tổ quốc chúng tôi dù bị cộng sản cướp đoạt nhưng những thể hệ kế tục sẽ không mất niềm tin là cộng sản ở Việt Nam sẽ vĩnh viễn tồn tại, cũng như các đế quốc Hy Lạp; La Mã; Hán; Tống; Nguyên; Minh; Thanh v.v... đã từng tan rã. Vì vậy chúng tôi vẫn còn chiến đấu và trận Điện Biên Phủ đã nói lên điều đó, tuy máu xương của những chiến sĩ nằm xuống nơi đây đã từng bị cộng sản lợi dụng như một vũ khí chính trị để chia phần với kẻ gian vẫn còn đang giấu mặt.

ĐDQ ĐỔ NHƯ QUYÊN.

"Năm Đánh Một Không Chột Cũng Què"

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, sau 54 ngày đêm bị bao vây, bị đủ thứ đạn pháo vùi dập, rồi liên tiếp những lớp lớp sống người bị cấp trên hối thúc tràn tới, cuối cùng căn cứ Điện Biên Phủ quân đội Pháp phải chịu thất thủ bởi xác người Việt Nam phủ kín khắp nơi. Lính Pháp tuy chịu thua nhưng họ chỉ không bắn nữa, và không treo cờ trắng đầu hàng. Những kẻ chỉ huy trực tiếp trận đánh này không phải là cán bộ cộng sản gốc Việt, là các tướng của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa như: (1) Lã Quý Ba: Đặc Sứ Mao Trạch Đông cạnh đảng CSVN, Trưởng Đoàn Cố Vấn "Chí Nguyên Quân" kiêm Tư Lệnh Mặt Trận Điện Biên Phủ. (2) Vi Quốc Thanh: Tham Mưu Trưởng Mặt Trận kiêm Cố Vấn Chỉ Huy Tổng Quát về các vấn đề quân sự cho chiến trường; (3) Trần Canh: Cố Vấn Trưởng về Chính Trị - Chiến Lược và Chiến Thuật; (4) Mai Gia Sinh: Cố Vấn Trưởng về Liên Lạc và Điều Động (truyền tin và vận tải); (5) Mã Tây Phu: Cố Vấn Trưởng về Tiếp Liệu; (6) Đặng Nhất Phấn: Cố Vấn Trưởng về Pháo Binh v.v... Ngoài ra, còn có khoảng 6.000 "Chí Nguyên Quân" khác CHNDTH (sẽ ghi tắt là Cộng Tàu) trực tiếp hay gián tiếp tham dự vào trận đánh này. Họ giữ các vai trò trọng yếu về chính trị, quân sự ở cấp tiểu đoàn, trung đoàn và sư đoàn Cộng Sản Việt

Nam (ghi tắt là Cộng Việt) trong lãnh vực chuyên môn như pháo binh, truyền tin, quân y hoặc là tài xế thuộc các đoàn xe vận tải từ biên giới chở đạn dược, thực phẩm tới thẳng chiến trường Điện Biên Phủ. Nói tóm lại, cái gọi là "chiến thắng" Điện Biên Phủ thật ra chỉ là lối đánh giặc "lấy thịt đè người". Cán bộ Cộng Tàu và Cộng Việt dùng xác người Việt Nam đè bẹp người Pháp một cách không thương xót. Còn các ông như HCM; Trường Chinh; Phạm Văn Đồng; Võ Nguyên Giáp; Hoàng Văn Thái; Lê Trọng Tấn v.v... là những con cờ bung xung nhận lệnh và chạy vòng ngoài, họ chỉ có bốn phần đôn đốc tinh thần binh sĩ ở các đơn vị người Việt mà thôi !

NƯỚC VIỆT CHIA HAI - TÂY ĐI VỀ PHÁP

Một ngày sau biến cố Điện Biên Phủ, một hội nghị quốc tế về vùng Đông Dương thuộc Pháp được tổ chức ở thành phố Geneva Thụy Sĩ. Phái đoàn đại diện các nước đến tham dự có:

- (1) Quốc Gia Việt Nam, do Tổng Trưởng Ngoại Giao Nguyễn Quốc Định dẫn đầu (sau ông Nguyễn Trung Vinh thế, tới ngày 7.7.1954 ông Trần Văn Đỗ thay làm trưởng đoàn).
- (2) Liên Bang Mỹ: Thứ Trưởng Ngoại Giao Walter Bedell Smith.
- (3) Cộng Hòa Pháp: Bộ Trưởng Ngoại Giao Georges Bidault.
- (4) Vương Quốc Anh: Bộ Trưởng Ngoại Giao Anthony Eden.
- (5) Vương Quốc Lào: Hoàng Thân Phumi Sananikone.
- (6) Vương Quốc Cam Bốt: ông Than Tep.
- (7) Nga Sô: Ngoại Trưởng Vyacheslav M. Molotov.
- (8) Cộng Tàu: Thủ Tướng Chu Ân Lai.
- (9) Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (Cộng Việt): Trưởng Ban Đối Ngoại Trung Ương Đảng Phạm Văn Đồng cầm đầu.

Hai đại diện Anh và Nga làm đồng chủ tịch hội nghị (Hội Nghị Quốc Tế về vấn đề Đại Hàn và vùng Đông Pháp thật ra đã mở màn ở Geneva, Thụy Sĩ từ ngày 26.4.1954 với đại diện năm nước tham dự: Mỹ; Pháp; Anh; Nga; Trung Cộng, chương trình nghị sự là một ngày luận về Đại Hàn một ngày bàn về vùng Đông Pháp. Nhưng vì vấn đề Đại Hàn dù sao cũng có "lệnh ngưng bắn" (cho tới hôm nay vẫn còn) đã tạm giải quyết, người ta mới đem vấn đề Đông Pháp ra thảo luận thường xuyên hơn và rất căng thẳng. Lúc đó hội nghị mới quyết định mời thêm đại diện cộng sản và quốc gia Việt Nam, đại diện Lào và Cam Bốt cùng tham dự chính thức. Hội Nghị Quốc Tế về Đông Pháp bắt đầu từ ngày 8/5 nhưng tới ngày 20.6.1954 thì bị đình trệ. Ngày 10.7 mới họp lại và kết thúc lúc 1 giờ sáng ngày 21.7.1954).

Sau hơn hai tháng họp hành, vài lần tưởng như bế tắc vì sự đòi hỏi, lần lượt quá đáng Nga Sô; Cộng Việt; Cộng Tàu, cuối cùng thì bản "Hiệp Định Đình Chiến Sự" ở Đông Pháp (đọc tắt Hiệp Định Đình Chiến) cũng vẫn bị ký dù có sự phản đối bởi đại diện Quốc Gia Việt Nam và Liên Bang Mỹ. *Tổng Trưởng Ngoại Giao Trần Văn Đỗ tuyên bố chính phủ ông không đồng ý trước những áp đặt các cường quốc trong hội nghị. Và người dân Việt Nam sẽ không chấp nhận chuyện đất nước bị cắt chia.*

Trong bản "**Hiệp Định Đình Chiến**", **Geneva 1954** có những quy định như sau về Việt Nam, chúng tôi xin ghi lại văn tắt:

(A) Việt Nam bị chia làm hai phần lãnh thổ tại vĩ tuyến 17. Hướng Nam thuộc Quốc Gia Việt Nam, phía Bắc vĩ tuyến là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Cộng Việt).

Sông Bến Hải (nơi có vị trí gần nhất từ vĩ độ tuyến 17) tỉnh Quảng Trị được chọn làm ranh giới giữa hai miền, kể từ ngày 14.8.1954 các hoạt động quân sự dọc theo con sông này đều bị cấm, tính từ cửa sông lên tới làng B'ohosu ở biên giới Việt-Lào. Mỗi bên tính từ bờ sông mở rộng thêm 5 cây số (km) là khu vực cấm các hoạt động quân sự, "Demilitarised Zone" (DMZ, Vùng Phi Quân Sự). Quốc Lộ 1 Nam-Bắc đến ngay giữa cầu Hiền Lương trên sông Bến Hải sẽ được sơn một vạch trắng nằm ngang cầu (1*).

(B) Thời điểm ngưng bắn toàn miền Bắc là 8 giờ sáng ngày 27/7, miền Trung 8 giờ sáng 1/8 và miền Nam lúc 8 giờ sáng ngày 11.8.1954.

(C) Dân chúng có 300 ngày được "tự do di chuyển" (free movement), được quyền chọn lựa nơi cư trú mà không bị cấm cản, hạn chót là ngày 18.5.1955.

(D) Những đơn vị quân sự, hành chánh các bên có từ 80 đến 300 ngày phải triệt thoái và tập trung ở từng địa điểm đã được thỏa thuận.

(Đ) Riêng khu vực Hà Nội và vùng phụ cận chỉ có 80 ngày được "tự do di chuyển", thời hạn chót ở Hà Nội là ngày 9.10.1954; Hải Dương 100 ngày; Đồng Tháp Mười 100 ngày; Cà Mau 200 ngày; Hải Phòng và miền Trung 300 ngày.

(E) Một Ủy Ban Quốc Tế về Giám Sát và Kiểm Soát (International Committee for Supervision and Control - **ICSC**) đình chỉ chiến sự ở Đông Pháp được thành lập với 3 Ủy Viên là Ấn Độ; Ba Lan và Gia Nã Đại (tới năm 1973, Ấn Độ tuyên bố bản "Hiệp Định Đình Chiến", Geneva 1954 chỉ là mớ giấy lộn nên họ rút ra khỏi ủy ban ICSC, Nam Dương được đưa vô thay thế).

Ngày 5.8.1954, phía Pháp bắt đầu tổ chức đưa người vào Nam bằng đường hàng không ở Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, bằng đường biển tại Hải Phòng, Uông Bí v.v... Số người được đưa đi vào lúc này phần đông là những nhân viên hành chánh người Việt, người Pháp và thân nhân họ, hoặc những gia đình giàu có ở Hà Nội (tới ngày 20/9, phía Pháp đã huy động hầu hết máy bay vận tải quân sự mà họ có ở Đông Pháp, đồng thời cũng trưng dụng các máy bay hàng không dân sự vào việc chuyển người. Tuy nhiên, *dù cố hết sức mình, phía Pháp vẫn không đủ khả năng đáp ứng vai trò chuyển vận vì số người muốn vào miền Nam mỗi lúc thêm đông dần, vì thế Pháp phải nhờ phía Mỹ giúp sức*).

Con Thuyền Quốc Gia Giữa Con Bão Và Người Thuyền Trưởng Xuất Chúng

Trong khi hội nghị Geneva đang diễn ra, ngày 18.6.1954 Quốc Trưởng Bảo Đại chỉ định ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng, thế ông Nguyễn Phúc Bửu Lộc (Sắc Lệnh 038/SL/QT). Ông Ngô Đình Diệm về đến Sài Gòn ngày 26/6, chỉ năm ngày sau ông ra Hà Nội vì muốn đích thân quan sát và tìm hiểu tình hình thực tế ở miền Bắc, nhất là vấn đề người di cư. Ông trở về Sài Gòn ngày 3.7 để tìm người cho nội các mới rồi tuyên bố thành lập chính phủ vào ngày 5.7.1954.

Đúng lúc này, chính phủ mới Thủ Tướng Ngô Đình Diệm phải đối diện với **những bất lợi trước mắt** như vấn đề giáo phái, sự lộng hành của lực lượng Bình Xuyên, Pháp cố tình tạo ra những mầm mống chống đối, vụ tướng Nguyễn Văn Hinh bất tuân lệnh chính phủ, hàng trăm ngàn người ở miền Bắc đang chờ đợi được di cư vào miền Nam v.v...

Ngày 5.8.1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm nhân danh cá nhân ông, đã gửi đến Tổng Thống Mỹ Dwight D. Eisenhower một bức thư qua trung gian Đại Sứ Donald R. Heath và Trung Tướng John "Iron Mike" O'Daniel, Tư Lệnh "Đoàn Cố Vấn Yểm Trợ Quân Sự - Đông Dương" (Military Assistance Advisory Group - Indochina, MAAG - I (2*)), sẽ ghi tắt là MAAG). Trong thư ông Ngô Đình Diệm khẩn thiết yêu cầu chính phủ Mỹ và quốc tế giúp Việt Nam phương tiện vận chuyển người di cư, cũng như viện trợ nhân đạo cho những người mới vào Nam. Bức thư này của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm được Tổng thống và chính phủ Mỹ đáp ứng nhanh chóng và rất tận tình. Ngày 9.8.1954, chính phủ Quốc Gia Việt Nam cho thành lập Phủ Tổng Ủy Di Cư - Tỵ Nạn (Nghị Định số ND/ 111/ TTP/ - VP) với ba nha đại diện ở ba miền, ông Nguyễn Văn Thoại làm Tổng Ủy Trưởng, ông Đinh Quang Chiêu làm Phụ Tá Tổng Ủy. Cũng trong lúc này, ngoài xã hội có những đại diện tôn giáo, hiệp hội tư nhân (VN), thanh niên v.v... cũng vận động cùng hợp tác và lập ra Ủy Ban Hỗ Trợ Định Cư do Giám Mục Phạm Ngọc Chi làm Chủ Tịch.

"Chiến Dịch Vượt Đến Tự Do"

("Operation Passage to Freedom")

Ngày 7.8.1954, Đô Đốc Robert B. Carney, Tham Mưu Trưởng Hành Quân/Hải Quân Liên Bang Mỹ (CNO of the US Navy) chỉ thị đến Tổng Tư Lệnh - Thái Bình Dương kiêm Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương (CINPAC Pacific Fleets) Đô Đốc Felix B. Stump's hãy chuẩn bị lực lượng cho một hoạt động hải vận quy mô trên biển để chuyển người phía Bắc nước Việt Nam. Ngày 12.8.1954, Phó Đô Đốc Alfred M. Pride, Tư Lệnh Hạm Đội 7 cho phổ biến Lệnh Hành Quân "Chiến Dịch Vượt Đến Tự Do" (Operation Passage to Freedom) cùng với sự thành lập **Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90** do Đề Đốc Lorenzo S. Sabin làm Tư Lệnh (Naval Task Forces 90, sẽ ghi tắt là Lực Lượng TF 90).

- Ban Tham Mưu của Lực Lượng TF 90 ban đầu gồm có: Tham Mưu Trưởng Toàn Chiến Dịch kiêm Chỉ Huy Đơn Vị Chiến Thuật Kiểm Soát Không Phận là Đại Tá Hải Quân Anthony Trusso; Tham Mưu Trưởng Lực Lượng TF 90: Đại Tá Hải Quân J. W. Higgins; Chỉ Huy Trưởng Tổng Quát các đơn vị tàu LCU: Trung Tá Hải Quân C. V. Thomas; Sĩ quan quân y chịu trách nhiệm tổng quát về y tế trong chiến dịch là Trung Tá Hải Quân James Grindell, kiêm Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Quân Y - Bờ;

- Đại diện MAAG để liên lạc và phối hợp hành động: Đại Tá Rolland Hamelin; Đại diện MAAG liên lạc về vận tải thủy bộ - hàng không: Trung Tá Kaipo F. Kaula;

- Tiểu Đoàn 1 Thủy Bộ - Kiến Tạo (Amphibious Construction Battalion 1, ACB - 1);

- Đội Tháo Hủy Dưới Mặt Nước (Underwater Demolition Team- UDT); Soái hạm Ban Tham Mưu Chiến Dịch là chiếc USS Estes, Hạm Trưởng: Đại Ủy J. W. Waterhouse v.v...

- Ngoài ra, Tư Lệnh Lực Lượng Hải Quân Mỹ ở Phi Luật Tân, Phó Đô Đốc Hugh H. Goodwin chịu trách nhiệm về yểm trợ và tiếp liệu.

Ngày 10.8.1954, Đề Đốc Lorenzo S. Sabin đến Hải Phòng bằng máy bay để bàn về sự phối hợp giữa các bên với đại diện Pháp là Đô Đốc Jean M. Querville, Tư Lệnh Hải Quân vùng Đông Pháp, trong đó yêu cầu Pháp dành cho hải quân Mỹ vài điểm quân cảng và nhân viên hướng dẫn thủy lộ (cũng trong ngày 10/8, chiếc tàu thứ nhất của hải quân Mỹ xuất hiện ngoài khơi Hải Phòng là chiếc hải vận hạm USS Menard (tới từ hướng Hương Cảng). Lúc biết tin lúc còn đang họp, vị đề đốc Mỹ ra lệnh chiếc USS Menard phải chạy tìm chỗ "nấp" tạm đâu đó ngoài Vịnh Hạ Long đến khi có lệnh mới).

"Chiến Dịch Vượt Đến Tự Do" bắt đầu ngày 18.8.1954 và kết thúc ngày 20.5.1955. Chiến dịch có sự tham dự trực tiếp hay gián tiếp bởi hơn 15.000 quân nhân các cấp hải quân-không quân và bộ binh, được coi là cuộc vận chuyển dân sự trên mặt biển lớn nhất trong lịch sử hải quân Liên Bang Mỹ. Chiến dịch này được tổ chức quy mô và chu đáo, được tính toán, sắp đặt, chuẩn bị thật hoàn hảo và được theo dõi, giám sát bởi Bộ Quốc Phòng, chính phủ cũng như công chúng Mỹ. Trên tất cả, sự hoạt động hữu hiệu của Lực Lượng TF 90 có được là nhờ sự yểm trợ tận lực bốn cơ cấu quan trọng trong quân đội Mỹ:

(1) Công Tác Kỹ Thuật Đặc Biệt và Kinh Tế (Special Technical and Economic Mission - STEM);

(2) Quản Trị các Chiến Dịch Ngoài Lãnh Thổ (Foreign Operations Administration - FOM);

(3) Cục Vận Tải Quân Sự Đường Biển (Military Sea Transportation Services - MSTS);

(4) Công Tác Hải Ngoại - Liên Bang (US Overseas Mission- USOM).

Để chuẩn bị cho chiến dịch, Đề Đốc Lorenzo S. Sabin yêu cầu Hạm Đội Thái Bình Dương tăng cường cho ông thêm *một tàu chỉ huy thủy bộ (loại AGC), 8 tàu vận tải tác chiến (APA), 4 tàu vận tải xung kích (AKA), 4 tàu đổ bộ hạng trung (LSD), 4 tàu vận tải cao tốc (APD), 12 tàu đổ bộ chở quân cụ (LCU)*. Vào lúc này, tàu thuyền vận tải, đổ bộ các loại cũng đã có trong Lực Lượng TF 90. Lớn nhất có loại LST (Landing Ship, Tank), nặng trung bình 4.000 tấn, chở xuyên đại dương các loại xe cơ giới, thiết giáp, pháo binh v.v hoặc có thể chở hơn 2.000 người; LCI (Landing Ship, Infantry), dài 157 bộ (feet), chở được 200 người trang bị đầy đủ; LCM (Landing Craft, Medium), dài 50 bộ, chở được 100 người hay một xe tăng, LCPR (Landing Craft, Personnel, Ramp), dài 36 bộ và chở được 40 người. Tổng số tàu loại lớn mà Lực Lượng TF 90 có trong tay là 74 chiếc. Sau đó được Cục Vận Tải Quân Sự Đường Biển (MSTS) tăng cường thêm 36 chiếc.

Bộ Tư Lệnh của chiến dịch đặt trên Soái Hạm USS Estes, sẽ thả neo trong Vịnh Hạ Long. "Bộ Chỉ Huy - Tập Trung và Phối Hợp" quân nhu, thực phẩm, dược phẩm, nhiên liệu, thư tín, trạm truyền tin liên lạc v.v... thì đặt trong Vịnh Đà Nẵng cùng với bản doanh Lực Lượng Yểm Trợ Tiếp Liệu - Tây Thái Bình Dương (Logistics Support Force - Western Pacific). Đề Đốc Lorenzo S. Sabin còn ra lệnh chờ từ căn cứ hải quân của Mỹ ở Yokosuka, Nhật Bản đến Vịnh Hạ Long 85.000 áo phao cấp cứu cá nhân, 85.000 chiếc chiếu, 700.000 đôi đũa, 40.000 chiếc xô đựng nước loại 10 lít, 15.000 tấn gạo (trong tổng số

150.000 tấn sau này cho toàn chiến dịch), 12.000 tấn cá khô, 600 kg muối, chở khẩn cấp từ Okinawa (đảo Xung Thăng) tới Vịnh Hạ Long 600 và Sài Gòn 200 cái lều vải dã chiến quân đội (ODD Tent là tên chính thức, nhưng được biết phổ biến hơn với tên "Army Sixty - Man Tents", mỗi lều đủ chỗ cho 120 người).

Cùng với sự giúp đỡ của hải quân Mỹ, quân đội Pháp, chính phủ Quốc Gia Việt Nam cũng ráo riết chuẩn bị theo khả năng mình. Ngoài Phủ Tổng Ủy Di Cư - Tỵ Nạn, Ủy Ban Hỗ Trợ Định Cư (tư nhân) v.v... thì ở **Hải Phòng** "Ủy Ban Di Tàn Người Việt Nam Tỵ Nạn (Vietnamese Refugee Evacuation Committee) cũng được thành lập do Thị Trưởng Mai Văn Hàm làm Chủ Tịch, nhà báo Nguyễn Luật làm Tổng Đại Diện cho toàn khu vực tiếp cư. Các Đội Y Tế Công Cộng cũng lần lượt lập ra, chuẩn bị phối hợp hoạt động ở các khu trại lều sẽ được dựng lên ngoài ô Hải Phòng, dọc theo Quốc Lộ 10 trên đường đi Hà Nội, trại xa nhất được dự trù cách Hải Phòng khoảng 20 km. Bộ Tư Lệnh MAAG cũng cử đến Hà Nội 5, Hải Phòng 7 sĩ quan liên lạc. Đại diện USOM ở Hải Phòng là ông Mike Adler. Việc điều hành các trại sẽ do khoảng 20 quân nhân Mỹ các cấp và những ban đại diện người Việt cùng phối hợp hoạt động. Ngoài ra việc tiếp đón, hướng dẫn người mới đến sẽ được giúp sức bởi các cá nhân làm việc thiện nguyện từ những hiệp hội tư ở Việt Nam và quốc tế, thanh niên - học sinh, các vị đạo sư, linh mục, ni cô, sơ... Chính phủ quốc gia cũng kêu gọi cộng đồng quốc tế giúp đỡ cho người di cư. Những nước nhận lời trợ giúp bước đầu có Anh; Tây Đức; Ba Lan; Ý Đại Lợi; Đại Hàn; Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan); Nhật Bản; Phi Luật Tân; Úc đại Lợi; Tân Tây Lan v.v... Các tổ chức nhân đạo quốc tế cùng những hiệp hội tư nhân nhận lời đến Việt Nam góp một bàn tay có UNICEF (United Nations Children's Fund - Quỹ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc); Hồng Thập Tự Quốc Tế; Catholic Relief Services (CRS); Church World Services (CWS); Thanh Thương Hội Quốc Tế; CARE; Mennonite Central Committee (MCC); International Rescue Committee (IRC) v.v...

Cam Go Nhưng Có Niềm Tin.

Ngày 18.8.1954, chiếc Soái Hạm Estes chờ Ban Tham Mưu Đề Đốc Lorenzo S. Sabin cùng 9 tàu (vận tải) theo sau hộ tống đến thả neo trong Vịnh Hạ Long, cách Hải Phòng khoảng 20 km về hướng chính Đông. Trước đó ngày 15/8 đã có 5 tàu vận tải loại dương vận hạm đến trước thả neo trong vịnh, mục đích để thăm dò mức độ an ninh trong Vịnh Hạ Long và chờ lệnh.

Những tàu hiện diện trong vịnh gồm có chiếc USS Bay Field; USS Montague; USS Menard; USS Hickman County; USS Marine Adder; USS Cock; USS Bass; USS Begor; USS Balduck; USS Askari; USS Montrose; USS Diachenko; USS Skagit v.v... Sau bốn ngày tập trung thêm tàu thuyền và các nhu cầu cần thiết, ngày 22.8.1954 Lực Lượng TF 90 cho đổ bộ một trung đội công binh hải quân Ong Biển (Seabees) tại bán đảo Đồ Sơn, vị trí ở Đông Nam thành phố Hải Phòng khoảng 21 km. Đơn vị này thuộc Tiểu Đoàn 1 Thủy Bộ - Kiến Tạo (ACB 1). Họ lên bờ như một tiền trạm lập đầu cầu, có nhiệm vụ ráp nối một bến đậu cho mấy chiếc loại nhỏ như LCPR; LCM. Lúc những chú "Ong Biển" của hải quân Mỹ đang cặm cụi làm thì một ông Tây "Gà Gô" dắt hiến binh tới ngăn cản công việc. Ông yêu cầu họ dọn vật dụng và lên tàu rời bờ ngay, vì họ đang vi phạm vào bản

Hiệp Định Đình Chiến! Sĩ quan liên lạc của Lực Lượng TF 90 ở Hải Phòng phân trần với phía Pháp: họ "đến để chuẩn bị đón người di cư theo yêu cầu từ phía Việt Nam". Các viên chức Pháp rất lịch sự giải thích "rằng thì là"... trong bản hiệp định Geneva có ghi:... "*Cấm sự gia tăng lực lượng quân sự hoặc nhân viên quân sự các bên hay sự có mặt của một quân đội ngoại quốc*".... Trong lúc này, thành phố Hải Phòng đã có gần 150.000 người sống tạm bợ khắp nơi để chờ được lên tàu. Khi biết tin sự cản trở quá nguyên tắc của người Pháp, MAAG ở Sài Gòn trực tiếp gửi khuyến cáo tới Lực Lượng TF 90 là nên điều động đơn vị nêu trên tạm thời di chuyển đến ngoại ô hướng Tây Nam Hải Phòng. Tại đây họ sẽ khởi sự thiết lập một khu trại lều cho 15.000 người tạm trú. Toán công binh Ong Biển sau đó nhận lệnh từ Soái Hạm là chất đồ lên xe, trực chỉ hướng Tây Nam Hải Phòng (thật ra các viên chức Pháp không thể làm gì được người Mỹ tại một bờ biển cách Hải Phòng 21 cây số! Phía công binh Mỹ dù lên bờ một đơn vị nhỏ nhưng cũng có vài chiếc Jeep, Dodge kéo "rờ moọc", máy điện, và cả đồng các loại kiện hàng nằm tràn lan trên bãi biển. Tàu đổ bộ đã chạy mất tầm, mấy ông Tây làm gì được). Sau khi đoàn xe của Ong Biển tới được phía Nam Quốc Lộ 10, ngay ngoại ô Hải Phòng, phía Pháp đã gửi lời phàn nàn đến đại diện MAAG ở Hải Phòng. Ngày hôm sau, 23/8, toán Ong Biển bắt đầu khai quang (những thửa ruộng đã được gặt) dành ra một bãi đậu xe, một khu vực chứa hàng và dựng lên được 6 căn lều dã chiến. Ngày hôm sau nữa, mới sáng sớm thì toán Ong Biển nhận được lệnh bỏ đồ để đó, tới bến cảng có tàu đón về đơn vị ở ngoài... Vịnh Hạ Long. Về tới tàu họ mới biết có sự khiếu nại của người Pháp với Đại Diện ICSC tại Hải Phòng rằng:.... "*Có sự xuất hiện một đội quân nước ngoài cùng quần cụ họ tại vùng lãnh thổ bị cấm, dựa theo bản hiệp định*"... Thế rồi các bên đều giữ im lặng, ai cũng... "biết rồi... khổ lắm... nói mãi" với giấy và tờ. Đại diện ICSC thì khó giải thích với Pháp. Ủy Ban Di Tàn Người Việt Nam Tỵ Nạn tiếng nói không đủ mạnh, và lẽ có bên nào đó cố "bơi bè ra bờ" thì quả thật phía Mỹ "hình như" đã vi phạm vào quy định của bản hiệp định. Đây là chuyện tế nhị trong phạm trù nhân đạo cấp quốc tế, cả thế giới đang nhìn vô nên bên nào cũng làm thinh và chờ một giải pháp khôn khéo.



*Một nửa Trại Tỵ Nạn Cái Đình
(Refugee Camp de la Pagode)*

Thấy được sự lúng túng, nhần nại chờ đợi của phía Pháp và đại diện ICSC ở Hải Phòng, ngày 26.8.1954 Lực

Lượng TF 90 lần thứ hai cho toán Ong Biển đổ... đổ nghề lên bán đảo Đồ Sơn. Lần này là một đơn vị cấp đại đội cùng với... xe ủi đất, xe xúc, xe ben, xe khoan giếng, xe vận tải GMC v.v... rầm rộ rời tàu lên bờ. Tất cả "bình yên vô sự" trước những viên chức người Pháp và đại diện ICSC, nhờ biết che hoặc sơn lấp mấy chữ như U.S NAVY, các hình phù hiệu, số hiệu đơn vị v.v..., nói chung là giấu hết tất cả những "dấu vết" quân sự nơi các phương tiện quân cụ. Riêng quân nhân cũng tháo những huy hiệu, phù hiệu v.v... đơn vị trên áo quần và không có vũ khí. Với cách ăn mặc như vậy, họ trông giống như công nhân dân sự hơn là hình dáng của người lính.

Trong vòng năm ngày tiếp theo, Tiểu Đoàn 1 Thủy Bộ - Kiến Tạo với sự giúp sức lính Pháp và người Việt làm thiện nguyện, Ong Biển ACB 1 đã hoàn tất việc thiết lập trại tiếp cư thứ nhất ở Hải Phòng, giúp 15.000 người có nơi nương náu. Với 149 căn lều nằm theo từng lô và ngay hàng thẳng lối, nhìn rất yên bình, trại này được đặt tên là "Trại Tỵ Nạn Cái Đình" ("Refugee Camp de la Pagode", lạ ở chỗ quanh khu vực trại chẳng có cái đình hay cái chùa nào cả). Từ đây, các trại lều tiếp đón và tạm trú người vượt thoát cộng sản lần lượt được dựng lên dọc theo Quốc Lộ 10 Hà Nội - Hải Phòng với những cái tên: Camp Shell; Camp Lạch Tray; Camp Cement; Camp Jardin des Enfants v.v...

Bến Đi Và Bờ Đến Trên Đường Tìm Tự Do

Đầu tháng 9/1954, lúc các trại tiếp đón người Việt vượt thoát cộng sản lần lượt được dựng lên và bắt đầu lo cho khoảng 90.000 người vừa mới đến, cũng là lúc các nguồn tiếp tế nhân đạo từ khắp nơi trên thế giới được gửi đến Việt Nam. Từ Châu Âu, từ Bắc Mỹ, từ Ấn Độ, từ Phi Luật Tân, Úc và Tân Tây Lan, từ Đài Loan; Okinawa; Yokosuka; Hawaii v.v... Các loại hàng cứu trợ được các ân nhân gửi đến nhiều nhất là *gạo, thịt hộp, cá hộp, cá khô, mỡ thực vật, mỡ động vật đóng hộp, dầu ăn, dầu lửa, sữa bột, rau cải, trái cây, bánh kẹo, áo duster, quần áo, xà phòng, khăn tắm, bàn chải và kem đánh răng, bột DDT* v.v... Hãng thuốc tây Pfizer Company tại Brooklyn New York hiến tặng đợt đầu 50.000 vi thuốc viên *Terramycin*. Các đợt sau hãng này gửi tặng thêm hàng trăm ngàn viên thuốc các loại như *Penicilin; Streptomycin; Magnamycin* v.v... Hãng máy bay Pan Am Airway tặng 10.000 thỏi xà phòng; Hãng Meade - Johnson ở tiểu bang Indiana tặng hàng chục ngàn lít được chất Vitamin tổng hợp v.v... Các phái đoàn nhiều quốc gia cử người đến quan sát cuộc sống ở trại để tìm hiểu thêm các nhu cầu. Những phái đoàn chính phủ Việt Nam, Mỹ cũng thường xuyên lui tới thăm viếng, kể cả Đại Tướng Joseph Lawton Collins, Đặc Sứ Liên Bang Mỹ ở Việt Nam; Tư Lệnh MAAG Trung Tướng John O'Daniel v.v... Hải Phòng lúc này tràn ngập người tỵ nạn nhưng không còn ai sống vất vưởng ngoài lề đường như trước đó. Phóng viên các tờ báo lớn, các hãng thông tấn quốc tế đến Hải Phòng làm phóng sự, nhận xét và chụp hình nhiều nhất là những tạp chí như LIFE, Paris March, National Geographic v.v...

Lúc đến trại, mỗi người dù lớn hay nhỏ tuổi cũng được phát 600 gr gạo cho mỗi ngày cùng với nhiều loại thực phẩm kèm theo. Việc nấu nướng thì tự túc vì

hầu như gia đình nào lúc ra đi cũng mang theo song nôi, riềng than, củi hoặc dầu lửa cũng được cấp mỗi ngày. Kể từ tháng 11/1954, người đến trại không ai ở lâu quá ba tuần lễ sau khi đã được khám sức khỏe, điền phiếu thủ tục hành chính, lãnh quần áo, chăn mền, cắt tóc v.v... Mỗi trại có ký hiệu mẫu tự riêng, từng căn lều có số thứ tự và người ở trại ai cũng có thể ghi tên họ và nguyên quán của mình. Tùy theo địa thế các trại, có nơi được đào giếng để lấy nước, có nơi thì máy bơm từ suối lên bồn chứa. Công binh Ong Biển cho dựng lên cao nhiều bồn cao su lớn, có thể chứa được 3.000 gallons nước. Nước trong các bồn sẽ được lọc, sát trùng rồi mới phân phối sử dụng. *Trung bình mỗi ngày, có tới 12.000 gallons nước được cung cấp cho việc nấu ăn, uống, tắm ở mỗi trại. Riêng những căn lều của y tế thì đặc biệt khá lớn, có thể chứa được từ 300 tới 500 bệnh nhân nằm điều trị ngắn hạn.* Nếu có người mang bệnh nan y hoặc quá trầm trọng, bệnh nhân sẽ được ưu tiên đưa đến bệnh viện Hải Phòng hay những bệnh viện hạm ngoài Vịnh Hạ Long. Các bệnh phổ biến nhất trong lớp người đến trại là sốt rét, cảm ho, đậu mùa, thương hàn, lở mắt, ghẻ nhọt ngoài da v.v... Ở mỗi trại trung bình một ngày có gần 2.000 người xin khám bệnh. Hải quân Pháp ở Hải Phòng, được sự chấp thuận của Đô Đốc Jean Marie Querville, đã nhường cho hải quân Mỹ dùng một trung tâm thí nghiệm khá lớn để tập trung phân tích, tìm bệnh từ các mẫu máu của người đến trại. Ngay cả phu nhân vị đô đốc nêu trên, Mme Querville cũng sốt sắng tham gia làm thiện nguyện ở bệnh viện Hải Phòng và thăm viếng các trại.

Một vị phụ nữ đáng kính khác cũng âm thầm làm việc nhân đức là bà Vũ Thị Ngải, được mọi người ưu ái gọi là Madame Ngải. Bà là người đích thân lặn lội đi tìm và nuôi dưỡng hàng trăm trẻ em bất hạnh ở Thanh Hóa; Nam Định; Hải Phòng rồi vô tới Sài Gòn sau này. Các em bà cư mang hầu hết là trẻ mồ côi, lạc gia đình vì chiến cuộc, bị bỏ rơi vì tật nguyền v.v. Việc quản trị về y tế cho người di cư ở Hải Phòng và các trại thì do Trung Tá Hải Quân, bác sĩ James Grindell đảm trách. Những bác sĩ hải quân thường trực ở các trại có Đại Úy Julius Amberson; Đại Úy William Cox's; Đại Úy Sidney Britten; Trung Úy Thomas A. Doolley v.v... Nhóm bác sĩ lo việc tiếp tế và phân phối y cụ, dược phẩm thì có Trung Úy Edmund Gleason; Trung Úy Richard Kaufman; Trung Úy David Davison. Nhóm y tá có các vị như Dennis Shepard; Peter Kessey; Norman Baker; Robert Prusso; Edward Mauge; J. Harris v.v...

Lúc hai tháng đầu hoạt động, trung bình mỗi ngày từng trại có từ 400 tới 600 người tìm đến. Về sau lên tới con số ngàn rồi chục ngàn. Có lúc nguyên cả một làng hàng ngàn người cũng tìm tới trại. Các trại đón tiếp vào khoảng tháng 10 về sau, mỗi nơi đông từ 12.000 đến 15.000 người.

Chuyến tàu thứ nhất hải quân Mỹ chở người di cư rời Vịnh Hạ Long ngày 17.8.1954 là chiếc USS Menard (vận tải hạm), tàu này chở vào Sài Gòn 1924 người.

Chuyến thứ hai ngày kế tiếp, chiếc USS Montrose mang theo được 2.100 người. Và còn nữa... còn rất nhiều người đến, và cũng còn rất nhiều tàu sẵn sàng chờ đưa những người không chấp nhận cộng sản vượt đến bến bờ tự do.

Cuối tháng 8/1954, một trận bão đổ ập xuống Hải Phòng và phá hủy hơn một nửa tổng số trại lều trong

khuvực. Sau trận bão, Lực Lượng TF 90 cho điều động thêm tàu vận tải, đồng thời cho tăng mức độ vận chuyển từng con tàu, cứ ba ngày hai đêm là đến Sài Gòn, hôm sau trở ra Hải Phòng chờ tiếp. Dọc theo thềm bờ biển Việt Nam vào cuối năm 1954, có tới hàng trăm con tàu trực chỉ hai miền Nam - Bắc suốt ngày và đêm, tàu ngược xuôi như những con thoi trên mặt nước. *Trong vòng hai tuần đầu tháng 9 sau trận bão, các tàu Mỹ đã chuyển vận vào Nam được 47.000 người!* Từ giai đoạn này trở đi, số người di cư được chuyển dồn dập tới Sài Gòn, ngày nào cũng có vài chiếc cập bến. Người đông tới mức làm các tổ chức lo đón tiếp làm việc không xuể, họ buộc phải báo cáo lên Phủ Tổng Ủy Di Cư - Tỵ Nạn về vấn đề này. Chính phủ Việt Nam sau đó thông báo với phía Mỹ, yêu cầu họ chỉ nên cho những tàu nào chở dưới 2.500 người mới được ghé Vũng Tàu hoặc Sài Gòn. Yêu cầu nêu trên chỉ tạm thời cho tới sau ngày 25.9.1954.

Ngày 9/10/1954, Pháp làm lễ hạ cờ tại Hà Nội, họ phải tập trung về Hải Phòng để rút toàn bộ khỏi miền Bắc Việt Nam. Ngày 12.12.1954, Mỹ đóng cửa Tòa Lãnh Sự ở Hà Nội.

Lúc đến được các trại tạm cư ở Đà Nẵng, Sài Gòn v.v..., đồng bào di cư được cấp 12 đồng cho mỗi ngày đối với người lớn, trẻ em được 6 đồng, kèm theo thực phẩm cứu trợ và vật dụng cần thiết. Tới ngày 11.3.1955, cứ mỗi người mới đến, không phân biệt lứa tuổi sẽ được cấp một lần số tiền 800 đồng. Lúc tới nơi định cư chính thức, mỗi người sẽ được cấp một lần 3.000 đồng để tự túc làm nhà, không tính vào vật liệu được cung cấp, dụng cụ làm nông, các loại hạt giống, phân bón, giường, tủ, bàn ghế, chăn màn và thực phẩm cứu trợ được cung cấp đều đặn đến khi cuộc sống được ổn định. Ở thành phố Đà Nẵng có những trại định cư như Thanh Bô; Đức Lợi; Tam Tòa, xa hơn một chút thì Hội An v.v... Riêng ở thủ đô Sài Gòn và vùng phụ cận có khoảng 10 trại tiếp cư tạm thời được thiết lập ở Phú Thọ; Bình Đông 1; Bình Đông 2; Bình Đông 3; Bình Trị Đông; Bình Thới, khu vực cầu Nhị Thiên Đường, Bảo Hưng Thái; Rạch Dừa; Xuân Trường (Thủ Đức); Biên Hòa v.v... Đó là chưa tính nhiều địa điểm tiếp cư nhỏ hơn ở các trường học nội đô Sài Gòn, hoặc tại Gò Vấp; Thủ Dầu Một, khuôn viên Tòa Hành Chánh tỉnh Gia Định, Hòa Khánh (Chợ Lớn), khuôn viên Sở Cứu Hỏa Đô Thành trên đường Trần Hưng Đạo v.v... Từ những nơi tạm cư sau những ngày đầu vượt thoát cộng sản, đồng bào di cư sẽ được đưa đến lập nghiệp dài lâu trong **156** Khu Định Cư ở miền Nam; **65** khu ở miền Trung và **34** khu ở Cao Nguyên Trung Phần.

Đến cuối tháng 3/1955, các trại lều tạm trú ở Hải Phòng lần lượt tháo dỡ, số người tìm tới trại cũng giảm dần. Sang đầu tháng 4/1955, chỉ còn lại ba khu trại và khoảng 30.000 người đang chờ xuống tàu. Đến ngày 10/5/1955, tất cả các trại lều đều được tháo dỡ, Người chờ xuống tàu còn khoảng 4.000. Số người này được đưa vào thành phố Hải Phòng tạm trú trong những khu vực do Pháp và Mỹ kiểm soát. Cùng lúc đó phía người Pháp ở Hải Phòng cũng giảm xuống còn khoảng 300 người, những người này được lệnh gấp rút tháo dỡ và đem xuống tàu tất cả những gì hữu dụng, từ máy móc cho tới bàn ghế, tủ, giường. Nói tóm lại là dọn sạch. Người Pháp quyết không chừa một thứ gì có giá trị lọt vào tay cộng sản. Tính tới giữa tháng 4/1955, đại diện MAAG Mỹ vẫn còn vài người ở Hải Phòng như các

Thiếu Tá Ralph Walker; Roger Ackley; Mike Walker; John McGowan; Norman Paulin v.v... Chuyển máy bay cuối cùng của Mỹ rời Hải Phòng ngày 11.5.1955. Chuyển tàu chót của Lực Lượng TF 90 là chiếc USS General A.W. Brewster, rời Vịnh Hạ Long ngày 15.5.1955 cùng với 1.300 người. Chuyển tàu chở người di cư sau cùng hải quân Pháp là chiếc Gascogne, rời Hải Phòng ngày 26/5/1955 với 888 người.

Tổng kết

Trong Chiến Dịch Vượt Đến Tự Do, Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90 của Mỹ đã huy động được 114 tàu các loại, thực hiện được 109 chuyến xuôi Nam, chở được 310.848 người, 68.757 tấn hàng các loại và 8.000 xe quân sự lẫn dân sự. Có 54 người qua đời trên tàu và được thủy táng. Có 184 em bé chào đời trên các chuyến tàu vào Nam. Từ năm 1955 đến 1956, chính phủ Mỹ viện trợ Việt Nam 93 triệu Mỹ Kim để giúp chính phủ lo việc tái định cư cho đồng bào. Riêng công chúng Mỹ và các trường học, cũng tổ chức quyên góp được 11 triệu Mỹ Kim giúp đồng bào di cư. Chi phiếu hiến tặng này được đại diện Mỹ trao tận tay Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ngày 1.7.1955.

Về phía Pháp: Không lâu sau ngày ký "Hiệp Định Đình Chiến", từ ngày 5.8.1954 người Pháp đã làm hết sức để vận chuyển vô Nam không những các nhân viên quân sự, hành chánh, công dân họ mà còn giúp đưa người dân miền Bắc thoát khỏi tay cộng sản, bằng máy bay và bằng tàu thủy. Lúc tàu hải quân Mỹ đến Vịnh Hạ Long thì hải quân Pháp cũng đã vận chuyển được nhiều người.

Phía Pháp đã phối hợp với hải quân Mỹ, họ xử dụng tối đa các loại tàu nhỏ đưa người di cư từ Hải Phòng ra chuyển lên tàu lớn Mỹ, đồng thời cũng dùng tàu vận tải đưa người thẳng vào Nam. Dù trong thực tế, lực lượng hải quân họ ở vùng Đông Pháp không có nhiều tàu loại lớn như hải quân Mỹ, nhưng họ vẫn cố gắng làm hết sức mình để giúp người di cư. Tàu Pháp thực hiện được 388 chuyến xuôi Nam, vận chuyển được hơn 240.000 người. Máy bay Pháp ở Hà Nội; Nam Định; Hải Phòng tính chung đã chở được khoảng 213.000 người với 4.280 chuyến bay, trong đó có 40.000 công dân Pháp, 4.000 người là các nhân viên hành chánh. Ngoài việc giúp đưa người đi, phía Pháp cũng hợp tác với Việt Nam và Mỹ làm việc ở các khu trại, lập các toán an ninh tuần tra quanh khu vực Hải Phòng và giữ được trật tự trong thành phố. Pháp cũng lập ra các toán máy bay loại nhỏ, các con tàu chạy gần bờ để tìm kiếm và cứu những người trôi giạt trên biển. Điển hình như Đại Úy Gerald Cauvin, người chỉ huy một đội thủy phi cơ và tàu nhỏ ở Hải Phòng mà trách nhiệm là đi tìm người gặp nạn. Có lần ông đã cứu được một lúc hơn 1.000 người đã kiệt sức, sắp chết đuối trên 14 chiếc ghe đánh cá đang thả trôi trên biển, cách xa bờ hơn 10 cây số. Tàu cấp cứu Pháp được ông hướng dẫn đã tới cứu số người này và đưa về Hải Phòng. Họ là giáo dân ở Cửa Lò Nghệ An, một giáo xứ nằm cách xa phía Nam Hải Phòng hơn 300 km.

Về sự giúp đỡ chuyển vận người bằng đường biển, các nước sau đây cũng có góp phần: Tàu Anh giúp được 2 chuyến; Cộng Hòa Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) được 2 chuyến và tàu Ba Lan được 4 chuyến.

Năm 1957, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa công bố có khoảng 928.152 người di cư vào miền Nam. Riêng số

người được đưa vô bằng tàu thủy và máy bay có khoảng hơn 555.000. Những người tự túc tìm phương tiện ra đi có khoảng 110.000 người. Người Việt gốc Hoa ở các thành phố miền Bắc bỏ vào Nam khoảng hơn 15.000 người. Ngược lại, toàn miền Nam chỉ có 4.358 người xin trở về miền Bắc. Phần đông số người này vào lập nghiệp ở miền Nam lúc Pháp tuyển mộ phu đồn điền hoặc cạo mù cao su. Những con số dẫn trên là thuộc dân sự.

Về quân sự: Lính Quân Đội Quốc Gia hoặc trong quân đội Pháp (kể cả tù binh mới trao trả) vào được miền Nam 190.000 người, 33.000 người khác đi theo là gia đình hay thân nhân số quân nhân vừa kể. Có khoảng 25.000 quân nhân và thân nhân đồng bào Nùng, Thái, Mèo v.v... được vận chuyển vào Nam.

Cuối năm 1955, Phủ Tổng Ủy Di Cư - Tỵ Nạn có đưa ra một con số ước tính: Trong tổng số người di cư, có 676.348 người theo Công giáo, (76.3%); 209.132 người theo Phật giáo (23.5%); 1.041 người theo Tin Lành (0.2%).

Sứ Vụ Quân Sự Sài Gòn: "Chiến Dịch Huynh Đệ" và Đại Đội Tự Do, 1954 - 1955

(Saigon Military Mission (SMM): "Operation Brotherhood" and Freedom Company, 1954 - 1955)

Trong lúc chiến trường Điện Biên Phủ còn mịt mù trong lửa đạn, Mỹ đưa tới Sài Gòn một sĩ quan Không Quân, được tuyển dụng bởi CIA (Central Intelligence Agency, Cục Tình Báo Trung Ương) giúp chính phủ Quốc Gia Việt Nam vấn đề chống du kích, chống phản loạn cộng sản.

Ngày 1.6.1954, Đại Tá Edward Gear Lansdale đến Sài Gòn trên một chiếc thủy phi cơ Phi Đoàn 31 Hàng Không Cứu Cấp - Biển (31st Air Rescue - Sea Squadron) tại căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân, cách Sài Gòn khoảng 1.600 km. Hành lý ông ta mang theo chỉ có một thùng nhỏ đựng hồ sơ, vài bộ áo quần và một máy đánh chữ mượn người quen. Đây là lần thứ hai Đại Tá Edward G. Lansdale đến Việt Nam, lần đầu vào năm 1953, ông đến với vai trò cố vấn cho quân đội Pháp các kinh nghiệm chống du kích. Lần này thì khác, ông cần phải giữ bí mật các việc ông sẽ làm.

Để che đậy sự chú ý "người ngoài", Tư Lệnh MAAG - I ở Sài Gòn Trung Tướng John W. O'Daniel sắp đặt cho ông ta giữ chức "Phụ Tá Tùy Viên Không Quân" tại Tòa Đại Sứ Mỹ (lúc ấy do ông Robert McClintock Xử Lý Thường Vụ, đại sứ chính thức là ông Donald Heath đã về Mỹ từ tháng 1/1954). Khi đưa Đại Tá E. G. Lansdale tới Sài Gòn, ở thành phố này đã có một trạm CIA do ông Emmett McCathay chỉ huy (sau được thế bởi ông John Anderton). Hoạt động trạm CIA này chủ yếu theo dõi, thu thập tin tức v.v... từ những điệp viên Nga Sô; Trung Cộng đang có mặt tại vùng Đông Pháp, được coi thuộc phạm vi tình báo dân sự và họ phải thường xuyên gửi các báo cáo về văn phòng trung ương ở Mỹ. Nhưng trạm CIA thứ hai Đại Tá E. G. Lansdale thì khác, nó sẽ có những hoạt động bán quân sự như tuyên truyền và phản tuyên truyền, chống khủng bố, và gài người hoạt động v.v... ngay trong lãnh thổ do cộng sản Việt Minh đang kiểm soát. Trạm ông Lansdale không lệ thuộc vào hệ thống hàng dọc nào, hơn nữa ông ta có toàn quyền hành động và chỉ báo cáo trực tiếp với ba người là Giám Đốc văn phòng trung ương ở Mỹ, viên Đại

Sứ và Tư Lệnh MAAG tại Việt Nam mà thôi. Ông ta được đưa đến Sài Gòn để giúp chính phủ Quốc Gia Việt Nam những kế sách, phương thức chống du kích, chống khủng bố, phá hoại v.v... cộng sản mà chính ông đã làm và thành công khi giúp Tổng Thống Ramon F. Magsaysay ở Phi Luật Tân đánh bại phe cộng sản Hukbalahap.

Ngay sau khi tới Sài Gòn, Đại Tá Lansdale đã bắt đầu thiết lập một cơ cấu tình báo nấp dưới tên: Saigon Military Mission (Sứ Vụ Quân Sự Sài Gòn, sẽ ghi tắt là Quân Vụ Sài Gòn hoặc SMM). Bước đầu các thông tin cần thiết nhất về tình hình Việt Nam đương thời sẽ được cung cấp từ Bộ Tư Lệnh MAAG, từ văn phòng Cơ Quan Thông Tin Liên Bang (United States Informaion Services - USIS) ở Sài Gòn, do ông George Hellyen làm Trưởng Phòng (ông này nói tiếng Việt rất giỏi). Giữa tháng 6/1954, qua trung gian Trung Tá William Rosson bên MAAG, một cuộc họp đã được sắp đặt cho Đại Tá Lansdale; Đại Tá Carbonel MAAG; Đại Tá Nguyễn Văn Vỹ, Chỉ Huy Trưởng Ngự Lâm Quân Việt Nam (?- tháng 6/1954 chưa lên tướng). Cuối tháng 6, Đại Tá Nguyễn Văn Vỹ giới thiệu ông Lansdale làm cố vấn cho Đại Úy Phạm Xuân Giai thuộc Phòng 5, Bộ Tổng Tham Mưu/Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Kể từ giai đoạn này, ông Lansdale bắt đầu phối hợp với quân đội quốc gia, chuyên viên đặc biệt Đài Loan; Phi Luật Tân cùng hợp tác cho một kế hoạch chung được đặt tên Chiến Dịch Huynh Đệ (Operation Brotherhood), một đơn vị bí mật là Đại Đội Tự Do (Freedom Company) sẽ thành lập trong tháng 9/1954.

Lúc bấy giờ ở Sài Gòn đã có nhiều phóng viên báo chí quốc tế, đại diện những hãng thông tấn v.v... lập văn phòng thường trực để theo sát các diễn biến thời cuộc tại Việt Nam. Ông Lansdale thường phải nghe những câu hỏi, thắc mắc giới này, đã nhiều lần phủ nhận điều họ nghi ngờ ông làm việc cho CIA và xác nhận mình làm việc ở Toà Đại Sứ với một vai trò khiêm nhường. Để chứng tỏ mình không có gì để che giấu, ông ta công khai thuê một căn nhà để sống ở số 51 đường Duy Tân, Sài Gòn.

Ngày 27.6.1954, Đại Tá Edward G. Lansdale đến thăm Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.

Ngày 1.7.1954, CIA tăng cường cho Quân Vụ Sài Gòn (SMM) một người nữa là Thiếu Tá Lucien E. Conein, giấy tờ ghi là quân nhân cơ hữu MAAG. Ông này đã từng hoạt động bí mật trên đất Pháp lúc Đức còn chiếm đóng. Đã tổ chức những toán kháng chiến người Pháp hoạt động sau lưng địch, rất giỏi trong lãnh vực phản tuyên truyền, phá hoại, gây rối loạn, hoang mang về tâm lý cho đối phương.

Chạy Đua Giữa Thời Và Thế

Ngay sau khi Điện Biên Phủ thất thủ vào ngày 5/7, hội nghị về Đông Pháp đang xúc tiến thì Quân Vụ Sài Gòn gấp rút làm việc tối đa.

Trước khi bản hiệp định được các bên ký kết, SMM phải chuẩn bị xong mọi việc có lợi cho chính phủ quốc gia và cả phía Mỹ nữa. Tuy nhiên trở ngại lớn nhất mà Quân Vụ Sài Gòn rất lo lắng là thiếu nhân sự. Các kế hoạch dự trù để hoạt động đã có sẵn, vậy mà họ không đủ người cho những vị trí cần thiết như kế hoạch đòi hỏi. Ngày 25/7, Đại Tá Lansdale cầu cứu với Bộ Tư Lệnh MAAG ở Sài Gòn, ông cho biết nếu tình trạng

này kéo dài thì các kế hoạch sẽ vô dụng vì bản hiệp định bắt đầu có hiệu lực vào ngày 11.8.1954. Trung Tướng John W. O'Daniel ngay lập tức gửi về Bộ Quốc Phòng một công điện khẩn, trong đó ông yêu cầu nơi đây và các cơ quan liên đới phải đáp ứng và nên quan tâm nhiều hơn về SMM ở Sài Gòn. Kết quả Bộ Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương đã gửi đi những thông báo nội bộ, chỉ thị để các đơn vị trực thuộc tìm những sĩ quan ưu tú nhất đang có mặt trong vùng Thái Bình Dương, kêu gọi họ tình nguyện đến làm việc ở Việt Nam. Những người được chọn cần phải có kinh nghiệm chuyên môn, phải am tường và hiểu biết tổng quát về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ v.v... các nước vùng Đông Nam Á. Ngoài ra họ cũng phải có kinh nghiệm đối phó với cộng sản về chiến tranh tâm lý và tình báo. Đầu tháng 8/1954, sau các cuộc tìm kiếm, phỏng vấn v.v... ở Hawaii; Phi Luật Tân; Đài Loan; Đại Hàn; Okinawa thì CIA tuyển được 17 người, sau đó tất cả được gửi đến Sài Gòn trình diện Bộ Tư Lệnh MAAG theo giấy tờ "chính thức". Số sĩ quan tăng cường cho Quân Vụ Sài Gòn gồm có: Trung Tá Gordon Jorgenson (bộ binh); Trung Tá Raymond Wittmayer (BB); Thiếu Tá Fred Allen (BB); Trung Úy Edward Williams (BB); Trung Úy J. Phillip (BB); Đại Úy Richard Smith (TQLC); Đại Úy Arthur Arundel (TQLC); Trung Úy L. Andrews (hải quân); Trung Úy Edward Bain (HQ); Đại Úy Bernard Yoh (BB)- (danh tính những người còn lại đã bị che trong hồ sơ giải mật).

Việc yểm trợ cho Quân Vụ Sài Gòn, vấn đề vận chuyển bằng đường không cho kế hoạch sẽ do máy bay "hãng" Civil Air Transport (CAT) đảm nhận (CAT thực ra là CIA, về sau được đổi tên thành Air American). Để nguy trang cho các hoạt động mình ở Việt Nam, CIA đặt tên cho hồ sơ địa bàn này là Combined Area Studies (CAS), hồ sơ về văn phòng CIA tại Sài Gòn được nguy trang dưới tên Office of Special Assistance (OSA), hồ sơ bảo mật danh tính cho nhân viên hoạt động ở Việt Nam thì mang tên Controlled American Source (CAS2).

Giữa tháng 8/1954, lần thứ nhất hàng loạt truyền đơn được tung ra ở miền Bắc với tin: "Nguyên một trung đoàn lính Trung Cộng hãm hiệp tất cả phụ nữ ở một ngôi làng gần biên giới", tại miền Nam truyền đơn tung tin: "Tất cả cán bộ Việt Minh tập kết đều được chở qua Trung Cộng làm lao công đường rầy xe lửa"!

Trong khi thúc đẩy những hoạt động Quân Vụ Sài Gòn, Đại Tá Lansdale cũng thường lo lắng nghĩ đến vấn đề bảo vệ an ninh cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Vì thế ông qua Manila, bí mật thỏa hiệp riêng với Tổng Thống Ramon Magsaysay để hỗ trợ chuyện này. Vị lãnh đạo nước Phi Luật Tân sau đó cử qua Sài Gòn Đại Tá Napoleon D. Valeriano và ba sĩ quan thân tín, những người này đã giúp Phủ thủ tướng lập được một đơn vị bảo vệ an ninh cấp tiểu đoàn (tiền thân Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống).

Tính đến cuối tháng 8/1954, cơ cấu Quân Vụ Sài Gòn đã tạo được một quyền hạn riêng biệt đối với MAAG, lập được một uy tín đầy tin cậy với chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Mạng lưới hoạt động nó nối kết nhiều nơi tại Á Châu, thiết lập đường dây "nóng" về thủ đô Liên Bang Mỹ và các thủ đô ở vùng Thái Bình Dương (ngoài MAAG - I ở Việt Nam, Mỹ cũng lập MAAG - Đại Hàn; MAAG - Đài Loan; MAAG - Thái Lan; Lào; Cam Bốt; Phi Luật Tân,

riêng Vương Quốc Anh cũng có ở Sài Gòn: "Sứ Vụ Cố Vấn Anh tại Nam Việt Nam" do ông Robert Thompson làm Trưởng Đoàn (British Advisory Mission to South - Vietnam, BRIAM - SVN).

Đại Đội Tự Do (Freedom Company)

Đầu tháng 9/1954, Thiếu Tá Lucien E. Conein ra Hà Nội lập một Bộ Chỉ Huy SMM cho khu vực miền Bắc, một trạm liên lạc ở thành phố Hải Phòng. Nhờ sự giúp sức Phòng 2 Bộ TTM, phía Mỹ đã tuyển được 13 người tình nguyện ở lại hoạt động, nhóm này được đặt tên là Toán Bình (hầu hết những người được tuyển chọn đều nằm trong số người chờ di cư ở Hải Phòng, hoặc ngay tại Sài Gòn lúc họ vừa mới vào Nam, phần đông thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng và đều có gốc Bắc). Toán Bình sau đó được Trung Úy Andrews hướng dẫn tập trung đến bến cảng rồi biển mất dưới các tàu vận tải thuộc Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90, tiếp đó họ được chuyển tới một căn nhà bí mật ở Vũng Tàu để được huấn luyện. Toán Bình học kỹ thuật in ấn thủ công và những cách rải truyền đơn, phương pháp tạo tin đồn và tung tin đồn, cách ngụy trang hình dáng, làm thế nào để di chuyển cùng với vũ khí, thuốc nổ được an toàn đến địa điểm ẩn định v.v... Cuối tháng 9, Toán Bình được chở về Hải Phòng, họ bắt đầu tỏa ra và biển mất trong đám đông người chờ di cư. Toán Bình được chỉ huy bởi một người mang bí danh Đinh Triệu, người liên lạc và yểm trợ là Đại Úy Arundel. Kể từ đầu tháng 10/1954, Toán Bình bắt đầu tung ra truyền đơn và đủ thứ tin đồn. Trong các loại truyền đơn cũng có thứ được làm giả y hệt cộng sản Việt Minh với các tin như: "Sau khi tiếp thu toàn miền Bắc, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa có luật mới về tài sản tư nhân", "Sẽ có những thay đổi về tiền tệ theo quy định nhà nước", "Chuyện buôn bán riêng lẻ sẽ có nhiều cải cách" v.v... Quả thật các thứ tin loại này đã làm dân chúng ở Hà Nội; Hải Dương; Nam Định v.v... xôn xao bàn tán. Nó gây hoang mang trong dư luận miền Bắc, tới mức một đài phát thanh Việt Minh đặt gần biên giới phải lên tiếng đính chính. Nhưng dân chúng vẫn không tin, họ còn cho rằng đài đó là Pháp vì Việt Minh làm gì có đài phát thanh! Phía Mỹ cũng mua chuộc được một số các thầy bói, chiêm tinh gia tham dự việc tạo tin đồn. Các "thầy" này rỉ tai truyền nhau là sau nhiều lần bói bài, coi quẻ, bả mị, nhìn sao v.v... thì chỉ thấy toàn các quẻ bất lợi cho Việt Minh, chỗ nào Việt Minh tới nơi đó sẽ ngập máu, Việt Minh chắc chắn sẽ sụp đổ vì Trung Cộng sẽ đưa quân qua trấn đóng khắp miền Bắc v.v... Ngoài các việc nêu trên, Toán Bình cũng có nhiệm vụ tìm cách phá hoại những nơi chứa nhiên liệu, đạn dược, đốt phá nhà ga, nhà máy điện, đường ray v.v... Họ đã được một toán chuyên viên người Đài Loan do CIA muốn đến Hải Phòng hướng dẫn.

Cùng lúc đó ở Sài Gòn, trong tháng 9/1954 nhân viên an ninh Thiếu Tướng Nguyễn Văn Vỹ phối hợp với Trung Tá Raymond Wittmayer tuyển được 21 người. Nhóm này do Thiếu Tá Fred Allen; Trung Úy Edward Williams chỉ huy và được đặt tên là Toán Hòa. Ở Sài Gòn họ được chia ra thành những tổ hoạt động riêng lẻ, có nhiệm vụ trà trộn đến các địa điểm tập kết cộng sản Việt Minh để tung ra những tin đồn gây tâm lý bất an cho người muốn ra Bắc. Ngày 23.11.1954, Toán Hòa cùng hai đầu bếp giả dạng làm phu khuân vác ở bến tàu, họ lẩn lộn

trong đám đông rồi biển mất dưới các hầm tàu mới chở người di cư cập bến. Từng người trong họ được Thiếu Tá Allen cho biết trước tên con tàu mình phải xuống, tìm nơi ẩn nấp và chờ người đến liên lạc. Khi những chiếc tàu này ra khơi, Toán Hòa sẽ được gom lại và chuyển qua tàu hải quân chở tới phi trường quân sự Clark ở Phi Luật Tân. Tại đây cả toán được đưa đến một khu vực biệt lập nằm trong một thung lũng vắng vẻ, chương trình huấn luyện cho họ sẽ do hai Thiếu Tá Bohanan và John Wachtel SMM chịu trách nhiệm.

Trong thời gian Toán Hòa được huấn luyện, những thứ cần thiết cho hoạt động họ sau này cũng bắt đầu đưa tới Sài Gòn trong những kiện hàng, thùng giấy có bề ngoài nhìn rất "dân sự", việc vận chuyển do Không Đoàn 581 ở phi trường Clark đảm trách. Mỗi khi hàng tới, bộ chỉ huy Quân Vụ Sài Gòn cử các sĩ quan họ đích thân ra phi trường ký nhận, chính những sĩ quan này cũng tự mình đem hàng xuống, người lạ không được phép đến gần khu vực. Đôi khi họ phải làm cật lực suốt đêm mới chuyển hết hàng tấn hàng đến nơi an toàn trước khi trời sáng.

Những Anh Hùng Vô Danh Đi Vào Nơi Bóng Tối

Bắt đầu từ ngày 31.1.1955, các trang bị dành cho Đại Đội Tự Do lần lượt được chở ra Hải Phòng bằng máy bay "hãng" Civil Air Transport (CAT). Để chuẩn bị việc phân tán số hàng nói trên, Thiếu Tá L. Conein đã triệu tập một cuộc họp với Toán Bình ở Hải Phòng. Cả toán được cho biết họ có trách nhiệm bí mật phân tán một số vật dụng đến nhiều địa điểm khác nhau. Ngoài ra, Toán Bình cũng được cho biết trước vài điểm hẹn bên bờ sông Hồng, sẽ có tàu loại nhỏ hải quân Mỹ giả làm tàu tuần, xuất phát từ Hải Phòng đi ngược dòng sông chờ hàng đến trao cho họ tại những tọa độ đã giao ước. Họ phải sống và xử sự như những người dân bình thường, tùy theo từng nơi hoạt động sẽ được cung cấp các loại giấy tờ hợp lệ cộng sản Việt Minh để tiện cho việc di chuyển. Toán Bình có 30 ngày để hoàn tất công tác phân tán những vật dụng trang bị đang có ở Hải Phòng.

Ngày 16.4.1955, sau khi học xong chương trình huấn luyện, Toán Hòa được tàu hải quân chở đến Hải Phòng. Họ lên bờ với quần áo như những người dân khác rồi biển mất trong đám đông để tìm tới các địa điểm đã ghi nhớ trong đầu. Ngày 16.5.1955, lúc Việt Minh đến tiếp nhận thành phố Hải Phòng thì cả hai toán Hoà - Bình không còn để lại tông tích nào trên đất Bắc.

Tổng số lượng quân dụng trang bị cho Đại Đội Tự Do nặng khoảng 8 tấn rưỡi với 300 súng Carbine; 50 súng ngắn; 14 máy vô tuyến cá nhân; 90.000 viên đạn Carbine; 10.000 viên đạn súng ngắn; 200 kg thuốc nổ v.v... Hơn 2 tấn rưỡi được chuyển ra khỏi Hải Phòng bằng đường bộ, gần 6 tấn còn lại do tàu tuần Mỹ đưa đến các điểm hẹn đã báo trước. Phần lớn số vũ khí trang bị nêu trên được chôn giấu trong các quan tài rồi chôn tại nhiều nghĩa địa khác nhau.

Cuối năm 1956 Đại Tá Edward G. Lansdale rời Việt Nam, Saigon Military Mission được giải tán. Tháng 4/1960 ông được thăng cấp Thiếu Tướng, giữ chức Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng đặc trách Hành Quân Đặc Biệt và về hưu năm 1968 (Ông Edward G. Lansdale sinh ngày 6.2.1908, qua đời ngày 23.2.1987. Ông là tác giả cuốn In The Midst Of Wars - An Americans Mission to

Southeast Asia, do Harper & Row, San Fransisco xuất bản năm 1972).

Những tấm lòng nhân ái

* Bà Vũ Thị Ngãi (Madame Ngãi):

Bà Vũ Thị Ngãi sinh năm 1905 trong một gia đình giàu có ở tỉnh Thanh Hóa. Năm 1946, cộng sản phát động khủng bố sát hại nhiều người ở khắp tỉnh, chồng bà cũng bị cộng sản giết chết vào lúc này. Sau khi gởi hai người con đi lánh nạn bên Pháp, bà Vũ Thị Ngãi ở lại và bắt đầu làm việc từ thiện, cứu giúp những trẻ em bất hạnh bị bỏ rơi vì loạn lạc. Bà đích thân hoặc nhờ người đi tìm đem về căn nhà rộng lớn mình nuôi những trẻ em mồ côi cha mẹ, bị thất lạc người thân vì chiến cuộc, các em sống lang thang xin ăn ở bến xe, chợ búa, những em bị bỏ rơi bên lề đường vì tật nguyền v.v... Tính đến cuối năm 1947, bà đã đem về nhà nuôi gần 600 em có hoàn cảnh nêu trên. Năm 1948, thị xã Thanh Hóa trở thành nơi nhiều nguy hiểm vì cộng sản Việt Nam thường xuyên khủng bố, giết hại dân lành khắp nơi. Bà Vũ Thị Ngãi buộc phải bán hết nhà cửa, tư trang tìm đến thị xã Nam Định mua một căn nhà khác để tiếp tục việc làm từ thiện mình. Năm 1949, cộng sản đánh phá Nam Định, bà phải mang hơn 1.000 em nhỏ dọn tới Hải Phòng. Hơn một nửa trong số này là những em bị mù, bị bại liệt, bị gù lưng, bị câm, điếc hoặc ghẻ lở v.v... Tại Hải Phòng bà được ông thị trưởng tạm cấp một căn nhà ở An Lạc, được giúp một phần lương thực cứu tế, thuốc men, điện và nước được cung cấp miễn phí. Năm 1954, khi chiến trường Điện Biên Phủ diễn ra, người Pháp đã đến chiếm căn nhà với lý do họ cần nơi điều trị cho quân nhân bị thương đưa về từ chiến trường. Lúc này số trẻ em mà bà cứu mang đã lên tới gần 1.200. Một lần nữa bà Vũ Thị Ngãi phải vất vả đi tìm một căn nhà nhỏ hơn để các em có nơi nương náu.

Sau ngày các đơn vị thuộc Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90 Mỹ đến Hải Phòng, những trại lều được dựng lên thì bà Vũ Thị Ngãi cũng lặn lội đến các trại, vừa làm việc thiện nguyện vừa tìm kiếm các em bé bất hạnh không có ai để nương tựa trong lớp lớp sóng người chờ di cư. Ở đây, bà cũng được sự giúp đỡ những vị như bác sĩ Phạm Văn Huyền, bác sĩ Phạm Hữu Chương, ông Mai Văn Hàm, ông Bùi Văn Lương, ông Ngô Ngọc Đồi v.v...

Qua nhiều lần tới lui giữa các trại lều, bà gặp được một Trung Úy Quân Y Hải Quân, bác sĩ Thomas A. Dooley và mời ông này tới viếng thăm "cô nhi viện" mình ở An Lạc. Vị bác sĩ này rất xúc động và cảm phục lúc biết việc làm đầy tình người bà Vũ Thị Ngãi, ông viết thư kể rõ sự tình và gởi đến trường đại học University of Notre Dame ở tiểu bang Indiana. Các giáo sư và sinh viên tại trường sau khi đọc thư, họ mới biết ở Hải Phòng Việt Nam đang có một "viện mồ côi lưu động" trong loạn lạc như thế. Bà Erma Konya làm đại diện cho trường đứng ra tổ chức các cuộc lạc quyên vì nhân đạo, sau đó họ gởi tặng "viện mồ côi" bà Vũ Thị Ngãi khoảng 40 thùng quà gồm có áo quần trẻ em, âu đực, giày vớ, kẹo bánh, sách vở thiếu nhi và cả các thứ đồ chơi cho trẻ con v.v... Cũng trong lúc đó, những thủy thủ Mỹ ở Hải Phòng đã giúp thêm cho "viện mồ côi"

này bánh mì, sữa bột, thịt đóng hộp, xà phòng và 400 Mỹ Kim do thủy thủ quyên góp.

Đầu tháng 3/1955, đại diện Mỹ và Pháp ở Hải Phòng vài lần đến thúc hối bà Vũ Thị Ngãi nên đưa các em xuống tàu vào Nam, nhưng bà vẫn chưa chịu ra đi. Bà cho biết mình cần ở lại vì muốn tìm cho hết những em bị bỏ quên đâu đó trong các trại lều. Mãi tới giữa tháng 4/1955, khi có tin cộng sản sẽ vào Hải Phòng trong tháng 5, bà Vũ Thị Ngãi mới chịu đưa đàn con mình xuống tàu. Chiếc tàu USS General Brewster rời Vịnh Hạ Long và chở gần 1.500 người, trong đó có "viện mồ côi" bà Vũ Thị Ngãi đến được bến bờ tự do ở miền Nam - Việt Nam. Tại Sài Gòn, "phái đoàn mồ côi" bà Vũ Thị Ngãi được đại diện chính phủ và các hội từ thiện đón tiếp trang trọng. Với sự trợ giúp Phủ Tổng Ủy Di Cư - Tỵ Nạn, các hội từ thiện và sự bảo trợ từ cơ quan USOM, bà Vũ Thị Ngãi và các em mồ côi được tạm cấp một căn nhà, nơi đây sẽ trở thành Viện Mồ Côi An Lạc do bà sáng lập.



Bà Vũ Thị Ngãi (giữa) và một người cháu cùng bà Betty M. Tisdale ở phi trường Tân Sơn Nhất lúc tiễn 219 em mồ côi lên máy bay ngày 12/4/1975

Vào năm 1961, có một phụ nữ người Mỹ là bà Betty Mohl Tisdale (sinh năm 1923), sau khi được đọc các câu chuyện viết về bà Vũ Thị Ngãi ở Việt Nam và các trẻ mồ côi, bà đã đến Sài Gòn tìm thăm viện mồ côi này. Khi thấy được các hình ảnh thực tế về "Viện Mồ Côi An Lạc" với quá nhiều thiếu thốn, bà Betty M. Tisdale trở về Mỹ, chính thức bỏ nghề nghiệp mình tại tiểu bang George và đứng ra vận động công chúng cứu giúp cho trẻ mồ côi bà Vũ Thị Ngãi. Từ đó bà Betty M. Tisdale thường qua Sài Gòn làm việc thiện nguyện ở Viện Mồ Côi An Lạc. Chính ở nơi đây bà đã gặp một Đại Úy Quân Y, bác sĩ Patrick Tisdale, một trong số những quân nhân Mỹ hay đến giúp khám bệnh cho các em mồ côi. Hai người trở thành vợ chồng và cũng trở thành hai vị bảo trợ đáng kính Viện Mồ Côi An Lạc (suốt thời gian làm thiện nguyện nơi đây, vợ chồng ông bà đã quyên góp được hơn 350.000 Mỹ Kim cho Viện Mồ Côi An Lạc, ông Patrick Tisdale về hưu với cấp bậc Đại Tá).

Ngày 10.4.1975, trước sự đe dọa ngọn sóng đỏ cộng sản, bà Betty M. Tisdale cố gắng liên lạc và vận động Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn giúp phương tiện di tản các trẻ em mồ côi bà Vũ Thị Ngãi. Ngày 12.4.1975, tờ nhật báo Columbus Enquirer - Ledger ở Columbus tiểu bang George đăng một bản tin về một chuyến bay chở trẻ em mồ côi từ Sài Gòn sẽ tới Columbus trong ngày hôm đó. Cũng trong ngày 12.4.1975, chuyến bay nói trên đáp xuống phi trường Los Angeles tiểu bang California cùng với 219 em nhỏ Viện Mồ Côi An Lạc. Trong cuộc hành

trình từ Sài Gòn đến Mỹ, có một em qua đời vì bệnh nặng. Máy bay sau đó tiếp tục cất cánh chở các em đến George, một số trong đó vì quá yếu sức nên được gửi lại bệnh viện trường đại học UCLA để điều trị. Riêng bà Vũ Thị Ngãi vẫn ở lại Sài Gòn dù biết tính mạng mình sẽ gặp nguy hiểm bởi cộng sản. Cuối cùng nhờ sự vận động bà Betty M. Tisdale với Tòa Đại Sứ, bà Vũ Thị Ngãi được đưa ra khỏi Sài Gòn đến đảo Guam trong ngày 20/4. Bà được vợ chồng ông bà Betty và Patrick Tisdale bảo lãnh vào Mỹ và đến Columbus, George đứng vào ngày 30.4.1975. Vợ chồng ân nhân bảo trợ đã xây riêng cho bà Vũ Thị Ngãi một căn nhà nhỏ xinh xắn ngay trong ngôi vườn mình. Bà sống ở đây được ba năm và qua đời năm 1978, hưởng thọ 73 tuổi.

*** Trung Úy Quân Y Hải Quân, Bác Sĩ Thomas A. Dooley:**

*Bác sĩ Thomas A. Dooley
ở Hải Phòng, 10/1954*



Lúc "Chiến Dịch Vượt Đến Tự Do" bắt đầu được khai triển thì Trung Úy Thomas A. Dooley đang tòng sự tại căn cứ Yokosuka, Nhật Bản. Tháng 8/1954, cùng với một số sĩ quan quân y khác ở Hawaii; Phi Luật Tân; Okinawa ông được điều động tới Hải Phòng để làm việc

trên vận tải hạm USS Montague trong Vịnh Hạ Long. Nhiệm vụ ông là khám sơ quát cho những người di cư sắp được chuyển ra tàu lớn, khi trở về tàu thì ông vẫn khám tiếp cho những ai muốn xin được khám bệnh. Nhờ nổi được tiếng Tây khá lưu loát, ông lại nhận thêm trách nhiệm làm thông dịch viên Anh - Pháp cho các đội tàu nhỏ chuyển người từ bờ ra tàu lớn. Ông rất sốt sắng trong công việc, gần gũi với mọi người, không ngại ngùng khi tiếp xúc với người tỵ nạn mà không ít người trong số họ áo quần bẩn thỉu, hôi hám sau những ngày đêm lặn lội tìm đến Hải Phòng với đôi chân lở loét. Cuối tháng 9/1954, ông được chỉ định làm bác sĩ thường trực trong đội Quân Y Hải Quân - Bờ. Đêm xuống thì về ngủ trong khu vực quân sự ở cảng Hải Phòng, trời sáng thì cùng những bác sĩ khác tỏa ra làm phận sự tại các lều y tế đã được dựng lên ở ngoại ô thành phố. Kể từ tháng 11/1954, ông trở thành vị sĩ quan chỉ huy đội quân y hoạt động ở các trại lều.

Tình Nhân Đạo Không Có Biên Cương: Thời gian làm việc ở các trại, ông Thomas A. Dooley mới cảm nhận được, mới thấm thía sâu xa về sự khổ đau tận cùng dân tộc một đất nước vừa bị thực dân bóc lột tàn tệ, vừa bị cộng sản man rợ gây ra nhiều thảm cảnh đau thương. Ông đã chứng kiến, đã nghe người chạy nạn kể lại những hành động tàn ác cộng sản mỗi khi chúng bắt được ai cố tình muốn vào Nam. Nếu nạn nhân là người theo đạo công giáo thì họ phải chịu sự hành hạ đau đớn nhiều hơn như cắt bàn chân, xẻo tai, đâm mù mắt, chọc thủng lỗ tai, treo hồng mắt đất v.v... bất kể đó là người lớn hay trẻ em. Bên cạnh các cách tra tấn tàn bạo đó, cộng sản còn cho cán bộ đi tuyên truyền láo khoét khắp nơi. Nào là người Mỹ hút máu người và ăn sống trẻ con,

Mỹ lén bỏ thuốc độc vào nước uống ở các trại làm nhiều người bị bệnh, cố tình xịt thuốc độc lên người đến trại làm họ bị phỏng và lở loét, Mỹ và Pháp cố tình bắt cóc người cưỡng bức di cư xuống tàu, ai ở trên tàu say sóng sẽ bị ném xuống biển, Mỹ là nước tư bản nên cần người qua đó làm cu li, thanh niên khỏe mạnh sẽ bị đưa đi cào mù cao su v.v... và v.v...

Chính những bác sĩ Mỹ và ngay cả bản thân ông Thomas A. Dooley cũng vài lần thành nạn nhân về sự tuyên truyền cộng sản. Có một lần, sau khi chích Penicillin cho một em nhỏ bị ghẻ lở khắp mình thì em bị co giật và khóc thét. Bà mẹ em gào lên, chụp một khúc củi đánh tới tấp làm ông bị bầm mắt. Sáng hôm sau bà mẹ này đầm đìa nước mắt, quỳ xuống trước mặt ông Thomas Dolley xin nhận lỗi vì đã hiểu lầm. Bác sĩ Gleason một lần vắc bình thuốc DDT đi xịt quanh trại, có mấy đứa nhỏ chạy theo đùa giỡn, thấy vui ông đưa cần phun thuốc về phía các em. Ông này bị một lúc mấy bà mẹ rượt đánh vì tưởng ông xịt thuốc độc lên con họ! Chuyện này xảy ra thường xuyên trong vài tháng đầu vì ngày nào cũng có hàng ngàn người từ xa mới đến, chưa được hướng dẫn đầy đủ. Các quân nhân Mỹ phải mỉm cười thông cảm, họ chịu đựng và giữ hòa nhã để làm điều thiện. Những chuyện hiểu lầm "bá láp" như vậy rồi cũng không còn nữa. Ban đại diện trại lập ra nhiều tổ nhỏ đi giải thích cho người mới đến các điều cần biết trong lúc sống tạm ở trại lều.

Trung Úy Thomas A. Doolley cùng các bác sĩ, y tá trong toán quân y và những quân nhân khác Mỹ phục vụ ở Hải Phòng, từ bến tàu vận chuyển cho đến các trại lều, tất cả đã tận tâm, tận lực đem hết khả năng để giúp người tỵ nạn với bớt những khổ đau, hết lo lắng, tự tin hơn ở tương lai sau nhiều ngày đêm trốn tránh các hiểm nguy mà cộng sản đã dành cho họ trên đường vượt thoát. Ngày 12.5.1955, bác sĩ Thomas A. Doolley cùng toán quân y rời Hải Phòng ra tàu lớn, ngày đầu lên bờ ông cân nặng 180 pounds, ngày rời miền Bắc Việt Nam ông chỉ còn 120 pounds. Từng người trong họ ai cũng mang nét mặt buồn thảm, lắc đầu thờ dài vì biết chắc vẫn còn rất nhiều người muốn ra đi nhưng thời hạn "tự do di chuyển" thì quá ngắn. Cũng trong ngày hôm đó ở Sài Gòn, phủ Thủ Tướng có quyết định trao tặng huy chương cho nhiều quân nhân thuộc Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90. Riêng Trung Úy Quân Y Hải Quân Thomas A. Doolley, chính đích thân Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ân tặng Chương Mỹ Bội Tinh cho ông trong một buổi lễ tại Sài Gòn.

Việc ghi thêm về hoạt động Mỹ ở Hải Phòng từ tháng 8/1954 đến tháng 5/1955, chúng tôi thấy không cần thiết vì chẳng thể nói hết được công việc mà những ân nhân ấy đã làm. Sáu mươi năm đã trôi qua trong lịch sử kể từ năm 1954. Những người xưa Lực Lượng TF 90 nay đã ngoài 80 tuổi trở lên. Dù ai vẫn còn, hoặc người đã về nơi khuất bóng thì những gì đã ghi ra nơi đây, được xem như lời tri ân chung kính gửi đến quý ân nhân, những người có một thời đã san sẻ một phần khổ đau đồng bào Việt Nam chúng tôi.

Riêng Trung Úy Thomas A. Doolley, sau ngày về Mỹ đã viết một cuốn sách kể lại những gì ông mắt thấy tai nghe tại Hải Phòng. Cuốn: "Deliver Us From Evil" - Đem Chúng Tôi Ra Khỏi Sự Dữ (Berkley Publishing Corp, 1956) đã làm công chúng Mỹ nói riêng, công luận khắp thế giới nói chung, hiểu biết thêm về sự tàn độc vô nhân

tính cộng sản Việt Nam. Cuộc đời ông Thomas A. Doolley về sau rất ly kỳ. Vì một nguyên nhân rất tế nhị, ông hợp tác với CIA qua sếp đặt Đại Tá Edward G. Lansdale, đến vùng rừng núi Nam Tha ở Lào lập một bệnh xá giáp biên giới với Trung Cộng. Năm 1959 ông phải trở về Mỹ vì mắc bệnh ung thư. Bác sĩ Thomas Anthony Doolley sinh ngày 17.1.1927, qua đời ngày 18.1.1961, hưởng dương 34 tuổi. Ngày ông qua đời, cũng là ngày cộng sản tràn ngập bệnh xá của ông ở Nam Tha.

...
Kể từ sau tháng 9/1954, khi thấy số người bỏ đi vào miền Nam quá lớn, cộng sản Việt Nam ông HCM bắt đầu tìm cách ngăn cản với đủ trò mưu ma chước quỷ. Không chỉ riêng người theo đạo Công giáo, mà bất cứ ai muốn bỏ đi dù là Phật giáo, đạo thờ cúng ông bà v.v... cộng sản đều ngăn cản, hăm dọa. Cản không được thì ám sát, thủ tiêu không kể già trẻ lớn bé. Phần lớn các cuộc vượt thoát đều trải qua những chặng đường cam go, bị thảm, pháp phòng trong lo sợ vì bóng dáng cộng sản Việt Minh chập chờn ẩn hiện khắp nơi. Tới nay vẫn chưa có một con số chính thức về những nạn nhân bị sát hại, nhưng các nhà nghiên cứu ước tính có khoảng 40.000 người bị cộng sản giết chết vì muốn vào Nam. Ngoài ra cũng có khoảng 1 triệu rưỡi người khác không đi được vì cộng sản cản trở. Những vụ người muốn ra đi bị giết lẻ tẻ một lần vài trăm, trên một ngàn thì xảy ra rất nhiều. Nhưng vẫn không nhiều và tàn ác bằng vụ thảm sát mà cộng sản đã làm ở Thanh Hóa.

Ba Làng là một xứ đạo lớn nằm bên bờ biển xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa. Ngày 28/12/1954, có gần 20.000 người tập trung biểu tình ở nhà thờ Ba Làng để phản đối cộng sản không cho họ được di cư. Phía cộng sản cử đến một toán bộ đội chửi bới và hăm dọa, sau đó hai bên xảy ra xô xát làm 4 người bị bắn chết, 6 người bị thương. Phía bộ đội cộng sản sau đó bỏ chạy, họ có vài người bị thương do dân đánh lại. Nhưng cộng sản tháo chạy không xa, họ bao vây toàn khu vực và đánh điện ra Hà Nội báo tin. Ngày 29/12, Hà Nội cử vô một viên Thượng Tá ở Cục Chính Trị tên Nguyễn Hữu Vũ, bí danh Nguyễn Sĩ Đồng. Ngày 6.1.1955, Thượng Tá Nguyễn Sĩ Đồng vô tới Bái Thượng Thanh Hóa, nơi có Sư Đoàn 330 cộng sản ở miền Nam mới tập kết ra đóng ở Sầm Sơn, thì họp với tư lệnh sư đoàn nói trên là Đại Tá Đồng Văn Cống.

Ngày 8.1.1955, dưới sự chỉ huy Thượng Tá Nguyễn Sĩ Đồng, hơn 5.000 bộ đội có vũ trang tiến vào bao vây khu vực Ba Làng, họ bắn không thương tiếc những ai cố chạy thoát ra ngoài. Ngày hôm đó cộng sản bắn chết hơn 200 người, bắt trói đem đi biệt tích khoảng 2.000 người.

Tin tức về vụ tàn sát ở Ba Làng làm chấn động Sài Gòn và Hải Phòng. Chính phủ Quốc Gia Việt Nam đã lên tiếng tố cáo tội ác cộng sản ở Ba Làng trước dư luận quốc tế, đồng thời yêu cầu ICSC phải điều tra làm sáng tỏ chuyện này.

Khi biết có phái đoàn ICSC sẽ tới Ba Làng điều tra, Thượng Tá Nguyễn Sĩ Đồng cho lập ra hai toán đi đón phái đoàn Ủy hội quốc tế. Vài ngày sau, khi chiếc xe chở phái đoàn ICSC vừa vào ranh giới tỉnh Thanh Hóa chưa xa đã bị một toán cướp hung dữ chặn đường. Đám cướp lột hết tư trang các ủy viên, lúc chúng sắp ra tay giết bọn họ thì từ xa bỗng xuất hiện một toán bộ đội làm bọn

cướp bỏ chạy mất. Sau khi được cứu và được đám bộ đội "cam đoan" sẽ hộ tống đi tiếp tới Ba Làng, nhưng các ủy viên ICSC vẫn nhất quyết quay đầu xe chạy về Hà Nội.

Những ngày tiếp theo, cộng sản cho lập "tòa án nhân dân" ở Ba Làng để kết án những người muốn vào Nam. Cộng sản xử bắn 40 người, 2 người chung thân khổ sai, 22 người bị 12 năm khổ sai, 4 người bị 20 năm tù, 60 người khác bị đem đi biệt tích vì cộng sản cho là những kẻ nguy hiểm nhất.

Biển cổ thảm sát ở Ba Làng sau đó lan truyền rất nhanh ra miền Bắc, dân chúng xôn xao bàn tán cùng với những lời oán than uất hận. Đầu não cộng sản ở Hà Nội tìm cách đánh lừa dư luận, họ gọi Thượng Tá Nguyễn Sĩ Đồng về, cho lên đại tá và đổi tên thành Đồng Sĩ Nguyên, không cho người này giữ một chức vụ nào ngoài công khai với hy vọng thời gian sẽ làm quên mọi chuyện. Nhưng tội ác đó không thể nào làm người dân quên được, trái lại dân chúng đã truyền tụng một bài thơ tựa như bài "Văn tế" sống dành cho kẻ sát nhân đó như sau:

"Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Sĩ Đồng. Theo Hồ người giết con chiên Ba Làng. Tội ác người nhất thế gian. Tré thơ cũng bắn già làng cũng đâm. Cỏ cây cũng phải khóc thảm. Núi sông cũng phải một lần phong ba. Đảng người đảng lũ Tàu Nga. Cộng người cộng máu cộng hòa thịt xương. Các người một lũ bất lương. Cùng quân ăn cướp cùng phường lưu manh. Đảng người tội ác rành rành. Chúng nhân còn đó sử xanh ngất trời. Lũ người đên tội đời đời"... (Khuyết Danh).

Bài "Văn tế" sống nêu trên, chúng tôi cũng xin được lấy nó để gởi đến đảng cộng hờn nay ở Việt Nam, vì dù có bao nhiêu năm nữa trôi qua, thì bản chất độc ác, bạo tàn vô nhân tính người cộng sản vẫn không thay đổi.

BDQ ĐỔ NHƯ QUYÊN.

Nguồn tham khảo:

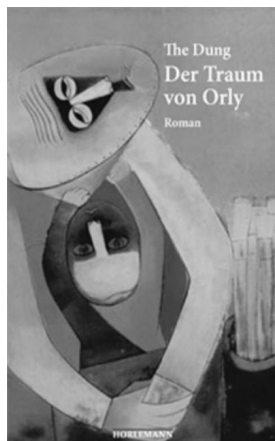
"Cứu Long Cạn Dòng - Biển Đông Dậy Sóng", Ngô Thế Vinh, Văn Nghệ 2000. "Deliver Us From Evil", Thomas A. Doolley, Signet Book 1956. "Encyclopedia of the Vietnam War", Spencer C. Tucker 2011. "Hiệp Định Geneva (20.7.1954)", Trần Gia Phụng. "Hiệp Định Geneva 1954", Nguyễn Anh Tuấn, Sài Gòn 1964. "History of the USS Hickman County", Mobile Riverine Force Association/MRFA@BellSouth.net. "Hồi Ký Lã Quý Ba", google online. "In The Midst Of War - An Americans Mission to Southeast Asia", Edward G. Lansdale, Harper & Row, San Francisco 1972. "Nhìn Lại Cuộc Di Cư 1954 - 1955", Nguyễn Văn Lục. "Number Games: How Many Vietnamese Fled South in 1954?", John Prados. The VVA Veteran (Vietnam Veteran of America, Jan/Feb 2005. "Operation Passage to Freedom: the United States Navy in Vietnam, 1954 - 1955", Ronald Bruce Frankum, Texas Tech University Press 2007. "Passing the Torch", Vietnam Experience, Boston Publishing Company 1981. "the Pentagon Papers", Bantam Book/ New York Times 1971. "Seabees and Operation Passage to Freedom", Seabeesmagazine, 02/2013. "the Two Vietnams: A Political and Military Analysis", Bernard B. Fall, Westview Press (04/1985). "Việt Nam 1945 - 1995", Lê Xuân Khoa, Chương 6: Di Tàn và Định Cư Tỵ Nạn 1954 ■

THẾ DŨNG

từ "Hộ Chiếu Buồn"

đến "Đau Thương Hành"

• Đỗ Trường



Năm nay, có khá nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu, từ trong nước sang nghỉ hè và làm việc ở châu Âu. Có lẽ, nhiệt độ từ nơi xứ nóng, theo chân các nhà văn sang Đức chẳng? Nên mới đầu tháng sáu, trời đã chuyển sang nắng ấm. Trên lối đi ngát một màu xanh cây lá. Bầu trời cao và xanh thẳm, thả xuống những cơn gió lành mát dịu, nhưng dường như vẫn chưa trút bỏ được những ngọt ngào, chua xót, đắng cay... trong lòng người thi nhân, lữ khách.

Có thể nói, đã lâu lắm rồi, châu Âu mới có một mùa hè đẹp đến như vậy.

Vẫn còn đó một bức tường vô hình

Trong lúc rong chơi, bù khú, có bác hỏi tôi, về tình hình văn học cũng như những nhà văn Việt, điển hình ở Đức. Quả thật, tuy xa quê, xa tổ quốc đã rất lâu, nhưng khi nghe các bác nhắc lại, những từ tiêu biểu với điển hình, làm tôi vẫn phải giật mình, sờn sờn trong người, cứ tưởng mình trở về cái thời mậu dịch, hợp tác xã, đang bóp nặn ra những nhân vật điển hình tiên tiến.

Thành thật mà nói, câu này, rất khó trả lời thẳng và trọn vẹn với các bác, vì người Việt ở Đức, hoàn toàn khác với cộng đồng người Việt ở Mỹ, Anh Nga Pháp, hay Séc, Ba Lan. Bởi, nguyên do lịch sử và địa lý, nên nước Đức có hai cộng đồng người Việt với ý thức hệ khác nhau rõ ràng, sau khi bức tường Berlin sụp đổ. Người Việt sống ở phía Tây Đức chủ yếu là những thuyền nhân, từ miền Nam trốn chạy cộng sản. Và vùng phía đông nước Đức, là nơi cư ngụ phần đông của những công nhân lao động, những cựu du học sinh ra đi từ miền Bắc, lúc nào cũng thấy màu đỏ vẫn còn rực cháy trong lòng.

Dù đã một phần tư thế kỷ trôi qua, nhưng chính kiến cũng như nhận thức tư tưởng của hai cộng đồng người Việt, cùng sống trên một nước Đức tự do dân chủ vẫn

không thể hòa đồng. Những ngăn cách ấy, dường như ngày càng cô lại, rắn chắc hơn cả bức tường ô nhục chia cắt Đông Tây trước đây. Vì vậy, những sinh hoạt văn chương và xu hướng sáng tác, hoàn toàn khác nhau. Thực trạng là thế, nhưng trong hồ sâu ngăn cách đó, vẫn chợt có những bước chân tạo ra con đường, nối lại khoảng cách ấy.

Vâng! Nhà thơ Thế Dũng, là một trong những bước chân tự do, can đảm đó, ông đang cần mẫn, mở ra con đường từ Đông sang Tây, không chỉ bằng văn học.

Phần đông độc giả trong và ngoài nước, biết đến Thế Dũng là một nhà thơ, chứ có lẽ, không nhiều người biết ông còn là tác giả đã viết khá nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản điện ảnh, sân khấu và phê bình. Ba cuốn tiểu thuyết, Tình Cuội, Hộ Chiếu Buồn, Một Nửa Lá Sồi, được viết ngay khi ông tới Đức, giữa lúc bức tường Berlin sụp đổ. Trong bối cảnh đó, cùng với sự mẫn cảm của nhà thơ, tư tưởng của Thế Dũng đã chuyển biến một cách dứt khoát rõ ràng. Nếu như Hộ Chiếu Buồn miêu tả diễn biến tâm lý của một trí thức, bằng mọi cách, vùng vẫy, đào thoát ra khỏi cái bí bức, hèn mọn, với tư duy "toàn xã hội nuôi gà công nghiệp", thì đến tác phẩm Đau Thương Hành, Thế Dũng đã hoàn toàn cởi được cái vòng kim cô đó: "*Độc đảng không gánh hết Tổ Quốc / Dân chủ tự sinh thành đa nguyên*" (ĐTH).

Nhân nói đến tiểu thuyết Hộ Chiếu Buồn của Thế Dũng, làm tôi sức nhớ đến giai thoại ồn ào trước đây, trong giới văn chương. Số là, thời đó có lẽ, Thế Dũng còn yêu mến Hội Nhà Văn Việt Nam chẳng? Nên ông đã gửi cuốn này, đến dự thi. Và nghe nói, Hộ Chiếu Buồn đã vào đến chung khảo, chung kết gì đó, của cuộc thi tiểu thuyết năm 2001-2004. Sau đó, Hộ Chiếu Buồn được vào sâu hơn nữa và nằm trong danh sách 14 tác phẩm được lãnh giải, và giấy mời cũng đã gửi đến Thế Dũng. Vào một ngày đẹp giờ, bất chợt, Thế Dũng nhận được điện thoại của một ông bạn họa sĩ, khuyên: Có giấy mời lãnh giải cũng chưa chắc đâu, ông nên phong bao cho ban giám khảo, chắc ăn.

Thế Dũng cười, dứt khoát không tin như vậy. Ngày đến lãnh giải, quả thực, Hộ Chiếu Buồn của Thế Dũng, đã bị gạch tên trong danh sách, được thay bằng tiểu thuyết Cán Cờ Tre, đã bị loại từ vòng ngoài, của đồng chí Trịnh Đình Khôi, chuyên viên ban văn hóa tư tưởng trung ương. Chủ tịch hội nhà văn Hữu Thịnh, ghé tai thì thào: Thế Dũng thông cảm, ra lãnh giải chung khảo vậy. Cuốn Hộ Chiếu Buồn ngay sau đó, được nữ nhà văn người Đức, dịch sang tiếng Đức với cái tựa Der Traum Von Orly (Giấc Mơ Orly) do nhà xuất bản Horlemann phát hành. Giấc Mơ Orly được độc giả Đức đón nhận. Từ đây tên tuổi Thế Dũng gần gũi với độc giả người Đức hơn. Nhà xuất bản Horleman đã tổ chức ra mắt cuốn sách này, khá nhiều nơi trên nước Đức. Tôi đã được đọc bài phỏng vấn Thế Dũng của Radio Hamburg, cảm thấy khá sâu sắc và thú vị.

Nghe kể câu chuyện này, có bác nhà văn già gật gù, để tiếp: Kể cả việc muốn vào hội nhà văn, nếu không đủ đạn bắn vỡ ổ khóa, cũng chỉ có nước đứng ngoài cửa. Luật bất thành văn: Vào, dấm dúi cửa sau- Ra, đàng hoàng cửa trước. Nhất là mấy ông viết văn ở Đức, Việt kiều Việt kiếc rùng rình, lại phải bắn đạn to hơn, dày hơn, mới có thể chui lọt.

Thế mới biết, đằng sau cái tường là cao sang ấy, lù lù một đồng bốt mùi đến như vậy. Chả trách, đọc mấy

cuốn sách được giải của các bác, chẳng khác gì phải uổng bát nước ốc luộc.

Thật vậy, đã mang tên Hộ Chiếu Buồn, thì Thế Dũng làm sao có thể cưỡng được số phận buồn của nó. Có lẽ, sau vụ này Thế Dũng tởn các bác hội nhà văn Việt Nam đến già?

Nhà thơ Thế Dũng, người Hải Dương, sinh năm 1954 tại Tuyên Quang, nơi cha mẹ ông tham gia kháng chiến. Ông xuất thân từ người lính chiến, vào những năm tháng ác liệt nhất của chiến tranh. Sau cuộc chiến, Thế Dũng trở thành sinh viên văn khoa, đại học sư phạm Hà Nội. Và từ đó, ông cứ tưởng sẽ được thỏa chí tang bồng với những ước mơ, dự định về thơ văn của mình. Thế nhưng, cuộc sống Thế Dũng có khá nhiều biến cố, thăng trầm và đã trải qua nhiều công việc, nghề nghiệp khác nhau. Những lúc đắng cay ấy, tưởng như ông đã gục ngã, nhưng may mắn thay, lại chính thơ văn đã nâng đỡ ông đứng dậy và bước tiếp... Hiện ông là hội viên, Hội văn bút CHLB Đức.



Khi tìm tòi, nghiên cứu về Thế Dũng, tôi chợt nhận ra một điều, văn xuôi, tiểu thuyết là vỏ, là thân xác hình hài, thơ mới chính là tư tưởng, hồn cốt trong cái hình hài đó của ông. Chính hai yếu tố này, đã song hành, tạo nên một Thế Dũng, thật vạm vỡ, vững chãi của ngày hôm nay.

Thật vậy, ba cuốn tiểu thuyết trên và những tác phẩm văn xuôi khác, đều xoay quanh chính cuộc đời thật của ông, trong cái xã hội lươn lẹo, dối trá đương thời. Tuy cái vỏ đó khá chật chội, luôn bút rút, nhưng nếu không có biến cố bức tường Berlin sụp đổ và được tận mắt chứng kiến, thì có lẽ, ông chưa thể bút nó ra, để hồn thơ ấy, bật lên với những tiếng kêu cùng nhân dân, Tổ Quốc, đau đớn đến ngút trời như vậy.

Đêm giao thừa đầu tiên trên nước Đức, cũng là mùa xuân đầu tiên nước Đức thống nhất, Thế Dũng thấy mình như trẻ lại. Nhưng nỗi vui mừng đó chợt dừng lại, bởi đất dưới chân mình đâu phải đất quê hương. Dù pháo vẫn nổ, chai đã cạn, nhưng dường như, ông lại càng thấm sự cô đơn, khi ngoảnh lại, nơi quê nhà, còn bao người bị giam hãm nơi lao tù? Thế Dũng đã dồn nỗi đau, sự cay đắng ấy vào trong thơ, ông đứng ngay ở cổng thành Brandenburg để viết. Và mầm tự do đã bắt đầu nở hoa trong Thế Dũng từ đây:

*"... Nước Đức đêm nay - vừa khóc vừa cười!
Đêm trừ tịch đầu tiên tôi được thấy
Đông với Tây cởi mở nỗi lòng mình?"*

*Chân phiêu lãng chợt buồn trên xứ lạ!
Dưới chân mình đâu phải đất khai sinh!
Xin nhớ mãi một giao thừa du ngoạn
Tôi rong chơi như trẻ nhỏ la đà...*

*Tây Berlin chợt cười tôi cay đắng.
Thèm nghe nhạc pháo hồng trên cổng ngõ nhà ta!"*
(Viết ở cổng thành Brandenburg)

Không chỉ bức tường Berlin mở, mà cánh cửa tâm hồn Thế Dũng cũng được mở toang ra. Và ngay sau đó (năm 1992) ông viết bài Ta Mở Cho Nhau Cửa Tới Vô Cùng, gửi nhà văn Ngô Nguyên Dũng. Đây là bài thơ hay, tiêu biểu nhất về sự chuyển biến nhận thức, và là nhịp cầu nối Đông Tây trong tư tưởng của Thế Dũng.

Nhà thơ muốn liệm, già từ quá khứ chẳng? Nhưng năm mỗ dĩ vãng kia, vẫn còn chôn chặt nơi tâm hồn. Vâng! Quá khứ của những ngày, cứ hân hoan làm thẳng lính được đi đầu. Và ai sẽ là người mở cửa, dọn đi những năm mỗ đó? Khi nhà thơ thàng thốt kêu lên. Nhưng có lẽ, thời gian cũng khó có thể xóa đi những ngày đen tối, khờ dại ấy:

*"... Dẫm ngói mộ trong hồn... Hoa héo úa
Âm ti cười vắng vắng tiếng đa đoan
Mây như khói tóc ai chiều thu xõa
Liệm làm sao?- Dĩ vãng chứa tro tàn!"*

*Ngày tháng mở giùm tôi từng ô cửa
Hốc tâm linh toang hoác một hang buồn
Tôi chưa chín nên tôi còn hăm hở...
Hộc từng cơn! Thơ vỡ ngục ngậm hồn..."*
(TMCCNTVC)

Thế Dũng đã chỉ ra, cái chủ nghĩa ngoại lai, là một thứ dịch bệnh. Sự phỉnh lừa đó, đã cướp đi bao sinh linh vô tội, dẫn đến tận cùng tội ác: Xé nát, chia cắt mấy đời đau. Và ai là người đã thốt lên: Đốt cả dãy Trường Sơn-Để cháy nát hồn dân tộc, và khắc sâu thêm oan nghiệt, lòng hận thù bằng những cuộc chiến tranh:

*"Đời thuở ấy, quê hương nhiều giặc giã
Một nhà ta chia "ta-địch". Khóc u...oa
Đốt cả dãy Trường Sơn mà được thế?
Những chiến hào xé nát triệu đời hoa*

*Đời thuở ấy thịt xương sao lãng mạn
Cứ hân hoan làm thẳng lính đi đầu
Chỉ vì cuộc đối lừa nhau ý hệ
Một bầu trời chia cắt mấy đời đau..."*
(TMCCNTVC)

Thật ra, tôi thích đọc Thế Dũng không hẳn vì tài năng, nghệ thuật viết, mà tư tưởng, con đường của ông đi, đang hành cùng nỗi đau của đất nước và thân phận con người, đó mới là yếu tố chính, làm cho tôi rung động.

Đau Thương Hành, được Thế Dũng viết vào năm 2013. Đây là một bài thơ đã đạt đến đỉnh cao của nhận thức, tư tưởng cũng như tài năng, nghệ thuật viết của ông. Đọc bài thơ này, ta thấy được, Thế Dũng đã hoàn toàn bộc được ngòi mỗ quá khứ, ra khỏi tâm hồn mình.

Hành thuộc thơ cổ, dường như có xuất xứ từ Trung Quốc, thường viết theo thể thất ngôn, ngũ ngôn, hoặc

dài ngắn tùy thuộc tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Nó là thể thơ khó nhìn, khó viết. Nhìn chung, các nhà thơ Việt, rất ít sử dụng thể loại này.

Đã đọc khá nhiều thơ thể hành, nhưng quả thực, còn đọng lại trong tôi không nhiều. Bởi, tuy là thể thơ mang tính tự do, phóng khoáng, nhưng để đạt đến cái đỉnh bi tráng, thực sự lay động lòng người, không phải nhà thơ nào cũng làm được. Với tôi, kể từ khi có thơ mới đến nay: Tống Biệt Hành của Thâm Tâm, Hành Phương Nam của Nguyễn Bính, Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên, Biên Cường Hành của Phạm Ngọc Lữ và Đau Thương Hành gần đây của Thế Dũng là những bài thơ hay, mang lại cho tôi nhiều cảm xúc nhất, khi đọc thể loại này.

Đau Thương Hành được chia thành sáu đoạn khúc, là tiếng nấc sinh ly sau chiến tranh, dưới một xã hội độc tài, man rợ. Sự bắt bớ, tù đầy, sự ra đi và trốn chạy, đó không phải cái đau của nhà thơ hay một cá nhân, một bộ phận mà của cả một dân tộc. Từ cái nhìn khách quan đó, Thế Dũng đã can đảm vạch ra, nguyên do của cái bi thương ấy: "*Độc đảng / Độc tài / Độc hành đau*" (ĐTH).

Những cuộc trốn chạy, chia ly đẫm máu và nước mắt

Là một người lính trực tiếp cầm súng nơi chiến trường miền Nam, trong những năm tháng ác liệt nhất, giữa cái chết và sự sống, và trên hai mươi năm khắc khoải trên xứ người, nên Thế Dũng hiểu hơn ai hết, cái giá của sự biệt ly. Khi người ta cố quên hoa lên cái chết cho những người lính phía Bắc, thì tác giả lại chỉ ra cái chết đau thương của những người lính phía Nam thua trận, ở nơi tù đầy phương Bắc. Và sau chiến tranh, cứ ngỡ, đất nước sẽ thanh bình, nhưng không chỉ riêng Thế Dũng, mà cả một thế hệ đã lầm: Có nơi nào bình yên? Khi hàng ngàn, hàng vạn chiếc thuyền lá tre kia, cố nhào đi tìm lại sự sống, trong bão tố, mông mênh của biển cả.

Thật vậy! Đánh đổi một nửa lá số, một nửa cuộc đời, ông mới cay đắng nhận ra, sự sinh ly còn đáng sợ hơn cả cái chết:

*"Tống biệt chưa ghé bằng tử biệt
Tử biệt chưa kinh bằng sinh ly
Sinh ly? – Giới ạ! – Thật thảm thiết ...
Nước nát – Nhà tan - Đành biệt ly?
Biệt ly! – Mười chết, một sống sót
Sinh Nam Tử Bắc huyết lệ nhòa
Vạn xác trẻ già vùi đáy biển
Sinh Bắc Tử Nam máu thành hoa?..."*
(Đau Thương Hành - Đoàn khúc 1)

Cuộc chiến đã lùi xa gần bốn mươi năm, nhưng sự bức tử, hiếp chế ngày càng đè nặng lên những sinh linh, cùng chung một giống nòi. Độc tài, độc đảng là tự mê tự trời, dẫn đến cái đau cho toàn dân tộc. Sẽ chẳng có sinh khí, linh hồn nào còn tồn tại, nếu những người cầm quyền vẫn còn chìm trong những cơn hoang tưởng, và mộng mị.

Vâng! Sự thật đau thương đó, Thế Dũng không chỉ bóc trần ra, mà ông còn lý giải, vạch ra lối thoát cho những kẻ u mê cầm quyền:

*"... Cạ hồn lẫn xác đều bị hiếp
Mà vẫn say sưa uống gấn ngờ"*

*Tâm thần phân liệt dưỡng ma quỷ
Dương Khí suy tàn hoại Thiên Cơ
Ngót bốn mươi năm liền một dải
Hà cơ chi còn bức tử nhau?
Sợ bị thủ tiêu thà tự tử
Độc đảng!
Độc tài!
Độc hành đau!
Tống biệt đôi khi giống tự sát
Tử biệt - Sinh ly dù tai ương
Em thành người mới ta cũng khác
Không biết đau thì không biết thương!
Tự mê tự trời cơ chế ác
Bao nhiêu thủ lĩnh đành ra đê
Sao không đa đảng, đa phương sách
Để tinh hoa dân tộc tự tìm về?..."*
(ĐTH - Đoàn khúc 1)

Thật vậy, chẳng có giọt nước mắt và lời ru nào, xóa hết nỗi đau và sự phân ly, chia cắt, mà chỉ có đa phương, đa đảng trong tình yêu con người, thì hoa dân tộc mới có thể nở trên những vết thương đang mưng mủ ấy.

Sự u muội, ươn hèn-trong canh bạc chử hầu

Nhìn lại mấy ngàn năm lịch sử, chưa bao giờ có triều đại nào, chế độ nào run sợ trước giặc Tàu như hiện nay. Để mặc cho kẻ thù, cắt cáp, cướp tàu, là nhẫn nhục, ươn hèn, u muội hay là sự cắt biển dâng rừng? Một loạt câu hỏi mà người thi sĩ buộc phải đi tìm, trong cơn say đau đớn.

Vâng! Nỗi đau không muốn đó, sao cứ đánh vào hồn kẻ tha hương, làm người thi sĩ, quặn lên tiếng cười, tưởng mình như vừa lạc mất hồn Ngựa Gió hoang:

*"... Cạn cốc tha hương bên miêng vực
Tưởng đã buông hồn Ngựa Gió hoang?
Đau đến cười vang như sấm giạt
Càng say... Càng cay câu lai căng
Không muốn mà đón đau cứ đánh
Là người sao cứ nghiệm đón đau?
Cam phận chịu trận hóa lý lợm?
Mặc Trung Hoa cắt cáp, cướp tàu?..."*
(ĐTH - Đoàn khúc 2)

Một ngàn năm nô lệ đã qua, không chỉ đè nặng lên người thi sĩ, mà nó còn là vết thương nhức nhối nhất trong lòng người dân Việt. Lịch sử có lẽ nào, lại quay lại cái đau thương của ngàn năm cũ, chỉ vì quyền lực, độc quyền mà bán rẻ linh hồn. Mười sáu chữ vàng, chỉ là thứ bùa ngải, để ru người vào cõi u mê. Và câu hỏi ấy, đã được Thế Dũng tìm ra lời giải đáp:

*"... Đau và sợ đã làm ta bất lực
Thua cháy tim trong canh bạc chử hầu!
Mượn hơi rượu cười khan tình hối lộ
Mấy chữ vàng đánh úp đảo Gạc Ma?
Ngàn năm cũ bóng đèn chưa hết uất..."*
(ĐTH - Đoàn khúc 3)

Người thi nhân, dám hóa thân làm câu hát, để cất lên trong cái màn đêm u tối: "*Ta đập vỡ ta thành câu hát*". Đây là câu thơ đầy hình tượng, khí phách, hay và tôi

thích nhất trong bài này. Đọc nó, ta không chỉ gặp lại, cái chất hào sảng của Thế Dũng trước đây, mà còn thấy được hồn của dân tộc đang vận mình trở lại. Thật vậy, trong một xã hội, nếu vắng đi tiếng nói thức tỉnh, phản biện của những thi nhân, thì có khác chi xã hội đó đã bị câm bị điếc. Vậy thì, không thể không cảm ơn Thế Dũng, người đã dũng cảm, đang làm biến đi những u muội, cho biến được phục sinh:

"... *Ta đập vỡ ta thành câu hát*
Biến khúc đau buồn... Biến khát phục sinh
Việt Nam tôi đâu? Mẹ không kịp nức ?
Nước mắt Cha hóa bùn đỏ ghen lời ?
Kẻ du ca không thích hát vong quốc
Không bao giờ Nước hết biển người ơi!..."
(ĐTH - Đoàn khúc 2)

Hoa đã nở - trong địa ngục

"*Chúng tôi nằm xuống, để đất nước này đứng lên*". Vâng! Đó là câu nói bất hủ của người tù bất khuất Bùi Hằng. Viết đến đây, chợt thấy hiện về trong tôi và dường như, nó đã xuyên suốt tác phẩm Đau Thương Hành của Thế Dũng. Trong lao tù ấy, là con đường cụt, nhưng không hẳn là con đường chết, con đường cuối cùng, khi người thi nhân đã nhận ra: "*Đôi khi ở cuối con đường cụt / Vụt hiện huy hoàng một lối ra*".

Thật vậy, nếu không có những đau thương, tù tội chắc hẳn không thể thức tỉnh những giấc mơ ước hèn đang ngủ gục, làm sống lại lương tri con người. Và từ đó cháy lên, hồi quang lại linh khí ngàn năm.

Đoạn thơ trích dưới đây, Thế Dũng đã cho chúng ta thấy rõ điều đó:

"... *Bao nhiêu Nguyên Khí bị bỏ ngục*
Mê được làm Người... quên đau thương !
Tuổi trẻ tọa kháng chấp vùi dập
*Chí Đức, Bùi Hằng**** đuổi u mê*

...
Đau thương hành khúc hóa biệt khúc
Biệt khúc nức hoài thành tráng ca
Đôi khi ở cuối con đường cụt
Vụt hiện huy hoàng một lối ra
Dẫn chủ - Tự do đòi bằng được
Dấu tù dấu ngục chẳng hề chi !
Có lúc đón đau thành linh khí
Mặc tình sống mái cuộc Thiên Di!"
(ĐTH - Đoàn khúc 4)

Có những cuộc ra đi, chia cắt của hàng triệu con người và còn có cả những cuộc chia cắt ngay trong lòng người, trên mảnh đất quê hương, nơi mình đang sống. Đó là sự chia cắt với tự do, tổng biệt với chính linh hồn mình, là cái mất mát đau đớn nhất. Thế Dũng đã dùng hình tượng thật, ngọn đuốc sống của bà mẹ Việt Nam, người mẹ của nhà báo Tạ Phong Tần, làm bật lên cái dã man, tàn bạo của chế độ, trong nỗi oan trái ngút trời của người dân lương thiện. Ngọn đuốc ấy, sáng rực trong đêm trường tăm tối và mở ra một lối đi, một con đường mới:

"... *Sinh lý là sống mà như chết*
Nào đã Tự Do được mấy kỳ ?
Tổng biệt chính mình ! - Đau đớn lắm...

Đất nước đứng lên cùng quan tài ?
*Phong Tần**** già biệt tang oan khúc*
Cánh buồm đỏ thắm tự thiêu ai ?
Ngót bốn mươi năm liền một dải
Linh Khí bây giờ đã hồi quang
Ngó lên trông xuống muôn dặm biển..."
(ĐTH - Đoàn khúc 5)

Với Thế Dũng, để giữ hồn dân tộc cũng như chủ quyền đất nước, chỉ có một con đường khai sáng duy nhất là đa nguyên, đa đảng. Vâng! Một con đường phải trả bằng ngục tù và bằng xương máu của chính mình:

"... *Đa nguyên tự do sinh đa đảng*
Sinh lực đa phương giữ chủ quyền !
Cùng vác thương đau gánh vận nước?
Sao cứ chân mây, cứ cuối trời?
Đau thương không vỡ... Không thành sẹo
Mặc những bầy sâu... mầm xanh ơi!..."
(ĐTH-Đoàn khúc 5)

Khi người ta cố kêu réo, tìm ra Quốc Hoa, để che đậy bộ mặt thật của chế độ, thì Thế Dũng vạch ra sự lưu manh, giả dối đó: "*Còn hoa xấu hổ còn Tử Sinh*". Với ông để đến tự do, dân chủ chỉ có con đường duy nhất, đứng dậy đấu tranh, phá bỏ độc tài. Đó là Đường Con Người. Con đường ấy, tuy thương đau, nhưng: *Có những nỗi đau đã trở thành ánh sáng*:

"*Dã ngoại Nhân quyền giữa ngục tôi ?*
Không chỉ chiều nay là dữ dội !
Đã mấy trăm chiều chợt lớn khôn...
Đau thương nhiều lúc thành đuốc sống...
Cho ta biết ta còn là Người!"

...
Đau thương có lúc biết xấu hổ
Để ta nhận ra Đường Con Người!
Quốc Hoa ?- Giời ạ! – Tang thương quá
Còn hoa xấu hổ còn Tử Sinh
Đau thương hành khúc thành ánh sáng
Để ngàn Chí U thành Chí Minh !"
(ĐTH - Đoàn khúc 6)

Nếu chúng ta đã đọc những bài hành của các thi sĩ trước đây, cảm xúc được gói gọn trong phạm vi cá nhân, hay vùng miền nào đó, thì đến Đau Thương Hành, đã mở ra những vấn đề rộng lớn của quốc gia, dân tộc. Và nó còn đi đến tận cùng nỗi đau, nỗi thống khổ của con người.

Để có được Đau Thương Hành, cùng với nỗi đau đất nước, con người, Thế Dũng đã phải trải qua một cuộc thiên di đặng cay dài đặng đặc. Có thể nói, Thế Dũng đã cởi được chiếc áo bó chặt nửa đời mình, và từ đó, ông lột chiếc mặt nạ, để thấy rõ bộ mặt thật lừa lọc, đêú cáng của xã hội đương thời.

Ngòi bút và con đường đang đi của Thế Dũng, cũng là con đường tất yếu phải đi của cả một dân tộc, đầy khổ đau này.

Đức Quốc, ngày 06.9.2014
Đỗ Trường

Đọc: "HẠT CÁT MỊN" thi phẩm của Sông Thu

• Trần Đan Hà



Hạ tuần tháng mười vừa qua, Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trưởng chùa Viên Giác về hướng dẫn khóa tu Bát Quan Trai Giới tại tỉnh Reutlingen. Nhân dịp này, Thầy mang quà tặng về cho Phật tử địa phương, đó là tác phẩm thứ 63 của thầy với tựa đề: "Hiện Tượng Của Tử Sinh". Đồng thời thêm một quà tặng của Bào huynh thầy: Thi phẩm "Hạt Cát Mịn" của Sông Thu (Bút danh

của HT Thích Bảo Lạc).

Chúng con xin cung kính dành lễ và cảm niệm công đức của nhị vị Ân Sư. Cũng như xin trân trọng những tấm lòng từ bi đối với tha nhân qua những lời nguyện ước. Như người làm từ thiện chỉ biết cho, với cái tâm mong cầu mọi người đón nhận sự hỷ lạc:

"Nếu có được niềm hỷ lạc nào sau khi quý độc giả xếp tập thơ lại; đó là món quà tinh thần cao đẹp mà quý vị dành tặng tác giả. Kính nguyện tất cả chúng ta sống an lạc hạnh phúc trong tin yêu và xây dựng một đời sống tốt đẹp giải thoát." (trích Lời mở đầu).

Thông điệp này chẳng những ví như tấm lòng của các vị Bồ Tát luôn nghĩ đến tha nhân và cầu mong cho vạn loại chúng sinh được sở cầu như nguyện. Đồng thời còn đi tìm mọi pháp nuôi dưỡng và chuyển hóa tự thân và tha nhân trong tình thương yêu đồng đạo. Thế nên con xin mạo muội ghi lại những cảm nghĩ sau khi đọc thi phẩm; cũng như sự đồng cảm của mình và xin trân trọng giới thiệu đến độc giả khắp nơi.

**

Theo thiền nghĩ, Thi phẩm "Hạt Cát Mịn" như bản tóm lược, hay nói khác thì đây có thể gọi là công trình "Thi Hóa Duy Thức Học" để làm tài liệu tu học. Một môn học quan trọng bậc nhất đối với người học Phật. (Ngày xưa Thầy Tuệ Không đã thi hóa Kinh Kim Cang và Kinh Pháp Cú thành Kinh Hiển và Kinh Ngọc. Đến bây giờ là Thầy Bảo Lạc, với môn Duy Thức). Một việc làm hết sức khó khăn mà tác giả vẫn kiên trì thực hiện. Có lẽ nhờ vào những trợ duyên như đã ghi lại trong "Lời mở đầu": Khung cảnh hùng vĩ của núi đồi Blue Mountain, nơi có ngôi già lam Đa Bảo cùng với sự đóng góp công quả của những Phật tử địa phương. Như bìa sách do Thầy Nguyên Tạng và họa sĩ Quảng Pháp Tấn - Ngọc Minh trình bày. Cùng các Phật tử Tâm Quảng, Chúc Ý, Văn Tính, Châu Ngọc góp phần in ấn.

"Hạt Cát Mịn" có thể ví như hóa thân của các tư tưởng lớn trên thế giới, được phân tích từ Thân và Tâm của con người qua những phạm trù như Lý trí và Tình cảm. Đây là những lãnh vực hết sức phức tạp không thể nghĩ bàn. Nhưng chỉ được rút gọn lại trong thể loại thơ Lục Bát của Việt Nam. Cho nên không thể tránh khỏi những "nghịch cảnh và chướng duyên". Trước tiên là phạm trù ngôn ngữ: "Thơ lục bát là loại thơ mềm mại uyển chuyển, nên cần nhiều từ vần Bằng. Thế nhưng trong Ngôn ngữ học của các đề tài như Phân Tâm Học, Duy Thức Học bao gồm rất nhiều từ vần Trắc như: Xúc, Tác ý, Thọ, Tướng, Dục, Thắng giải, Niệm, Định, Huệ, Vô tướng định, Diệt tận định, hòa hợp tánh, Bất hòa hợp tánh, Tướng thọ diệt, Bất động diệt, Vô thường Vô ngã... Thứ hai, đã gọi là Luận thì không thể bỏ ý thêm lời, điều này lại trái ngược với việc làm thơ. Thế nhưng tác giả đã vượt thẳng mọi chướng duyên để thực hiện được thi phẩm này. Có lẽ tác giả là một tu sĩ với bản nguyện là "Hoảng Pháp độ sanh" chỉ xem tất cả là phương tiện (đã gọi là phương tiện thì khi đạt đến cứu cánh rồi, thì phương tiện ấy cũng vứt bỏ). Thế cho nên mỗi câu thơ như một bài pháp để hướng dẫn việc tìm ra nguyên nhân căn bệnh để đối trị. Khi đã tìm ra nguyên nhân, thì cần phải luận bàn về công việc tương tác, tương tức với ngoại cảnh, để sống hòa cùng thiên nhiên vạn vật. Như đi tìm chiếc chìa khóa mở cánh cửa để bước vào cảnh giới hạnh phúc an lạc. Đó là mục đích của người tu học theo Phật giáo. Ví dụ như tìm hiểu về "Tâm Hành" để dẫn dắt con người đi về hướng chân thiện mỹ. Hay là thực tập những pháp môn để đưa tâm về với thế giới bình an. Vì cổ đức có nói "Tâm bình thì thế giới bình".

Nên tác giả đã không ngại khó, không sợ chướng duyên mà ra tay nghĩa hiệp. Nhờ vào thẳng duyên như có nơi chốn tịnh lạc để tĩnh tu với cảnh: "*Sáng nghe chim ca hót. Quen thuộc tiếng gọi mời. Vừng hồng và lộ hiện. Ngày mới rộn tinh khôi*" (Ngày tinh khôi). Phong cảnh hữu tình đối với những tâm hồn thoát tục. Như cuộc sống của những đạo sĩ chọn nơi chốn thuận tiện để an thân lập mạng. Chiều chiều với gậy trúc vân du, hay những đêm trăng ngồi uống trà thưởng nguyệt. Hoặc chiêm nghiệm cuộc đời để tìm ra chân lý, để thấy được chân như. (Như ngày xưa Tất Đạt nhiều đêm ra ngồi bên dòng sông soi bóng để tìm lại "Bản lai diện mục" trong Câu Chuyện Dòng Sông của Hermann Hesse).

Nơi đây đã cho tác giả cảm hứng đối với việc suy niệm về cuộc đời. Về những câu hỏi làm nát óc biết bao nhiều nhà tư tưởng lớn của nhân loại: "Ta từ đâu đến? Và sẽ đi về đâu"? Hình như tác giả cũng mong muốn đi tìm một câu trả lời thỏa đáng, nên đã dụng công hình thành tác phẩm này để làm phương tiện, giúp cho những ai đang mong cầu tu học theo đạo giải thoát và giác ngộ của đức Từ phụ Thích Ca.

Xin lược qua những phần quan trọng của nội dung thi phẩm: Thi phẩm Hạt Cát Mịn được chia ra năm tiểu mục với những chủ đề như sau: Thức Tâm. Sắc Trần. Tâm-Vật lý. Thân phận. Phong cảnh.

Ba phần đầu, tác giả cố công tìm hiểu sự hình thành, tương tức và tương tác qua sự vận hành của con người hay vũ trụ. Vì con người hay vũ trụ cũng từ trong cát bụi mà ra. Như lời một bản nhạc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn: "*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi. Để một mai tôi trở về cát bụi...*". Hay trong Kinh Hoa Nghiêm đã diễn tả cái trùng trùng duyên khởi: "Tam thiên Đại thiên Thế giới

chỉ nằm trong hạt cải mòng". Hay "một là tất cả, và tất cả là một".

Thức tâm gồm 100 pháp duy thức là: Trăm pháp. Tâm thường như. Chuyển thức thành trí. Tâm vương. Tâm sở. Tâm bất tương ưng. Vô vi pháp. Căn bản phiền não. Tỳ phiến não. Các tâm sở thiện. Còn phần sau như một phụ trang diễn tả thân phận và cuộc sống của con người đối với bản thân và xã hội; những cảm tác về phong cảnh thiên nhiên, qua những lần Thi nhân đi chiêm quan phương ngoại.

Xin trích dẫn một phần nhỏ của những đề mục chính trong "**Trăm Pháp**".

1)- Trăm pháp: Chuyển dịch Đại thừa Bách pháp Minh môn (lời luận của Thế Thân Bồ tát về Tâm pháp). Sau đây là phần luận về Tâm vương ví như một vị vua điều hành các Bộ các Ngành. Để đem lại thanh bình thịnh trị cho quốc gia xã hội.

Trong Bách pháp quan trọng nhất là **Tâm vương**:

*"Thử xem tám pháp Tâm vương
Như vua một nước đảm đương trị vì
Bao gồm các Bộ, Sở, Ty
Điều hành sắp đặt thực thi chế tài"*

Tâm sở:

Tưởng là nghĩ ngợi lo xa
Suy lường tưởng tượng non già thiệt hơn
Tự lo xét nét nguồn cơn
Do ý hành động thiện chơn đẹp lòng
Năm điều bốn chuyện bên trong
Biến thiên pháp giới khắp cùng hư không

Tâm bất tương ưng:

Bất tương ưng hành hững hờ
Hai mươi bốn món dựa nhờ Tâm vương
Đặc là đạt được ứng tương
Phá ngã chấp Pháp thoát đường lằm mê

Vô Vi Pháp:

Pháp Vô vi thật khó lường
Không hình vô tướng dễ thường cân đo
Pháp tuyệt đối pháp thăm sâu
Lìa sanh diệt ứng hiệp ngay Niết Bàn

Các pháp hữu vô lược qua
Muôn hình vạn trạng quả là rộng dung
Từ phàm tới thánh cộng thông
Cùng tu đồng chứng Pháp thân Bồ Đề

Căn bản phiền não:

Căn bản phiền não bấp sinh
Theo ta như bóng với hình sánh đôi
Đầu thai chuyển kiếp luân hồi
Thoát vòng tằm tối chào đời hài nhi

Tỳ phiến não:

Nhóm tỳ phiến não theo sau
Gồm hai mươi món như bao lá cành
Ba phẩm thứ tự hợp thành
Tiểu tỳ mười món phần hành khác nhau

Phẩm hay giận giối nhớ dai
Hận luôn ghim gút thù ai khó hòa
Phú che giấu tội tối đạ
Não luôn tâm trạng tỏ ra buồn phiền

Các tâm sở thiện:

Hoàn toàn tâm lý hiền lành
Ưa làm lợi ích chúng sanh giúp đời

Giác ngộ giải thoát tuyệt vời
Thế hay xuất thế đồng thời dựng nên

Các yếu tố của tâm thiện:

a)- Tinh tấn là hạnh chuyên tinh
Siêng năng thẳng lướt ngoại hình quán chi
Ác chưa sanh quyết trừ đi
Sanh rồi diệt sạch dứt truy đến cùng

b)- Tàm là tự xấu hổ riêng
Tôn trọng danh dự thiêng liêng của mình
Không làm thương tổn ô danh
Giữ gìn thể diện tiếng lành đồn xa

c)- Quý cùng e thẹn người bên
Lo sợ dư luận kịp kèm dừng tay
Đổi trị vô quý dứt ngay
Ngăn ngừa việc ác khó mà phát sanh

d)- Vô tham là hạnh đẹp xinh
Của tiền bố thí hòa bình ngoài trong
Thái độ thân thiện ân cần
Phấn chấn vui vẻ phát tâm Bồ đề

e)- Vô sân là liều thuốc thần
Chữa bệnh nóng giận trị căn thù hận
Dù gặp nghịch cảnh trái ngang
Tâm luôn bình tĩnh vui an tròn đầy
Chận ngay đóng bít sân trào
Để cho thiện niệm dạt dào phát sinh

g)- Vô si có vẻ đàn anh
Ung dung thư thái tâm thành sáng trong
Chẳng cho mê muội lạc lằm
Một bề sáng suốt kiểm tìm minh sư

h)- Khinh an nhẹ bước vân du
An nhiên tự tại tâm thư thái hòa
Điềm tĩnh trước mọi vấn đề
Họa tai biến cố chưa hề động giao.

i)- Bất phóng dật thật thiện toàn
Không buông lung ấy mới trang anh hào
So tài đấu trí thấp cao
Lồng trong khuôn khổ nhà giao đức dày

k)- Hành xã mọi việc thông buông
Hành mà không chấp in tuồng khó thay
Không quan tâm đến khen chê
Không tự hào cũng chẳng hề nêu công

Tứ chúng giác ngộ chẳng là
Cũng xem như gió thoảng qua bầu trời
Con người tự tại thanh mai
An vui giải thoát gót hài nhẹ lằng

l)- Bất hại tâm lý sau cùng
Không làm thương tổn muôn mòng sinh linh
Tâm từ trải rộng thênh thênh
Tôn trọng sự sống vững bền chúng sanh.

Cỏ cây đất đá vô tình
Núi sông bến cả môi sinh cũng vậy

Phần II: - Sắc trần:

1) Sắc pháp

Chủng loại sắc pháp bao hàm
Năm căn chung với sáu trần kết nên
Sinh lý về phần năm căn
Đổi trao vật lý dò phẳng sắc trần

2) Thanh trần:

Thanh trần là tiếng nhân gian
Xưa nay tiếp diễn nhịp nhàng trước sau
Cũng vì mê luyến đắm say
Bao người vướng víu thoát ngay được nào.

3) Hương trần:

Mùi hương phảng phất dễ ưa
Ai mà chẳng thích thoảng vừa nhẹ lâng
Phân thành sáu loại hương trần
Càng thêm ý vị tăng phần gấm hoa
Ba điều sáu chuyện vừa nêu
Cơ quan khứu giác mũi đều ngất ngây
Mùi hương chiến đàn nhẹ bay
Hương người đức hạnh ngược quay gió ngàn
Hương giải thoát ngất trần gian
Thơm lừng pháp giới Niết Bàn tinh nguyên

4) Vị trần:

Vị trần gồm có mười hai
Mặn, ngọt, chua, đắng, lạt, cay, nồng nàn
Vị vừa ý, vị cưỡng toan
Khó mong đáp ứng vẹn toàn dưới trần

5) Xúc trần:

Xúc ưa đụng chạm mịn trơn
Mỏng nhẹ, láng mượt, chập chờn làn da
Thích nghi hoàn cảnh tối đa
Muốn thân sung sướng hóa ra khổ nhiều.

Phần III:- Tâm -Vật lý: Tâm - Vật lý trước thời đại.

Do nhiều phần tử hợp nên
Nhiều phe phái mượn gió lên tranh giành
Sanh ra xâu xé phân tranh
Chúng tộc, xã hội hình thành quốc gia...

(Là sự tổng hợp tư tưởng triết gia từ Đông sang Tây, từ những triết học cổ La Hy trước Công Nguyên như Aristotle (384-322) đến Decartes (1596-1650)-Newton (1643-1727) - Galileo (1564-1642) - Albert Einstein...) Trong công việc tương tác ấy, tác giả cũng đã bắt gặp nhiều ý tưởng hay, được lồng vào trong những câu thơ đẹp, qua: "**Các yếu tố của tâm thiện**":

"Chận ngay, đóng bít, sân trào
Để cho thiện niệm dạt dào phát sanh"
"Điềm tĩnh trước mọi vấn đề
Họa tai biến cố chưa hề động giao"
"Không quan tâm đến khen chê
Không tự hào cũng chẳng hề nêu công"
"Con người tự tại thanh mai
An vui giải thoát gót hài nhẹ lâng"
"Tâm từ trải rộng thênh thênh
Tôn trọng sự sống vững bền chúng sanh
Cỏ cây đất đá vô tình
Núi sông biển cả môi sinh cũng vầy"
"Giữ tâm thiết thạch kiên trinh
Không hề nao núng thể tình thị phi
Ung dung tự tại duy trì
Kiện toàn tổ chức phát huy pháp mầu
Ngàn xưa mãi đến ngàn sau
Tâm không, vật cũng nhuộm màu hư không".

Phần VI và V: "Thân phận và Phong cảnh"

gồm những bài thơ "độc lập" như góp vào những bông hoa làm nên hương sắc cho đời, hương sắc giải thoát:

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng con / chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn bè thân hữu gần xa:
Mẹ, Bà của chúng con /chúng tôi là:

Cụ Bà Nguyễn Thị Bê

Pháp danh Sukkha

Sinh ngày 14.10.1928 tại Bình Đức

Đã xả báo thân ngày 23.11.2014

tại Heidenheim an der Brenz, Đức.

Tang lễ cử hành theo nghi lễ Phật Giáo vào lúc 13 giờ ngày 29.11.2014 tại Heidenheim an der Brenz, Đức.

Đồng thời gia đình chúng con/chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trưởng chùa Viên Giác Hannover.
- Sư Bà Thích Nữ Như Viên, NPĐ Tam Bảo Reutlingen.
- Sư Cô Thích Nữ Hạnh Trang, NPĐ Tam Bảo Reutlingen.
- Cùng tất cả thân bằng quyến thuộc, bạn bè thân hữu xa gần đã đến tụng kinh cầu siêu, điện thoại chia buồn.

Trong lúc tang gia bối rối không sao tránh khỏi những điều sơ suất, kính mong Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý Vị niệm tình lượng thứ.

Tang gia đồng kính bái
Nam Mô A Di Đà Phật

- Thay mặt gia đình: Trần Hữu Lộc

"Cùng tu cùng học đồng hành
Đồng giải nghiệp lực tử sanh luân hồi
Tỏ tường lóng gạn khúc nôi
An vui tự tại cảnh đời tịnh an
Đẹp xinh chín phẩm sen vàng
Di Đà từ phụ phóng quang rước về..."

"Thành tâm khẩn nguyện Như Lai
Đạo vàng bền vững hoằng khai rạng ngời
Cõi người, cõi thánh, cõi trời
Địa ngục, nạ quý đồng thời súc sanh
Tin sâu, niệm vững, chí bền
Đồng tu đồng chứng đồng lên Niết Bàn"
Để rồi cuối cùng đi đến một lập nguyện:

"Đường giải thoát nguyện bước lên Đơm hoa bát nhã kết nên sen hồng".

Là gói ghém tất cả những tâm nguyện của Thi nhân, với một tấm lòng hướng đến giác ngộ và giải thoát. Cho nên thơ cũng được giải phóng khỏi thế giới đời thường. Như cổ Thi sĩ Vũ Hoàng Chương diễn tả:

*"Chữ bay từng cánh chim ngàn.
Mỗi câu là một Niết Bàn hóa thân".*

Muốn có tập thơ "Hạt Cát Mịn" xin liên lạc về:

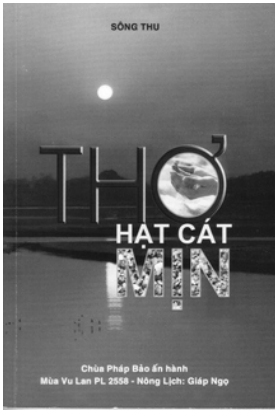
**Chùa Pháp Bảo
148- 154 Edensor Road,
St Johns Park, NSW 2176 Australia**

Giới Thiệu Sách Báo

Mới Xuất Bản

* Hạt Cát Mịn – Thơ Sông Thu

• **Phù Vân**



Hầu hết độc giả khắp nơi nhất là những Phật tử yêu thơ đều rất hâm mộ người thơ Sông Thu, đó là vị cao tăng thạc đức- Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Phương Trượng chùa Pháp Bảo, Úc Châu. Bút hiệu của Hòa Thượng mang tên một dòng sông quê hương, dòng sông của xứ Quảng: sông Thu Bồn. Thế nhưng thường thức Thơ Sông Thu không phải dễ như khi ta ngâm vịnh những bài thơ tình

lãng mạn hay là những bài thơ quê hương vẫn vương thương nhớ; bởi Thơ của Sông Thu là Thơ Thiền, Thơ Đạo- thơ đi sâu vào cõi tâm thức, thơ thấm đậm vào tận cùng suy tưởng để chiêm nghiệm với đời, thấm nhuần với lễ đạo, với giáo pháp và dần dà dẫn dắt ta đến một cõi tiêu dao, một nơi an lạc của tâm hồn...

Thi tập „Hạt Cát Mịn“ với những bài thơ Thiền của các tiểu đoạn: Thức tâm, Sắc trần, Tâm - vật lý, Thân phận, Phong cảnh,... mang chở tinh thần Phật giáo vi diệu khai sáng tâm thức của chúng sanh.

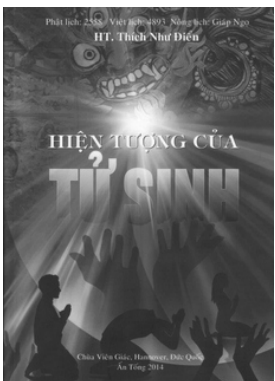
Tập thơ dày 114 trang, trình bày trang nhã, do chùa Pháp Bảo ấn hành năm 2014.

Muốn có sách, liên lạc với:

Chùa Pháp Bảo

148-154 Edensor Road St Johns Park,
NSW 2176 Australia

* Hiện Tượng của Tử Sinh – Tác phẩm thứ 63 của HT. Thích Như Điển



Mỗi lần khi có ai nhắc đến Hòa Thượng Thích Như Điển, người đọc liền tưởng ngay đến một vị cao tăng xuất thân từ một vùng quê nghèo của Quảng Nam, nơi giao thoa các sắc thái văn hóa của các miền, nơi kết hợp nền văn chương của các dân tộc Âu Á.

Thừa hưởng và thấm nhuần di sản văn hóa quê hương, Hòa Thượng đã xuất bản 63 đầu sách đủ các thể

loại từ dịch thuật, văn chương, văn hóa Việt Nam và văn hóa Phật giáo... Thế nhưng tác giả từ chối không nhận mình là nhà văn, dịch giả hay học giả.

Đi, sống và viết có lẽ là tiêu chí của Hòa Thượng trong nhiều năm hoằng dương đạo pháp khắp nơi, nên Hòa Thượng có một số kiến thức và một cái nhìn thấu triệt nhiều vấn đề, nên trong mỗi tác phẩm đều dung chứa một triết lý hay một nền đạo học làm người.

Hãy tìm đọc tác phẩm „Hiện tượng của Tử Sinh“ để nhận thức được rằng, sống chết trong cõi đời này chỉ là sự kế tục của những kiếp trước mà thôi. Con người đã trải qua không biết bao nhiêu lần chết đi và bao nhiêu lần sống lại. Chết vốn là điều đáng nói, còn sống là một chuyện tự nhiên...

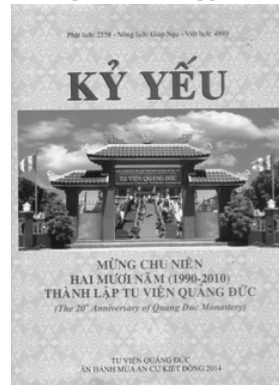
Sách trang nhã, in đẹp, dày 216 trang do chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc ấn hành năm 2014.

Sách ấn tống, không phát hành, độc giả muốn nhận được sách có thể tùy tâm ủng hộ và nhớ gửi bưu phí đến:

Chùa Viên Giác

Karlsruhestr. 6 - 30519 Hannover, Germany
Tel: +49 511 879630 - Email: info@viengiac.de

* Kỷ Yếu Mừng Chu Niên Hai mươi Năm (1990-2010) Thành Lập Tu Viện Quảng Đức



Khi cầm cuốn Kỷ Yếu khổ lớn này trên tay, không ai là không khỏi trầm trồ khen ngợi: đẹp, đẹp tuyệt vời, hình màu, giấy láng và thật nhiều hình ảnh kỷ niệm qua nhiều thời gian...

Lẽ ra cuốn kỷ yếu này đã được ra mắt trong ngày lễ mừng kỷ niệm 20 năm của Tu Viện Quảng Đức, nhưng quý Thầy vì bận rộn Phật sự nên mãi đến 4 năm sau mới

ấn hành, coi như là một tặng phẩm khiêm tốn hiến tặng Chư Tôn Đức trong mùa An Cư Kiết Đông kỳ 15 của Giáo Hội Úc Châu.

20 năm- một chặng đường tương đối không dài so với đời người, nhưng lại rất quan trọng và cấp thiết đối với người Phật tử phải gấp rút lo tu tập để sớm tìm được con đường giải thoát. 20 năm, thế hệ thứ nhất trong tiến trình gian khổ xây dựng nền móng vững chắc cho các thế hệ kế thừa phát triển và gìn giữ ngọn đèn chánh pháp. Đó phải chăng là tâm nguyện chung của chư tôn thiên đức lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo VNTN tại hải ngoại.

Xin thành kính cảm niệm Chư Thượng Tọa Ban Biên Tập của Tu Viện Quảng Đức.

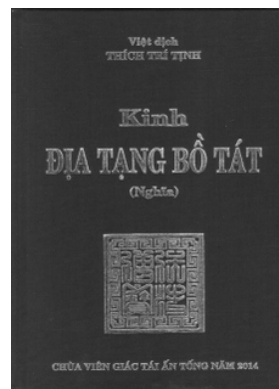
Muốn nhận được cuốn Kỷ Yếu, xin liên lạc về:

Tu Viện Quảng Đức

105 Lynch Road
Faulkner, VIC 3060. Australia
Tel: +61 03 957 3544.

Email: quangduc@quangduc.com

<http://quangduc.com/a53188/ky-yeu-chu-nien-20-nam-tu-vien-quang-duc>



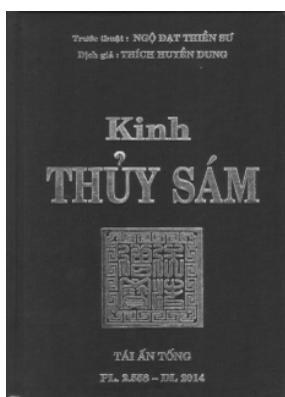
* Kính Địa Tạng Bồ Tát (Nghĩa)

Tụng văn kinh cần phải hiểu rõ ý nghĩa mới nhất tâm phát nguyện, một dạ chí thành mới quán tưởng xác thực thì công đức hồi hướng mới tăng trưởng.

Do nguyện lực, đức từ bi và vô lượng công đức thù thắng, đức Phật A Di Đà sẵn sàng dùng chín phẩm liên hoa

tiếp độ chúng sinh muốn được vãng sanh về cõi Cực Lạc.

* Kinh Thủy Sám

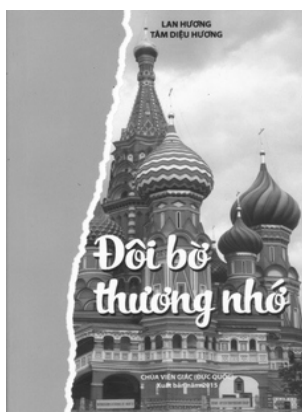


Kinh Thủy Sám: nghĩa chính của kinh văn này là lấy nước Tam muội để rửa sạch nghiệp oan khiên. Do điển tịch, có một vị quốc sư hiệu là Ngô Đạt, chỉ vì khởi tâm danh lợi khi được nhà vua ban thưởng đã làm tổn giới đức, nên bị cự thù tiền kiếp có cơ hội báo oán. Sau nhờ nhà sư Ca Nặc Ca dùng nước suối Tam muội rửa sạch mụn ghẻ mới chữa lành bệnh.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát và Kinh Thủy Sám do chùa Viên Giác tái ấn tổng năm 2014, không phát hành, ủng hộ tùy tâm.

Muốn nhận được 2 bộ kinh trên xin gửi bưu phí về:
Chùa Viên Giác theo địa chỉ ghi trên.

* Đồi Bờ Thương Nhớ - của Lan Hương Tâm Diệu Hương



Lan Hương là một cái tên chưa mấy quen thuộc đối với độc giả, nhưng Tâm Diệu Hương là Pháp danh của một Phật tử tên tuổi trong những vị sáng lập ra Hội Phật Giáo Thảo Đường tại Moscow/Nga lại rất quen thuộc với Phật tử tại Nga. Cô đã có dịp làm quen với học viên trong khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 26 tháng 7.2014 tại Fribourg/Thụy Sĩ.

Cuộc đời của một du học sinh Lan Hương tại Trường Đại Học Quan Hệ Quốc Tế nổi tiếng nhất trong "phe xã hội chủ nghĩa" tại Moscow đúng vào lúc dân chúng Liên Xô đứng lên phá hủy gông xiềng chế độ độc tài toàn trị. Cô đã chứng kiến và đã tham gia với khí thế bừng bừng nổi dậy của thanh niên, sinh viên, học sinh vùng lên tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền... đưa đến sự sụp đổ toàn diện của chế độ XHCN. Cô chọn giải pháp xa lìa gia đình và xin tỵ nạn để tham gia vào ngành báo chí.

Đồi Bờ Thương Nhớ là tuyển tập những bài báo cô đã viết về nền văn học Nga và những hoài niệm về quê hương Việt Nam.

Tuyển tập này được phát hành để gây quỹ xây dựng chùa Thảo Đường tại Moscow.

Giá ủng hộ: 7 EUR kể cả bưu phí trong nước Đức.
Liên lạc mua sách tại **Chùa Viên Giác**

* Dưới Bóng Từ Bi của Thiên Xuân Inna Malkhanova

Thu gọn trong tác phẩm này là sự vận động vất vả tìm về cội nguồn tâm linh Phật Giáo của tác giả, một người Nga sinh và lớn lên trong chế độ vô thần, độc tài chuyên chế của Xô Viết; nhưng Inna Malkhanova lại



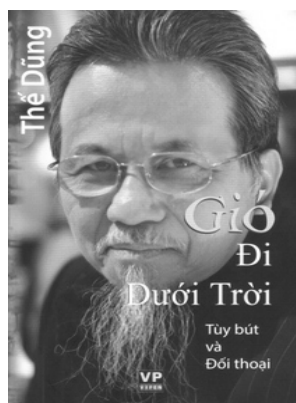
hướng về văn hóa, triết học Đông phương và đặc biệt là chuyên về văn hóa Việt Nam và văn hóa Phật giáo. Tên tuổi của Inna rất thân thiết với những người Nga nghèo khổ, bất hạnh ở Moscow cũng như nhiều người Việt trong và ngoài nước.

Cuốn sách này được tái bản nhằm gây quỹ để xây ngôi Tam Bảo Thảo Đường tại Moscow. Rất mong được sự ủng hộ của độc giả.

Giá phát hành: 10 EURO kể cả bưu phí, có thể ủng hộ thêm tùy tâm. Mua sách xin liên lạc về **Chùa Viên Giác**.

* Gió Đi Dưới Trời

Tùy bút và Đối thoại của **Thế Dũng**



Nếu chúng ta quan niệm, tiểu thuyết khắc họa một góc cạnh nào đó của cuộc đời, hay phản ánh một phần khía cạnh sâu kín của tác giả, thì trong những tác phẩm Văn - Thơ của Thế Dũng ta cũng bắt gặp được một nhà thơ, nhà văn Thế Dũng đã sống, đã "kinh qua" một giai đoạn gian khó hiểm nguy trong cuộc chiến giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam.

Tốt nghiệp Khoa Ngữ Văn đại học Sư phạm Hà Nội năm 1980, qua Đức năm 1989 theo diện xuất khẩu lao động, hiện là giám đốc nhà xuất bản Edition VIPEN tại Berlin...

Bắt đầu in thơ, văn, tiểu luận, bút ký, phê bình... từ năm 1974. Các tác phẩm chính của ông có thể kể:

Thơ: Hoa hồng đến muộn (1990), Người phiêu bạt (1992), Mùa xuân dở dang (2003), Từ Tâm (2005), Tự vấn (2003), Lục bát lên đường (2010), Cơn bão đêm qua chưa phải cuối cùng (2011- có bản tiếng Đức)...;

Tiểu thuyết: Quyết định lúc nửa đêm (1985), Tiếng người trong đá Giáp Sơn (1993), Tình cuội (2003, tái bản 2011), Hộ chiếu buồn (2003), Một nửa lá số (2009, tái bản 2011), Giấc mộng Orly (bản tiếng Đức 2011), Chuyện tình dở dang (bản tiếng Đức 2011), Giã biệt ngày thường; Ông Lười (2011); Bên dòng sông tình sử (2011); Gió đi dưới trời (2013).

Dịch phẩm: Biên niên sử của cách mạng - H. Bahrmann & Christoph Link (2010, cùng dịch với Bùi Việt), Sống hay là bị sống - Christa Wolf (2010, cùng dịch với Trương Thiện), Những con bệnh khó chữa - Marchel Rech- Rinicki & Peter Vos (2013, cùng dịch với Trương Thiện), Những tuần trăng cuối cùng của CHLB Đức - Ed Stuhler (2011, cùng dịch với Thiên Trường)...

"Gió đi dưới trời" dày 688 trang, do nhà xuất bản VIPEN phát hành năm 2013.

Liên lạc: **Edition VIPEN** - Lützetalweg 35 - 12681 Berlin
Tel: +49 30 510637888 - Fax: +49 30 61063699
Email: tamyxa@yahoo.de hay the.dung@vipen.de



Cơn sốt Ebola Những điều cần biết

• Trần Bình Nam

Tuần báo Time số ngày 3/11 đăng bài viết của 8 chuyên viên y tế trả lời 12 câu hỏi tự đặt ra về mối đe dọa của bệnh dịch Ebola xuất phát từ Tây Phi Châu và đang đe dọa lan tràn khắp thế giới. Sau đây là tóm tắt các ý chính của 12 câu hỏi và trả lời (Trần Bình Nam).

1. Ebola là gì và đang đe dọa thế giới như thế nào?

Bệnh Ebola xuất hiện đầu tiên năm 1976 tại Phi Châu do virus Ebola và là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất từ trước tới nay trên thế giới. Từ 2 đến 21 ngày sau khi nhiễm, bệnh xuất hiện với các triệu chứng như sốt, khô cổ, nhức bắp thịt, nhức đầu. Bệnh nhân chết vì cơn sốt làm xuất huyết. Ebola tái xuất hiện tại 3 nước Liberia, Sierra Leone và Guinea ở Tây Phi Châu trong 2 tháng qua với gần 9000 (*) người nhiễm bệnh và hơn 4.400 người chết. Bệnh đã truyền lè tè qua các nước Nigeria, Senegal ở Phi Châu, Tây Ban Nha ở Âu Châu và Hoa Kỳ. Tại Hoa Kỳ đã có một tử vong và đang gây cơn sốt. Cơ quan phòng ngừa và Chống bệnh truyền nhiễm tại Hoa Kỳ (Centers for Disease Control and Prevention – CDC) do bác sĩ Tom Frieden làm giám đốc đang tìm mọi cách đối phó. Và trước cơn lo lắng của dân chúng, ngày 17/10 Tổng Thống Obama đã bổ nhiệm ông Ron Klain, nguyên Tham mưu trưởng Bạch cung làm toàn quyền (Csar) phối hợp nỗ lực quốc gia chống bệnh Ebola (Alex Altman – Alice Park – Tessa Berenson và Zeke Miller).

2. Bệnh Ebola truyền nhiễm như thế nào?

Khác với virus bệnh cúm truyền nhiễm qua không khí và hơi thở, virus Ebola chỉ có thể sống trong dung dịch lỏng của người bệnh như nước miếng, mồ hôi, máu, phân, nước tiểu và thức ăn từ bao tử và truyền bệnh qua người khác nếu đụng chạm các chất lỏng trên (Alice Park).

3. Ai có quyền ra lệnh cách ly người bệnh và người bệnh có quyền chống lệnh cách ly không?

Trong trường hợp này việc áp dụng luật và quyền rất phức tạp. Thường các bác sĩ trị bệnh có thể đề nghị cách ly người bị bệnh hay người bị nghi đã tiếp xúc với người bệnh, và sự tự nguyện hợp tác của đương sự. Luật liên bang không cho phép tiết lộ danh tính người bị cách ly và giới hạn cách ly không quá 21 ngày. Từ chối lệnh cách ly có thể bị truy tố tùy theo luật tiểu bang. Các hãng hàng không hay tàu du ngoạn dài ngày (cruise

ships) có thể cách ly khách hàng hay từ chối không chở một đối tượng bị nghi đã nhiễm bệnh (Josh Sanburn).

4. Thuốc chủng ngừa và thuốc chữa bệnh như thế nào?

Cho đến lúc này Cơ quan Liên bang về thuốc men (Food & Drug Administration – FDA) chưa chính thức chấp thuận một thuốc chủng ngừa hay thuốc chữa bệnh Ebola nào. Các nhà khoa học đang xoay sở và FDA đã tạm chấp thuận cho dùng ZMapp để chữa cho hai bác sĩ Kent Brantly và Nancy Writebol nhiễm bệnh từ Phi Châu và được đưa về điều trị tại Atlanta. Hai bác sĩ Brantly và Writebol đã khỏi bệnh. Sau đó bác sĩ Brantly đã cho huyết tương làm thuốc chữa bệnh cho cô y tá Nina Pham gốc Việt Nam bị nhiễm Ebola khi săn sóc cho một bệnh nhân khác ở Dallas, Texas. Cô Nina Pham đã được cứu sống. Hiện các hãng bào chế đang nỗ lực sản xuất ZMapp. Các nhà khoa học cũng đang thí nghiệm hai thuốc chủng ngừa tại Hoa Kỳ, Mali và Thụy Sĩ trên những người tự nguyện. Chủng tháng 12 này sẽ biết kết quả. Nếu tốt Cơ quan Y tế Thế giới (World Health Organization – WHO) sẽ dùng cho các nhân viên y tế đang săn sóc bệnh nhân Ebola tại Phi Châu. WHO cũng đang dùng huyết tương của các bệnh nhân thoát chết để làm thuốc chống bệnh và sẽ cung cấp cho các trung tâm chữa bệnh tại Liberia trong tháng tới. FDA cũng đang thúc đẩy các hãng bào chế nghiên cứu tìm tòi thuốc chữa và cho phép các hãng bào chế thử nghiệm trên thú vật được cho nhiễm bệnh (Alice Park).

5. Có thể bị nhiễm bệnh nếu đụng chạm một người bệnh Ebola đã đụng chạm không?

Trên nguyên tắc là “không” nếu đụng chạm vào những nơi người bệnh đã đụng vào ví dụ như cái ngắt điện, dụng cụ y khoa dùng khám bệnh, khung giường ngủ v.v... ngoại trừ nơi đó còn sót lại chất lỏng của người bệnh và chạm vào vùng mỏng trên cơ thể như môi, lưỡi... và nơi da bị chọt (Alexandra Sifferlin).

6. Hoa Kỳ có nên cấm tất các chuyến bay từ các nước Ebola đang hoành hành như Sierra Leone, Guinea và Liberia đến Hoa Kỳ không ?

Các chuyên viên y tế cũng như các chuyên viên chống khủng bố cho rằng cấm không có lợi vì kẻ gian có thể tìm đường khác vào Hoa Kỳ thì càng khó biết để ngăn chặn. Hiện nay Hoa Kỳ giới hạn các chuyến bay từ các nước có bệnh đáp xuống một trong 5 thành phố có trang bị khu cách ly. Hôm 22/10 cơ quan CDC ra lệnh cách ly tất cả hành khách đến từ 3 nước Sierra Leone, Liberia và Guinea để kiểm tra có bệnh hay không trong 21 ngày. Tiền lệ cấm bay vào Hoa Kỳ cho thấy không ích lợi gì. Năm 1987 Tổng Thống Reagan cấm bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS vào nước, nhưng lệnh cấm rất khó thi hành và cũng không chắc lệnh cấm đó ngăn chặn được sự truyền nhiễm HIV/AIDS ở Hoa Kỳ đến mức độ nào. Năm 2010 Tổng thống Obama hủy bỏ lệnh nói trên (Bill Saporito).

7. Một người khỏi bệnh Ebola có thể bị bệnh lại không ?

Không có câu trả lời dứt khoát, mặc dù cho đến lúc này chưa thấy ai bị Ebola 2 lần. Các nhà khoa học chưa hiểu hoàn toàn về biến chuyển trong cơ thể của người bị

bệnh và khỏi bệnh. Và có ghi nhận thú vật như loài khỉ có thể bị bệnh nhiều hơn một lần (Alice Park).

8. Có khả năng bệnh Ebola sẽ bùng nổ lớn tại một nước khác ngoài Phi Châu (thí dụ Hoa Kỳ) không?

Ebola xuất hiện năm 1976 tại Zaire, Phi Châu và nay cũng tại Phi Châu vì điều kiện y tế ở đó kém. Với những vũ khí ngừa bệnh, chống bệnh hiện nay, theo WHO, khả năng bệnh Ebola bùng nổ lớn tại Hoa Kỳ và Âu Châu rất nhỏ. Tại Senegal và Nigeria, Ebola có xuất hiện và nay có tin đã được ngăn chặn hữu hiệu là một việc đáng mừng (Mandy Oaklander).

9. Các bệnh viện xử lý các chất lỏng nơi người bệnh Ebola như thế nào?

Tất cả vật dụng gì có thể dính chất lỏng của người bệnh đều được sát trùng trong nồi hơi dưới áp lực cao trước khi vất bỏ. Bệnh viện nào không có nồi hơi thì bỏ vật nhiễm vào thùng bịt kín 3 lớp trước khi đem chôn. Tại Hoa Kỳ phân và nước tiểu người bệnh có thể xả vào cầu tiêu vì hệ thống dẫn nước xả cầu được sát trùng. Tuy nhiên được xả hay không tùy theo luật địa phương. Tại Los Angeles luật cấm thải phân người bệnh Ebola vào hệ thống cầu tiêu. Các chuyên viên tại đại học UCLA dự liệu giải quyết bằng cách dùng bàn cầu riêng cho mỗi cá nhân, rồi sát trùng (Mandy Oaklander).

10. Ebola có phải là chứng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm duy nhất không ?

"Không". Chứng bệnh truyền nhiễm đáng sợ khác là bệnh "cúm gia cầm" (bird flu). Cúm gia cầm truyền từ gia cầm qua người, nhưng chưa có dấu hiệu truyền từ người này qua người khác như bệnh Ebola hiện nay. Nếu tế bào cúm gia cầm tự phân hóa (mutation) và truyền từ người này sang người khác thì đó sẽ là chứng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hơn Ebola. Một chứng bệnh truyền nhiễm khác cũng đáng sợ không kém Ebola là *Hội chứng Hô hấp Trung đông* (Middle East Respiratory Syndrome – MERS) xuất hiện tại Saudi Arabia năm 2012. Các nhà khoa học đã bỏ nhiều công sức tìm kiếm thuốc chủng ngừa để chống lại các chứng bệnh trên. Nhưng điều đáng buồn là các hãng bào chế thuốc chưa đầu tư tiền của vào việc nghiên cứu thuốc chủng ngừa vì không có lợi nhuận nhiều. Thuốc chủng tìm ra nếu có bán thì chỉ bán được ở các nước nghèo không lợi lộc bao nhiêu (Alexandra Sifferlin).

11. Hiện nay Ebola chỉ hoành hành tại vài nước Tây Phi, và vài trường hợp tại Hoa Kỳ, tại sao dư luận có vẻ xông xáo và lo lắng?

Sợ vương bệnh, nhất là bệnh truyền nhiễm khó trị dễ chết là bản chất sinh tồn của con người dù hiện nay tại Hoa Kỳ sự rủi ro bị nhiễm bệnh Ebola có thể là số không. Không biết bệnh "Black Death" trong thế kỷ 14 tại Âu Châu đã giết bao nhiêu người, nhưng đến nay người ta vẫn nhắc tới như một đại họa. Và thập niên 1980 khi phát giác bệnh HIV/AIDS dư luận cũng hết sức sợ hãi nhưng rồi chúng ta vẫn sống với nó. Đứng trước một mối đe dọa, chúng ta thường hoặc lúng túng lo sợ theo cảm tính hoặc dùng lý trí phân tích xem mối đe dọa đó đe dọa đến mức độ nào. Nếu biết rằng trong mùa đông tới sẽ có hàng ngàn người chết vì bệnh cúm và hằng

PHÂN ƯU



Được tin buồn:

Anh NGUYỄN MINH CÔNG
Sanh ngày 10.07.1938
Mệnh chung ngày 20.11.2014 lúc 21g30 tại
bệnh viện Lehrte - Đức Quốc
Hưởng thọ 76 tuổi

Tang lễ được cử hành lúc 12g ngày 28.11.2014 tại
Neuerfriedhof Am Stadtpark 16 – Lehrte

Chúng tôi chân thành chia buồn cùng chị Tư Công và toàn thể tang quyến, đồng thời nguyện cầu Hương Linh anh Công sớm được vãng sanh về cảnh giới an lạc, nơi đó chúng sanh không có khổ đau chỉ hưởng thuần vui như lời nguyện ước của Anh lúc còn sanh tiền.

Gđ. Ngô Văn Phát. Gđ. Võ Phước Lầu. Gđ. Mai Ngọc Sáng. Gđ. Nguyễn Văn Phong. Gđ. Phan Công Độ. Gđ. Mai Xuân Diểu. Gđ. Nguyễn Hòa. Gđ. Hà Phước Nhuận. Bà Năm Cà Mau. Gđ. Lâm Thị Yến Nga. Gđ. Hà Thị Định. Gđ. Nguyễn Văn Dinh.

ngày vẫn có người chết vì nhồi máu cơ tim thì không có gì phải lo về nạn Ebola (Josh Sanburn).

12. Chúng ta có thể làm gì trước sự đe dọa của bệnh Ebola?

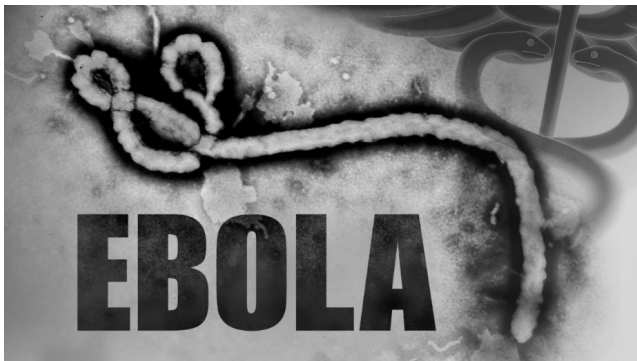
Có! Các tổ chức thiện nguyện trên thế giới trong đó có *Tổ chức Y sĩ Không Biên giới* (Doctors Without Borders hay Medecins Sans Frontières – MSF) và *Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế* (International Red Cross – IRC) đang ngày đêm làm việc tại 3 nước Sierra Leone, Liberia và Guinea, và họ cần tiền để có phương tiện chữa trị bệnh nhân và bảo vệ đoàn bác sĩ và y tá đang săn sóc bệnh nhân ở đó. Bạn có thể góp tiền giúp qua hai Web Site: www.doctorswithoutborders.org và www.ifrc.org/en/get-involved/donate. Một tổ chức bất vụ lợi khác là *CDC Foundation* cũng nhận tiền giúp qua www.cdcfoundation.org và vật liệu như áo quần phòng chống virus, các bữa ăn làm sẵn, máy sản xuất điện lực và xe di chuyển hai bánh. MSF và IRC không trực tiếp kêu gọi người tình nguyện vì không đủ phương tiện và thì giờ huấn luyện trước khi họ bắt tay vào một công việc có tính nguy hiểm cho bản thân. MSF và IRC kêu gọi các chính phủ tuyển mộ và huấn luyện nhân sự gởi tới làm việc độc lập hay giúp họ. Những ai trong ngành y cảm thấy có đủ kinh nghiệm và tinh thần hy sinh có thể tình nguyện làm việc với cơ quan USAID qua www.usaid.gov/ebola/volunteers. (Alexandra Sifferlin).

October 27, 2014
binhnam@sbcglobal.net
www.tranbinhnam.com

(* *Số tử vong và số người bị lây nhiễm ngày càng tăng.*

EBOLA, phải chăng đây là cái giá con người phải trả

• Nguyễn Thượng Chánh, Bs. Thú Y



Trong những năm qua, nhiều ca sốt xuất huyết chết người do virus Ebola đã thấy xảy ra tại Phi châu... Đây là những vùng bất an triền miên từ xưa nay và đồng thời cũng là khu vực có sự hiện diện của virus Ebola trong thiên nhiên... Trong quá khứ bệnh Ebola thỉnh thoảng thấy xuất hiện tại những làng mạc nằm sâu trong rừng rậm của vùng Trung Phi Châu và Tây Phi Châu. Ca đầu tiên được phát hiện năm 1976...

Theo Tổ chức Y tế thế giới, những tháng đầu năm 2014, bệnh Ebola xuất hiện tại Guinea, Liberia, Mali, Sierra Leone, tất cả đều thuộc Phi Châu.

Không chặn được virus ngay tại nơi xuất phát thì virus Ebola sẽ theo du khách lan đi khắp thế giới.

Ngược dòng thời gian

Ca Ebola đầu tiên ở người xảy ra năm 1976 tại Trung Phi, Tây Nam Sudan và Bắc Cộng Hòa Dân Chủ Congo *Democratic Republic of the Congo* với số tử vong cao.

Từ 1992 đến 1999, nhiều ca Ebola chết người khác cũng được ghi nhận thêm tại *Gabon*, Cộng hòa Congo và Cộng hòa Dân chủ Congo (2 xứ này khác nhau).

Năm 1994, các trường hợp Ebola xảy ra ở người đều có liên hệ với các bầy khỉ tinh tinh (*chimpanzés*) và khỉ đột (*gorilles*) vùng Côte d'Ivoire...

Dịch bệnh Ebola càng ngày càng lan rộng.

Tháng 3/2014, dịch bệnh sốt xuất huyết Ebola, bắt đầu xuất hiện tại Guinea và không ngừng lan rộng ra tại các quốc gia Tây Phi.

Theo Tổ chức y tế thế giới WHO tính đến 02.11.2014, có 4.922 tử vong trên tổng số 13.703 ca tại Tây Phi. Nặng nhất là Liberia, kế đến là Guinea và Sierra Leone. Đã có 5 bác sĩ và nhân viên y tế phục vụ tại các trung tâm cách ly Ebola Tây Phi đã bị lây nhiễm và thiệt mạng.

Theo tổ chức Médecins Sans Frontière, từ tháng 10/2014 tình hình dịch bệnh Ebola đang bắt đầu có dấu hiệu lắng dịu lại tại Liberia, là quốc gia có số tử vong cao nhất từ trước tới nay.

Cũng may, virus Ebola không lây nhiễm qua không khí như bệnh cúm. Lây nhiễm cần phải có sự đụng chạm, tiếp xúc với thú bệnh, thịt, hoặc từ người này qua người khác.(CDC)

Thế giới thật sự lo ngại... mặc dù các chính phủ đều ra sức cố trấn an dư luận.

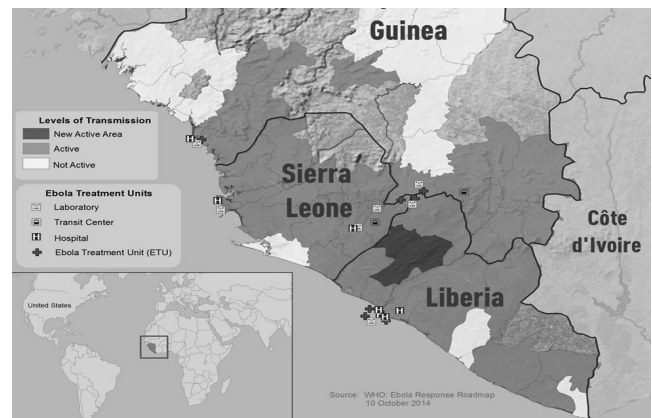
Một du khách Liberia, Thomas Eric Duncan đã chết ngày 8.10.2014 tại bệnh viện Texas Health Presbyterian Hospital Dallas. Đây là ca tử vong đầu tiên tại Hoa Kỳ.

Sau đó người ta phát hiện ra hai nữ y tá cô Nina Phạm (Mỹ gốc Việt) và Amber Joy Vinson cũng đã bị lây nhiễm Ebola. Cô Nina Phạm đã được chở về National Institute of Health Washington DC để được chữa trị còn cô Vinson thì được chuyển đến Emory University Hospital (TX).

Cũng may, cả hai cô Nina Phạm và Amber Joy Vinson đã được cứu chữa đúng cách và kịp thời tại Hoa Kỳ nên đều đã bình phục hoàn toàn.

Thế giới thật sự hốt hoảng. Các phi trường lớn tại rất nhiều quốc gia đã áp dụng việc kiểm soát tình trạng sức khỏe và thân nhiệt của du khách đến từ Tây Phi. Nếu khả nghi sẽ bị giữ cách ly.

Nơi gương Úc Châu, Canada không cấp visa nhập cảnh cho những du khách đến từ các quốc gia Tây Phi có dịch bệnh Ebola (Reuters oct 31/2014).



Tình hình dịch bệnh Ebola tại Tây Phi Châu Oct 2014 (theo WHO)

Tin đồn quái ác tại Phi Châu

Tại Phi Châu, dân địa phương nghĩ rằng họ là nạn nhân của người da trắng. Đặc biệt là Hoa Kỳ, dùng họ làm vật thí nghiệm virus Ebola. Bởi lý do này mà bằng mọi giá bệnh nhân phải tìm cách trốn ra khỏi bệnh viện, nơi họ bị giữ cách ly. Về nhà, họ tìm thầy bùa, thầy pháp úm ba la, uống nước muối, và hy vọng chữa khỏi bệnh bằng bùa ngãi, lá, rễ cây, tắm hay uống nước muối, ăn củ hành hay chà xát thân thể để rồi... cuối cùng cũng chết và lây nhiễm sang cho người khác.

Theo tin đồn: biến cố này do "con người" tạo dựng lên. Virus Ebola được sản xuất trong phòng thí nghiệm. Đây là một âm mưu (*conspiracy*)?? (Rf:U.S. is

Bệnh của thú vật lây sang cho người

Từ thuở khai thiên lập địa, thú và người đã có một mối liên hệ rất mật thiết với nhau.

Thú giúp chúng ta trong việc đồng áng cũng như trong việc chuyên vận được dễ dàng. Sữa, trứng và thịt đã nuôi sống con người. Da và len giúp chúng ta có những bộ quần áo để che nắng che sương.

Thú cũng được sử dụng trong lãnh vực y khoa để tìm ra những dược phẩm mới cũng như để sản xuất ra những bộ phận ghép dùng cho con người. Một vài loài súc vật như chó, mèo và ngựa còn được xem như những bạn đồng hành rất gần gũi với chúng ta trong cuộc sống hằng ngày.

Trong bối cảnh này, một số mầm bệnh từ thú có thể lây nhiễm và gây bệnh cho chúng ta. Khoa học gọi những bệnh này bằng một cái tên chung là **zoonoses**.

Có tất cả bao nhiêu zoonoses trên thế giới?

Theo tài liệu thì có vào khoảng 150 zoonoses. Đa số đều là bệnh nhẹ, nhưng cũng có một số bệnh rất nguy hiểm có thể làm chết người.

Còn nhớ vào năm 1918, cả thế giới đã kinh hoàng trước sự bộc phát nhanh chóng và khốc liệt của dịch cúm Tây Ban Nha (*grippe espagnole*) do một sous type H1N1 gây ra. Dịch bệnh xuất phát từ loài heo và đã gieo chết chóc cho khắp cả thế giới. Có lỗi trên 20 triệu người đã bỏ mạng vào thời đó.

Gần đây hơn một số zoonoses rất nguy hiểm cũng đã trở thành đề tài thời sự của báo chí, chẳng hạn như các bệnh Bò điên BSE, các bệnh sốt xuất huyết **Ebola và Marburg virus**, truyền lây từ việc ăn thịt khỉ bên Phi châu và bệnh liệt kháng (AIDS, Sida) từ hơn 20 năm nay đã giết hại hằng triệu người trên thế giới. Có giả thuyết nói rằng mầm bệnh liệt kháng do một loại retrovirus gây ra và (từ một loài khỉ Phi Châu) ngẫu biến và vượt hàng rào chủng loại để lây nhiễm cho người?

Năm 1994, **Hendra virus** đã xuất hiện bên Úc Châu. Virus này từ dơi lây nhiễm cho ngựa rồi từ đó gây bệnh cho người. Triệu chứng tương tự như bệnh cảm cúm. Đã có vài ca tử vong bên Úc.

Đến năm 1999, một loại virus mới, đó là **Nipah virus** cũng xuất phát từ một loài dơi, lây cho heo và từ đây truyền sang cho người. Bệnh do **Nipah virus** cũng bắt đầu bằng triệu chứng cảm cúm như đau nhức mình mẩy, sốt cao và nặng hơn thì gây biến chứng viêm não. Bệnh đã làm thiệt mạng 105 người tại Malaysia năm 1999.

Cũng có những bệnh mà trước kia chỉ có ở các xứ nóng, nay thì bắt đầu thấy xuất hiện ở Bắc Mỹ, như **bệnh West Nile virus** lần đầu tiên được phát hiện tại New York vào năm 1999. Đây là bệnh của một số loài chim, đặc biệt là loài **quạ** và được **muỗi làm trung gian** lây truyền cho người. Bệnh thường xuất hiện mỗi năm vào khoảng từ tháng 5 đến tháng 9 là thời gian có nhiều muỗi tại Bắc Mỹ. Bệnh **West Nile virus** có triệu chứng như cảm cúm, ít khi gây thiệt hại về nhân mạng nhưng nó cũng làm bận rộn không ít giới y tế công cộng Hoa Kỳ và Canada. Bệnh có thể gây biến chứng nguy hiểm ở các người già cả lớn tuổi. Vùng New York, New England ở miền đông bắc Hoa Kỳ cũng như một số vùng

Ontario và Quebec Canada thường được cảnh báo về sự xuất hiện của bệnh **West Nile virus** vào mỗi năm.

Tháng 3/2003, **bệnh viêm phổi cấp tính và trầm trọng (Severe acute respiratory syndrome -SARS)** xuất phát từ lục địa Trung Quốc đã làm thiệt mạng gần 800 người trên thế giới, nặng nhất là Trung Quốc có khoảng 350 nạn nhân, kể đến là Hồng Kông, Đài Loan và một số quốc gia vùng Đông nam Á trong đó có Việt Nam. Riêng tại Toronto, Canada tính đến tháng 7 năm 2003 cũng đã có 44 tử vong vì bệnh SARS. Tác nhân của bệnh SARS là một loại **Corona virus** ngẫu biến đặc biệt. Các nhà khoa học đã đưa ra giả thuyết, có lẽ bệnh có nguồn gốc từ một loại thú rừng nào đó, hình như là từ con cầy hương (*civet cat*) mà người Trung Quốc rất hầu xức? Dịch bệnh này đã làm cả thế giới rất lo ngại và nó cũng đã gây thiệt hại một cách đáng kể cho kỹ nghệ du lịch của rất nhiều quốc gia.

Năm 2012, các nhà khoa học tuyên bố bệnh SARS tái xuất hiện trở lại ở Trung Đông và Âu Châu. Họ nghĩ rằng bệnh do một chủng **Coronavirus** mới có tên là **Middle East respiratory syndrome Coronavirus (MERS-CoV)**. Có trên 317 tử vong tính đến ngày 16 tháng 10, 2014. <http://www.who.int/csr/don/16-october-2014-mers/en/>

Tất cả những bệnh vừa kể đều có nguồn gốc từ thú vật.

Coronavirus cũ (2003) bị nghi ngờ xuất phát từ cầy hương (*civet cat*) và loại MERS CoV (2012) có lẽ từ loài dơi.

Vào đầu năm 2004, bệnh **dịch cúm gia cầm do virus Influenza H5N1** đã bộc phát ra một cách nhanh chóng tại Á Châu...



Khai phá rừng tại Phi châu để lấy đất phục vụ kỹ nghệ dầu cọ (Palm oil)



Cây cọ - Palm trees bên Nam Dương

Vượt hàng rào chủng loại là gì (*specie barrier crossing*)?

Đặc tính chung thường thấy ở virus là chúng chỉ lây nhiễm những ký chủ tự nhiên (*natural host*) trong cùng chung một nhóm mà thôi. Ít thấy hơn, chúng cũng có thể lây nhiễm lan tỏa (*spillover infection*) những ký chủ trung gian (*alternative host*).

Rất hiếm thấy việc virus có khả năng phát triển hữu hiệu trong một ký chủ mới mà trước đó không được cảm ứng hoặc tiếp xúc với mầm bệnh.

Các sự sang nhượng (*transfers*) nêu trên xảy ra khi có gia tăng tiếp xúc, và biến đổi (*variations*) giúp virus vượt qua các rào cản (*barriers*) để lây nhiễm ký chủ mới. Trong những trường hợp này, dịch bệnh có thể bộc phát một cách vô cùng khốc liệt.

Các giai đoạn trong việc sang nhượng virus vào ký chủ mới bao gồm:

- việc tiếp xúc giữa virus và ký chủ (*host*).
- gây cảm nhiễm (*infection*) ở những con bệnh đầu tiên
- Bộc phát ra dịch bệnh (*outbreak*)
- và sự sản sinh ra trong ký chủ ban đầu hay ký chủ mới những biến thể siêu vi (*viral variants*) có khả năng phát triển và bành trướng một cách hữu hiệu trong những cá thể (*individual*) của một tập thể (*population*) ký chủ mới.

Bệnh sốt xuất huyết Ebola là bệnh gì?

Tên mới của bệnh Ebola là EVD (*Ebola virus disease*) hay tên cũ là EHF (*Ebola haemorrhagic fever*). Đây là một bệnh cảm nhiễm rất hiếm thấy ở người và ở các loài khỉ tại Phi châu.

Các chủng virus Ebola dữ thường xuất hiện tại Phi Châu, trong khi chủng hiền đã được thấy báo cáo nhiễm cho loài heo tại Philippines (2008).

Ebola là bệnh chết người. Tử vong rất cao có thể lên tới 90%. Không có vaccin, không có liệu pháp chữa trị hữu hiệu. Chỉ có thể làm trị liệu trợ giúp *supportive treatment* mà thôi.

Người ta rất lo sợ virus Ebola có thể trở thành một vũ khí khủng bố sinh học (*bioterrorisme*).

Ebola virus và Marburg virus là 2 virus anh em họ với nhau

Theo WHO, Ebolavirus thuộc họ Filoviridae (Filovirus). Tên của virus xuất phát từ tên của con sông chảy ngang qua thành phố Yambuku thuộc Congo- Chính tại nơi đây virus Ebolavirus được định danh đầu tiên vào năm 1976.

Chi Ebolavirus là 1 trong 3 chi của họ Filoviridae, cùng với chi (*genus*) Marburgvirus và chi Cuevavirus.

- Ebolavirus có 5 loài (*species*):
- Bundibugyo ebolavirus (BDBV)
- Zaire ebolavirus (EBOV)
- Reston ebolavirus (RESTV)
- Sudan ebolavirus (SUDV)
- Tai Forest ebolavirus (TAFV).

BDBV, EBOV và SUDV gây dịch bệnh quan trọng và chết người tại Phi Châu.

RESTV và TAFV không quan trọng. RESTV được thấy xuất hiện tại Philippines và Trung Quốc nhưng không có báo cáo tử vong.

Bệnh Ebola có thể được truyền lây từ khỉ và loài dơi ăn trái (*fruit bats*) thuộc họ Pteropodidae tại Châu Phi. Bệnh thường xảy ra lác đác (*sporadic*) tại vùng Phi Châu, nơi mà người dân thường có thói quen ăn thịt rừng (*viande de brousse*).

Người bị nhiễm bằng cách nào?

Người bị nhiễm từ thú vật hoang dã và sau đó người truyền lây cho người.

Virus Ebola có thể truyền lây từ người này sang người khác.

- Người có thể bị nhiễm virus Ebola qua việc:

* tiếp xúc với thú bệnh. Máu, tiết vật, tinh dịch, chất ói mửa, phân, nước tiểu của thú bệnh rất nguy hiểm từ người sang người.

* Qua việc săn sóc bệnh nhân, tử nạn, chôn cất...

- Không thấy có báo cáo virus Ebola lây truyền qua vết chích của côn trùng và muỗi.

* Ăn thịt rừng (*bushmeat*) thú hoang dã đã có sẵn virus Ebola.

Triệu chứng bệnh Ebola?

Triệu chứng bao gồm sốt, nhức đầu, bần thần, kiệt sức, xuất huyết trầm trọng trong mũi, miệng, ruột, lỗ tai và mắt, ói mửa, suy nội tạng và chết.

Dơi ăn trái thuộc họ *Pteropodidae* có thể xem là ổ chứa tự nhiên của virus Ebola.

Hiện nay chưa có thuốc đặc trị để chữa bệnh Ebola

Thông thường, việc trị liệu chủ yếu là cách ly, tiếp dịch truyền nhằm cân bằng chất điện giải trong cơ thể, duy trì oxy, huyết áp và ngừa nhiễm trùng.

Theo Gs Derek Gatherer thuộc Lancaster University, Anh Quốc, bệnh Ebola do virus gây nên và chúng biến đổi không ngừng nên rất khó tìm ra được chất diệt siêu vi (antiviral) thích hợp. Nếu có tìm ra được vaccin thì cũng không chắc là loại thuốc chủng này có thể còn hữu hiệu trong thời gian lâu dài.

Việc khảo cứu và sản xuất vaccin Ebola đòi hỏi một cơ sở tân tiến và an toàn cấp 4 (*Biosafety Level 4 Laboratory*)

"... Không có biện pháp điều trị tiêu chuẩn cho bệnh sốt xuất huyết do siêu vi Ebola. Hiện tại, các bệnh nhân được điều trị theo phương pháp trị liệu trợ giúp, bao gồm cân bằng chất lỏng và chất điện phân trong cơ thể bệnh nhân, duy trì tình trạng oxy và huyết áp, và chữa các chứng nhiễm trùng do biến chứng.

Việc lây lan trong các cơ sở y tế thường xuyên được liên quan tới các đợt dịch sốt xuất huyết do siêu vi Ebola ở Châu Phi. Trong các trường hợp bệnh xuất hiện, phải chú ý để tránh lây lan bệnh trong phạm vi các cơ sở y tế. Các bệnh nhân phải được cách ly để tránh tiếp xúc với những người không được bảo vệ và các nhân viên bệnh viện phải mang trang phục bảo vệ, thí dụ như khẩu trang, bao tay, áo choàng, và kính bảo hộ. Các biện pháp này được áp dụng để giúp mọi người tránh tiếp xúc với máu hoặc chất dịch tiết ra của bệnh nhân. Nếu có bệnh nhân tử vong do mắc bệnh sốt xuất huyết do siêu vi Ebola, điều quan trọng không kém là phải tránh tiếp xúc trực tiếp với xác bệnh nhân..."

(Ngưng trích Bệnh sốt xuất huyết do siêu vi Ebola-North Dakota Department of Health).



Sau đây là các loại Thuốc Trị Bệnh và Chủng Ngừa đang trong thời gian thí nghiệm

(Trích từ *Về Bệnh Dịch Ebola Từ Dallas*, tác giả DS Cung Hoang Nhi)

"1. **Brincidofovir**: Thuốc chống vi khuẩn được phát triển do Công Ty Dược Phẩm Chimerix. Khởi thủy, thuốc này dùng để chữa các vi khuẩn có thể gây thiệt mạng như Bệnh Đậu Mùa, hay trị vi khuẩn Cytomegalovirus, một loại vi khuẩn gây mụn nhọt. Thuốc này cũng đã được thử nghiệm đặc biệt trong việc chữa trị vi khuẩn gây nên việc cảm lạnh thông thường. Thuốc Brincidofovir đã được thử qua ống nghiệm để chống vi khuẩn Ebola cho thấy nếu được tái tạo, thuốc sẽ có khả năng ngăn chặn vi khuẩn chết người này...

2. **Zmapp**: Đang trong giai đoạn phát triển đầu tiên do Công Ty Dược Phẩm Mapp. Đường như thuốc Zmapp có giúp đỡ tốt khi thí nghiệm trên các con khỉ bị nhiễm bệnh Ebola...

3. **TKM-Ebola**: Sáng chế bởi Công Ty Dược Phẩm Canada Tekmira. Cơ Quan Quản Trị Thức Ăn và Dược Phẩm Hoa Kỳ (US Food Drug Administration) đã cho phép dược phẩm này xử dụng trong quá trình thử nghiệm, cho phép được dùng trong các điều kiện thí nghiệm của dược phẩm mới...

4. Thuốc Chủng Ngừa (Vaccine):

A) Thuốc Chủng Ngừa Thứ Nhất: do GlaxoSmithKline và Học Viện Quốc Gia về Bệnh Tật Di Ứng và Nhiễm Trùng sáng chế. Do nhu cầu cấp bách, F.D.A. đã cho qua vài giai đoạn thử nghiệm thường phải có ở các phòng điều trị, và đã cho phép thí nghiệm sơ khởi trên con người. Thuốc Chủng Ngừa Thứ Nhất đã được thí nghiệm tại Mỹ và sẽ được thí nghiệm với các người tình nguyện khỏe mạnh tại nước Anh, Mali, và Gambia.

B) Thuốc Chủng Ngừa Thứ Hai: Bằng Sáng Chế Thuốc Chủng Ngừa Thứ Hai này được cấp cho Công Ty NewLink Genetics, có trụ sở tại Iowa, do Cơ Quan Y Tế Công Cộng Canada phát triển. Giữa Tháng 10/2014, thuốc sẽ được xử dụng tại các Phòng Khám Trung Tâm Thử Nghiệm ở Học Viện Nghiên Cứu Walter Reed Army. Cơ Quan F.D.A. sẽ theo dõi kết quả các cuộc thử nghiệm này để có thể đi xa hơn trong giai đoạn tới. Do Chính Phủ Liberia yêu cầu, Chính Phủ Canada đã gửi 1.000 liều Thuốc Chủng Ngừa Thứ Hai đến Liberia...

C) Thuốc Chủng Ngừa Thứ Ba: Được khai triển và sáng chế bởi Học Viện Quốc Gia Về Y Tế ở Mỹ (N.I.H.). Thuốc này đã được thử nghiệm trên loài động vật có vú, cho thấy thành công khi dùng chung với Depovax. Thuốc Depovax được dùng để gia tăng khả năng miễn nhiễm

của cơ thể." (Ngưng trích Về Bệnh Dịch Ebola từ Dallas-DS Cung Hoàng Nhi).

Pháp dùng thuốc gì? (Theo báo LeMonde)

Tại Pháp, 3 loại thuốc ngoại quốc đang còn trong vòng thí nghiệm, được **đặc cách** cho phép đem ra sử dụng để điều trị nhân viên Y tế (Bs, Y tá, Medecins sans frontiere...):

- **Zmapp**: là một hỗn hợp huyết thanh chứa cùng một lúc 3 loại kháng thể đơn dòng (*anticorps monoclonaux*), nghĩa là những phân tử tác động một cách chuyên biệt trên phân tử khác và giúp nó bị tiêu diệt bởi hệ miễn dịch. Đây là một loại thuốc cho thấy nhiều hứa hẹn nhất

- **TKM-110-802**: Thuốc này là một dẫn xuất (*dérivé*) của thuốc TKM-Ebola nhưng hữu hiệu hơn.

- **Favipiravir (T-705)**: Thuốc Favipiravir hay T-705 đã được Nhật chấp thuận như một loại thuốc diệt siêu vi để chữa trị cúm. Thuốc này còn đang trong giai đoạn thí nghiệm lâm sàng tại Hoa Kỳ.

Ebola có thể là một loại vũ khí khủng bố sinh học (theo CDC Hoa Kỳ)

- Ebola lây nhiễm dễ dàng từ người sang người.
- Tử vong cao, tác động mạnh vào khía cạnh y tế công cộng.
- Tạo sự hỗn loạn cực độ và làm xáo trộn xã hội.
- Giới y tế công cộng cần phải chuẩn bị để đối phó.

Ngoài Ebola ra, một số tác nhân khác cũng có thể được sử dụng trong khủng bố sinh học:

- **Anthrax** (Bacillus anthracis)-bệnh than hay nhiệt thán
- **Botulism** (Clostridium botulinum toxin)- độc tố do vi khuẩn Clostridium botulinum gây ra.
- **Plague** (Yersinia pestis)-bệnh dịch hạch.
- **Smallpox** (variola major)-Bệnh đậu mùa do virus variola major.
- **Tularemia** (Francisella tularensis)- Các thú rừng như thỏ, sóc, chuột, chồn, heo rừng v.v... đều có thể là ổ bệnh có mang vi khuẩn F. tularensis nói trên. Đây là một bệnh truyền nhiễm có thể gây chết người (35%) nếu không chữa trị đúng cách và kịp thời. Bệnh được lây nhiễm từ các tiết vật, từ phân của thú bệnh qua việc hít thở hoặc qua ngõ tiêu hóa, hoặc lúc sờ mó xác thú vật chết vì bệnh tularemia. Muỗi, và mòng có thể là trung gian lây bệnh cho người. Nạn nhân thường là các thợ săn trong rừng. Triệu chứng thường thấy là sốt nóng, nhức đầu, đau khớp, hạch sưng to, ho, khó thở, viêm phổi nặng, đau bụng, ói mửa v.v...

Trong cuộc tiếp chuyện, Tổng Thống Obama đã cảm ơn cô Phạm về những đóng góp của cô, và nói thêm là Hoa Kỳ là quốc gia có hạ tầng cơ sở y tế tốt nhất thế giới.

Cô Nina Phạm, năm nay 26 tuổi, đã nhiễm bệnh Ebola, khi cô đã săn sóc cho một du khách người Liberia, khi ông này qua Mỹ và bị bệnh.

Trong khi Ebola giết tới 5.000 người, tức là hơn phân nửa số người nhiễm ở hải ngoại, tại Hoa Kỳ được chữa trị thành công lớn: trong 9 bệnh nhân Ebola ở Hoa Kỳ, 8 người đã chữa hết bệnh. (Chữa Trị Ebola ở Mỹ thành công lớn - Vietbao.com 30/10/2014)



Photo Thoibao 24.10.2014 - Nữ y tá Nina Phạm là người đầu tiên bị nhiễm Ebola tại Hoa Kỳ- Ngày 23/10/2014 đã được TT Obama cảm ơn sau khi được chữa khỏi bệnh

Bệnh Ebola và thú cảnh nuôi trong nhà

Dịch Ebola đang xảy ra tại Tây Phi đã dấy lên câu hỏi là:

- Bằng cách nào bệnh tác động đến tập thể loài vật và đặc biệt là nguy cơ đối với thú cảnh *pets* nuôi trong nhà?

Trong khi các thông tin hiện hữu cho biết virus Ebola có thể được tìm thấy trên nhiều loài vật khác nhau, nhưng Trung Tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh CDC, Bộ Nông Nghiệp USDA và Hiệp Hội Thú Y AVMA lại không nghĩ rằng thú cảnh là mối nguy cơ đáng kể của bệnh Ebola tại Hoa Kỳ.

- Bằng cách nào thú vật dự phần trong việc bộc phát bệnh Ebola?

Ổ chứa tự nhiên (*natural reservoir host*) của virus Ebola chưa được xác định, cho nên việc virus xuất hiện như thế nào lúc ban đầu ở người cũng không rõ. Tuy nhiên, các nhà khoa học tin rằng bệnh nhân đầu tiên bị lây bệnh qua sự tiếp xúc với một con vật nào đó đã có chứa sẵn virus, chẳng hạn như loài dơi ăn trái (fruit bat) hoặc loài linh trưởng primate (vượn, khỉ). Cách lây nhiễm này được xảy ra theo kiểu lan tỏa (*spillover event*).

Một vài dịch bệnh trong quá khứ cho thấy loài linh trưởng *primates* cũng bị Ebola và lối lây nhiễm đã lan tỏa *multiple spillover events* đã xảy ra khi con người tiếp xúc hay ăn thịt khỉ bệnh.

- Người này lây cho người kia và nối tiếp theo... dẫn đến sự gia tăng số người bị nhiễm càng lúc càng nhiều thêm hơn.

- Chó có thể bị nhiễm hay bị bệnh Ebola không?

Ngay lúc này, chưa có báo cáo nào đề cập đến chó, mèo bị Ebola hay có thể làm lây truyền Ebola sang cho người hay cho các loài thú khác. Kể luôn các vùng Phi Châu nơi đang có sự hiện diện của dịch bệnh cũng chưa thấy có báo cáo nào nói đến chó mèo bị Ebola cả. Có rất ít bằng chứng cho biết chó bị nhiễm virus Ebola, nhưng chưa có dấu hiệu nào cho thấy nó phát ra thành bệnh được hết.

- Tại Hoa Kỳ, chó mèo có nguy cơ bị bệnh Ebola không?

Nguy cơ dịch bệnh Ebola xảy đến cho một số đồng người rất ư là thấp, vì vậy nguy cơ bệnh Ebola ở chó

Xuân khê khàng



*Xuân đến khê khàng.
Giữa ngày tháng Chạp.
Bón cội mai vàng.
Tặng anh nụ mới.*

*Em ngồi nghe gió.
Thỏ chiều ngát ngây.
Nụ vàng mới nở.
Thơm tóc cuối ngày.*

*Sợi nào đã bạc.
Sợi nào còn xanh.
Tóc thề thuở ấy.
Ngủ mãi vai anh.*

*Mùa xưa đâu đó.
Anh về khê khàng.
Tóc thề vẫn đợi.
Xuân đời chứa chan .*

• NGỌC BÚT

mèo càng thấp hơn vì cần phải phải có sự tiếp xúc với máu và tiết vật của người bệnh Ebola.

- Chuyện gì xảy ra cho nhưng con thú trong nhà của bệnh nhân Ebola?

CDC khuyến cáo các giới chức trách nhiệm về y tế công cộng và Thú Y sĩ thẩm định nguy cơ tại chỗ xem coi có sự tiếp xúc giữa thú cảnh, máu và tiết vật của bệnh nhân Ebola như thế nào. Từ đó các giới trách nhiệm mới có thể quyết định cách hành xử ra sao.

- Tôi có thể đem chó mèo đi chủng ngừa Ebola không?

Không có lý do nào đem chủng ngừa Ebola cho chó mèo cả nếu không có sự tiếp xúc với người bị nhiễm Ebola cả. Hiện nay chưa có thuốc chủng Ebola cho chó mèo.

Kết luận

Gần đây một số virus đặc thù của các bệnh ở thú đã làm cho các nhà khoa học hết sức lo ngại bởi lẽ chúng rất khó bị tiêu diệt được cũng như chúng có khả năng ngẫu biến (*mutation*) và thích nghi dễ dàng vào môi trường mới và từ đó sẽ vượt hàng rào chủng loại để lây nhiễm sang cho người.

Zoonoses càng ngày càng gây nhiều lo sợ cho cộng đồng nhân loại!

Phương pháp **chăn nuôi công nghiệp**, rất thâm canh với quá nhiều súc vật trên những diện tích nhỏ hẹp đã tạo nên điều kiện cho bệnh tật dễ phát triển ra.

Sự **khai phá rừng một cách quy mô và bừa bãi, khai thác hầm mỏ**, đã làm cho thú vật mất môi trường sống, bắt buộc chúng phải lẩn la về những nơi đông dân cư để tìm thức ăn và đồng thời cũng truyền lây bệnh cho con người.

Tập tục tấn liệm, ướp xác, chôn cất tại một số làng Phi Châu cũng như việc thân nhân tiếp xúc với xác người quá cố là một nguyên nhân quan trọng làm lây truyền bệnh tật...

Ngoài ra, **sự phát triển và bành trướng quá nhanh của ngành giao thông vận tải** đã giúp việc chuyển vận người và vật được dễ dàng hơn và nhờ đó mà mầm bệnh có thể theo du khách và hàng hóa đi chu du khắp thế giới một cách nhanh chóng và dễ dàng...

Riêng, Phi Châu thì tình trạng còn bi đát hơn. **giặc giã, loạn lạc triền miên, khắp nơi, thú hoang dã, đói, và người đều phải thường xuyên di chuyển tản cư** không ngơi nghỉ đã giúp vào việc làm lây truyền virus Ebola.

Phải chăng sự bộc phát của *zoonoses* là cái giá con người phải trả cho các tiến bộ khoa học mà chúng ta đang thụ hưởng ./.

Tham khảo

- Video *The world's deadliest virus Ebola Plague Fighters Nova Documentary (52mn)*

<http://www.youtube.com/watch?v=qTcfnTISMDk>

- CDC : *Questions and Answers about Ebola and Pets*
<http://www.cdc.gov/vhf/ebola/transmission/qas-pets.html>

- CDC: *Bioterrorism Agents/Diseases*
<http://www.bt.cdc.gov/agent/agentlist-category.asp>

- CDC: *Ebola treatment*
<http://www.cdc.gov/vhf/ebola/treatment/index.html>

- *The role of wildlife in emerging and reemerging zoonoses*

http://ucbweb2.castelobranco.br/webcaf/arquivos/13029/6145/The_role_of_wildlife_in_emerging_and_re_emerging_zoonoses.pdf

- **Ebola: A Significant Threat as an Infectious Disease, and as a Potential Bioterrorism Agent**
Department of History of Medicine and Medical Ethics-Faculty of Medicine, Ege University, Turkey
<http://journals.tubitak.gov.tr/medical/issues/sag-05-35-1/sag-35-1-1-0410-10.pdf>

- Ds Cung Hoàng Nhi- *Về Bệnh Dịch Ebola từ Dallas*
<http://vietbao.com/p117a228472/ve-benh-dich-ebola-tu-dallas>

- *Here's A Breakdown Of The Ebola Treatments Used So Far In This Outbreak*

http://www.huffingtonpost.com/2014/10/15/ebola-treatment_n_5990816.html

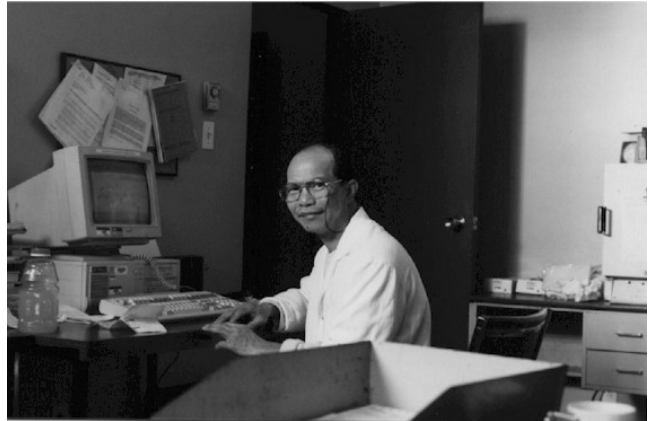
- *Trois traitements expérimentaux contre Ebola autorisés en France*

http://www.lemonde.fr/planete/article/2014/09/19/trois-traitements-experimentaux-contre-ebola-autorises-en-france_4491055_3244.html

- *Answering Your Questions About Ebola Treatments And Vaccines*

<http://www.npr.org/blogs/health/2014/10/10/355184997/answering-your-questions-about-ebola-treatments-and-vaccines>

Montreal, nov 8 2014



Bs Thú Y Nguyễn Thượng Chánh, CFIA Canada 2004

Thành Kính Cảm Tạ

Gia đình chúng con/chúng tôi xin thành kính cảm tạ:

- ĐĐ. Thích Hạnh Giới, Trụ trì chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc.

- ĐĐ. Thích Hạnh Hòa, Thích Hạnh Bồn, chùa Viên Giác
- Quý thân bằng quyến thuộc, cũng như các huynh đệ và bằng hữu đã hoan hỷ quan tâm đến tham dự:

Lễ Mừng Thượng Thọ 80 tuổi của Ông Nguyễn Văn Phương

là Cha, Ông của gia đình chúng tôi được tổ chức vào ngày 25. 10. 2014 tại Delmenhorst, Niedersachsen.

Trong dịp này thân quyến, huynh đệ và bằng hữu của gia đình chúng tôi đã quyên góp được số tịnh tài hơn 3.905 EURO.

Để thể hiện tâm nguyện của cha, ông của chúng tôi là tất cả số tịnh tài này sẽ cúng dường cho công trình xây dựng Tôn Tượng Quán Âm lộ thiên tại chùa Viên Giác Hannover.

Chúng con/chúng tôi xin thành kính cảm niệm ân phước của quý Thầy và xin thành tâm cảm tạ và hồi hướng công đức này lên Ba ngôi Tam Bảo; đồng thời kính xin chư liệt vị hoan hỷ tha thứ cho những sai sót.

Thành Kính Cảm Tạ
Gia đình Nguyễn Văn Phương

Chích ngừa chống cảm cúm & phản ứng thuốc

(Được trình bày qua những câu hỏi và trả lời để độc giả tiện theo dõi)

• **Dr. Tôn-Thất Hứa**

Có hai loại cảm:

- Cảm lạnh gây nên do thời tiết, khí hậu bên ngoài,
- Cảm cúm nguồn sinh bệnh là do vi rút Influenza.

Hỏi: cứ vào tháng 11 hàng năm bệnh cảm bắt đầu hoành hành do vi rút và thời tiết thay đổi, làm thế nào để chúng ta có thể bảo vệ cơ thể chống lại bệnh ? triệu chứng của cơn bệnh như thế nào?

Trả lời: triệu chứng bệnh cảm cúm có từ lâu như là sốt cao đến 38,5 độ, đau cổ, ho khan, đau đầu, các bắp thịt đau nhức và mỏi tay chân; chống lại bệnh cảm cúm vi rút thì buộc phải chích ngừa.

Hỏi: thời gian nào nên chích ngừa? ngay trước khi bị cảm?

Trả lời: chích ngừa chỉ có hiệu quả cho cảm cúm do vi rút Influenza gây nên mà thôi chứ không phải để chặn đứng cảm lạnh.

Chích ngừa bắt đầu mùa thu, vì sự tạo thành kháng thể trong cơ thể chống lại bệnh cần 10 đến 14 ngày, nhờ có kháng thể cơ thể mới có đủ khả năng chống lại sự truyền bệnh.

Chúng ta không nên xem thường cúm do vi rút Influenza, theo báo cáo Viện Robert-Koch-Instituts hằng năm có đến 8.000 – 11.000 người chết. Số lượng tử vong có khả năng tăng lên trong những lần có cơn dịch mạnh hoành hành.

Hỏi: nhóm người nào phải chích ngừa ?

Trả lời: với số tuổi trên 60, tuy nhiên những bệnh nhân có bệnh gan, bệnh phổi kinh niên, thay thận hay đã chữa hóa trị, bệnh đái đường và lọc thận. Ngoài ra các quan chức trong công việc hàng ngày thường phải tiếp xúc nhiều với tập thể quần chúng cũng nằm trong danh sách cần phải chích ngừa.

Tại CHLB Đức trẻ em không cần phải chích ngừa theo chu kỳ; tại Hoa Kỳ thì trẻ con được xếp vào chương trình chủng ngừa.

Hỏi: biến chứng gây ra do chích ngừa ?

Trả lời: Không có những biến chứng khác thường xảy ra, giống như các loại chích ngừa khác.

Những triệu chứng thường có do thuốc chích ngừa là:

- Sưng vù hay đỏ hừng nơi kim chích.
- Nhiệt độ cơ thể tăng nhẹ lên
- Mệt mỏi trong cơ thể.

Phần nhiều thuốc chích ngừa được bào chế qua dung môi nuôi vi rút bằng lòng trắng trứng, trường hợp cá nhân nào bị dị ứng với lòng trắng trứng, thì không được chích thuốc chủng ngừa nhóm thuốc này, mặc dầu rất hiếm.

Hỏi: trong trường hợp này thì phải chủng thuốc chủng loại nào ?

Trả lời: Ngoài cách cấy vi rút như trên, các nhà bào chế trên nước Đức nuôi vi rút trong dung môi của tế bào sinh vật, đây là loại thuốc lý tưởng để chủng cho nhóm bị dị ứng lòng trắng trứng.

Hỏi: lý do tại sao phải chích ngừa hàng năm ?

Trả lời: Vi rút biến dạng rất nhanh theo môi trường sống do đó cách truyền bệnh cũng bị ảnh hưởng theo sự đột biến của vi rút. Đây nguyên tắc chống lại bệnh: thuốc chích ngừa muốn được có hiệu quả cũng phải theo đúng sự đột biến để chặn đứng độc tố vi rút lan tràn trong cơ thể sinh ra bệnh.

Để minh xác rõ ràng sự chích ngừa để chặn đứng sự hoành hành độc tố vi rút gây bệnh trong cơ thể con người bằng cách tăng lên tính miễn dịch, Giáo Sư, Tiến Sĩ Y Khoa Harald zur Hausen, giải thưởng Nobel năm 2008 đã nói: Tôi xin thông báo đến quý vị: Yêu cầu phải chủng ngừa chống lại bệnh cảm cúm, đó là bổn phận nghề nghiệp của tôi. (Es ist meine Pflicht, die Impfung zu empfehlen - Deutsches Ärzteblatt – Heft 1-2 – 05. Januar 2009).

Xuân Ngàn Dặm Xa

*cõi khuya quạnh quẽ em về
nhớ chẵn chiếu đằm nổi tê tái buồn
mùa xuân hải đảo kinh hoàng
đời mưa bão lạnh thêm vàng võ tôi
chút than lửa đỏ phận người
chiều u thẫm bật tiếng cười đông phương
thôi còn đâu nữa hương dương
quê nhà chỉ thấy bóng dương tỏa mờ
em còn vườn cũ trong thơ
hoa chanh thơm nức tóc bờ vai ngoan
chuông ngân động cánh mai vàng
tình cho nhau mấy dặm ngàn chân vui
gió xanh bóng liễu ngậm ngùi
bên sông cánh hạc lưng trời vút xa
đêm ray rít giọt mưa sa
nhân gian biệt cảnh hoa cội nguồn
tâm xuân hiu hắt phố buồn
cổ hương dao cắt mọi mòn châu thân
hồn sông núi vẫn cưu mang
đào hoa còn nhớ - nắng vàng bên sông?*

• **Thái Tú Hạp**
(hạt bụi nào bay qua)

RAU - Việt Nam vừa bổ dưỡng, vừa ngừa trị bệnh

• Phan Hưng Nhơn

Lời nói đầu: Trước đây ở Việt Nam, tuy rằng hệ thống y tế không được hoàn mỹ như ở các nước Tây phương, nhưng nhờ đang sống ở một nước không khí còn trong lành do nền kỹ nghệ địa phương chưa mấy phát triển hoặc do đất nước nằm dọc dài theo vùng biển chưa bị ô nhiễm nhiều, người Việt Nam nói chung lại thường ăn rất nhiều rau cải, trái cây hoặc cá và rất ít ăn thịt nên ít bị đau ốm.

Ở Việt Nam khi nói đến rau cải, trong nhân dân thường có câu: "Rau lúc đói là thức ăn, lúc đau là thuốc uống". Ví dụ như rau mơi, có thể chữa được bệnh lỵ, đau sỏi thận hoặc rau mã đề có thể chữa được bệnh bí tiểu tiện. Rau răm không những được dùng để ăn với gỏi, với thịt gà nhưng cũng có thể được dùng để chữa bệnh kém ăn, dễ kích thích tiêu hóa, chữa rần cắn hoặc bị hắc lào, ghẻ lở hay để làm dịu tách dục. Củ kỹ được dùng để nấu canh nhưng lại cũng được dùng để bảo dưỡng toàn diện cơ thể, chữa tình trạng chân tay yếu đuối, mờ mắt, nhức đầu chóng mặt cùng chữa những bệnh về gan hoặc mộng tinh.

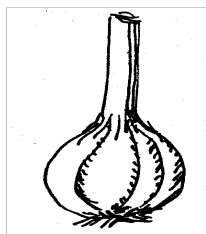
Ngày nay nếu có ai hỏi tại sao món ăn này lại dùng rau này, món ăn kia phải dùng rau nọ hoặc tại sao thịt nem phải được gói bằng lá ổi. Thịt trười, thịt tré phải được gói bằng lá vông, thì thiết tưởng cũng khó có được người trả lời được rõ ràng và nói đó là tập tục cổ truyền từ xưa lưu lại.

Sự hiểu biết thêm về Rau Cải Việt Nam cũng có phần nào giúp chúng ta ít lui tới các dược phòng, thiết nghĩ cũng là vấn đề hữu ích.

*
* *

- Củ tỏi.

Tỏi có tên khoa học là *Allium Sativum*, họ hành tỏi Liliaceae. Tỏi là gia vị chủ yếu trong mọi lối nấu nướng Việt Nam.

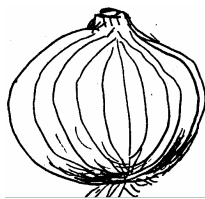


Tỏi gia tăng sức kháng cự của cơ thể con người với mọi nhiễm độc. Tỏi có tính chất diệt trừ các vi khuẩn, mầm độc, vì thế tỏi được dùng làm trị liệu trong trường hợp kết lỵ và thương hàn. Tỏi cũng có khả năng làm giảm áp huyết cao, giảm mức cholesterol xấu LDL. Tỏi cũng là trị liệu để chữa viêm hay nghẽn cuống phổi, làm giảm lượng đường trong máu, trị bụng đầy hơi, chữa trị suy nhược cơ thể, giảm thiểu các triệu chứng già nua.

Hiện nay các nhà bác học khắp thế giới đều xác nhận chất Diallylsulfide DADS trong tỏi ngừa chặn được sự sinh trưởng của các tế bào ung thư. Ngoài ra đã có nhận

xét rằng tỏi có thể được dùng trong việc chữa trị bệnh AIDS.

- Củ hành.



Hành có tên khoa học là *Allium Cepa* thuộc họ Lilien. Củ hành không chỉ là một loại gia vị thơm ngon mà còn có những khả năng trị bệnh.

Chất Sulfide của củ hành có khả năng đề kháng vi khuẩn, vi sinh vật cùng nấm. Có tác dụng phòng ngừa ung thư cùng chống sự đông máu. Chất Sulfide của củ hành hỗ trợ cho hệ thống miễn nhiễm của cơ thể và trợ lực cho hệ thống tiêu hóa.

Chất Quercetin trong củ hành ngăn trở sự hình thành của những vi khuẩn độc, bảo vệ chống các bệnh về tim và hệ thống tuần hoàn. Chất Quercetin cũng các tác dụng chống ung thư.

Chất Adenosin trong củ hành cũng có tác dụng hạ áp huyết cao, ngăn trở sự đông máu.

Chất Saponin hạ thấp được mức cholesterol, bảo vệ chống ung thư dạ dày.

Trong củ hành cũng có rất nhiều sinh tố và khoáng chất cần thiết cho cơ thể con người. Trong củ hành lại có chất insulin chuyên giải trừ các thức ăn thặng dư.

- Rau muống.

Rau muống có tên khoa học là *Ipomoea reptans* hay *Ipomoea aquatica* thuộc họ Convolvuaceae.



Người Việt Nam thường dùng rau muống để làm rau ăn sống hoặc để nấu hay xào. Rau muống có tính chất làm mất tác dụng của những loại thuốc đã uống vì thế rau muống được dùng để giải các chất độc bằng cách rửa sạch rau muống, giã nát vắt lấy nước mà uống. Rau muống có tính

cách nhuận tràng nhẹ.

Ngon rau muống giã nát với lá cây vòi voi (*Heliotropium indicum*) đắp lên các vết loét do bệnh zona để chữa lành.

Thân lá rau muống giã nát với mướp đắng và lá xoan để đắp lên ngực hay trán những người bị sốt hay khó thở.

- Rau răm.

Rau răm còn có tên là Thủy Liễu. Tên khoa học là *Polygonum odoratum*, thuộc họ Polygonaceae.



Rau răm thường được dùng để ăn tươi hay làm gia vị. Thường được dùng trong việc làm gỏi hoặc để ướp với thịt gà hoặc để nấu hay kho.

Rau răm có tính chất kích thích tiêu hóa, chữa trị sự kém ăn, rần cắn, hắc lào, ghẻ lở. Khi bị rần cắn dân thôn quê thường lấy khoảng 30 ngọn rau răm giã nát vắt lấy nước uống còn bã thì đắp lên nơi bị rần

cần. Muốn chữa hắc bào, sâu quặng, thì lấy cả cây giã nát thêm rượu vào rồi bôi lên nơi bị hắc bào hay chốc lở đã rửa sạch.

Rau răm cũng là một vị thuốc thông tiêu, chữa sốt và chống nôn. Rau răm còn có tác dụng làm dịu tình dục vì thế rất được các vị tu hành thường dùng.

- Rau má.

Rau má còn có tên là Tích Tuyệt Thảo. Tên khoa học là *Centella asiatica* hay *Trisanthus cochinchinensis*. Thuộc họ Hoa Tán Apiaceae.



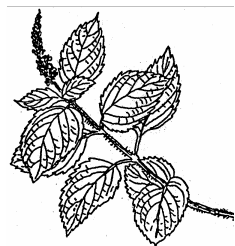
Rau má thường được dùng như rau sống để ăn. Nhân dân Việt Nam xem ra má như là một vị thuốc mát, vị ngọt, hơi đắng, tính bình, không độc, không tiêu, dùng để chữa bệnh thổ huyết, tả lỵ, khí hư, bạch đới và lợi sữa. Để chữa đau bụng và đi lỵ. Nhân dân Việt Nam thường dùng cả dây và lá

rau má rửa sạch thêm tí muối nhai sống. Để chữa rôm sảy mằm ngứa hằng ngày nên ăn rau má.

Phụ nữ có kinh nguyệt bị đau bụng, đau lưng thường hái rau má ra hoa phơi khô tán nhỏ ngày uống một lần vào buổi sáng. Hiện nay tại một số quốc gia, rau má đã được chế biến thành thuốc viên để chữa các bệnh giãn tĩnh mạch chân chậm trở về tim và thuốc để tiêm. Nhân dân Việt Nam còn dùng loại Rau Má Mỡ họ *Hydrocotyle rotundifolis* để chữa các bệnh về gan.

- Tía tô.

Tía Tô còn có tên là Tử Tô, có tên khoa học là *Perilla ocymoides*, *Preilla frutescens*, thuộc họ Hoa Môi Lamiaceae. Dân chúng thường dùng lá tía tô làm rau ăn sống, hoặc làm gia vị và làm thuốc.



Tía tô có vị cay, tính ôn vào hai kinh phế, tỳ. Có tác dụng phát tán phong hàn, giải uất hóa đàm, an thai giải độc của cua cá.

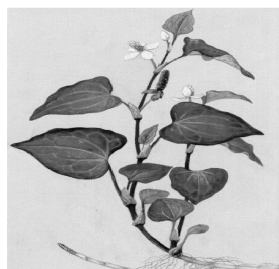
Lá tía tô có tác dụng làm ra mồ hôi, chữa ho, giúp cho sự tiêu hóa, giảm đau, giải độc, chữa cảm mạo. Cành cây tía tô có tác dụng chữa ho, trừ đàm, hen suyễn, tê thấp.

tê thấp.

Phụ nữ thường lấy lá tía tô sắc để uống để chữa sưng vú. Ăn phải cua hay cá mà trúng độc, người ta giã lá tía tô tươi vắt lấy nước hoặc sắc lá khô uống nóng.

- Diếp cá.

Diếp Cá còn có tên là Lá Giáp hoặc Ngư Tinh Thảo. Tên khoa học là *Houttuynia cordata* Thunb. Thuộc họ Saururaceae.



Lá diếp cá thường được dùng làm rau sống để ăn với cá. Diếp cá có tác dụng lợi tiểu. Theo Đông Y diếp cá có tác dụng tán nhiệt tiêu ung thũng, được dùng để chữa trĩ và vết lở loét. Vào trường hợp tụ máu đau ở mắt hãy giã nhỏ lá ép vào hai miếng

giấy bản đắp lên mắt khi ngủ. Vào trường hợp bị bệnh trĩ thì đem sắc uống nước hoặc sắc nước lấy hơi xông rồi rửa.

Diếp cá còn được dùng để chữa mụn nhọt, kinh nguyệt không đều, cùng viêm sưng tai.

- Lá lốt.



Tên khoa học của Lá Lốt là *Piper Lobot*, thuộc họ Hồ Tiêu Piperaceae.

Lá Lốt thường được dùng làm rau ăn sống và làm gia vị. Nhân dân thường dùng lá lốt để bọc thịt lại mà nướng cho thơm cùng để khử trùng hoặc dùng lá lốt xào với thịt bò và nấu canh ăn cho dễ tiêu.

Lá lốt cũng được dùng làm thuốc sắc uống chữa đau xương, thấp khớp, tê thấp, đổ mồ hôi tay chân, hoặc đi ngoài lỏng.

- Ngò.

Còn được gọi là Ngò Thơm hay Rau Mùi. Ngò có tên khoa học là *Coriandrum Sativum*, thuộc họ Hoa Tán Apiaceae (Umbelliferae).



Thông thường ngò được dùng làm gia vị cho các món ăn hoặc trộn với các thứ rau khác để ăn sống.

Hột ngò được dùng làm thuốc trung tiện, làm dễ tiêu, kích thích và giúp sự tiêu hóa cùng làm hương liệu cho chè. Hột ngò có vị cay, có tác dụng phát tán, trừ tà khí khu phong, long đàm, thường được

dùng để thông khí ở bụng dưới, lợi đại tiểu trường thúc sự sôi mau mọc. Ngò còn được dùng làm thuốc giúp sự tiêu hóa, chữa ho, ít sữa, dưới dạng toàn cây ăn tươi hoặc thuốc sắc hoặc ngâm rượu.

- Húng quế.

Húng Quế còn có tên là Húng Giỏi, É Tía hoặc Hương Thái. Tên khoa học là *Ocimum Basilicum*, thuộc họ Lamiaceae.



Lá và ngọn của húng quế thường được dùng làm gia vị hoặc để ăn sống. Hột húng quế được dùng để ăn cho mát, có tác dụng nhẹ chống táo bón. Người ta chỉ hái lá và ngọn có hoa rồi phơi hay sấy khô để làm thuốc uống chữa sốt, chữa đau dạ dày, ăn uống không tiêu, thông tiểu, làm cho ra mồ hôi.

Ở thôn quê, ngò được nấu nước để súc miệng và chữa đau

răng.

- Rau mồng tơi.

Mồng tơi còn được gọi là Lạc Quỳ. Tên khoa học là *Basella rubra* hay *Basella alba*. Thuộc họ Mồng Tơi Basellaceae.

Mồng tơi thường được dùng để nấu canh, xào hoặc luộc làm rau ăn cho mát. Theo sách Bản Thảo Cương Mục



của Lý Thời Trân, rau mồng tơi có vị chua hàn, hoạt, không độc chú trị trung, tán nhiệt, lợi đại tiểu trường.

Rau mồng tơi còn được dùng để chữa táo bón cho trẻ em, phụ nữ sanh khó, hoặc dùng nước ép quả để nhỏ mắt chữa bệnh đau mắt... Các bà nội trợ thường dùng

rau mồng tơi để nhuộm đỏ các loại mứt.

- Cải tần ô.



Tần Ô còn có tên là Cải Cúc. Tên khoa học là *Chrysanthemum cononarium*, thuộc họ Asteraceae.

Trong cải tần ô có nhiều sinh tố B1, một lượng trung bình sinh tố C và sinh tố A.

Cải tần ô thường được dùng để nấu canh hay để xào. Canh tần ô có công dụng chữa ho... Cải tần ô còn được dùng để chữa đau mắt, nhức

đầu kinh niên, thổ huyết.

Cải tần ô còn cung cấp cho người dùng một lượng hydrat carbon, protein, chất béo và các sinh tố C, A và B1.

Ở thôn quê thường dùng cải tần ô xắt nhỏ cho vào chén cơm với chút ít đường để vào nồi cơm hấp cho tiết nước ra để cho trẻ uống nhiều lần trong ngày cho hết ho.

- Mã đề.



Mã đề thảo.

Mã Đề còn có tên là Đề Thảo. Tên khoa học là *Plantago asiatica*.

Mã đề có tính cách vị hàn, vị ngọt, không độc. Có tác dụng lợi tiểu, thanh phế, can phong, nhiệt thâm, bàng quang, thấp khí, được dùng chữa đờ đặng, chữa ho, trừ đàm, sáng mắt. Lá mã đề tươi giã nát, đắp mụn nhọt chóng vỡ và mau lành.

Lá mã đề được dùng để chế nhiều vị thuốc như Xa tiên tử,

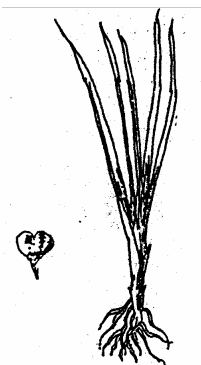
- Hẹ.

Hẹ còn có tên là Phi Tử. Tên khoa học là *Allium odorum* hay *Allium tuberosum*.

Hẹ được dùng làm gia vị hoặc để ăn sống và để làm thuốc. Lá hẹ hấp với đường phèn dùng để chữa ho cho trẻ em. Lá hẹ cũng được dùng để chữa các bệnh kiết lỵ, ra máu, giúp sự tiêu hóa chữa bệnh di tinh, đi tiểu nhiều lần, mộng tinh, bạch trọc.

Hột hẹ được dùng để chữa di mộng tinh, đi tiểu ra huyết, đau mỏi đầu gối, đau lưng, khí hư. Hẹ có tác dụng bổ gan và thận.

Nước ép tươi của hẹ có tính



chất kháng sinh rất cao đối với nhiều loại vi trùng.

- Ngò tào.

Còn có tên là Rau Mùi Cần. Tên khoa học là *Eryngium foetidum*. Thuộc họ Hoa Tán Apiaceae (Umbelliferae).



Lá tươi của rau mùi hay ngò tào thường được dùng làm gia vị để ăn sống hay nấu chín.

Rau mùi có khả năng chữa đầy hơi, ăn uống kém tiêu, cảm mạo và sốt.

Nhiều nơi dân chúng dùng rau mùi nấu chung với chùm kết để làm nước gội đầu.

- Rau ngót.

Rau Ngót còn được gọi là Bù Ngót. Tên khoa học là *Sauropus anfrogynus*. Thuộc họ Euphorbiaceae.



Thường được dùng để nấu canh.

Rau Ngót có khả năng chữa tưa lưỡi. Ngoài ra còn được dùng làm thuốc chữa sốt nẫu và chậm kinh.

- Rau tần.

Thường được gọi là Húng Chanh, Rau Tần Dầy Lá hoặc Dương Tử Ô. Tên khoa học là *Coleus Aromaticus* hoặc *Colus crassifolius*. Thuộc họ Hoa Môi Lamiaceae.



Rau Tần được trồng khắp Việt Nam cốt yếu thường để làm gia vị. Rau Tần thường được dùng để ăn với thịt vịt luộc vì thịt vịt thường được xem là khó tiêu và hơi tanh.

Trong tinh dầu của Rau Tần có chất cacvacrola và chất colein. Tinh dầu này có tác dụng kháng sinh mạnh với vi trùng *Staphylococcus 209*, *Salmonella typhi*, *Shigella dysanteria*, *Coli pathogène*, *Coli thotenda Streptococcus*.

- Rau ngổ.

Rau Ngổ còn được gọi là rau Ngổ Thơm. Tên khoa học là *Enhydra fluctuans*, thuộc họ Cúc Asteraceae.

Người Việt Nam thường hái lá non của rau ngổ để ăn sống hoặc để làm gia vị.

Rau ngổ cũng được dùng để chữa ăn uống không tiêu, đầy hơi tức bụng, thổ huyết và băng huyết.



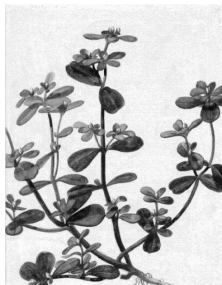
- Rau om.

Còn được gọi là Ngò Om. Tên khoa học là *Limnophila aromatica*. Thuộc họ hoa Mồ Chó Scrophulariaceae. Dân chúng Miền Nam Việt Nam thường dùng làm gia vị nấu canh chua, canh cá. Ở Miền Nam Việt Nam người ta thường phân biệt rau om xanh và rau om tím. Loại tím được tìm để dùng làm thuốc. Rau om có tác dụng lợi tiểu, giãn cơ, chống co thắt.



Đặc biệt có tác dụng làm tăng lượng nước tiểu có thể làm cho viên sỏi nếu có ở thận bị vỡ và bị tống ra ngoài theo nước tiểu. Lương y thường khuyên bệnh nhân lấy rau om giã nhỏ, lấy nước pha với ít hạt muối, uống ngày 2 lần và uống như thế 5 ngày liền sẽ khỏi.

- Rau sam.



Tên khoa học của rau sam là *Portulaca oleracea*. Rau này thuộc họ *Portulacaceae*.

Rau sam thường được dùng để ăn sống hoặc nấu chín.

Rau sam thường được dùng để làm thuốc để chữa lỵ trực trùng, thuốc lợi tiểu, tẩy giun kim, hoặc được giã nát để đắp lên mụn nhọt. Rau sam cũng được dùng để chữa huyết lỵ.

Kinh nghiệm nhân dân cho biết nấu rau sam ăn hằng ngày liền tiếp trong vài ngày chữa bệnh đái ra máu.

. Hành lá.

Hành lá còn có tên là Hành Ta hoặc Hành Hoa. Tên khoa học là *Allium fistulosum*, thuộc họ hành tỏi *Liliaceae*.



Hành lá thường được dùng làm gia vị. Đồng thời cũng được dùng làm thuốc.

Theo Đông Y, hành lá có vị cay, bình mà không độc, có năng lực hòa trung, thường dương, hoạt huyết, được dùng làm thuốc ra mồ hôi, lợi tiểu, sát trùng, chữa đau răng. Sắc uống lấy nước, chữa được các chứng sốt, sốt rét, cảm, nhức đầu, mặt

mày phù thũng. Hành lá còn được dùng để an thai, sáng mắt, lợi ngũ tạng.

Hành lá còn có tác dụng kích thích thần kinh, làm tăng sự bài tiết dịch tiêu hóa và để đề phòng ký sinh trùng trong ruột. Hành lá còn được dùng để chữa trị tê thấp. Tinh dầu hành lý có khả năng sát khuẩn mạnh nên được dùng ngoài để chữa mụn nhọt. Nước hành được dùng để nhỏ mũi để chữa ngạt mũi cấp tính và mãn tính, viêm niêm mạc mũi. Cháo hành giã nát ăn nóng chữa được nhức đầu mũi ngạt.

- Riềng.

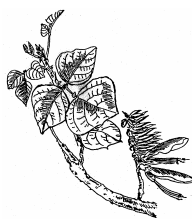
Tên khoa học của Riềng là *Erythrina orientalis*, thuộc họ *Papillonaceae*.



Riềng thường được dùng làm gia vị, hoặc ướp trộn với thịt trười, tré hoặc với mắm hoặc tôm chua. Sở dĩ được dùng như vậy là do riềng có tác dụng ôn trung tán hàn, tiêu thực, kích thích tiêu hóa, ăn ngon miệng, chữa đầy hơi, đau bụng, đau dạ dày. Theo tài liệu xưa lưu lại riềng có tính ôn vào hai kinh tỳ và vị. Đông Y gọi riềng là Can Lương Khương. Riềng còn được

dùng để chữa sốt rét, sốt nóng, đi lỏng, trúng hàn, nôn mửa.

- Vông.



Tên khoa học của vông là *Phrynium parviflorum*. Thuộc họ *Hoàn tinh Marantaceae*.

Người Việt Nam thường dùng lá vông để gói nem, trười và tré vì lá vông có tính chất sát trùng.

Lá vông hơi nóng đắp vào hậu môn hoặc uống nước nấu lá vông để

chữa trĩ.

Vỏ cây vông được dùng làm thuốc chữa sốt, sát trùng, thông tiểu, an thần và gây ngủ, chữa thổ tả amíp và trực trùng, nhuận trường.

Theo Đông Y, vông có vị đắng tính bình vào thận. Có tác dụng khử phong thấp, thông kinh lạc, sát trùng, chữa lưng gối đau nhức, tê liệt, lở ngứa.

- Ổi.

Ổi còn có tên là phan thạch lựu. Tên khoa học là *Psidium gujjava*, thuộc họ *myrtaceae*.

Người Việt Nam thường dùng lá ổi non của cây ổi để gói nem vì lá ổi có tính sát trùng, bảo vệ được thịt nem trong giai đoạn từ sống đến chín khỏi bị nhiễm trùng.



Lá non và búp ổi non là một vị thuốc chữa đau bụng, đi ngoài, thường được dùng dưới dạng thuốc sắc hay thuốc pha. Trái ổi non được

dùng để chữa đi lỏng, trái ổi chín có tác dụng nhuận trường.

Vỏ rễ và vỏ thân cây ổi cũng được dùng để chữa đi ngoài nhiều và rửa những vết lở loét.

- Sả.

Sả có tên khoa học là *Cymbopogon nardus*, thuộc họ *Poaceae*.



Sả được người Việt Nam thường dùng làm gia vị. Sả tươi được dùng để ướp thịt để nấu hay nướng để cho thịt thơm và dễ tiêu hóa. Tinh dầu của sả được dùng làm thuốc giúp tiêu hóa, đuổi muỗi, răn, cùng được dùng trong công nghiệp. Nước lá sả còn được dùng uống cho mát.

Lá sả nấu với nước để xông làm ra mồ hôi, chữa cảm sốt. Nước sả có tác dụng thông tiểu tiện.?





In Phật Sự

* Phật Bên Hè Phố Oakland



Câu chuyện được kể lại bởi phóng viên báo SF Gate và đài truyền hình KPIX5: một tượng Phật nhỏ để ở góc phố, nơi đây dấy tội hình sự xảy ra, thế rồi trở thành một cái am nhỏ, và tội phạm giảm 82%... Chuyện hy hữu này xảy ra ở thành phố Oakland, Bắc California.

Phóng viên Chip Johnson kể lại trên báo SFGate.com ngày 15-9-2014, rằng pho tượng Phật đã làm cho một khu phố Oakland bình an.

Dan Stevenson không phải Phật Tử, cũng không phải tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào. Anh chỉ là một người dân bình thường trên đường 11th Ave., trong khu phố Eastlake của Oakland. Năm 2009, khi vào tiệm bán vật dụng xây dựng Ace, chợt khởi tâm từ bi và đã mua pho tượng Phật cao 2 feet (tương đương 61 centimét) bằng đá, và anh gắn tượng này vào một góc phố trong khu cư dân góc đường 11 và đường 19.

Anh hy vọng rằng tượng Phật để góc phố như thế sẽ làm bình an cho khu phố khét tiếng về tội hình sự này, nơi đủ thứ chuyện mua bán ma túy, sơn xịt, xả rác, bán dâm, cướp bóc, đánh nhau và trộm cắp.

Vậy mà tuyệt vời, theo bài báo SFGate và đài KPIX. Cư dân tới cúng nơi chân tượng Phật: hoa, thức ăn, đèn cây. Một nhóm phụ nữ Việt Nam mặc áo tràng bắt đầu tới trước pho tượng tụng kinh, cầu nguyện.

Khu phố thay đổi lạ kỳ. Dân chúng không xả rác vào góc phố này nữa. Bọn thanh niên ngưng màn sơn xịt các bức tường quanh đó. Các tay buôn ma túy cũng kiếm chỗ khác làm ăn. Các cô gái mãi dâm lảng lạng tìm nơi tụ tập xa hơn.

Phóng viên Chip Johnson hỏi cảnh sát về thống kê tội hình sự khu phố quanh pho tượng. Kể từ năm 2012, khi quý bà tới tụng kinh hàng ngày, tội hình sự giảm 82%. Các trường hợp cướp bóc giảm từ 14 vụ xuống còn 3 vụ, tấn công từ 5 vụ xuống thành số không, trộm từ 8 vụ còn 4 vụ, ma túy từ 3 vụ xuống số không, và bán dâm từ 3 vụ xuống cũng số không.

Người cảnh sát thống kê nói rằng không thể nói nguyên nhân vì sao, nhưng đó là các số thống kê.

Hồi năm 2009, khi người ta nghe chuyện Stevenson gắn pho tượng, bấy giờ nhiều thứ cúng dường tới đặt nơi cửa nhà anh. Nghe y hệt như trong cuốn phim của Clint Eastwood có tựa đề "Gran Torino".

Stevenson kể, "Người ta để cả tấn trái cây, và thức ăn đặc sản Việt Nam, và kẹo nữa, nhưng chỉ có tôi và vợ tôi tên là Lu đây, và chúng tôi không ăn hết nổi, nhưng chuyện cảm động là vậy".

Anh nói với nhà báo, "Tôi đã cố gắng giải thích về lý do đặt tượng Phật ở góc phố. Tôi không có gì xúc phạm hết, nhưng tôi không tin những gì quý vị tin".

Vậy mà anh chàng vô thần Stevenson đã biến đổi cả khu phố.

Bây giờ, cứ mỗi buổi sáng, lúc 7 giờ sáng, các Phật Tử rung chuông, gõ mõ, tụng kinh buổi sáng. Pho tượng nguyên thủy bấy giờ được đặt trong một cái am nhỏ xây lên, trong đó có kiến trúc ngôi chùa gỗ tí hon, cao 10 feet (tương đương 3 mét), và trong am này có thêm một số tượng nhỏ nữa, và vật phẩm thờ cúng.

Alicia Tatum, 27 tuổi, nói với phóng viên, "Chỗ này hồi đó bị người ta tới xả rác. Nhưng bây giờ chung quanh là hoa cúng Phật, và cứ mỗi sáng quý bà ra góc phố này tụng kinh".

Và những ngày cuối tuần, tín đồ tới khoảng hơn một tá người: dân da đen, dân da trắng, đủ sắc dân... theo lời Andy Blackwood, một cư dân gần đó. Mới hai tuần trước, một nhóm du khách Đức quốc tới thăm ngôi đền thờ tí hon này.

Blackwood nói, "Mấy tay buôn ma túy biến đi hẳn rồi, các cô gái giang hồ cũng không thấy tới nữa".

Ngôi đền tí hon thờ Phật này hai lần đứng vững trước nỗ lực muốn gỡ bỏ: 1 lần là từ dân hình sự, lần thứ nhì là từ chính quyền. Cả 2 lần đều không đấy được tượng Phật này đi.

Hồi mới gắn tượng Phật ra góc phố, một tên trộm tìm cách cạy tượng này ra, nhưng Stevenson trước đó đã hàn cứng khung bằng các thanh sắt và để dán bằng keo tổng hợp trị giá 35 đôla. Thế nên, tượng Phật không hề nhúc nhích.

Rồi vào năm 2012, sau khi một cư dân than phiền, thành phố cho nhân viên xuống gỡ pho tượng, nhưng dân chúng túa ra bảo vệ ngôi chùa tí hon, và các viên chức thành phố quyết định là sẽ "nghiên cứu" thêm chuyện này. Hai năm sau, chuyện vẫn không được chính quyền nhắc tới nữa, và tượng Phật vẫn an vị nơi đó.

Khi phóng viên Chip Johnson tới thăm ngôi chùa nhỏ này, lúc đó có 4 phụ nữ nơi đó, họ không nói hay không hiểu được tiếng Anh, nhưng có vẻ như họ tin rằng Johnson là mới chuyển sang theo Đạo Phật.

Phóng viên báo SFGate kể rằng khi anh bắt đầu nói, một phụ nữ trong nhóm đó lễ phép lấy cây bút của anh từ một tay, lấy cuốn sổ từ tay kia, và hướng dẫn anh cách chấp tay trước ngực, cúi đầu vái pho tượng và lặp

lại lời niệm Phật theo phụ nữ này. Anh Johnson cũng làm theo y hệt vậy.



Đám đông nhìn thấy anh chắp tay, niệm Phật như thế... đã "oh... rồi ah"... Phụ nữ kia mới bảo anh Johnson ngồi xuống, xếp bằng trên một chiếc thảm đặt trên đường, và đặt một kệ gỗ với cuốn kinh trước mặt anh Johnson... Anh ngồi như thế và hạnh phúc thấy anh ngồi kiểu giống hệt như Đức Phật. Và anh nghĩ, có lẽ đó là lý do quý bà Phật tử chung quanh ưa thích thấy anh như thế.

Thế rồi, khi anh đưa ra một câu hỏi... và lần này, vị phụ nữ hướng dẫn tâm linh như dường hiểu, và nói mấy chữ tiếng Anh, "Next week." (Tuần sau nghe).

Anh Johnson nghĩ rằng anh đã tìm thấy đủ những gì anh tìm... và kết quả là bài phóng sự trên báo SFGate.com.

(Trần Khải)

*** Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Aurich Đức Quốc vào ngày 11 và 12 tháng 10 năm 2014**

Địa phương Aurich thuộc miền Bắc Đức. Nơi đây có Chi Hội Phật Tử và Gia Đình Phật Tử Minh Hải đã được thành lập gần 30 năm nay. Đây cũng là địa phương có đến 8 vị đã phát tâm xuất gia từ gần 30 năm nay. Người đầu tiên là Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn. Đúng là đất lành chim đậu vậy.



Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác đã cùng với Đại Đức Thích Hạnh Định, Trụ Trì chùa Phật Linh cùng với Đại Đức Thích Hạnh Bốn Trụ Trì chùa Viên Giác đã về đây chứng minh cũng như giảng

pháp và tham gia Phật sự trong hai ngày này gồm có Lễ Thọ Bát Quan Trai (38 giới tử), lễ Phóng Sanh (do Chi Hội và GDPT Minh Hải) đề xướng.



Đặc biệt tại địa phương này đã có được một Đạo Tràng để tu tập do sự phát tâm của Phật tử Thiên Tùng Thái Văn Lâm chịu trách nhiệm và nhân ngày lễ Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát (19.9 nhằm ngày 12.10) qua sự thỉnh cầu của gia chủ, Hòa Thượng Phương Trượng đã tán dương công đức cũng như đặt tên cho nơi này là: „Đạo Tràng Liên Hoa" để Phật Tử có nơi tu tập, lễ bái nguyện cầu. Đây là một phước duyên lớn của địa phương Aurich và Gia Đình Phật Tử Minh Hải vậy.

Đồng thời một lễ An Vị Phật cũng như các Thánh Tượng đã được Hòa Thượng Phương Trượng chú nguyện, gia trì. Hy vọng địa phương này sẽ có thêm nhiều khởi sắc trong việc hành trì giáo lý Phật Đà trong thời gian đến.

(Thị Giả lược ghi)

*** Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Reutlingen-Đức Quốc từ ngày 18 đến 19 tháng 10 năm 2014**

Mỗi năm một lần như thế, Chi Hội Phật Tử Việt Nam tụ nạn tại Reutlingen và vùng phụ cận tổ chức lễ Thọ Bát Quan Trai dưới sự chứng minh của Hòa Thượng và chư tôn đức Tăng Ni. Năm nay ngoài Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác ra còn có quý Đại Đức Thích Hạnh Hòa, Đại Đức Thích Hạnh Định, Đại Đức Thích Hạnh Bốn và Ni Trưởng Thích Nữ Như Viên, Trụ Trì Niệm Phật Đường Tam Bảo cũng đã hiện diện. Về phía giới tử có 51 vị ghi danh chính thức và ở lại qua đêm, giữ gìn giới Bát Quan Trai suốt trong 24 tiếng đồng hồ. Khách vắng lai suốt trong hai ngày này độ 80 Phật Tử nữa. Đây cũng là con số đáng khích lệ, vì hai ngày ấy xe lửa của Đức đình công đòi tăng lương, nên đa phần những người nào có xe hơi mới đến được.

Sau khi truyền giới, Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển đã nói qua về những chuyến đi Phật sự trong thời gian qua và chiều hôm đó, sau giờ kinh hành quá đường, Hòa Thượng đã giảng về "những lời dạy trí tuệ của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14". Từ 16 đến 18 giờ chiều ngày thứ bảy, Đại Đức Thích Hạnh Định, Đại Đức Thích Hạnh Bốn và Ni Trưởng TN. Như Viên đã hướng dẫn quý Phật tử sám hối, phát nguyện, niệm Phật và lễ bái kinh hành. Sau khi dùng được thực, Đại Đức Thích Hạnh Định đã đăng đàn thuyết pháp.

Ngày hôm sau, sau phần tọa thiền, trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm Kinh là lễ Quy Y Tam Bảo. Sau khi dùng điểm tâm Đại Đức Thích Hạnh Hòa đã thăng tòa thuyết pháp trong khi đó Đại Đức Thích Hạnh Bốn hướng

dẫn các em Thanh Thiếu niên Phật Pháp bằng tiếng Việt và tiếng Đức. Đến 11 giờ trưa có lễ Phật định kỳ và lễ cầu an cũng như cầu siêu cho quý Phật tử. Hôm ấy có một đạo hữu 83 tuổi vừa mới qua đời; nên Hòa Thượng đã giảng về thân trung ấm và việc đi đầu thai của một chúng sanh sau khi lâm chung. Tiếp đến là lễ tiến bặt hương linh và ngọc trai cũng như cúng dường hiện tiền chư Tăng Ni. Phật tử Đồng Bi Thái Hùng, Chi Hội Trưởng, Đại Diện cho Chi Hội đã cảm tạ chư Tôn Đức Tăng Ni và quý đồng hương Phật tử đã về tham dự lễ cũng như hỗ trợ tịnh tài, tịnh vật cho hai ngày Thọ Bát này. Được biết tất cả tiền ủng hộ của quý Phật tử, đều được Chi Hội đại diện dâng tất cả lên cúng dường cho chư Tăng Ni hiện diện. Mọi người hoan hỷ, vì lần này mọi khâu tổ chức đều được thành tựu tốt đẹp.

Tưởng cũng nên nhắc thêm về địa phương này, vì có những sự kiện đặc biệt như sau: Đó là đã có 5 vị xuất gia đầu Phật ở tuổi trung niên và địa phương này cũng có nhiều nhà báo xuất thân như: cố đạo hữu Vũ Ngọc Long, Bác Sĩ Phan Ngọc Minh, nhà thơ Đan Hà, nhà văn Vũ Nam v.v... đúng là đất lành nên chim đậu và hy vọng nay mai tại đây sẽ sớm có một ngôi chùa khang trang để cho Phật tử có nơi lễ bái, nguyện cầu. *(Thị Giả lược ghi)*

*** Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Chi Hội PTVN Wilhelmshaven và Vùng Phụ Cận**



Như lệ hằng năm Chi Hội Phật Tử Wilhelmshaven và vùng phụ cận tổ chức Lễ Thọ Bát Quan Trai vào ngày 01 và 02 tháng 11 năm 2014. Năm nay có Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trưởng chùa Viên Giác chứng minh và giảng pháp; có Đại Đức Thích Hạnh Giới Trụ Trì, Đại Đức Thích Hạnh Định, tham dự giảng pháp, và Đại Đức Thích Hạnh Bốn, Phó Trụ Trì chùa Viên Giác, hướng dẫn các em Thanh Thiếu Niên, học chuông mõ, cách thức tụng kinh niệm Phật, ngồi Thiền, v.v... Lễ Thọ Bát Quan Trai có 27 vị Phật tử phát tâm tu Bát Quan Trai, trong 2 ngày một đêm học hạnh xuất gia, ngoài ra có 4 vị phát tâm thọ Quy Y Tam Bảo. Có rất nhiều bà con tại địa phương và vùng phụ cận đến tham dự nghe Hòa Thượng Phương Trưởng cùng Quý Đại Đức Thích Hạnh Định, Đại Đức Thích Hạnh Giới giảng pháp. Đến 9 giờ ngày 02.11.2015 xả giới, sau đó Chi Hội có thảo luận dự kiến bầu lại Ban Chấp Hành mới thời gian sắp đến có Hòa Thượng Phương Trưởng chứng minh. Đến 13 giờ 00 ngày 02.11.2014 Lễ Bát Quan Trai được hoàn mãn, ai ai cũng đều an lạc.

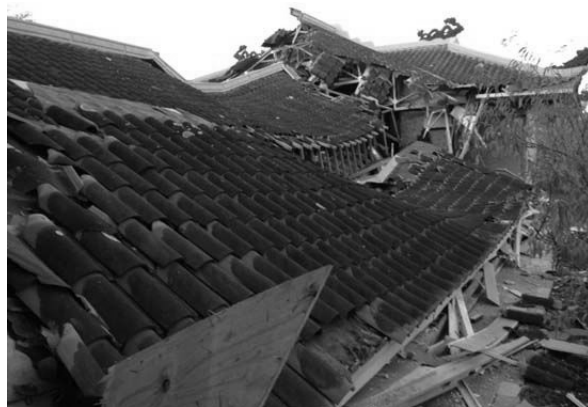
Nguyễn Trí (Nguyễn Văn Tâm)

*** Thông Bạch của Trung Tâm Phật Giáo - Chùa Việt Nam:**

Trung Tâm Phật Giáo - Chùa Việt Nam, Houston, Texas, kính xin thông bạch đến Chư Tôn Đức Tăng Ni và toàn thể Phật tử được rõ:

Vào lúc 1 giờ 45 sáng ngày 30 Tháng 10 Năm 2014, một phần của Ngôi Chánh Điện đã bị sụp đổ.

Đây là một tin buồn, làm bàng hoàng cho những người từng có liên hệ và gắn bó với ngôi Chùa thân yêu này.



Nhưng trong tai họa vẫn còn có phước lành: Tất cả các Tôn Tượng Chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, kho tàng Pháp Bảo và bàn thờ Chư Hương Linh vẫn còn nguyên vẹn; và may mắn, không có một thiệt hại nào về nhân mạng.

Hiện nay, một Chánh Điện tạm thời đang được thiết lập tại Pháp Sư Đường (Dharma Hall) và các sinh hoạt tín ngưỡng, các Lễ cầu nguyện, các Đạo Tràn tu học và hoạt động giáo dục cho tuổi trẻ vẫn tiếp tục như thường lệ.

Chùa kính xin thông bạch để Chư Tôn Đức, thân hữu Phật tử và đồng hương an lòng; đồng thời, toàn thể Chư Tăng thường trú và ban Hộ Trì Tam Bảo xin bày tỏ niềm cảm kích sâu xa trước những quan tâm và thăm hỏi ân cần của tất cả quý vị gần xa.

(Trung Tâm Phật Giáo Chùa Việt Nam - 30.10.2014)

(xem tiếp trang 164)

THÔNG BÁO

Lịch ẤT MÙI năm 2015

Trân trọng thông báo đến quý đạo hữu & Phật tử, giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Ất Mùi (2015) như sau:

	Lịch Tử Vi	Treo tường
- tại Chùa Viên Giác	17 €	11 €
- gởi trong nước Đức	19 €	16 €
- gởi ngoài nước Đức	24 €	18 €

(Ghi chú: Chỉ nhận tiền mặt. Không nhận Check, không nhận chuyển Konto và không gửi Nachnahme).

In sinh hoạt cộng đồng

• Đại Nguyên phụ trách



Liên Hội Người Việt Canada
Vietnamese Canadian Federation
Fédération vietnamienne du Canada

2476 Hespacia Ave. Ottawa,
ON K2J 5Y6 Canada
lhrvc1980vrc@gmail.com
Tel./TĐT.: 781.708.0876
Fax/Télécopieur: 781.425-0799

CÔNG BỐ CỦA PHIÊN HỌP MỞ RỘNG TẠI CALGARY NGÀY 1.11.2014 VỀ VIỆC THỰC HIỆN DỰ ÁN VIỆN BẢO TÀNG THUYỀN NHÂN



Một phiên họp mở rộng cho mọi người với mục đích thông tin, thảo luận và đề nghị những giải pháp thực hiện Dự án Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân đã được tổ chức tại trụ sở Hội Người Việt Calgary từ 8 giờ 30 sáng tới 5 giờ 30 chiều ngày 1.11.2014.

Phiên họp với sự tham dự của gần 100 người đã đóng góp công sức của cho Dự án Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân đến từ Halifax, Montreal, Sherbrooke, Toronto, Ottawa, Edmonton, Vancouver và Calgary, sau khi đã thảo luận sôi nổi trong tinh thần tương kính và với thiện chí đóng góp vào việc giải quyết những khó khăn hiện tại, đồng thanh công bố:

1/ Kêu gọi những người có ý kiến khác nhau về việc thực hiện Dự án Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân đặt quyền lợi của Cộng đồng Người Việt tại Canada lên trên hết, bỏ qua những bất đồng cá nhân và phe nhóm để cùng nắm tay đẩy mạnh việc xây dựng Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân, đặc biệt tham gia chương trình tưởng niệm 40 năm Cộng sản chiếm miền Nam sẽ được Liên Hội Người Việt Canada tổ chức vào ngày 30.4.2015,

2/ Mong mọi những người có trách nhiệm trong Dự án Viện Bảo Tàng Thuyền Nhân làm sáng tỏ tình trạng tài chính, minh bạch hóa việc chi tiêu với giấy tờ hợp lệ. Tự hậu, tổ chức lại việc quản lý nhân sự và tài chính một cách trong sáng, hợp pháp và hợp lý,

3/ Yêu cầu các thành viên của Hội Đồng Quản Trị Liên Hội Người Việt Canada tìm mọi cách thực hiện đoàn kết giữa các hội thành viên và ấn định những biện pháp

điều hành và kiểm soát việc thực hiện các công trình và dự án công tác của Liên Hội,

4/ Đòi hỏi những người đứng ra nhận trách nhiệm trong cộng đồng phải giữ sự chính trực, không thiên vị, không thiên kiến, tôn trọng luật lệ, nhưng vẫn không quên đối xử với anh chị em bằng tình cảm của những người đồng hương,

5/ Ước mong Cộng đồng Người Việt tại Canada sẽ mãi mãi là một cộng đồng đoàn kết hữu ái có khả năng tranh thủ hữu hiệu cho quyền lợi của người Việt tại Canada và góp phần tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền của đồng bào ở quê nhà.
Calgary ngày 1 tháng 11 năm 2014.

* **Tiến sĩ Rupert Neudeck nhận Giải Thưởng Công Dân của báo chí Đức**

Hiệp hội Liên bang xuất bản báo Đức (BDZV) công bố lần thứ năm giải thưởng cho công dân xuất sắc. Được vinh danh "Công Dân của Đức/Công Dân Xuất Sắc của năm" là những người ngoài nghề thực tế của họ làm việc, nhưng vẫn còn đóng góp nổi bật cho xã hội. Quốc tịch Đức rõ ràng không là điều kiện tiên quyết cần thiết. Đề nghị cho giải thưởng có giá trị 20.000 Euro "Giải thưởng Công dân của báo chí Đức" chỉ có thể được nộp bởi các tờ báo.

Berlin (DPA) - Sáng lập viên Cap Anamur, tiến sĩ Rupert Neudeck (75 tuổi) sẽ được vinh danh với giải thưởng công dân của báo chí Đức. Ban giám khảo gồm các trưởng ban biên tập "phong tặc" sự làm việc, phục vụ không mệt mỏi của tiến sĩ Neudeck đối với những người lâm vào hoàn cảnh khốn khổ, theo như Hiệp hội xuất bản báo chí Liên bang Đức công bố vào ngày thứ hai 30.9.2014 trong Đại hội báo chí tại Berlin. Tiến sĩ Neudeck đã sáng lập Tổ chức cứu trợ Cap Anamur cách đây 35 năm. Tổ chức này đã cứu sống người Việt tỵ nạn từ biển khơi, những "thuyền nhân". Tiến sĩ Neudeck cũng sáng lập Tổ chức từ thiện Mũi Xanh. Lễ trao giải dự định sẽ được tổ chức vào ngày 26.02.2015 tại Berlin.

BDZV lần đầu tiên đã trao giải thưởng cho công dân xuất sắc vào năm 2010. Được tuyên dương "công dân của Đức/Công dân của năm" là những người đã đóng góp, làm việc nổi bật cho xã hội ngoài nghề nghiệp thực tế của họ !.

Đề nghị cho giải thưởng "Công Dân của báo chí Đức" chỉ có thể được đệ trình bởi các tờ báo. Ban giám khảo gồm tất cả những trưởng ban biên tập (Chefredakteuren) của các thành viên nhà xuất bản của BDZV. Sự khen thưởng tiến sĩ Rupert Neudeck được phát xuất từ đề nghị của "Kölner Stadt-Anzeiger".

Cho đến nay là "công dân xuất sắc của năm":

- Năm 2010 ông Thomas Beckmann (đề cử của "Rheinische Post", Duesseldorf).
- Năm 2011, cặp vợ chồng Birgit và Horst Lohmeyer (đề cử của "Ostsee-Zeitung", Rostock)
- Nora Weisbrod (đề cử của "Allgemeine Zeitung", Mainz và "Wiesbaden Kurier ")
- cũng như Gaby Wentland (đề cử của "Hamburger Evening Journal")

- Để biết thêm thông tin về giải thưởng và tất cả các ứng cử viên có thể vào xem tại: www.buergerpreis-the-Zeitungen.de.

Nguồn và liên hệ:

Hiệp hội Liên bang của các nhà xuất bản báo Đức (BDZV),

Internet: <http://www.bdzv.de>

* Phản ứng quốc tế về việc blogger Điếu Cày ra tù và đi Mỹ ngay

VRNs (23.10.2014) – Sài Gòn – Tổ chức Ân xá quốc tế (Amnesty International), ngày hôm qua, 22.10 đã ra Thông cáo báo chí kêu gọi Việt Nam trả tự do cho tất cả các nhà hoạt động ôn hòa như đã thả blogger Điếu Cày Nguyễn Văn Hải.

Bản thông cáo cho biết, ông Nguyễn Văn Hải bị kết án 12 năm, và đã thụ án 4 năm. Ngay khi được thả, ông đã được đưa lên máy bay để đi qua Mỹ. Tổ chức Amnesty International (AI) cho biết, ông Hải đã bị kết vào một điều luật mơ hồ là điều 88, Bộ luật hình sự với tội danh là tuyên truyền chống nhà nước.

Rupert Abbott, giám đốc nghiên cứu của AI cho biết: *"Chúng tôi vui mừng cho blogger Điếu Cày, đây là một nhà hoạt động cho nhân quyền tại Việt Nam đã được trả tự do, nhưng đúng ra ông không thể bị cầm tù. Ông là một tù nhân lương tâm, và tội duy nhất của ông phạm là bày tỏ một cách ôn hòa ý kiến cho rằng chính quyền Việt Nam không giới hạn tiếng nói".*

Ủy ban bảo vệ ký giả (CPJ) viết cho các ân nhân của mình như sau: *"Blogger Điếu Cày đã được trả tự do! Chúng tôi hoan nghênh tin tức này và sẽ tiếp tục ủng hộ anh ấy cùng gia đình của anh ấy để sớm phục hồi sức khỏe và khởi động lại cuộc sống của một người tự do. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy còn ít nhất 17 nhà báo khác, hầu hết là những người viết trên mạng, vẫn đang bị giam giữ trong các nhà tù tại Việt Nam".*

Tại sân bay Los Angeles, blogger Điếu Cày, trước rất đông những người Việt và Mỹ đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam, đã nói: *"Tôi xin trả lời với quý vị ở đây. Đây là thắng lợi của những giá trị dân chủ. Đây là kết quả nỗ lực không ngừng nghỉ suốt bao nhiêu năm qua của anh em chúng ta và của bạn bè, của các chính phủ trên thế giới, để chúng tôi có được ngày tự do này. Đây cũng là thông điệp hiệu quả nhất gửi đến các anh em tù nhân còn nằm trong nhà tù cộng sản".*

* Những ngôi mộ lính VNCH bị bỏ quên

Nhân dịp tham quan Cổ Thành Quảng Trị, tôi ghé quán cơm ven QL1, cạnh nương thủy lợi, tôi có gặp đôi vợ chồng cán bộ về hưu tốt bụng có một ước nguyện hợp đạo lý của người Việt Nam là quy tập hài cốt về với gia đình, dòng họ.

Bà tuy tuổi đã cao, lại đi chân giả, mà bà vẫn nhiệt tình chỉ cho tôi từng ngôi mộ hoang của Sĩ Quan, binh lính chế độ VNCH. Vạch những đám cỏ dại, những bụi gai, bới những nắm đất (vì lâu năm những ngôi mộ bị đất bồi lấp gần hết) để thấy được bia mộ của những người đã nằm xuống. Là ở một Nghĩa Trang, những ngôi mộ này có tên, có tuổi, có số quân, nhưng không hiểu sao qua gần nửa thế kỷ mà không ai đón về, không ai hương khói, để những ngôi mộ phủ đầy gai, cỏ như rừng rậm vậy. Theo Ông Bà già tôi ghi được 36 ngôi mộ, ngôi thì sụp, ngôi thì bị bồi lấp gần hết, ngôi thì bia bị đổ bể lần lốc hoặc mờ tịt không còn thấy chữ vì thời gian làm mờ đi hoặc bị đạn bắn, còn tất cả giống nhau ở chỗ cỏ và gai bao phủ kín mít.

Dưới đây là những ngôi mộ tôi ghi được (còn bao nhiêu mộ bị san bằng thì...):

1- Phan Gia Thịnh, 18-05..... Kỷ Sửu- Cha: Phạm Khánh Hưng

2- Môi Kim Trọng (60/ 207 956), Sinh 07-03-1940, Phước Hòa - Tiên Phước - Quảng Tín; TT 05-07-1967, Cha: Môi Ha, Mẹ: Trần Thị Tú, Vợ: Lưu Thị Nhẫn, Con: Môi Kim Tân

3- Lê Đình Chử 1934- 1967 (Sinh Mùi- chết Mùi), Kim.... Xuân - Cam Lộ Quảng Trị, Vợ: Nguyễn Thị Phương

4- Ngô Văn Minh: 28-12 năm Kỷ Mão, Đản Duệ - Vĩnh Linh - Quảng Trị; 28-11- Ất Ty, Mẹ: Nguyễn Thị Nghĩa

5- BDQ Phạm Văn Long, 1939 Long Thanh- Chơn Thành Long An; TT 1-1-1962

6- Lê Công Tuyên, 1951, Thạch Đàn - Lê Thủy - Quảng Bình; 5-2 Mậu Thân

7- Nguyễn Trang, 1968; TT 5-5-1968; Nguyễn Quán Thôn Thanh Suôi

8- Dương C. Sữ, 19-02-1944 Thương Văn- Hương Hóa- Quảng Trị; Tử: 02-05- 1969; Vợ: Võ Thị Huế, Con: Dương Công Tuấn

9- Lê Văn Nỗ, 29-03-1948 An Nhơn - Gò Vấp - Gia Định Cha: Lê Văn Tam, Mẹ: Nguyễn Thị Cúc, 5-8-1968 Quảng Trị

10- Họa Sĩ Phan (Phạm) Sơn, Số Quân:70/, Sinh ngày:.... Tử trận: 27-07-1969 (12-6 Kỷ Dậu), Tại HT Fre Base Davis

11- Đinh Văn Hào; Tử trận: 30-09-1969

12- Nguyễn Pho (Phô), SQ: 57/216504, Tử trận: 01-02-1968 Nguyễn quán: Đại Lộc Quảng Nam, Tiểu Đoàn 2/1 Đại Đội 1/2

13- B1 Cao Văn Thời Sinh: 1944 Phú Nhuận - Sài Gòn Con ông: Cao Văn Vinh, Bà: Phạm Thị Mười, TT: 01-02-1968 tại Quảng Trị, Tiểu Đoàn 2/1

14- Nguyễn Văn Vào, BSQD – SQ 64/103267 Tại: Mỹ T.....

15- Phạm Văn Hải, 65/175503, Sinh 1945 Long An, Cha: Phạm Quế, Mẹ: Nguyễn Thị Ngọt, TT: 28-02-1968 Quảng Trị

16- Thiếu Úy Lê Khắc Minh, 66/139428, 23-9-1946 tại Thanh Cẩm- Hương Yên, Tiểu Đoàn: 2/2; TT 12-02-1968

17- Hạ Sĩ Hồ Văn Quân; 64/208306, Sinh tại: Phú An-Mộ Đức- Quảng Ngãi; TT: 04-02-1968, Tiểu Đoàn 2/2 PL

18- Hạ Sĩ QD Nguyễn Văn Bông, 56/804583, Bình Phước - Biên Hòa; TT: 10-02-1968, Tiểu Đoàn 2/2 PL

19- Hạ Sĩ QD Lê Văn Thành, 57/000304, Cai Lậy - Định Tường; TT 04/02/1968, TĐ 2/2 L

20- Hạ Sĩ QD Lương H. Cường, Tiểu Đoàn: 2/1; TT: 01-02-1968

21- Phạm Văn Đù; BSQD – SQ: 68/8...1101, Sinh: 15-08-1947 (Công Giáo), TT 04-02-1968, Tiểu Đoàn:2/1 Đại Đội 3 Phong Lập

22- Nguyễn Văn Chiến; 01-01-1942 Cần Thơ, TT 1-2-1968, Mẹ: Nguyễn Thị Hải lập mộ

23- Nguyễn Văn Chiến, SQ: 62/100192, Nguyễn Quán: Đường Trần Quang Khải- Sài Gòn, Tiểu Đoàn: 2/1 đại đội 1/2

24- Thiếu Tá Võ Văn Thừa, Phật Giáo, Sinh: 4-12-1939 Tại: Kiến Hòa, Tử Trận 1-2-1968 (3-1- AL); anh Nguyễn Văn Tá lập mộ

25- BSQD Dương Căn, Sinh 1945, SQ: 65/208574, Nguyên quán Sơn Trà- Sơn Tịnh- Quảng Ngãi, TT 5-2-1968, Con Ông: Dương Cầu, Bà: Nguyễn Thị Đào, Tiểu Đoàn: 1/2

26- BSQD Trương Văn Dũng, SQ 66A/ 115830, Sinh:1946 Quán Thuận Hòa - Tỉnh Sóc Trăng, TT 5-2-1968, Cha: Trương Cam Thân, Mẹ: Nguyễn Thị Lan, Vợ: Trần Thị Đúp

27- BSQD Nguyễn Văn Thông, 65/000207, Mỹ- An-Hung Sa Đéc- Long An, TT 31-01-1968, Cha: Nguyễn Thu, Mẹ: Lương T. Hai, Vợ: Trần Thị Tuyết Nguyên

28- Nguyễn Văn Lý, Sinh: 1942, Thốt Nốt- An Giang-Nam Phần, TT: 27-1-1968, Vợ: Võ Thị Điền lập mộ

29- Dương Quang Phương, 25-10-1940, Tiên Phước – QN, TT 27-2-Đình Mùi, Vợ: Nguyễn Thị Chúng, Con: Dương Quang Phước

30- Hạ Sĩ Nguyễn Ngọc S..., Tiểu Đoàn 2 (Nhảy dù), TT 2-1-1968, KBC4, Con Bà:.... Thị Trê, Quận Điện Bàn- Quảng Nam, Phụng Lập

31- BSQDDo964 Ngọc But, 31-1-1968, Hòa An- CL- Khánh Hòa

32- 1970 Lập mộ Nguyễn Văn Đại, 3-1-1968, Vợ: Hồ Thị Tèo

33- Vô Danh, 64/248494, 24-2-19..., Hải Phòng, Cha: Nguyễn S Tin, Mẹ: Lý Thị Cần, TT 19-2-1968

34- Nguyễn..... ang, SQ:62/165276, Sinh 1942- Gò Công, TT: 19-2-1968, Cha: Nguyễn Văn Va, Mẹ: Phan Thị Sự

35- Trần Văn Lân, SQ: 64/201208, 1-4-1968, Chánh Quán Hòa Lộc- Hương Mỹ- Vĩnh Bình

36- Giang Bình Lai, 62/804467, NQ Bình Tha- Bình Dương, Tiểu Đoàn 2/1, Đại Đội: 1/2

Ghi chú: những chữ ghi thiếu (.....) là một số bia mộ bị mờ hoặc bị đạn bắn nên không thấy rõ chữ.

Từ hôm tôi rời Quảng Trị đến nay đã nửa tháng, hai Ông Bà Già có gọi điện hỏi thăm là tôi đã đăng tin này lên mạng chưa?!!!

Tôi có cảm tưởng rằng Ông Bà hiểu lắm nỗi lòng của những người lính đang nằm đó, dưới những lùm cỏ, trong bụi gai, không một nén hương mong mỏi lắm được trở về nhà, bên người thân, bạn bè và đồng đội...

Qua đây, tôi mong rằng những nhà hảo tâm, bạn bè, đồng đội cũ, hoặc may mắn hơn là gặp được chính người thân của những người lính kia đã nằm xuống đọc được tin này để sớm đưa những người đã một thời hy sinh và nằm xuống kia sớm có một nơi an nghỉ ấm cúng hơn.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Nguyễn Sơn Hải Tel: +841699814857 hay +841699814857 để được hướng dẫn
<http://macphuongdinh.wordpress.com/>

*** Dân Biểu Chris Hayes lên tiếng về trường hợp Tù nhân lương tâm Đặng Xuân Diệu**

Tin Úc Châu: Dân Biểu Chris Hayes vừa viết thư cho bà Ngoại Trưởng Julie Bishop yêu cầu chính phủ Úc tích cực quan tâm đến trường hợp Tù nhân lương tâm Đặng Xuân Diệu.

Ông Đặng Xuân Diệu bị kết án 13 năm tù và 5 năm quản chế trong vụ án 14 thanh niên Công giáo-Tin Lành ở Vinh, hiện đang phải chịu đối xử vô cùng khắc nghiệt trong nhà tù.

Ông Diệu đã nhiều lần tuyệt thực phản đối việc đối xử bất nhân của nhà tù.

Tình trạng sức khỏe của ông Diệu đáng quan ngại và gia đình ông thường bị cấm thăm nuôi.

Nguyễn Quang Duy

Melbourne, Úc Đại Lợi i-09.11.2014

*** Chính giới Thụy Sĩ tranh đấu cho Đặng Xuân Diệu**



Từ trái sang phải: Ông Michel Rossetti, bà Anne-Marie von Arx-Vernon, ông Rolin Wavre, ông Jean-Marc Comte

Sáng ngày 10.11.2014, một phái đoàn gồm dân biểu và chính giới Thụy Sĩ đã đến tòa lãnh sự Việt Nam tại Genève/Thụy Sĩ để trao cho bà lãnh sự Đỗ Hà Thảo một Thỉnh nguyện Thư gửi Thủ tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng về trường hợp tù nhân lương tâm (TNLT) Đặng Xuân Diệu bị cầm tù trong hoàn cảnh khắc nghiệt với tình trạng sức khỏe của anh đang gặp nguy cơ.

Phái đoàn được dẫn đầu bởi bà Anne-Marie von Arx-Vernon, Dân biểu Quốc Hội tiểu bang Genève; ông Michel Rossetti, cựu thành viên Hội đồng quản trị và cựu thị trưởng thành phố Genève; ông Jean-Marc Comte, thành viên Hội đồng quản trị và đương kim thị trưởng thành phố Grand-Saconnex, tiểu bang Genève; và ông Rolin Wavre, nghị viên thị xã Pregny-Chambesey, tiểu bang Genève.

Thỉnh nguyện Thư yêu cầu ông Nguyễn Tấn Dũng quan tâm đến điều kiện giam giữ khắc nghiệt của anh Đặng Xuân Diệu và yêu cầu ông can thiệp để anh được khám bệnh và được chữa trị như mọi tù nhân.

Theo bà Anne-Marie von Arx Vernon, trường hợp TNLT Đặng Xuân Diệu là một trường hợp nhân đạo nên bà xin ông Nguyễn Tấn Dũng cho phép phái đoàn Thụy Sĩ đến viếng thăm anh trong trại giam. Bà cũng yêu cầu trường hợp anh Đặng Xuân Diệu được duyệt xét lại dựa theo Hiệp ước quốc tế và các quyền dân sự và chính trị mà Việt Nam đã ký.

Bà Anne-Marie von Arx-Vernon cho biết là bà lãnh sự Đỗ Hà Thảo có hứa sẽ chuyển Thỉnh nguyện Thư đến ông Nguyễn Tấn Dũng. Ông Michel Rossetti chia sẻ là ông luôn sát cánh cùng người Việt đấu tranh cho một nền tự do dân chủ tại Việt Nam. Ông Jean-Marc Comte nói ông hân hạnh tham gia ký tên Thỉnh nguyện Thư và mong anh Đặng Xuân Diệu sớm được nhà cầm quyền

thả. Ông Rolin Wavre yêu cầu Việt Nam cần phải tôn trọng nhiều hơn các công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Trước đây vài năm, bà Anne-Marie von Arx Vernon cũng đã có 2 lần viết thư đến tòa lãnh sự Việt Nam để can thiệp cho trường hợp nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa (nhưng tòa lãnh sự không có hồi âm).

Được biết bà Anne-Marie von Arx Vernon và ông Rolin Wavre đã có lần đến Việt Nam thăm gia đình các nhà dân chủ bị cầm tù.

(Hải Đăng)

*** Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam công bố kết quả Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2014**

Little Saigon – Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2014, trong cuộc tiếp xúc với giới truyền thông Việt ngữ tại Thư Viện Việt Nam thuộc Quận Cam, California, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam (MLNQVN) đã công bố danh sách khôi nguyên Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2014, gồm Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, nhà hoạt động nhân quyền Nguyễn Bắc Truyển, và hai nhạc sĩ Võ Minh Trí (tức Việt Khang) và Trần Vũ Anh Bình. Những khôi nguyên Giải Nhân Quyền Việt Nam năm nay được bầu chọn từ 22 đơn đề cử từ Việt Nam và hải ngoại.

Giải Nhân Quyền Việt Nam (GNQVN) do MLNQVN thành lập vào năm 2002 và được tổ chức hàng năm nhằm tuyên dương thành tích tranh đấu bất bạo động của những người đã chấp nhận hy sinh, kể cả mạng sống của chính mình, cho lý tưởng nhân quyền và dân quyền của nhân dân Việt Nam. Ngoài ra, GNQVN còn nhằm bày tỏ sự liên đới, hậu thuẫn và quyết tâm của người Việt khắp nơi trong nỗ lực đấu tranh giành lại quyền làm người cho mọi người dân Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, MLNQVN đã tuyên dương và trao tặng GNQVN cho những nhà đấu tranh hàng đầu cho nhân quyền tại Việt Nam. Lễ trao GNQVN năm nay sẽ được long trọng tổ chức vào ngày 7 tháng 12 năm 2014, nhân dịp kỷ niệm Ngày Quốc Tế Nhân Quyền lần thứ 66 tại thành phố San Jose, TB California với sự hợp tác của nhiều đoàn thể người Việt địa phương.

Đặc biệt trong buổi họp báo hôm nay có sự tham dự của cựu tù nhân lương tâm Nguyễn Văn Hải (tức Điều Cày) vừa từ nhà tù cộng sản Việt Nam đến Hoa Kỳ. Ông Nguyễn Văn Hải là khôi nguyên Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2008 lúc ông đang còn bị giam trong nhà tù cộng sản. Nhân dịp này TS Nguyễn Bá Tùng, Trưởng Ban Phối Hợp Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam đã trao tận tay Ông Nguyễn Văn Hải bản tuyên dương mà người đại diện của ông nhận thay vào dịp trao giải năm 2008.

Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng tại Đức

*** Cộng đồng người Việt tại Đức biểu tình chống Nguyễn Tấn Dũng:**

- Tại Stuttgart 14.10.2014

Từ lúc 14 giờ 30 ngày 14.10.2014, cộng đồng người Việt tỵ nạn biểu tình trước cửa ngân hàng Baden-Württemberg phản đối phái đoàn doanh nhân Việt Nam do Thủ Tướng Việt cộng Nguyễn Tấn Dũng dẫn đầu trong khuôn khổ cuộc „Đối thoại kinh tế Việt Nam-

Baden-Württemberg,,. Đoàn biểu tình đã giương cao quốc kỳ, hát quốc ca Việt Nam Cộng Hòa, và hô to nhiều khẩu hiệu Việt và Đức ngữ „Đả đảo chế độ cộng sản tham nhũng“, „Tự do, nhân quyền cho Việt Nam“, „Thả ngay các tù nhân chính trị“...

Trong phái đoàn có Ô. Vũ Huy Hoàng, Bộ trưởng Công thương và Ô. Nguyễn Chí Dũng, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ô. Nguyễn Tấn Dũng đã rời phòng họp sau khoảng nửa giờ và cuộc thương thảo cũng chỉ kéo dài khoảng 2 tiếng đồng hồ.

Tiền Sĩ Dương Hồng Ân đại diện Diễn Đàn Việt Nam 21 nhấn mạnh trong bản tuyên bố báo chí cuộc biểu tình dưới tiêu đề „Nhân quyền phải đặt trước quyền lợi kinh tế“ nhằm mục đích: Nêu rõ hiện trạng kinh tế chính trị dưới chế độ độc tài, độc đảng ở CHXHCN Việt Nam: Kinh tế lệ thuộc Trung Cộng, nợ công chồng chất, tham ô, lãng phí tràn lan, bất công xã hội gia tăng, môi trường sống bị ô nhiễm trầm trọng. - Khuyến cáo giới doanh nhân Đức: Đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam chỉ làm giàu cho thiểu số lãnh đạo và gián tiếp góp phần củng cố chế độ độc tài, tham nhũng cũng như đi ngược lại luân lý kinh doanh, bất chấp chính sách phản dân chủ, chà đạp nhân quyền và đàn áp những người khác chính kiến.

Mặc dù là ngày phải đi làm khó xin nghỉ, nhưng cũng có khoảng 70 đồng hương tại vùng Stuttgart cũng như một số nơi khác như Frankfurt, Mainz, Munich, Odenwald...

(Tin tóm lược diễn đàn 21)

- Tại Berlin ngày 15.10.2014

Nguyễn Tấn Dũng và phái đoàn cũng không thoát khỏi sự đón đầu phản đối của đồng bào Việt Nam TN tại Berlin và vùng Bắc Đức. Dù là ngày thường trong tuần, nhưng bà con người Việt tỵ nạn tại các nơi xa như Krefeld, Hamburg,... cũng đã xin nghỉ làm để về tham dự:

- Từ 11 giờ 30 đến 12 giờ 30, tại trước phủ Thủ Tướng (Bundeskanzleramt);
- Từ 14 giờ đến 15 giờ 30, trước phủ Tổng Thống;
- Từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 30 trước Hotel Adlon, nằm bên phía đông sát cạnh cổng thành Brandenburg, nơi đông đảo du khách qua lại.

Tại 2 địa điểm đầu, phái đoàn CSVN đã phải đối mặt với đoàn người biểu tình khi đoàn xe của họ bắt buộc phải qua lộ trình để vào Phủ Thủ Tướng và Phủ Tổng Thống. Những Khẩu hiệu hô vang như đả đảo CSVN, đả đảo NT Dũng, Tự do cho VN, Nhân quyền cho Việt Nam,... Những biểu ngữ như: CSVN hèn với giặc, ác với dân, trả tự do ngay lập tức cho tất cả tù nhân chính trị VN, không buôn bán với chế độ độc tài, Chấm dứt những hành động khủng bố giới bất đồng chính kiến tại VN, Không xử dụng bạo lực để chống lại người dân, chắc chắn phái đoàn CSVN phải nghe và thấy.

Trước Hotel Adlon, nơi Nguyễn Tấn Dũng có buổi nói chuyện riêng tư với một số người Đức do Friedrich – Erbert – Stiftung e.V. kết hợp với đại sứ quán VC tại Berlin tổ chức lúc 17 giờ, bà con người Việt tỵ nạn cũng đã tụ tập tại đây để tiếp tục đón đầu phái đoàn NTD, dù rằng có nhiều bà con đã thối mặt sau 2 cuộc biểu tình trước.

Tại đây, BTC đã phân phát truyền đơn cho người qua lại và nói lên mục đích của cuộc biểu tình. Phái đoàn NT

Dững vì ngại gặp đoàn biểu tình phản đối nên đã đến bằng cửa hậu của Hotel.

Có người hỏi: Sao ông Thủ Tướng Việt Nam đi tới đây là bị người Việt Nam biểu tình phản đối tới vậy? Sau khi nghe ông Trần Văn Các, BTC giải thích thêm chi tiết, người này đã phải thốt lên: Đáng xấu hổ!

17g30, trước khi chấm dứt 3 cuộc biểu tình trong ngày, Bác sĩ Mỹ Lâm, Chủ tịch Liên Hội NVTN tại CHLB Đức, đại diện BTC đã ngỏ lời cảm ơn bà con đã tham dự cuộc biểu tình.

(Tóm lược từ Người Berlin đưa tin)

* Buổi Cà phê International:

Cộng Đồng Người Việt Tự Do München Bayern đã phối hợp với cơ quan thiện nguyện Caritas München Nord cùng tổ chức buổi Café International vào chiều thứ sáu ngày 26.09.2014 với chủ đề „Tuy xa mà gần, gần hơn sự suy đoán“ (Weit weg ist näher, als Du denkst) để gặp gỡ những nhóm người đa quốc gia sinh sống tại München.

Người lớn thì để cùng làm quen, hàn huyên với nhau qua tách trà, ly cà phê, miếng bánh đậm tình quê hương xa xứ trong lòng người tha hương. Trẻ em thì vui đùa với nhau qua những trò chơi, ca hát, nhảy múa hoặc làm thủ công, vẽ tranh dưới sự hướng dẫn của các tình nguyện viên của Caritas.

Tuy nhằm ngày làm việc trong tuần, nhưng nhiều đồng hương người Việt đã hưởng ứng đến tham dự khá đông đảo. Các món ăn gồm chả giò chay và mặn, bánh trái quê hương, ly cà phê pha phin đậm đà tình người do các anh chị em Cộng Đồng và thân hữu phục vụ và những câu chuyện hàn huyên vui buồn cuộc sống cũng đủ sưởi ấm lòng người trong không gian một buổi chiều đầu thu gây gây lạnh.

* Tết Trung Thu

Chiều chủ nhật ngày 28.09.2014, theo thông lệ hàng năm, Cộng Đồng Người Việt Tự Do München tổ chức Tết Trung Thu cho các em thiếu nhi và phụ huynh người Việt có dịp gặp nhau vui chơi và hàn huyên.



Vì lý do thời gian tổ chức eo hẹp, việc dời buổi tổ chức sang chiều ngày chủ nhật đã khiến cho nhiều vị phụ huynh ở xa không thể đưa con cháu đến chơi thoải mái được, nên khách tham dự, người lớn cũng như trẻ em, không được đông đảo như những lần Trung Thu trước đây. Một số gia đình, sau khi nhận quà và lồng đèn cho các em cũng đã không tham dự tiết mục rước đèn

được vì phải vội vã trở về nhà cho các em đi ngủ trước khi trời sụp tối.

Buổi rước đèn trung thu tuy thể vẫn không kém phần náo nhiệt vui tươi với màn lân địa nhảy múa vờn nhau qua tiếng trống.

Đặc biệt năm nay có anh Giác thân hữu đến từ Hamburg làm ông địa thật đặc sắc và sống động khiến các em cười thối không dứt. Ngoài phần vui chơi cũng vẫn có tiết mục thi cho các em về bộ môn vẽ, viết luận văn và trang phục cổ truyền. Các chị em trong Cộng Đồng và thân hữu cũng thật chu đáo lo đầy đủ các món ăn thơm ngon. Đoàn lân và trẻ em rồng rắn rước đèn đến hơn 20 giờ thì tan cuộc cũng đã chấm dứt Tết Trung Thu thật đầm ấm tình người.

* Hội luận về hiện tình đất nước và lễ ra mắt Hội Người Việt Miền Trung TNCS Âu Châu:



Thứ bảy 18.10.2014 vừa qua Cộng Đồng Người Việt Tự Nạn Cộng Sản tại Odenwald và vùng phụ cận đã tổ chức một buổi hội luận chủ đề "Hiện Tình Đất Nước" với sự tham gia hơn 100 người Việt cùng một số đại diện các hội đoàn đến từ khắp mọi miền nước Đức.

Đặc biệt có sự hiện diện và thuyết diễn của Luật sư Lê Trọng Quát đến từ Paris, đồng thời ban tổ chức đã nổi mạng để quý đồng hương tham dự trực tiếp hội luận cùng 3 nhân vật đấu tranh tại quê nhà như: Nguyễn Phương Uyên, Luật sư Nguyễn Văn Đài và kỹ sư Nguyễn Trung Linh.

Trước khi vào phần thứ hai của chương trình, Hội Ái Hữu Người Việt Miền Trung Tự Nạn Cộng Sản Âu Châu - được thành lập từ 15.6.2014 tại Ravensburg- đã có buổi ra mắt với thành phần ban chấp hành như sau:

- Hội trưởng: Anh Nguyễn Minh Chính (Pháp Quốc).
- Phó hội trưởng: Anh Lê Trung Ứng (Đức Quốc).
- Thư ký: Anh Lê Huế (Đức Quốc).
- Thủ quỹ: Chị Trần Kim Ngọc (Vương Quốc Bỉ).

Sinh hoạt văn nghệ với các nhạc phẩm: Thề không phản bội Quê Hương, một cánh tay đưa lên, hàng ngàn cánh tay đưa lên... những cánh tay mạnh mẽ và cương quyết của nhiều lứa tuổi, những cánh tay của Hội Cao Niên, những cánh tay của Hội Văn Hóa Phụ Nữ Frankfurt, những cánh tay rắn chắc của Cộng Đồng Người Việt TNCS tại Odenwald, những cánh tay đã siết chặt nhau trên tinh thần vì một Việt Nam Tự Do - Dân Chủ - Nhân Bản đã mở đầu chương trình văn nghệ hưởng về Quê Hương.

Hoạt cảnh „Lấn chiếm biển đông“ (do hai đạo diễn đến từ Frankfurt: Chị Kim Yến và Kim Oanh) đã làm cho chương trình thêm phong phú và được sự tán thưởng nồng nhiệt...

Buổi tổ chức kết thúc trong sự chia tay lưu luyến của những trái tim lưu vong, không nơi nào đẹp và ấm cúng hơn Quê Hương mình.

*** Lễ Tưởng Niệm và Cầu Nguyện cho Đồng Hương Việt Nam đã bỏ mình trên đường tìm Tự Do**

Hamburg, 18.10.2014 - Để tưởng nhớ đến những chặng đường vượt biên gian khổ đầy chông gai, uất ức và nước mắt của cộng đồng Người Việt TNCS và nhất là tưởng niệm các đồng hương kém may mắn đã bỏ mình trên đường tìm Tự Do, Hội Người Việt TNCS Hamburg đã cử hành buổi lễ dâng hương cầu nguyện vào lúc 11 g 00 ngày thứ bảy 18.10.2014 Tượng Đài tại Nghĩa Trang Öjendorf, Hamburg.

Sau buổi lễ, như thường lệ bà con vào dự bữa ăn trưa thân mật. Thức ăn (chay, mặn), bánh ngọt, cà phê... do bà con tự mang đến đóng góp để chung vui và có dịp hàn huyên tâm sự.

*** Thánh lễ cầu hồn tại Frankfurt**

Thứ Bảy ngày 01 tháng 11 năm 2014, tại St Lioba, Ben Gurion Ring Frankfurt am Main có Lễ Tưởng Niệm 51 Năm Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Cố Văn Ngô Đình Nhu và những Quân Dân Chính Việt Nam Cộng Hòa đã Vị Quốc Vong Thân do nhóm anh em tại Frankfurt và vùng phụ cận tổ chức. Thánh lễ cầu hồn cho các linh hồn do 3 LM Bùi Thượng Lưu, LM Trần Mạnh Nam và LM Đinh Xuân Minh thuộc vùng Frankfurt và vùng Trung nam Đức cùng đồng tế. Cùng với phần sinh hoạt hội thảo "Vấn nạn tuổi trẻ trước hiện tình Đất Nước" được đồng đạo mọi người tham gia v.v...

*** Quyên góp cho dân tỵ nạn Irak và Syrien**

Mönchengladbach 11.11.2014 - Ông Nguyễn Văn Rij, đại diện Hội Bác Ái Vinh Sơn cùng Cha sở Pastor Johannes Van Der Vorst của giáo xứ Heilig Geist Kirche, trao chi phiếu 3.170 € tiền quyên được của cộng đồng người Việt địa phương cho Giám đốc điều hành cơ sở Caritas là ông Frank Polxa. Caritas sẽ chuyển số tiền này để giúp đỡ cho người tỵ nạn Irak và Syrien.

Đây là một nghĩa cử cao đẹp của người Việt TNCS tại Mönchengladbach.

Tìm Thân Nhân

Tôi tên là Lý Lâm, ước mong gặp lại chị bạn học cũ tên là Thuyền Kim Ngọc, trước học ở FH Albstadt-Sigmaringen. Sau khi tốt nghiệp chị Kim Ngọc có một thời gian làm việc tại hãng Vetter.

Nay ai biết chị Kim Ngọc ở đâu, xin làm ơn liên lạc với Thiên Ly qua địa chỉ : (lam.ly28@yahoo.com).

Xin chân thành cảm ơn quý vị.

(Lý Lâm)

*** Lễ Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác Hannover vào ngày 15-16 tháng 11 năm 2014**

Năm nay Chi Hội PTVNTN tại Hannover cùng với GDPT Tâm Minh đã phối hợp với Chi Hội PTVNTN tại Bremen và GDPT Chánh Giác cùng về chùa Viên Giác để tham dự Lễ Thọ Bát Quan Trai trong hai ngày trên. Ngoài hai Chi Hội ra còn có một số Phật tử thuộc Chi Hội Wilhelmshaven, Oldenburg và Göttingen cũng đã về chùa thọ bát. Tất cả có 78 giới tử ghi tên chính thức và có nhiều người đến dự thính trong những giờ thuyết giảng.

Lần đầu tiên có đầy đủ chư Tăng Ni trong bốn tự qua lễ Thọ Bát này. Đó là: Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển, Đại Đức Trụ Trì Thích Hạnh Giới, ĐĐ Thích Hạnh Định, ĐĐ Thích Hạnh Luân, ĐĐ Thích Hạnh Thúc, ĐĐ Thích Hạnh Lý, ĐĐ Thích Hạnh Nhẫn, ĐĐ Thích Hạnh Bốn và Sư Cô Thích Nữ Hạnh Bình.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 15 tháng 11 năm 2014 vừa qua, các giới tử vân tập nơi Chánh Điện đã được ĐĐ Thích Hạnh Giới truyền giới Bát Quan Trai, sau đó là giờ ngộ trai, kinh hành nhiều Phật. Đến 14:30 các giới tử lớn tuổi vân tập lên Chánh Điện để nghe Hòa Thượng Phương Trượng giảng về: Những lời dạy trí tuệ của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Trong khi đó ĐĐ Thích Hạnh Bốn hướng dẫn cho các em thiếu nhi GDPT về cuộc đời của Đức Phật bằng tiếng Đức tại lớp học. Từ 16:30 đến 18:15 Quý Thầy và Quý Sư Cô đã hướng dẫn các giới tử luân tu niệm Phật và sau giờ văn thực, tối hôm đó ĐĐ Thích Hạnh Định đã đến cùng Đại Chúng qua một thời pháp gần hai tiếng đồng hồ.

Sáng ngày 16 tháng 11, Đại Chúng đã được chư tôn đức Tăng Ni hướng dẫn tọa thiền và trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm với lời kinh, tiếng mõ thật trầm hùng. Từ 9 giờ sáng đến 11 giờ sáng là giờ giải đáp giáo lý cho các giới tử qua sự hướng dẫn cũng như trả lời của HT Phương Trượng, ĐĐ Thích Hạnh Thúc, ĐĐ Thích Hạnh Lý và ĐĐ Thích Hạnh Nhẫn. Mọi người đều hoan hỷ đón nhận với pháp lạc vô biên. Trong khi đó ĐĐ Thích Hạnh Luân và ĐĐ Thích Hạnh Bốn tiếp tục hướng dẫn giáo lý cho ngành Thiếu và ngành Thanh của GDPT Tâm Minh. Cuối cùng là lễ xả giới Thọ Bát Quan Trai và lễ tạ pháp.

Phần tiếp theo là lễ Phật định kỳ của chùa cũng như lễ tiến bặt chư hương linh quá vãng đang thờ tại chùa.

Cảm tưởng chung của các giới tử là muốn được có nhiều chương trình tu tập cũng như Thọ Bát Quan Trai hơn nữa để thăng hoa nội tâm cũng như trau dồi Phật Pháp cho người Phật tử tại gia. Qua bài thơ của ĐH Thị Thiện Phạm Công Hoàng đến từ Bremen đã nói lên được tất cả những hoài bão ấy.

(Thị Giã)

in nước Đức

● Lê Ngọc Châu phụ trách

* **Làm việc với PC (Personalcomputer=máy điện toán cá nhân): khoảng cách cần phải có...**

10.7.2014 dpa: Khoảng cách thật sự từ màn hình (Monitor) cần nên có ít nhất 55 cm. Những người làm việc mỗi ngày trên màn hình (Bildschirm) thì mắt bị "sức căng" lớn. Hoặc tệ hại hơn nữa nếu khoảng cách đến màn hình quá ngắn hay quá lớn!

Công nhân viên ngồi khi làm việc với máy tính tốt nhất và ít nhất cần cách xa màn hình 55cm. Ông Wiete Schramm của TÜV Rheinland lưu ý như vậy. Nhưng nếu có một khoảng cách quá lớn cũng không tốt cho mắt. Khoảng cách đúng nhiều hơn 70 cm giữa cái đầu và màn hình.

Và để cho người lao động không có vấn đề với đôi mắt, màn hình cần lớn ít nhất 17 Zoll và có thể thay đổi được chiều cao và độ nghiêng.

Cũng quan trọng là ký hiệu đậm luôn luôn nằm trên một nền sáng và không phải ngược lại. "Trước đây, đã có bàn phím màu tối (màu đen) với dấu hiệu sáng" Schramm nói. "Điều này không tốt cho mắt. Lý do là vì thường thường trong văn phòng cũng sáng và cặp mắt sẽ 'làm việc ít hơn' tùy vào loại chữ màu đen trên nền trắng.

* **Có thu nhập thấp ở phía đông bắc, tây nam phong phú hơn.**

10.10.2014: Đức có sự chênh lệch thu nhập lớn trong khu vực. Bảng khảo sát cho thấy rằng ranh giới không phải chỉ có duy nhất giữa Đông và Tây, nhưng ngay trên khắp đất nước.

Ở Đức, sức mạnh kinh tế được phân phối rất khác nhau tùy theo khu vực. Đường phân chia giữa các tiểu bang giàu và nghèo không phải chạy dọc theo biên giới cũ Tây Đức và Đông Đức cũ. Thay vào đó, ở Đức có một phía đông bắc nghèo và một phía tây nam phong phú. Dữ liệu được lấy từ các cơ quan thống kê tiểu bang tương ứng.

Điều ngạc nhiên là Bremen với 43.085 € có mức thu nhập cao thứ hai trên đầu người so với tất cả các tiểu bang của CHLB Đức. Kể đến với một khoảng cách biệt nhỏ là tiểu bang Hessen và Bayern (Bavaria).

Một lý do cho sự ngạc nhiên ở trên là số lượng cao nhờ số người đi đi lại lại, họ làm việc tại Bremen, nhưng không sống trong thành phố này. Mặt khác, so sánh nợ năng thì Bremen với 736 € đứng sau xa Bayern với 86 € cho mỗi đầu người. Năm tiểu bang thuộc miền Đông nước Đức (cộng sản DDR cũ) cũng là những tiểu bang nghèo nhất ở Đức.

Ví dụ tại Mecklenburg-Vorpommern thì mức thu nhập trung bình trên mỗi đầu người là 22.817 €, chỉ được một nửa so với Bremen. Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của từng tiểu bang riêng lẻ tương đối cao: ví dụ, sự tăng trưởng kinh tế ở Hamburg, trong thập kỷ qua với mức

trung bình là 1,6% - thì ngược lại chỉ có 0,1 % tại Schleswig-Holstein.

Một lý do cho hiệu quả kinh tế cao của miền Nam nằm ở chỗ là nhiều công ty có trụ sở chính của họ ở đó. Thậm chí nếu họ sản xuất ở các tiểu bang khác, như BMW ở Leipzig, thì giá trị, và từ đó đóng góp vào BIP của tiểu bang, được tính vào trung tâm chính, trong trường hợp này, Munich và như vậy tiểu bang Bavaria.

* **Hãng Bảo hiểm Y tế kỹ thuật TK được đánh giá tốt nhất.**

28.10.2014: Hãng Bảo hiểm Y tế kỹ thuật TK (Techniker Krankenkasse) vẫn đứng hàng đầu trong số các hãng bảo hiểm y tế của Đức. Đặc biệt là các nguồn cung cấp, sau con số thành viên của hãng bảo hiểm lớn thứ hai hiện nay là tốt nhất trong số 20 bảo hiểm y tế lớn ở Đức. Đây là kết quả cuộc khảo sát trực tuyến với hơn 4.000 thành viên bảo hiểm của công ty tư vấn tài chính SWI, do báo Handelsblatt ủy nhiệm.

AOK Plus và Siemens-BK (SBK) Munich chiếm vị trí thứ hai và thứ ba. Về dịch vụ thì TK còn muốn cải thiện. Trên phương diện này SBK được đánh giá tốt nhất, tiếp theo là AOK Plus và TK. Trên ba cấp bậc kế tiếp là các hãng bảo hiểm DAK, BKK Đức và AOK Niedersachsen.

Hình ảnh xấu sẽ đưa đến cho các hãng bảo hiểm sức khỏe sự mất mát thành viên. Đúng là nhờ nền kinh tế mạnh mẽ nên số lượng nhân viên và số lượng thành viên bảo hiểm tăng, và kể từ tháng giêng tăng lên gần 357 ngàn người- Tuy nhiên một số hãng bị mất khách hàng. Với một sự mất mát cao nhất là 13.222 thành viên của DAK, tiếp theo là AOK Nordost và Deutsche BKK.

Hãng TK mất khách cũng phát triển tốt với số thành viên bảo hiểm y tế. Từ tháng giêng đến tháng bảy 2014, TK đạt được thêm 192.000 người bảo hiểm.

* **Những thay đổi kể từ ngày 1 tháng 11: Inkasso, lốp xe, Schleuderschutz.**

DPA – 31.10.2014: Người tiêu dùng sẽ được bảo vệ tốt hơn nếu tuyên bố thu hồi nợ (Inkasso) không rõ ràng. Từ ngày 1 tháng 11 trở đi sửa đổi theo luật định được thi hành. Ngay cả với các thiết bị của xe hơi cũng thay đổi từ đầu tháng 11.

Tổng quát:

- LỚP XE: từ 01 tháng 11 đối với xe mới đăng bộ bắt buộc phải có hệ thống kiểm soát áp suất lốp bằng điện theo yêu cầu của EU. Hệ thống này giám sát áp suất lốp xe tự động và liên tục và cảnh báo khi áp suất bị giảm xuống. Hệ thống kiểm soát áp suất sẽ mang lại an toàn hơn trên đường giao thông, theo tin của chính phủ liên bang. Ngoài ra cũng hy vọng tiêu thụ xăng (nhiên liệu) cũng sẽ giảm đi.

Đối với chủ xe vì vậy có thể tốn kém hơn - về việc mua lốp xe mùa đông cho xe ô tô mới với kỹ thuật này. Ai có hệ thống liên tục thông báo cho biết các áp suất đo được từ tất cả các lốp xe, phải trả ngoài các chi phí của vành và lốp xe còn trả thêm tiền mua và lắp đặt Sensoren bổ sung.

- SCHLEUDERSCHUTZ IN AUTOS (Tạm dịch: Bảo đảm sự trơn trượt trên đường trong Xe hơi): Ngoài ra các loại xe mới phải được trang bị hệ thống ổn định điện tử (ESP). Nó có bốn phận thẳng từng bánh xe lại, nếu xoay tay lái quá nhanh, ví dụ, trong trường hợp muốn tránh một vật cản gì đó trên xa lộ hay trên con đường

đang chạy. Mục đích là để ngăn chặn xe bị lệch đi (*vi sức ly tâm!*).

- HÓA ĐƠN THU HỒI NỢ: Công ty thu tiền nợ (Inkasso) có bốn phận phải kê khai chi tiết trong một hóa đơn, cho người họ làm việc, tại sao đòi hỏi một số tiền nhất định và cần chi tiết hóa về các chi phí (sự thành hình hóa đơn!). Sự giám sát ngành Inkasso cũng được tăng cường. Thậm chí ngày nay công ty thu hồi nợ cần phải đăng bộ. Để từ đó các công ty lừa đảo sẽ biến mất một cách nhanh chóng từ thị trường, sự tày chọn để hủy bỏ việc đăng bộ được gia hạn. Người ta ước tính rằng có khoảng 750 công ty thu tiền nợ (Inkasso-Firmen) tại Đức. Họ gửi đi mỗi năm khoảng 20 triệu thông báo ngoài khuôn khổ của tòa án.

* Nếu lương hưu không đủ sống.

Reuters – 04.11.2014: Văn phòng thống kê liên bang ở Wiesbaden cho biết: Ngày càng có nhiều người trong độ tuổi nghỉ hưu ở Đức bị phụ thuộc vào trợ cấp xã hội. Số người này trong năm 2013 tăng lên 7,4 phần trăm đến 499.000. Như vậy nhiều hơn 34.500 vụ so với năm ngoái.

Như thế có ba phần trăm của tất cả người trên 65 tuổi bị phụ thuộc vào lợi ích cơ bản. Đây là điều chưa bao giờ có!. Mức lương hưu cơ bản tương ứng với trợ cấp Hartz IV cho người thất nghiệp, hiện nay là 391 € một tháng cộng thêm với tiền thuê nhà và chi phí sưởi ấm.

Phụ thuộc vào "*an ninh cơ bản*" trong tuổi già đặc biệt là phụ nữ Tây Đức, bởi vì lương hưu của họ không đủ. Năm 2013 theo văn phòng thống kê có 3,6 % của tất cả phụ nữ trên 65 tuổi ở Tây Đức nhận trợ giúp xã hội bổ sung. Đối với nam giới là 2,7%. Ở Đông Đức bao gồm luôn thành phố Berlin thì có 2,2% phụ nữ và đàn ông chỉ có 2,0 % trong số những người thuộc nhóm tuổi kể trên.

Nghèo khổ nhất trong tuổi già bành trướng trong những khu vực đô thị. Dẫn đầu theo văn phòng thống kê là thành phố Hamburg: Tại đây có 6,8 % của tất cả số người trên 65 tuổi nhận trợ cấp xã hội. Sau đó là đến Bremen (5,9 %) và thủ đô Berlin (5,8 %).

Cũng tiếp tục tăng là số người từ 18 đến 64 tuổi, vì khả năng lao động (kiếm sống) giảm không làm việc được lâu dài với thời gian và lệ thuộc vào trợ cấp xã hội. Số người này tăng thêm 28.000, theo Cục Thống kê lên đến 463.000.

* Chuyên gia tránh Đức quốc.

16.10.2014: Đức không phải là một quốc gia nhập cư hấp dẫn cho những người có trình độ học vấn cao. Trước hết, các nhà khoa học muốn đi đến các nước khác!.

Các nhà chuyên môn có trình độ cao từ các nước ngoài EU hiếm khi di chuyển đến Đức. Cho đến nay họ đã ít sử dụng cơ hội nhập cư hợp pháp mở rộng. Đây là sự trả lời rõ ràng từ Bộ Nội vụ Liên bang sản xuất theo một yêu cầu của đảng Xanh, như báo Rheinische Post đưa tin. Theo tin loan đi, năm ngoái chỉ có 475 sinh viên tốt nghiệp trường đại học lợi dụng cơ hội để được cấp Visa thời hạn sáu tháng để tìm kiếm việc làm ở Đức.

Các nhà khoa học nam, nữ có thể đến Đức với một giấy phép đặc biệt được phép cư trú ở Đức. Tuy nhiên, điều này cũng ít người đã sử dụng: 2013 chỉ có 38 người nhận được tình trạng cư trú này, trong năm 2014 mới chỉ được 14 người cho đến nay. Năm 2012 số lượng còn đứng ở mức 142.

Thẻ xanh EU, hy vọng trong hơn hai năm là nhờ đó có thể thu hút những người có tay nghề cao đến Đức đã nhận được trong năm 2013, theo Bộ 11.290 người. Trong số này, 4.127 mới vừa được nhập vào, phần còn lại có tình trạng cư trú khác. Trong quý đầu tiên của năm 2014, 3.086 thẻ đã được cấp cho người muốn nhập cư, nhưng chỉ có 1.444 trong số họ mới đến thôi.

"Đức là quốc gia không đủ hấp dẫn đối với các chuyên gia!". Giấy phép cư trú cho người nước ngoài có tay nghề chủ yếu vẫn phân phát cho những người đã sống ở Đức.

Chính trị gia của đảng Xanh, Volker Beck nói: "Visa để tìm kiếm công việc hiếm khi được cấp. Điểm mấu chốt là hầu như có rất ít người nhập cư. Địa điểm kinh doanh Đức không còn đủ khả năng để có thể chịu đựng lâu hơn được tình trạng này!".

* Người có thu nhập cao sẽ phải trả nhiều tiền hơn.

Reuters – 16.10.2014: Người lao động có thu nhập cao và chủ nhân có thể phải thanh toán các khoản khấu trừ tiền lương cao hơn cho các khoản đóng góp an sinh xã hội trong năm 2015. Nội các Liên Bang quyết định tăng ngưỡng thu nhập cho lương hưu, y tế và bảo hiểm thất nghiệp vào ngày 15.10.14. Điều này xác định, đến số tiền nào sẽ được khấu trừ từ tiền lương đóng góp.

Đối với người lao động có thu nhập cao thì riêng trong việc đóng bảo hiểm quỹ hưu có thêm một gánh nặng gần 10 € một tháng ở phương Tây và gần 20€ ở phía Đông (DDR cũ). Tuy nhiên, điều này có thể được san bằng bởi một sự giảm nhẹ trong tỷ lệ đóng góp, đang dự trừ trong năm tới.

Với sự gia tăng ngưỡng thu nhập cho lương được trả thì những đóng góp tăng theo. Nhưng điều này chỉ áp dụng cho người lao động và giới chủ nhân nếu mức lương vượt quá những giới hạn này. Mặt khác một sự thay đổi trong tỷ lệ đóng góp thì lại liên quan đến tất cả những người phải đóng góp.

Sự phát triển vào năm 2015 vẫn còn mờ: chắc chắn chỉ là một sự gia tăng trong chi phí chăm sóc là 0,3 điểm phần trăm, đưa đến gánh nặng cho giới công và chủ nhân khoảng ba tỷ Euro.

Trong sự đóng góp lương hưu, sẽ giảm đi khoảng 0,1-0,3 điểm. Một phát ngôn viên của Bộ trưởng Lao Động Nahles (SPD) đã nhấn mạnh, nếu có sự uyển chuyển trong phạm vi cho việc giảm đóng góp, thì sẽ được thực hiện. Điều này được rõ ràng hơn trong tháng 11.2014.

Tỷ lệ đóng góp bảo hiểm y tế theo luật định giảm theo các cải cách ngân quỹ của liên minh cầm quyền màu Đen + Đỏ vào năm 2015 là 0,9 điểm xuống còn 14,6%. Tuy nhiên vẫn chưa được rõ trong phạm vi nào các hãng bảo hiểm y tế tiết kiệm các khoản tiết kiệm đóng góp bổ sung.

Theo Bộ Lao Động, các ngưỡng thu nhập đã được nâng lên dựa trên cơ sở tăng mức lương chưa trừ thuế là 2% trong năm 2013. Trong năm 2015, bảo hiểm hưu trí tăng theo lương chưa trừ thuế với tỷ lệ đóng góp 18,9% hiện nay sẽ được khấu trừ, ở phía Tây đến 100€/ tháng trên 6.050€ và 200€ ở phía đông đến mức lương 5.200€ mỗi tháng.

Giới hạn thống nhất cho bảo hiểm bắt buộc trong việc chăm sóc y tế và điều dưỡng tăng lên đến 54.900€ một năm. Đóng góp cho sức khỏe và chăm sóc điều

dưỡng sẽ được khấu trừ lên đến một mức lương chưa trừ thuế là 4.125€ mỗi tháng (trước đây là 4.050€).

*** Thăm dò ý kiến: Hầu hết người Đức không muốn có sự thay đổi thời gian.**

DPA – 23.10.2014: Vào cuối tuần (25/26 tháng Mười) đồng hồ phải vặn lui trở lại một giờ. Một cuộc khảo sát cho thấy hầu hết mọi người ở Đức không muốn có sự thay đổi thời gian. Nhiều người thích thời gian mùa hè mãi mãi.

Hầu hết mọi người ở Đức từ chối việc chuyển đổi giờ theo một cuộc khảo sát. 71% số người được hỏi coi nó là không cần thiết và họ muốn xóa bỏ đi, theo tin DAK công bố tại Hamburg. Chỉ có 27% người Đức nghĩ sự thay đổi thời gian có ý nghĩa. Khoảng 1 trong 4 người phải chống lại hậu quả của việc chuyển đổi đồng hồ, chủ yếu người làm việc (lao động) phàn nàn về vấn đề sức khỏe.

Gần 60 phần trăm các đối thủ muốn thay đổi theo cuộc khảo sát thời gian mùa hè cho cả năm - đối với hãng bảo hiểm sức khỏe DAK là một bất ngờ. Vì đúng ra; "Thời gian mùa đông được coi là thời gian bình thường và theo các nhà khoa học và chuyên gia y tế tốt hơn cho sức khỏe.

Sau khi thay đổi thời gian thì nhiều người cảm thấy sự tập trung tồi tệ hơn, theo kết quả của cuộc khảo sát gần đây, được ủy quyền bởi DAK. Họ mệt mỏi và có vấn đề về giấc ngủ hoặc mất ngủ. 12% thậm chí còn phàn nàn về tâm trạng trầm cảm. Mỗi 1 trong số 5 người được hỏi trả lời rằng họ đã không thể làm việc đúng giờ vì sự thay đổi này.

Từ góc độ y tế, thời gian mùa đông đối với sinh vật khỏe mạnh hơn so với thời gian mùa hè. Bác sĩ Elizabeth Thomas của DAK- Y tế giải thích: Đối với đồng hồ nội tâm, buổi sáng quang đảng quan trọng hơn là buổi tối.

*** Từ công việc Midi trở thành Minijob - Thỏa thuận chuyển tiếp hết hạn.**

DPA-17.11.2014 Bochum: Kể từ ngày 01.10.2013 Mini-Jobbers có thể nhận được nhiều tiền hơn. Mức giới hạn thu nhập là 450 Euro, chứ không phải như trước đó là 400 Euro mỗi tháng. Bây giờ cũng miễn luôn cho nhiều Minijobbers nghĩa vụ an sinh xã hội.

Nâng cao giới hạn thu nhập cũng có tác động tới những người làm việc được gọi là Midi-Job. Giới hạn của lãnh vực này từ 400,01 € đến 800 € cũng tăng theo lên 450,01€ đến 850€.

Tuy nhiên, về trách nhiệm xã hội với điều kiện làm việc hiện có, thì có một điều luật chuyển tiếp, Trung tâm Minijob giải thích. Đối với những người vẫn đang kiếm được 400,01 - 450 Euros sau đầu năm 2015 thì bảo hiểm bắt buộc vẫn có giá trị tiếp trong tất cả các ngành an ninh xã hội.

Những thỏa thuận chuyển tiếp sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12. Cái gọi là Midi sẽ trở thành Mini-Jobbers. Điều đó có nghĩa rằng trong những trường hợp này kể tháng Giêng trở đi sẽ không bắt buộc đóng bảo hiểm trong các bảo hiểm về y tế, chăm sóc và bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên nghĩa vụ bảo hiểm hưu trí, vẫn còn. Theo đơn yêu cầu các Mini-jobbers có thể được miễn đóng bảo hiểm này.

** LNC (Muenchen, Tháng 10+11.2014)*

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, Focus, die Welt, FAZ, Handelsblatt, AFP, dap, yahoo news...

25 Năm Bức Tường Sụp

Tưởng nhớ nạn nhân

25 Jahre Mauerfall - Gedenken an die Opfer

• Lê Ngọc Châu

Lời mở đầu: Lễ kỷ niệm Ngày 09.11.1989, ngày bức tường Berlin bị sụp đổ 25 năm trước đây đánh dấu sự tưởng nhớ đến cuộc cách mạng ôn hòa ở Đông Đức cũ. Vài ngày trước đó, giới truyền thông Đức đã viết, loan tin khá nhiều về ngày lịch sử này của nước Đức. Người viết góp nhặt (giới hạn) một vài tin tức đã phổ biến từ 06-11 đến ngày 09.11.2014 và chuyển ngữ để giới thiệu đến quý độc giả.

Xin hoan hỷ cho những sơ sót, nếu có (LNC).



Bà Thủ tướng Merkel và Đô trưởng Berlin Wowereit đặt hoa hồng trên bức tường xưa

*** 25 năm cuộc cách mạng ôn hòa và sự sụp đổ của bức tường.**

*** Merkel: Điều này đã thay đổi cuộc sống!**

(Tin thứ năm 6 tháng 11, năm 2014)

Đó là một cảm giác không thể diễn tả được, lần đầu tiên đi bộ trên cây cầu Bornholm ở phía tây thành phố Bá Linh (Berlin), bà Merkel đã nói như thế trong podcast video của mình nhân dịp kỷ niệm 25 năm bức tường Berlin sụp. Đã phải chờ đợi 35 năm để cuối cùng có cảm giác này của sự **Tự Do!**

"Cuộc sống đã thay đổi", bà Merkel nói tiếp. Mặc dù ngày hôm nay vẫn còn có sự khác biệt về cấu trúc, nhưng người ta vẫn có thể nói: "Hệ trẻ đã phát triển với nhau ngày hôm nay". Phía Đông (cộng sản DDR cũ) đã có thể bắt kịp với sự giúp đỡ của vùng đất cổ phía Tây (ý nói Tây Đức). Hiện tại có những cảnh quan phát triển, trong đó Helmut Kohl đã nói rồi trước đây. Xu hướng di cư (*ghi chú thêm: bỏ đi từ DDR sang phía Tây Đức*) đã ngừng lại. Điều này cũng là sự báo cáo thường niên 2014 về tình trạng của nước Đức thống nhất.

"Và vì vậy tôi nghĩ rằng thực sự phát triển với nhau những gì thuộc về nhau", bà Thủ Tướng Merkel tin tưởng nói như thế.

Điều này đã không có ai tính đến, ngày 09 tháng 11 1989!. Thứ nhất, đã xảy ra đêm đó điều không thể

tượng trưng: "28 năm, hai tháng và 28 ngày sau khi xây dựng, bức tường Berlin sụp đổ!". **Sự can đảm của các nhà đấu tranh dân quyền và hàng trăm ngàn người biểu tình ôn hòa đã làm sụp đổ bức tường** và từ đó chuẩn bị cho sự thống nhất nước Đức. Với một lễ hội dân gian lớn, chính phủ Liên Bang Đức và Berlin ăn mừng, kỷ niệm ngày 09 Tháng 11 năm 1989 này tại cổng Brandenburg.

25 Năm Bức Tường Sụp, Đức ăn mừng tương lai

(25 Jahre Mauerfall Deutschland feiert Zukunft - 08.11.2014): Tại Đức, Lễ hội kỷ niệm ngày Bức tường Berlin sụp tiếp tục. Và các nước ngoài Đức cũng tham dự những ngày kỷ niệm. Gorbachev đến thăm. Obama sẽ "không bao giờ quên" hình ảnh của 25 năm trước đây.

Tại Bá Linh trong ngày thứ Bảy 08 tháng 11, Lễ kỷ niệm 25 năm bức tường Berlin sụp tiếp diễn. Dọc theo 15 km đường biên giới dài với gần 7.000 quả bóng bay rực rỡ ánh sáng đón mừng dân chúng Bá Linh và khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới.

Sự hướng dẫn và thảo luận với các nhân chứng được lên kế hoạch. Việc cài đặt, mà một phần dấu vết lịch sử của pháo đài nội thành cũ được vẽ lại, đã mở cửa vào tối thứ Sáu.

Tại một hội nghị chuyên đề về Chiến tranh Lạnh có sự tham dự của Tổng thống Liên Xô cũ Mikhail Gorbachev. Giữa những năm 1980 với chính sách Glasnost (cởi mở) và Perestroika (tái cấu trúc) của ông, người đứng đầu quyền lực của Khối cộng sản Đông Âu đã làm thay đổi lịch sử.

Thủ tướng Đức, Angela Merkel (CDU) có hai buổi trình diễn vào tối thứ Bảy, 08/11. Đầu tiên, bà ta khai mạc Hội nghị "Falling Walls" - một hội nghị khoa học nghiên cứu và xã hội. Sau đó, Merkel có đôi lời chào mừng trong một buổi hòa nhạc của nhạc sĩ/nhà soạn nhạc Wolf Biermann, lúc xưa bị nhà nước cộng sản DDR tước quyền công dân. Tại quốc hội Đức, ông Biermann đã được chú ý đến qua các cuộc tấn công đảng Tả Khuynh (*hậu thân đảng cộng sản SED*) trong khi xuất hiện tham dự vào ngày thứ Sáu hôm qua.

Đô trưởng Berlin Klaus Wowereit (SPD) đã kêu gọi tại lễ khai mạc biên giới ánh sáng tượng trưng gần "Reichstag" vào buổi tối cùng với những nhà cựu hoạt động dân quyền Đông Đức những người **trẻ tuổi hãy bênh vực, bảo vệ cho Tự Do và Dân Chủ**. Ông Wowereit nói: **Berlin sẽ không quên sự hy sinh của "các nạn nhân của bức tường và hàng rào kẽm gai"**.

Các rào cản biên giới Đông Đức xung quanh phần phía tây của Berlin lúc xưa dài hơn 155 km. Giới hạn ánh sáng, từ đường Bornholm tới cầu Oberbaumbrücke, vào ngày chủ nhật 09/11, ngày kỷ niệm Bức tường Berlin, một lần nữa sẽ được tháo đi sau 19 giờ - đúng vào thời điểm mà 25 năm trước đây xảy ra buổi họp báo nổi tiếng của thành viên Bộ Chính trị SED (*Đảng Thống nhất Xã hội chủ nghĩa Đức*) Günter Schabowski.

Với mục đích này, một lễ hội công cộng lớn tại cổng Brandenburg được lên kế hoạch. Khách mời là người đoạt giải Nobel Hòa bình Muhammad Yunus và Lech Walesa và phi hành gia NASA Ron Garan. Cả Tổng thống

Liên Bang Joachim Gauck và Thủ tướng Đức Angela Merkel (CDU) cũng đến tham dự.

09 tháng 11: Một ngày lịch sử

"Ngày 09 tháng mười một này là một ngày lịch sử!". Moderator Hanns-Joachim Friedrichs cho biết tại thời điểm đó cho đến 22 giờ 42 qua các vấn đề thời sự trong ngày. Đông Đức đã nói rằng biên giới của họ bây giờ được mở cửa cho tất cả mọi người.



7.000 bóng bóng cao 3 mét dựng suốt 15 cây số tượng trưng bức tường cũ chia đôi nước Đức

Nhiều người vẫn còn ghi nhớ các hình ảnh từ đêm 09.11 tại Berlin trong tâm trí: Những người quá hạnh phúc, với những giọt nước mắt họ ôm nhau trong vòng tay và ăn mừng sự sụp đổ của bức tường. Một lần và thêm lần nữa, lần nữa... người ta nghe chữ Wahnsinn! (không tưởng!) được lặp đi, lặp lại nhiều lần.

Đối với người Đức không phải chỉ có ngày 09.11.1989 là ngày đặc biệt. Ngoài ra còn có những ngày 09 tháng 11 trong lịch sử Đức của thế kỷ 20:

- Ngày 9.11.1918, Đế chế Đức đã kết thúc với việc công bố sự thoái vị của Hoàng đế Wilhelm II, chấm dứt bốn năm khủng khiếp của chiến tranh.

- Năm năm sau, vào ngày 09.11.1923, Adolf Hitler đã muốn lật đổ với cuộc "tuần hành" của mình tại Munich Feldherrenhalle chế độ dân chủ Weimar non trẻ.

- 15 năm sau, vào ngày 9.11.1938, các thành viên của SA và SS đốt giáo đường Do Thái. Họ cướp phá cửa hàng của chủ sở hữu là người Do Thái, phá hủy nhà cửa họ, khinh rẻ người dân Do Thái, họ bị bắt và nhiều người trong số họ đã bị giết chết. Đây là khúc dạo đầu cho cái chết của hàng triệu người, phá vỡ với nền văn minh của Shoah.

Ngày 09 tháng 11 là một ngày của sự xấu hổ và nhục nhã. Phải mất 61 năm, cho đến ngày 09. tháng 11 một lần nữa mới có thể có được một ngày hạnh phúc và niềm vui.

Chính phủ liên bang hỗ trợ và khuyến khích kỷ niệm hai sự kiện: **cuộc tàn sát đêm "Reichspogromnacht" và sự sụp đổ của bức tường**. Đó là sự may mắn lớn của hai thời điểm **biểu tượng cho sự chiến thắng của Tự Do**.

Chủ Nhật 9 tháng 11 năm 2014

Việc đầu tiên vào ngày 09 tháng 11 là "truyền thanh/truyền hình" buổi lễ tưởng niệm ngày Bức tường Berlin sụp đổ từ 10 giờ 00 bis 12 giờ 00 (*Người Việt chúng ta thường biết qua tên Bức tường ô nhục Bá Linh*). Các

chính trị gia liên bang và tiểu bang (Nữ Thủ tướng Merkel, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Grütters cũng như Đô trưởng Bá Linh Wowereit), nhân chứng và đại diện của các hiệp hội tưởng nhớ đến nạn nhân của nhà nước cộng sản SED. Tiến hành này được tổ chức tại Đài tưởng niệm Bức tường Berlin, trung tâm tưởng nhớ đến việc chia đôi đất nước Đức ở đường Bernauer.

Buổi phát thanh, truyền hình do MC Astrid Frohloff điều khiển. Đầu tiên là nhớ lại với các bản ghi âm theo quan điểm lịch sử: "Lịch sử phân chia đất nước và các nạn nhân của nhà nước SED". Khách mời "đặc biệt" cho chương trình là Giáo sư Klaus Schroeder, xếp của Hiệp hội nghiên cứu về nhà nước SED cũng như bà Karin Gueffroy, mẹ của nạn nhân tử vong cuối cùng tại Bức tường Berlin. Chương trình chính thức bắt đầu vào lúc 10 giờ 00 với một cuộc thổi kèn Trombones (*Posaunenruf*).

Sau đó bà Thủ tướng Merkel và các quan chức đại diện khác đặt hoa hồng trên bức tường xưa. Kế tiếp là một Thánh Lễ chung trong Kapelle der Versöhnung (*Nhà Nguyện của Sự hòa giải*) trực tiếp trên những đường sọc của bức tường cũ (*Mauerstreifen*). Sau đó, những người tham gia buổi Thánh Lễ và dân chúng thắp nến tại đồn gác cũ (*ehemaliger Postenweg*). Thủ tướng Đức Merkel nói chuyện trong buổi lễ tiếp theo trước các nhân chứng được lựa chọn và khách mời từ giới chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Ngoài ra, khánh thành triển lãm thường trực mới của đài tưởng niệm bức tường Berlin và ra mắt công chúng.

Đài tưởng niệm Bức tường Bá Linh tại Bernauer Straße là một trong vài nơi ở Berlin, nơi mà sự chia đôi của thành phố nói chung (*ghi chú thêm; xưa Berlin bị phân chia ra Đông và Tây Bá Linh*) vẫn còn có thể nhìn thấy và dễ hiểu cho những người trẻ. Vì không phải tất cả có được trước mắt những thảm cảnh của người tỵ nạn tại đường Bernauer, để nhớ rằng ngay cả việc thòong dây trốn khỏi DDR trong khi bức tường đang xây dựng hoặc nhảy thoát nhờ tẩm nhảy hay là sự nhảy thoát của một người lính sang phương Tây tại góc đường Ruppin/Bernauer hoặc sự trốn chạy bằng đường hầm, từ tầng hầm này đến hầm khác được đào dưới con đường Bernauer hay sự phá hoại của Nhà Thờ Hòa Giải 1985.

Chủ Nhật 9 tháng 11 năm 2014

25 năm bức tường sụp đổ

Hàng trăm ngàn người ăn mừng sự Tự Do

Hơn 300.000 du khách, thường thức vũ đạo ánh sáng (Lichtchoreographien) ngoạn mục và âm nhạc truyền cảm hứng của các siêu sao: Lễ hội dân gian đã gây ra một cảm giác vượt ra khỏi thành phố Berlin. Với phương châm "Over the Hill" (Mut zur Freiheit, tạm dịch "**Can đảm cho Tự Do**") được nhiều người nhắc nhở và với cuộc chống đối kiên cường, biểu tình bền bỉ kéo dài đã có thể làm cho bức tường sụp đổ.

Một người đàn ông trẻ tuổi từ Potsdam đứng phía trước sân khấu tại Cổng Brandenburg với vẻ mặt "rực sáng". Ông ta đã đến rất sớm với buổi lễ của thành phố, để không bỏ lỡ cơ hội. "Lễ hội cũng dành cho tôi một miếng bánh của bữa tiệc sinh nhật nhỏ. Cha tôi là người "Charlottenburg", mẹ tôi thì từ Erfurt. Nếu không có sự sụp đổ của bức tường, cha mẹ tôi không bao giờ gặp được nhau", ông ta nói. Cách đó vài mét, một người Đức

khác, 60 tuổi đến từ thành phố Köln (Cologne), đang thường thức sự hồi hả và nhộn nhịp của buổi lễ. Anh ta nhớ lại ngày 09.11.1989: "Khi đó tôi ngồi trước máy TiVi và không thể tin tưởng được rằng, bức tường mở?. Tôi nghĩ lúc đầu: "không thể", nhưng đó là sự thật?". Sự vui mừng của ngày xưa cũng được cảm thấy lại một lần nữa!. Những khuôn mặt vui tươi, hạnh phúc khắp mọi nơi, và nỗi vui mừng dành trước cho chương trình của lễ hội. Một phụ nữ đến từ Hamburg cho biết: "Tôi vui mừng, đặc biệt là hồi hộp chờ đợi sự xuất hiện của Daniel Barenboim và Udo Lindenberg".

25 năm bức tường sụp đổ Ngày của niềm vui và tưởng nhớ



Bà Thủ Tướng Merkel, Tổng Thống Gauck và Bà Bộ trưởng Văn Hóa thắp nến tưởng niệm những nạn nhân tử nạn tại Bức tường Berlin

Người dân trên toàn nước Đức ăn mừng sự sụp đổ của bức tường và tưởng nhớ đến các nạn nhân của sự phân chia Đức. Nữ Thủ tướng Merkel đã nói tại nơi tưởng niệm Bức tường Berlin: "**Bất công không thể được hoành hành**"... Sau Thánh Lễ, bà Merkel, Đô trưởng Klaus Wowereit và Bộ trưởng Văn hóa Monika Gruetters thắp nến để tưởng nhớ những nạn nhân đã chết vì bức tường.

Ngày quan trọng trong lịch sử nước Đức

Bà Merkel gợi nhớ lại trong một buổi lễ về nhiều ý nghĩa cho ngày 9 tháng 11 trong lịch sử nước Đức: "Sự kết thúc của đế chế Đức vào năm 1918, nỗ lực của Hitler vào năm 1923 để lật đổ chế độ non trẻ Cộng Hòa Weimar và đặc biệt là ngày 09.11.1938, khi các thành viên của SA và SS đốt giáo đường của người Do Thái (Synagogen), phá hủy nhà cửa của họ và người dân Do Thái đã bị khinh rẻ.

Nữ thủ tướng Đức, Angela Merkel nhấn mạnh: "*Và đó là lý do tại sao trong ngày hôm nay 09.11 tôi cảm thấy sự sụp đổ của Bức tường Berlin, bởi lịch sử nước Đức đã từ bỏ hoàn toàn vào ngày kỷ niệm 25 năm, không những chỉ có niềm vui, nhưng cũng là trách nhiệm đối với chúng tôi*".

© Lê Ngọc Châu_Nam Đức, chiều_09.11.2014
(Theo RTV Online, DPA, Yahoo News & Internet)



* Nghi án Công ty Bio Rad hồi lộ quan chức ngành y tế 2,2 triệu USD

Theo Bộ Tư pháp Mỹ từ năm 2005 đến 2010, công ty thiết bị và nghiên cứu y tế Bio Rad (Mỹ) tại châu Âu và châu Á đã hồi lộ các quan chức nước sở tại. Cách đưa tiền là tạo những khoản thanh toán cho các công ty trung gian, có khi là công ty giả. Việc bán hàng vào Việt Nam được hãng này thực hiện thông qua một nhà phân phối với giá chiết khấu mạnh. Sau đó nhà phân phối này bán các sản phẩm của Bio Rad với giá đầy đủ cho Việt Nam. Hoa hồng được trích ra từ khoảng lợi nhuận này. Ngày 5.11.2014, công ty Bio Rad bị cáo buộc giả mạo chứng từ để che giấu các khoản thanh toán lên đến 7,5 triệu USD để hồi lộ cho các quan chức tại 3 quốc gia là Nga, Thái Lan và Việt Nam trong nhiều năm để giành các hợp đồng. Trong đó, công ty này đã thừa nhận văn phòng Bio Rad tại Việt Nam đã thanh toán sai 2,2 triệu USD tiền hoa hồng cho nhiều quan chức CSVN để giành các hợp đồng. Hiện Bio Rad đã phải nộp phạt 55 triệu USD cho Bộ tư pháp Hoa Kỳ. Được biết Bio Rad được thành lập năm 1952 ở Berkeley, bang California, có nhân lực hơn 7.800 người, với doanh thu năm 2013 đạt mức 2,1 tỷ USD.

Nhắc lại, nghi án "lại quả" 80 triệu yen cho quan chức cao cấp của ngành đường sắt Việt Nam. Đầu tháng 5.2014, nhiều tờ báo Nhật Bản đồng loạt đưa tin về chủ tịch một hãng tư vấn Nhật Bản thừa nhận hồi lộ quan chức đường sắt Việt Nam để đổi lấy việc trúng thầu dự án ODA. Theo đó, công ty này đã lót tay cho các quan chức cao cấp ngành đường sắt VN số tiền lên tới 80 triệu yen (tương đương 16 tỷ đồng) để nhận về các dự án ODA. Sau hơn một tháng điều tra, 6 quan chức (gồm Phó Tổng giám đốc Đường sắt VN và 5 cán bộ của Ban Quản lý các dự án Đường sắt thuộc Tổng công ty) đã bị khởi tố về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Ngày 1.10.2014, Nhật Bản thông báo đã đưa ra xét xử cựu Chủ tịch Công ty tư vấn giao thông Nhật Bản (JTC) với cáo buộc vi phạm Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh tại Tòa án Tokyo.

Nguồn: <http://danlambaovn.blogspot.com.au/>

* Cha con "Hai lúa" chế tạo xe thiết giáp cho Campuchia

Sau chiếc xe đầu tiên, phía Campuchia giao tiếp 10 chiếc thiết giáp khác (loại 4 bánh và loại 8 bánh) cho ông Trần Quốc Hải (56 tuổi, ngụ xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh) và con trai Trần Quốc Thanh nâng cấp. Suốt 4 tháng liền, lần lượt từng chiếc một được cha con ông Hải cho ra lò. Tất cả các xe do ông Hải nâng cấp được đưa đi chạy thử nghiệm, bắn thử đạn thật... đều đạt các thông số đặt ra. Lập tức, Bộ Quốc phòng Campuchia gửi thư cảm ơn và công nhận ông Hải là nhà khoa học. Ông Po Sa Rương ra lệnh từ nay trở đi, sẽ không có chuyện bán hay phế bỏ xe bọc thép cũ nữa. Ông Mao Sophon cam kết tạo mọi điều kiện tốt nhất cho

ông Hải nghiên cứu khoa học, chế tạo cơ khí... Ông Mao Sophon chỉ đạo tặng cho ông Hải một xe du lịch Hyundai đời mới, 18 hecta vườn xoài với 1 biệt thự ngay tại Tp Phnôm Pênh và phong tặng Huy chương Đại tướng quân vì đã giúp sửa chữa xe bọc thép cho quân đội nước này.

Ông Hải cũng là người từng chế tạo máy bay trực thăng và nhiều máy móc công nghiệp. Tuy nhiên ông nói ở Việt Nam, đam mê của ông không được khuyến khích. Trả lời BBC, ông Trần Quốc Hải cho biết "*Người Campuchia họ biết là tôi có năng lực, chế tạo máy bay rồi máy móc công nghiệp nên họ mới tôi sang. Trước hết là sửa máy nông nghiệp, sau đó thấy xe bọc thép Liên Xô chế tạo hỏng rất nhiều họ yêu cầu mình khắc phục. Khắc phục được 11 chiếc thì họ biết mình có năng lực rồi nên họ bàn làm sao chế tạo xe bọc thép mới để không phụ thuộc vào nước ngoài. Tới nay thì tôi cũng mới chỉ bắt đầu chế tạo hoàn toàn một chiếc xe bọc thép phù hợp với điều kiện Đông Dương. Campuchia họ đang muốn xây dựng nhà máy để chế tạo 100 chiếc, thay thế cho loại xe của Liên Xô đã không còn phù hợp nữa. Hiện tôi mới chỉ chế loại xe sáu bánh, họ yêu cầu chế xe tám bánh".* Riêng giới chức quân đội tại VN thì chưa có tiếp cận hay đề nghị gì cả, ông Hải đánh giá thêm: "*Ở Campuchia, nếu anh làm được một công trình nào đó, đánh giá xong họ công nhận anh là nhà khoa học. Ở Việt Nam, người làm được thì họ không công nhận, người chưa làm được gì thì công nhận".*

Tin thêm, với câu hỏi "*Còn các tướng lĩnh quân sự CSVN thì lo và nghĩ gì cho quân đội?*". Câu trả lời là "*Sân golf và thăng tướng*". Trong cuộc chất vấn trước Quốc Hội (10.2014), Bộ trưởng Quốc phòng, Đại tướng CSVN Phùng Quang Thanh đã giải trình lý do có nhiều sân golf trong các sân bay Tân Sơn Nhất, Gia Lâm chỉ là "tận dụng đất", vì các dự án trên đều do các doanh nghiệp của quân đội đảm nhiệm. Thêm nữa, ông ta còn cho biết nguyện vọng của các lãnh đạo quân sự CSVN: "*Không phong Tướng, anh em tâm tư ghê lắm*" khi ông ta đề nghị thăng tướng cả cho các chính ủy và cán bộ trong học viện hay nhà trường quốc phòng!

Nguồn: www.laodong.com.vn

Bế tắc trên sông Mekong

Ngày 8.10.2014 tại thủ đô Washington, Hoa Kỳ, tổ chức phi chính phủ Stimson tổ chức một cuộc hội thảo về những tác động môi trường do việc xây dựng các đập nước khổng lồ trên dòng chính sông Mekong. Cuộc hội thảo bàn tới các xung đột quyền lợi của các quốc gia có sông Mekong chảy qua. Chủ trì cuộc hội thảo là Tiến sĩ Richard Cronin, giám đốc chương trình Đông nam Á của tổ chức Stimson. Hội thảo cũng có một diễn giả đến từ Trung Cộng là bà Yongmin Bian hiện đang nghiên cứu về luật môi trường tại đại học Georgetown, Hoa Kỳ. Sông Mekong, nguồn sống của hàng chục triệu người dân châu Á, trở thành điểm nóng của các nước này. Trung Cộng xây hơn chục con đập ở thượng nguồn khiến ngư dân, nông dân ở các nước hạ nguồn gặp khó. Trong khi đó, các nước khác cũng tính chuyện xây thêm 11 con đập khác, nhằm khai thác thủy điện, khiến các lo ngại về hệ sinh thái cũng như an ninh thực phẩm ngày càng gia tăng.

Ông Cronin cho rằng sự thất bại này là nguyên nhân của sự xung đột giữa Lào và hai nước láng giềng Campuchia và Việt Nam xung quanh những đập nước lớn

trên dòng chính mà Lào dự định xây. Lào và các quốc gia này không đồng ý với nhau về những tác động có thể có của các đập nước này như là sự ảnh hưởng lên chu kỳ sinh trưởng của các loài cá, sự dịch chuyển phù sa về phía hạ lưu. Hơn nữa Ủy Ban Sông Mekong (MRC) hoạt động không có hiệu quả, dẫn tới việc Lào bất chấp việc không giành được sự hậu thuẫn của các nước Việt Nam, Campuchia quyết định xây đập Xayaburi. Con đập này bắt đầu khởi công xây dựng vào tháng 3/2012 và gặp sự phản đối của các nước láng giềng là Campuchia và Việt Nam. Con đập này dự kiến sẽ có chiều dài là 810 mét và cao hơn 32 mét. Lào còn tiếp tục xây thêm một con đập nữa là Don Sahong, một trong những nhánh phụ của sông Mekong. Lào lý giải rằng MRC không có tiếng nói gì trong việc xây đập này vì nó không phải là dòng chính của sông Mekong. Richard Cronin cũng nói về ảnh hưởng của việc xây đập thứ hai lên vùng hạ lưu. Đó là chuyện dòng chảy mà Lào sẽ xây đập Don Sahong là một con đường để những loài cá của sông Mekong đi ngược dòng vào mùa sinh sản, khi có con đập thì con đường di chuyển này của các loài cá sẽ biến mất, dẫn đến sự diệt vong của chúng. Richard Cronin kết luận: *"Viễn cảnh bây giờ là tảm tối, tất nhiên không hoàn toàn tối tảm nhưng mọi việc ngày càng xấu đi còn Ủy Hội Sông Mekong thì lại bất lực"*. Thêm nữa, tình trạng lại càng xấu do sự thiếu hợp tác của Trung Cộng. Bà Yongmin Bian nói rằng Trung Cộng là một đối tác quan trọng trong khu vực. Trung Cộng có 6 đập đã hoàn tất ở trên đoạn sông Mekong chảy qua lãnh thổ của họ ở tỉnh Vân Nam, và lên kế hoạch xây nhiều (con số cụ thể) khác. Bà cũng cho biết luật của Trung Cộng không quan tâm tới những ảnh hưởng mà việc xây đập ở thượng nguồn Mekong đối với các khu vực ngoài biên giới Trung Cộng. Các hồ sơ và số liệu của các công trình thủy điện được Trung Cộng coi là bí mật quốc gia và không chia sẻ với các nước khác. Theo bà, Trung Cộng riêng đối với Đông Nam Á, chỉ hợp tác hạn chế.

Nguồn: www.rfa.org

* Trung Cộng hoàn thành đường bay quân sự tại Hoàng Sa

Bắc Kinh vừa hoàn tất việc xây dựng một đường băng cho máy bay quân sự trên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa mà Trung Cộng đã đánh chiếm của Việt Nam vào năm 1974. Trong lúc loan tin Tân Hoa Xã không đưa thông tin cụ thể về đường băng mà chỉ cho biết đường băng dài 2.000m và dùng cho mục đích quân sự. Bài báo trên Tân Hoa Xã viết rằng đường băng mới xây tại đảo Phú Lâm mà Trung Cộng gọi là Yongxing, đảo lớn nhất của Hoàng Sa, sẽ nâng cao khả năng quốc phòng của Trung Cộng ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong năm nay, từ thành phố này, Trung Cộng đã thiết lập một hệ thống tuần duyên nằm trong mục đích mà họ gọi là bảo vệ quyền chủ quyền quốc gia. Tin thêm, Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh trong cuộc phỏng vấn với Báo Lao Động xoáy vào kết quả chuyến đi Trung Cộng ngày 16-18.10.2014 của 13 tướng lĩnh cột trụ trong quân đội CSVN do ông ta dẫn đầu. Nhà báo hỏi nhóm 13 ông tướng do PQT đứng đầu đã trao đổi với "phía bạn" điều gì? PQT trả lời dứt khoát: *"Chúng tôi có trao đổi là giờ phải giữ nguyên hiện trạng. Trên biển Đông không cắm mốc vào những nơi mà các bên chưa cắm"*. Câu trả lời không rõ ràng với 'giữ

nguyên hiện trạng' là hiện trạng của thời gian nào? Liên sau đó, ông Thanh phân trần: *"Nói chung là bên bạn ghi nhận ý kiến của Việt Nam"*. Phải chăng "bên bạn" coi thường lời trao đổi của bên Việt Nam, chẳng thềm đối đáp gì khiến chính Thanh đành ồm ờ với người dân: *"Nói chung là bên bạn ghi nhận ý kiến của Việt Nam"*. Sau đó PQT lại gián tiếp biện minh cho các hành động xây dựng của TC: *"Còn hiện nay trên biển, nói thật là các bên đều có xây dựng. Đài Loan cũng xây dựng, Philippines cũng tiến hành xây dựng đường băng, Malaysia có xây dựng và Việt Nam cũng có hoạt động xây dựng. Đầu là tôn tạo, nâng cấp, mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân, cho các lực lượng đóng quân trên đảo để bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão, bảo đảm điều kiện sinh hoạt trên đảo. Tuy nhiên, nguồn lực của ta còn có hạn nên việc xây dựng quy mô chưa lớn như Trung Cộng"*...

Tin mới nhận ngày 16.11.2014, Trung Cộng đang triển khai hoạt động xây dựng một khu định cư trái phép rộng 5.500 m2 trên đảo Cây, thuộc quần đảo Hoàng Sa của VN, đây như là bằng chứng cho thấy rõ thêm sự lừa bịp, dối trá và hèn mạt của Đại tướng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng CSVN Phùng Quang Thanh.

Nguồn: www.vnexpress.net

* Vỡ đê quai hồ thải quặng bauxite tại Tân Rai

Một đoạn đê phụ của hồ thải quặng - dài 5m cao 1m - thuộc nhà máy tuyển quặng bô xit, dự án bô xit nhôm Tân Rai bị vỡ vào lúc 3 giờ 30 sáng hôm 8.10.2014. Tổng Giám đốc công ty TNHH một thành viên Nhôm Lâm Đồng, ông Vũ Minh Thành cho biết, đoạn đê vỡ đã khiến hàng nghìn khối nước và bùn trôi ra hồ Cai Bàng phía dưới. Nguyên nhân của sự cố hiện vẫn đang được cơ quan chức năng điều tra làm rõ. Sau khi sự cố được phát hiện, công ty Nhôm Lâm Đồng đã phải huy động công nhân, bảo vệ trực vận hành hồ cùng xe máy để ngăn đập, không cho bùn đất đỏ thoát qua hồ Cai Bàng (là hồ cung cấp nước cho Nhà máy nhôm Tân Rai). Sau gần 1 giờ khắc phục, đơn vị này đã đắp chặn được phần đê bị sạt lở. Khoảng 9.000 m3 nước thải kèm theo bùn đất đỏ từ hồ tràn ra ngoài, chảy xuống hồ Cai Bàng gây đục nước và vùi lấp một phần hồ. Công ty cho biết, hồ thải quặng có đập bị vỡ vừa nói có dung tích hơn hai triệu khối, dùng để chứa bùn, nước trong quá trình rửa quặng, nhưng không chứa hóa chất và các loại chất độc hại như bùn đỏ. Giải thích thêm, ông Quân cho biết công việc tuyển quặng bauxite chỉ dùng nước mà không dùng hóa chất nên bùn sinh ra từ đất đá sau khi tuyển quặng không hề độc hại, độ pH=7 là an toàn. Được biết, dự án bô xit Tân Rai, thuộc tỉnh Lâm Đồng là một trong một loạt dự án khai thác bô xit Tây Nguyên. Dự án đã gây nhiều tranh cãi ở VN vì những lo ngại liên quan đến các vấn đề an ninh quốc phòng, hiệu quả kinh tế, và tác động tới môi trường sinh thái. Bất chấp những kiến nghị thư của nhiều nhân sĩ trí thức và cựu lãnh đạo thuộc đảng cộng sản, Bộ chính trị đảng CSVN và chính phủ vẫn tiến hành dự án khai thác với đầu tư và lao động từ Trung Cộng.

Nguồn: www.rfa.org

* Bắt Hà Văn Thắm - đàn em của Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Sinh Hùng

Ngày 24.10.2014 nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đại dương, ông Hà Văn Thắm, bị khởi tố và

bắt tạm giam vì tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng" (Điều 179 Bộ Luật Hình sự). Trước đó, trong chiều cùng ngày 24/10, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có quyết định đình chỉ quyền và nghĩa vụ của ông Thẩm "để phục vụ việc xử lý các vi phạm pháp luật nghiêm trọng của cá nhân ông". Ngoài chức danh Chủ tịch HĐQT Ocean Bank, ông Thẩm còn là Chủ tịch Tập đoàn Đại Dương (Ocean Group); Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH); Chủ doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo. Được biết, ông Thẩm được báo Người Đưa Tin tại Việt Nam mô tả là nằm trong "top 10 gia đình đại gia giàu tiền nhiều của nhất sàn chứng khoán Việt Nam". Vào tháng trước, báo Lao Động mô tả doanh nhân Hà Văn Thẩm "Không chỉ nổi tiếng với các dự án bất động sản ở vị trí đất địa tại Hà Nội và hệ thống siêu thị OceanMart mà còn được biết đến với tham vọng phát triển chuỗi khách sạn, khu nghỉ dưỡng hạng sang mang thương hiệu Việt. Báo Anh The Economist hồi tháng 1/2014 có bài nói "Hà Văn Thẩm là nhân vật được mô tả là có quan hệ tầm cao với giới chức chính phủ" và nhận định điều báo này nói là Ngân hàng Đại Dương có liên hệ tới diễn biến của vụ đóng cửa Zone 9, một khu tổ hợp kinh doanh và giải trí tại Hà Nội, sau hỏa hoạn chết người tại đây. Sau đó mấy ngày trên mạng youtube đã lưu hành nhiều đoạn băng ghi âm được cho là của Hà Văn Thẩm gây chấn động dư luận. Trong một cuộc họp kín, Thẩm tiết lộ kế hoạch thâm tóm ngân hàng Bảo Việt của y (Thẩm) theo "chỉ đạo" của Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Sinh Hùng. Thẩm khẳng định việc Phó Chủ tịch thường trực Ngân hàng Bảo Việt Lê Trung Hưng "tổ" Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Sinh Hùng muốn cướp ngân hàng Bảo Việt cho Thẩm và bà Nguyễn Hồng Phương (Chủ tịch tập đoàn SSG, em ruột Chủ tịch Quốc Hội) là đúng và nhấn mạnh ông Nguyễn Sinh Hùng cướp thật. Đồng thời, để "giữ thể diện" cho Chủ tịch Quốc Hội và che giấu hành vi thâm tóm ngân hàng Bảo Việt, Thẩm chỉ đạo cho nhân viên đánh lừa cơ quan chức năng, kể cả chuyện làm giả sổ sách và chứng từ. Trong một video khác, đã hé lộ một nữ Mafia tài chính "cộm cán" hơn Thẩm, mà thông tin hầu như được bưng bít hoàn toàn trên thị trường tài chính: đó chính là "nữ tướng" Nguyễn Hồng Phương (dư luận ở Tp.HCM thường gọi Phương là "nữ tướng cướp" do có thành tích "biến" vốn các tập đoàn nhà nước thành cổ phần tư nhân của SSG). Theo báo lề dân, việc bắt giam Hà Văn Thẩm chỉ là khởi đầu cuộc đấu đá tranh giành quyền lực tối cao giữa TT CSVN Nguyễn Tấn Dũng và CT Quốc Hội bù nhìn Nguyễn Sinh Hùng trong kỳ đại hội đảng XII sẽ diễn ra năm tới. Không biết kết cục ra sao, người dân chỉ càng thấy rõ sự lụn bại của ngành tài chính ngân hàng VN hiện nay cùng với sự tham ô hủ hóa của các vị lãnh đạo CSVN.

Nguồn: BBC và <http://www.vanews.org/>

* "Giao trứng cho ác" với nguy cơ có thể chia cắt đất nước

Dư luận phản ứng gay gắt về việc chính quyền Thừa Thiên-Huế cấp giấy chứng nhận đầu tư khu nghỉ dưỡng rộng 200 hecta cho Công ty Trung Quốc Thế Diệu tại Cửa Khém núi Hải Vân. Đây là một vị trí chiến lược không chế cả vùng trời vùng núi và vùng biển Đà Nẵng và có thể chia cắt Việt Nam ở vĩ tuyến 16. Giáo sư Tiến

sĩ Nguyễn Thế Hùng một công dân Đà Nẵng đồng thời là một nhà hoạt động xã hội dân sự đã nhanh chóng phản ứng: "*Chúng tôi vô cùng sửng sốt không hiểu tại sao chính quyền Thừa Thiên-Huế lại làm việc này. Chúng ta biết là Việt Nam trong quá trình mở rộng về phương Nam thì đèo Hải Vân là một trong những chướng ngại thuở xưa. Trong chiến tranh gần đây cũng thế đèo Hải Vân chia cách đất nước Việt Nam, ở đỉnh cao hiểm trở như thế mà cho người nước ngoài thuê để làm cái này cái kia thì đó là điều không thể nào chấp nhận được*". Đây là dự án khu du lịch nghỉ dưỡng quốc tế World Shine Huế do doanh nghiệp Trung Quốc làm chủ đầu tư với tổng vốn 250 triệu USD. Người Trung Quốc được phép sử dụng diện tích 200 hecta tại khu vực mũi Cửa Khém, nơi núi Hải Vân đâm ra biển. Tại đây nhà đầu tư Trung Quốc sẽ xây dựng khu nghỉ mát tiêu chuẩn 5 sao với 450 phòng, một trung tâm hội nghị quốc tế 2.000 chỗ ngồi, khu nhà nghỉ dưỡng năm tầng với 220 căn hộ cao cấp, 350 biệt thự và khu du lịch, nhà hàng bãi tắm. Dự án này được triển khai theo ba giai đoạn từ 2013 đến 2023 trên thực tế đã bắt đầu xây dựng một số hạng mục và cơ sở hạ tầng. Đại tá Thái Thanh Hùng, nguyên Chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự Tp Đà Nẵng, nói rằng: "*Dự án Trung Quốc trên đèo Hải Vân nằm ở vị trí yết hầu có thể chia cắt đất nước. Nằm vị trí đó là nằm cả vùng trời, vùng núi, vùng biển khu vực phòng thủ Đà Nẵng*". Ông phân tích: "*Nếu để cho đối tác nước ngoài, chưa nói là Trung Quốc, vào xây dựng, chiếm lĩnh vị trí trọng yếu đó sẽ không bảo đảm được khu vực phòng thủ cho cả nước nói chung, đặc biệt là đối với Tp Đà Nẵng. Đây là vị trí chiến lược, là địa bàn trọng điểm. Ở miền Trung thì khu vực đèo Hải Vân mọi người đều biết cả rồi. Nếu xảy ra chiến tranh, nơi này bị chiếm thì đất nước bị chia cắt liền*". Đặc biệt, các nhà phân tích quân sự Trung Cộng đã từng nhiều phen bàn chiến lược đánh úp ngang hông VN, cụ thể qua bài viết trên China.com 20.2.2011 (bản Việt dịch của Dương Danh Dy trên mạng Boxit VN) có tựa đề "*Trong cuộc đánh trả tự vệ Việt Nam năm 1979: Vì sao không chia cắt Việt Nam, thương vong khi rút về lớn hơn khi tấn công?*", bài báo cũng đã nêu khả năng đánh úp ngang hông VN khi duyệt lại cuộc chiến xâm lược 1979 của Trung Cộng. Dự án Khu nghỉ dưỡng quốc tế World Shine ở Cửa Khém núi Hải Vân, nơi chia cách Thừa Thiên-Huế và Đà Nẵng, chỉ là một mắt xích mới nhất trong chuỗi vị trí chiến lược trọng yếu về an ninh quốc phòng đã và đang được trao vào tay nhà đầu tư Trung Cộng.

Nguồn: www.rfa.org

* Nạn nghiện ma túy tại Việt Nam

Theo số liệu của Bộ Lao động, Thương binh Xã hội tính đến hết tháng 9/2014, cả nước có hơn 200.000 người nghiện ma túy (nhưng đây chỉ là con số chưa đầy đủ, có thể còn thiếu từ 50%-80%). Trong số hơn 200.000 người nghiện ma túy có 96% là nam giới, 4% là nữ giới (khoảng 8.000 người); 74% ở độ tuổi 18-35, có 1% dưới 18. Người nghiện sử dụng heroin là 72% và có xu hướng giảm dần, tỷ lệ người sử dụng ma túy tổng hợp nhóm kích thích dạng Amphetamin (ATS) ngày càng gia tăng. Trong 3 năm (2011-2013), 127.800 lượt người đã được tổ chức cai nghiện, chiếm 74% số người nghiện có hồ sơ quản lý. Đến tháng 9/2014 cả nước có 142 trung tâm cai nghiện ma túy, đa số do Nhà nước quản

lý. Trong khi vấn đề cai nghiện tự nguyện đang còn bị bỏ dở thì việc quản lý những người nghiện tại địa phương hiện nay được xem là giảm chân tại chỗ. Từ năm 2012, Tp HCM đã triển khai công tác cai nghiện ma túy dựa vào gia đình và cộng đồng tại 244 trong 322 phường xã và thị trấn. Tuy nhiên, tính đến tháng 5/2014, toàn thành phố chỉ có 43 người tham gia mô hình cai nghiện ma túy dựa vào gia đình và cộng đồng. Trong đó chỉ có 12 người thành công và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành cai nghiện. Nếu so với tổng số hơn 19.000 người nghiện của thành phố (con số chưa chính xác) thì đây quả là con số không! Riêng Tp HCM là "điểm tập kết" của người nghiện ở khắp nơi, hiện đang có số nghiện ma túy lớn nhất nước, khiến người dân và cả chính quyền thành phố bất an và lo lắng. Khoảng 60% các vụ phạm pháp liên quan đến con nghiện trong đó có những vụ án vô cùng tàn bạo. Nghiện hút lộng hành và ngang nhiên tại nhiều công viên, khiến các khu vực này rất ít người qua lại. Một nam nhân viên giữ xe cho biết, công viên đã bị người nghiện độc chiếm, anh chứng kiến nhiều trường hợp người dân tới đây chơi bị "xin đều" và hăm dọa. "*Lượng người ghé qua công viên ngày càng ít. Bản thân tôi cũng sợ nên đi đầu trong công viên cũng thường đi một nhóm*", anh này nói. Theo ông Năm hành nghề xe ôm tại khu vực, ông từng chứng kiến nhiều cô gái hốt hải chạy khỏi công viên vì bị người nghiện dùng kim tiêm uy hiếp xin tiền (gọi là xin đều). Cách thức là người nghiện chia thẳng ống tiêm vào nạn nhân, nhận mình đang nhiễm HIV và ra điều kiện "*hoặc bị đâm hoặc đưa tiền*". "*Chiều này đơn giản nhưng hiệu quả bởi nạn nhân không muốn rắc rối, thường móc tiền đưa ngay lập tức. Chúng tôi thấy cũng không dám can thiệp vì nói thiệt cũng sợ bị trả thù. Mà can thiệp sao cho hết, xảy ra hà rầm ừ*", ông Năm nói.

Tin thêm, ngày 1.4.2014 hơn 100 người trong một trại cai nghiện ma túy ở Hải Phòng (Cát Bi, Hải An) đã không chế quản giáo và bỏ trốn, khiến cho dân sống quanh vùng bất an và lo lắng. Được biết chính quyền Việt Nam đã ra lệnh cưỡng bách chữa bệnh đối với khoảng 140.000 người nghiện ma túy. Tuy vậy chương trình này bị các tổ chức nhân quyền phê phán về vấn đề cưỡng bách lao động và điều kiện sinh hoạt tồi tệ. Năm ngoái, Human Rights Watch ra báo cáo kêu gọi Việt Nam đóng cửa vĩnh viễn các trung tâm cai nghiện ma túy. Nghiện cứu của tổ chức nhân quyền ghi lại trải nghiệm của những người từng bị quản chế tại 14 trung tâm cai nghiện ở Tp.HCM. Họ cáo buộc các trại "chẳng hơn gì các trại lao động cưỡng bức". Tháng 12/2013, ông Anand Grover, báo cáo viên đặc biệt của LHQ về quyền sức khỏe, cũng kêu gọi VN đóng cửa các trại cai nghiện và phục hồi nhân phẩm, sau 10 ngày thị sát. Ông Grover cho rằng việc giam giữ và điều trị bắt buộc với những người nghiện ma túy và gái mại dâm tại các trung tâm này là vi phạm quyền y tế và sức khỏe của họ. Theo báo chí Tuổi Trẻ (10/2014) số liệu rất đáng lo ngại mỗi năm nước ta tăng thêm 7.000 con nghiện, thì ít nhất mỗi năm phát sinh thêm hàng ngàn người sẵn sàng trộm cắp, cướp bóc, đe dọa hay tống tiền. Như vậy, chỉ mười năm nữa, 'đội quân' nghiện sẽ đông đến hàng trăm ngàn, nếu không có giải pháp thỏa đáng. Blogger nhà giáo Hà Văn Thịnh đã viết "*Không thể chấp nhận một đất nước mà lòng dân thường xuyên bị tổn thương, bất an, bất lực trước cái ác, cái xấu*".

Nguồn: www.rfa.org

TIN CỨU TRỢ

Thương Phế Binh VNCH tại Đức

Chương trình cứu trợ Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa tại quê nhà vẫn còn được sự ủng hộ nhiệt tình của bà con đồng hương hải ngoại.

Trong mấy tháng vừa qua, Hội đã nhận được sự ủng hộ của những Tấm Lòng vàng như sau:

- Nhận qua anh Ngô Văn Phát tại Chùa Viên Giác Hannover: Phan Thị Xuân, Laatzen: 20€. Trần Thị Hiền, Laatzen: 20€. Nguyễn Thị Quỳnh, Barntrop: 40€. Nguyễn Lê Việt Châu, Burgwedel: 05€. Nguyễn Lê Thùy An, Burgwedel: 05€. Hồ Thị Y, Wallerfangen: 50€. Tổng cộng: 140€.

- Nhận qua anh Hoàng Tôn Long ở Frankfurt: Thị Bích Quyên Nguyễn (6,7,8,9,10): 150€. Hội Cao Niên Frankfurt và VPC: 1.000€.

Tiền quỹ tính đến nay gồm có: quỹ cuối tháng 6 còn 2.542,40€ + 140+150 + 1.000 = **3.832,40€**.

Trong dịp Tết Nguyên Đán tới đây, Hội sẽ gửi về giúp cho Anh Em TPB tại các tỉnh Miền Tây thuộc Tiền Giang và Hậu Giang như: Tỉnh Long An, Tỉnh Đồng Tháp, Tỉnh Cần Thơ, Mỹ Tho, Bến Tre...

Ngoài ra Hội cũng đã cung cấp Hồ sơ TPB cho các đồng hương về thăm quê nhà trong các dịp Tết. Họ đã tìm đến thăm viếng và an ủi những người thương tật vì chiến tranh. Nhiều người đã chụp hình để làm kỷ niệm. Đây thật là một nghĩa cử rất cao đẹp đáng được trân trọng. Vì công việc cứu trợ những người thương phế là công việc cấp thiết. Họ là những người không ai giúp đỡ, chỉ thêm gánh nặng của thân nhân họ mà thôi! Như tâm sự của TPB Trần Trung Phán qua bài thơ sau đây: "**Tôi Mất Em Rồi**".

"Em bỏ tôi chi giữa chợ đời. Sầu theo năm tháng hạt mưa rơi. Tôi buồn tôi khóc đời binh phế. Khổ-hận-sầu-thương mãi một thời. Cắn chặt vành môi nghe rướm máu. Nhớ con giờ lại biết tìm nơi. Nhà xưa vắng bóng người xưa cũ. Quạnh quẽ buồn hiu rách tả tơi. Em bỏ tôi chi giữa chợ đời. Theo người với biển với dòng khơi. Đem con về chốn trũng dương rộng. Năm tháng đi qua chẳng một lời. Em bảo rằng tôi cái nợ đời. Bỏ theo người mới để tìm chơi. Bể dâu biến đổi đời tan nát. Cuộc chiến về chi chẳng gọi mời. Tôi mãi nằm đây rách tả tơi. Hỡi người chiến hữu khắp muôn nơi. Chút tình an ủi đời binh phế. Sống nốt thời gian thuở cuối đời" !

Nghe xót xa lắm có phải không? (Đã một thời hy sinh xương máu cho Tổ Quốc và Đồng Bào. Giờ đây với tấm thân tàn phế, chỉ cần "*Chút tình an ủi đời binh phế. Sống nốt thời gian thuở cuối đời*" !)

Cho nên chúng ta cần phải nhanh chóng làm một cái gì đối với "Người Chiến Sĩ", để cho họ có chút an ủi trong những ngày cuối đời, vì họ sắp gần đến huyết mộ! Hãy làm trước khi chưa đến nỗi quá muộn.

Thay mặt Hội CT.TPB VNCH cầu chúc quý đồng hương luôn sức khỏe và không quên suy nghĩ về những lời kêu thương của các Anh TPB!

Trân trọng.

(Trần Văn Huyền, Thư ký)



in hệ giới

• Trần Việt Dung

* Hồng Kông - Cách Mạng Dù bung cánh



Trong hai ngày cuối tháng 9 và đầu tháng 10/2014 một biến cố lớn làm lu mờ những tin tức nóng bỏng nhất thế giới. Đó là cuộc xuống đường rầm rộ của Liên Hội Sinh Viên Hồng Kông và Scholarism cùng Phong trào Chiếm Lĩnh Trung Hoàn (Occupy Central with Love and Peace-OCLP) do hai người sinh viên còn rất trẻ Hoàng Chí Phong và Linh Mục Chu lãnh đạo. Những chiếc dù màu sắc được sử dụng để chống trả lại lựu đạn cay, vòi nước đã trở thành biểu tượng cho cuộc chiến giữa tự do, dân chủ và độc tài tại Hồng Kông. Cuộc Cách Mạng Dù (The Umbrella Revolution) đã bung cánh. Liên hội Sinh viên Hồng Kông và Scholarism đã đưa ra những yêu sách đòi Bắc Kinh phải thu hồi lại quyết định phản dân chủ 'Đảng cử dân bầu', đòi chính quyền Hoa Lục phải có quyết định cải cách chính trị, đáp ứng đầy đủ nguyện vọng dân chủ của dân chúng.

Điểm cần ghi nhận về tính kỷ luật tranh đấu ôn hòa của thanh niên sinh viên Hồng Kông là sau nhiều ngày biểu tình, vẫn không có một hàng quán nào bị đốt phá hay cướp giật. Một nhà báo Anh đã viết về hai đêm biểu tình tại Hồng Kông như sau: không một chiếc xe bị lật nhào, không một xe cảnh sát bị đốt cháy, không một cửa hàng nào bị đập phá bị hôi của, và người biểu tình tham gia dọn dẹp vệ sinh, phân loại rác thải sau mỗi đêm... Tất cả nhịp nhàng và ôn hòa. Và điều đó tạo được thiện cảm của nhiều người bên ngoài Hồng Kông.

Thông điệp gửi đi từ Twitter của Phong trào OCLP như sau: "*Mặc dù người dân Hong Kong đã bị tấn công bởi chính phủ và lực lượng cảnh sát, nhưng chúng tôi đã không trả đũa, thậm chí không một lần. Chúng tôi từ chối việc trở thành kẻ thù của họ*". Trên đường phố một khẩu hiệu "*They can't kill us all!*" (*Họ không thể giết hết chúng ta!*) đã được hô vang đêm thứ Ba để mọi người có thể đoàn kết lại với nhau. Cùng lúc đó, Phong trào Đoàn kết cùng Hồng Kông (Global Solidarity Hồng Kông) -

đang nhân rộng ra khắp các thành phố lớn trên thế giới. Tất cả cùng tuần hành hoặc biểu tình ngòi vào ngày 01.10.2014 này để bày tỏ sự ủng hộ Hồng Kông. Một số nơi còn chọn trang phục (dress code) là đồng phục màu đen và ribbon vàng trên ngực áo như là cách mà họ muốn gửi đến Hồng Kông sự đoàn kết của họ.

Theo tin tức từ internet và các phương tiện thông tin thì các trạm xe buýt, xe điện ngầm, các máy rút tiền của các ngân hàng đều ngưng hoạt động, các nhà hàng đóng cửa, các trường học bãi khóa các công sở cũng không thể hoạt động bình thường. Kể từ đêm Chủ nhật 29/9 khi cuộc 'cách mạng lên cơn sốt', những hình ảnh đàn áp của cảnh sát Hồng Kông đang xit hơi cay đã được truyền tải trên internet phát tán đi khắp thế giới, đã đánh động hàng ngàn sinh viên học sinh và dân chúng còn ở nhà chưa tham gia phong trào cách mạng, như được tiếp thêm bầu máu nóng họ đã nô nức xuống đường đến tập trung trong khu vực tòa hành chính để ủng hộ và tham gia phong trào. Thái độ quyết liệt và dũng cảm của người dân Hồng Kông đã làm chấn động đến nhà cầm quyền Bắc Kinh qua mạng internet mỗi giờ mỗi phút, người ta thấy cảnh sát Hồng Kông dường như đã chùn tay đàn áp vì một mệnh lệnh bí mật nào, vì họ e rằng nếu hàng ngũ biểu tình bị ép đến đường cùng thì sự nguy hiểm cho chế độ không sao lường hết. Vì hình ảnh đàn áp sẽ được hàng trăm, hàng ngàn chiếc điện thoại di động truyền đi khắp nơi trên thế giới. Phong trào đấu tranh mỗi lúc một tăng cao ngùn ngụt làm rung động cả Hoa Lục, Hồng Kông nóng như một hỏa diệm sơn, các cuộc xuống đường tập trung ngòi lì ở khu trung tâm thành phố, những chướng ngại vật cản trở làm trở ngại ách tắc lưu thông ngày một nghiêm trọng. Vào đúng ngày kỷ niệm 65 năm quốc khánh Trung Cộng (1/10) cả rừng người biểu tình giơ cao tay vẫy điện thoại di động của mình đòi hỏi nhà cầm quyền thực thi quyền dân chủ của người dân. Sau ngày này dân chúng tiếp tục xuống đường ủng hộ ngày một kiên cường, gia tăng, sau mấy ngày đêm va chạm với cảnh sát, làm chính quyền Hồng Kông rung động lo sợ. Để chống lại cuộc đàn áp của cảnh sát bằng lựu đạn cay, dùi cui, sinh viên học sinh và dân chúng chỉ có một thứ vũ khí duy nhất là chiếc dù che mưa! Ngày 3/10 đoàn biểu tình đã tiến tới chiếm lĩnh tòa nhà hành chính đặc khu Hành chính đòi Đặc khu trưởng Lương Chấn Anh từ chức, đoàn người đông đảo đã bị cảnh sát đàn áp đẩy lui ra ngoài. Đến chiều thứ sáu chánh quyền ra thông báo muốn đối thoại với lãnh đạo cuộc biểu tình, nhưng Lương Chấn Anh vẫn ngoan cố không chịu từ chức. Chính quyền Hồng Kông đồng ý sẽ họp với Đại diện Liên Đoàn Sinh viên, nhưng cuối cùng cuộc gặp gỡ không được diễn ra vì Đại diện Chính quyền nói: Quốc hội Hồng Kông không hợp được để thỏa mãn yêu sách của Sinh viên Học sinh. Cho đến ngày 11/10, cuộc biểu tình đã giảm đi phần nào, việc buôn bán ở các đường phố tương đối bình thường. Trong đám đông biểu tình ngoài đường phố có một nhóm người chống lại cuộc biểu tình đã cãi lộn với những người ủng hộ biểu tình đây đó, có lẽ đó là những thành phần do Chính quyền cài vào để làm lũng đoạn, phá rối cuộc xuống đường của dân chúng. Thủ lĩnh sinh viên Hoàng Chí Phong (Joshua Wong Chi-Fong, sinh năm 1996) được báo chí Hồng Kông mô tả là người nhỏ con, khuôn mặt còn non choẹt, trông hình chỉ đoán chừng 15, 16 tuổi, nhưng nói năng chững chạc, mạch lạc, lưu loát

khi được báo chí phỏng vấn. Anh là người luôn quan tâm đến quyền Tự do Dân chủ, ngay khi còn là học sinh cấp 2 anh và phong trào đã đấu tranh thành công trong việc hủy bỏ cái gọi là "Chương Trình giáo Dục Ái quốc" theo kiểu Cộng sản, phát xuất từ Trung Cộng. Cũng theo báo chí tường thuật, anh có học bổng để đi du học nhưng anh đã từ chối, vì theo anh, hiện tại Phong trào đòi hỏi Tự do Dân chủ cần có anh lãnh đạo. Như mọi người quan tâm đến cuộc Cách mạng Dù e ngại, cuộc xuống đường biểu tình đã gần hai tuần lễ, vẫn chưa đạt được kết quả. Lý do vì Chính quyền Hồng Kông cố ý kéo dài để gây bất lợi cho những người lãnh đạo phong trào, vì Hồng Kông là một đảo quốc thương mại, lại là Trung tâm tài chính của thế giới. Liệu dân chúng Hồng Kông có ủng hộ lâu dài khi con em họ còn đang tuổi cắp sách đến trường? Điều quan trọng nữa là việc làm ăn sinh sống của những người dân đang sống ổn định nơi đây. Điều khó khăn của giới chức Hồng Kông và nhất là giới lãnh đạo cộng sản tại Bắc Kinh là vấn đề không chỉ nằm trong cuộc bầu cử thành phố mà còn là tương lai của Hồng Kông - trung tâm tài chính lớn thứ hai thế giới - trong vị trí bán tự chủ và viễn ảnh phong trào dân chủ sẽ lây lan sang lục địa. Nhiều người cho rằng bằng mọi giá Bắc Kinh phải đàn áp những người biểu tình để "vi khuẩn tự do" không bị "truyền nhiễm" ra toàn quốc. Nhà cầm quyền Bắc Kinh đã lên án và bưng bít mọi thông tin về cuộc biểu tình tại Hồng Kông đối với quần chúng lục địa. Theo USA Today, hệ thống Instagram, Twitter, Facebook và Youtube đã bị kiểm duyệt và ngăn chặn. Theo CNN, mọi tin tức, bình luận, hình ảnh về Hồng Kông đều bị kiểm duyệt và chặn tường lửa. Truyền thông của đảng đã đăng tải rất ít về cuộc biểu tình và nếu có thì chỉ đề cập rất ngắn gọn bản tin trong đó Lương Chấn Anh tuyên bố những gì đang xảy ra tại Hồng Kông chỉ là một cuộc tụ tập bất hợp pháp!

*** Bắc Hàn dọa thử hạt nhân sau khi bị lên án về tội ác chống lại nhân loại**

Một ủy ban của Liên Hiệp Quốc đã kêu gọi Hội đồng Bảo an LHQ đưa Bắc Hàn ra Tòa án Hình sự Quốc tế vì các hành động vi phạm nhân quyền. Ủy ban nhân quyền đã kiến nghị mở một cuộc điều tra về các cáo buộc về tội ác chống lại nhân loại của chính quyền Bình Nhưỡng. Phúc trình của Liên Hiệp Quốc hồi tháng 2/2014 nói người dân Bắc Hàn đã và đang phải chịu 'sự tàn bạo không thể tưởng tượng'. Chi tiết về những vi phạm nhân quyền này dựa trên các bằng chứng về tra tấn, đàn áp chính trị và các tội ác khác. Phúc trình lên án vi phạm nhân quyền tại Bắc Hàn đã "kéo dài, tàn bạo và kinh hoàng hơn tất cả những nơi khác". Báo cáo cho biết những người phạm tội chính trị bị đưa vào các trại lao cải, nơi họ bị "bỏ đói, lao động khổ sai, hành hình, tra tấn, hãm hiếp và bị tước đoạt quyền sinh sản thông qua các biện pháp trừng phạt, phá thai cưỡng bức và giết chết trẻ sơ sinh". Bản phúc trình, vốn dựa trên các cuộc phỏng vấn với những người vượt biên khỏi Bắc Hàn, ước tính "hàng trăm nghìn các tù nhân chính trị đã thiệt mạng trong những trại giam như vậy trong suốt 5 thập niên qua". Một trong số các nhân chứng bao gồm một phụ nữ bị buộc phải dìm chết con của mình, những đứa trẻ sinh ra đã ở tù và bị bỏ cho chết đói và những gia đình bị tra tấn chỉ vì xem phim tình cảm nước ngoài! Phúc trình này đã dẫn đến một phiên biểu quyết không

mang tính ràng buộc hôm 18/11, với 111 phiếu thuận, 19 phiếu chống và 55 phiếu trắng. Trung Cộng và Nga, vốn giữ quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an, đều bỏ phiếu chống. Nghị quyết cũng lên án hồ sơ nhân quyền của Bắc Hàn và thúc giục Hội đồng Bảo an xem xét các lệnh trừng phạt nhằm vào các cá nhân đứng sau những tội ác trên. Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc sẽ biểu quyết về kiến nghị này trong những tuần tới. Tuy nhiên, các nhà ngoại giao cho rằng Trung Cộng, đồng minh lâu năm của Bắc Hàn, sẽ dùng quyền phủ quyết để chặn Hội đồng Bảo an đưa vụ việc lên Tòa án Hình sự Quốc tế. Bắc Hàn đã từ chối hợp tác với Liên Hiệp Quốc và bác bỏ kết quả điều tra. Phát biểu trước thềm cuộc bỏ phiếu, một quan chức ngoại giao Bắc Hàn cảnh báo rằng nước này có thể tiếp tục thử tên lửa hạt nhân. Việc trừng phạt Bắc Hàn về vấn đề nhân quyền "sẽ khiến chúng tôi không ngại ngần trong việc tiếp tục thử hạt nhân" ông Choe Myong-nam nói. Bắc Hàn đã thực hiện ba vụ thử hạt nhân trong quá khứ (2006, 2009 và 2013). Trong khi đó, các hình ảnh mới thu được qua vệ tinh cho thấy một cơ sở hạt nhân của Bắc Hàn dường như có hoạt động trở lại. Các nỗ lực đàm phán quốc tế nhằm chấm dứt tham vọng hạt nhân của nước này đã bế tắc nhiều năm nay. Hôm thứ Năm 20/11 Bộ Ngoại giao Bắc Hàn đã cáo buộc Hoa Kỳ đứng đằng sau nghị quyết LHQ kêu gọi điều tra. Bình Nhưỡng tuyên bố nghị quyết này dựa trên "các lời khai giả mạo" của những kẻ đào tẩu và "lời bôi nhọ Bình Nhưỡng". Bắc Hàn cũng nói việc thông qua nghị quyết là "khiêu khích chính trị nghiêm trọng" của Hoa Kỳ và "hành động hung hăng này khiến chúng tôi không thể kiểm chế việc thực hiện một vụ thử hạt nhân mới". Nước này cũng nói sẽ "tăng cường vũ giới hạt" khả năng phòng thủ quân sự của mình trước Hoa Kỳ. Một người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đáp lại: "Thật đáng tiếc về lời đe dọa tiến hành hoạt động kiểu này để đáp lại sự chú ý chính đáng của cộng đồng quốc tế về tình hình nhân quyền ở Bắc Hàn".

*** Các nước Nhóm G20 cam kết tăng cường kinh tế toàn cầu**

Thủ tướng Úc Tony Abbott đã khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh Nhóm G20 lần thứ chín (15-16/11/2014) tại thành phố Brisbane, Úc, bằng lời kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới đóng góp cho một sáng kiến nhằm tăng tổng sản phẩm toàn cầu lên 2 ngàn tỷ đôla. Ông nói rằng các đại biểu đến từ 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới nên chú trọng vào các vấn đề kinh tế, bất kể tình hình an ninh ở Ukraine, tranh chấp chủ quyền ở các khu vực, và những tranh luận về tăng nhiệt toàn cầu. Hôm kết thúc các nhà lãnh đạo của Nhóm G20 đã công bố một kế hoạch nhằm làm cho GDP toàn cầu tăng hơn 2.000 tỷ đôla trong vòng 5 năm, qua việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và gia tăng thương mại tự do. Văn kiện này cũng cam kết hợp tác để có hành động mạnh mẽ nhằm chống lại nạn biến đổi khí hậu và ủng hộ cho một sự ứng phó quốc tế đối với dịch Ebola ở Tây Phi. Phát biểu lúc kết thúc hội nghị thượng đỉnh ở Brisbane, Úc, Thủ tướng Úc Tony Abbott nói rằng các nước G20 sẽ buộc những thành viên chịu trách nhiệm bằng cách giám sát việc thực thi những cam kết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama phát biểu tại một cuộc họp báo rằng chuyến công du một tuần qua của ông đến Á Châu-Thái Bình Dương đã chứng tỏ là "một

tuần lễ mạnh mẽ của sự lãnh đạo của Mỹ". Ông nói rằng những tiến bộ đã đạt được sẽ có nghĩa là người Mỹ có thêm công ăn việc làm, những bước tiến hướng tới một hành tinh sạch hơn và lành mạnh hơn, và những tiến bộ để cứu giúp tính mạng con người, không những chỉ ở Tây Phi mà còn ở những nơi khác. Nhóm G20, chiếm 85% sản lượng kinh tế thế giới, gần đây bị gặp khó khăn vì sự tăng trưởng yếu kém của Trung Cộng, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Âu Châu. Sau hội nghị, có thông tin cho rằng TT Putin đã gặp sự tiếp đón lạnh nhạt của các nhà lãnh đạo Úc, Canada và Anh về việc quân đội Nga xâm nhập Ukraine. Trước khi gặp Tổng thống Putin, Thủ tướng Anh David Cameron cảnh báo là Tây phương có thể áp đặt thêm những chế tài đối với Nga. Thủ tướng Đức Angela Merkel nói những gì xảy ra tại Ukraine đang cản trở những nỗ lực tăng trưởng kinh tế thế giới và dự đoán một cuộc đối đầu đầy khó khăn và kéo dài với Mạc Tư Khoa. Bà còn cảnh báo nếu các nước không ngăn chặn chính sách của Nga ở Ukraine, TT Putin có thể gây bất ổn cho "trật tự hòa bình của toàn châu Âu". Thủ tướng Canada Stephen Harper đồng ý bắt tay với TT Putin nhưng thẳng thừng nói với ông "hãy rút khỏi Ukraine". TT Barack Obama trong bài diễn văn ngày thứ Bảy nói "cuộc xâm lăng" của Nga tại Ukraine là một "mối đe dọa đối với thế giới". Trong một cuộc phỏng vấn với đài truyền hình Đức, TT Putin nói ông muốn quan hệ bình thường với Hoa Kỳ và Châu Âu. Tuy nhiên ông nói thêm những chế tài đối với Nga đang làm tổn thương kinh tế thế giới và các mối quan hệ Nga - Châu Âu. Ông cũng nói Nga sẽ không đòi Ukraine sớm trả khoản vay 3,2 tỷ USD cho Nga, vì việc này sẽ làm cho hệ thống tài chính Ukraine sụp đổ. Điện Kremlin phủ nhận không có bất cứ quân đội hay vũ khí nào tại Ukraine, ngay cả sau khi NATO và các quan sát viên Châu Âu báo cáo về những đoàn xe tăng của Nga và vũ khí vượt biên giới trước đây trong tuần.

*** Cuộc chiến chống lại Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS**

Máy bay của Mỹ và các nước đồng minh đã tiến hành hơn 200 cuộc không kích ở Syria kể từ ngày 22/9, nhằm ngăn chặn nhóm phiến quân IS. Ít nhất 300 cuộc không kích của liên minh cũng đã nhằm vào IS ở Iraq mà các phiến quân IS đã càn quét những vùng rộng lớn ở miền bắc và tây Iraq trong những tháng trước. Cơ quan Giám sát Nhân quyền Syria (SOHR) hôm 23/10 cho biết các cuộc không kích Syria của liên minh do Mỹ dẫn đầu đã làm 553 người chết kể từ khi họ bắt đầu tiến hành cách đây một tháng. Số người chết bao gồm 464 phiến quân IS, 57 phiến quân nhóm Mặt trận al-Nusra, có liên hệ với tổ chức khủng bố Al-Qaeda, và 32 dân thường (gồm 6 trẻ em và 5 phụ nữ). SOHR cho biết "phần lớn" phiến quân thiệt mạng trong các cuộc không kích không phải là người Syria, mà là những chiến binh nước ngoài tham gia IS và Nusra ở nước này. SOHR tin rằng số phiến quân IS bị tiêu diệt có thể còn nhiều hơn nhưng cơ quan này thiếu thông tin do việc tiếp cận các điểm không kích gặp khó khăn. Tin chiến sự về thị trấn Kobane, các phi cơ vận tải C130 của Mỹ hôm 19/10 đã thả dù khoảng 27 bọc hàng gồm vũ khí, đạn dược và vật tư y tế cho người Kurd ở Kobane, lực lượng này đang chiến đấu dũng cảm chống IS trong nhiều tháng qua qua để ngăn thị trấn này rơi vào tay phiến quân. Ngày 21/10 SOHR cho biết ít

nhất một bọc hàng đã rơi vào tay IS. Đến ngày 1/11 các chiến binh người Kurd (tại Iraq) cuối cùng đã được phép tiến qua biên giới Thổ Nhĩ Kỳ để tiếp viện cho thị trấn Kobane. Cuối cùng thì Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã cho phép lực lượng người Kurd mượn phần đất Thổ Nhĩ Kỳ để tiến quân vào thị trấn bị vây hãm này vào tuần trước đó sau khi bị quân Nhà nước Hồi giáo bao vây hơn 6 tuần lễ, sở dĩ Thổ Nhĩ Kỳ chần chừ không cho người Kurd (tại Iraq) mượn đất vào lãnh thổ Syria để chống lại quân IS vì Thổ Nhĩ Kỳ đã có cuộc nội chiến với người Kurd từ nhiều năm nay. Các cuộc giao tranh đẫm máu tại Kobane đã được các chiến binh Peshmerga (chiến binh Kurd) giữ vững. Phụ nữ cũng tham gia cầm súng, khiến phiến quân IS rất tức giận vì đối với chúng phụ nữ không có vai trò gì trong cộng đồng Hồi giáo. Các chiến binh Peshmerga rất thiện chiến và chiến đấu rất ngoan cường. Đây là niềm hy vọng của người Kurd đang bị giam hãm tại Kobane. Các đơn vị nhỏ của người Peshmerga được trang bị súng máy hạng nặng và hỏa tiễn cầm tay chống tăng. Những nhóm này cũng được Hoa Kỳ hỗ trợ bằng các phi vụ ném bom do máy bay không người lái thực hiện. Tuy nhiên, các chiến binh Kurd đã khựng lại sau một tuần phò diễu với vũ khí hạng nặng và máy bay chiến đấu trong nỗ lực giành lại phần phía đông thị trấn Kobane từ phiến quân IS. Thị trấn Kobani ở biên giới với Syria, nơi có thể kết hợp không kích lẫn các cuộc hành quân, được cho là như một phép thử nghiệm khả năng của liên minh do Mỹ dẫn đầu để ngăn chặn bước tiến của phiến quân IS. Chiến binh Kurd đã được trang bị xe bọc thép, có thể nã pháo vào các vị trí đóng quân của phiến quân IS xung quanh thị trấn Kobani để giành lại vài ngôi làng. Tuy nhiên không có thay đổi đáng kể nào, mạn đông thị trấn đã bị phiến quân IS trấn giữ và phần rộng lớn ở mạn tây vẫn do binh sĩ người Kurd (tại Syria) quản lý. Giáo sĩ nổi tiếng người Shi'ite-Grand Ayatollah Ali al-Sistani lên tiếng hôm thứ Sáu rằng tham nhũng trong quân đội tạo điều kiện cho phiến quân Nhà nước Hồi giáo chiếm giữ nhiều hơn ở mạn bắc Iraq, tạo áp lực cho chính phủ Iraq phải ban hành những cải cách thay đổi cục diện các cuộc nổi dậy này. Ngày 10/11, Iran cho biết sẽ giúp nước láng giềng Iraq trong cuộc chiến chống lại nhóm thánh chiến nhà nước Hồi giáo IS. Phó Tổng thống Iran Eshaq Jahangiri cam kết điều này trong cuộc thảo luận ở Tehran với nguyên Thủ tướng Iraq Nuri al-Maliki. Đại diện nhà nước Hồi giáo Iran nói rằng, đối diện chủ nghĩa khủng bố cần huy động mọi phương tiện. Iran sẵn sàng đặt mọi khả năng của mình theo đề nghị của Iraq. Iran đã cung cấp vũ khí cho lực lượng người Kurd ở Iraq và gửi cố vấn quân sự tới Baghdad. Tuy nhiên Tehran phủ nhận việc triển khai quân bộ chiến. Tuy vậy hồi đầu tháng trước, Truyền hình Iran đưa hình ảnh hiếm có cho thấy Trung Tướng Qassem Suleimani Tư lệnh lực lượng Quds tinh nhuệ của Iran có mặt trên chiến trường Iraq bên cạnh các chiến binh người Kurd.

*** Giấc mơ Châu Á-Thái Bình Dương của Trung Quốc**

Trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 22 tại Bắc Kinh, hôm Chủ nhật 2.11.2014 ông Tập Cận Bình đã khai mạc diễn đàn doanh nghiệp với tuyên bố, Trung Quốc có trách nhiệm kiến tạo và thực hiện điều gọi là giấc mơ Châu Á-Thái Bình Dương cho toàn thể người

dân trong khu vực này (bao gồm 40% dân số toàn cầu). Cùng là thành viên APEC nhưng Trung Quốc và Hoa Kỳ có hai ý định khác nhau về hợp tác kinh tế ở qui mô lớn. Trung Quốc muốn tiến tới một Khu Mậu dịch Tự do Châu Á Thái Bình Dương (Free Trade Area of the Asia-Pacific, viết tắt FTAAP), trong khi Hoa Kỳ đang thúc đẩy Hiệp định Đối tác Xuyên Thái bình dương (Trans-Pacific Partnership Agreement, viết tắt TPP). TPP hiện đã qua nhiều vòng đàm phán giữa 12 nước thành viên nhưng không có Trung Quốc. Các nước trong vùng Châu Á Thái Bình Dương đang đứng trước sự chọn lựa giữa hai sáng kiến thành lập khu vực tự do mậu dịch của Washington và Bắc Kinh: TPP của Hoa Kỳ và FTAAP của Trung Quốc bao hàm cả về kinh tế, thương mại lẫn chiến lược, an ninh. Tại thượng đỉnh APEC tổ chức ở Bắc Kinh, Hoa Kỳ và Trung Quốc chạy đua tranh giành ảnh hưởng với khu vực qua hai dự án thành lập khu vực tự do mậu dịch rộng lớn. Dự án thành lập khu vực tự do mậu dịch FTAAP của Trung Quốc bao gồm 10 quốc gia Đông Nam Á trong hiệp hội ASEAN, cộng thêm 6 quốc gia khác ở Châu Á là Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, Tân Tây Lan và Trung Quốc. Bắc Kinh đương nhiên mời Hoa Kỳ đứng ngoài vòng của dự án FTAAP. Tham gia TPP, do Hoa Kỳ vận động với 11 quốc gia: Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Mễ Tây Cơ, Peru, Chí Lợi, Nhật Bản, Mã Lai, Brunei, Tân Gia Ba, Việt Nam, Úc và Tân Tây Lan mà không có Trung Quốc. TPP thoát đầu là sáng kiến do Brunei, Chí Lợi, Tân Tây Lan và Tân Gia Ba đề xướng vào năm 2005 để cưỡng lại áp lực của các quốc gia lớn trong khu vực. Cả bốn đều là những chú lùn cả về mặt chính trị lẫn thương mại trong vùng Châu Á Thái Bình Dương. Thế rồi bốn năm sau đó, Hoa Kỳ nhập cuộc, lôi kéo theo nhiều quốc gia khác và sau chót hết là Nhật Bản vào cuộc. Tuy không nói ra nhưng Washington muốn biến TPP thành một công cụ để kèm tỏa ảnh hưởng của Trung Quốc vào lúc Bắc Kinh đang tiến lại gần các quốc gia Đông Nam Á và cuốn hút khối ASEAN vào quỹ đạo của mình qua một loạt các thỏa thuận tự do mậu dịch. Một khi hoàn tất, TPP trở thành khu vực kinh tế hơn 790 triệu dân, đóng góp 40% GDP và chiếm 1/3 thương mại toàn cầu. Các chuyên gia Mỹ xem TPP là "hiệp định thương mại của thế kỷ XXI" và sẽ là về kinh tế trong chính sách "xoay trục về Châu Á" của Tổng Thống Obama bên cạnh về quân sự qua hàng loạt các thỏa thuận giữa Washington với các đối tác như Philippines, Úc và kể cả với Việt Nam hay Ấn Độ. Trước mắt tham vọng đóng một vai trò then chốt toàn diện – từ kinh tế đến ngoại giao, chiến lược – tại Châu Á Thái Bình Dương của Hoa Kỳ qua hiệp định TPP còn vấp phải nhiều trở ngại. Bên cạnh những bất đồng về quyền lợi kinh tế, thương mại, Hoa Thịnh Đốn chủ yếu chưa thuyết phục được các đối tác Á châu nghiêng hẳn về phía mình. Bởi các đối tác của Mỹ vẫn bị giằng co giữa hai siêu cường kinh tế của thế giới là Hoa Kỳ và Trung Quốc. Cụ thể nhất là trường hợp của Nhật Bản. Tokyo đã đợi đến tháng 11/2011 mới gia tham gia đàm phán TPP cho dù Tokyo từ trước tới nay vẫn khẳng định Nhật Bản là "cánh tay phải của Mỹ tại châu Á". Nhìn sang góc đài bên kia của đấu trường thì Bắc Kinh từ tháng 11/2012 tại thượng đỉnh Đông Á ở Campuchia đã đề xuất sáng kiến thành lập Hiệp Định Đối Tác Kinh Tế Toàn Diện Khu Vực (Regional Comprehensive Economic Partnership, gọi tắt RCEP) bao gồm 10 thành viên của ASEAN với 6 quốc gia mà Hiệp Hội Đông Nam Á đã ký kết hiệp định tự do mậu

dịch. Sáu nước đó là Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Nam Hàn và Tân Tây Lan. Nam Hàn hiện không tham gia TPP của Mỹ. Bắc Kinh đặc biệt chiếu cố Hàn Quốc do Hán Thành (Seoul) là một đồng minh truyền thống của Mỹ, và đang có tranh chấp chủ quyền biển đảo với Nhật Bản. Lôi kéo được Nam Hàn vào vòng ảnh hưởng của mình là một thắng lợi lớn của Trung Quốc không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, thương mại mà cả về phương diện ngoại giao và địa chính trị. Không phải tình cờ mà trước khi thượng đỉnh APEC khai mạc, Trung Quốc và Nam Hàn đã chính thức ký kết hiệp định tự do mậu dịch song phương. Dù sao đi chăng nữa hiệp định RCEP liên quan tới một nửa dân số trên hành tinh và 1/3 tổng trao đổi mậu dịch toàn cầu. Nhưng chiến lược chiêu dụ các quốc gia trong vùng Châu Á Thái Bình Dương của Bắc Kinh không dừng lại ở đó. Trung Quốc đưa ra một kế hoạch rộng lớn hơn, bao gồm cả Mécô, Peru, và nhất là Nga trong khuôn khổ hiệp định FTAAP Khu Vực Thương Mại Tự Do Châu Á Thái Bình Dương. Dự án TPP do Hoa Kỳ đề xướng càng gặp trở ngại thì kế hoạch FTAAP của Trung Quốc càng có cơ may thu hút các đối tác Châu Á. Cả hai sáng kiến của Hoa Kỳ và Trung Quốc đều xuất phát từ Châu Á, sau đó được hai cường quốc đối nghịch trong khu vực này khai thác để vừa mở rộng ảnh hưởng của mình vừa ngăn ngừa ảnh hưởng của đối phương. Bắc Kinh có dự kiến lớn là mở ra kỷ nguyên phát triển Đông Á với Trung Quốc là trung tâm để thiết lập mạng lưới an ninh và kinh tế dưới cái dạng của "Con Đường Tơ Lụa" ngày xưa trải rộng trên biển và trong đất liền, từ Indonesia của Đông Nam Á qua đến Trung Á. Để thực hiện dự kiến, Bắc Kinh tung tiền mua chuộc các nước Á Châu qua đầu tư và mậu dịch. Giờ đây, Bắc Kinh đề nghị FTAAP của khu vực trải rộng từ Úc Châu về tới Trung Quốc. Tham gia dự án này, các nước Á Châu sẽ có lợi thế là buôn bán với thị trường đông dân nhất. Phía Mỹ thì khai triển sáng kiến TPP nhưng bất nhất vì mâu thuẫn bên trong khi đảng Dân Chủ và các nghiệp đoàn muốn duy trì chế độ bảo hộ mậu dịch và chưa khắc phục được các dị biệt quá lớn với một đối tác quan trọng là Nhật Bản. Việc đảng Cộng Hòa vừa thắng lớn tại Quốc hội Hoa Kỳ trong tháng 11/2014 có thể khai thông được bế tắc này về mậu dịch và chú ý hơn đến an ninh. Trung Quốc công khai thừa nhận muốn Bắc Kinh trở lại vị trí trung ương của khu vực Châu Á- Thái Bình Dương kể cả về mặt kinh tế lẫn quân sự. Điều đó có nghĩa là Bắc Kinh muốn gạt Mỹ ra khỏi khu vực này. Ngoài ra, những quốc gia nào đi theo Trung Quốc thì sẽ có lợi về kinh tế và sẽ được Bắc Kinh che chở, bảo đảm về an ninh. Tuy nhiên các nước Đông Nam Á và Đông Á, đứng đầu là Nhật Bản thì đã không tin vào những hứa hẹn của Trung Quốc, nhất là với những động thái hung hãn của Trung Quốc ở Biển Đông và Hoa Đông. Bản thân Trung Quốc trong nội bộ cũng còn rất nhiều vấn đề cấp bách phải giải quyết. Ngoài một số khó khăn kinh tế, tham nhũng và minh bạch trong hệ thống chính trị, môi trường..., Trung Quốc còn phải đối mặt với vấn đề hội nhập của những sắc tộc, vấn đề dân chủ vừa dấy lên ở Hồng Kông, cũng đã làm nhiều nước trong vùng phải suy nghĩ.

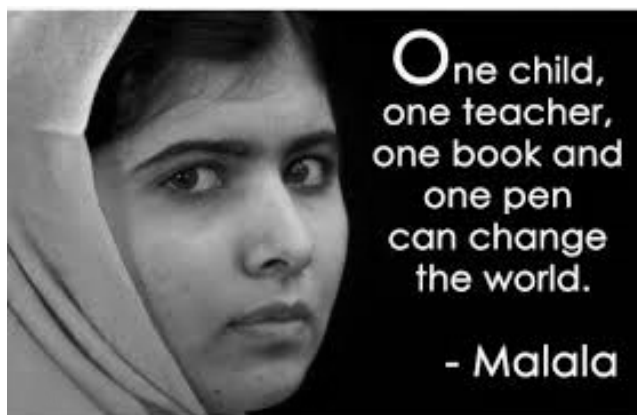
* WikiLeaks sắp tung loạt tài liệu mật mới

Julian Assange, người sáng lập trang mạng WikiLeaks, tiết lộ trang web Wikileaks sắp cho ra mắt loạt tài liệu mật thứ 4, dự kiến sẽ gây nên một đợt sóng

gió mới trong quan hệ quốc tế. Các tài liệu này đang được chuẩn bị, thời gian công bố cũng được giao cho người khác chủ trì. Tuy nhiên Assange không cho biết thêm chi tiết. Loạt tài liệu mới nhất của WikiLeaks được tiết lộ năm ngoái, gồm 250 tài liệu từ hơn 90 công ty giám sát. Nội dung phơi bày những bí mật của ngành công nghiệp theo dõi trên toàn cầu. Ngày 19/11, AFP trích dẫn thông báo của tòa phúc thẩm "từ chối yêu cầu rút lệnh bắt của Julian Assange". Hiện Julian Assange đang ẩn náu trong đại sứ quán Ecuador ở London, Anh kể từ năm 2012 để tránh dẫn độ sang Thụy Điển do lệnh "bắt giam vắng mặt" vào năm 2010 của tòa sơ thẩm tại Thụy Điển. Assange đã gửi đơn xin rút lệnh bắt nhưng bị từ chối hồi tháng 7/2014. Các công tố viên Thụy Điển muốn thẩm vấn Assange về lời cáo buộc hiếp dâm và quấy rối tình dục hai phụ nữ khoảng 30 tuổi khi đến nước này năm 2010. Assange bác bỏ cáo buộc này. Một lệnh bắt giữ của Châu Âu cũng được ban hành để hỗ trợ động thái của Thụy Điển. Assange kêu gọi các công tố viên Thụy Điển đến London để thẩm vấn hoặc tiến hành qua mạng, nhưng tòa phúc thẩm không chấp thuận yêu cầu. Assange lo ngại nếu bị đưa về Thụy Điển, nước này sẽ dẫn độ ông tới Mỹ để thẩm vấn về việc WikiLeaks tiết lộ hàng nghìn tài liệu ngoại giao mật của Washington. Năm 2010, WikiLeaks gây chấn động toàn cầu khi tiết lộ 250.000 văn bản ngoại giao Mỹ (trong đó có tin về Mật ước Thành Đô giữa CSVN và Trung Cộng - xem thêm tin VN) phơi bày những bí mật hậu trường của ngoại giao quốc tế.

Giải Nobel Thế Giới Năm 2014

* Giải Nobel Hòa Bình



Malala: Một đứa trẻ, một thầy giáo, một cuốn sách và một cây viết có thể làm thay đổi cả thế giới

Giải Nobel Hòa bình 2014 đã được trao cho hai người phụ nữ Á châu trong số 278 người được đề cử (một con số kỷ lục): Cô Malala Yousafzai người Pakistan, cùng Bà Kailash Satyarthi người Ấn Độ, đều là các nhà hoạt động vì quyền của phụ nữ và trẻ em. Với giải thưởng này, hai người sẽ nhận được khoản tiền tương đương 1,1 triệu USD. Cô Malala Yousafzai, sinh năm 1997. Cô bị phe Taliban bắn trọng thương ở đầu vào tháng 10/2012 vì những đấu tranh không mệt mỏi cho giáo dục dành cho các em bé gái. Với giải thưởng này, Yousafzai, 17 tuổi, trở thành người trẻ tuổi nhất được nhận giải Nobel. Bà Kailash Satyarthi, 60 tuổi, vô cùng can đảm khi dẫn đầu

các đoàn biểu tình chống sự khai thác lao động trẻ em ở Ấn Độ. Malala chia sẻ giải thưởng này với Kailash Satyarthi, một nhà hoạt động vì quyền trẻ em ở Ấn Độ. Malala nói về ý nghĩa của giải thưởng dành cho hai người này: "Một người từ Pakistan, một người từ Ấn Độ. Một người theo đạo Hindu, một người có niềm tin mãnh liệt vào Hồi giáo. Nó mang một thông điệp đến cho mọi người về tình yêu giữa Ấn Độ và Pakistan, giữa các tôn giáo và rằng chúng ta đều ủng hộ nhau. Bất kể con người ta mang màu da gì, nói tiếng gì và theo tôn giáo gì, chúng ta nên coi nhau là những con người và tôn trọng lẫn nhau, đấu tranh vì quyền của chúng ta, vì quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ và quyền của tất cả mọi người". Cô cũng cho biết về cảm xúc khi biết tin như sau: "Tôi cũng cảm thấy được truyền thêm sức mạnh và dũng cảm hơn bởi vì phần thưởng này không chỉ là một miếng kim loại hoặc huy chương mà bạn đeo trên người hay treo trên tường. Nó là sự động viên tôi tiếp tục làm những gì mình đang theo đuổi và tin tưởng vào bản thân". Cô đã thông báo sẽ quyên góp số tiền thưởng để giúp trẻ em ở Pakistan được đi học.

"Malala là ai?". Đây là câu hỏi mà một tay súng Taliban hét lên khi nhảy lên chiếc xe buýt ở miền tây bắc Pakistan hai năm trước. Sau đó, tên này bắn một phát đạn vào đầu cô Malala, lúc đó mới 15 tuổi và là một nhà hoạt động vì quyền được đi học của nữ sinh. Câu hỏi này đã được đưa ra nhiều lần kể từ khi Malala sống sót sau vụ ám sát và trở thành một nhà hoạt động không mệt mỏi, một ngôi sao toàn cầu và mới đây là người trẻ nhất giành giải Nobel Hòa Bình.

Cô Malala sinh ra ở thung lũng Swat tại tỉnh Khyber Pakhtunkhwa, nơi mà cô nói là đẹp tuyệt với cây cối xanh ngút ngàn và những suối nước trong như ngọc. Ở Pakistan, cô là biểu tượng của sự đấu tranh của đất nước này chống lại bạo lực của nhóm Hồi giáo cực đoan Taliban. Cô nổi lên từ năm 2009, với tư cách là một blogger giấu tên của BBC. Trên trang blog, cô mô tả đời sống ở thung lũng Swat nơi mà các chiến binh ngày ngày đe dọa đời sống của dân thường. Mùa hè năm sau đó, nhà báo Adam Ellick của tờ New York Times làm một video tài liệu dài hơn 30 phút về cuộc sống của em và gia đình em vào thời điểm Taliban tuyên bố nữ sinh không được phép đến trường. Malala vẫn đến trường mặc cho lệnh cấm của Taliban. Tuy nhiên, sau đó, tình hình ở Thung lũng Swat trở nên quá nguy hiểm, gia đình Malala buộc phải rời khỏi nơi này đi di tản. Malala khi đó còn ước mong trở thành bác sĩ. Viễn cảnh không được đi học đối với cô bé là thật khủng khiếp vì điều đó có nghĩa cô sẽ không thể trở thành bác sĩ, như ước nguyện của bản thân. Về cuối đoạn phim tài liệu, Malala quyết định trở thành một nhà chính trị, để đấu tranh cho quyền lợi của các em gái. Sau khi chính phủ đuổi Taliban khỏi thung lũng Swat, cô trở thành một nhân vật nổi tiếng trong giới truyền thông Pakistan với hàng loạt các bài phát biểu kêu gọi hòa bình. Điều đó khiến cô bị Taliban để ý. Vào mùa hè năm 2012, Taliban lên kế hoạch giết chết Malala. Thế giới biết đến Malala sau sự kiện thảm khốc vào tháng 10/2012 khi tay súng Taliban bắn phát đạn định mệnh vào đầu cô. Malala được đưa sang Anh để chữa trị và hiện giờ đang học tập ở Anh. Ở tuổi 17, cô đã gặp gỡ và trò chuyện với gia đình Tổng thống Mỹ Barrack Obama, Nữ hoàng Anh Elizabeth II, phát biểu trước Liên Hợp Quốc và giành giải Nobel Hòa bình, người

trẻ nhất nhận giải này kể từ năm giải này sáng lập năm 1901. Năm 2013, cô xếp thứ hai trong cuộc bình chọn nhân vật của năm của tạp chí Time, chỉ đứng sau Ngoại trưởng Mỹ lúc đó là bà Hillary Clinton.

* Nobel Văn Chương 2014

Giải Nobel Văn Chương 2014 được Viện Hàn Lâm Thụy Điển trao cho Patrick Modiano vì "với nghệ thuật của ký ức, ông đã tái hiện những số phận khó nắm bắt nhất và khám phá thế giới - cuộc sống trong sự chiêm đống". Thư ký Viện Hàn Lâm Thụy Điển Peter Englund nhận định: "Patrick Modiano có thể được coi là Marcel Proust của thời đại chúng ta". Ông là nhà văn Pháp, tác giả nhiều cuốn tiểu thuyết đã được dịch ra tiếng Việt như: "*Quảng trường Ngôi Sao*", "*Những đại lộ ngoại vi*", "*Phố những cửa hiệu u tối*" và "*Ở quán cà phê của tuổi trẻ lạc lối*". Ông là nhà văn thứ 11 của Pháp giành được giải thưởng này. Sự tôn vinh của Viện Hàn Lâm Thụy Điển dành cho Patrick Modiano được đánh giá là "một điều bất ngờ" đối với giới văn chương và độc giả. Không ít người cho rằng, họ chưa từng nghe đến Patrick Modiano. Chính Peter Englund - trong thông báo giải thưởng, cũng nhận định: "Patrick Modiano là tác giả nổi tiếng ở Pháp, nhưng ở các nước khác thì không. Ông viết sách thiếu nhi, kịch bản phim nhưng chủ yếu là tiểu thuyết. Chủ đề của ông là ký ức, danh tính và thời gian. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Missing Person* (Rue des boutique obscures- Phố những cửa hiệu u tối). Đó là câu chuyện về một thám tử bị mất trí nhớ. Vụ việc cuối cùng của ông là tìm ra mình là ai". Patrick Modiano sinh ra tại ngoại ô Paris vào ngày 30.7.1945. Cha ông là người Ý gốc Do Thái, còn mẹ là một diễn viên người Bỉ. Ông là tên tuổi lớn trong văn chương đương đại Pháp.

* Nobel Y Khoa 2014

Nobel Y Khoa dành cho nghiên cứu hệ thống định vị trong não người. Ba nhà khoa học: Ông John O'Keefe (Mỹ, 75t), Bà May-Britt Moser (Na Uy, 51t) và Ông Edvard Moser (Na Uy, 52t) vì có công khám phá ra các tế bào hợp thành hệ thống định vị (GPS) bên trong bộ não. Hệ thống GPS sinh học này giúp chúng ta tự định hướng được trong không gian và là cơ sở tế bào cho chức năng nhận thức cao hơn. Năm 1971, John O'Keefe, người Anh gốc Mỹ, hiện đang công tác tại trường University College London, đã phát hiện ra thành phần đầu tiên của hệ thống định vị này: một loại tế bào thần kinh có tên gọi 'place cells' (tế bào địa điểm) ở vùng đồi hải mã (hippocampus) trong bộ não. Hơn 3 thập niên sau, vào năm 2005, hai nhà nghiên cứu (và cũng là đôi vợ chồng) May-Britt và Edvard Moser thuộc Đại học Khoa học - Công nghệ Na Uy đã khám phá ra thành phần then chốt còn lại của hệ thống GPS trong bộ não: "các tế bào thần kinh lưới", cũng như cách những tế bào này với các tế bào địa điểm giúp chúng ta xác định vị trí và tìm hướng như thế nào. Theo thông cáo báo chí của Ủy ban Nobel, khám phá của John O'Keefe, May-Britt Moser và Edvard Moser đã giúp giải đáp một vấn đề từng làm đau đầu các nhà triết học và khoa học suốt nhiều thế kỷ, về việc bộ não đã tạo ra một bản đồ không gian bao quanh chúng ta như thế nào và chúng ta có thể điều hướng trong một môi trường phức tạp ra sao.

* Nobel Vật lý 2014

Nobel Vật lý 2014 vinh danh phát minh về đèn LED. Chủ nhân mới của giải Nobel Vật lý 2014 là 3 nhà khoa học gốc Nhật Isamu Akasaki, Hiroshi Amano và Shuji Nakamura với phát minh về đèn tiết kiệm LED. Ủy ban Nobel cho biết, cả 3 nhà khoa học gốc Nhật được vinh danh ở lĩnh vực vật lý năm nay vì đã có công sáng chế ra một nguồn sáng mới, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường LED (light emitting diode - diode phát sáng màu xanh dương). Ông Isamu Akasaki, 85 tuổi, là giáo sư tại Đại học Meijo và giáo sư đặc cách tại Đại học Nagoya, Nhật Bản. Kể từ những năm 1960, ông Akasaki đã nghiên cứu tìm cách vượt qua thách thức để chế tạo các tia laser và đèn LED xanh dương hiệu suất cao. Vì những nỗ lực của mình, ông từng nhận được Giải thưởng Kyoto cho Công nghệ tiên tiến 2009 và Huy chương IEEE Edison 2011. Ông Hiroshi Amano, 54 tuổi, hiện cũng là một giáo sư tại Đại học Nagoya. Ông Shuji Nakamura, 60 tuổi là giáo sư người Mỹ gốc Nhật tại Trường Kỹ Thuật thuộc Đại học California. Là chủ nhân của Giải thưởng Công nghệ thiên niên kỷ 2006 và Giải thưởng Harvey 2009, ông Nakamura cũng nghiên cứu về đèn LED xanh lá cây và tạo ra đèn LED màu trắng cũng như các diode laser xanh dương dùng cho các đĩa Blu-Ray và HD DVD. Theo thông cáo báo chí của Ủy ban Nobel, khi Isamu Akasaki, Hiroshi Amano và Shuji Nakamura sản sinh ra các chùm ánh sáng xanh dương từ thiết bị bán dẫn của họ vào đầu những năm 1990, họ đã làm khởi phát sự chuyển đổi căn bản trong công nghệ chiếu sáng. Các diode màu đỏ và màu xanh lá cây đã ra đời được một thời gian dài, nhưng không có ánh sáng màu xanh dương, người ta không thể tạo ra đèn chiếu sáng trắng. Bất chấp vô số nỗ lực của cả cộng đồng khoa học và các chuyên gia trong ngành công nghiệp, việc tạo ra đèn LED màu xanh dương từng là một thách thức suốt 3 thập niên. Ba nhà khoa học gốc Nhật đã thành công khi những người khác đều thất bại. Ông Akasaki đã hợp tác nghiên cứu cùng ông Amano tại Đại học Nagoya (Nhật), trong khi ông Nakamura xúc tiến nghiên cứu với tư cách là nhân viên của công ty hóa chất Nichia, một doanh nghiệp nhỏ ở Tokushima. Phát minh về đèn LED của họ mang tính cách mạng, mở đường cho sự ra đời của các đèn tiết kiệm mới trong thế kỷ 20 và thế kỷ 21. Đèn LED hứa hẹn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho hơn 1,5 tỷ người khắp thế giới, những đối tượng ít được tiếp cận với mạng lưới điện. Điều này là vì, do đòi hỏi mức điện năng thấp, đèn LED có thể được thắp sáng bằng năng lượng mặt trời tại chỗ, giá rẻ. Theo đánh giá của các chuyên gia, mặc dù phát minh đèn LED xanh dương chỉ mới 20 năm tuổi, nhưng nó đã góp phần tạo ra ánh sáng trắng theo một cách hoàn toàn mới, có lợi cho tất cả chúng ta.

* Nobel Hóa Học 2014

Hai nhà khoa học Mỹ và một nhà khoa học Đức đã trở thành đồng chủ nhân của giải thưởng Nobel Hóa Học 2014, vì có công mở ra một cánh cửa vào "thế giới nano" (nano m là 1 phần tỷ của m) thông qua việc phát triển kỹ thuật kính hiển vi phát huỳnh quang siêu phân giải. Viện Hàn Lâm Khoa Học Hoàng gia Thụy Điển vừa công bố quyết định trao giải thưởng Nobel Hóa Học năm nay cho Eric Betzig thuộc Viện Y học Howard Hughes (Mỹ), William E. Moerner thuộc Đại học Stanford (Mỹ) và Stefan W. Hell đến từ Viện Hóa Lý Sinh Max Planck và

Trung tâm nghiên cứu ung thư Đức. "Thành tựu mang tính đột phá của họ đã đưa việc sử dụng kính hiển vi quang học vào phạm vi nano... giúp chúng ta hiện có thể ngắm nhìn thế giới nano", trích tuyên bố của Viện Hàn Lâm Khoa Học Hoàng gia Thụy Điển. Suốt một thời gian dài qua, việc sử dụng kính hiển vi quang học từng gặp phải một trở ngại là không bao giờ đạt được độ phân giải tốt hơn nửa bước sóng của ánh sáng. Bằng cách sử dụng các phân tử phát huỳnh quang, ba nhà nghiên cứu Eric Betzig, Stefan W. Hell và William E. Moerner đã loại bỏ thách thức này. Cụ thể là, bằng kỹ thuật hiện được biết đến với tên gọi nanoscopy, các nhà khoa học Mỹ và Đức đã làm nổi rõ chuỗi phản ứng hóa sinh của các phân tử đơn lẻ bên trong các tế bào sống. Họ có thể quan sát cách các phân tử tạo ra những khớp thần kinh giữa các tế bào thần kinh trong bộ não như thế nào và lần theo dấu vết của các protein có dính líu đến các bệnh Parkinson, Alzheimer và Huntington khi chúng kết hợp lại. Họ cũng theo dõi được các protein đơn lẻ trong các quả trứng đã thụ tinh khi chúng phân chia thành phôi thai. Giải Nobel Hóa Học 2014 đã vinh danh 2 nguyên lý riêng rẽ. Một nguyên lý thúc đẩy phương pháp soi kính hiển vi suy giảm phát xạ cảm ứng (STED), do nhà khoa học Stefan Hell phát triển vào năm 2000. Trong đó, hai chùm laser được sử dụng: một kích thích các phân tử phát huỳnh quang tỏa sáng, và một xóa bỏ mọi huỳnh quang, ngoại trừ huỳnh quang có kích thước nanomet. Việc quét mẫu qua từng nanomet đã mang tới hình ảnh với độ phân giải tốt hơn giới hạn 0,2 micromet truyền thống. Nghiên cứu một cách riêng rẽ, 2 nhà khoa học Eric Betzig và William Moerner đã tạo tiền đề cho nguyên lý thứ hai - kỹ thuật sử dụng kính hiển vi đơn phân tử. Phương pháp này dựa vào khả năng bật và tắt huỳnh quang của các phân tử đơn lẻ. Họ đã mô tả hình ảnh của cùng một khu vực nhiều lần, để một vài phân tử nằm rải rác phát sáng mỗi lần. Việc chồng các hình ảnh này lên nhau tạo ra một siêu hình ảnh phân giải dày đặc ở cấp độ nano. Năm 2006, ông Betzig đã ứng dụng phương pháp này lần đầu tiên. Ngày nay, kỹ thuật nanoscopy đã được sử dụng rộng rãi khắp thế giới và góp phần mang lại những hiểu biết mới, có lợi cho nhân loại.

* Nobel Kinh Tế 2014

Giáo sư Jean Tirole, giảng dạy tại đại học Toulouse, miền nam nước Pháp vừa được Hàn lâm viện Thụy Điển vinh danh. Ông đã đóng góp nhiều cho các công trình nghiên cứu về «sức mạnh và quy luật của thị trường» của ngành tài chính và doanh nghiệp. Hiện đang giảng dạy tại đại học Toulouse, giáo sư Tirole, 61 tuổi, từ nhiều năm qua được xem là một trong những nhà nghiên cứu có nhiều triển vọng đoạt giải Nobel kinh tế. Trong thông cáo sáng nay, Viện Hàn lâm Thụy Điển nhấn mạnh "Jean Tirole là một trong những nhà kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất trong thời đại của chúng ta. Ông là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu quan trọng trong nhiều lĩnh vực, và đặc biệt là ông đã giúp chúng ta hiểu rõ và quản lý các ngành công nghiệp đang trong tay một số ít các công ty". Sinh trưởng tại thành phố Troyes, miền đông nước Pháp, bố là bác sĩ, mẹ là giáo sư văn khoa, Jean Tirole ban đầu đi theo môn toán học. Tốt nghiệp trường Polytechnique (Bách khoa), ông chỉ bắt đầu nghiên cứu về kinh tế từ năm 21 tuổi. Không dừng lại với bằng cấp của Polytechnique, Jean Tirole đã ghi

đanh theo học trường kỹ sư Ponts et Chaussées (cầu đường), một trường lớn khác của Pháp. Sau đó, ông sang Hoa Kỳ lấy bằng tiến sĩ của học viện nổi tiếng thế giới MIT. Năm 1991 ông về giảng dạy tại Đại học Toulouse, mở Viện Nghiên cứu Kinh tế Công nghiệp. Tại đây, ông đã đặt viên đá đầu tiên cho "trường phái thuyết học kinh tế Toulouse". Từ năm 2008 tới nay, đây là lần đầu tiên giải Nobel Kinh Tế được trao tặng cho một người duy nhất. Và từ năm 1999 tới nay, các kinh tế gia người Mỹ mới vắng bóng trên bảng vàng.

Một số nhà quan sát coi việc giáo sư kinh tế Tirole đoạt giải Nobel năm nay là dấu hiệu đáng khích lệ, phản ánh sức mạnh của ngành nghiên cứu Pháp trong lĩnh vực này. Theo Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế IMF, trong số 25 kinh tế gia còn trẻ tuổi và đầy triển vọng của thế giới, có 7 là người Pháp.

Trần Việt Dung
(Tháng 10-11.2014)

Nghệ Thuật Hạnh Phúc trong thế giới phiền não

(Tiếp theo trang 11)

[1] Nghệ thuật tạo hạnh phúc (New York, Riverhead Books, 1998), quyển sách đã được Tỳ kheo Tâm Quang dịch, chùa Tam Bảo Fresno ấn hành, có đăng trong Thư Viện Hoa Sen.

[2] Một thành phố kỹ nghệ ở miền Nam Ba Lan, Đức Quốc xã đã dựng một trại tập trung ở đây trong Thế Chiến Thứ Hai, tên Ba Lan là Oświęcim.

[3] Ngũ nghịch tội: năm ngũ nghịch đại tội, tức là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu và chia rẽ Tăng

[4] Trong triết lý Phật Giáo, Phật tính liên hệ đến bản chất tự nhiên nền tảng căn bản, vi tế nhất của tâm. Thế trạng này của tâm hiện hữu trong mỗi chúng sinh, mỗi con người, hoàn toàn không bị nhiễm ô bởi những cảm xúc hay tư tưởng tiêu cực. Phật tính, đôi khi gọi là "Linh Quang nguyên sơ của tâm", là điều ban cho mỗi chúng sinh khả năng để giác ngộ.

[5] Và vụ diệt chủng của Campuchia Dân Chủ do tập đoàn Ponpot chủ trương từ 1975-1979.

[6] Phe phát xít Ý

[7] Liên minh quân sự Bắc Đại Tây Dương.

[8] Cục Điều tra Liên bang (Tên gốc: Federal Bureau of Investigation) (FBI) cơ quan trực thuộc Bộ Tư pháp Hoa Kỳ có nhiệm vụ thực hiện điều tra tội phạm ở cấp độ liên bang và tình báo nội địa. FBI có quyền hạn điều tra về các vi phạm trong hơn 200 danh mục về tội ác liên bang. Khẩu hiệu của Cục là "Trung thành, Quả cảm, Liêm chính".

Tuệ Uyên
(The Art of Happiness in a Troubled World)

CÁO PHÓ



Gia đình chúng tôi / chúng con vô cùng đau xót báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn bè thân hữu xa gần: Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi / chúng con là:

Bà Nguyễn thị Thức

Pháp Danh Thiện Trí

Sanh ngày 18.05.1932 Dương lịch

**Tạ thế ngày 17.10.2014 Dương lịch
(nhằm ngày 24.09 Giáp Ngọ Âm lịch)**

Thượng thọ 83 tuổi

Tang lễ đã cử hành vào ngày 24.10.2014
tại Bietigheim/Bissingen, CHLB Đức.

TANG GIA ĐỒNG KÍNH BÁI

- Hiền Phu: Thiện Duyên Bùi xuân Thao.
- Trưởng Nam: Bùi xuân Tiến, vợ Bùi-Spáth Anne-Kathrin và các con.
- Thứ Nam: Bùi xuân Lộc, vợ Trần thị Thanh Tuyền và các con.
- Trưởng Nữ: Bùi mộng Thu và các con.
- Thứ Nam: Bùi xuân Thảo, vợ Trần thị Mai và các con.
- Thứ Nữ: Bùi ngọc Lan, chồng Trần kim Hùng và các con.
- Thứ Nữ: Bùi kim Loan, chồng Trương Chí Tuấn và các con.

**CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIỆP TANG
XIN MIỄN PHÚNG ĐIẾU**

Mọi việc phúng điếu chúng tôi xin chuyển vào
trương mục cúng dường của chùa
VIÊN GIÁC- HANNOVER

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi / chúng con xin chân thành cảm tạ và tri ân đến:

- Phương Trưởng chùa Viên Giác Hòa Thượng Thích Như Điển.
- Đại Đức Thích Hạnh Hòa.
- Đại Đức Thích Hạnh Định.
- Đại Đức Thích Hạnh Bốn.
- Sư Bà Thích Nữ Như Viên Trụ Trì Niệm Phật Đường Tam Bảo Reutlingen.
- Đặc biệt là Ban Hộ Niệm và các Anh Em Đạo Hữu thuộc Niệm Phật Đường Tam Bảo Reutlingen.
- Chư Tăng Ni khóa thọ Bát Quan Trai tại Niệm Phật Đường Tam Bảo Reutlingen.
- Chi Hội PTVN vùng Stuttgart.
- Cùng toàn thể bà con, gia đình thông gia và thân hữu đã gọi điện thoại, gửi điện thư, gửi vòng hoa, đến thăm viếng, hộ niệm, hồi hướng và tiễn đưa linh cữu người thân yêu của chúng tôi / chúng con là:

Bà Nguyễn thị Thức

Pháp Danh Thiện Trí

**Tạ thế ngày 17.10.2014 Dương lịch
(nhằm ngày 24.09 Giáp Ngọ Âm lịch)**

Thượng thọ 83 tuổi

Đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều sơ xuất, kính mong Quý liệt vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ
Toàn thể gia đình đồng bái kính
Gia chủ: Thiện Duyên Bùi xuân Thao



CÁO PHÓ & CẢM TẠ



Gia đình chúng con/chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn bè thân hữu gần xa. Chồng và Cha của chúng con/chúng tôi là:

Peter Volk
Sinh ngày 23. 05. 1943
Mất ngày 10. 10. 2014
Tang lễ cử hành theo nghi lễ Phật Giáo.

Đồng thời gia đình chúng con/chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân :

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác - Hannover.
- Ni Sư Thích Nữ Minh Hiếu, Chùa Bảo Thành – Koblenz.
- Sư Cô Tuệ Đàm Nghiêm, Chùa Bảo Quang - Hamburg.

Cùng tất cả thân bằng quyến thuộc, bạn bè thân hữu xa gần đã đến tụng kinh cầu siêu, điện thoại chia buồn.

Trong lúc tang gia bối rối không sao tránh khỏi những điều sơ suất, kính mong chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý vị niệm tình lượng thứ.

Tang gia đồng báo tạ.
Nam Mô A Di Đà Phật.

Vợ : Nguyễn Thị Viễn Phương Volk
Trưởng Nam : Sebastian Volk

CÁO PHÓ & CẢM TẠ



Gia đình chúng con/chúng tôi đau buồn báo tin đến thân bằng quyến thuộc gần xa, các bạn hữu, Chồng, Cha, Ông chúng tôi là:

Ông TRẦN XÓ
Pháp danh: Thiện Minh
Sinh ngày 03.05.1943 tại Cần Thơ - Việt Nam
Đã mãn phần vào lúc 18 giờ 13 phút ngày 08.10.2014 (nhằm ngày 15 tháng 9 năm Giáp Ngọ) tại Helmstedt, Đức Quốc.
Hưởng thọ 71 tuổi.

Tang lễ được cử hành theo nghi thức Phật Giáo vào lúc 12 giờ 30 phút, ngày 18.10.2014 tại nhà tang lễ Lamontain, Helmstedt, Đức Quốc.

Gia đình chúng con/chúng tôi kính tri ân và cảm tạ:

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác,
- Đại Đức: Thích Hạnh Lý, Thích Hạnh Luận, Thích Hạnh Định, Thích Hạnh Bốn.
- Sư Cô Thích Nữ Hạnh Bình.
- Cô Thông Chân.

Cùng tất cả quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu gần xa đã thăm hỏi, điện thoại, cầu nguyện, cầu siêu và tiễn đưa Hương Linh của Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng con/chúng tôi sớm vãng sanh về miền Tây Phương Cực Lạc.

Trong lúc tang gia bối rối, gia đình chúng con/chúng tôi có điều gì sơ suất, kính mong Quý Vị hoan hỷ lượng thứ.

- Bà Quả Phụ Huỳnh Tú Dung
- Trưởng Nam: Trần Quang Hớn, vợ Trần Tú Đình,
- Thứ Nam: Trần Quang Tân, vợ Nguyễn Thụy Thanh Hằng và con Trần Vinh Đạt Leon,
- Thứ Nữ: Trần Lệ Thanh, chồng Trần Khánh Hưng và con Trần Helena.

PHÂN ƯU

Hay tin:

Cụ Ông TRẦN XÓ
Pháp danh: Thiện Minh
Sinh ngày 03.05.1943
tại Cần Thơ, Việt Nam.
Từ trần ngày 08.10.2014
tại Helmstedt, Đức Quốc.
Hưởng thọ 71 tuổi

là trưởng phu của bà Tú Dung và thân phụ của các cháu (em) Hớn, Tân, Lệ Thanh.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng tang quyến và xin cầu nguyện Hương linh Cụ Ông sớm siêu sanh về cõi Phật.

- Gđ. Phạm Muội (Đức)
- Gđ. Phạm Bính (Đức)
- Gđ. Phạm Tuyết Mụi (Đức)
- Gđ. Phạm Huệ Châu (Canada)
- Gđ. Phạm Huệ (Mỹ)
- Gđ. Phạm Ngọc Diệp (Đức).

PHÂN ƯU

Gia đình chúng con thành tâm chia buồn cùng với Mẹ Huỳnh Tú Dung và các em: Trần Quang Hớn, Trần Quang Tân, Trần Lệ Thanh, về sự ra đi quá đột ngột của Cậu:

TRẦN XÓ
Pháp danh Thiện Minh
Sanh ngày 03.05.1943
Mất ngày 08.10.2014

Chúng con nguyện cầu Hương Linh của Cậu được vãng sanh Cực Lạc Quốc.

- Gđ. Ngụy Nhật Thử tại Hannover

PHÂN ƯU



Vừa được tin Chú **TRIỆU XƯƠNG**

Đã mệnh chung ngày 18. 10. 2014 (Giáp Ngọ) tại Nữu Ước, Hoa Kỳ.

Thượng thọ 84 tuổi.

Gia đình chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng toàn thể tang quyến đồng thời nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ Hương Linh Chú sớm siêu thăng miền cực lạc.

Thành Kính Phân Ưu
Gia đình **TRẦN TUẤN – Pháp Quốc**

Thành Kính Phân Ưu

Được tin buồn

Giáo sư Vincent LAI THẾ HÙNG,

người Chiến Sĩ và Chiến Hữu kiên trì đấu tranh không mệt mỏi cho một **VIỆT NAM Tự Do; Dân Chủ; Nhân Quyền** và không cộng sản :
đã tạ thế vào ngày 10 tháng 10 năm 2014
tại Thành phố Strasbourg - Pháp quốc.

Hưởng thọ 72 tuổi.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc hương linh GS Vincent Lai Thế Hùng thành thoi về chốn vĩnh hằng.

Đồng kính phân ưu.

- Gđ Phạm Trương Long, Frankfurt
- Gđ Lưu Văn Nghĩa, Hanau
- Gđ Dương Trường Cửu, Frankfurt
- Gđ Hoàng Tôn Long, Frankfurt
- Gđ Tôn Quang Tuấn, Raunheim
- Gđ Tôn Quang Bình, Bad Kreuznach

Thành Kính Phân Ưu

**HỘI ĐỒNG LIÊN TÔN VIỆT NAM
tại ÂU CHÂU**

vừa nhận được tin buồn

Giáo sư LAI THẾ HÙNG

một chiến sĩ kiên cường, trọn đời tận tụy
tranh đấu cho Tự do, Dân chủ,
Nhân quyền cho Việt Nam,
đã ra đi ngày 10.10.2014
tại Strasbourg – Pháp quốc.

Hưởng thọ 72 tuổi.

VỚI LÒNG THƯƠNG TIẾC VÔ BIÊN,
chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến,
và nguyện cầu cho linh hồn
Giáo sư LAI THẾ HÙNG
được về cõi vĩnh hằng.

Phụ tá Tổng Thư Ký
Hội Đồng LTVN/ Âu Châu

Trần Đức Lai



Hộp Thư Viên Giác



Phương danh cúng dường

(Tính đến ngày 31.10.2014)

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp các nơi gửi đến.

* THƯ TÍN

- **Canada** : Dr. Thái Công Tụng, DVM Nguyễn Thượng Chánh, Trần Gia Phụng, Y Nga.

- **Đức**: HT Thích Như Điển, Đỗ Trường, Lý Văn Xuân, Dr. Tôn Thất Hứa, Phương Quỳnh, Thế Dũng, Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, Nguyên Hạnh, Nguyên Đạo Văn Công Tuấn, Lê Ngọc Châu, Nguyên Trí Phù Vân, Lương Nguyên Hiền, Phan Hưng Nhơn, Trần Đan Hà, Tích Cốc Ngô Văn Phát, Thi-Thị Hồng Ngọc, Quỳnh Hoa, Nguyễn Quý Đại, Hoa Lan Thiện Giới.

- **Hoa Kỳ**: Tỳ Kheo Thích Trí Như, Đặng Đức Bích, Tuệ Uyển, Trúc Lang OKL, Nam Lộc, Phan Xuân Sinh, Trần Trung Đạo, Trần Bình Nam, Trịnh Nguyên Phước, Tràm Cà Mau, Dieuam Phương Đoan, Ca sĩ Don Hồ, Liễu Pháp Tôn Thất Đào, Họa sĩ VIVI Vũ Hùng Kiệt.

- **Pháp**: Dr. Hoang Phong, An Tiêm Mai Lý Cang, Tiểu Tử Võ Hoài Nam.

- **Thụy Sĩ**: Trần Thị Nhật Hưng, Song Thư TTH, Lưu An Vũ Ngọc Ruần, Nguyễn Hoàng Bảo Việt.

- **Úc Đại Lợi**: TT. Thích Nguyên Tạng, Quảng Trục Trần Việt Dung, Nguyễn Quang Duy.

- **Ý Đại Lợi**: Huỳnh Ngọc Nga.

* KINH SÁCH & BÁO CHÍ

- **Đức**: Dân Chúa Âu Châu số 384. Die Heilsarmee in Deutschland, Buddhistische Monatsblätter Nr.3; Buddhismus Aktuell Nr.4/2014; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.10;

- **Hòa Lan**: Niềm Tin số 81.

- **Hoa Kỳ**: Vang vọng nguồn thương của HT Thích Tâm Châu. Đặc san kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên thế giới (1984-2014); Chan Magazine Autumm 2014; Nguyệt San Diễn Đàn Giáo Dân số 155 & 156 (tháng 10 & 11. 2014).

- **Pháp**: Nhịp Cầu số 207.

- **Thụy Sĩ**: Mục Vụ số 330 & 331.

- **Tiệp Khắc**: Buddhism and Culture Vol.2.

- **Úc Đại Lợi**: Kỳ yếu 20 năm thành lập Tu Viện Quảng Đức; Tập thơ „Hạt Cát Mịn” của Song Thu.



Trong thời gian gần đây, Chùa Viên Giác có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Chú Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày?... tháng?... để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Tu Viện Viên Đức cũng đã có số Konto (xin xem phía sau). Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

* **Tam Bảo**: Lý Trung Hà (Osnabrück) 10€. Diệu Mãn Mai Thị Kim Hoàn 20€. Đông Hạnh Bùi Thị Thu Dung 10€ Via Địa Tang Vương Bồ Tát. Manonche, Chloé & Jens Lorez 15€. Siebert 10€. Kalada Sasolith 5€. Kalada Sasolith Thị Phương Phạm 20€. Trần Thị Đăng 10€. Gđ. Ngô Thị Vũng 50€. Nguyễn Mạnh Cường 10€. Đồng Diệu 10€. Lê Thị La 20€. Trần Văn Hòa & Hoàng Mộng Hòa Bình 20€. Tạ Quang Thạch 20€. Mai Thị Hưng Nguyễn 20€. Lê Thị Dân 5€. Phạm Anh Dũng & Chế Hoàng Oanh 50€. Châu Thanh Hoa & Đặng Tuyết Lan 10€. Nguyễn Vĩnh Thành & Nguyễn Thị Thúy 20€. Gripienski Thanh Hiền, Nghiêm Xuân Chương Gripienski Hoàng Anh & Gripienski Xuân Hoàng 20€. Fam. Van Hoang Son, Văn Hoang Oanh Vivien & Nguyễn Thị Ngọc Tân 35€. Đông Hoa Nguyễn Thị Bích Liên 20€. Diệu Nguyệt Trần Thị Hằng Nga 10€. Mỹ Huệ Taufus Nobert 20€. Nguyễn Thị Lan Anh 20€. Diệu Thiện Đoàn Thị Mỹ Thanh 30€. Savalec Datachoti 10€. Savalec Flüge, Waltrand, Gocco & Daniel 30€. Trần Thị Hải 20€. Truyen 50€. Võ Trọng Pd Quang An 20€. Thiện Đức Huỳnh Lê Diệu Phước 50€. Đông Quang Bùi Quang Huy 20€. Khemporn Theissen 10€. Phạm Thị Kim Lạc 20€. Khánh Như Tín 50€. Kim Thêu Pd Diệu Bảo 100€. Christoph Stahl & Vangiong Ulei 200€. Hồng Dũng Trần Kim Lan 20€. Võ Hoàng Yên 200€. Nguyễn Hữu Quang 50€. Như Thiện Nguyễn Thị Minh Châu & Frau Bialy 70€. Nguyễn Tử Lê Hoài Phương 50€. Chin Đức Lan 50€. Phạm Thị Thêm 50€. Vũ Thị Thanh 30€. Đông Văn 30€. Lê Tiến Dũng 20€. Gđ. Hương Quế & Đức Đạt 20€. Ngô Thanh Thúy 20€. Võ Thị Giành Pd Không Thiện 20€. Nguyễn Hồng Thái 20€. Liên Hạnh & Diệu Hòa 20€. Trần Thị Kim Liên 20€. Nguyễn Lê Phan, Nguyễn Văn Dũng & Nguyễn Anh Thư 20€. Gđ. Đông Liên, Đông Tuệ, Đông Huệ & Đông Nhã 20€. Gđ. Hoàng Đình Nghiê & Vũ Huy Toàn 20€ HHHL Đặng Bé Hào. Vạn Thọ Nguyễn Thị Hai 20€. Thâm 20€. Hùng 20€. Cao Đức Minh 10€. Phạm Bảo Ngọc, Trần Thị Hải, Phạm Trà My & Phạm Hà My 10€. Việt Đức Domut 10€. Đặng Văn Lương 10€. Nguyễn Minh Phúc 10€. Đông Diệu 10€. Đỗ Thị Bích Liên 5€. Nguyễn Hào Uyên & Nguyễn Chí Hiền 5€. Bùi Tuấn Linh 5€. Nguyễn Thế Dũng 5€. Diệu Nhân 50€. Vạn Kim 10€. Thiện Chân & Huyền Tâm 40€. Thiện Thuận 10€. Liên Phước Nguyễn Thị Kim Xinh 50€. Tô Thị Hoa 20€. Diệu Thành 20€. Chi Hội Phật VNTN tại Bad Kreuznach 600€. Phạm Hùng Dũng 20€. Đồng Nghĩa Trần Trung 30€. Diệu Nhân Nguyễn Thị Hiền 50€. Đông Phẩm Trần Hùng Chiến và gia đình 100€. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe 500€. Châu To Chay 100€. Lưu Thị Khuyên (Faßberg) 20€. Nguyễn Thùy Linh (Langenhagen) 20€. Phùng Thị Diệu Liên (Halle/S) 10€. Phùng Diệu Lâm (Russland) 10€. Đặng Tú Quây & Phạm Thị Thâm (Laatzten) 10€. (Wolfsburg): Trịnh Hữu Minh, Hoàng Thị Kim Xuân, Nguyễn Hoàng Long & Nguyễn Hoàng Phong tức Dương 30€. Hoàng Thị Kim Thu 50€. Trịnh Hữu Minh, Hoàng Thị Kim Xuân, Nguyễn Hoàng Long, Nguyễn Hoàng Phong 30€. Hoàng Lan Nguyễn (Alfeld/Leine) 20€. (Hannover): Fam. Kaek Panyasotti & Kurt Jakobayk 10€. Phan Thị Vy 50€. Trần Minh Tuấn, Mã Lệ Tuyết, Benny Trần & Linda Trần 50€. Hoàng Minh Bình & Đông Nguyệt Phan Thị Vy 50€. Bùi Hoài Nam & Nguyễn Thị Phương 20€. Trần Thị Thu Hương 5€. Hoàng Minh Bình & Phan Thị Vy 50€. Trịnh Minh Quang (Dauchingen) 20€. Trương Hà Mỹ (Paderborn) 5€. (Schwerin): Nguyễn Thế Chung & Nguyễn Thị Quyết 10€. Gđ. Lê Bá Xảo 60€. Phạm Thị Kim Lạc 20€. Không Ngọc Đức 20€. (Berlin): Nguyễn Văn Bằng 50€. Ngô Thị Thịnh & Nguyễn Dũng Tiến 20€. Tâm Linh Nguyễn Thanh Thủy & Đông Tuệ Hàn Phố Định 100€. Lại Thị Yến Ly 100€. Nguyễn Thị Mùi 20€. Fam. Vũ Thị Nguyệt & Công (Gardschutz Nobitz) 50€. Nguyễn Văn Minh (GM.Hutte) 20€. Trần Khi (Rotenburg) 20€. (Augsburg): Phan Thị Đào & Dương Thị Trà Mi 30€. Vũ Thu Thủy 100€. Trần Thị Thanh Hà 30€. Quách Thị Cẩm Thu 20€. Trần Văn Lai (Mönchengladbach) 20€. Lê Thị Vân (Braunschweig) 10€. (Altenburg): Lê Thị Xuân 10€. Gđ. Quang & Hào 50€. Lâm Sư Vinh (Oggersheim) 10€. Trịnh Đức Thăng (Burgdorf) 5€. (München): Sơn & Vân 10€. Đình Thị Kim Hương 20€. Chử Phổ Báo 385€. Fam. Dương (Celle) 20€. Tang Phung (Krefeld) 15€. Phạm Thanh Hồng (Aachen/Würselen) 50€. (Magdeburg): Đông Phước Mai Thị Liên Nhâm 30€. Đông Vũ Nguyễn Thị Phương 50€. Hồ Trần Kim Phụng (Unterhaching) 20€. Tạ Quang Thạch (Pasewalk) 10€. Bùi Đức Thanh (Gammerfingen) 10€. Huỳnh Bá Cường (Neumarkt) 100€. Fam Dương Thị Quỳnh Hoa, Trần Hoàng & Trần Hoàng Yến (Bremerhaven) 100€. (Reutlingen): Gđ. Thiệu Tâm Hồ Thị Năm 100€. Gđ. Như Thủy Trương Thị Nguyệt Thanh 50€. NPĐ Tam Bảo 300€. Lưu Bích Ngọc (Việt Nam / Hà Nội) 10€. Nguyễn Thị Tuyết (Việt Nam / Nam Định) 10€. Lê Thị Bạch Mai (Aachen) 100€. Đặng Ban Mai (Rastede) 10€ Râm

Trung Thu. Quảng Thiên Hồ Quốc Cường (Österreich) 30€. (Schweiz): Gđ. Tô Nhơn Ích 50€. Thiên Thế 40€. Diệu Hòa Huỳnh Thị Thanh Hà & Hồ Tất Thăng (Lindenberg) 50€. Văn Thành Chung & Nguyễn Thị Hiền (Düs-Westen) 50€. Vương Khả Khanh (Rostock) 50€. Diệu Hoa Nguyễn Thị Hương (Binus) 50€. Nguyễn Thị Lê (Lüdenscheid) 30€. Hoàng Thị Thương (Landshut) 20€. (Dresden): Gđ. Hùng Tâm 20€. Phạm Tony Nhật Anh & Đồng Luân 50€. Đồng Kim Ngụy Minh Thủy (Hnanover) 20€. Mai Thị Hồng Nguyễn (Ludwigslust) 20€. Hồ Thị Hạnh (Uhingem) 20€. Hồ Thị Lộ (Deggingen) 20€. Gđ. Gripienski Thanh Hiền (Salzgitter) 10€. Fam. Nguyễn & Le (Peine) 10€. Fam. Phan & Doan (Lehrte) 10€. Nguyễn Minh Diệu (Steinhude) 10€. Huyền Ngô & Trinh Minh Khôi (Essen) 5€. Lâm Kiên (Stadthagen) 10€. Lê Anh Müller (Lebach) 50€. Thiên Liên (Neu-Ulm) 10€. Thiên Giới (Friedrichshafen) 50€. Nguyễn Hữu Thành (Tübingen) 30€. (Pforzheim): Thiên Nguyễn Thái Sến 20€. (Karlsruhe): Thiên Thọ 40€. Quảng Huệ 100€. Tịnh Trí 100€. (Regensburg): Vạn Trí 100€. Thiên Huệ Nguyễn Thị Khánh Lan 50€. Thiên Vũ Nguyễn Thị Kim Oanh (Nürnberg) 50€. Diệu Lộc (Erlangen) 100€. HHHL Nguyễn Việt Chiêu (Baden-Baden) 500€. Thiên Hào & Thiên Tâm (Koblenz) 150€. (Bad Kreuznach): Chơn Minh 10€. Mỹ Hy 10€. (Wiesbaden): Thiên Kim 50€. Thiên Đắc 30€. Nhứt Trọng (Mannheim) 50€. (Stuttgart): Chi Hội Phật Tử VNNT tại Stuttgart 1000€. Thiên Vỹ & Thiên Tuệ 100€. Ân danh 70€. Tâm Thủy & Tâm Tịnh Phổ (Ulm) 100€. Diệu Đông & Thiên Pháp (Heidenberg) 100€. Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 10€. Ngô Quang Sang 60€. Nguyễn Thị Ngọc Linh 10€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 100€. Diệu Ngô Nguyễn Thị Cúa (Marl) 25€. Lương Eddie (Minden) 70€. Thị Thủy Phương Weber (Frechen) 20€. Nguyễn Văn Kế (Furtwangen) 30€. Lý Trung Hà (Hà Anh) (Osnabrück) 15€. Gđ. Trần Thị Hải (Herne) 10€. (Laatzen): Thị Chánh Trương Tấn Lộc 10€. Thiên Giác Hồ Vĩnh Giang 30€. (Norderney): Vương Văn Mạnh, Vũ Thị Hải Hà & Vương Hà Ngọc 20€. Dương Anh Tuấn & Đinh Thị Hồng Đoàn 20€. Nguyễn Hiếu Nghĩa 20€. (Emden): Hồ Hùng & Nguyễn Thị Thanh Hương 20€. Hồ Hưng Restaurant Sawatdy 20€. Trần Huy Lâm (Beckingen) 30€. Lê Vũ Hoàng Nam 200€. Nguyễn Duy Đắc 200€ HHHL Nguyễn Gia Bảo Pd Đông Giác Khánh, Đặng Văn Lương 55€. Lê Văn Sơn & Lê Thị Kiều Hoa 100€. Leon Kaiser 20€. Phạm Thị Kim Lạc 20€. Nguyễn Tسانh 20€. Gđ. Trần Hải Văn & Phạm Công Diễm 20€. Lê Đức Khoa 50€. Vũ Thị Huệ 200€. Bùi Thị Thiệu 20€. Nghi Radakovic 10€. Diệu Thiên Mai Thị Huy Nguyễn 20€. Nguyễn Thị Thanh 20€. Diệu Thiên Đông Thị Mỹ Thanh 30€. Nguyễn Thị Trường 10€. Nguyễn Thị Thanh Hương 20€. Thiên Mẫn Phan Thị Thu Nguyệt 10€. HHHL Lê Thị Tươi 20€. Liên Hạnh, Đồng Nghĩa & Diệu Hòa 25€. Lê Thị Ngọc Hà 10€. Đỗ Anh Quân & Nguyễn Thị Anh 15€. Thiên Học 50€. Đỗ Quý Trọng & Nguyễn Thủy Dương 20€. Kim Loan Blumenhalt 20€. Nguyễn Thị Thanh Tân 20€. Huyền Sầm Lê Bá Xảo 200€ HHHL Nguyễn Thị Lan Pd Diệu Huệ. Vinh & Luân 20€. Fam. Ho 50€. Fam. Moll & das Baby 50€. Đồng Hoa Nguyễn Thị Bích Liên 10€. Kim Chi 50€. Nguyễn Thị Thu (Lehrte) 5€. (Bremen): Trần Châu Phi 100€. Fam. Krämer 5€. Đỗ Việt Hùng (Haltern am See) 20€. Gđ. Trịnh Đức Thông (Burgdorf) 5€. Nguyễn Thị Lập (Witten) 10€. (Nürtingen): Nguyễn Thị Hương & Hoàng Văn Đặng 50€. Nguyễn Đức Thuận & Lê Thủy Mai Hạnh 20€. Huệ & Herrmann (Essen) 40€. Jörg Meyer & Lê Thị Ngọc Hạnh Thủy (Hamburg) 20€. Nguyễn Thị Dung (Ahlen) 20€. (Berlin): Lê Kim Ngân 20€. Đinh Thanh Hương 100€. Trần Thị Hồng (Ludwigslust) 20€. Nguyễn Hoàng Lân (Alfeld) 20€. Mã của chi Hồng (Göttingen) 100€. (Hannover): Ngụy Nhật Thủy 30€ cầu an cầu Trần Xó. Trần Hoàng Việt 20€. Thị Chơn & Thiên Liên 100€. Nguyễn Văn Hiệp (Cottbus) 20€. Đoàn Văn Thao (Ch. Séc) 50€. Nguyễn Chí Cường (Elsfietth) 20€. Nguyễn Thị Ninh (Seelow) 5€. Fam. Satla (Wolfsburg) 10€. (Nürnberg): Hoàng Tuấn Duy 110€. Phúc Phái & Diệu Sáu 50€. Nguyễn Phước Hà Uyển (Hildesheim) 20€. Nguyễn Thị Mến (Việt Nam/Hà Nội) 5€. Rammstein Hương (Baunatal) 5€. Lương Minh Hương (Buxtehude) 10€. Phạm Thị Minh Luyến (Isernhagen) 10€. Trần Xuân Thành & Nguyễn Bích Liên (Potsdam) 50€. Trần Thị Ánh Tuyết & Lê Thành Ngọc (Herten) 20€. Đào Thị Tú Uyên (Garbsen) 50€. Lê Hoa Nguyễn Thị An Thái (Ingolstadt) 50€. Nguyễn Thị Thu Thủy (Ebersberg) 20€. Trương Thị Bích Nga Voigt (Waltershausen) 10€. Chung Thái An (Trier) 100€. Phạm Muội (Bad Iburg) 100€. Quý Phật Tử VN tại Münster (Münster) 400€. Châu Ngọc (USA) 156€. Chi Hội PTVN tại Aurich & GDPT Minh Hải (Aurich) 1.000€. Đồng Phước (Bielefeld) 50€. Thiên Hào Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 500€ HHHL PT Peter Volk. (Koblenz): Đồng Chiêu 10€. ĐH. Thái 50€. (Reutlingen): Đồng Bi 100€. Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen 600€. Hồ Thị Lộ (Ulm) 20€. Thiên Giới Quách Thị Phương (Friedrichshafen) 100€. Võ Thị Lợi 20€. Huỳnh Kim Thủy & Phạm Minh Tân 15€. Ly, Lang oder Kien 2.000€. Ly, Lang oder Kien 240€. Nguyễn Thị Kim Phụng (Bielefeld) 200€ HHHL Thân phụng Lương Ngọc Phách. Dr. Nguyễn Xuân Trang (Göttingen) 200€. (Koblenz): Mekong Super Markt 16€. Thanh Hoa Công Ty 95€. Dương Văn Phúc & Trần Thị Thu Thành (Stollberg) 60€ cầu an Dương Việt Hùng. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ân danh 1.959€. Thầy Hạnh Bôn 600€.

* **Bảo Viên Giác:** Lê Văn Hoanh (France) 30€. (Osnabrück): Nguyễn Văn Sự 20€. Nguyễn Thị Tố Nữ 20€. Anh Thy Tu (Mannheim) 25€. Bùi Việt Ái (England) 25€. Đỗ Thị Thu Dung (Saarbrücken) 20€. Hoàng Bá Nhứt (Stuttgart) 20€. Nguyễn Hữu Vui (Langen) 20€. (München): Lai Khánh Văn 30€. Diệu Thanh Trần Thị Thủy 200€. Nguyễn Thị Vân (Italia) 30€. Nguyễn Thanh Trúc (Schweiz) 16€. Ngô Kim Liên (Neumünster) 30€. Phan Thị Vy (Hannover) 10€. Lê Thị Vân (Braunschweig) 20€. (Pforzheim): Lê Bảo Đức 20€. Hồ Kim Sinh 25€. Phạm Kim Ngọc (USA) 50€. Vũ Nguyễn Việt Hương (Krefeld) 25€. Lâm Kiên (Stadthagen) 20€. Đặng Văn Đình (Kaarst) 15€. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20€. Trần Kim Loan (Bechhofen) 20€. Hà Văn Thành (Frankfurt) 50€. Lý Đoàn Thảo (Dortmund) 20€. Hà Anh Tùng (Aurich) 20€. Đồng Nghĩa Trần Trung 20€. (Australia): Diệu Yên Trương Hoà Hương 63€. Ý Ngọc Ngô Cẩm Hoa 32€. Diệu Hồng Quý Ngô Hoa 32€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Bạch Tuyết 126€. Mai Thị Hương 126€. - Tạ Thị Hương (Westerstede) 20€. Lê Văn Nghĩa (Sigmaringendorf) 30€. Đặng Văn Hậu 20€. Nguyễn Đình Chương & Nguyễn Thị Dung 20€. Huỳnh Văn Thập (Stuttgart) 50€. (France): Mouhamadou Ibrahim 60€. Trương Thanh Thủy 110€. Lương Eddie (Minden) 30€. Trần Ty (Münster) 20€. Lưu Ngon Thủy (Luu Kim Thoan) (Norway) 70€. Hoàng Hương (Viersen) 20€. Lê Thị Tú (Hamburg) 20€. Võ Hiếu Liêm (Maintal) 40€. Nguyễn Văn Kế (Furtwangen) 30€. (Bad Iburg): Lý Hương 30€. Phạm Muội 50€. Phan Kim Liên (Bremen) 20€. Âu Hà Thị Hồng (Lahr) 25€. Nguyễn Bá Lộc (Brohl-Lützing) 35€. (Beckingen): Trần Huy Lâm 55€. (France): Dân Thị Kim Tiên 30€. Nguyễn Kim Phụng 40€. (Düsseldorf): Vương Tấn Phong 20€. Nguyễn Thị Lê Hằng 20€. Đỗ Chiêu Cang (Herford) 20€. Nguyễn Công Khai (Landstuhl) 50€. Phạm Kim Mai (Memmingen) 30€. Trần Thiện Lành (Trần & Hồ) (Düßlingen) 20€. Trần Thị Thoa (Schorndorf) 20€. Đặng Giang Toàn (Ostfildern) 30€. Lưu Thị Đình (Mannheim) 40€. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 15€. Võ Ngô Mỹ Dung (Krefeld) 20€. Gđ. Huỳnh Tú Dung (Helmstedt) 100€. Châu Ngọc (USA) 234€. Thiên Hào Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 50€. Kral Nghĩa 20€. Lý Quốc Kinh 20€. Nguyễn Thị Thanh 20€. Trương Quốc Cường 20€. Phạm Thị Thuận 25€. Nguyễn Mau Dang Khoi 50€. Nguyễn Đức Mạnh 20€. Phạm Trường Long 50€. Huỳnh Kim Thủy & Phạm Minh Tân 20€. Phan Hồng Chí 50€. Dương Hạnh Nhơn 50€. Huỳnh Văn Mạnh (Belgique) 30€. Vương Ngô Anh (Freiburg) 10€. Nguyễn Văn Thanh (Braunschweig) 30€. Vũ Ngọc Huệ & Vũ Ngọc Yên (Filderstadt) 20€. Tôn Nữ Thị Gái & Lê Thọ Hằng (Reutlingen) 20€. Bùi Thanh Xuân (England) 50€. (France): Tran Jean Claude 100€. Phạm Thị Ngọc Diệp 30€. Phạm Thị Lan (Niederkassel) 20€.

* **ẤN TỔNG**

Lâm Kim Khánh (Mönchengladbach) 500€. Bensamin Dinter Recke 20€. Vạn Thủy Trần Ngọc Ánh (Österreich) 20€. (Pforzheim): Thiên Nguyễn Thái Sến 20€. Đồng Mẫn Phan Thị Cấn 20€. Nguyễn Thị Hiền 30€. Phạm Minh Đức 10€.

- **Kinh Pháp Hoa:** Đồng Vũ 50€.

- **Kinh Địa Tạng:** Đồng Liên Hồ Thị Ngoan 30€. Phan Thảo Vĩ 20€. Huệ Phúc Hồ Thị Hạnh 10€. (Deggingen): Huệ Bửu Hồ Thị Lộ 40€. Alfons Wagner 20€. HL Heinz Erich Kneile 20€. HL Hồ Thị Sợ 40€. Alfons Wagner 20€. HL Heinz Erich Kneile 20€. (Việt Nam): Nguyễn Tiến Thuận 40€. (Uhingem): Nguyễn Chí Hiền 10€. Huệ Phúc Hồ Thị Hạnh 10€. Minh Đạt Nguyễn Chí Hiền 10€. Huệ Hào Nguyễn Hữu Uyên 20€. Trương Thị Thủy Mai (Recdinghausen) 20€. (Marl): Trần Thị Tuyết 30€. Nguyễn Thị Hoa 20€. Nguyễn Thị Ngọc Tuyết 20€. Nguyễn Thị Thu Hà 20€. Diệu Ngô Nguyễn Thị Cúa 25€. Lê Nam 15€. Lê Tuấn 15€. Lê Dung 15€. Trần Văn Tám 25€. Diệu Tâm Nguyễn Thị Mộng 15€. Thiên Hào Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 100€ HHHL PT Peter Volk. Hoa Xuân Nguyễn Thị Hồng Cúc (Lichtenau) 30€. Ngọc Phúc Bùi Thị Thanh Xuân (France) 65€.

- **Kinh Thủy Sám:** Đồng Liên Hồ Thị Ngoan 12€. (Deggingen): Huệ Bửu Hồ Thị Lộ 24€. Hoa Xuân Nguyễn Thị Hồng Cúc (Lichtenau) 36€. Ngọc Phúc Bùi Thị Thanh Xuân (France) 78€. Dương Văn Phúc & Trần Thị Thu Thành (Stollberg) 90€ cầu an Dương Việt Hùng.

- **Hiện Tượng của Tử Sinh:** Đồng Liên Hồ Thị Ngoan 8€. Hoa Xuân Nguyễn Thị Hồng Cúc (Lichtenau) 24€. Ngọc Phúc Bùi Thị Thanh Xuân (France) 48€.

- **Tượng Thích Ca:** Thiên Giác Hồ Vĩnh Giang (Laatzen) 20€.

* **Tôn Tượng Quan Âm:** Lâm Kim Khánh (Mönchengladbach) 500€. Thị Chánh Trương Tấn Lộc (Laatzen) 100€. Thiên Lâm Phạm Văn Mộc (Langen) 50€. Đào Thị Tú Uyên (Garbsen) 100€ công viên Quan Âm. (CH Hannover): Thiên Thảo & Thiên Học 20€. Đồng Huệ & Đồng Thảo 10€. Thiên Thủy 10€. Đồng Huệ 10€. Gđ. Nguyễn Quế & Quảng Niệm 10€. Đồng Ngọc 10€. Quảng Phước 10€. Đồng Thanh 10€. Đồng Huệ & Đồng Viên 10€. Thiên Đát & Thiên Huệ 20€. Đồng Nhã & Đồng Độ 20€. Đồng Hạnh 10€. Đồng Nhi 10€. Đồng Thúc & Đồng Duyên 20€. Diệu Loan & Đồng Tánh 20€. Đồng Lâm & Đồng Thứ 20€. Thiên Hữu 20€. Đồng Thuận 10€. Đồng Vinh 10€. Chi Xuân 10€. Diệu Phẩm 10€. Diệu Phúc 10€. Diệu Cấn 10€. Đồng Viên 10€.

* **Tôn tượng hóa thân Quan Âm:** Nguyễn Việt Chiêu (Baden-Baden) 200€. Đồng Phước, Đồng Ngân & Đồng Hân (Magdeburg) 200€. Trần Thị Thẩm Pd Thanh Hòa (Laatzen) 200€. Tâm Linh Nguyễn Thanh Thủy & Đồng Tuệ Hàn Phổ Định (Berlin) 400€. Như Lạc Phan Thị Kim Anh (Norway) 200€. Diệu Thuận Nguyễn Thu Hằng (Canada) 200€. Thiên Chương Châu Đức Văn (Wiesbaden) 200€. Laatzen: Ngọc Văn Phát Pd Thị Tâm 200€. Phan Thị Nhị Pd Diệu Nhung 200€. Chi Hội Phật Tử VNNT Aurich 200€. Đạo Trí Huệ (Aurich) 200€. Phạm Thị Mai & Trương Minh (Hildesheim) 400€. Nguyễn Thị Hồng Hoa (Gđ. Trương & Nguyễn (Essen) 200€. SAAS - Phạm Thị Thu (Schweiz) 200€. Trần Minh Phú (Schweiz) 200€. Thiên Ý Lê Thị Tý & con Thiên Tử Nguyễn Quang Bi (Hannover) 200€. Hoàng Quân & Lê Thị Do 200€. Trần Thị Xuân & Lê Đình Hiệp 200€. Thiên Nhật Phạm Thị Thủy Nga & Thiên Bạch Phạm Thị Bích Ngọc 200€. Trí Hiền (Köln) 500€. Gđ. Đồng Liên & Đồng Thiện (Laatzen) 200€. Nguyễn Tử Hùng (Köln) 200€.

* **Sửa chùa:** Trần Đức Nghĩa (Hamburg) 790€. Ngô Kim Liên (Neumünster) 20€. Tạ Mạnh Toàn (Oldenburg) 50€. Bùi Hữu Thòa 30€. Tạ Thu Hiền 50€.

* **Đền Dược Sư:** Đỗ Thị Thu Dung (Saarbrücken) 30€.

* **Trai Tăng:** Hồng Dũng Trần Kim Lan 20€. Phan Thị Vy (Hannover) 30€. Thái Quang Minh 100€. Gđ. Trần Thị Hải (Herne) 10€. Ân danh 5€.

* **TỪ THIỆN**

-**Cô Nhi, Cùi, Mù, Dưỡng Lão:** Hồng Dũng Trần Kim Lan 20€. Phan Thị Vy (Hannover) 15€. Lê Thị Vân (Braunschweig) 10€. Phi Nam (Karlsruhe) 20€.

-**Nôi cháo tình thương:** Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 30€. Hồng Dũng Trần Kim Lan 20€. Nguyễn Thị Thu Thủy Phạm 80€.

-**Bảo lụt:** Lê Thị Ngọc Hân 30€.

-**Mổ mắt tìm lại ánh sáng:** Hồng Dũng Trần Kim Lan 20€. Phi Quang (Karlsruhe) 20€.

* **TTNC&TH VIEN GIAC (Heo Công đức):** Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Giglberger Thị Kim Hoa (Heo cũ.1582) 50€.

* **Học bổng Tăng Ni: -Việt Nam:** Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Đặng Giang Toàn (Ostfildern) 20€.

* **Hương Linh:** Nguyễn Thị Thu (Lehrte) 75€ HL Đào Quang Quyền.

* **Quảng Cáo:** ASIA Spezialitäten VAN (Hannover) 120€. Ngô Tố Phương (Rheinberg) 50€. Torsten Sturm (Ludwigsburg) 120€. MY ANH Hanisch Pfaff (Köln) 280€. Nguyễn Thị Thanh 35€. Nguyễn Thị Ngọc Diệp (Đông Nam Reisen) 530€. Ngô Văn Be 70€. Vo-Tran Thị Tuyet Mai 120€. Hồ Trâm & Vũ Thị Minh Hà (Hamburg) 100€.

* **ĐỊNH KỲ (Tháng 9/2014)** : Phan Ngọc Đức 5€. Phùng Văn Thanh 5€. Đặng Tú Bình 5€. Erren Patrick 5€. Lê Văn Anh 5€. Đặng Quốc Minh 5,11€. Trần Bạch Hùng 5,11€. Nguyệt Hà Nguyễn Xuân Mai 5,11€. Marc Herrmann 10€. Nguyễn Danh Thắng 10,23€. Nguyễn Quốc Định 10,23€. Nguyễn Văn Phương 10,23€. Nguyễn Hòa 15€. Hồ Thị Thu Hà 20€. Nguyễn Thị Kim Anh 20€. Sabine & Phan Trương Trần Vũ 20€. Phạm Công Hoàng 25,56€. Đỗ Văn Hoan 2€. Trần Thị Kim Lê 5€. Lâm Thị San 5,11€. Lê Văn Đức 5,11€. Nguyễn Thị Hồng Quyền 10€. Phan Tiến Dũng 10€. Trần Lăng Hào 10€. Uống Minh Trung 10€. Nguyễn Thị Liên Hương 10€. Nguyễn Thị Thu Nguyệt 10€. Văn Phụng 10€. Lê Chín & Thị Tâm 10,23€. Nguyễn Thị Tường Nhân 10,23€. Vũ Đình Đức 15€. Huỳnh K. 15€. Hồ Vĩnh Giang 20€. Nguyễn Thị Nam Dương 20€. Nguyễn Thị Ngọc Anh 20€. Hứa Thuận Hưng 20€. Phạm Đăng 25,56€. Lưu Phước Lai 30€. Nguyễn Thủy Hồng 30€. Trần Quang Minh 30€. Trần Mạnh Thắng 50€. Hồ Thị Nguyệt 15€. Hà Ngọc Kim 10€. Hoàng Thị Giông 20€. Hồ Thị Nguyệt 10€. Phan Đình Du 50€. Nguyễn Phan Hoàng Tùng 20€. Văn Hiếu Nguyễn Thị Bích Hợp 5€. Đặng Thanh Toàn 15€. Đặng Ngân Hà 20€. Hoàng Thị Tân 20€. Ngọc Hân Pd Đồng Ngọc 5€. Nguyễn Thị Nhung 5€. Lê Thị Kim Thủy 10€. Young Thị Thanh 10€. Nguyễn Văn Chín 10,23€. Trần Văn Khanh 10,23€. Ngô Thị Thắng 10,23€. Lê Huệ 15€. Lăng oder Kien Lý 15€. Nguyễn Đức Quốc Thọ 15€. Lê Thị Ngọc Hân 15€. Văn Lưu 15,34€. Thái Quang Minh 100€. Lê Thị Tuyết 20€. Trần Ngọc Hà & Nguyễn Xuân Mai 5,11€. Trần Bạch Hùng 5,11€. Hà Văn Tư 15€. Lê Minh Sang 20€. Nguyễn Thanh Phương 30€. Thái Văn Anh 20€. Lê Văn Dũng 20€. Lâm Vĩnh Phong 5,11€. Hứa Thiện Cao 10€. Võ

Văn Hùng 10,23€. Liêu Thái Hòa 10,23€. Tôn Thủy 20€. Wiriya Trần 20€. Trần Tân Tiếng 10,23€. Nguyễn Thị Thu 10,23€. Huỳnh Thiện Khiêm 15€. Trịnh-Trương Minh Hà 20,45€. Michael Le 5€. Nguyễn Thị Thu Hường 5€. Cao Minh Miên 5,11€. Nguyễn Thị Ngọc Thảo 15€. Nguyễn Thị Diệu Hạnh 15€. Nguyễn Thị Bích Lan (Lünen) 10€. (Hannover): Chöling 300€. Hugo Cardenas 16€. Trần Thanh Pháp 20€. Trần Văn Dân (Konstanz) 5,11€. (Wilhelmshaven): Nguyễn Thị Thu 10€. Đông Thanh & Đông Nhã 15€. Trương Chánh (Friesoythe) 15,34€. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 5€. (Hamburg): Nguyễn Ngọc Đường 5,11€. Phan Thị Lan 5€. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 10€. Thái Kim Sơn (Südbrookmerland) 40€. Nguyễn Bích Lan (Österreich) 20€. (Hildesheim): Phạm Văn Dũng & Đỗ Thị Cúc 6€. Phạm Thị Mai & Minh Trương 20€. Hue Wollenberg (Moers) 10€. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 25,56€. Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 5€. Đỗ Ngọc Oanh (Garbsen) 6€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 10€. (Seelze): Đỗ Thái Bằng 30€. Vũ Quang Tú 25€. Hồng Nghiệp Phan Quỳnh Trâm (Mannheim) 5€. Thủy Trần (Karlsbach) 50€. Võ Thị My (Wiesbaden) 10,23€. Trương Ngọc Liên (Weißbach) 50€.

*** ĐỊNH KỲ (Tháng 10/2014) :** Phùng Văn Thành 5€. Erren Patrick 5€. Đặng Tú Bình 5€. Phan Ngọc Đức 5€. Lê Văn Anh 5€. Đặng Quốc Minh 5€. Marc Herrmann 10€. Nguyễn Quốc Định 10,23€. Nguyễn Danh Thăng 10,23€. Nguyễn Hòa 15€. Sabine & Phan Trương Trần Vũ 20€. Phạm Công Hoàng 25,56€. Trần Thị Kim Lê 5€. Lâm Thị San 5,11€. Lê Văn Đức 5,11€. Trần Lăng Hĩa 10€. Nguyễn Thị Hồng Quỳnh 10€. Phan Tiến Dũng 10€. Văn Phụng 10€. Nguyễn Thị Thu Nguyệt 10€. Nguyễn Thị Liên Hương 10€. Lê Chín & Thị Tâm 10,23€. Nguyễn Thị Tường Nhân 10,23€. Vũ Đình Đức 15€. Huỳnh K. 15€. Nguyễn Thị Ngọc Anh 20€. Hứa Thuần Hưng 20€. Nguyễn Thị Thanh 55€. Hồ Thị Nguyệt 15€. Đinh Thị Hoi 10€. Văn Hiếu Nguyễn Thị Bích Hợp 5€. Hồ Thị Nguyệt 10€. Đặng Thanh Toàn 15€. Đặng Ngân Hà 20€. Nguyễn Ngọc Đường 5,11€. Lê Thị Kim Thủy 10€. Hoàng Thị Tân 20€. Thái Kim Sơn 40€. Nguyễn Thị Nhung 5€. Young Thị Thanh 10€. Nguyễn Văn Chín 10,23€. Trần Văn Khanh 10,23€. Ngô Thị Thắng 10,23€. Lê Huê 15€. Lê Thị Ngọc Hân 15€. Lang oder Kien Ly 15€. Nguyễn Đức Quốc Thọ 15€. Thái Quang Minh 100€. Lê Thị Tuyết 20€. Lê Minh Sang 20€. Nguyễn Thanh Phương 30€. Ngọc Hà Nguyễn Xuân Mai 5,11€. Trần Bạch Hùng 5,11€. Giảng Thái 100€. Hà Văn Tư 15€. Phạm Thị Mai & Minh Trương 20€. Thái Văn Anh 20€. Lê Văn Dung 25€. Lâm Vinh Phong 5,11€. Đỗ Ngọc Oanh 6€. Vương Khắc Vũ 10€. Hứa Thiện Cao 10€. Nguyễn Thị Ngọc Linh 10€. Võ Văn Hùng 10,23€. Liêu Thái Hòa 10,23€. Tôn Thủy 20€. Wiriya Trần 20€. Hồng Nghiệp Phan Quỳnh Trâm 5€. Thủy Trần 50€. Trần Tân Tiếng 10,23€. Hugo Cardenas 16€. Michael Le 5€. Nguyễn Thị Thu 10,23€. Huỳnh Thiện Khiêm 15€. Trịnh-Trương Minh Hà 20,45€. Nguyễn Thị Thu Hường 5€. Cao Minh Miên 5,11€. Nguyễn Thị Ngọc Thảo 15€. Nguyễn Thị Diệu Hạnh 15€. Nguyễn Thị Bích Lan (Lünen) 10€. Hồ Thị Thu Hà (Münster) 20€. (Hannover): Chöling 300€. Uông Minh Trung 10€. Hoàng Thị Giông 20€. Trần Thanh Pháp 20€. Đỗ Văn Hoàn (Cuxhaven) 2€. Trần Văn Dân (Konstanz) 5,11€. (Wilhelmshaven): Nguyễn Thị Thu 10€. Đông Thanh & Đông Nhã 15€. Hồ Vinh Giang (Laatzen) 20€. Nguyễn Thị Nam Dương (Ulm) 20€. Phạm Đăng (Kassel) 25,56€. Nguyễn Thúy Hồng (Göttingen) 30€. (Hildesheim): Trần Mạnh Thăng 50€. Phạm Văn Dũng & Đỗ Thị Cúc 6€. Trương Chánh (Friesoythe) 15,34€. Nguyễn Phan Hoàng Tùng (Berlin) 20€. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 5€. Maier Dieter Lam (Neu-Ulm) 20€. Phan Đình Du (Hochkenheim) 50€. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 10€. Văn Luc (Kleinriederfeld) 15,34€. Nguyễn Bích Lan (Österreich) 20€. Phan Thị Lan (Hamburg) 5€. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 10,23€. (Moers): Hue Wollenberg 10€. Hue Wollenberg 10€. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 25,56€. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 30,68€. Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 5€. (Seelze): Đỗ Thái Bằng 30€. Vũ Quang Tú 25€. Võ Thị My (Wiesbaden) 10,23€. Trương Ngọc Liên (Weißbach) 50€.

TU VIỆN VIÊN ĐỨC

*** Tam Bảo:** Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 30€ Lan (Lindau) 55€. Ong Lê Hiền 10€. Tuấn & Yến 50€. Đồng Định Huỳnh Thị Kiên (Stuttgart) 20€ HHHH Bùi Thị Trường. Ulli Graseberg (Friedrichshafen) 10€. Reiner Kruese & Pantip Nonkaeo 10€. Khuong Muoi & Khuong To Muoi 20€. Phan-La Hồng Vân 50€ HHHH chồng Phan Thành Đạt. Hà Weihenmaier (Schwäb.Gmünd) 10€. Trương Bích Thủy (Lindenberg) 15€. Trí Lục & Trí Đức (Köln) 20€. Lê Thị Kim Loan (Blaustein) 20€. Quang Vinh Chương (Geisingen) 20€. Ong Thu Hằng, Kim Vân & Lê Hiền 10€. Thiện Giới Quách Thị Phương 10€ HHHH Đàm Tuấn ở Áo. Gđ. Lâm Nguyễn (Lindenberg) 50€. Hang Di (Sigmaringen) 30€. Thiên 10€. Hồ Minh Châu (Friedrichshafen) 20€. Gđ. Hồ Như Huy & Lê Thị Vy (,) 50€. Văn Thị Huệ (Neu-Ravensburg) 10€. Ấn danh 20€.

*** Định kỳ:** Đồng Đài & các con 100€. Đồng Ngọc Đào Thúy Uyên 100€.

*
* *

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Đường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, cho đến cuối tháng 4 mỗi năm; chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào Konto như sau:

1. Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche e.V
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover – Germany
(Ngân hàng báo mỗi ngày)

2. Pagode Vien Giac
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE75 2507 0024 0870 3449 00
Deutsche Bank Hannover
(Ngân hàng báo mỗi tháng)

Ngoài ra Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg có số Konto như sau:

3. Kloster Vien Duc:
BIC: SOLADES1RVB
IBAN: DE53 6505 0110 0111 3020 68
Kreissparkasse Ravensburg

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Ngày..... tháng năm 201

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (SH)

Họ và tên :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Số tiền :

Giấy chứng nhận khai thuế : Có Không

Độc giả mới Độc giả cũ

Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ cũ dưới đây :

Chú ý : Khi chuyển tiền ủng hộ xin quý độc giả ghi rõ tên người nhận báo và Số hiệu độc giả (SH: ...) để chúng tôi dễ dàng điều chỉnh và đối chiếu với danh sách nhận báo.

Congr. d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche e.V. (C.V.B.D.)

BIC: DEUTDEDBHAN

IBAN: DE22 2507 0024 0870 1633 00

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

*** (Congr. d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche e.V.)**

Có thể viết gọn lại (C.V.B.D.)



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO
VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e. V.
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

Hòa Thượng Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Phù Vân Nguyễn Hòa

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Thị Tâm Ngô Văn Phát

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

HT.Thích Như Điển - Trần Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ Hùng
Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn
Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân - Trương Ngọc Thanh
- Lê Ngọc Châu - Quảng Trực Trần Việt Dung

Tùy Anh (Đức) - Hoang Phong (Pháp) - Người Giám Biên
(Đức) - Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Trần Thị Hương
Cau (Đức) - Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ) - Vì Vi Võ Hùng
Kiệt (Mỹ) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phan Hưng Nhơn (Đức) -
Sư Huỳnh Hà Đâu Đông (Đức) - Nhựt Trọng Trần Văn Minh
(Đức) - Nguyễn Hạnh HTD (Đức) - Hoa Lan (Đức) - TS.
Lâm Như Tạng (Úc) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Trần Thế Thi
(Đức) - Nguyễn Quý Đại (Đức) - Huỳnh Ngọc Nga (Ý) - Thi
Thị Hồng Ngọc (Đức) - Cư sĩ Liễu Pháp (Hoa Kỳ) - Dr. Tôn
Thất Hứa.

KỸ THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm VHXPVNTN tại CHLB Đức

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA (Mitwirkung von)

Hội Phật Tử VNTN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN

Trung Tâm VHXPVNTN tại CHLB Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30. Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage: <http://www.viengiac.de>

E-mail : info@viengiac.de

E-mail : baoviengiac@viengiac.de

E-mail : vongatuong@yahoo.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội nhằm toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

**Mọi sự ủng hộ tịnh tài xin
gửi qua trương mục:**

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Bic : DEUTDEBHAN

IBAN : DE22 2507 0024 0870 1633 00

Deutsche Bank Hannover

Mục Lục

Trang

- Chúc Mừng Năm Mới Ất Mùi	1
- Thư Tòa Soạn	2
• Tôn Giáo	
- Pháp sư Hui Shen và phái đoàn PG... (Thích Nguyên Tạng)	4
- Nghệ thuật hạnh phúc... (Dalai Lama - Tuệ Uyển dịch)	6
- Đức tin trong đạo Phật (Bs. Trịnh Nguyên Phước)	12
- Khái niệm về thể dạng trung gian... (Hoang Phong)	17
- Không có cái tôi, không phải tôi... (Nguyễn Thượng Chánh dịch)	22
- Quy Y Phật (Liễu Pháp)	23
- Sự tích 18 vị La Hán (Thích Trí Như)	24
- Chùa Vạn Hạnh tại Nante - Pháp (HT. Thích Như Điển)	26
• Chủ đề Xuân Ất Mùi	
- Năm Mùi nói chuyện Dê (Tích Cốc Ngô Văn Phát)	29
- Biểu tượng Dê của Thần Rượu (Quỳnh Hoa)	32
- Dương Nhân (Trần Phong Lưu)	34
- Huệ mộng mơ, Huệ bày chữ (Hoa Lan - Thiện Giới)	36
- Giáo dục - Đạo đức - Xã hội Nhật Bản... (Lưu An Vũ Ngọc Ruẩn)	40
- Bên dòng sông tình sử (Thế Dũng)	48
- Chú Dê con ngôi cổ tự (Song Thư TTH)	55
- Liên Hoa sơn trang (Thi Thi Hồng Ngọc)	61
- Con Rồng cháu Tiên (tiếp theo - Huỳnh Ngọc Nga)	64
- Chuyện bất ngờ cuối năm - Kịch vui (Huỳnh Ngọc Nga)	65
- Cây roi kỳ diệu (An Tiêm Mai Lý Cang)	69
- Đi nhớ, ở thương (Nguyễn Hạnh HTD)	71
- Chút ân tình cũ (Trần Thị Nhật Hưng)	72
- Những ngày qua (Hồi ký - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu)	75
- Cuối cùng cũng tìm được Tự Do (Nam Lộc)	80
- Viết một chuyện tình (Tiểu Tử)	81
- Một vòng Maroc với 1001 đêm (Lương Nguyên Hiền)	84
- Vẫn còn trong hoài niệm (Phượng Quỳnh - Diệu Thiện)	88
- Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên - Mông (Đặng Đức Bích)	92
- Dân tộc Trung Hoa và con đường dân chủ (Nguyễn Cao Quỳnh)	96
- Những người phụ nữ mở nước (Trần Gia Phụng)	99
- Từ Nguyễn Văn Trỗi đến Nguyễn Văn Bé... (Trần Trung Đạo)	102
- Biển và con người (Dr.Thái Công Tụng)	105
- Tại sao dân Úc từ chối nền Cộng Hòa (Nguyễn Quang Duy)	115
- Nam Hàn (South Korea Phương Đoan - dieuam)	118
- Thảm cảnh của cả đất nước, cả một dân tộc (Ca sĩ Don Hồ)	119
- Văn Bút Quốc tế vẫn đòi CSVN... (Nguyễn Hoàng Bảo Việt)	120
- Biến cố Di Cư 1954 ...- 60 năm nhìn lại (Đỗ Như Quỳnh)	122
• Độc sách: - Thế Dũng từ "Hộ chiếu buồn" đến ĐTH (Đỗ Trường)	134
- Đọc "Hạt cát mịn" của Sông Thu (Trần Đan Hà)	138
• Giới thiệu sách (Phù Vân)	141
• Y Dược thường thức:	
- Cơn sốt Ebola, những điều cần biết (Trần Bình Nam)	143
- Ebola, phải chăng đây là cái giá... (DVM. Nguyễn Thượng Chánh)	145
- Chích ngừa chống cảm cúm, phản ứng thuốc (Dr.Tôn Thất Hứa)	151
- Rau Việt Nam: vừa bổ dưỡng, vừa trị bệnh (Phan Hưng Nhơn)	152
• Tin Phật Sự	156
• Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng (Đại Nguyên phụ trách)	159
• Tin Nước Đức (Lê Ngọc Châu phụ trách)	165
- 25 năm bức tường sụp... (Lê Ngọc Châu)	167
• Tin Việt Nam (Quảng Trực phụ trách)	170
• Tin cứu trợ TPB/VNCH (Trần Đan Hà)	173
• Tin Thế Giới (Trần Việt Dung phụ trách)	174
• Phân Ưu - Cáo Phó - Cảm Tạ - Thông Báo - Tìm bạn (xem trang 5, 63, 121, 140, 144, 150, 158, 164, 181, 182, 183)	
• Hội thư Viên Giác - Phương Danh Cúng Dường	184
• Thơ: - Chắp tay trong cõi vô thường (<i>Hoang Phong</i>) : tr.21; Hoài Xuân (<i>Nguyễn Song Anh</i>): tr.28; Đồi mắt mùa Xuân (<i>Nghiêu Minh</i>): tr.31; Không gian Thơ (<i>Tuệ Nga</i>): tr.60; Vô thường (<i>Vô Thiện Tánh</i>): tr.79; Khúc tự tình (<i>Nguyễn Phan Ngọc An</i>): tr.83; Hơi thở đêm khuya (<i>Trúc Lang OKC</i>): tr.91; Sưởi bàn tay, đốt lửa bập bùng (<i>Ý Nga</i>): tr.98; Lòng mẹ (<i>Nam Giao</i>): tr.101; Xuân khê khàng (<i>Ngọc Bút</i>): tr.137; Xuân ngàn dặm xa (<i>Thái Tú Hạp</i>): tr.139.	
• Hình bia: Tranh Ông Đồ Xuân của Họa sĩ VIVI / Hoa Kỳ	

• **Cáo lỗi:** Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý vẫn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý

• **Bảo Viên Giác**